

CONAN DOYLE

T H Á M T Ủ

Sherlock Holmes

TOÀN TẬP

①



NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

CONAN DOYLE

THĂM TỬ
Sherlock Holmes

TẬP 1

(Tái bản có sửa chữa)

Người dịch: Lê Khánh - Đỗ Tư Nghĩa - Vương Thảo
Ngô Văn Quý - Lê Nhân - Hoàng Cường
Phạm Quang Trung - Hải - Thọ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ TP HỒ CHÍ MINH

LỜI GIỚI THIỆU

Sherlock Holmes xuất hiện lần đầu năm 1887. Từ đó đến nay, những tác phẩm của Conan Doyle viết về nhân vật cơ phách này đã được dịch ra đến hơn 50 thứ tiếng và tái bản không biết đến bao nhiêu lần.

Sau Conan Doyle, một số tác giả truyện trinh thám nổi tiếng khác như Agatha Christie với thám tử Hercule Poirot; Dorothy Sayers với Bá tước Peter Winsey; Raymond Chandler với luật sư Philip Marloire v.v. cũng được nhiều người đọc và nhiều nước biết đến, nhưng không ai được hoan nghênh và yêu thích như Doyle với nhân vật *Sherlock Holmes* của ông.

Thật khó nói được đầy đủ tại sao những tác phẩm về *Sherlock Holmes* lại thành công đến vậy đối với nhiều dân tộc, nhiều nền văn hoá khác nhau, ở nhiều nơi khác nhau như thế. Có phải do tính cách dân dã, phổ cập của chúng không? Hay do sự thách thức trí tuệ đề ra cho người đọc trước những bài toán phức tạp của vụ án? Cũng có thể là do những đoạn kết rất có hậu, bao giờ cái thiện cũng thắng cái ác, cái chính nghĩa thắng cái hung tàn. Cũng có thể là do sự hồi hộp tạo

cho người đọc khi theo dõi những tình tiết đầy kịch tính của cuộc khám phá bí mật, theo đuổi, bắt giữ thủ phạm. Cũng có thể vì sự mê thích khi thấy một thám tử đại tài, chỉ nhờ trí thông minh sắc bén của mình mà phăng ra được những đầu dây mối nhợ của một câu chuyện tưởng như cực kỳ bí hiểm mà hoá ra lại quá là đơn giản, mà mình không nghĩ ra... Và cuối cùng, cũng có thể là do đã đem lại cho người đọc những phút thoả mái bình yên, thoát khỏi những chuyện lo lắng sầu muộn, những lo toan không dứt của cuộc sống đời thường...

Có lẽ người ta đọc Arthur Conan Doyle, đi theo Sherlock Holmes là vì tất cả những cái đó. Hay tóm lại trong một câu: Vì sự hấp dẫn kỳ lạ của nhân vật này. Và điều đó cắt nghĩa được sức sống mãnh liệt của nó: Vượt thời gian, vượt không gian.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NXB VĂN NGHỆ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chiếc nhẫn tình cờ

1. SHERLOCK HOLMES

Năm 1878, tôi tốt nghiệp tại trường đại học Luân Đôn, sau đó đến Netley dự khoá tu nghiệp dành cho các bác sĩ quân y. Học xong, tôi được bổ nhiệm về trung đoàn bộ binh Northumberland số 5, khi ấy đang đóng tại Ấn Độ. Tôi chưa kịp tới đơn vị của mình thì cuộc chiến tranh Afghanistan lần thứ hai bùng nổ. Đặt chân lên Bombay, tôi được biết đơn vị đang nằm sâu trên lãnh thổ địch. Tôi lần đường đi theo đơn vị và tới được Kandahar an toàn. Tại đây, tôi gặp trung đoàn của mình.

Tôi bị chuyển sang trung đoàn Berkshire và tham dự trận đánh Maiwand. Trong trận này, tôi bị thương ở vai, nếu không có người lính hầu xốc tôi lên ngựa và đưa về chiến tuyến, thì tôi đã rơi vào tay quân địch rồi.

Kiệt sức, tôi được đưa về bệnh viện hậu phương Peshawar. Tại đây, tôi bình phục dần, và lúc có thể ra sưởi nắng ngoài hiên, thì lại bị bệnh thương hàn. Trong hàng tháng trời, người ta ra sức cứu sống tôi; đến ngày khỏi bệnh, tôi gầy yếu đến nỗi Cục quân y phải đưa tôi về Anh ngay lập tức. Một tháng sau, tôi đặt chân lên bến cảng Portsmouth, chính phủ cho tôi nghỉ chín tháng để lấy lại sức.

Vì không có bà con ở Anh nên tôi được tự do như gió trời, với mười một si-linh sáu pen-ni một ngày. Trong tình cảnh đó,

tôi bị thu hút về Luân Đôn với một sức mạnh không cưỡng lại nổi. Ở đây, tôi sống ít lâu tại một khách sạn, nhưng chẳng bao lâu tôi thấy mình nên đi tìm một nhà trọ xuềnh xoàng và đỡ tốn kém hơn.

Đúng vào hôm tôi đi đến quyết định này, khi đang ở một quán rượu thì bỗng có người vỗ vai tôi. Ngoảnh lại, tôi nhận ra Tâm-pho, một thanh niên trước đây làm y tá dưới quyền tôi. Trước đây, tôi chưa bao giờ thật thân với Tâm-pho nhưng bây giờ tôi vờ vấp, chào đón anh ta ; và gặp tôi, Tâm-pho xem chừng cũng hoan hỉ lắm, tôi mời anh ta đi ăn trưa tại khách sạn. Chúng tôi gọi xe ngựa, và trong lúc chiếc xe chạy, Tâm-pho hỏi tôi :

- Đạo này ra sao? Trông anh gầy quá.

Tôi phác qua vài nét về những bước thăng trầm của mình. Chuyện vừa xong thì xe cũng tới quán ăn.

- Khốn khổ ! Thế anh tính sao bây giờ?

- Tôi định tìm một nơi ở tiện nghi với một cái giá phải chăng.

- Lạ thật ! Anh là người thứ hai trong ngày hôm nay ngộ với tôi cái ý ấy.

- Ai là người thứ nhất?

- Một anh chàng làm việc tại phòng thí nghiệm hoá học ở bệnh viện. Sáng nay, anh ta phàn nàn là không tìm được ai để ở chung hầu giảm được một nửa tiền thuê nhà.

- Tôi cũng vậy. Tôi nghĩ ở chung hay hơn ở một mình.

Tâm-pho cầm ly rượu, nhìn tôi với một vẻ khó hiểu :

- Anh chưa biết Sherlock Holmes. Có thể anh sẽ không thích anh ta.

- Anh ta có gì đáng chê trách?

-Ồ ! Anh ta có những ý kiến hơi kỳ quặc. Anh ta nghiên cứu say mê cuồng nhiệt một vài ngành khoa học. Còn ngoài ra, anh ta là một người lịch sự, đúng mực.

- Sinh viên y khoa?

- Không, tôi không hiểu anh ta định học cái gì ; rất giỏi về giải phẫu, về hoá học, nhưng chưa hề theo học một lớp học chính quy nào. Anh ta học theo lối cóc nhảy, song trong nhiều lãnh vực, anh ta đã thu thập được một số vốn hiểu biết rộng lớn đến nỗi các giáo sư phải kinh ngạc.

- Anh không hỏi anh ta định theo ngành nghề nào sao?

- Đó là một con người không dễ khơi chuyện, tuy rằng những khi cao hứng, anh ta cũng thích chuyện trò.

- Nếu phải ở chung với ai, tôi muốn đó là một người ham học và yên tĩnh. Hiện nay tôi chưa khoẻ nên rất sợ tiếng ồn. Tôi gặp bạn anh bằng cách nào?

- Anh ta hiện đang ở phòng thí nghiệm. Ăn xong, chúng ta sẽ đi đến đấy.

Trên đường đi, Tâm-pho cho tôi biết thêm một vài chi tiết nữa về Sherlock Holmes.

- Về Holmes, tôi không biết gì hơn ngoài những điều tôi hiểu qua các buổi gặp gỡ tại phòng thí nghiệm. Chính anh đã đề xuất ý kiến ở chung, may nhờ rủi chịu đấy nhé !

- Nếu không hợp, chúng tôi sẽ chia tay nhau. Nhưng, hình như có một lý do nào đó khiến anh muốn phải tay khỏi việc này. Tính tình người ấy khó chịu đến vậy ư?

- Không dễ diễn đạt được cái không thể diễn đạt nổi. Sherlock Holmes có tính tình gần như lạnh lùng, sắt đá. Anh ta rất có thể cho một người bạn uống thử một nhúm an-ca-lô-ít thực vật loại mới nhất, không phải vì độc ác mà chỉ vì muốn biết hiệu lực của chất độc ấy như thế nào. Công bằng mà nói, tôi tin rằng bản thân anh ta cũng có thể sẽ dùng thử một cách sốt sắng không kém.

- Thế thì rất tốt chứ sao?

- Đúng, nhưng việc lấy gậy đánh vào xác chết, thì phải nói là quái gở.

- Anh ta đánh xác chết?

- Phải, để xem người ta có thể gây ra những thương tích như thế nào trên cơ thể một người đã chết. Chính mắt tôi đã nhìn thấy anh ta làm như thế.

- Vậy mà hồi nãy anh nói Holmes không học ngành y?

- Không mà ! Mà thôi, ta đến nơi rồi, anh tự đánh giá nhân vật ấy.

Chúng tôi đi theo một lối hẹp, qua chiếc cửa phụ nhỏ, bước vào mé nhà của khu bệnh viện lớn... Gần cuối hành lang có một lối rẽ nhỏ, dẫn đến phòng thí nghiệm hoá học.

Đây là một gian phòng cao, các giá trên tường để đầy chai lọ. Đây đó có mấy cái bàn rộng và thấp, mặt bàn bề bộn những bình cổ cong, ống nghiệm, đèn hơi với ngọn lửa xanh lè. Trong phòng chỉ có mỗi một người đang cúi mũi xuống một chiếc bàn. Nghe tiếng chân chúng tôi, anh ta đảo mắt nhìn quanh rồi reo lên một tiếng và vội vã đứng lên.

- "Tôi tìm ra rồi ! Tôi tìm ra rồi !". Anh ta reo lên với Tâm-pho và hấp tấp đi về phía chúng tôi, tay cầm một ống nghiệm. "Tôi đã tìm ra một thuốc thử có đặc tính làm kết tủa huyết cầu tố mà không làm kết tủa bất kỳ chất nào khác".

Giá như anh ta có tìm thấy một mỏ vàng thì sự vui mừng cũng chỉ đến thế là cùng. Tâm-pho giới thiệu :

- Đây là bác sĩ Watson, đây là ông Sherlock Holmes.

Holmes thân mật bắt tay tôi với một sức mạnh mà tôi không nghĩ có thể có ở anh ta.

- Chào ông, ông ở Afghanistan về, phải không?

- Làm sao ông biết? - Tôi kinh ngạc hỏi lại.

- Có gì đâu. Cái điều quan trọng bây giờ là huyết cầu tố. Chắc ông hiểu được phát minh của tôi có tầm quan trọng như thế nào chứ?

- Một phát minh lý thú về mặt hoá học, nhưng về mặt thực tế....

- “Ông nói lạ ! Đây là phát minh có giá trị thực tiễn nhất từ bao nhiêu năm nay trong ngành pháp y. Ông không thấy là nó giúp ta xác định một cách không thể nhầm lẫn những vết máu à? Mời ông lại gần đây”. Trong lúc hào hứng, anh ta nắm lấy tay áo tôi, kéo lại chiếc bàn anh ta đang làm việc. “Ta lấy một ít máu tươi nhé”. Vừa nói anh ta vừa lấy kim đâm vào đầu ngón tay, nặn ra một giọt máu và lấy ống-hút hút. “Bây giờ, tôi hoà chút xiu máu này vào một lít nước. Ông thấy hỗn hợp ấy trông y như nước, tỷ lệ của máu trong đó không thể quá một phần triệu. Dẫu vậy, tôi hoàn toàn tin chắc ta sẽ có được phản ứng đặc trưng”.

Nói xong, Holmes thả vào trong bình một vài tinh thể trắng rồi rót thêm vài giọt chất lỏng trong suốt. Một phút sau, hỗn hợp trong bình chuyển thành màu gụ và một thứ bụi màu nâu nhạt kết tủa dưới đáy bình.

- Ha ! Ha ! Ông nói sao? - Holmes vỗ tay reo lên.

- Theo tôi, đây là một cách thử rất tinh tế.

- Tuyệt vời ! Cách thử cũ với chất gai-a-côn vừa thô kệch vừa không chắc. Cách tìm các tiểu thể máu trên kính hiển vi cũng vậy, với lại chỉ cần vết máu để lâu một vài giờ là phương thức đó không áp dụng được. Còn phương pháp này, thì lúc nào cũng hiệu nghiệm, dù với máu cũ hay máu tươi.

- Quã vậy, - Tôi lắm bầm.

- Những vụ án hình sự nhiều khi chỉ còn mắc ở khâu này mà thôi. Một kẻ bị nghi đã nhúng tay vào một vụ án mạng xảy ra trước đó có khi hàng tháng. Xem xét quần áo hắn, người ta phát hiện ra những vết màu nâu nhờ nhờ. Đây có phải là những vết máu không, hay là vết bùn, vết gỉ sắt, vết nhựa trái cây... Còn bây giờ đã có phản ứng hoá học này, việc xác định kia không còn khó khăn gì nữa.

Đôi mắt Holmes ngời lên trong khi nói, và tay phải đặt lên ngực trái, anh ta cúi gập người như để chào đáp lại những người ngưỡng mộ tưởng tượng của mình.

- Ông thật đáng được biểu dương. - Tôi phụ hoạ.

- Tôi có thể kể với ông đến hai chục vụ án đã qua mà phản ứng của tôi có thể đóng vai trò quyết định.

- Ông khác nào một quyển niên giám hình sự sống. Ông có thể ra một tờ báo được đấy, lấy tên là "*Những vụ án hình sự trong quá khứ*" - Tâm-pho cười nói.

- "Và đó sẽ là một tờ báo rất bổ ích". Holmes tiếp lời trong khi dán một miếng băng dính lên vết chàm vừa rời ở đầu ngón tay. Anh ta quay sang tôi giải thích : "Tôi phải cẩn thận như vậy vì tôi thao tác khá nhiều loại chất độc".

Tâm-pho ngồi xuống một chiếc ghế đầu ba chân, đẩy một chiếc khác về phía tôi, bàn vào việc :

- Ông bạn tôi đây đang tìm chỗ ở. Thấy ông phàn nàn là không kiếm được ai ở chung nên tôi thấy không có gì tốt hơn là để hai người tiếp xúc với nhau.

Holmes có vẻ bằng lòng, nói :

- Tôi tìm được mấy căn phòng ở phố Baker, rất thích hợp cho chúng ta. Tôi mong rằng ông không sợ mùi thuốc lá nặng.

- Tôi cũng hút một thứ thuốc rất nặng.

- Thế thì được rồi : Tôi quan tâm nhiều đến hoá học và đôi khi phải làm những thí nghiệm tại nhà. Điều đó có làm phiền ông không?

- Hoàn toàn không.

- Xem nào ! Tôi còn tật xấu nào nữa không? Đôi khi tôi lảm lì, mấy ngày liền không hé răng nói một lời nào. Những khi như vậy, cứ để mặc tôi, chẳng bao lâu tôi sẽ lại vui vẻ. Còn ông, ông có điều gì cần nói không?

- Tôi cũng có một vài cố tật nhỏ. Tôi không thích ồn ào. Tôi dậy vào những giờ rất khác thường, ngoài ra tôi rất lười nhác. Khi tôi khoẻ mạnh, tôi lại có một loạt những tính xấu nhỏ nhỏ khác. Hiện thời, đó là những nét chính.

- Trong chữ ồn ào có gộp cả tiếng đàn vĩ cầm không?

- Tiếng đàn của người chơi giỏi chỉ làm cho người nghe khoan khoái, chơi tồi thì...

- "Ồ, thế thì được rồi !" Holmes cười vui vẻ. "Như vậy là đã ổn thoả, nghĩa là nếu như ông ưng chỗ ở".

- Khi nào thì ta đi xem?

- Mười hai giờ trưa mai, mời ông đến đây, chúng ta cùng đi xem.

- Xin đúng hẹn, mười hai giờ trưa mai, - Tôi nói và bắt tay anh.

Chúng tôi để anh làm việc tiếp và trở về khách sạn. Tôi bỗng dừng lại, quay sang hỏi Tâm-pho :

- Nay, làm thế nào mà anh ta biết là tôi ở Afghanistan về nhỉ?

- Anh ta khác người là ở chỗ đó.

Tôi xoa hai tay vào nhau :

- Ồ, một điều bí mật à? Thú vị thật ! Tôi rất cảm ơn anh cho tôi có dịp tiếp xúc với anh ta. Như anh biết đấy, đối tượng trong công cuộc nghiên cứu của loài người chính là *con người*.

- Thế thì anh phải nghiên cứu anh ta đi thôi. Thôi xin tạm biệt nhé.

- Xin tạm biệt.

2. SUY ĐOÁN, MỘT MÔN KHOA HỌC

: Như đã hẹn, ngày hôm sau chúng tôi **cùng đến** thăm căn hộ ở số nhà 221 phố Baker. Căn hộ gồm hai phòng ngủ tiện nghi và một phòng làm việc rộng lớn, thoáng mát, đồ đạc bày biện vui mắt, ánh sáng bên ngoài rọi vào qua hai khung cửa sổ lớn. Căn hộ vừa ý chúng tôi lắm và giá cả cũng vừa túi tiền. Chúng tôi nhận ngay. Tối hôm ấy, tôi mang đồ đạc đến và

sáng hôm sau, Holmes cùng chuyên đến với nhiều hòm xiềng và va-li. Sau hai ngày đầu bận sắp xếp nơi ăn chốn ở cho thuận tiện, chúng tôi nhanh chóng quen dần với chỗ ở mới.

Holmes sống yên tĩnh với những nếp sinh hoạt đều đặn. Không mấy khi anh còn thức sau mười giờ tối và sáng nào khi tôi dậy, anh cũng đã ăn sáng và đi đâu rồi. Đôi khi anh ở lì cả ngày trong phòng thí nghiệm, khi khác thì ở trong các phòng phẫu tích, và thỉnh thoảng có những ngày anh đến những khu phố nhộn nhúa nhất trong thành phố. Nhưng thỉnh thoảng, anh nằm dài trên chiếc đi-văng trong phòng làm việc mấy ngày liền, suốt từ sáng đến tối không hé răng nói một lời nào và hầu như không có một cử động nào.

Sự quan tâm và tò mò ban đầu của tôi muốn biết mục đích các công việc của anh mỗi ngày mỗi thúc tôi hơn. Vóc người anh nhỉnh hơn một mét tám mươi, nhưng mảnh khảnh cho nên trông có vẻ cao hơn thế nhiều. Đôi mắt sắc sảo lạnh lợi, cùng với sống mũi thanh mảnh, hơi khoằm khiến cho nét mặt mang một vẻ nhanh nhẹn và quyết đoán. Cái cằm vuông chia ra phía trước tỏ ra đây là một con người kiên quyết.

Anh không theo học một lớp nào khả dĩ đem lại cho anh một bằng cấp trong bất kỳ một lĩnh vực khoa học nào đó. Tuy vậy, sự say mê nghiên cứu của anh trong một số lĩnh vực thật là đặc biệt ; và trong giới hạn nhất định, các hiểu biết của anh rộng lớn, đến nỗi những ý kiến của anh làm tôi rất đỗi kinh ngạc. Những người tự học theo lối cóc nhảy không mấy khi có những tri thức đặc biệt chính xác.

Mặt dốt nát của anh cũng đặc sắc không kém gì mặt thông thái của anh. Về nền văn hoá đương thời, triết học và chính trị, xem chừng Sherlock Holmes biết rất ít. Sự kinh ngạc của tôi lên đến tột đỉnh khi tôi phát hiện ra Holmes không biết nhiều về học thuyết Copernic và cấu tạo của hệ mặt trời.

- Anh ngạc nhiên à? Khi đã biết lý thuyết ấy rồi, tôi sẽ ra sức quên nó đi.

- Quên nó đi?

- Bộ óc con người ban đầu như một gian phòng trống rỗng, ta sẽ phải xếp vào đấy những đồ đạc ta thích. Kẻ ngu ngốc chõng chất vào trong đó đủ mọi thứ linh tinh đến nỗi các tri thức có thể giúp ích cho hắn bị đè bẹp dưới một đống tri thức khác, đến nỗi khi cần, hắn khó mà lôi ra sử dụng được. Trái lại, người thợ lành nghề chọn lọc hết sức cẩn thận những thứ xếp vào trong gian buồng ấy. Anh ta chỉ muốn chứa trong đó những dụng cụ có ích cho mình trong công việc ; cái nào cái nấy sắp đặt một cách thật ngăn nắp. Thật là sai lầm nếu cho rằng cái gian buồng nhỏ bé ấy có những bức tường co giãn và nó có thể phình ra vô cùng tận. Anh hãy tin rằng rồi sẽ đến lúc mà mỗi khi ta thu nhận được một hiểu biết mới ta sẽ quên mất cái kiến thức gì đó đã có trong óc. Vì vậy, chớ có thu nạp những khái niệm vô ích, chúng sẽ đẩy đi mất những điều có ích.

- Thế nhưng hệ mặt trời... - Tôi phản đối.

- "Nó can gì đến tôi?". Holmes cao giọng. "Nếu chúng ta xoay chung quanh mặt trăng thì công việc của tôi có gì khác đâu?".

Tôi đã toan hỏi anh công việc đó là cái gì vậy, nhưng đáng diệu anh bảo cho tôi biết câu hỏi ấy không được tiếp nhận. Tuy vậy, tôi suy nghĩ về buổi nói chuyện ngắn ngủi này và cố rút ra mấy điều suy đoán. Holmes nói với tôi rằng *anh không muốn thu nạp những hiểu biết không liên quan gì đến công việc của mình*. Vậy thì, tất cả những tri thức mà anh có đều có thể giúp ích cho anh. Tôi thậm liệt kê những lĩnh vực mà anh đã để lộ cho thấy anh thành thạo. Thậm chí, tôi lấy bút chì ghi những điều đó ra giấy. Liệt kê đã xong, tôi không khỏi mỉm cười. Bản nhận xét đó như sau :

Sherlock Holmes ; năng lực.

1. *Hiểu biết về văn học* : số không.
2. *Hiểu biết về triết học* : số không.
3. *Hiểu biết về thiên văn học* : số không.
4. *Hiểu biết về chính trị* : yếu.

5. *Hiểu biết về thực vật* : tôi. Am hiểu chất thuốc phiện và các loại chất độc nói chung. Hoàn toàn không biết gì về nghề làm vườn.

6. *Hiểu biết về địa chất* : có những hiểu biết thực tế, nhưng hạn chế. Thoạt nhìn nói được ngay các loại đất khác nhau.

7. *Hiểu biết về hoá học* : rất sâu sắc.

8. *Hiểu biết về giải phẫu* : chính xác nhưng không có hệ thống.

9. *Hiểu biết về sách báo hình sự* : hết sức rộng lớn.

10. *Chơi đàn vĩ cầm* : tốt.

11. *Bậc thầy về tài nghệ đánh gậy, quyền Anh, và đấu kiếm.*

12. *Vận dụng thành thạo luật pháp nước Anh...*

Ghi đến đây, thấy rối như tơ vò, tôi quẳng mảnh giấy vào lửa, nghĩ bụng :

“Chẳng hiểu con người này nhằm vào mục đích gì mà ra sức phát triển một số năng lực trên. Mình cũng không sao tìm thấy một nghề nào đòi hỏi tất cả những năng lực ấy. Thôi thì đành bỏ cuộc ngay thôi, cho khỏi mệt người”.

Trong tuần đầu, tôi đã tưởng Holmes không có mấy bạn bè. Nhưng chẳng bao lâu, tôi nhận ra anh quen biết rất rộng. Đầu tiên, một anh chàng người nhỏ bé, da tái, mặt choắt, mắt đen, đến ba bốn lần liền trong một tuần. Một hôm, có cô gái ăn mặc theo thời trang đến vào buổi sáng và ở chơi chừng một giờ. Ngay chiều hôm đó có thêm ông khách quần áo xuềnh xoàng, tóc hoa râm, dáng dấp như một người bán hàng rong.

Và tiếp theo đó là một phụ nữ cao tuổi, xống áo rất cầu thả. Một dịp khác có một ông chứng chạc, tóc bạc trắng hết cả. Rồi một người phu khuân vác ở nhà ga trong bộ đồng phục bằng vải nhung. Mỗi khi có khách đến, Holmes yêu cầu tôi để cho anh được sử dụng phòng khách. Lần nào anh cũng không quên xin lỗi tôi :

- Tôi phải dùng gian này làm phòng làm việc. Họ là khách hàng của tôi.

Đó là một cơ hội để hỏi thẳng công việc của anh ta là gì, nhưng tính tôi vốn dè dặt, nên lại thôi.

Hôm ấy, tôi dậy sớm hơn thường lệ và nhận thấy anh chưa ăn xong bữa sáng. Người phục vụ đã quen với thói dậy muộn của tôi nên bà ta chưa chuẩn bị cho tôi. Tôi rung chuông với một thái độ nóng nảy và bảo bà ta với giọng khá cộc cằn. Sau đó, tôi cầm lấy một tờ báo để giết thời giờ. Trên tờ báo có một bài được đánh dấu bằng bút chì.

Dưới dòng tit khá huênh hoang "Cuốn sách cuộc đời", tác giả bài báo khoe là có thể đi sâu vào những ý nghĩ thầm kín nhất của con người, căn cứ vào một vẻ mặt thoáng qua, một cử động của cơ bắp, một ánh mắt vụng trộm.

Bài báo viết :

Chỉ từ một giọt nước, người giỏi suy luận có thể suy ra khả năng của một đại dương hoặc một thác nước, tuy chưa bao giờ tận mắt nhìn thấy chúng. Như vậy, toàn bộ cuộc sống là một chuỗi mắt xích rộng lớn mà ta có thể biết bản chất của nó, nếu ta biết được một mắt xích. Như tất cả mọi khoa học khác, "suy đoán và phân tích" là một khoa học mà ta chỉ có thể làm chủ sau một quá trình nghiên cứu lâu dài, bền bỉ. Người mới đi vào lĩnh vực này nên bắt đầu bằng những vấn đề sơ đẳng : gặp bất kỳ ai, chỉ bằng vào sự quan sát, ta hãy cố tìm hiểu tiểu sử, nghề nghiệp của người ấy. Tuy có vẻ ấu trĩ, nhưng thực ra sự tập luyện này rèn giũa các khả năng quan sát của ta và nó dạy cho ta biết ta cần phải nhìn vào đâu

và phải tìm kiếm cái gì. Mông tay, những vết chai ở ngón trỏ và ngón cái, ống tay áo, đầu gối quàn, dáng đi, cách đứng đều là những thứ nói lên nghề nghiệp của một con người...".

Tôi quăng tờ báo xuống bàn, thốt lên :

- Nhảm nhí ! Tôi chưa thấy ai viết những nhit đến vậy.

- Anh nói về cái gì thế? - Holmes hỏi tôi.

- À, bài báo mà anh đã đánh dấu bên cạnh. Tôi không phủ nhận là bài báo có một lối viết khá, nhưng nó làm tôi khó chịu. Rõ ràng đây là một lý thuyết do một kẻ vô công rồi nghề nặn ra. Mong sao gặp hấn trên một toa xe điện ngầm hạng hai để bắt hấn nói ra nghề nghiệp của tất cả các hành khách trên xe. Tôi dám đánh cược với hấn một nghìn ăn một.

- Anh sẽ thua thôi. Bởi vì tôi là tác giả bài báo đó.

- Anh?

- Đúng, tôi. *Quan sát và suy đoán* là hai thứ mà tôi vốn ham thích. Những lý thuyết tôi nêu lên trong bài báo là hết sức thực tế, thực tế đến nỗi tôi lấy nó làm kế sinh nhai.

- Đó là nghề gì? - Tôi buột miệng hỏi.

- Tôi kể anh nghe nhé. Tôi có một nghề riêng mà có lẽ trên thế giới có độc mình tôi làm. Nghề của tôi là *thám tử cổ vãn*. Ở thủ đô Luân Đôn này có vô số thám tử công, thám tử tư. Khi các vị ấy gặp phải điều gì bí, họ đến gặp tôi và tôi tìm cách gợi cho họ đi đúng hướng. Các vụ phạm pháp thường có nhiều nét rất giống nhau, nếu ta thuộc lòng các chi tiết của một nghìn vụ thì rất dễ lần ra đầu mối của vụ thứ một nghìn lẻ một. Lê-tra là một thám tử khá. Mới đây ông ta đi nhằm hướng trong việc khám phá một vụ làm bạc giả, vì vậy ông ta phải đến đây.

- Còn những người khách khác thì sao?

- Họ hầu hết là người của các hãng trình thám tử. Họ mắc mưu ở điểm này hoặc điểm khác. Tôi nghe họ kể về công việc của họ, còn họ thì nghe các lời khuyên bảo của tôi và trả tiền công cho tôi.

- Phải chăng anh ngồi yên trong phòng mà vẫn có thể giải quyết được những rắc rối mà người khác không tài nào giải quyết nổi.

- Đúng thế. Tôi có rất nhiều kiến thức đặc biệt để áp dụng vào lĩnh vực này : những quy tắc suy đoán trình bày trong bài báo mà anh đã khinh thường, đối với tôi lại có một giá trị không sao lường hết trong thực hành. Ngay lần đầu gặp anh, tôi đã biết là anh vừa ở Afghanistan về.

- Chắc có ai bảo anh.

- Không đâu. Lúc ấy cả một loạt những suy nghĩ, xét đoán đã lướt nhanh qua óc tôi khiến tôi đi thẳng đến kết luận ấy. Tuy vậy, có tồn tại những chặng đường. Cách lập luận phối hợp của tôi như sau : *vị này thuộc giới bác sĩ, nhưng lại có dáng dấp một quân nhân, vậy thì chắc chắn là một bác sĩ quân y. Anh ta vừa mới ở vùng nhiệt đới về vì nước da rất sẫm nhưng không phải là nước da tự nhiên bởi da ở hai cổ tay rất trắng. Anh ta đã phải trải qua những ngày kham khổ, đau ốm, điều đó có thể thấy rõ trên nét mặt. Anh ta đã bị thương ở cánh tay vì cánh tay này cử động hơi gượng gạo. Một bác sĩ quân y người Anh, sống ở vùng nhiệt đới nào mà lại bị thương ở cánh tay và phải sống kham khổ, thiếu thốn? Tất nhiên là ở Afghanistan. Tất cả chuỗi suy nghĩ này diễn ra trong không đầy một giây đồng hồ.*

Tôi mỉm cười :

- Giải thích ra thì thấy rất đơn giản. Anh làm tôi nhớ đến nhân vật Dupin của Edgar Allen Poe. Tôi tưởng loại người đó chỉ tồn tại trong các tiểu thuyết chứ làm gì có ngoài cuộc đời.

Holmes đứng dậy, châm tẩu thuốc.

- Có lẽ anh tưởng so sánh tôi với Dupin là khen tôi chăng? Theo tôi, Dupin là một kẻ rất tầm thường. Ông ta khoe là có thể dò đoán được ý nghĩ của bạn bè sau một khắc đồng hồ im lặng, nói như thế, là quá khoa trương mà lại là kém cỏi. Ông ta có lẽ có đôi chút năng khiếu phân tích. Thế thôi.

- Anh đã đọc sách của Gaboriau chưa? Lecoq có phải là thám tử không?

Holmes có một cử chỉ mỉa mai và một giọng bực bội :

- Lecoq à? Ông ta giỏi về tay chân hơn đầu óc. Ông ta chỉ có mỗi một điều đáng khen là nghị lực. Cuốn sách ấy thực sự làm tôi phát ngán. Vấn đề đặt ra cho ông ta là xác định thủ phạm trong một đám tù nhân. Việc ấy, tôi sẽ giải quyết trong hai mươi bốn giờ, còn ông ta đã phải mất một tháng.

Tôi hơi khó chịu khi thấy hai nhân vật mà tôi khâm phục bị coi thường. Tôi lại bên cửa sổ nhìn xuống đường phố nhộn nhịp bên dưới, nghĩ bụng : "Ông bạn này có thể rất giỏi, nhưng đồng thời cũng rất tự mãn".

Holmes nói tiếp với giọng luyến tiếc :

- Đầu óc tôi bây giờ còn biết dùng làm gì nữa ! *Xưa nay chưa bao giờ có một vụ án nào dữ dội để tôi khám phá cả !* Cùng lắm là vài ba vụ gian lận vụng về với những động cơ lộ liễu đến nỗi ngay một nhân viên Sở cảnh sát cũng nhận ra ngay.

Sự huênh hoang của Holmes tiếp tục làm tôi khó chịu, tôi thấy tốt hơn hết là thay đổi câu chuyện. Trên hè đường bên kia có một gã cao lớn, ăn mặc xuềnh xoàng, tay cầm một phong bì lớn đang chăm chú xem số nhà cần tìm.

Tôi chỉ tay về phía người ấy, lên tiếng hỏi :

- Không biết người kia tìm nhà nào?

- Anh muốn nói *viên đội lính thủy đánh bộ* kia phải không? - Holmes hỏi tôi.

"Lại huênh hoang khoác lác rồi !" Tôi nghĩ bụng. Ý nghĩ ấy vừa mới lướt qua óc tôi thì nhân vật đó đã nhận ra số nhà chúng tôi, rảo bước qua đường. Chúng tôi nghe tiếng gõ cửa ầm ầm, rồi tiếng bước chân nặng nề lên thang gác.

Người ấy bước vào phòng chúng tôi, đưa phong bì cho anh.

- Có thư cho ông Sherlock Holmes.

Đây là một dịp để hạ bớt thói hợm hĩnh của Holmes. Lúc vừa rồi, khi đưa ra *những lời phỏng đoán liều kia*, chắc anh ta không nghĩ là tôi sẽ có cơ hội giáp mặt người này. Tôi hỏi, giọng nhẹ nhàng :

- Này anh, anh có thể cho biết anh làm nghề gì không?

- "Thưa phái, thưa ông", - Anh ta trả lời cộc cằn. "Bộ đồ đồng phục của tôi đang được đưa đi sửa".

- Trước đây anh làm nghề gì? - Tôi đưa mắt nhìn sang Holmes với vẻ chế giễu.

- Tôi ở *binh chủng lính thủy đánh bộ*, đóng lon *đội*. Ông có điều gì cần hỏi nữa không, thưa ông? Xin chào.

Anh ta dập hai gót giày vào với nhau, giơ tay chào chúng tôi rồi đi.

3. SỰ BÍ ẨN Ở LAURISTON

Thú thật tôi hết sức kinh ngạc trước bằng chứng này về giá trị thực hành của những lý thuyết mà Holmes đã nêu. Sự kính nể của tôi đối với tài phân tích của anh tăng vọt lên. Tuy vậy, trong óc tôi vẫn còn vương vấn một chút hoài nghi là tất cả câu chuyện này đã được xếp đặt từ trước để loè tôi. Nhưng loè để làm gì? Quay lại nhìn Holmes, tôi thấy anh đã đọc xong thư. Nét mặt dăm chiêu và đôi mắt xa vắng.

- Làm thế quái nào mà anh đoán được?

- Đoán cái gì? - Holmes hỏi giật giọng.

- Đoán là một viên *đội lính thủy đánh bộ*.

- Xin lỗi anh về những lời câu kính đó. Hoá ra, anh vẫn không thấy người đưa thư vốn là một viên đội lính thuỷ đánh bộ?

- Quả là không.

- Ngay ở bên này đường, tôi cũng đã nhìn thấy một hình mỏ neo to xăm trên mu bàn tay người ấy và bộ râu theo đúng quy định của lính thuỷ đánh bộ. Anh chàng có vẻ tự tin và thậm chí có dáng điệu chỉ huy? Một anh chàng nghiêm nghị, đạo mạo, hơi đứng tuổi, những chi tiết đó khiến cho tôi tin rằng anh đã đóng đến lon đội.

- Thật là tuyệt diệu ! - Tôi reo lên.

- "Có gì đâu". Tuy nói vậy, song cứ theo vẻ mặt anh, tôi tin rằng nỗi kinh ngạc và sự khâm phục của tôi rõ ràng làm anh vui thích. "Vừa này, tôi có nói là thời nay không còn những trọng án, nhưng có lẽ tôi lầm. Anh hãy xem đây".

Holmes đưa cho tôi bức thư vừa mới nhận.

- Gì thế này? Thật là khủng khiếp ! - Tôi thốt lên.

- Tôi thấy vụ này hơi khác thường đấy. Anh vui lòng đọc to lên, chúng ta cùng nghe nào.

Ông Sherlock Holmes thân mến !

Đêm qua có một vụ án ghê gớm tại nhà số 3 đường Lauriston đoạn kế cận đường Brixton. Một nhân viên cảnh sát thấy có ánh đèn ở ngôi nhà đó vào khoảng hai giờ sáng. Đây là một ngôi nhà bỏ hoang nên anh ta đoán là có chuyện gì không bình thường. Anh ta thấy cửa ra vào để ngỏ. Ở gian phòng trông ra mặt đường, anh ta thấy xác một người đàn ông ăn mặc lịch sự, trong túi có xấp danh thiếp đề tên "Enoch J. Drebber bang Ohio, USA". Không có cách nào xác định rõ nguyên nhân của cái chết. Trong gian phòng có nhiều vết máu, nhưng trên thi thể thì không có một thương tích nào. Chúng tôi không biết người này đã vào ngôi nhà ấy bằng cách nào và nói chung toàn bộ vụ án hãy còn là một điều bí ẩn. Nếu ông

có thể đến được hiện trường trước mười hai giờ trưa, ông sẽ gặp tôi ở đó. Toàn bộ hiện trường sẽ được giữ y nguyên cho đến khi ông đến. Sẽ rất hân hạnh cho tôi nếu được biết ý kiến của ông. Xin gửi ông lời chào thân thiết.

Tobias Gregson

- "Gréch-sơn là tay sừng sỏ nhất ở Sở cảnh sát", Holmes nhận xét. "Hắn và Lê-tra được coi là những phần tử ưu tú của một đám không ra gì. Cả hai đều năng nổ, hăng hái, nhưng rất khôn sáo. Và ghen tị nhau như một cặp gái lâu xanh".

Tôi ngạc nhiên thấy Holmes giữ vẻ bình thản, lại có vẻ gần như giấu cợt. Tôi hỏi hã :

- Ta không được để lỡ phút nào, phải không anh? Tôi đi gọi xe nhé.

- Chưa chắc tôi đã đi.

- Nhưng đây chính là cơ hội mà anh đã mong mỏi từ lâu cơ mà?

- Giả thử tôi gỡ được vụ này, thì bao nhiêu công lao đều vào tay Gréch-sơn, Lê-tra hết cả. Không phải là người của nhà nước thì phải chịu thiệt thòi như vậy đấy.

- Nhưng Gréch-sơn yêu cầu anh giúp đỡ cơ mà.

- Phải, hã biết tôi giỏi hơn hã và thừa nhận điều đó với tôi. Nhưng trước mặt người thứ ba, hã thà tự cắt lưỡi đi còn hơn phải công nhận là mình thua kém. Dẫu vậy, chúng ta cũng nên đến đó xem sao. Nào, ta đi đi !

Holmes xô tay vào chiếc áo khoác ngoài, nhanh nhẹn chuẩn bị.

- Anh cầm lấy mũ đi.

- Anh muốn tôi cùng đi à?

- Phải.

Một lúc sau, hai chúng tôi đã ngồi trong một chiếc xe ngựa chạy nước đại về phía đường Brixton.

Buổi sáng hôm ấy trời đầy mây và sương mù dày đặc. Một tấm màn tối sầm bao phủ lên các mái nhà và dường như phản chiếu các dây phố xám xịt một màu bùn. Holmes rất vui vẻ, chuyện trò luôn miệng về những chiếc đàn vĩ cầm. Còn tôi cứ nín thinh vì thời tiết ảm đạm và vì sự việc bi thảm vừa xảy ra. Sau cùng tôi phải cắt ngang bài thuyết trình về âm nhạc của anh :

- Xem chừng anh không để tâm lắm đến cuộc điều tra sắp tới.

- Đã có đủ kiện gì đâu. Một sai lầm cơ bản là cứ đặt trước các giả thiết trong khi chưa có trong tay các sự việc thực tế. Làm như vậy khiến cho nhận định của ta dễ bị chệch lệch.

- Anh sẽ có ngay các dữ kiện, vì đường Brixton đây rồi và ngôi nhà kia kia !

- Đúng rồi ! Dừng lại, bác xà ích.

Còn một trăm mét nữa mới đến hiện trường nhưng Holmes cứ đòi xuống xe để đi bộ.

Ngôi nhà số 3 đường Lauriston có một vẻ sầm uất ghê rợn. Đó là ngôi nhà thứ ba trong một dãy bốn nhà nằm thụt vào trong một tí. Hai ngôi nhà có người ở, hai ngôi kia bỏ hoang. Hai nhà bỏ hoang này bày ra hai dãy cửa sổ buồn bã và trần trụi, chỉ trừ thỉnh thoảng đây đó có hai chữ "Cho thuê" để chầy vại vệt sơn trên các ô cửa kính lem luốc. Từ hè đường vào đến nhà phải qua một mảnh vườn nhỏ mọc lưa thưa những cây con khẳng khiu, ốm yếu. Cắt ngang mảnh vườn là một lối đi hẹp, rải sỏi đá trộn lẫn đất sét màu vàng ệch. Tất cả khu vực này đều sũng nước vì trời mưa suốt đêm. Bao quanh mảnh vườn là bức tường gạch cao khoảng một mét, bên trên lại có hàng rào gỗ. Đứng tựa lưng vào bức tường này là một viên cảnh sát cao lớn, xung quanh có đám người rảnh việc đang cố nghe mắt vào trong nhà.

Tôi tưởng Holmes sẽ xông thẳng vào nhà và lao ngay vào việc. Nhưng không ! Với một vẻ uể oải giả tạo, anh đi đi lại

lại trên hè đường, lơ đãng nhìn đất, nhìn trời, nhìn các ngôi nhà bên kia đường và hàng rào gỗ. Xem xét xong, anh bước trên lớp cỏ mọc ven lối đi, luôn luôn dấn mặt xuống đất. Hai lần anh dừng lại và có một lần tôi thấy anh thoáng nở một nụ cười và khê reo lên một tiếng vui mừng. Có nhiều vết chân trên nền đất sét ướt, nhưng vì cảnh sát đã dẫm nát lối đi này rồi, tôi không hiểu bạn tôi có thể hy vọng rút ra ở đây được điều gì.

Ở cửa nhà, chúng tôi được một gã cao lớn đón tiếp. Mặt tái mét, tóc rời bù, tay cầm một quyển sổ, anh ta vội vã tiến về phía chúng tôi, nồng nhiệt siết chặt tay Holmes :

- Ông đến, thật tốt quá. Tôi chưa đựng chạm đến gì hết.

- "Trừ chỗ này". Holmes đáp, tay chỉ lối đi. "Một đàn trâu bò giá có xéo qua đây cũng không thể phá hoại nhiều hơn. Nhưng có lẽ ông đã rút ra xong những kết luận của mình rồi mới cho phép xảy ra tình trạng này, có phải không, ông Gréch-sơn?"

Nhà thám tử nói lảng :

- Tôi quá bận ở bên trong. Ông Lê-tra cũng có mặt tại đây. Tôi tưởng ông ta phải để mắt đến chuyện này.

Holmes nhìn tôi, tròn tròn mắt, giọng châm chọc :

- Đã có mặt ông và ông Lê-tra rồi, chẳng còn gì cho người thứ ba khám phá nữa.

Gréch-sơn xoa hai tay với nhau, vẻ hài lòng :

- Chúng tôi đã làm tất cả những gì có thể làm. Dầu sao, đây là một vụ kỳ quặc và tôi biết ông vốn thích những vụ như thế.

- Ông đến đây bằng xe ngựa?

- Không.

- Cả ông Lê-tra cũng không chứ?

- Phải.

- Thế thì chúng ta vào trong xem gian phòng đi.

Sau ý kiến không ăn nhập gì với câu nói vừa rồi, Holmes vào trong nhà. Gréch-sơn bước theo, về mặt ngõ ngác.

Một hành lang nhỏ, bụi bặm dẫn đến nhà bếp và phòng ăn. Có hai ô cửa, một ở về phía bên trái và một ở về phía bên phải hành lang. Rõ ràng một trong hai cửa này đã bị đóng kín từ nhiều tuần nay. Cửa kia là cửa mở vào phòng ăn, nơi đã diễn ra tấn thảm kịch đầy bí ẩn. Holmes bước vào. Tôi theo ngay.

Đây là một gian phòng rộng, hình vuông, không có thứ đồ đạc nào nên càng có vẻ rộng. Tường phủ bằng một loại giấy rẻ tiền, có nhiều chỗ ẩm ướt loang lổ và vài ba chỗ giấy bị bong ra, thông xuống, để lộ lớp vữa vàng khè bên trong. Đối diện với cửa ra vào là một lò sưởi, mặt lò làm bằng tấm đá giả cẩm thạch trắng. Ở một mép mặt lò sưởi có cắm màu nền bằng sáp đỏ. Chiếc cửa sổ duy nhất của gian phòng lem luốc đến nỗi ánh sáng mờ đục bên ngoài rọi qua nhuộm lên khắp gian phòng một màu xám nhờ nhờ thê lương.

Người chết nằm sóng soài trên sàn, hai con mắt trợn trừng nhìn lên trần nhà. Nạn nhân khoảng bốn mươi ba hay bốn mươi tư tuổi, người tầm thước, vai rộng, tóc quăn và đen, râu rậm xén ngắn. Mặc một chiếc áo đuôi tôm dày nặng, bên trong là chiếc áo gi-lê bằng dạ tốt, quần dài màu sáng, cổ áo và cửa tay áo trắng tinh. Một chiếc mũ đứng, sang trọng và rất sạch nằm ngay trên sàn nhà, cạnh nạn nhân. Hai bàn tay nắm chặt, cánh tay dang rộng, chân quắp vào nhau cho thấy cuộc vật lộn với tử thần đã diễn ra hết sức khốc liệt. Trên nét mặt cứng đờ còn in một nỗi kinh hoàng. Nét mặt nhăn nhúm thành một vẻ độc ác ghê sợ đó, cộng với cái trán ngắn, cái mũi tẹt di, hàm răng nhô ra, cùng với tư thế kỳ quái, càng làm cho người chết có một vẻ rất giống loài khỉ. Tôi đã từng thấy cái chết dưới nhiều hình dạng, nhưng chưa bao giờ thấy nó dưới dạng thảm khốc đến như vậy.

Lê-tra, vóc người gầy gò, mặt choắt, đứng ở cửa chào chúng tôi :

- Vụ này sẽ ồn ào đây. Nó vượt tất cả những vụ tôi đã được chứng kiến.

- Không có một vết tích nào. - Gréch-sơn nói.

- Không có mảy may, - Lê-tra xác nhận.

Holmes đến cạnh xác nạn nhân, quỳ gối xuống và xem xét rất cẩn thận.

- Hai ông đã kiểm tra kỹ là không có thương tích gì chứ?

- Holmes chỉ những giọt máu và những vệt máu có rất nhiều xung quanh xác chết.

Cả hai thám tử của Sở mật thám Anh cùng kêu lên :

- Hoàn toàn chắc chắn.

- Thế thì tất nhiên máu này là của một kẻ thứ hai, chắc là của hung thủ, nếu như đây là một vụ ám sát.

Trong khi nói, những ngón tay nhanh nhẹn của anh chạy lăng quăng chỗ này chỗ kia khắp nơi, sờ nắn, lân mò, xem xét, còn con mắt vẫn đăm đăm cái vẻ xa vắng. Sau cùng, Holmes ngừng môi người chết rồi xem đế giày người ấy.

- Không ai xê dịch xác này chứ?

- Không.

- Bây giờ các ông có thể cho chuyển về nhà xác được rồi.

Gréch-sơn đã có sẵn một cái cang và bốn người giúp việc. Khi cái xác được xốc lên thì có một chiếc nhẫn rơi xuống sàn, Lê-tra chộp lấy chiếc nhẫn, ngắm nghía với con mắt kính ngác, reo lên:

- Đã có mặt một người đàn bà ở đây ! Một chiếc nhẫn cưới đây mà !

Vừa nói, ông ta vừa chìa chiếc nhẫn đặt trong lòng bàn tay ông ta ra cho chúng tôi xem. Không có gì nghi ngờ : chiếc vòng tròn nhỏ xíu mặc mạc bằng vàng này đã từng trang điểm cho ngón tay một cô dâu.

- Thế là càng thêm rắc rối. - Gréch-sơn đánh giá.

- Ông có dám chắc là chiếc nhẫn lại không giúp ta chút nào không? Ngoài ra, ông thấy có những gì trong các túi áo, túi quần nạn nhân? - Holmes nhận xét.

Grêch-sơn chỉ những đồ vật được bày ra trên những bậc thang dưới cùng ngoài cửa buồng :

- Tất cả ở đây. Một chiếc đồng hồ bằng vàng khắc số 97.163 ở cửa hàng Barraud, Luân Đôn. Một dây xà tích vàng, dây dạn và rất nặng, một chiếc nhẫn vàng có khắc biểu tượng của một hội kín. Một chiếc kẹp ca vát bằng vàng, chạm thành hình đầu chó, một cái ví đựng danh thiếp bằng da loại tốt, trong đựng những danh thiếp ghi tên Enoch J. Drebber ở thành phố Cleveland phù hợp với những chữ viết tắt E.J.D thêu trên quần áo. Không có ví tiền nhưng có mấy đồng tiền, cộng lại là bảy bảng Anh. Hai bức thư, một bức đề gửi cho E.J. Drebber và bức kia gửi cho một kẻ nào đó tên là Tăng-gơ.

- Gửi về địa chỉ nào?

- Gửi đến sở giao dịch chứng khoán Mỹ. Cả hai bức thư đều là của công ty vận chuyển tàu biển Guion và cùng nơi đến, ngày giờ khởi hành các chuyến tàu của họ, xuất phát từ Liverpool. Rõ ràng nạn nhân sắp sửa lên tàu đi New York.

- Các ông đã điều tra về một người mang tên là Tăng-gơ này chưa?

- "Điều tra ngay chứ?" Grêch-sơn đáp. "Tôi đã cho đăng lời nhắn tin trên tất cả các báo hàng ngày và cử người đến sở giao dịch chứng khoán Mỹ, nhưng chưa về".

- Các ông đã liên lạc với Cleveland chưa?

- Chúng tôi đã đánh điện sáng nay.

- Các ông đã đặt những câu hỏi như thế nào trong điện?

- Chúng tôi chỉ tường thuật tỉ mỉ án mạng và nói sẽ rất biết ơn nếu nhận được mọi tin tức có thể giúp chúng tôi làm sáng tỏ vụ này.

- Ông có hỏi tỉ mỉ về một điểm nào đó mà các ông coi là thiết yếu không?

- Tôi có nói đến Tăng-gơ.

- Ngoài ra không nói gì khác? Liệu có thể có một chi tiết nào đấy làm đầu mối cho toàn bộ vụ này không? Các ông có nên đánh điện lại không?

- Tôi đã điện đi tất cả những gì tôi cần hỏi rồi. - Gréch-son nói với vẻ bị xúc phạm. -

Holmes cười thầm và hình như định có một lời nhận xét thì Lê-tra từ gian phòng đằng trước quay lại, xoa hai tay với vẻ hài lòng, giọng khoa trương :

- Ông Gréch-son ạ, tôi vừa mới phát hiện một chi tiết hết sức hệ trọng. - Mặt Lê-tra sáng lên. Ông ta mừng rỡ ra mặt vì đã thắng đồng nghiệp của mình một điểm :

- "Mời các ông lại đây !" Lê-tra hồi hải trở lại gian phòng khi nãy. "Đây, các ông đến đứng ở chỗ này này".

Ông ta bật một que diêm và giơ lên cao sát mặt tường, giọng đắc thắng :

- Các ông nhìn đây !

Ở đúng mé tường này, một mảnh giấy dán tường lớn đã bị bong, rơi đi đâu mất, để lộ một khoảng tường trát vữa thô nhám, vàng ệch, hình vuông. Trên khoảng tường trần trụi, có ai đã nguệch ngoạc viết những chữ mang màu đỏ sẫm bằng máu khô : "*Rache*".

Nhà thám tử hồ hởi, nói tiếp :

- Chi tiết này đã bị bỏ sót vì đây là chỗ tối nhất trong phòng. Thủ phạm đã viết chữ này bằng chính máu mình. Ta hãy nhìn vết này, chỗ máu đã chảy dọc trên tường. Chi tiết này đã loại trừ khả năng đây là một vụ tự sát. Tại sao hắn viết tại nơi này. Tôi xin nói lý do. Các ông có thấy ngọn nến trên mặt lò sưởi không? Lúc bấy giờ, ngọn nến này được thấp sáng và chỗ này trở thành chỗ sáng nhất trên bức tường.

- Giờ đây, đã phát hiện thế rồi, ông thấy ý nghĩa nó ra sao? - Gréch-son vắn hỏi với vẻ khâm phục.

- Kẻ này đang định viết tên *Rachel*, nhưng không kịp viết cho trọn tên. Các ông hãy nhớ lấy lời tôi : khi vụ này được làm sáng tỏ, các ông sẽ thấy một người đàn bà tên là *Raehel* dính líu vào đây. Ông cứ tin đi, ông Holmes !

- "Tôi xin lỗi", Holmes nói với Lê-tra khi thấy tiếng cười của mình đã làm cho anh chàng bực tức. "Ông là người đầu tiên cho chúng ta thấy chi tiết này, và xem chừng kẻ viết chữ này là nhân vật thứ hai trong vụ án. Tôi chưa có dịp xem kỹ gian phòng, nhưng bây giờ, mạn phép các ông, tôi sẽ xem xét một lát".

Nói xong, anh rút trong túi ra một cây thước dây và một kính lúp, dò soát khắp căn phòng, lúc thì dừng lại hồi lâu, lúc quỳ hẳn gối xuống sàn; thậm chí có lúc nằm xoài, úp bụng xuống sàn. Anh bị thu hút vào công việc đến nỗi hình như quên hẳn chúng tôi, vì anh lâm bầm nhỏ nhỏ một mình, thỉnh thoảng lại khê reo lên, xuyt xoa, làu bàu hay huýt sáo miệng. Những hành động ấy có thể diễn đạt những hy vọng của anh, song cũng có thể coi là những lời anh tự khích lệ trong công việc của mình.

Trong hai mươi phút, anh mãi mê tìm tòi, dùng thước đo một cách tỉ mỉ khoảng cách giữa những dấu vết hoàn toàn vô hình đối với tôi. Đôi khi, anh lại úp cái thước dây vào tường. Ở một chỗ trên sàn nhà, anh hết sức thận trọng thu nhặt một nhúm nhỏ thứ bụi xám xám và cất vào phong bì. Sau cùng anh dùng kính lúp soi từng nét chữ của cái từ bí ẩn viết trên tường. Sau đó, anh có vẻ hài lòng, cất thước dây và kính lúp vào túi, đưa ra một nhận xét :

- Có người bảo rằng thiên tài là khả năng lao động hết sức kiên trì. Định nghĩa ấy không hoàn toàn chính xác, nhưng áp dụng vào công việc của người thám tử thì rất đúng.

Gréch-sơn và Lê-tra đã theo dõi mọi động tác của nhà thám tử từ với một vẻ tò mò. Họ cùng lên tiếng hỏi:

- Ông có ý kiến gì không, ông Holmes?

Bạn tôi đáp, giọng đầy châm chọc:

- Cho tôi được phép giúp các ông một tay có khác gì làm hoen mờ vinh quang của các ông trong vụ này. Các ông sẽ tự giải quyết nó một cách chóng vánh và trọn vẹn, để một kẻ thứ ba xen vào thật là đáng tiếc. Dầu vậy, tôi sẽ lấy làm hân hạnh được giúp đỡ các ông. Trong khi chờ đợi, tôi muốn gặp viên cảnh sát đã phát hiện ra xác nạn nhân. Các ông có thể cho tôi biết tên và địa chỉ người ấy được không?

Lê-tra nhìn vào quyển sổ tay :

- Răn-xơ. Hiện giờ, anh ta đã hết ca làm việc. Ông có thể lại nhà anh ta ở số 46 đường Audley, khu Kensington.

Holmes ghi địa chỉ và bảo tôi :

- "Bác sĩ Watson, ta đến gặp anh chàng ấy đi". Rồi quay sang các nhà thám tử của nhà nước : "Đây là một vụ ám sát, và thủ phạm là một người đàn ông... Một người đàn ông lực lưỡng, cao hơn một mét tám mươi, tuổi trung niên. So với tầm vóc thì chân hơi nhỏ. Hắn đi giày mũi vuông, hút xì gà Trichinopoli. Hắn đến đây cùng với nạn nhân trên một chiếc xe ngựa bốn bánh. Con ngựa kéo xe có ba móng sắt cũ và một móng sắt mới ở chân trái trước. Thủ phạm có bộ mặt đỏ gay, móng tay phải của hắn đặc biệt dài".

Hai thám tử nhà nước nhìn nhau với nụ cười hoài nghi. Gréch-sơn lên tiếng :

- Nếu vậy, nạn nhân bị giết bằng cách nào?

- "*Bằng thuốc độc*", Holmes trả lời vắn tắt rồi ra về, nhưng trước khi bước qua ngưỡng cửa, anh còn quay lại nói thêm : "Còn một chi tiết này nữa ; ông Lê-tra ạ. *Rache* trong tiếng Đức có nghĩa là *trả thù*, vậy ông đừng mất thời giờ tìm kiếm cô Rachel làm gì".

Sau ngón đòn nhẹ này, Holmes bỏ về, để lại đằng sau hai địch thủ há hốc mồm nhìn nhau.

4. LỜI KHAI CỦA JOHN RANCE

Lúc chúng tôi rời ngôi nhà số 3 đường Lauriston thì đã một giờ trưa. Holmes kéo tôi đến trạm bưu điện gần nhất, gửi đi một bức điện dài. Sau đó, anh gọi xe ngựa bảo đánh đến địa chỉ mà Lê-tra đã ghi cho.

- Không gì giá trị bằng những nhân chứng trực tiếp. Thực ra, vụ này đã được xác định rồi, nhưng hỏi để biết thêm vài chi tiết cũng không thừa.

- Có thực các chi tiết mà anh vừa nói là đúng không?

- Điều đầu tiên tôi nhận ra ngay khi đến hiện trường là một chiếc xe ngựa đã in bánh thành hai cái rãnh sâu cạnh bờ hè. Trước đêm hôm qua, trời không mưa một tuần. Vậy thì chiếc xe đã để lại vết bánh chỉ có thể đổ ở đây sau cơn mưa đêm qua. Tôi thấy cả các dấu chân một con ngựa. Một trong những vết chân này sắc nét hơn hẳn ba vết chân khác, điều đó chứng tỏ con ngựa có một chiếc móng mới đóng. Có một chiếc xe ngựa đã đến đây sau khi trời mưa và theo lời Gréch-son cho biết sáng nay không thấy nó đâu, ta suy ra chiếc xe của hắn đã đến rồi rồi đi trong đêm và do đó, nó chính là chiếc xe chở hai người kia đến ngôi nhà.

- Nghe ra khá đơn giản. Nhưng còn về tâm vóc của hung thủ?

- Có gì đâu ! Ta có thể căn cứ vào chiều dài của bước chân mà suy ra chiều cao của người. Tôi đã thấy vết chân của người thứ hai trên lớp đất sét ở ngoài nhà và trên lớp bụi trong gian phòng. Ngoài ra, tôi còn có một cách khác để kiểm tra cách tính của tôi. Khi viết trên tường, người ta thường viết ngang tầm mắt mình. Chữ viết kia, như tôi đo được, ở cách mặt đất đúng một mét tám mươi. Để như bốn, phải không bác sĩ?

- Thế còn tuổi hắn?

- Một người có thể dễ dàng phóng bước *một mét ba mươi phân* thì không thể là một người lúống tuổi. *Một mét hai mươi nhăm* là chiều dài của một vũng nước trên lối đi qua vườn (mà hần đã bước qua). Kẻ đi giày sang trọng cỡ nhỏ đã đi vòng qua vũng nước còn kẻ đi giày thô mũi vuông thì phóng bước ngang qua. Không có chút gì bí ẩn ở điểm này. Tôi chỉ áp dụng vào trong nếp sống hằng ngày một vài nguyên lý quan sát và suy đoán mà tôi đã nêu lên trong bài báo của tôi thôi. Còn có điều gì khác anh thấy khó hiểu nữa không?

- Móng tay và xì gà?

- Mấy chữ trên tường được viết bằng một ngón tay trở nhúng trong máu. Chiếc kính lúp đã giúp tôi nhận ra là khi viết, ngón tay người này đã cào mạnh lên lớp vữa trát tường, điều này chỉ có thể xảy ra nếu người này có móng tay dài. Tôi tìm thấy rải rác trên sàn một ít tro đen và xốp, chỉ có loại xì gà Trichinopoli mới cho một thứ tàn như vậy. Chính những điều vụn vặt như vậy làm cho nhà thám tử có tài khác với loại thám tử như Gréch-son và Lê-tra.

- Còn bộ mặt đỏ?

- Bộ mặt đỏ là một kết luận hơi táo bạo. Thôi không nên hỏi nhiều.

Tôi đưa tay xoa trán :

- Đầu tôi xoay như chong chóng. Càng nghĩ càng không biết đầu mà lẩn. Tại sao hai người ấy lại đến một ngôi nhà bỏ không? Người đánh xe chở họ đến hiện nay ra sao? Làm thế nào người này lại ép buộc được người kia uống thuốc độc? Máu ở đâu ra? Hung thủ giết người để làm gì? Tại sao lại có một chiếc nhẫn phụ nữ? Tại sao hung thủ viết chữ "Rache" trước khi bỏ chạy?

Bạn tôi nở một nụ cười đồng tình :

- Anh đã tóm tắt ngắn gọn và chính xác những điều nan giải của vụ này. Hãy còn khá nhiều khía cạnh khó hiểu khác nữa. Còn về phát hiện của anh chàng Lê-tra kia? Chữ này

không phải do một người Đức viết. Nếu anh chú ý, anh sẽ thấy chữ A được viết hơi theo kiểu viết của người Đức. Thế nhưng, người Đức chính cống bao giờ cũng viết theo dạng chữ La-tinh, vì vậy ta có thể khẳng định rằng những chữ này không phải do một người Đức viết mà là một kẻ muốn giả làm người Đức, nhưng vụng về. Đây chỉ là một cái mưu nhằm đánh lạc hướng cuộc điều tra. Nhưng thôi, bác sĩ Watson; cắt nghĩa hết các phép thuật của mình thì nhà phù thủy chẳng còn gì là cao tay nữa. Cũng vậy, nếu tôi bày tỏ với anh quá nhiều phương pháp làm việc của tôi, anh sẽ đi đến kết luận là tôi rút cuộc cũng chẳng có gì đặc biệt cả.

- Không khi nào ! Anh đã đưa phép suy đoán của anh đến chỗ gần thành một môn khoa học chính xác như chưa từng có trên thế giới này.

Những lời tôi nói và vẻ khâm phục trên nét mặt tôi khiến Holmes đỏ mặt vì sung sướng.

- Tôi xin kể thêm với anh. Kẻ đi giày cỡ nhỏ và kẻ đi giày mũi vuông cùng đến trên một chiếc xe, cùng đi trên lối đi qua vườn. Vào nhà, kẻ đi giày nhỏ đi đi lại lại ngang dọc gian phòng. Tôi có thể đọc thấy điều đó trên lớp bụi, tôi còn có thể đọc được là càng đi, hán càng nổi xung lên, có thể thấy rõ ở bước chân ngày một dài của hán. Khởi đầu ta đã có một điếm xuất phát đúng, vậy phải xúc tiến gấp lên thôi, vì chiều nay tôi muốn đi nghe hoà nhạc.

Câu chuyện giữa hai chúng tôi diễn ra trên chiếc xe ngựa đang lăn bánh.

Đến những ngõ ngách bẩn thỉu và gớm ghiếc nhất, chiếc xe bỗng dừng lại.

- “Đến chung cư Audley rồi, ở trong kia kia”, người xà ích chỉ một kẻ nút nhỏ hẹp giữa một dãy nhà bằng gạch đen sì. “Tôi chờ các ông ở ngoài này”.

Lối đi nhỏ hẹp dẫn chúng tôi đến một cái sân gạch hình vuông, xung quanh là những căn nhà nhộp nhúa. Đi qua một

nhóm trẻ con rách rưới và một loạt dây phơi quần áo, chúng tôi tìm đến căn hộ số 46. Bên cửa có một tấm biển nhỏ bằng đồng khắc tên Răn-xơ. Hồi ra, chúng tôi được biết viên cảnh sát đã đi ngủ. Người nhà đưa chúng tôi vào chờ ở gian nhà ngoài.

Một lát sau, viên cảnh sát ra tiếp, vẻ hơi cáu kỉnh :

- Tôi đã báo cáo hết ở đồn cảnh sát rồi.

Holmes rút ra một đồng tiền vàng, mân mê với vẻ tư tự :

- Chúng tôi muốn nghe chính anh kể lại.

Viên cảnh sát thay đổi hẳn thái độ :

- Tôi sẵn sàng.

Răn-xơ ngồi xuống chiếc ghế đệm, cau mày lại với vẻ mặt của người không muốn để sót một chi tiết nào.

- Ca đi tuần của tôi là từ 10 giờ tối đến 6 giờ sáng. Vào lúc 11 giờ đêm, xảy ra một vụ đánh nhau ở gần quán rượu "Con hươu trắng", ngoài ra khá yên tĩnh. Đến 1 giờ, trời bắt đầu mưa và tôi gặp Ha-ry, viên cảnh sát đi tuần phía đường Holland Grove. Chúng tôi nói với nhau dăm ba câu chuyện ở góc phố Henrietta. Một lát sau, vào khoảng 2 giờ, tôi tự nhủ mình phải đi một vòng về phía đường Brixton. Phố xá yên tĩnh. Tôi không gặp ai cả, tuy có thấy một hai chiếc xe. Tôi đi thong thả, vừa đi vừa nghĩ tới một ly rượu. Bỗng nhiên một vạch ánh sáng lọt ra từ cửa sổ một ngôi nhà làm tôi chú ý. Tôi vốn biết hai ngôi nhà ở đường Lauriston vẫn bỏ không. Vì vậy tôi ngỡ rằng có một chuyện gì không bình thường, khi tôi vào đến cửa nhà...

- ... Thì anh đứng lại và quay ra chỗ cửa vườn. Tại sao?

- Vâng, đúng thế. Nhưng quái lạ, sao mà ông biết? Khi tôi đến cửa nhà, cảnh vật im lìm và vắng vẻ đến nỗi tôi phải quay trở lại chỗ cửa vườn, xem có thấy ngọn đèn tuần tra của Ha-ry không. Nhưng không thấy bóng một ai cả.

- Anh không thấy ai ngoài phố à?

- Không một ai, ngay một con chó cũng không. Lúc bấy giờ, tôi trở lại, đẩy cánh cửa. Cánh cửa mở ra dễ dàng, bên trong hoàn toàn yên tĩnh. Tôi bước vào gian phòng có ánh sáng. Dưới ánh sáng của một ngọn nến cháy chập chờn trên mặt lò sưởi, tôi thấy...

- Được rồi, tôi biết anh thấy những gì rồi. Anh đã đi vòng quanh gian phòng vài ba lần, anh đã quỳ gối xuống bên cạnh xác chết, rồi anh đi ngang qua gian phòng, thử mở cánh cửa gian bếp và...

Răn-xơ bật đứng dậy, nét mặt hoảng hốt, con mắt ngờ vực :

- Ông nấp ở chỗ nào mà nhìn thấy hết các hoạt động của tôi?

Holmes cười vui vẻ và đặt tấm danh thiếp của mình lên bàn :

- Chớ bắt giữ tôi về vụ án mạng này. Tôi là một trong những người săn đuổi con mồi chứ không phải là con mồi đâu. Anh kể tiếp đi. Sau đó anh làm gì?

Răn-xơ ngồi xuống, chưa bớt bàng hoàng :

- Tôi trở ra cửa, huyết còi. Nghe tiếng còi, Ha-ry và hai viên cảnh sát khác kéo đến.

- Lúc đó ngoài phố vẫn không có ai à?

- Vâng, ít ra là không có ai có thể giúp tôi.

- Anh nói thế là thế nào?

Viên cảnh sát cười nhăn cả mặt :

- Trong đời tôi đã gặp khá nhiều đứa say, nhưng chưa bao giờ thấy ai say như gã này. Gã đứng ngoài cửa khi tôi ở trong nhà bước ra. Tựa người vào hàng rào gỗ, gã hát toáng lên một bài hát quen thuộc ở các quán rượu. Gã đứng cũng không vững, chú đừng nói đến giúp tôi một tay.

- Gã đó thuộc dạng như thế nào?

Răn-xơ có vẻ khó chịu trước câu hỏi lạc đề.

- Tôi đã bảo là gầy say mềm mà, say khướt, không biết trời đất là gì nữa. Nếu chúng tôi không vướng tay vào vụ này thì đã đưa gã về đôn rồi.

- Mặt gã thế nào? Gã mặc quần áo gì? Anh có thấy điều gì đặc biệt không? - Holmes nôn nóng ngắt lời anh ta.

- Chắc là không có gì đặc biệt, vì tôi và Ha-ry phải đỡ gã. Người gã cao lớn, mặt đỏ, phía dưới mặt có quần...

- Thôi đủ rồi, sau đó ra sao?

- “Lúc bấy giờ chúng tôi đâu có rỗi rãi để mà bận tâm đến gã”. Viên cảnh sát trả lời với vẻ méch lòng. “Tôi cam đoan là gã đi ngay về nhà”.

- Gã mặc quần áo gì?

- Áo khoác ngoài màu nâu.

- Tay có cầm cái roi nào không?

- Roi à? Không.

- Hẳn gã đã bỏ quên”, bạn tôi lẩm bẩm. “Sau đấy anh không nghe thấy hoặc nhìn thấy một chiếc xe ngựa nào à?”

- Không.

- “Xin đai ông bạn đồng tiền vàng này”. Holmes đứng dậy, tay cầm lấy mũ. “Anh Răn-xơ này, đêm qua lẽ ra anh đã giết được lon đội trưởng rồi đấy. Gã say rượu là người nắm giữ cái chìa khoá tìm ra vụ bí mật này. Chúng tôi đang tìm hấn. Thôi, ta đi đây bác sĩ”.

Chúng tôi trở ra xe, để mặc viên cảnh sát ngồi ngăn người và lo lắng.

Trong khi xe chạy về phố Baker, Holmes nói, giọng ngao ngán :

- Dịp may có một không hai đã đến với nó mà nó để tuột mất.

- Tôi vẫn thấy tối như bưng. Đúng là hình dáng gã say rượu kia rất khớp với sự miêu tả của anh về nhân vật thứ hai

trong tấn bi kịch. Nhưng tại sao hắn quay trở lại ngôi nhà sau khi đã bỏ đi rồi? Đó không phải là thói thường hành động của bọn tội phạm.

- *Chiếc nhẫn*, bác sĩ ạ, vì *chiếc nhẫn*. Đó là lý do vì sao nó quay lại. Nếu ta không tìm được cách nào khác để tóm cổ nó, ta có thể bẫy nó bằng *chiếc nhẫn*. Rồi tôi sẽ tóm cổ được nó, tôi đánh cuộc với anh đấy. Thôi, bây giờ, ta đi ăn cơm trưa rồi còn đi nghe hoà nhạc.

5. MỘT NGƯỜI KHÁCH LẠ ĐẾN NHÀ CHÚNG TÔI

Các hoạt động trong buổi sáng hôm đó là quá nhiều, cho nên đến chiều, tôi thấy mệt. Holmes đi nghe hoà nhạc một mình còn tôi nằm dài trên chiếc đi-văng, cố chớp mắt lấy một vài tiếng, nhưng không sao ngủ được. Trí óc tôi bị kích thích quá mạnh vì những sự việc đã diễn ra và chứa đầy những giả thiết, những điều tưởng tượng kỳ quái nhất.

Càng nghĩ, tôi càng thấy giả thiết của Holmes cho rằng nạn nhân đã bị đầu độc là kỳ quái. Nhưng nếu nạn nhân không phải chết vì thuốc độc thì vì cái gì, bởi lẽ trên cơ thể không có một thương tích nào cả. Và máu trên sàn là máu của ai? Chứng nào những câu hỏi ấy chưa được giải đáp, tôi cảm thấy giấc ngủ còn khó mà đến được.

Holmes vắng nhà khá lâu. Lâu đến nỗi anh không thể nào ở nơi hoà nhạc tất cả gần ấy thời gian. Bữa ăn tối dọn ra xong, anh mới về.

- "Thật là kỳ thú". Holmes vừa nói vừa ngồi vào bàn ăn. "Darwin cho rằng khả năng tạo ra âm nhạc và thưởng thức âm nhạc đã tồn tại ở con người từ lâu, trước khi con người

biết nói. Có thể vì lẽ ấy mà ngày nay chúng ta chịu ảnh hưởng êm ái của âm nhạc. Trong tâm hồn chúng ta còn lưu lại những ký ức mơ hồ về những thời kỳ mộng muội ấy.

- Đó là một tư tưởng rất vĩ đại, - Tôi nhận xét.

- Tư tưởng của chúng ta phải vĩ đại ngang tầm với tự nhiên khi ta muốn tìm hiểu tự nhiên. Nhưng sao thế? Vụ án mạng làm anh bồn chồn à?

- Đúng thế.

- Tôi hiểu tâm trạng anh. Trong vụ này có một khía cạnh bí ẩn nó kích thích trí tưởng tượng. Khi mà trí tưởng tượng không bị kích thích thì ta không thấy khủng khiếp. Anh đã đọc báo buổi chiều chưa?

- Chưa.

- Bài tường thuật không kể lại chi tiết khi người ta xóc xác nạn nhân lên thì có một chiếc nhẫn rơi ra. Không nói đến chiếc nhẫn càng hay.

- Vì sao?

- Anh hãy đọc lời nhắn tin này. Sáng nay tôi đã gửi đăng trên các báo, ở mục "Cửa rơi".

"Đã nhặt được một chiếc nhẫn cưới trên đường Brixton, đoạn từ quán rượu "Con hươu trắng" đến góc phố Holland Grove. Ai đánh rơi, mời đến gặp bác sĩ Watson ở số nhà 221B, phố Baker nhận về, từ tám giờ đến chín giờ tối nay".

- Tôi xin lỗi đã mượn tên anh. Nếu dùng tên tôi thì thế nào một trong hai tên gốc kia cũng nhận ra và lại dính vào đây.

- Không sao cả. Nhưng nhờ có ai đến, tôi lại không có chiếc nhẫn nào.

- "Ồ, có chứ, nhẫn đây !" Holmes đưa cho tôi một chiếc nhẫn. "Chiếc nhẫn này được đây chứ, giống chiếc kia như in".

- Ai sẽ đến xin lại của rơi này?

- Còn ai vào đấy ! Kê mặc chiếc áo khoác ngoài màu nâu, có bộ mặt đỏ đi giày mũi vuông. Nếu hấn không đích thân đến thì hấn sẽ phái một tên đồng loã.

- Liệu hấn có cho là quá nguy hiểm không?

- Không đâu. Con người ấy dám liều mọi chuyện hơn là để mất chiếc nhẫn. Theo tôi, hấn đã đánh rơi chiếc nhẫn khi cúi xuống trên xác nạn nhân. Lúc ra khỏi nhà, hấn thấy mất chiếc nhẫn nên vội vã quay lại, nhưng lúc ấy cảnh sát đã tới vì hấn vô ý để ngọn nến vẫn cháy. Lúc bấy giờ hấn đã phải giả vờ say để đánh tan mọi nghi ngờ do sự có mặt của hấn. Hấn cho rằng mình đã đánh rơi chiếc nhẫn sau khi ra khỏi nhà. Trong trường hợp đó, hấn sẽ làm gì? Hấn sẽ hối hả tìm đọc các mục đăng "Cửa rơi". Hấn sẽ mừng lắm. Việc gì hấn phải lo sợ bị bắt. Hấn sẽ đến cho mà xem. Trong vòng một giờ nữa.

- Rồi sao nữa?

- Ồ, khi ấy, anh có thể để mặc tôi với hấn. Anh có súng đấy không?

- Tôi còn giữ khẩu súng ngắn với mấy viên đạn.

- Anh nên lau chùi và nạp đạn vào. Ta sẽ gặp một con người rất liều mạng.

Tôi về phòng riêng và làm theo lời khuyên của Holmes. Khi tôi trở lại với khẩu súng, bàn ăn đã được dọn sạch và Holmes đang bận vào môn giải trí ưa thích của mình : gảy dây đàn vĩ cầm. Thấy tôi vào, anh nói :

- Câu chuyện thêm nhiều chi tiết đậm đà. Tôi vừa mới nhận được điện trả lời từ Mỹ. Cách nhìn nhận vấn đề của tôi đã được xác nhận là đúng.

- Cụ thể là...? - Tôi sốt sáng hỏi.

- Cất súng đi. Khi nhân vật của chúng ta xuất hiện, anh hãy nói chuyện với hấn một cách bình thường và để mặc tôi xử sự. Đừng làm hấn hoảng lên bằng những lời quá gay gắt.

- Bây giờ đã 8 giờ rồi.

- Được, hẳn sẽ tới trong vài phút nữa. Anh hé mở cánh cửa một chút. Thế được rồi. Bây giờ anh tra chìa khoá vào ổ khoá trong đi. Cám ơn ! A ! Nhân vật của chúng ta đến rồi kia.

Trong lúc anh nói, tôi nghe tiếng chuông giật mạnh. Holmes nhẹ nhàng đứng dậy, kê lại ghế của mình gần cửa. Có tiếng chân người hầu vang lên trong phòng tiền sảnh, tiếng chìa khoá vặn trong ổ khoá và tiếng cửa mở.

Một giọng thanh thanh nhưng khá rần rỏi :

- Đây có phải là nhà bác sĩ Watson không?

Chúng tôi không nghe thấy câu trả lời của người hầu, nhưng cánh cửa khép lại và có người bước lên cầu thang. Bước chân ngập ngừng, dè dặt. Holmes lắng tai nghe, có vẻ hơi ngạc nhiên. Có ai đó bước chậm chạp ngoài hành lang rồi gõ cửa khe khẽ.

- Mời vào ! - Tôi hét to:

Sau lời mời của tôi, một bà cụ rất già, da nhăn nheo, bước vào. Bà cụ hình như bị chói mắt vì ánh sáng trong phòng. Bà cúi đầu xuống chào rồi cứ đứng nhìn chúng tôi với con mắt hấp háy đầy ghen, bàn tay run rẩy lục tìm cái gì trong túi. Tôi liếc nhanh nhìn Holmes. Nét mặt anh biểu lộ một vẻ thất vọng. Bà lão rút trong túi ra một tờ báo :

- "Thưa các ông quý hoá, tôi đọc được mẩu tin này trên báo nên mới đến", bà lão lại cúi chào một lần nữa. "Đó là chiếc nhẫn của con gái tôi, tên nó là Sa-ly, nó lấy chồng cách đây một năm và chồng nó hiện đang làm việc trên tàu thuỷ. Chồng nó sẽ nói sao khi về thấy vợ không còn chiếc nhẫn cưới nữa. Thằng đó vốn là một đứa không thuần tính, nhất là khi rượu vào. Thưa hai ông, con gái tôi tới qua nó đi xem xiếc với...

- Đây có phải là chiếc nhẫn của cô ấy không? - Tôi hỏi.

- Xin tạ ơn Chúa ! Tối nay, con Sa-ly sẽ mừng lắm đấy. Đúng là chiếc nhẫn của nó.

- Nhà cụ ở đâu? - Tôi hỏi và cầm lấy bút chì.

- Số 13 phố Duncan khu Houndsditch. Xa đây lắm và đi mệt lắm.

Giọng Holmes danh lại :

- Không có rạp xiếc nào từ Brixton đến khu Houndsditch cả.

Bà cụ quay sang Holmes, nhìn chăm chăm :

- Ông này hỏi nhà tôi. Còn nhà con Sa-ly thì ở số 3 khu Mayfield đường Peckham.

- Tên cụ là gì?

- Tên tôi là Soi-ơ, chồng nó là Đen-nít, một đứa nhanh nhẹn và khá ngoan khi ở trên biển, ai nấy đều quý hoá. Nhưng khi nó lên bờ thì ôi dào, rượu chè, trai gái...

- “Cụ Soi-ơ, nhân của cụ đây”, tôi ngắt lời bà cụ khi thấy Holmes ra hiệu, “chiếc nhân này đúng là của con gái cụ, tôi rất vui lòng trả lại cho chủ của nó”.

Làm bậm mãi những lời cảm ơn và chúc tụng, bà cụ cất chiếc nhân vào trong túi rồi lại lê chân bước xuống thang gác.

Holmes lao vội về phòng anh khi bà cụ vừa mới ra khỏi phòng. Vài giây sau, anh trở lại, người trùm trong chiếc áo măng-tô lớn và một cái khăn quàng kín cổ kín mũi.

- Tôi đi theo bà lão đây. Anh chờ tôi ở nhà nhé.

Cổng nhà vừa mới khép lại sau lưng người khách già thì Holmes đã xuống hết cầu thang. Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy bà già đang bước chậm chậm qua đường và bạn tôi ở cách đó không xa.

Lúc Holmes đi, kim đồng hồ chỉ 9 giờ tối. Tôi ngồi hút thuốc và đọc sách. Chuông đồng hồ điểm 10 giờ, tôi nghe tiếng chân những người hầu gái đi ngủ. Mười một giờ, đến lượt tiếng chân rần rỏi hơn của bà chủ nhà lên giường. Gần đến nửa đêm thì có tiếng mở khoá cửa. Holmes vừa mới thò đầu vào buồng,

tôi đã thấy ngay là hồng việc. Nét mặt Holmes có vẻ vừa buồn cười vừa bực bội, hai tâm trạng đó hình như vật lộn với nhau cho đến khi vẻ buồn cười thắng thế thì anh bật cười thành tiếng, buông mình xuống chiếc ghế bành, tự giễu mình:

- Giá mà Scotland Yard biết chuyện này, họ sẽ được một trận cười chế nhạo.

- Có chuyện gì vậy?

- Khi đi được một đoạn đường thì mụ già bắt đầu đi khập khiễng, lộ rõ là đau chân. Được một quãng nữa, mụ đứng lại, gọi một chiếc xe ngựa ngang qua. Tôi vội mon men đến gần, nhưng lo như vậy là thừa, vì mụ nói to đến nỗi đứng ở bên kia đường cũng nghe rõ. Mụ hét lên : "Cho tôi đến nhà số 13 phố Duncan, khu Houndsditch. Tôi nghĩ bụng mụ này xem ra có vẻ ngay thật đấy. Khi đã thấy rõ ràng mụ ngồi vào trong xe rồi, tôi mới thu mình nhảy lên ngồi nấp trên nhip xe : đây là một trò mà người thám tử nào cũng sợ trường. Thế rồi xe chạy, chạy mãi, không dừng lại một giây nào cho đến khi tới phố Duncan. Sắp đến nhà, tôi từ chỗ ngồi nhảy xuống, đi vắn vơ ngoài phố, mắt vẫn không rời chiếc xe. Tôi thấy xe dừng lại, người đánh xe nhảy xuống. Sấn lại gần, tôi thấy hấn đang tức tối xem xét khoang xe trống không và tuôn ra một tràng câu chuỗi. Đến hồi nhà số 13 tôi được biết chủ nhà là một người làm bánh ngọt tên là Kê-uyt và ông chưa nghe đến tên Soi-ơ lẫn Đen-nít bao giờ.

Tôi kinh ngạc :

- Mụ già đã chuồn khỏi xe trong khi xe đang chạy mà anh và người đánh xe đều không biết?

- Để cho bị lừa như vậy, chính chúng ta mới là bà già. Đó chắc là một gã trai trẻ, nhanh nhẹn, đóng kịch giỏi, cái trang khéo. Có lẽ hấn biết hấn bị theo dõi nên đã dùng cái mẹo ấy để lừa tôi. Điều đó chứng tỏ rằng nhân vật mà chúng ta tìm kiếm có những người bạn tài ba. Thôi bây giờ, anh có vẻ mệt đấy, bác sĩ ạ. Anh nên đi ngủ đi.

Tôi để Holmes ngồi một mình bên lò sưởi, và rất khuya tôi còn nghe thấy những âm thanh nỉ non khe khẽ trên cây đàn của anh. Tôi biết anh đang suy ngẫm về bài toán kỳ quái mà anh muốn giải đáp.

6. GRÉCH-SƠN CHỈ RA NHỮNG ĐIỀU CẦN LÀM

Các báo hôm sau đăng đầy những bài viết về “Vụ án bí ẩn ở Brixton”. Dưới đây là nội dung tóm tắt của một số bài.

Tờ “Tin điện hàng ngày” nhận xét :

“Trong lịch sử khoa hình sự, chưa mấy khi xảy ra một tấn bi kịch với những tình tiết kỳ quái hơn thế. Nạn nhân mang tên Đức, những chữ bằng máu trên tường, động cơ ám sát không có. Tất cả những chi tiết ấy cho thấy án mạng này là do những kẻ tị nạn chính trị và những kẻ hoạt động xã hội gây ra. Các đảng phái cấp tiến có nhiều chi nhánh hoạt động tại Mỹ, và nạn nhân có lẽ đã vi phạm các luật lệ không thành văn của các đảng phái ấy nên đã bị trừng trị”. Bài báo kết thúc bằng lời khiển trách chính phủ và yêu cầu chính phủ giám sát chặt chẽ hơn các ngoại kiều trú ngụ trên đất Anh.

Tờ “Lá cờ” bình luận :

Những vụ trọng án như vụ này đã diễn ra dưới một chính thể tự do. Chúng sinh ra từ sự hỗn tạp trong dân chúng và sự suy yếu của chính quyền. Nạn nhân là một người Mỹ đã sinh sống ít lâu tại Luân Đôn. Ông ta đã ở trọ một thời gian tại nhà bà Sác-pen khu Camberwell. Thư ký riêng của ông ta là Tăng-gơ đã cùng đi với ông ta trong các chuyến đi. Hai người đã từ biệt bà chủ trọ hôm thứ ba, ngày mùng 4 tháng này và đã đi ra ga Euston để đón chuyến tàu tốc hành đi

Liverpool. Sau đó ít lâu, người ta thấy hai người đứng với nhau trên sân ga. Sau nữa thì không biết gì về họ cho đến khi, người ta tìm thấy xác ông Đrêp-bơ trong một ngôi nhà bỏ trống trên đường Brixton cách nhà ga Euston hàng mấy dặm đường. Nạn nhân đã đến đây bằng cách nào và đã chết như thế nào? Những câu hỏi này hãy còn nằm trong màn bí mật. Chúng tôi vui mừng được biết các thanh tra Grêch-son và Lê-tra đã cùng bắt tay vào vụ án và tin rằng hai quan chức mẫn cán và tài năng ấy sẽ sớm rọi ánh sáng vào vụ khó hiểu này.

Tờ "Tin hàng ngày" kết luận :

Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là một vụ án chính trị. Sự chuyên chế của chính quyền các nước ở lục địa châu Âu đã xua đuổi về bờ biển nước ta nhiều người có thể trở thành những công dân tốt nếu họ không bị ám ảnh và kích động bởi ký ức về những nỗi đau khổ và gian truân của họ. Trong đám người ấy có một luật lệ hết sức nghiêm ngặt, nó kết án "tử" cho bất cứ ai vi phạm nó. Cần phải tìm cho ra viên thư ký Tâng-gơ để hỏi một số chi tiết liên quan đến nạn nhân. Cuộc điều tra đã tiến được một bước khi tìm ra được địa chỉ nhà trọ của nạn nhân. Sự khám phá ấy hoàn toàn nhờ tài năng của ông Grêch-son.

Holmes và tôi rất buồn cười khi đọc những dòng này.

- Tôi đã bảo với anh mà, dù có thế nào, Lê-tra và Grêch-son vẫn được tán dương. Một anh ngốc bao giờ cũng tìm được một anh ngốc hơn để khâm phục mình.

- Nhưng gì thế này? - Tôi kêu lên thì vừa vịn lúc ấy có nhiều tiếng bước chân ở dưới nhà cùng với những lời gất gỏng của bà chủ nhà.

- "Đó là đội cảnh sát nghiệp dư ở phố Baker". Holmes nghiêm trang trả lời. Cùng lúc đó khoảng hơn một chục đứa trẻ lem lốc, ủa vào phòng chúng tôi. "Nghiêm". Holmes hô lên và bọn trẻ con xếp thành hàng như một dãy những bức tượng nhỏ. "Lần sau các cháu đợi cả ở ngoài phố nhé, chỉ để

cho một mình Uy-ghin lên báo cáo thôi. Uy-ghin có tìm thấy không?”.

- Không ạ, chúng cháu chưa tìm ra ! - Một đứa trong bọn trẻ thưa.

- “Kém thế ! Tiếp tục đi cho đến khi tìm ra. Tiền thù lao đây”. Holmes chia cho mỗi đứa một đồng si-ling. “Bây giờ, các cháu hãy toả nhanh đi khắp nơi rồi trở về đây với một báo cáo có kết quả hơn”.

Bọn trẻ chạy ào xuống cầu thang, một lát sau đã nghe thấy tiếng chúng léo nhéo ngoài phố.

- Mấy đứa trẻ này còn hữu ích hơn một tá cảnh sát. Nhìn thấy ai có vẻ là người nhà nước, người ta đã lo giữ miệng rồi. Trái lại, bọn trẻ này len lỏi được vào khắp nơi và nghe được đủ mọi thứ chuyện. Chúng không bị ai để ý và luôn lách nhanh như chạch.

- Anh sử dụng chúng cho vụ Brixton đây à?

- Đúng. Có một điểm tôi muốn tìm hiểu. Đây chỉ là vấn đề thời gian, rồi thế nào cũng ra. Thế nào? Ai kia như Gréch-sơn ngoài phố. Anh ta mang hai chữ “hơn hờ” ghi từng nét trên mặt. Anh ta đến chỗ ta đây.

Có tiếng chuông giật mạnh và vài ba giây sau, nhà thám tử có mái tóc vàng lên cầu thang, bước ba bậc một, và lao vào phòng chúng tôi như một tia chớp. Gréch-sơn vờ lấy tay Holmes, siết chặt và reo lên :

- Ông Sherlock Holmes thân mến, ông hãy khen ngợi tôi đi. Tôi đã làm sáng tỏ hết, rõ như ban ngày.

Hình như có một thoáng lo lắng lướt qua gương mặt điển cảm của bạn tôi. Holmes hỏi :

- Ông muốn nói là ông đã tìm được hướng đúng rồi à?

- Hướng đúng ! Ồ, chúng tôi đã tóm được hung thủ rồi.

- Tên hắn là gì?

- Ác-tơ, thiếu úy hải quân. - Gréch-sơn dài giọng, ưỡn ngực, xoa hai tay vào nhau.

Holmes thở phào, hé nở một nụ cười và nói :

- Mời ông ngồi và thử một điều xì gà đi. Chúng tôi rất muốn biết ông đã tiến hành công việc như thế nào. Ông dùng một cốc uyết-ki pha nước nhé.

- Xin vâng. Những nỗ lực ghê gớm mà tôi đã phải bỏ ra trong hai ngày qua làm tôi bất hoại cả người.

- “Chúng tôi rất hân hạnh được ông quá bộ đến chơi”, Holmes nói, giọng nghiêm trang. “Xin ông cho biết ông đã làm thế nào để đi đến kết quả hết sức đáng khen ấy”.

Gréch-sơn ngồi sâu trong chiếc ghế bành, khoan khoái rit xì gà, rồi bỗng nhiên vỗ đùi đánh đét một cái :

- Trong vụ này, anh chàng Lê-tra ngốc nghếch, cứ tưởng mình khôn ngoan, đã hoàn toàn đi nhầm đường. Anh ta đi tìm viên thư ký Tăng-gơ mà Tăng-gơ thì dính líu đến vụ này không hơn gì một đứa trẻ chưa ra đời. Hẳn bây giờ Lê-tra đã tóm cổ hẳn rồi.

Ý nghĩ ấy khiến cho Gréch-sơn cười sằng sặc mãi.

- Ông đã tìm ra hướng của ông như thế nào? - Holmes hỏi.

- Khó khăn đầu tiên đặt ra với tôi là tìm cho ra tung tích nạn nhân. Có người thường cứ ngồi ở nhà chờ người ta đọc các lời nhắn tin của mình trên báo mà đến cung cấp tin tức cho mình, Gréch-sơn thì không làm việc như thế. Ông bác sĩ, ông còn nhớ chiếc mũ bên cạnh nạn nhân không?

- Có, chiếc mũ của hàng *Underwood* và con số 129, đường *Camberwell*. - Holmes trả lời.

- Tôi tin tưởng ông không để ý. Ông đã đến cửa hàng chưa? - Gréch-sơn chốt dạ, hỏi.

- Tôi không đến. - Holmes đáp.

- “À”. Gréch-sơn thở phào yên tâm. “Chớ bao giờ coi thường một cơ hội, dù là nhỏ”.

- Đối với một bộ óc lớn, không có gì là nhỏ, - Giọng Holmes triết lý.

- Đúng thế ! Tôi đến cửa hàng Underwood hỏi chủ hiệu, xem ông ta đã bán cho ai một chiếc mũ kiểu như vậy. Chủ hiệu xem sổ sách thấy người mua tên là Đrép-bơ, trọ tại nhà bà Sác-pen.

- Giỏi lắm, rất giỏi ! - Holmes khẽ nói.

- Tôi đến gặp bà Sác-pen. Tôi thấy bà ta mặt tái mét và buồn rầu. Cô con gái hai mắt đỏ hoe và miệng run rẩy khi nghe tôi hỏi chuyện. Chi tiết ấy không thoát khỏi con mắt quan sát của tôi. Ông Sherlock Holmes, ông biết đấy, khi ta dò đến gần hướng đúng... các dây thần kinh của ta như run lên. Tôi mới hỏi hai mẹ con : “Bà và cô có biết gì về cái chết của ông Đrép-bơ không?”. Người mẹ gật đầu. Cô con gái òa khóc. Tôi hỏi :

- Ông Đrép-bơ rời nhà bà ra tàu vào lúc mấy giờ?

Bà ta cho biết là vào lúc tám giờ. Người thư ký của ông ấy là Tăng-gơ nói có hai chuyến tàu, một chuyến chạy vào lúc 9 giờ 15 và chuyến kia vào lúc 11 giờ. Họ phải kịp chuyến thứ nhất.

- Đó là lúc bà gặp ông ta lần cuối cùng phải không? - Tôi lại hỏi.

Người mẹ có vẻ hốt hoảng. Mấy giây sau bà ta mới nói được một tiếng “vâng”.

Mấy phút im lặng trôi qua, cô con gái nói :

- Mẹ ạ, ta nên nói thẳng với quý ông đây. Chúng tôi đã lại gặp ông Đrép-bơ.

Bà Sác-pen giơ hai tay lên trời, gieo mình xuống ghế, kêu lên :

- Cầu Chúa tha tội cho con ! Con giết anh con đó !

- Anh Ác-tơ muốn ta nói thẳng ra sự thật, - Cô con gái đáp với giọng rần rỏi.

Tôi bảo họ :

- Bà và cô nên kể hết với tôi. Những lời khai nửa vời còn tệ hại hơn là không khai gì cả.

Bà mẹ mắng con :

- “Mong sao tai hoạ rơi xuống đầu mày”. Rồi quay sang tôi : “Tôi xin kể hết. Ông đừng nghĩ rằng tôi đang lo cho thằng con trai tôi. Nó hoàn toàn vô tội. Tôi lo là lo rằng dưới con mắt ông và con mắt người khác, nó có thể bị coi là có liên can. Dù sao, chắc chắn là không thể nào có chuyện đó. Tình hình nó, nghề nghiệp nó, những hành vi đã qua của nó sẽ chứng minh cho nó”.

- Tốt nhất là bà đừng có giấu giếm gì hết. Hãy tin rằng nếu con bà vô tội thì không vì thế mà nó có tội thêm đâu.

Bà mẹ bảo con gái :

- “Có lẽ con để mặc mẹ với ông khách thì hơn”. Cô con gái đi ra và bà nói tiếp : “Thưa ông, tôi không có ý định kể với ông, nhưng vì con gái tôi đã nói hớ, tôi không còn cách nào khác”.

- Đó là điều tốt nhất. - Tôi nói.

- Ông Đrếp-bơ đã ở trọ nhà tôi trong ba tuần cùng với người thư ký là ông Tăng-gơ. Ông này là một người điềm tĩnh, kín đáo, nhưng ông chủ của ông ta, thì thô lỗ, hung tợn. Ngay tối hôm đầu đến trọ, ông ấy đã tỏ ra rất xấu tính. Ông ấy có những cử chỉ và lời ăn tiếng nói sàm sỡ với các chị hầu. Và với cả con gái tôi. Có lần, bất thần ông ấy ôm chặt lấy nó và hôn nó.

- Việc gì bà phải chịu đựng những chuyện ấy. Tôi nghĩ bà có thể tổng khứ họ chứ?

- Lay Chúa ! Giá mà tôi không nhận cho ông ấy trọ ngay sau tối đầu tiên ! Nhưng ông ấy trả tiền trọ cao, mà hiện nay đang là mùa vắng khách ! Tôi ở quá, thằng con trai tôi trong hải quân tốn kém cho tôi lắm. Vì vậy tôi cố chịu đựng. Nhưng sự lãng mạt cuối cùng này thì quá lắm. Vì thế, tôi đã bảo ông ấy đi tìm chỗ trọ khác. Và hai thầy trò ông ấy đã bỏ đi.

- Rồi sao nữa?

- Nhìn họ ra đi, tôi thấy nhẹ người. Thằng con trai tôi lúc này đang nghỉ phép. Tôi không hé răng với nó về chuyện này vì tính nó nóng nảy và rất quý em gái. Nhưng ! Không đến một giờ sau, có người giật chuông ngoài cửa và tôi thấy ông Drép-bơ quay lại. Ông ấy cứ xông vào buồng nơi tôi đang ngồi với con gái tôi, làu bàu những câu không đầu không đuôi, đầu như nói về chuyến tàu mà ông ấy nhớ thì phải. Sau đó, ông ấy quay sang con gái tôi, rủ nó trốn đi. Con gái tôi hoảng sợ, toan bỏ đi, nhưng ông ấy nắm lấy cổ tay nó, cố kéo nó về phía cửa. Tôi kêu lên và đúng lúc ấy thằng Ác-tơ chạy đến. Chuyện gì đã diễn ra lúc bấy giờ, tôi không biết nữa. Tôi nghe thấy những lời chửi rủa và tiếng xô xát. Tôi quá sợ, không dám ngẩng đầu lên. Đến khi dám nhìn thì tôi thấy con trai tôi đứng ở giữa cửa, tay cầm một cái gậy, cười to. Nó nói : “Thằng này chừa rồi, không dám quấy rầy nhà mình nữa đâu. Để con đi theo xem nó ra sao”. Sau đó, nó cầm lấy mũ và ra đi. Sáng hôm sau, chúng tôi nghe tin ông Drép-bơ đã chết một cách bí ẩn.

Lời khai ấy do chính mồm bà Sác-pen nói ra kèm theo những tiếng thở dài và những chỗ ngắt quãng. Tôi đã ghi bằng tốc ký lời khai của bà ấy để khỏi có sự nhầm lẫn sai sót.

- “Rất lý thú”, Holmes nói và cố ghim một cái ngáp. “Rồi sau ra sao?”

- Khi bà Sác-pen khai xong, tôi thấy vụ này quy lại còn có mỗi một điểm. Tôi chiếu luồng mắt của mình vào bà ta theo cái cách mà tôi luôn luôn thấy có hiệu quả đối với phụ nữ, tôi hỏi con trai bà ta về nhà vào lúc nào.

- Thưa, tôi không biết.
- Bà không biết à?
- Vâng, nó có chìa khoá cửa riêng.
- Nó về sau khi bà đã đi ngủ?
- Vâng.

- Bà đi ngủ vào lúc mấy giờ?
- Khoảng mười một giờ.
- Như vậy con trai bà đã vắng nhà ít nhất hai giờ?
- Vâng.
- Cũng có thể là vắng bốn hoặc năm giờ?
- Vâng.
- Nó đã làm gì trong thời gian ấy?
- Tôi không biết. - Bà ta trả lời, mặt lại tái đi.

Cố nhiên, sau đó tôi đã tìm ra trung úy Ác-tơ. Tôi đem theo hai viên cảnh sát và đã bắt giữ hắn. Khi tôi đụng vào vai hắn, hắn hỏi tôi, hãy còn hằng như một con gà chọi :

- Chắc ông bắt tôi vì tội đồng lõa trong cái chết của tên vô lại Drép-bơ chứ gì?

Chúng tôi đã nói gì với hắn đâu mà hắn đã đoán ra. Câu hỏi ấy, rõ là rất đáng ngờ.

- Rất đáng ngờ, - Holmes đồng tình.

- Hắn còn giữ cái gậy to mà theo lời khai của mẹ hắn, hắn đã cầm khi đuổi theo Drép-bơ. Một cái gậy to bằng gỗ sồi.

- Vậy giả thiết của ông là thế nào?

- Hắn đã theo Drép-bơ đến tận đường Brixton. Đến đấy, giữa hai người lại cãi nhau nữa, và trong lúc xô xát, Drép-bơ bị một gậy vào bụng, và chết ngay tức khắc, không để lại dấu vết gì. Đêm hôm ấy trời mưa, đường vắng nên Ác-tơ đã lúi xác nạn nhân đến tận ngôi nhà trống. Còn về ngọn nến, những vết máu và chữ viết trên tường, chẳng qua chỉ là những cái mẹo nhằm đánh lạc hướng nhà chức trách thôi.

- "Rất hay !" Holmes khích lệ. "Ông Grêch-sơn, quả thực ông tiến bộ đấy. Ông sẽ còn đi xa hơn nhiều".

Nhà thám tử kia trả lời với vẻ kiêu hãnh :

- Tôi tự hào là đã giải quyết vụ án này khá suôn sẻ. Gã thanh niên khai ngay rằng hắn đi theo Drép-bơ được một lúc thì Drép-bơ phát hiện ra hắn và nhảy lên một chiếc xe để bỏ

xa hẳn. Điều làm tôi thích thú là Lê-tra đang lao theo một hướng tắc tị. Ông ta sẽ chẳng thu lượm được gì nhiều. Nhưng, sơ kìa, thiêng chưa, vừa nói đến thì ông ấy đã xuất hiện.

Quả vậy, Lê-tra đi lên cầu thang trong khi chúng tôi mãi chuyện trò, và bây giờ ông đã ở trong phòng. Về tự tin và ung dung thường có của ông, nay đã biến đi đâu mất. Nét mặt lo lắng, quần áo xộc xệch, rõ ràng Lê-tra đến với ý định nhờ Holmes giúp đỡ, vì khi nhận ra đồng nghiệp của mình cũng có mặt ở đây, Lê-tra tỏ ra ngại ngùng, lúng túng. Lê-tra đứng như trời trồng giữa phòng, tay mân mê chiếc mũ không biết để đâu, cuối cùng nói :

- Đây quả là một vụ án cực kỳ khác thường, không tài nào hiểu được.

- “A ! Ông tưởng thế à, ông Lê-tra?” Giọng Gréch-son đắc thắng. “Tôi cũng đã đoán rằng ông sẽ đi đến kết luận ấy. Ông có tìm được viên thư ký Tăng-gơ không?”

- “Viên thư ký Tăng-gơ”, giọng Lê-tra nghiêm trọng, “đã bị ám sát vào lúc 6 giờ sáng nay tại khách sạn Holiday”.

7. MỘT TIA SÁNG TRONG ĐÊM TỐI

Cả ba chúng tôi đều sửng người. Gréch-son bật dậy khỏi ghế đánh đổ chỗ rượu uyt-ky còn sót trong ly. Tôi lạng lẽ nhìn Holmes, thấy anh mím môi, cau mày lăm lăm :

- Câu chuyện thêm rắc rối.

- “Mà nó đã khá rắc rối rồi”, Lê-tra lau bàu, ngồi xuống ghế, - “Tôi đến đúng lúc mọi người đang bàn luận thì phải”.

- Nay, ông Lê-tra, tin ấy có... chính xác không? Gréch-son áp úng hỏi.

- Tôi vừa mới có mặt ở phòng của Tăng-gơ. Tôi là người đầu tiên thấy xác ông ấy.

- “Chúng tôi vừa mới được nghe cách hình dung vấn đề của ông Gréch-sơn”. Holmes nói. “Ông Lê-tra, ông có thể cho chúng tôi biết ông đã thấy và đã làm những gì không?”

- Tôi thú nhận là tôi nghi Tăng-gơ có dính líu vào cái chết của Đrép-bơ. Vì vậy nên tôi cố tìm ra tông tích viên thư ký. Ngày mùng 3, người ta thấy hai thầy trò họ đứng cùng với nhau tại nhà ga Euston vào lúc tám giờ rưỡi. Đến hai giờ sáng thì thấy xác Đrép-bơ tại đường Brixton. Vấn đề đặt ra với tôi là đi xác định xem Tăng-gơ đã làm gì và ở đâu từ 8 giờ rưỡi tối đến lúc xảy ra án mạng và sau đó anh ta làm gì. Tôi đã đánh điện đi Liverpool, miêu tả hình dáng Tăng-gơ và yêu cầu cảnh sát sở tại kiểm tra các tàu biển nhỏ neo đi Mỹ. Sau đó, tôi sục sạo tất cả các khách sạn, các quán trọ xung quanh nhà ga Euston. Tôi tự bảo rằng nếu hai người chia tay nhau thì Tăng-gơ sẽ đi kiểm một khách sạn khu vực lân cận để qua đêm và sáng hôm sau trở lại nhà ga.

- Rất có thể hai người đã hẹn trước với nhau ở một nơi nào đó. - Holmes đưa ra ý kiến của mình.

- Đúng thế... Tôi đã mất cả tối hôm qua đi điều tra mà không kết quả. Sáng nay, tôi lại bắt tay vào việc từ sớm và khoảng tám giờ, tôi đến khách sạn Holiday. Khi tôi hỏi trong khách sạn có người khách nào tên là Tăng-gơ không thì người ta trả lời là có.

- “Ông là người mà ông ta đang chờ phải không”? Người ta hỏi tôi. “Ông ấy chờ một người từ hai hôm nay”.

- Hiện thời ông ấy ở đâu?

- Đang ở trong phòng ông ấy, trên gác. Ông ấy yêu cầu chúng tôi lên gọi ông ấy vào chín giờ sáng.

Chú bé đánh giày trong khách sạn dẫn tôi đến phòng Tăng-gơ, chỉ cho tôi cửa phòng và toan đi xuống thì tôi bỗng

nhìn thấy một dòng máu đỏ rỉ qua khe cửa, chảy ngang qua hành lang và đọng lại thành một vũng nhỏ dọc tấm gỗ lát chân tường, mé bên kia hành lang. Tôi kêu lên một tiếng và chú bé đánh giày quay lại. Cửa buồng khoá phía trong. Chúng tôi lấy vai xô tung ra. Cửa sổ gian buồng để mở và bên cạnh cửa sổ là xác một người đàn ông mặc đồ ngủ ở tư thế nằm phủ phục. Nạn nhân chết đã khá lâu vì tay chân cứng và lạnh. Lật xác lên, nhân viên khách sạn nhận ra ngay đó là người đến thuê phòng dưới cái tên Tăng-gơ. Nạn nhân bị một nhát dao đâm đâm vào mé sườn. Mũi dao sâu đến tận tim. Bây giờ, đây là điều quái gở nhất trong vụ này. Các ông tưởng tượng xem có gì bên dưới cái xác.

Holmes cất lời :

- Chữ "Rache" viết bằng máu.

- Đúng thế. - Nỗi khiếp sợ lộ rõ trong giọng nói của Lê-tra và tất cả chúng tôi đều lặng đi một lúc.

Trong các hành động của tên hung thủ lạ mặt kia có một cái gì tuân tỵ và bí hiểm làm cho các tội ác của hắn càng thêm khủng khiếp.

Lê-tra nói tiếp :

- Có người đã trông thấy hung thủ. Một người bán sữa đến cửa hàng của mình bằng lối đi men theo các chuồng ngựa ở mé sau khách sạn. Anh ta thấy một cái thang, thường vẫn để nằm dưới đất, nay được dựng lên, áp vào một cửa sổ mở rộng ở tầng hai. Anh ta đã đi qua chỗ cái thang rồi bỗng ngoái lại thì thấy một người đang tụt xuống. Người đó bình thân, ngang nhiên, khiến anh bán sữa tưởng là một bác thợ mộc đến làm việc cho khách sạn. Anh ta có cảm tưởng người kia có vóc dáng cao lớn, mặt đỏ sẫm và mặc bộ đồ nâu. Hung thủ có lẽ đã ở lại trong phòng một ít lâu sau khi hạ sát nạn nhân vì chúng tôi tìm thấy chậu nước mà hắn đã rửa tay nhuộm màu máu, và thấy có những vết máu trên khăn trải giường mà hắn đã bình tĩnh chùi dao.

Tôi nhìn sang Holmes khi nghe lời miêu tả hình dáng hung thủ rất khớp với sự miêu tả của bạn tôi. Anh hỏi:

- Ông có tìm thấy gì trong phòng khả dĩ cho biết thêm về hung thủ không?

- Không có gì. Tầng-gờ còn có trong túi cái ví tiền của Drép-bờ nhưng hình như đó là điều thông thường giữa hai người vì Tầng-gờ là người chi tiêu mọi thứ. Ở hai vụ án này, động cơ chắc chắn không phải là tiền bạc. Không có giấy tờ, sổ sách gì trong túi nạn nhân, ngoài một bức điện gửi từ Cleverland cách đây một tháng ghi vắn vện: "*H đang ở châu Âu*". Bức điện không ký tên.

- Còn gì khác nữa không? - Holmes hỏi tiếp.

- Một cuốn tiểu thuyết đặt trên giường, cái tẩu thuốc để trên một chiếc ghế cạnh giường. Trên bàn có một cốc nước, và trên bậc cửa có một cái hộp nhỏ đựng hai viên thuốc.

Holmes ngồi bật dậy, reo lên vui vẻ:

- Khâu cuối cùng! Cuộc điều tra của tôi thế là trọn vẹn!

Hai nhà thám tử kia nhìn anh khó hiểu.

Bạn tôi nói với vẻ tin tưởng:

- Tôi đã có trong tay tất cả những sợi dây đã đan bện với nhau một cách rắc rối. Tất nhiên, còn có những chi tiết cần phải bổ sung. Tôi sẽ dẫn ra đây một bằng chứng về những điều tôi biết. Ông có đem theo mấy viên thuốc ấy không?

- "Tôi có đây". Lê-tra liền gơ ra một cái hộp trắng nhỏ. "Tôi giữ lấy nó cùng với cái ví và bức điện, định đem về nộp cho Sở cảnh sát. Tôi đem theo những viên thuốc này cũng là tình cờ thôi vì tôi coi chúng không có gì quan trọng".

- "Xin ông đưa cho tôi". Holmes bảo. "Này, bác sĩ, đây có phải là những viên thuốc thông thường không?"

Hai viên thuốc trông rất giống những viên thuốc thông thường. Đó là những viên thuốc tròn, nhỏ, màu ngọc xám và gàn như trong suốt. Tôi nhận xét:

- Viên thuốc trong suốt và nhẹ, tôi nghĩ nó dễ hoà tan trong nước.

- “Đúng thế”. Holmes nói. “Bây giờ, xin các anh làm ơn xuống nhà đem hộ tôi lên đây con chó già ốm yếu mà hôm qua bà chủ nhà đã nhờ anh giúp nó sớm về châu tổ tiên”.

Tôi xuống nhà, ôm con chó lên. Mắt nó lơ đãng, hơi thở hổn hển. Thực vậy, mõm nó trắng như tuyết cho thấy nó đã sống quá cái thời hạn sống thông thường của một con chó. Tôi đặt nó xuống tấm nệm rơm.

- “Bây giờ tôi sẽ bẻ một trong hai viên thuốc này ra làm đôi” Holmes vừa nói vừa làm. “Tôi cắt đi một nửa vào trong hộp để dùng về sau. Một nửa kia, tôi bỏ vào chiếc cốc này cùng với một thìa nước. Ta sẽ thấy ông bạn bác sĩ của chúng ta đã đoán đúng là nó dễ tan trong nước.”

- Nó có dính dáng gì đến cái chết của Tăng-gơ đầu? - Lê-tra nói, giọng bực tức.

- Kiên nhẫn một chút ! Có dính dáng nhiều lắm. Bây giờ, tôi pha thêm vào một chút sữa cho dễ uống. Đem cho chó, ta thấy nó vội vã tớp ngay.

Con vật uống hết chỗ nước pha sữa ấy, rồi liếm đĩa. Về nghiêm trang của Holmes đã khiến chúng tôi im lặng quan sát con vật. Nó nằm xuống trên chiếc đệm, hơi thở nặng nề, sức khoẻ của nó không tăng lên hoặc giảm đi sau khi uống.

Holmes rút đồng hồ ra xem và mỗi phút trôi qua, sự bực bội và thất vọng càng hiện rõ trên nét mặt anh. Anh bặm môi, gõ tay lên bàn, thể hiện một sự nôn nóng cao độ. Tôi thấy thương anh trong khi các nhà thám tử kia nở một nụ cười giễu cợt.

- “Không thể có chuyện ngẫu nhiên”, cuối cùng Holmes kêu lên, từ chiếc ghế bành bật đứng dậy, lờng lợn như một con dã thú trong phòng. “Đây không thể là một việc ngẫu nhiên được. Chính những viên thuốc mà tôi đã ngờ tham dự vào cái

chết của Drép-bơ, ta đã gặp lại chúng ở cái chết của Tăng-gơ. Vậy mà hiện giờ chúng lại không có tác dụng gì cả, thế là làm sao? A ! Tôi đoán ra rồi !".

Reo lên một tiếng mừng rỡ, Holmes nhảy bổ về phía hộp thuốc, bê viên thuốc thứ hai làm đôi, lại thả một nửa vào cốc nước, cho thêm sữa rồi cho con chó uống. Lưỡi con chó chỉ vừa mới chạm vào chỗ nước ấy là toàn thân nó đã co giật dữ dội rồi nó nằm vật ra ngay đơ.

Holmes hít một hơi thở dài, quệt mồ hôi đọng trên trán :

- Trong hai viên thuốc vừa rồi, một viên chứa thuốc độc cực mạnh còn viên kia thì vô hại. Lẽ ra tôi phải hiểu điều đó ngay trước khi mở hộp.

Lời khẳng định này quá đổi kỳ dị khiến tôi khó mà tin rằng bạn tôi còn đầy đủ lý trí. Tuy nhiên con chó chết nằm kia, nó chứng tỏ giả thiết của Holmes là đúng. Tôi thấy hình như đám sương mù trong đầu tôi dần dần tan đi.

- "Những điều này đối với các ông có vẻ lạ lùng". Holmes nói tiếp. "Ấy là vì ngay từ đầu cuộc điều tra, các ông đã không nắm được các dấu vết quan trọng ở trước mắt các ông. Tôi có cái may mắn là đã không để lọt cái dấu vết ấy, và tất cả những sự việc diễn ra sau đấy đều xác nhận giả thiết đầu của tôi. Việc khám phá vụ án này sẽ vô cùng khó khăn nếu như ta tìm thấy xác nạn nhân trên hè đường không kèm theo chi tiết nào trong số những chi tiết phụ lạ lùng và khác thường. Những chi tiết kỳ quái ấy, không làm cho vụ án khó khăn thêm mà..."

Gréch-son nghe bài diễn văn nhỏ của Holmes với vẻ hết sức nôn nóng, cuối cùng không kìm được thêm nữa :

- Chúng tôi thừa nhận là ông có những phương pháp làm việc riêng rất độc đáo. Nhưng, giờ đây vấn đề là phải bắt được hung thủ. Bây giờ chúng tôi xin hỏi thẳng là ông đã biết hung thủ là ai chưa?

Lê-tra phụ hoạ thêm :

- Gréch-sơn nói có lý, ông Holmes ạ. Chúng tôi đã cố công gắng sức, nhưng đều đã thất bại.

Tôi cũng thêm ý kiến :

- Mọi sự chậm trễ trong việc bắt giữ hung thủ có thể làm cho nó có thời gian gây thêm án mạng mới.

Bị mọi người dồn ép như vậy, Holmes có vẻ lưỡng lự. Anh tiếp tục đi đi lại lại trong phòng, đầu gục xuống ngực, hai hàng lông mày nheo lại như thói thường ở anh trong những lúc mài mê suy nghĩ. Cuối cùng, Holmes đột ngột dừng lại, nhìn thẳng vào mặt chúng tôi :

- Sẽ không xảy ra án mạng nào nữa. Các ông hỏi tôi có biết tên hung thủ không. Có, tôi biết, tôi đã dự định bắt hắn từ lâu rồi, nhưng đây là một việc cần phải thận trọng, vì hắn là một kẻ lực lưỡng, khôn ngoan, liêu lĩnh và được một kẻ khôn khéo giúp sức. Chừng nào hung thủ chưa biết chúng ta đã nắm trong tay mọi bằng chứng tố cáo hắn thì ta còn có cơ hội bắt hắn, nhưng nếu hắn có một chút nghi ngờ nào thì hắn sẽ thay tên đổi họ và tan biến vào bốn triệu dân của thành phố này. Tuy không muốn làm tổn thương đến tự ái của hai ông, nhưng thật sự tôi coi những người ấy mạnh hơn cảnh sát của Scotland Yard, bởi vậy tôi không yêu cầu các ông giúp đỡ. Nếu thất bại, một mình tôi chịu. Trong lúc này, khi nào tôi có thể thông báo với các ông mà không phương hại đến các sự bố trí của tôi thì tôi sẽ làm ngay.

Gréch-sơn, và Lê-tra, một người đỏ mặt đến tận chân tóc, một người mắt long lên vì tò mò và ác cảm. Tuy nhiên, cả hai người chưa kịp nói lời nào thì đã có tiếng gõ cửa. Thằng bé Uy-gihin ló đầu vào, giơ tay chào :

- Thưa ông, cháu đã gọi được một chiếc xe dưới nhà.

- “Giỏi lắm !” Holmes nhẹ nhàng khen, rồi lúi trong ngăn kéo ra một vòng khoá tay bằng thép, nói tiếp. “Các ông

ở Scotland Yard sao không dùng loại khoá tay này nhỉ. Các ông xem lò xo bật có lẹ không : vòng khoá bập vào trong nháy mắt”.

Lê-tra mỉa mai :

- Cái khoá kiểu cũ cũng khá tốt nếu như ta tìm được người để khoá.

- “Được rồi, được rồi”, Holmes cười mỉm. “Bác đánh xe sẽ giúp tôi một tay để buộc những chiếc va-li này. Uy-gihin bảo bác đánh xe lên đây”.

Tôi ngạc nhiên thấy bạn tôi nói năng như thể sắp đi đâu xa mà chẳng nói trước gì với tôi cả. Trong phòng có một chiếc va-li nhỏ. Holmes cầm lấy chiếc va-li, tìm cách xiết chặt cái dây đai. Anh đang mải làm thì người đánh xe vào.

- Bác đánh xe, giúp tôi một tay thắt mấy cái đai này lại.

- Holmes nói, không quay đầu lại.

Anh đang quỳ gối xuống sàn, cúi người trên chiếc va-li. Người đánh xe bước lại, vờ làm lì và ngờ vực, ấn tay lên chiếc va-li. Ngay lúc ấy, có tiếng lò xo bật đánh tách một cái và Holmes đứng thẳng người lên, con mắt sáng ngời:

- Thưa các vị, tôi xin giới thiệu đây là Hope, kẻ đã giết Drép-bơ và Tăng-gơ.

Toàn bộ sự việc diễn ra trong nháy mắt, nhanh đến nỗi tôi không kịp nhận ra. Tôi còn nhớ như in giây phút đó, vẻ mặt đắc thắng và giọng nói vang vang của Holmes, gương mặt bàng hoàng và dữ dội của người đánh xe khi anh ta nhìn cái khoá tay sáng loáng như có phép thần thông đang siết chặt lấy hai cổ tay anh ta. Tất cả chúng tôi đứng ngây ra như phỗng dễ đến một hai phút. Gầm lên một tiếng, người đánh xe vung ra khỏi tay Holmes, lao mình qua cửa sổ. Các ô cửa mảnh khảnh gãy tan cùng với các ô kính nhưng hấn chưa nhô hẳn được người ra ngoài thì cả Gréch-sơn, Lê-tra lẫn Holmes đã chồm lên người hấn, lôi ngược hấn vào trong phòng. Gã

đánh xe khoẻ và hung dữ đến nỗi hấn đã nhiều lần vung ra được khỏi tám bàn tay chúng tôi. Mặt và bàn tay hấn bị rách toạc nhiều chỗ khi hấn lao qua cửa kính, nhưng sự chống cự của hấn không hề giảm đi chút nào. Mãi đến khi Lê-tra thọc tay được vào sau cổ áo hấn, làm hấn suýt nghẹt thở, hấn mới im. Dù sao chúng tôi phải trói cả chân tay hấn lại mới cảm thấy yên tâm. Sau đó, chúng tôi đứng dậy, mệt nhoài.

- "Ta có chiếc xe của hấn bên dưới kia. Ta dùng xe ấy giải hấn. Bây giờ, nào các ông", Holmes tươi cười, "tám màn bí ẩn đến đây đã được vén lên rồi. Các ông muốn hỏi tôi câu gì thì hỏi."

8. ĐỒNG BẰNG CHẾT

Nằm ở phần giữa Bắc Mỹ là một dải đất hoang vu và cằn cỗi. Trong nhiều năm dài, nó như một cái hàng rào ngăn chặn bước tiến của nền văn minh. Suốt từ dãy núi Sierra Nevada đến bang Nebraska, từ con sông Yellowstone ở phía Bắc đến bang Colorado ở phía Nam, là cả một vùng hoang vắng im lìm. Cảnh vật trên thay đổi tùy theo từng vùng. Nơi là những rặng núi hùng vĩ với những đỉnh cao đầy tuyết, nơi là những thung lũng tối đen, sâu thẳm. Nơi lại là những con sông chảy xiết với dòng nước ào ào băng qua những hẻm núi và những cánh đồng bao la, mùa đông tuyết trắng, mùa hè xám xịt. Tuy nhiên, tất cả những cảnh vật rất khác nhau ấy đều có chung những đặc điểm là cằn cỗi, là hiểm ác, là đói khát.

Không ai sinh sống tại xứ sở vô vọng này. Họ hoàn mới có một toán người da đỏ vượt qua nó, đi tìm những vùng đất săn bắn mới, song họ cũng phải lánh xa những cánh đồng ấy và trở lại những đồng cỏ cũ của họ. Con sói nấu mình trong

bụi cây xơ xác, con chim ó đập cánh nặng nề trên không và con gấu xám vụng về lê chân trong những khe núi u tối. Đó là những dân cư hiếm hoi ở dải đất hoang vu này.

Trên khắp thế giới, không thể có cảnh tượng nào sầu thảm hơn cảnh tượng trải ra dưới mắt khi ta đứng ở triền phía bắc rặng núi Sierra Blanco nhìn xuống. Trải dài ra xa đến tận cùng của tầm mắt là một vùng đồng bằng mênh mông phẳng lì, nham nhở những khoang đất và những bụi cây lùn tí. Ở tận cùng chân trời nổi lên một dãy núi dài với sườn núi dựng đứng và đỉnh núi loang lổ tuyết. Trên cả vùng đất bao la, không có một dấu hiệu về sự sống, không có lấy một cánh chim trên bầu trời xanh biếc, không có lấy một vật di động trên mặt đất thê lương. Bao trùm lên tất cả sa mạc mênh mông này, chỉ có sự im lặng, ghê rợn.

Ở trên vừa mới nói là không có một thứ gì liên quan đến sự sống trên dải đất này. Điều đó không hoàn toàn đúng. Khi đứng trên rặng núi Sierra Blanco nhìn xuống dưới, ta nhận thấy có một con đường mòn nhỏ xíu, như một sợi chỉ ngoằn ngoèo uốn khúc qua sa mạc và chìm đi ở cuối tầm mắt. Những bánh xe đã in lằn xuống thành rãnh trên con đường này, bàn chân của nhiều kẻ phiêu lưu đã dẫm trên đó. Rải rác dọc con đường có rất nhiều vật gì trắng trắng, bóng lên dưới ánh nắng mặt trời và nổi lên trên lớp đất buồn thảm. Hãy lại gần, nhìn xem. Đó là những chiếc xương. Chiếc thì to và thô kệch, chiếc thì nhỏ hơn, xương to là xương bò, xương nhỏ là xương người. Suốt con đường dài trên hai nghìn kilômét, rải rác hài cốt của những kẻ đã ngã xuống.

Ngày 4 tháng 5 năm 1847, có một người bộ hành cô đơn đứng ở đúng vị trí nói trên nhìn xuống cảnh ấy. Khó nói được tuổi ông ta khoảng bốn mươi hay sáu mươi. Khuôn mặt gầy và dữ tợn, xương trồi lên nhọn hoắt dưới lớp da đen sạm và nứt nẻ, tóc dài và đen, râu có nhiều sợi bạc, hai con mắt lờm sâu trong hai hốc mắt rục lên một ánh khác thường, và bàn

tay xương xấu nắm lấy khẩu súng trường. Ông ta đứng đó, dựa người vào khẩu súng, bộ mặt chỉ còn da bọc xương cũng như bộ quần áo rộng thùng thình trên đôi chân và đôi tay khẳng khiu chỉ rõ nguyên nhân của vẻ tàn tạ và già nua : người này sắp chết vì đói và khát.

Ông ta lần bước xuống khe núi rồi lại leo lên tận mỏm đồi thấp này để nhìn xem chỗ nào có dấu hiệu của nước. Ông ta lo lắng nhìn về phương Bắc, phương Đông rồi phương Tây và hiểu rằng những cuộc hành trình tứ xứ của mình sẽ kết thúc ở đây, trên tảng đá cần cỗi này.

- Tại sao lại không phải là ở đây, sau hai mươi năm nữa? - Ông ta thì thào rồi ngồi xuống dưới bóng một tảng đá.

Trước khi ngồi, ông ta đặt khẩu súng và một túi đồ buộc trong chiếc khăn quàng. Tức thì cái túi ấy vọng ra một tiếng rên nho nhỏ và một gương mặt hiện ra.

- Bác làm cháu đau rồi đây, - Một giọng trẻ thơ khê trách.

- "Thật ư, cháu?" Người đàn ông trả lời, ân hận. "Bác lỡ tay mà".

Vừa nói ông ta vừa cởi tấm khăn xám, để lộ ra một bé gái khoảng năm tuổi. Đôi giày nhỏ nhắn với chiếc váy hồng đỏm dáng dưới chiếc tạp dề nhỏ nói lên sự chăm sóc của một người mẹ. Đứa trẻ xanh xao và mệt mỏi, nhưng không bị suy sụp bằng người đồng hành của nó.

- Còn đau không, cháu? - Người đàn ông lo lắng hỏi, vì đứa bé vẫn xoa những búp tóc quăn vàng óng rớt bù đàng sau gáy.

- "Bác hôn vào đây chữa đên cháu đi", đứa bé nói với vẻ nghiêm trang thật sự, tay chỉ vào chỗ đau. "Mẹ cháu vẫn làm thế. Mẹ cháu đau rồi?".

- Mẹ cháu đi rồi. Tí nữa cháu sẽ gặp mẹ cháu.

- Đi rồi ạ? Lạ nhỉ, mẹ cháu đi mà không chào cháu. Bác ơi, khát quá? Không có nước sao? Bác không có gì để ăn sao?

- Không có, cháu ạ. Cháu cố chờ một chút rồi sẽ ổn. Cháu dựa đầu vào bác đây, như thế cháu sẽ cảm thấy dễ chịu hơn. Cháu có cái gì đấy?

- “Cháu có cái này đẹp lắm”. Đưa bé reo lên, giơ ra hai mẫu mi-ca óng ánh. “Khi về đến nhà, cháu sẽ cho anh cháu”.

- Rồi cháu sẽ thấy những thứ còn đẹp hơn thế. Chỉ cần cố nán chờ một lát. Cháu còn nhớ lúc chúng ta rời khỏi dòng sông không?

- Dạ có.

- Thế đấy ! Lúc ấy chúng ta tính sẽ gặp được một con sông khác. Nhưng chúng ta không gặp sông. Nước mỗi lúc một ít. Chỉ còn một hai giọt cho các cháu nhỏ, và... và...

- Và bác không rửa mặt được, - Đứa bé xen ngang, giọng nghiêm trang, mắt nhìn chăm chăm vào bộ mặt nhem nhuốc của ông già.

- Đến nước uống còn không có, cháu ạ. Ông Ben-đơ là người đầu tiên ra đi, rồi đến anh da đỏ Pi-tơ, rồi bà Grê-go, rồi Giôn-ni, và sau cùng là mẹ cháu.

- Thế là mẹ cháu... Mẹ cháu cũng chết rồi ! - Đứa bé kêu lên, lấy tạp dề che mặt và khóc nức nở.

- Phải, tất cả đã chết hết, chỉ còn lại có bác cháu ạ. Lúc đó ta tưởng may ra có thể tìm thấy nước ở mạn này.

- Bác bảo là cháu và bác sẽ chết nốt à? - Đứa bé thôi khóc, ngẩng bộ mặt đăm đìa nước mắt lên.

- Ta nghĩ chắc sẽ gần như vậy.

- “Sao bác không nói ngay?” Đứa bé reo lên với một tiếng cười vui vẻ. “Bác đã làm cháu sợ quá ! Nếu bác và cháu chết thì sẽ được gặp mẹ cháu”.

- Phải, cháu sẽ đến với mẹ cháu.

- Cả bác nữa. Cháu sẽ kể là bác tốt với cháu biết bao. Mẹ cháu sẽ ra đón bác ngay cổng Thiên đường, với một cái xô đầy

nước và những chiếc bánh ngọt bằng lúa mạch thật nóng. Còn lâu nữa không bác?

- Không lâu lắm đâu.

Trên bầu trời xuất hiện ba cái chấm nhỏ đang tiến về phía họ, mỗi lúc một to hơn. Chẳng mấy chốc, ba cái chấm ấy trở thành ba con chim nâu to lớn, chúng bắt đầu lượn thành vòng tròn trên đầu hai kẻ lang thang, rồi đậu trên những tảng đá mọc chia ra. Đó là những con ó của miền Tây, những con chim báo hiệu cái chết.

- "Ồ, gà, bác kia !" Đứa bé kêu lên vui vẻ, chỉ về phía những con chim mang điềm gỗ, vỗ hai tay vào với nhau để xua chúng bay đi. "Bác ơi, có phải là Chúa tạo ra vùng này không?"

- Ừ.

- "Chúa đã tạo ra vùng đất đằng kia, ở bang Illinois. Chúa đã tạo ra bang Missouri," - Đứa trẻ nói tiếp.

- "Chắc là một Chúa khác đã tạo ra đất này. Đất ở đây còn xa mới bằng được các nơi kia. Chúa đã quên làm cho ở đây có nước và có cây."

- Này, bác cháu ta cầu kinh nhé? - Người đàn ông dè dặt hỏi.

- Đã đến tối đâu.

- Không cần đến tối.

- Thế bác, sao bác không cầu kinh? - Đứa bé hỏi, đôi mắt ngạc nhiên.

- Ta không thuộc. Ta đã không đọc kinh từ khi ta mới cao bằng nửa khẩu súng này. Cháu cầu kinh đi, bác đọc theo.

- "Thế thì bác phải quỳ xuống", đứa bé rải tấm khăn xuống đất để quỳ. "Bác phải đặt bàn tay như thế này. Như thế là ngoan hơn".

Hai người quỳ gối bên cạnh nhau trên tấm khăn nhỏ. Gương mặt bầu bĩnh của đứa trẻ và bộ mặt gân guốc dữ tợn của người đàn ông cùng ngửa lên bầu trời. Cầu kinh xong, họ

- Ở về phía bên phải rừng núi Sierra Blanco. Theo đường đó, chúng ta sẽ tới con sông Rio-Grande.

Người thứ ba nói lớn :

- Ta chớ sợ hãi trước sự xuất hiện của dòng nước.

- Đấng tối cao đã làm cho dòng nước tuôn ra từ đá, sẽ không từ bỏ đám dân mà Người đã tuyển chọn.

- A men ! A men ! - Cả nhóm người đáp lại.

Họ sắp sửa lại lên đường thì một người reo lên một tiếng kinh ngạc và chỉ tay về tầng đá ở phía trên đầu họ. Ở chỗ ấy có một mẫu vải màu hồng phấp phới bay. Nhìn thấy thế, họ ghìim ngựa lại, cầm súng lăm lăm trong khi những người khác phi ngựa đến tầng cường. Những tiếng “bọn da đỏ” được lan truyền trên cửa miệng mọi người.

- “Ở đây không có bọn da đỏ”. Một người đứng tuổi xem chừng là thủ lĩnh nói. “Ta đã vượt núi”.

- Giáo hữu Tàng-gơ, tôi xin đi trình sát, - Một người trong toán nói.

- Tồi nữa. Tồi nữa. - Khoảng một chục giọng nói khác cùng vang lên.

Người tên là Tàng-gơ trả lời :

- Các bạn trẻ hãy để ngựa lại đây, chúng ta sẽ chờ.

Thoáng một cái, mấy người trai trẻ đã xuống ngựa, chạy bay lên sườn đồi dốc đứng. Sau một thoáng, bóng của họ nổi bật trên nền trời. Người thanh niên đã báo động cho cả đoàn dẫn đầu, cả toán theo sau. Bỗng họ thấy gã giơ cả hai tay lên trời với động tác của một người quá đỗi ngạc nhiên. Khi họ đến chỗ gã, họ cũng không kém kinh hoàng.

Nằm dựa trên tảng đá là một người đàn ông và một bé gái. Đầu đứa bé đặt trên mảnh áo nhưng trên ngực người đàn ông. Đôi môi hồng hé mở của đứa bé để lộ hàm răng trắng đều đặn. Đôi chân bụ bẫm mang vớ dài xỏ trong một đôi giày xinh xắn tương phản với đôi chân khẳng khiu, khô nứt của

lại trở về ngồi bên bóng của tảng đá cho đến khi đứa trẻ ngủ thiếp đi. Đã ba ngày đêm liền, ông ta không cho phép mình dừng bước hoặc nghỉ ngơi. Từ từ mí mắt ông ta sụp xuống, đầu gục xuống mỗi lúc một thấp hơn cho đến khi bộ râu hoà vào những búp tóc vàng và cả hai cùng đi vào một giấc ngủ sâu lắng, không mộng mị.

Nếu thức thêm nửa giờ nữa, ông ta sẽ được thấy một cảnh tượng kỳ lạ. Từ xa, từ rất xa, bốc lên một đám bụi nhỏ mờ mờ, rất nhỏ và rất nhẹ đến nỗi khó phân biệt nó với lớp sương mù. Những đám bụi ấy tiếp tục bốc lên, lớn lên cho đến khi tạo thành một đám mây bụi rõ rệt. Rồi đám mây ấy cũng không ngừng lớn lên. Ở những mảnh đất phì nhiêu hơn, ai thấy cảnh ấy cũng sẽ cho rằng đây là đàn bò rừng đang tiến về phía mình. Nhưng ở vùng đất hoang vắng này, điều đó không thể có. Khi đám mây bụi đến gần cái tảng đá có hai ông cháu đang nằm, thì trong lớp bụi hiện ra những mũi vòm phủ bạt của những chiếc xe ngựa vượt sa mạc, và hình bóng thấp thoáng của những người cưỡi ngựa có vũ khí, cho thấy đây là một đoàn xe rất dài đang tiến về phía Tây. Đầu đoàn xe đã tới chân núi mà đuôi đoàn xe vẫn còn chìm khuất ở cuối đường chân trời. Phụ nữ bước đi khó nhọc dưới gánh nặng trên vai. Trẻ em chạy lon ton bên cạnh các cỗ xe hoặc tò mò nhìn vào những thứ dưới mũi vải bạt. Từ khối người to lớn này vang lên một tiếng ì ầm hỗn độn, xen lẫn tiếng ngựa hí và tiếng bánh xe rầm rập. Tiếng ì ầm ấy lớn đến vậy song vẫn không đánh thức nổi hai ông cháu.

Đi đầu đoàn người di cư là một nhóm khoảng hai mươi người cưỡi ngựa. Đến chân tảng đá, họ dừng ngựa, quay lại với nhau, dường như để hội ý.

Một người không râu, tóc hoa râm, nét mặt độc ác, nói :

- Giếng nước ở về phía bên phải, giáo hữu ạ.

Một người khác nói tiếp :

người đàn ông. Đâu trên đỉnh tảng đá, nhìn xuống cặp lữ khách kỳ quặc này, là ba con ó lớn. Thấy đám người mới đến, chúng kêu lên những tiếng thất vọng, rồi không chờ đợi nữa, nặng nề vỗ cánh bay đi.

Tiếng kêu của những con chim đã đánh thức hai người. Họ nhìn xung quanh với một vẻ cực kỳ sửng sốt. Người đàn ông lão đảo đứng dậy, nhìn xuống bình nguyên, thấy một đám người chen chúc, ông ta đưa bàn tay xương xẩu lên giụi mắt, lầm bầm :

- Ta mê sảng?

Đứa bé gái nắm lấy gấu tạp dề, im lặng nhìn khắp xung quanh.

Một người trong đám ấy đặt đứa bé lên vai mình, trong khi những người khác diu người đàn ông về chỗ các xe ngựa. Người đàn ông nói :

- Tôi tên là John. Cả một đoàn hai mươi một người chỉ còn lại có tôi và đứa trẻ này. Những người kia đã chết ở đằng kia, phía phương Nam.

- Có phải con gái ông đấy không?

- Bây giờ nó mới là con tôi. Kể từ hôm nay, nó mang tên là Lucy. Thế còn các ông là ai? - Ông ta tò mò nhìn những người đã cứu mình.

Một trong số những người trai trẻ kia đáp :

- Chúng tôi gần mười nghìn người. Chúng tôi là những đứa con bị ngược đãi của Chúa, những người dân được thiên thần Mérona tuyển chọn.

Người đàn ông đáp :

- Tôi chưa bao giờ được nghe nói. Vị thiên thần ấy đã tuyển chọn quá nhiều đấy.

- "Không được giấu cọt những điều thiêng liêng", giọng người kia nghiêm khắc. "Chúng tôi là những tín đồ tin ở các Thánh kinh của thiên thần Mérona. Chúng tôi xuất phát từ

Nauvoo bang Illinois, nơi chúng tôi đã dựng lên ngôi đền của đạo chúng tôi. Chúng tôi đi tìm một nơi ẩn náu xa bọn người bạo tàn vô Chúa, một nơi mà chúng tôi sẽ phải tìm ra ở trung tâm sa mạc.

Cái tên Nauvoo gợi lại một vài ký ức cho John. Ông nói :

- Tôi biết rồi. Các ông là người Mormons.

- Phải. - Đám người kia đồng thanh trả lời.

- Các ông định đi đâu?

- Chúng tôi không biết. Bàn tay của Chúa dẫn dắt chúng tôi thông qua vị giáo chủ. Ông phải ra trình diện trước giáo chủ.

Lúc đó, họ đã xuống đến chân đồi. Nhiều tiếng kêu kinh ngạc và thương xót vang lên khi họ thấy hai người lạ mặt kiệt quệ. Đám người kia không dừng lại mà dẫn họ đi tiếp cho đến khi tới một chiếc xe khác biệt hẳn với các xe khác. Chiếc xe này có sáu ngựa kéo trong khi các xe khác chỉ có hai hoặc bốn ngựa. Ngồi bên cạnh người đánh xe là một người đàn ông tuổi không quá ba mươi, nhưng cái đầu bè thế và nét mặt kiên nghị cho thấy là một kẻ biết điều khiển người khác. Khi đám người kéo tới, người ấy bỏ quyển sách xuống, chăm chú nghe kể lại. Sau đó, người ấy quay sang hai kẻ phiêu bạt :

- Nếu các người muốn nhập vào đoàn chúng ta, ta chỉ có thể nhận các người như những tín đồ thuộc đạo giáo chúng ta. Thà để cho xương các người phơi trắng trên sa mạc hơn là để cho các người trở thành một vết hư trong chúng ta. Các người có muốn gia nhập đoàn chúng ta với điều kiện ấy không?

- Tôi xin gia nhập với bất kỳ điều kiện nào.

- Giáo hữu Tăng-gơ, hãy mang đồ ăn và thức uống đến cho hắn, và cả đứa trẻ nữa. Giáo hữu còn có nhiệm vụ dạy cho hắn tín ngưỡng của chúng ta. Thôi. Ta đi thôi. Tiến lên ! Tiến về Sion !

- Tiến lên ! Tiến về Sion ! - Dám người Mormons đông thanh nhắc lại, và những tiếng đó truyền đi từ miệng người này sang miệng người khác dọc theo cả đoàn người dài dằng dặc cho đến khi chìm đi thành một âm thanh mơ hồ ở tít xa xa. Tiếng roi ngựa quất, tiếng xe kéo kẹt chuyển mình, cỗ xe lớn lăn bánh trước, rồi cả đoàn xe một lần nữa lại ra đi theo con đường mòn lượn khúc trên bình nguyên. Tầng-gơ đưa họ đến cỗ xe của mình, ở đó đã dọn sẵn một bữa cơm.

- Các người chớ quên rằng bây giờ và mãi mãi sau này các người là thành viên của đạo giáo chúng ta.

9. BÔNG HOA UTAH

Từ bờ sông Mississipi đến triền phía tây của rặng núi đá, những người dân di cư Mormons không ngừng đấu tranh với thú dữ, đói khát, bệnh tật, và những đoàn người thù địch... Tất cả đều đã được vượt qua nhờ ở tính kiên trì và quả cảm của giống người Anglo-saxon. Tuy vậy, cuộc hành trình dài cùng với những nỗi thống khổ đã làm lung lay cả những trái tim vững vàng nhất. Không ai không quỳ xuống, lâm râm đọc một bản kinh cầu tạ ơn khi họ nhìn thấy thung lũng Utah rộng lớn và ngập nắng mà giáo chủ của họ bảo rằng sẽ vĩnh viễn thuộc về họ.

Young là một nhà cai trị khôn khéo và kiên quyết. Ông ta cho vẽ bản đồ, lập quy hoạch cho thành phố tương lai, phân chia đất đai tùy theo địa vị của từng người. Ai giỏi nghề nào tiếp tục làm nghề ấy. Họ ngả cây, đốn gỗ, san đất, cắm rào, đào mương, xẻ rãnh và mùa hè năm sau đất đai đã được phủ một màu vàng óng của lúa chín. Mọi sự trồng trọt và làm ăn đều phồn thịnh. Ngôi đền lớn dựng lên ở chính giữa thành phố

mỗi ngày một cao hơn, rộng hơn. Từ bình minh cho đến hoàng hôn, tiếng búa, tiếng cưa không ngừng vang lên trong nhà thờ.

Cô bé Lucy được ngồi trên chiếc xe của tông đồ Tăng-gơ cùng với ba người vợ và đứa con trai mười hai tuổi của ông ta. Với sức bật của tuổi thơ, cô bé vượt qua được nỗi đau buồn mất mẹ và chẳng bao lâu, cô bé thích nghi với cuộc sống trong ngôi nhà di động của mình và được các phụ nữ Mormons yêu quý. Sức khoẻ của John cũng đã được phục hồi, ông tỏ ra là một người dẫn đường hữu ích và một người đi săn không mệt mỏi.

Ông nhanh chóng được những người đồng hành quý trọng khi đến vùng đất hứa, họ nhất trí cấp cho ông một khoảnh đất to bằng phần đất của những kẻ hưởng nhiều đặc quyền, chỉ kém có giáo chủ và bốn tông đồ ; Tăng-gơ, Kim-bôn, Giôn-xơn và Đrếp-bơ.

Trên phần đất của mình, John dựng lên một ngôi nhà gỗ vững chãi, rồi xây thêm dần và chẳng bao lâu ngôi nhà ấy trở thành một biệt thự rộng lớn. Ông là một người khéo léo và nhanh nhẹn trong mọi công việc, làm việc suốt từ sáng đến tối. Sau ba năm, ông vượt hẳn những người láng giềng. Sau sáu năm, ông rất sung túc và sau chín năm, ông trở nên giàu có. Và sau mười hai năm kể từ ngày những người Mormons đến sinh cơ lập nghiệp tại đây, không có tới mười người có thể sánh kịp ông.

Ở ông, chỉ có một điều duy nhất khiến các người đồng giáo nghi ngờ : ông chưa để phụ nữ đến sống với ông theo phong tục đa thê. Ông không đưa ra một lý do gì, mà chỉ kiên quyết giữ vững ý định của mình. Người thì trách ông là không thiết tha với đạo giáo, người thì cho rằng ông muốn làm giàu nên mới sống độc thân. Có người lại nói đến một chuyện tình xưa, một cô gái tóc vàng đã chết bên bờ Đại Tây Dương. Mặc ai muốn nói gì thì nói, ông dứt khoát sống với đứa con gái nuôi. Ngoài chuyện này ra, về tất cả mọi mặt khác, ông nổi tiếng là một tín đồ chính thống, công bằng chính trực.

Cô gái lớn lên trong ngôi nhà gỗ, giúp đỡ người bố nuôi trong mọi công việc. Nhờ không khí trong lành vùng núi và hương thơm của cây cỏ, Lucy ngày càng cao lớn, khỏe mạnh, đôi má hồng hào, bước chân dẻo dai, uyển chuyển. Như vậy đó, cái nụ hoa đã nở thành một bông hoa.

Một buổi sáng tháng sáu, trên con đường cái bụi mù có hàng đoàn la dài chờ đây hàng đi về hướng Tây vì cơn sốt vàng vừa mới bùng ra ở California. Con đường đến đó lại chạy qua thành phố Salt-Lake. Trên đường còn có những đàn cừu và bê ăn cỏ ở những cánh đồng xa về và nhiều đoàn người di cư. Lucy cỡi ngựa ra phố, hai má đỏ bừng bừng, mái tóc dài vàng óng bay phấp phới. Cô lách đường đi qua giữa đám người và vật đông đúc kia với tài nghệ của một người thành thạo. Như mọi lần, nàng cho ngựa phi như bay, chỉ nghĩ đến chuyện hoàn thành công việc cho bố. Người ta nhìn nàng với con mắt khâm phục và kinh ngạc ; ngay cả những người da đỏ cũng xi xào về vẻ đẹp của nàng.

Khi ra tới rìa thành phố thì đường bị nghẽn vì có đàn bò lớn đi từ đồng cỏ về, nàng thúc ngựa theo một lối hở trong đàn bò. Nhưng vừa mới lọt vào trong đó thì đàn bò đã khép ngay lại và nàng bị vây vào giữa một biển di động những con bò sừng cong, dài. Đã quen với việc chăn nuôi bò, ngựa, Lucy không hết hoảng mà vẫn thúc ngựa tiến lên. Rủi thay, cặp sừng của một con bò, húc mạnh vào sườn con ngựa. Nó hí vang, lồng lên, đứng thẳng trên hai vó sau, nếu nàng không giỏi tất đã bị hất ngã xuống rồi. Mà ngã xuống thì sẽ bị cả đàn bò giẫm nát ngay. Tình thế rất nguy hiểm. Con ngựa càng lồng, càng va đụng vào những chiếc sừng nhọn hoắt của bò, và nó càng điên lên. Cô gái cố giữ mình trên lưng ngựa, nhưng chẳng mấy chốc, ngọt ngọt vì bụi cuốn lên mù mịt và hơi nước nồng nặc phả ra từ đàn bò, nàng choáng váng, đầu óc quay cuồng, tay cương lỏng đi. May thay, vừa vận lúc ấy có một bàn tay rắn chắc nắm lấy hàm thiếc con vật hoảng loạn, vạch lối qua đàn bò, đưa nàng đến rìa thành phố.

- Cô có bị thương không?

Lucy ngược mắt lên nhìn gương mặt r ám nắng, cương nghị rồi cười giòn giã :

- Ồ, không, may quá ! Tôi bị một phen hú vía.

- “Cũng may là cô còn ngồi vững trên yên”. Người thanh niên kia có dáng dấp của người quen sống ở nơi hoang dã, vóc người cao lớn, cường tráng. Anh mặc bộ đồ đi săn dày, cuời con ngựa nâu cao khỏe, vai đeo khẩu súng dài. “Chắc cô là con gái ông John. Tôi đã thấy cô đi ngựa từ nhà ra. Nhờ cô về hỏi cụ nhà còn nhớ ông Hope ở Saint Louis không. Nếu đúng là ông John ấy thì cha tôi và cụ nhà là bạn thân với nhau”.

- Sao anh không đến chơi, rồi hỏi thẳng cha tôi.

Anh thanh niên mừng rỡ trước lời mời gián tiếp :

- Tôi rất muốn đến, nhưng anh em chúng tôi vừa mới ở trên núi về, quần áo chưa được chỉnh tề, gia đình phải miễn thứ cho chúng tôi.

- Cha tôi phải cảm ơn anh nhiều, cả tôi nữa. Cha tôi rất quý tôi. Nếu tôi bị làm sao, chắc cha tôi sẽ buồn lắm.

- Cả tôi nữa.

- Cả anh nữa? Ô hay, anh đã quen biết gì tôi đâu? - Giọng cô gái vẫn mang vẻ nghịch ngợm, trêu chọc.

Nghe thấy vậy, gương mặt r ám nắng của anh thanh niên tối sầm lại khiến Lucy bật cười :

- Ấy không, tôi không cố ý nói thế đâu. Anh đã là bạn của cả gia đình rồi. Anh phải đến chơi đấy nhé, còn bây giờ tôi phải đi đây. Tạm biệt !

- Tạm biệt !

Chàng trai tiếp tục đi theo mấy người bạn. Họ mới thăm dò được một mỏ bạc trên vùng núi Nevada và giờ đây họ về Salt-Lake tìm chỗ vay mượn tiền để khai thác. Hope say mê kinh doanh, nhưng đến hôm nay, cuộc gặp gỡ này làm đảo lộn

nếp sống của anh. Hình ảnh cô gái tươi mát và lành mạnh như ngọn gió đã lay động trái tim rần rời của anh. Khi nàng đi khuất, anh bỗng nhận ra một biến cố mới đã xảy ra trong đời anh, bây giờ tất cả mọi công việc đều không quan trọng bằng vấn đề mới mẻ vừa được đặt ra.

Chàng đến thăm ông John ngay tối hôm đó và nhiều buổi khác nữa. Bị giam chân ở thung lũng vì công việc, ông John rất háo hức muốn biết những tin tức bên ngoài trong mười hai năm qua. Những câu chuyện mà chàng kể, làm say mê cô gái lẫn người cha. Anh đã từng làm đủ các nghề : hướng đạo, săn thú, tìm vàng, chăn bò. Ở đâu có những chuyện phiêu lưu mạo hiểm đòi hỏi sự gan dạ và lòng quả cảm là ở đó có mặt chàng.

Một buổi chiều hè, chàng ghim con ngựa trước cổng trang trại của ông John. Lucy ra đón, chàng vắt dây cương lên hàng rào, rào bước vào nhà. Năm lấy hai bàn tay cô gái :

- Lucy, anh có việc buộc phải đi xa, em ạ. Anh chưa thể xin cha em cho em đi cùng. Nhưng, hứa với anh đi, em sẽ đợi anh về nhé.

- Anh đi đâu, và bao giờ thì về? - Cô gái hỏi, lo lắng và thẹn thùng.

- Bọn anh bắt đầu đi khai thác những mỏ mới ở Nevada, việc này chỉ mất độ hai tháng là xong.

Buổi chia tay diễn ra vội vàng, song nhiều bịn rịn.

Chàng lên đường đã được ba tuần. Ông John thấy lòng se lại khi nghĩ đến ngày trở về của chàng rể và việc mình phải xa rời đứa con gái. Tuy vậy, gương mặt ngời sáng của nàng đã làm ông vui lòng với hôn ước này. Trong thâm tâm, ông vẫn không chịu để nàng lấy một người Mormons. Theo ông, một hôn nhân kiểu ấy là một điều ô nhục, riêng về điểm này, không gì có thể lay chuyển ông được. Tuy nhiên, ông giữ kín quyết tâm ấy, nếu không, ông sẽ gặp nguy hiểm.

Đúng, một điều nguy hiểm. Nguy hiểm đến nỗi ngay cả những người ngoan đạo nhất cũng chỉ dám thì thầm những ý kiến của mình về tín ngưỡng, tôn giáo. Cả toà án dị giáo thời trung cổ ở Tây Ban Nha, lẫn những hội kín ở Ý đều chưa thiết lập một bộ máy nào ghê gớm bằng cái bộ máy đang phủ bóng đen lên toàn bộ vùng đất Utah.

Nó như có tai mắt ở khắp mọi nơi và có quyền lực vạn năng. Kẻ nào có ý tưởng thù nghịch với giáo phái sẽ bị mất tích một cách bí hiểm. Vợ con họ chờ họ ở nhà nhưng họ không bao giờ trở về để kể lại cho vợ con biết họ đã bị xét xử như thế nào.

Trước hết, cái thế lực mơ hồ và ghê gớm này giáng xuống những kẻ dao động, những kẻ đã quy theo đạo Mormons mà sau đó lại muốn sửa đổi hoặc từ bỏ đạo này. Nhưng chẳng bao lâu, cái thế lực ấy mở rộng phạm vi hoạt động của nó. Số phụ nữ trưởng thành trong cộng đồng giảm dần, nhưng nếu thiếu đàn bà con gái thì chế độ đa thê trở thành một giáo nghĩa vô giá trị. Đến khi ấy bắt đầu có những tin đồn lạ lùng : có những người di cư bị giết hại, những khu trại bị cướp phá ở những nơi không bao giờ thấy bóng người da đỏ. Tại nhà các tông đồ thấy xuất hiện những người phụ nữ mới, nét mặt ủ ê, còn đượm rõ nỗi kinh hoàng...

Một buổi sáng, John sắp sửa đi thăm đồng, bỗng nghe tiếng chốt cổng ngoài hàng rào mở mạnh. Một người đàn ông mở cổng bước vào. Ông giật thót người, vì đây chính là vị thủ lĩnh tối cao của người Mormons. Ông lo ngại, vội chạy ra cổng chào đón giáo chủ, Young lạnh lùng nhận lời chào của ông và theo ông vào phòng ăn, về mặt nghiêm khắc.

Young ngồi xuống một chiếc ghế, nhìn chằm chằm vào John :

- Giáo hữu John, các tín đồ đã cư xử như những người bạn tốt với ông. Chúng ta đã cứu vớt ông lúc ông sắp chết, chúng ta đã chia sẻ cơm ăn áo mặc cho ông, chúng ta đã cấp cho ông một phần đất rộng lớn. Có đúng không?

- Thưa đúng.

- Để đổi lấy tất cả những ân huệ đó, chúng ta chỉ đặt ra có mỗi một điều kiện là ông hãy tuân theo mọi quy định của đạo giáo. Ông đã hứa tuân theo, nhưng cứ như những điều ta nghe được thì ông đã không tuân theo.

- Có điều gì mà tôi không tuân theo? Tôi đã chẳng đóng góp vào quỹ chung hay sao? Tôi đã chẳng siêng năng đi lễ hay sao?

- "Vợ ông đâu?" Young hỏi, đưa mắt nhìn xung quanh. "Ông hãy bảo *những người vợ* của ông ra đây để ta chào".

- Đúng là tôi chưa lấy vợ. Nhưng phụ nữ ở đây rất hiếm và có nhiều người khác được quyền ưu tiên hơn tôi. Và lại đã có con gái tôi trông nom tôi rồi.

- Ta muốn nói với ông về đứa con gái này. Nó đã lớn, nó đã trở thành một bông hoa của Utah và nhiều người quyền cao chức trọng đã nhìn nó với con mắt ưa thích.

John thăm rên rĩ trong lòng.

- Người ta bảo rằng con gái ông đã được ước hôn với một kẻ ngoại đạo. Có lẽ đó chỉ là những lời đồn đại nhằm nhí. Điều răn thứ mười ba của Joseph Smith dạy gì? "*Con gái ngoại đạo phải lấy một trong những người con được Chúa tuyển chọn làm chồng, vì lấy kẻ ngoại đạo là một trọng tội*". Ông là tín đồ của Chúa, sao lại có thể để cho con gái vi phạm lời răn đó được?

John không trả lời, tay chỉ mân mê cái roi ngựa. Giáo chủ nói tiếp :

- Cò gái còn ít tuổi, chúng ta không muốn nó lấy một mái đầu bạc. Chúng ta cũng không muốn ngăn cản nó chọn lựa. Tăng-gơ có một con trai và Đrếp-bơ cũng có một con trai. Nó hãy chọn một trong hai người ấy làm chồng. Họ đều giàu có, đều là những tín đồ chân chính. Ông có gì cần thưa lại với ta nữa không?

John im lặng một lát, vàng trán nhăn lại, cuối cùng ông nói :

- Xin giáo chủ hãy tha cho chuyện đó. Con gái tôi tuổi còn non.

Young đứng dậy :

- Nó được một tháng để chọn lựa. Sau thời hạn ấy, nó phải quyết định.

Bước qua ngưỡng cửa, Young còn quay lại, nét mặt hăm hăm, giọng vang vang :

- John ! Ông và con gái ông, các người thà cứ nằm phơi sương trên dải Sierra Blanco còn hơn là chống lại những mệnh lệnh của "Các vị Thánh Ngày cuối".

Sau một cử chỉ hăm dọa, Young quay đi và John nghe thấy tiếng chân nặng trĩu trên lớp sỏi.

Ông vẫn còn ngồi đó, tay khuỷu tay lên đầu gối suy tính, thì một bàn tay dịu dàng khẽ đặt lên bàn tay ông. Ngược mắt lên, thấy gương mặt hoảng hốt của Lucy, ông hiểu là cô đã biết sự tình. Ông an ủi :

- Con đừng lo, cha sẽ thu xếp. Con không chịu khuất phục trước ý muốn của con người vừa rồi chứ?

Lucy chỉ đáp lại bằng tiếng sục sục và nắm tay siết mạnh.

- Tất nhiên rồi. Cha cũng không muốn con chịu khuất phục. Hope rất xứng đáng với con, nó hơn tất cả bọn con trai ở đây gộp lại. Ngày mai có một toán người đi Nevada, cha sẽ tìm cách nhắn tin. Nếu nó đúng là con người như cha đã biết, nó sẽ trở về nhanh hơn điện tin.

Lucy cười qua những giọt nước mắt trước sự so sánh của người cha già.

- Khi anh ấy về, anh ấy sẽ giúp được cha con mình. Nhưng con chỉ lo cho cha. Người ta kể những chuyện ghê sợ về những ai dám cưỡng lại mệnh lệnh của giáo chủ.

- Nhưng ta đã cưỡng lại đâu. Ta còn một tháng. Đến thời hạn ấy, chúng ta đã đi khỏi nơi đây rồi.

- Rồi bỏ nơi đây?
- Chỉ còn cách đó.
- Còn trang trại thì sao?

- Cha sẽ chuyển thành tiền được càng nhiều càng tốt, còn thì bỏ lại hết, con ạ ; cha không chịu cúi mình như những người ở đây.

- Họ không để cho mình đi đâu, cha ạ.

- Chờ Hope về, ta cùng thu xếp. Từ nay đến lúc đó, con không có gì lo sợ, và cũng đừng khóc. Nếu không, khi gặp cha, nó sẽ trách cha đấy.

John nói với con bằng một giọng tin tưởng, tuy vậy, Lucy vẫn nhận thấy rằng tối hôm đó, ông cài cửa cẩn thận hơn mọi hôm, nạp đạn vào khẩu súng và treo trong phòng ngủ.

10. CHẠY TRỐN

Sáng hôm sau, John ra thành phố nhắn tin cho Hope. Về đến nhà, ông ngạc nhiên thấy có hai con ngựa buộc ở hai cái cọc bên cổng. Ông càng ngạc nhiên hơn nữa khi thấy trong phòng ăn có hai người trẻ tuổi. Một người mặt tái mét, dài ngoẵng, ngồi lút trong chiếc ghế đu, chân gác lên bếp lò. Người kia cổ to như bò mộng, nét mặt phì nộn, đứng trước cửa sổ, tay dứt túi, huýt sáo một bài hát. Cả hai nghiêng đầu chào khi John bước vào, và kẻ đang nằm dài trên chiếc ghế đu khơi chuyện :

- Có lẽ ông không biết chúng tôi. Đây là I-nốc Đrếp-bơ, con trai Đrếp-bơ ; còn tôi là Giô-dép Tăng-gơ, con trai Tăng-gơ. Tôi đã đi cùng với ông khi Chúa chia bàn tay ra và đưa ông trở lại bầy đàn chân chính.

- Nơi người sẽ dắt dẫn mọi dân tộc, vào giờ phút thích đáng, - Gã con trai kia nói tiếp bằng giọng mũi.

John lạnh lùng gật đầu.

Tăng-gơ nói tiếp :

- Chúng tôi đến đây để xin con gái ông về làm vợ cho một trong hai người chúng tôi. Tôi mới có bốn vợ, và giáo hữu I-nốc Đrép-bơ bảy vợ. Như vậy tôi có lẽ được quyền ưu tiên hơn.

- “Không ! Không !”. Gã kia vội kêu lên. “Vấn đề không phải ở chỗ đã có bao nhiêu vợ, mà là có thể nuôi được bao nhiêu vợ. Cha tôi vừa mới cho tôi mấy nhà xay thóc, nên tôi là người giàu hơn”.

- “Nhưng triển vọng gia sản của tôi lại lớn hơn”, gã kia hung hăng đáp lại. “Khi Chúa gọi cha tôi về hầu, tôi sẽ được thừa hưởng sản nghiệp thuộc da của cha tôi. Lúc đó tôi sẽ là tông đồ cấp cao hơn anh trong giáo hội”.

- “Cứ để cho cô gái quyết định”, - I-nốc Đrép-bơ nói, cười mỉm với hình ảnh của mình trong gương.

Trong lúc hai gã đối đáp nhau, John cố ghìim nén cơn giận để khỏi quát chiếc roi ngựa lên lưng họ.

- Này, các anh, khi nào con gái tôi gọi các anh đến thì các anh mới được đến. Nó chưa gọi thì đừng có vác mặt tới đây.

Hai gã trẻ tuổi nhìn nhau, ngơ ngác. Theo họ, đây là một vinh dự lớn cho người cha lẫn cô gái. John quát lên :

- Có hai lối ra khỏi phòng này, ra bằng cửa lớn và ra bằng cửa sổ. Các anh muốn ra bằng cửa nào?

Gương mặt và hai bàn tay John mang một vẻ hung tợn, đến nỗi hai gã đứng bật dậy, vội vã bỏ về. John theo chân chúng đến tận cổng ngoài.

Tăng-gơ tức sùi bọt mép:

- Ông sẽ hối hận cho đến khi nhắm mắt.

- Bàn tay Chúa sẽ giáng xuống đầu ông. Chúa sẽ trừng trị ông. - Đrúp-bơ cũng hét lên trước khi hai gã phóng ngựa bỏ đi.

Ông già quay vào nhà, lấy tay chùi mồ hôi trên trán, nói với con :

- Bọn chó má ! Cha thà thấy con nằm trong nấm mồ còn hơn làm vợ một trong hai đứa.

- “Con cũng quyết thế”, cô gái trả lời với giọng rắn rỏi. “Nhưng anh Hope chắc sắp về rồi”.

- Ừ, chắc cũng không lâu, nhưng sớm ngày nào tốt ngày ấy.

Quả vậy, người trại chủ mạnh khỏe cần có người giúp đỡ. Trong suốt lịch sử của cộng đồng này, chưa từng có trường hợp nào chống lại uy quyền của giáo chủ một cách ngang nhiên đến vậy. Những lỗi lầm nhỏ mọn mà còn bị trừng trị ghê gớm thì số phận của kẻ bất phục tùng này sẽ ra sao? John biết rằng tài sản và danh tiếng của ông chẳng giúp ông được gì. Đã có những người khác, giàu có và tiếng tăm như ông, bị thủ tiêu và gia tài thì bị sung vào quỹ của giáo hội.

Sáng hôm sau, ông thấy một mẩu giấy gài trên tấm chăn ông đắp, đúng ngang ngực. Trên mẩu giấy có dòng chữ in đậm nét:

“Người còn hai mươi chín ngày để sửa mình”.

Mẩu giấy ấy làm John lo sợ hơn bất kỳ lời đe dọa nào. Hai mươi chín ngày rõ ràng là thời hạn mà Young dành cho ông. Bàn tay đã gài mẩu giấy này rất có thể cầm một mũi dao vào giữa tim ông.

Sáng hôm sau nữa, John còn hoảng hốt hơn. Hai cha con vừa ngồi vào bàn ăn buổi sáng thì Lucy kêu lên một tiếng kinh ngạc, gơ tay chỉ lên trần nhà. Ngay giữa trần có ai đã viết, có lẽ bằng một cái que cời lửa, con số “28”. Lucy chắc không thể hiểu ý nghĩa của con số đó, và John cũng không nói cho

con hay. Duy có điều, đêm hôm ấy, ông cảm súng canh rất khuya. Ông không thấy bóng dáng một ai, không nghe thấy một tiếng động nào, thế mà sáng hôm sau trên mặt ngoài cánh cửa đã có một con số "27".

Cứ như vậy, ngày tiếp ngày, ông nhận thấy các kẻ thù vô hình của ông đã tính số đều đặn và ghi số ngày trong thời hạn dành cho ông. Những con số đó được viết khi thì trên tường, khi thì trên sàn, thỉnh thoảng lại ghi trên những tấm bia nhỏ dính ở cửa vườn hoặc ngoài hàng rào. Một cảm giác hái hùng xâm chiếm lấy ông mỗi khi nhìn thấy những con số đó.

Con số 20 trở thành 15, rồi 10, vẫn không có tin tức gì về Hope. Mỗi lần có tiếng vó ngựa qua đường, người trại chủ già lại vội vã chạy ra hàng rào xem. Nhưng đến khi ông thấy con số 5 bị thay thế bằng 4 rồi 4 bị thay thế bằng 3 thì ông hết hy vọng. Một thân một mình không thông thuộc đường đi trên các dãy núi bao quanh vùng, ông biết mình bất lực.

Một buổi tối, ông ngồi một mình suy nghĩ miên man, vô vọng. Sáng hôm ấy, con số 2 đã hiện trên tường và hôm sau sẽ là ngày của thời hạn đáng nguyên rủa. Trong bầu không khí im lặng buổi tối, ông bỗng nghe thấy tiếng gõ cửa rất nhẹ. John nhảy vọt đến cửa, rút chốt, mở toang cánh cửa.

Bên ngoài, cảnh vật rất yên tĩnh. Trong vườn, ngoài nhà, không thấy bóng một ai. Bỗng nhìn xuống chỗ gần chân mình, ông thấy một người nằm áp bụng xuống đất, vụn vẹo bò vào trong nhà, nhanh và lặng lẽ như một con rắn. Vào đến trong nhà, người ấy đứng bật dậy, đóng cửa lại và John nhận ra là Hope. Giọng anh khản đặc:

- "Bác có gì ăn không?". Anh sà vào bàn, ăn nốt chỗ thức ăn của bữa chiều còn lại, vừa ăn vừa hỏi chuyện. "Lucy có khoẻ không bác?".

- Nó khoẻ. Nhưng sao cháu lại đến đây bằng cách ấy.

- Nhà bác đã bị vây kín. Cháu phải bò từ xa đến đây. Chúng ghè lắm, nhưng vẫn không bắt nổi một thợ săn của vùng rừng núi.

John phấn chấn siết chặt bàn tay người thanh niên :

- Chúng ta tính sao đây?

- Ngày mai là ngày cuối cùng, nếu ta không đi ngay đêm nay thì hỏng mất. Cháu có một con la và hai con ngựa buộc ở chỗ hẻm Đại bàng. Bác hiện có bao nhiêu tiền?

- Bảy nghìn đô-la.

- Thế là đủ. Cháu cũng có chừng ngàn ấy. Ta phải đi về phía thành phố Carson qua đường núi. Bác đánh thức Lucy dậy đi.

Một lát sau, lợi dụng lúc một đám mây bay qua làm đêm tối thêm, ba người thận trọng mở cửa sổ, vượt ra vườn, rồi nín thở, khi thì gặp người lại làm hai, khi thì dán bụng xuống đất, tiến dần đến hàng rào, đến một khe hở mở ra cánh đồng.

Bồng chàng vội kéo hai người nấp vào một chỗ khuất. Kinh nghiệm của người thợ săn đã giúp cho chàng có đôi tai của mèo rừng. Ba người vừa nấp xong vào một chỗ tối đen, đã nghe thấy cách chỗ họ có vài mét một tiếng hú buồn thảm của cú mèo. Một tiếng hú khác cũng ngay gần đấy đáp lại. Cùng lúc đó, một bóng người lờ mờ từ khe rào mà họ định tiến tới hiện ra, và tiếng hú ảo não kia lại nổi lên. Lúc ấy có một bóng người khác nhô ra từ trong tối. Chiếc bóng đầu tiên, có vẻ là một kẻ chỉ huy, nói :

- Ngày mai, vào lúc nửa đêm, khi chim kêu ba tiếng.

- Rõ. Có cần nói lại với giáo hữu Đrép-bơ không? - Bóng kia đáp lại.

- Báo cho Đrép-bơ biết mật hiệu và chuyển lại cho các giáo hữu khác. *Chín còn bảy?*

- *Bảy còn năm*, - Bóng kia đáp lại rồi hai bóng người đi về hai hướng khác nhau.

Tiếng bước chân của chúng vừa mới chìm đi xa, cả ba người liền đứng dậy, vượt qua khe rào, chạy thật nhanh qua cánh đồng tới đường cái.

Ra tới đường cái, họ đi nhanh hơn. Trên đường, họ chỉ gặp có mỗi một người và kịp nắp xuống bờ ruộng bên ven đường. Gần đến chỗ vào thành phố, người thợ săn rẽ sang một con đường đất gồ ghề nhỏ hẹp đi lên núi. Hiện ra lơ mờ trong bóng tối phía trên đầu họ là hai mỏm núi lồm chồm, giữa hai mỏm núi đó là hẻm Đại bàng. Qua một lòng suối cạn nước, họ tới chỗ ẩn khuất đằng sau mấy tảng đá lớn, thấy ngựa và la vẫn còn. Cô gái ngồi lên lưng la, ông già với bọc tiền ngồi lên một con ngựa, còn người thợ săn dắt con ngựa kia.

Đường đi rất nguy hiểm, nhiều chỗ hẹp đến nỗi họ phải đi theo hàng một. Tới một chỗ hoang vắng và hiểm trở nhất của hẻm núi, bỗng Lucy khê kêu lên một tiếng, giơ tay chỉ lên mỏm núi. Một hình người đứng trên tảng đá mọc chia ra bên trên con đường, nổi bật thành một bóng đen trên nền trời. Cùng lúc đó, người gác kia cũng nhìn thấy họ. Một tiếng "Ai?" lạnh sống lưng vang lên trong hẻm im lìm.

- Lữ khách đi Nevada, - Hope đáp, tay đặt lên khẩu súng treo ở yên ngựa.

Họ thấy người gác lăm lăm khẩu súng, nhìn họ như chưa hài lòng với câu trả lời.

- Được phép ai chưa?

- Được phép của "Các vị Thánh Ngày cuối" - John đáp. Những năm tháng sống với người Mormons đã dạy cho ông biết đây là quyền lực cao nhất mà ông có thể viện ra.

- *Chín còn bảy*, - Tên gác hỏi mật hiệu.

- *Bảy còn năm*. - Hope đáp lại ngay, nhớ lại mật hiệu nghe được ở hàng rào bên vườn.

- Đi đi, và cầu Chúa phù hộ cho các người !

Sau khúc đó, con đường rộng dần ra, bằng phẳng hơn và họ có thể cho ngựa đi nước kiệu. Ngoài lại đằng sau, họ thấy bóng người gác chống súng xuống đất, họ biết là họ đã được tự do.

11. BÁO OÁN

Những người chạy trốn đi suốt đêm, qua những đường đèo hiểm trở, dốc ngược và lởm chởm đá. Nhiều lần lạc đường, nhưng nhờ chàng trai thông thuộc vùng núi này nên họ lại tìm được phương hướng. Đến lúc trời rạng sáng, họ dừng lại bên một thác nước cho ngựa uống và để ăn vội bữa sáng, Lucy và ông John rất muốn nghỉ lại lâu hơn, nhưng người thợ săn nhắc nhở :

- Hiện giờ chúng đã bắt đầu đuổi theo. Thoát được hay không là tùy ở tốc độ của chúng ta. Tới được thành phố Carson là thoát.

Suốt ngày hôm ấy họ đi theo những con đường cheo leo, những hẻm núi nhỏ hẹp và đến chiều, họ tính đã ở cách xa kẻ thù khoảng ba mươi dặm. Đêm đến, chọn chỗ nghỉ ở chân một tảng đá mọc nhô ra để che bớt gió, và nép người vào với nhau để có chút hơi ấm. Trước khi trời sáng, họ đã lên đường. Không thấy một dấu hiệu nào có người đuổi theo, Hope cho rằng họ đã thoát ra ngoài tầm tay của cái tổ chức khủng khiếp.

Đến khoảng trưa ngày thứ hai, chỗ lương thực ít ỏi mang theo bắt đầu cạn. Chàng trai không lo lắng. Chọn chỗ khuất, anh chắt đóng một ít cành cây khô, nhóm đống lửa lớn để ông John và Lucy sưởi : gió thổi mạnh và giá lạnh. Buộc ngựa xong, chàng khoác súng lên vai, đi kiếm thức ăn cho cả nhóm.

Chàng đi vài kilômét vào một hẻm núi, rồi đi tiếp sau một hẻm núi khác, mà không gặp được một loại chim thú nào. Cuối cùng, sau hai ba giờ tìm kiếm, chàng nản chí, đã toan quay trở lại, bỗng nhìn thấy một con sơn dương, nó quay đầu về hướng khác, không thấy chàng. Chàng ngửa người, tì súng lên mép một tảng đá ngấm cẩn thận rồi mới bóp cò. Con vật lao đảo bèn bờ vực rồi lăn xuống đáy thung lũng. Chàng xèo lấy một phần thịt, rồi vội vã quay trở lại chỗ cũ. Nhưng đường về bảy giờ tìm mới khó vì lúc mãi mê, chàng đã đi quá những hẻm núi quen thuộc. Trên núi, đêm ập xuống nhanh và lúc trời tối mịt, chàng mới nhận ra đường về.

Về đến đầu đường đèo - nơi chàng đã để ông John và Lucy ngồi chờ bên đống lửa, - chàng bắt tay lên miệng hô vang một tiếng "hồồồ". Nhưng không có một tiếng hô nào đáp lại. Hô tiếp một tiếng nữa. Vẫn không thấy có tiếng đáp, chàng cảm thấy một nỗi lo sợ mơ hồ khó tả, vội vứt bỏ tảng thịt, lao chạy về phía trước.

Sau một chỗ ngoặt, chàng nhận ra rõ đây là nơi mình đã nhóm lửa. Dưới đất hãy còn một đống than cháy dở, nhưng xung quanh người và ngựa đã biến đi đâu mất !

Chàng khơi lại ngọn lửa và xem xét khu vực xung quanh. Nền đất có nhiều vết chân ngựa cho thấy một toán đông cuối ngựa đã đuổi kịp rồi sau đó đã lại rút đi. Cách đống lửa không xa có một mô đất mà lúc trưa không thấy có. Rõ ràng là một ngôi mộ vừa mới đắp. Bước lại gần, chàng thấy có một cái gậy cắm vào giữa ngôi mộ, trên đầu gậy gài một tờ giấy ghi vắn vắn :

John Ferrier

Trước ở thành phố Salt-Lake

Chết ngày 4 tháng 8 năm 1860

Dau đớn, chàng hồi hả tìm khắp xung quanh xem có ngôi mộ nào nữa không, nhưng không thấy, Lucy đã bị bắt đi rồi.

Nàng sẽ là vợ của con trai một tông đồ Mormons nào đó. Khi hiểu ra số phận của vị hôn thê, chàng trai muốn lấy cái hèm núi làm nơi an nghỉ cuối cùng của mình. Nhưng bản tính kiên cường lại trỗi dậy. Nếu như đời chàng từ nay không còn ý nghĩa gì nữa, thì ít ra chàng vẫn có thể dùng nó để trả thù cho vợ. Cùng với bản tính kiên cường và nhẫn nại, chàng còn có một chí căm thù bền bỉ mà chàng đã học được ở những người da đỏ. gương mặt tái nhợt và dữ tợn, chàng quay trở lại chỗ đã bỏ tảng thịt, nhóm lửa, chuẩn bị cho mình đủ thịt ăn trong vài ngày rồi đứng lên, lán đường tìm về thành phố Salt-Lake.

Đến ngày thứ sáu, chàng về tới hèm Đại bàng. Tại đó, chàng có thể nhìn thấy nơi ở của các vị Thánh ngày Tận thế. Chàng thấy có cờ bay phấp phới ở một vài đường phố chính và một vài dấu hiệu khác là có cuộc vui hay buổi lễ gì đó, trong thành phố. Bỗng chàng nghe tiếng vó ngựa và thấy một người đi về phía mình. Chàng nhận ra đó là Cu-pơ, người mà mình đã có lần giúp một vài việc. Khi người đó tới gần, chàng bước lại :

- Anh còn nhớ tôi không. Tôi là Hope đây.

Người Mormons này không giấu nổi vẻ ngạc nhiên. Quả thực, khó mà nhận ra một kẻ lang thang, rách rưới, râu rậm tóc bù, mặt nhợt nhạt và dễ sợ này... Rồi vẻ ngạc nhiên mau lẹ chuyển thành vẻ lo ngại.

- Anh điên hay sao mà đến đây. Có lệnh bắt anh vì anh đã giúp hai cha con ông John chạy trốn.

- Tôi không sợ. Chỉ xin anh, vì tình bằng hữu cho tôi biết Lucy hiện nay ra sao.

- Hôm qua, người ta đã làm lễ cưới cho cô ấy. Kia, can đảm lên chứ. Trông anh như người mất hồn.

- "Anh khỏi phải bận tâm về tôi", giọng Hope yếu ớt. Đòi môi tái nhợt, ngồi bệt xuống một tảng đá. "Anh bảo sao, lễ cưới ư?"

- Lễ cưới được tổ chức hôm qua, vì vậy mới treo cờ. Con trai Drép-bơ và con trai Tăng-gơ tranh nhau khá căng. Cả hai gã đều nằm trong nhóm người đã đuổi theo họ và Tăng-gơ là kẻ đã giết người cha của cô gái. Vì vậy, Tăng-gơ có vẻ được ưu tiên, nhưng khi việc này được đưa ra Hội đồng thì phái nhà Drép-bơ thắng và giáo chủ đã giao cô gái cho Drép-bơ. Dầu vậy, chẳng ai giữ cô ấy được lâu đâu vì hôm qua tôi đã thấy máu chết trên sắc mặt cô ấy rồi. Thế nào, anh đi đây à.

- Vâng, tôi đi đây. - Hope đứng dậy, gương mặt danh lại và đôi mắt ánh lên một vẻ điên dại.

- Anh đi đâu?

- Đi đâu mà chẳng được, - Hope đáp, rồi vác súng lên vai, rảo bước về phía đường đèo, tiến sâu vào trong lòng núi.

Lời tiên đoán của Cu-pơ quả không sai : Lucy héo hon rồi chết trong không đến một tháng. Drép-bơ không tỏ ra đau buồn khi Lucy chết, vì ông ta lấy Lucy chủ yếu vì của cải của ông bố. Nhưng những người vợ khác của y thương khóc cô, và theo phong tục của người Mormons, họ thức trông xác cô suốt đêm trước hôm mai táng. Đang ngồi xung quanh quan tài vào lúc trời chưa sáng, họ bỗng kinh ngạc và khiếp sợ khi thấy cửa bật mở và hiện ra một người đàn ông ăn mặc rách rưới, mặt sạm đen, con mắt điên dại, bước thẳng đến chỗ đặt thi hài, cúi đầu kính cẩn đặt đôi môi lên vàng trán giá lạnh rồi đỡ lấy bàn tay người chết, rút chiếc nhẫn cưới ra khỏi ngón tay và nói bằng một giọng giống tiếng gầm rít của loài thú nhiều hơn tiếng người : "Không thể để cho người ta chôn cất nàng cùng với chiếc nhẫn này". Trong lúc đám phụ nữ chưa biết nên làm gì thì người đó đã biến mất.

Trong nhiều tháng, người ta kể có một kẻ kỳ quặc thường hay lẩn quất ở những cánh đồng bên ngoài thành phố hoặc trong những hẻm núi hoang vắng. Một hôm, một viên đạn bắn

qua cửa sổ nhà Tăng-gơ đập vào tường cách đâu y có một bộ. Lại một dịp khác, Đrép-bơ đang đi dưới chân một dốc núi thì một tảng đá lăn về phía y, y phải bỏ nhào úp sấp mặt xuống đất mới thoát chết. Hai gã thanh niên ấy sớm phát hiện ra người tiến hành những vụ mưu sát này, và chúng dẫn nhiều người đi tìm Hope nhiều lần nhưng không bắt được chàng. Chúng phải cắt người canh gác nhà chúng, chúng không bao giờ ra khỏi nhà một mình hoặc khi trời tối. Sau một thời gian, những biện pháp này được nói lỏng : người ta không còn thấy bóng dáng Hope đâu và chúng nghĩ rằng thời gian đã làm người mối thù ở trong lòng người thợ săn trẻ tuổi ấy.

Nhưng chí báo thù đã chiếm lĩnh toàn bộ tâm hồn chàng trai, không còn chỗ cho một tình cảm nào khác len vào nữa. Những cuộc sống phơi sương dãi nắng, chẳng mấy chốc làm hao mòn sức khỏe của chàng. Nếu chàng chết trên núi như một con chó hoang thì ai sẽ báo thù cho? Mà nếu chàng cứ ở mãi trên núi thì không thể tránh khỏi kết cục đó. Vì vậy chàng trở lại vùng mỏ Nevada để phục hồi sức khỏe và thu nhặt một ít tiền để rồi có thể theo đuổi chuyện báo oán.

Chàng định vắng độ một năm là cùng, nhưng nhiều tình huống không lường trước không cho phép chàng rời khỏi khu mỏ trong năm năm. Tuy nhiên, sau thời gian ấy, ký ức về nỗi đau buồn và lòng khao khát báo thù vẫn mãnh liệt. Cải trang, chàng trở lại thành phố Salt-Lake dưới một cái tên giả và được biết những tin trái ý. Trước đó vài tháng đã xảy ra một sự phân liệt trong đám người được Chúa tuyển chọn. Một vài thanh niên trẻ của giáo phái Mormons đã nổi dậy, chống lại quyền lực của các tông đồ và kết quả là một số đã ly khai, bỏ Utah ra đi, trở thành những kẻ ngoại đạo. Trong số đó có Đrép-bơ và Tăng-gơ. Không ai biết chúng đi đâu. Người ta kể rằng Đrép-bơ đã khéo thu xếp, chuyển hầu hết tài sản của hắn ra thành tiền đem đi, còn Tăng-gơ thì không được sung túc bằng.

Nhiều người, dù cho lòng báo thù có cháy bỏng đến đâu, có lẽ cũng đã phải từ bỏ ý định của mình trước ngàn ấy khó khăn, nhưng Hope thì không. Với số tiền ít ỏi đã có, chàng đi hết thành phố này đến thành phố khác trong khắp nước Mỹ tìm kiếm tung tích của kẻ thù, vừa đi vừa nhận làm những công việc lặt vặt để có thêm tiền sinh sống. Từng năm trôi đi, mái tóc đen đã lốm đốm bạc nhưng ông vẫn cứ đi, không biết mệt mỏi, không hề nản chí, dò tìm dấu vết của kẻ thù như một con chó săn say mồi. Một hôm, ông thoáng nhìn thấy một nét mặt qua một khung cửa sổ, và biết đó là người mà ông lùng đuổi hiện đang ở tại thành phố Cleveland, bang Ohio. Ông trở về căn buồng, sắp đặt sẵn kế hoạch báo thù. Thế nhưng Đrếp-bơ khi nhìn qua cửa sổ nhà hắn, cũng đã nhận ra kẻ lang thang ngoài phố kia và thấy ý định giết người trong ánh mắt người ấy. Hắn vội vã cùng với Tăng-gơ - khi ấy đã trở thành thư ký riêng của hắn - đến nhà một vị thẩm phán khai hắn đang bị một kẻ tinh dịch cũ dọa giết.

Tối hôm ấy, Hope bị tống giam và vì ông sống lang thang, không nhà cửa, không nghề nghiệp nhất định, ông bị giam mấy tuần. Đến khi được thả, ông thấy nhà Đrếp-bơ bỏ trống và được biết hắn đã sang châu Âu cùng với tên thư ký riêng.

Một lần nữa, người báo oán thất vọng, nhưng cũng một lần nữa, mối thù dồn tụ qua năm tháng lại đẩy ông tiếp tục. Không đủ tiền đi xa, ông phải kiếm việc làm, dành dụm từng đô-la một cho cuộc hành trình sang châu Âu. Sau cùng, khi có tạm một ít tiền để đủ sống, ông lên đường, đuổi theo các kẻ thù của mình qua thành phố này đến thành phố khác ở châu Âu, nhận làm bất cứ việc gì để sống. Thành phố Pétersbourg của Nga. Thủ đô Paris của Pháp. Thủ đô Copenhague của Đan Mạch. Cuối cùng ông theo chúng tới thủ đô nước Anh, và hạ sát được chúng.

12. PHẦN TIẾP TRONG NHẬT KÝ CỦA BÁC SĨ WATSON

Tuy chống cự kịch liệt, nhưng người đánh xe tỏ ra không hằn thù gì chúng tôi. Ông ta nở một nụ cười thân thiện và tỏ ý mong rằng ông ta không gây thương tích gì cho chúng tôi trong lúc xô xát. Ông ta nói với Sherlock Holmes :

- Tôi chắc các ông sẽ dẫn tôi về Sở cảnh sát. Xe của tôi để dưới đường. Nếu các ông vui lòng cởi trói chân cho tôi, tôi sẽ tự mình xuống.

Grêch-sơn và Lê-tra nhìn nhau suy nghĩ. Nhưng Sherlock Holmes cởi ngay dây trói.

Holmes bảo hai nhà thám tử :

- Các ông nên đi cùng với tôi.

- Tôi đánh xe cho. - Lê-tra nói.

- Tốt lắm. Ông Grêch-sơn ngồi trong xe cùng với tôi. Bác sĩ Watson, cả anh nữa.

Tất cả chúng tôi ra xe. Hope ngoan ngoan bước lên xe. Tới Sở cảnh sát. Viên thanh tra làm nhiệm vụ của mình một cách bình thân, buồn tẻ :

- Can phạm sẽ bị đưa ra xét xử ngay trong tuần. Trong khi chờ đợi, Hope, anh có muốn khai gì không?

Hope từ tốn nói :

- Lời khai của tôi khá dài. Tôi muốn được kể hết với các ông.

- Ông có thể để đến khi ra tòa khai cũng được.

- Có lẽ tôi sẽ không phải ra tòa đâu. Các ông chớ hoảng hốt. Tôi không có ý định tự tử. Ông có phải là bác sĩ không?

- Ông ta quay đôi mắt u tối và chấy bóng sang phía tôi.

- Phải.

- Thế thì xin ông đặt tay vào đây. - Với một nụ cười hé nở trên môi, ông ta đưa hai cổ tay bị khoá lên ngực.

Làm theo yêu cầu của ông ta, tôi cảm thấy ngay *những tiếng tim đập dữ dội. Lòng ngực ông ta rung lên bần bật như một tòa nhà mảnh mai bên trong đang chạy một động cơ quá mạnh.* Trong bầu không khí im lặng của gian phòng, tôi có thể nghe thấy *tiếng thổi và tiếng rung* cũng xuất phát từ đó.

- Ủa, ông bị *bệnh phình động mạch chủ* hả? - Tôi thốt lên.

- “Đúng vậy”. Hope bình thản đáp. “Tuần trước tôi đã đi khám bệnh, bác sĩ bảo không bao lâu nữa nó sẽ vỡ tung. Bệnh đã nặng lên từ lâu trong những năm tôi phải sống ở ngoài trời, ăn ngủ không đủ no. Tôi đã làm xong cái việc cần làm, dù có phải ra đi sớm cũng không có gì hệ trọng. Tuy nhiên, tôi muốn kể lại câu chuyện của tôi để người ta đừng nghĩ tôi là một tên sát nhân bị ối.

Viên thanh tra và hai nhà thám tử hội ý chớp nhoáng với nhau, xem có nên cho can phạm được phép kể như ông ta yêu cầu không. Viên thanh tra hỏi tôi :

- Bác sĩ có cho rằng tính mạng can phạm có thể bị nguy không?

- Rất có thể.

- Trong trường hợp ấy, nhiệm vụ của chúng tôi là phải lấy lời khai của can phạm. Ông Hope, chúng tôi cho phép ông bắt đầu khai.

- “Tôi xin phép được ngồi” Hope nói : “Bệnh phình động mạch này làm tôi dễ mệt lắm, nhất là sau cuộc vật lộn hồi nãy. Tôi đang ở bên bờ cõi chết. Vì vậy, tất cả những lời tôi sẽ nói ra đây đều là hoàn toàn sự thật.”

Tiếp đó, Hope bắt đầu kể câu chuyện của mình. Ông ta nói với một giọng bình thản từ tốn :

- Hai người ấy đã gây ra cái chết của hai cha con - một cô gái và người cha - và vì thế, chúng rất đáng tội chết. Tuy

nhiên, từ ngày đó đến nay, tôi không có đủ bằng chứng để đưa ra trước bất kỳ một toà án nào. Vì vậy tôi đã quyết định đảm nhiệm cả vai trò quan toà lẫn đao phủ.

Cô gái đã thiệt mạng mà tôi nói ở trên lẽ ra làm vợ tôi cách đây hai mươi năm. Nàng đã bị ép buộc phải lấy tên Đrép-bơ này. Khi rút chiếc nhẫn khỏi ngón tay vợ tôi, tôi đã thề rằng trước lúc chết, con mắt của Đrép-bơ sẽ phải nhìn chính chiếc nhẫn này. Tôi đã săn đuổi bọn chúng qua hai lục địa.

Khi tôi đến Luân Đôn, túi tôi hầu như không còn một xu nào, tôi cần tìm một nghề. Cưỡi ngựa, đánh xe đối với tôi tự nhiên như đi bộ. Tôi đến gặp một chủ xe, xin thuê một chiếc xe. Tiền kiếm được cũng đủ sống. Cái khó nhất là thuộc đường vì đường sá ở thành phố này có lẽ là cái mê cung rắc rối. Nhưng tôi kiếm được một cái bản đồ, và lần hồi quen thuộc đường sá.

Tôi đã phải mất một thời gian mới tìm được địa chỉ của chúng. Chúng trọ tại một gia đình ở Camberwell. Phát hiện ra chỗ ở của chúng, tôi biết là đã nắm được chúng trong tay. Tôi để râu dài, và kiên trì theo dõi chúng mà chúng không nhận ra tôi.

Bất kể chúng đi đâu, tôi đều theo sát gót chúng, khi thì bằng xe ngựa, khi thì bằng chân. Theo bằng xe tốt hơn vì chúng không thể bỏ xa tôi được.

Chúng rất gian ngoan. Có lẽ chúng nghi bị theo dõi nên không bao giờ ra khỏi nhà một mình và cũng không bao giờ ra khỏi nhà lúc đêm khuya. Trong hai tuần liền, ngày nào tôi cũng dùng xe theo chúng, nhưng không bao giờ tôi thấy có đứa nọ mà không có đứa kia. Đrép-bơ gần như lúc nào cũng say, nhưng Tăng-gơ thì luôn luôn tỉnh táo và cảnh giác. Theo dõi mãi, tôi vẫn chưa tìm thấy cơ hội nào.

Một hôm, vào lúc xế chiều, khi đang đi lại trên phố Torquay, nơi chúng ở trọ, tôi bỗng thấy một chiếc xe ngựa đến

đổ trước cửa nhà chúng. Một lúc sau, có người khiêng hành lý ở trong nhà ra xe, rồi Đrép-bơ và Tăng-gơ lên xe và chiếc xe lăn bánh. Tôi cho xe tôi đuổi theo. Đến ga Euston, chúng xuống xe. Tôi nhờ một đứa trẻ trông ngựa cho tôi và theo chúng ra sân ga. Tôi nghe thấy chúng hỏi giờ tàu đi Liverpool. Nhân viên nhà ga báo cho chúng biết là tàu vừa mới chạy, và phải mất một tiếng đồng hồ nữa mới có chuyến sau. Tăng-gơ tỏ ra bực mình. Đrép-bơ trái lại có vẻ mừng rỡ. Tôi sấn đến gần chỗ chúng. Đrép-bơ nói là y có một công việc nhỏ cần phải giải quyết và y bảo tên kia chờ, y sẽ quay trở lại ngay, Tăng-gơ trách móc, nhắc nhở là hai đứa đi đâu cũng phải có đôi. Đrép-bơ trả lời rằng đây là một việc tế nhị nên y phải đi một mình. Tôi không nghe Tăng-gơ đáp lại như thế nào mà chỉ thấy Đrép-bơ chửi rủa rồi nhắc nhở cho Tăng-gơ biết rằng y chỉ là một kẻ tội tở. Thấy vậy, Tăng-gơ không kẻo nèo thêm nữa và hai đứa thoả thuận là nếu Đrép-bơ không kịp trở lại tàu thì y sẽ đến gặp Tăng-gơ tại khách sạn Holiday. Sau đó Đrép-bơ một mình ra khỏi nhà ga.

Khi đi cùng với nhau, chúng có thể bảo vệ lẫn nhau, nhưng nếu chúng tách riêng từng đứa thì đời chúng sắp tàn. Tuy thế, tôi không hành động hấp tấp. Trong sự báo thù, sẽ không có niềm sung sướng nếu kẻ thù của mình không biết vì sao nó phải đền tội và ai là người bắt nó đền tội. Trước đó mấy ngày, một người chịu trách nhiệm trông nom mấy ngôi nhà ở đường Brixton đã đánh rơi chìa khoá của một ngôi nhà trên xe của tôi. Tôi đã trả lại cho ông ta chiếc chìa khoá, nhưng trước đó, tôi đã nhờ làm thêm một chiếc. Với chiếc chìa ấy, tôi đã có một nơi ra vào, một nơi có thể tự do hành động. Nhưng việc đưa Đrép-bơ đến ngôi nhà ấy, là điều rất khó khăn.

Ra khỏi ga, Đrép-bơ sà vào một hai quán rượu. Ở quán thứ hai, y lưu lại đến gần nửa giờ. Ở quán này ra, chân y bước không vững. Có một chiếc xe ngựa đỗ ngay trước xe tôi. Y vẩy

vẫy gọi và lên xe đi. Tôi đi theo chiếc xe này sát đến nỗi suốt quãng đường, mũi con ngựa xe tôi gần như chạm vào đuôi xe trước. Hai xe cứ đi vòng vo tam quốc rồi cuối cùng lại trở lại đúng cái phố mà Đrép-bơ đã ở trọ. Tại đó chiếc xe ngựa kia dừng lại, cho xuống rồi xe ra đi. Tôi cho xe mình đỗ cách nhà chừng một trăm mét, và ngồi chờ. Các ông cho xin một cốc nước. Tôi khô cả họng.

Tôi đưa cho ông ta một cốc nước.

- Xin cảm ơn ! Đrép-bơ vào nhà, tôi bình tĩnh ngồi khoảng một khắc đồng hồ, bỗng nghe thấy tiếng cái cọ trong nhà. Mấy phút sau, cửa mở tung và hiện ra hai người đàn ông. Một là Đrép-bơ, và người thứ hai là một thanh niên tôi chưa gặp bao giờ. Anh thanh niên này nắm lấy cổ áo Đrép-bơ, kéo y ra tới bậc thềm, xô mạnh một cái và co chân đạp bồi thêm một cái nữa làm y ngã lăn sang tận bờ hè bên kia. Anh ta giơ gậy lên dọa : “Đồ chó má ! Tao sẽ dạy cho mày chừa thói lãng nhục một người con gái lương thiện”. Đrép-bơ chạy đến góc phố, trông thấy xe tôi, nhảy lên xe, bảo tôi : “Đến khách sạn Holiday”. Lúc ấy, tim tôi đập rộn lên vì mừng rỡ. Tôi cho xe chạy từ từ, cân nhắc trong đầu nên làm gì. Tôi có thể đưa y ra thẳng ngoại ô và trên một quãng đường vắng sẽ cho y giáp mặt lần cuối với tôi. Bỗng y bảo tôi đỗ xe trước một quán rượu. Y ở lại trong quán cho đến giờ đóng cửa quán, và khi y bước ra, chân nam đá chân xiêu, tôi biết tôi đã có mọi thuận lợi trong tay.

Các ông đừng nghĩ rằng tôi sẽ giết y một cách chóng vánh. Đã từ lâu, tôi tự bảo tôi sẽ dành cho y một cơ hội sống sót, nếu y muốn. Trong quãng đời lang thang ở Mỹ, tôi đã làm nghề gác cổng kiêm việc quét dọn cho một phòng thí nghiệm của trường đại học New York. Một hôm, trong buổi giảng dạy về các chất độc, một vị giáo sư đã giới thiệu với sinh viên một loại alcalôit mà ông ta đã chiết xuất từ một thứ cây, có độc tính mạnh đến nỗi chỉ cần một chút bằng hạt đậu nhỏ cũng

đủ làm chết người ngay tức khắc. Tôi đánh dấu bằng mắt cái lọ đựng thứ thuốc độc ấy và khi mọi người ra về, tôi lấy trộm một chút. Tôi cũng ít nhiều biết cách chế biến các hoá chất và với một chút bột alcalôit ấy, tôi đập thành hai viên thuốc nhỏ dễ hoà tan trong nước. Đồng thời tôi cũng làm ra hai viên thuốc khác, y hệt như hai viên này nhưng không có chứa chất độc. Tôi bỏ một viên độc và một viên vô hại vào trong một cái hộp. Lúc bấy giờ, tôi đã quyết định là, trong buổi gặp mặt cuối cùng, mỗi kẻ thù của tôi sẽ phải uống một viên trong hộp và tôi sẽ uống viên thứ hai còn lại. Từ sau hôm đó, lúc nào tôi cũng mang theo người hai hộp ấy và chờ có lúc sử dụng.

Lúc bấy giờ đã gần một giờ sáng. Đêm tối đen như mực. Mưa như thác và gió thổi dữ dội. Ngoài trời thì âm ảm nhưng trong lòng tôi vui sướng, hân hoan. Nếu ai đã từng mong mỏi thiết tha một cái gì đó, trong suốt hai mươi năm trời, rồi bỗng có cái đó ngay trong tầm tay thì người ấy sẽ hiểu được những cảm xúc của tôi lúc bấy giờ. Tôi châm một điếu xì gà, để bình tâm lại. Vừa đi, tôi vừa như thấy ông John và nàng Lucy nhìn tôi và mỉm cười với tôi. Tôi dừng xe lại trước ngôi nhà ở đường Brixton. Suốt phố không một bóng người, không một tiếng động, chỉ trừ tiếng mưa rơi. Nhìn vào trong xe, tôi thấy Đrép-bơ đang ngủ như chết, vì say. Tôi lay vai y :

- Đến nơi rồi.

- Tốt ! - Y đáp lại.

Tôi cho rằng y ngỡ là đã đến khách sạn, vì y xuống xe và đi theo tôi vào vườn không nói một lời nào. Tôi phải đi cạnh y, đỡ y. Tới cửa nhà, tôi mở cửa, đưa y vào gian nhà ngoài.

- Tối quá ! - Đrép-bơ dậm chân găt gông.

- “Sáng ngay bây giờ đây”, tôi nói, đánh diêm châm một ngọn nến tôi mang theo. “Này ! Đrép-bơ”, tôi nói tiếp, quay mặt về phía y và giơ ngọn nến sát mặt tôi, “Ta là ai đây?”.

Y nhìn tôi một lúc bằng con mắt lơ lơ của kẻ say và tôi thấy hiện lên trong mắt y một nỗi kinh hoàng làm nhân nhúm

cả mặt y. Y lùi lại, lão đảo, mặt tái nhợt, mồ hôi nhỏ giọt trên trán, hai hàm răng đập lập cập vào nhau.

Tôi dựa lưng vào cánh cửa. Tôi cười rất to và khá lâu, rồi bảo Drép-bơ :

- Đồ chó đẻ ! Tao đã săn đuổi mày suốt từ Salt-Lake đến Pétersbourg. Nhưng lần này, mày không còn chạy đi đâu được nữa, vì một trong hai ta, tao hoặc mày, sẽ không nhìn thấy mặt trời sáng mai.

Y lùi lại khi nghe tôi nói, vì tôi có thể đọc được trên nét mặt y là y tưởng tôi điên. Đúng là lúc ấy tôi điên thật. Thái dương tôi đập thình thình, tôi nghĩ có lẽ tôi sẽ bị một cơn thần kinh nếu như tôi đã không chảy máu mũi làm cho người tôi nhẹ đi nhiều. Tôi đóng cửa lại, vung chiếc chìa khoá trước mặt y.

- Mày nghĩ gì về cô gái Lucy bây giờ nào? Sự trừng phạt đến có muộn, nhưng cuối cùng cũng phải đến chứ.

Tôi thấy môi y mấp máy, y có lẽ đã xin tôi tha tội :

- Ông định ám sát tôi ư? - Drép-bơ áp ứng.

- Ai lại ám sát một con chó dại? Mày có thương xót gì cái cô gái khi mày giằng nàng ra khỏi xác cha nàng.

- Không phải tôi giết cha nàng ! - Y kêu lên.

- “Nhưng chính mày đã làm tan nát cõi lòng con người trong trắng ấy”. Tôi gần như hét lên và giơ chiếc hộp thuốc trước mặt Drép-bơ. “Mày hãy chọn lấy một viên và nuốt đi. Ở một viên là cái chết, còn ở viên kia là sự sống. Để xem có công lý trên quả đất này không, hay chỉ là chuyện may rủi”.

Drép-bơ lùi vào một góc phòng, kêu lên những tiếng man rợ, xin tôi rủ lòng thương, nhưng tôi rút dao ra kề sát cổ y, làm y cuối cùng phải uống thuốc. Tôi nuốt viên thuốc còn lại. Chúng tôi đối diện nhau trong một phút, chờ xem ai sống và ai sẽ chết. Có lẽ tôi không bao giờ quên được nét mặt y, khi những cơn đau đầu tiên báo cho y biết thuốc độc đang lan

khắp người. Nhìn thấy thế, tôi cười khanh khách và giơ chiếc nhẫn của nàng ra trước mắt y. Phút đó quá ngắn ngủi vì tác động của chất alcalôit rất mau lẹ. Y quần quai vì đau đớn, các cơ mặt co giật, rồi ngã vật ra sàn. Tôi lấy mũi giày hất người y lại, đặt tay lên ngực y. Y đã chết hẳn rồi. Máu ở mũi tôi ộc ra nhiều nhưng tôi không để ý. Không biết lúc đó tôi nghĩ gì mà lấy máu tôi viết lên tường. Có lẽ định đùa trêu cảnh sát, đánh lạc hướng của cảnh sát, vì lúc đó lòng khoan khoái, tôi nhớ lại vụ một người Đức bị ám sát tại New York, bên trên xác nạn nhân có chữ "Rache" làm báo chí kết luận là một án mạng do những hội kín gây ra. Tôi nghĩ chuyện bí ẩn đối với người New York chắc cũng sẽ là bí ẩn đối với người Luân Đôn. Tôi bèn nhúng ngón tay vào chính máu tôi viết lên tường vào chỗ thuận tiện. Sau đó tôi trở ra xe. Đường vẫn không có một bóng người và trời vẫn mưa gió ào ào. Tôi đã đi được một quãng, bỗng dứt tay vào túi, không thấy chiếc nhẫn đâu. Tôi hoảng hốt, cho rằng có lẽ đã đánh rơi khi cúi xuống trên xác Đrép-bơ, tôi quay trở lại, để xe ở một ngách phố nhỏ và đánh liêu trở lại ngôi nhà. Tới nơi, tôi chạm trán ngay phải một viên cảnh sát ở trong nhà đi ra, tôi phải giả vờ say mới khỏi bị nghi ngờ.

Lúc bấy giờ tôi chỉ còn có một việc, là thanh toán nốt Tăng-gơ. Tôi biết Tăng-gơ đang ở khách sạn Holiday. Tôi đã lảng vảng quanh đó suốt ngày, nhưng y không lộ mặt ra. Tôi sớm phát hiện được cửa sổ buồng y, và sáng hôm sau, nhận có mấy cái thang ngã ở lối đi đằng sau khách sạn, tôi dựng lên, gác vào cửa sổ buồng y và trèo vào. Tôi đánh thức y dậy, bảo y phải trả lời về tội ác mà y đã gây ra cách đây hai mươi năm. Tôi mô tả lại với y cái chết của Đrép-bơ, rồi tôi cũng cho y được chọn một trong hai viên thuốc. Y nhẩy bổ vào tôi, định bóp cổ tôi. Ở vào thế tự vệ, tôi đã đâm y.

Sau đó, tôi trở lại nghề đánh xe như trước, với ý định tiếp tục cho đến khi nào dành đủ tiền để trở về Mỹ. Tôi đang

đậu xe ở một nơi thì một đứa trẻ đến hỏi có người đánh xe nào tên là Hope không, và bảo có người ở số 221B phố Baker muốn thuê xe. Coi là chuyện bình thường, tôi đi theo nó đến địa chỉ kia. Đến nơi, chưa hiểu đầu-đuôi ra sao thì ông này thừa lúc tôi sơ ý, khoá ngay cổ tay tôi lại. Thưa các ông, đó là toàn bộ câu chuyện của tôi.

Nghe xong câu chuyện, chúng tôi ngồi im lặng mất một lúc, chỉ có tiếng bút chì sột soạt ghi nốt phần cuối bản tốc ký. Sau cùng, Holmes hỏi :

- Có một điểm tôi muốn biết thêm. Người đến nhận chiếc nhẫn cho anh là ai vậy?

- Tôi không thể làm liên lụy đến những người giúp tôi. Tôi đọc được tin nhắn của ông. Tôi nghĩ đây có thể là một cái bẫy, nhưng cũng có thể đúng là chiếc nhẫn mà tôi muốn tìm lại. Hình như bạn tôi đã khéo léo làm tròn nhiệm vụ của mình.

- Đúng thế. - Holmes tươi cười đáp. Viên thanh tra trịnh trọng tuyên bố :

- Thôi, thứ năm tuần tới can phạm sẽ được đem ra xét xử. Tất cả các ông sẽ phải có mặt tại phiên toà. Từ nay đến khi ấy, tôi sẽ chịu trách nhiệm giam giữ can phạm.

Nói xong, ông gọi hai viên cảnh sát đến dẫn Hope đi, còn Holmes và tôi lên xe về nhà.

13. PHẦN KẾT

Người ta dặn chúng tôi phải có mặt tại toà vào hôm thứ năm, nhưng ngay đêm hôm bị bắt, động mạch của Hope bị vỡ và sáng hôm sau, người ta thấy ông nằm dài trên sàn phòng giam, một nụ cười thanh thản trên môi.

Tối hôm ấy, trò chuyện với nhau ở nhà, Holmes bảo tôi :

- Gréch-sơn và Lê-tra sẽ tức tối trước cái chết này. Nó làm cho họ mất một dịp khoe khoang thành tích của họ.

- Họ có thành tích gì trong vụ này đâu?

- Nhưng mà thôi. Không có anh thì suýt nữa tôi đã bỏ lỡ mất vụ án rất lý thú này. Tuy đơn giản nhưng nó có nhiều điểm rất bổ ích.

- Anh nói đơn giản ư !

- “Thực ra, cũng khó đánh giá nó khác được”, Holmes mỉm cười trước vẻ ngạc nhiên của tôi. “Bằng chứng về sự đơn giản của nó là, không cần một sự trợ giúp nào, chỉ nhờ đến một vài sự suy đoán rất bình thường, trong ba ngày tôi đã tóm cổ được thủ phạm”.

- Ừ, mà đúng.

- Để giải quyết một vấn đề như vậy, cái quan trọng là lập luận ngược chiều. Đây là một phép tư duy rất bổ ích và rất dễ, nhưng ngày nay người ta không thực hành mấy nữa. Trong công việc hàng ngày, lập luận theo chiều thuận thường là dễ hơn, vì vậy người ta quên mất cách lập luận theo chiều ngược.

- Thú thực tôi chưa hiểu.

- Con người ta, khi được nghe trình bày một chuỗi sự việc hầu hết sẽ *tiên đoán* kết cục của những sự việc đó. Họ có thể tập hợp những sự kiện đó trong óc rồi suy ra *điều sẽ phải xảy ra*. Nhưng không có mấy người, sau khi nghe nó đến cuối cùng, có khả năng suy ra những sự việc nào đã dẫn đến kết cục ấy.

- Tôi đã hiểu.

- Đây là trường hợp người ta nói cho anh biết cái kết cục và tự anh phải tìm ra tất cả *những sự việc đã dẫn đến cái kết cục ấy*. Tôi xin kể lại với anh các giai đoạn khác nhau trong cách lập luận của tôi. Như anh đã biết, tôi đã đi bộ khi gần đến hiện trường, *đầu óc hoàn toàn không có một dự kiến hay thiên kiến gì*. Tôi bắt đầu xem xét đoạn đường dẫn đến ngôi

nhà, và ở đó, tôi thấy rõ những vết bánh xe, loại xe nhỏ hai chỗ chở thuê, và qua một vài câu hỏi, tôi biết chắc là xe này đã đậu ở đây đêm trước. Tôi biết đây không phải là một chiếc xe nhà mà là xe chở thuê, căn cứ ở khoảng cách hẹp giữa hai bánh xe. Chiếc xe chở thuê thông thường ở Luân Đôn nhỏ hẹp hơn nhiều so với xe nhà.

Sau đó tôi đã chậm chậm đi theo lối qua vườn mà nền đất là một loại đất sét, rất dễ nhận vết chân, đối với con mắt nhà nghề của tôi thì mỗi dấu vết mang một ý nghĩa. Lấy vết chân là một ngành trong khoa học hình sự rất quan trọng nhưng cũng bị coi nhẹ. Tôi đã thấy những vết chân nặng nề của các viên cảnh sát, nhưng tôi cũng thấy những vết chân của hai người đã đi qua khu vườn này trước đám cảnh sát kia : ở một đôi chỗ vết chân của hai người bị những vết chân cảnh sát đè lên, xoá đi. Qua đó, nó cho tôi biết đã có hai người lạ mặt đến đây hồi đêm, một người rất cao lớn (căn cứ theo chiều dài của những bước chân) và người kia ăn mặc sang trọng, căn cứ theo vết giày nhỏ nhắn, thanh mảnh.

Vào trong nhà, người đi giày sang trọng nằm đó. Vậy thì, người cao lớn là kẻ đã gây ra án mạng. Không có thương tích trên người nạn nhân, nhưng qua những nét kinh hoàng lưu lại trên mặt, tôi đoán hẳn nạn nhân đã được báo về số phận mình trước khi chết. Những người chết vì bệnh tim hoặc vì một nguyên nhân tự nhiên nào khác không bao giờ nét mặt lại nhăn nhúm đến vậy. Người môi nạn nhân, tôi thấy có mùi chua chua : tôi kết luận, nạn nhân đã bị cưỡng bức uống thuốc độc. Chính vẻ căm thù và khiếp sợ biểu lộ trên mặt đã dẫn tôi đến suy đoán ấy. Tôi đi đến kết luận này bằng phương pháp loại trừ, vì không có một giả thiết nào khác có thể giải thích được tất cả những chi tiết kia. Cưỡng bức nạn nhân của mình uống thuốc độc hoàn toàn không phải là điều mới trong lịch sử hình sự.

Tiếp theo đó là câu hỏi lớn : tại sao lại có vụ ám sát này. Tiền bạc không phải là động cơ. Vụ này dính líu đến chính

trị hay đến phụ nữ? Trước hết tôi ngã về giả thiết thứ hai. Những kẻ ám sát chính trị một khi làm xong nhiệm vụ thì vội bỏ đi ngay. Ở đây ngược lại, thủ phạm đã để lại dấu vết trong khắp gian phòng, chứng tỏ y đã lưu lại đây khá lâu. Vậy đây là một vụ *thanh toán do hận thù cá nhân* chứ không phải là một vụ án chính trị. Khi phát hiện ra những chữ viết trên tường, tôi càng tin chắc sự suy đoán của tôi là đúng; đây quá rõ là một *mau meo* nhằm đánh lạc hướng. Đến khi tìm thấy chiếc nhẫn thì tôi coi việc xác định giả thiết là đã xong. Rõ ràng thủ phạm đã dùng chiếc nhẫn này để gợi lại với nạn nhân một người phụ nữ đã chết hoặc vắng mặt. Chính là khi đó tôi hỏi Gréch-sơn xem trong bức điện gửi đi Cleveland, ông ta có hỏi một chi tiết gì đặc biệt về quá khứ của Đrép-bơ không. Chắc anh còn nhớ Gréch-sơn đã trả lời tôi là không.

Sau đó, tôi xem xét tỉ mỉ gian phòng. Việc này giúp tôi thấy rõ tâm vóc, loại thuốc xì gà và móng tay dài của thủ phạm vì không có dấu vết vật lộn nào nên tôi kết luận chỗ máu dấy ra trên sàn hẳn là *máu mũi* của thủ phạm lúc bị quá khích. Tôi thấy những vết máu này trùng hợp với những vết chân của thủ phạm. Không mấy ai, trừ phi là người thuộc tạng rất thừa máu, lại chỉ vì xúc cảm mà chảy máu mũi. Vì vậy, tôi dám nghĩ rằng thủ phạm chắc là một người lực lưỡng, *mặt đỏ vì sung huyết*. Thực tế đã chứng minh là tôi đoán đúng.

Ở ngôi nhà đó ra về, tôi đã vội làm cái việc mà Gréch-sơn bỏ qua. Tôi điện cho Sở cảnh sát thành phố Cleveland, hỏi về những tình huống xung quanh cuộc hôn nhân của Đrép-bơ. Bức điện trả lời cho biết Đrép-bơ đã nhờ cảnh sát thành phố che chở cho mình khỏi bị một kẻ tên là Hope ám hại. Kẻ này là tình địch của Đrép-bơ trong một chuyện yêu đương cũ và hiện nay kẻ này đang có mặt tại châu Âu. Đến lúc ấy, tôi biết là đã nắm trong tay tất cả các đầu mối, chỉ còn có việc tóm cổ thủ phạm nữa thôi.

Tôi đã tin chắc rằng người ấy đi cùng với Drép-bơ vào ngôi nhà và người đánh xe chỉ là một. Vết chân ngựa dầy đi dầy lại trên đường cho thấy không có người giữ cương nó. Vậy thì người đánh xe lúc ấy ở đâu nếu không phải là ở trong nhà? Bởi không có ai dám gây ra một án mạng ngay trước mắt một người thứ ba để về sau người đó sẽ tố cáo mình. Cuối cùng, giả sử thủ phạm muốn theo dõi nạn nhân của mình qua các phố ở Luân Đôn thì liệu y còn tìm được cách nào khác tốt hơn là đóng vai người đánh xe ngựa không? Tất cả những khía cạnh ấy buộc tôi phải tìm Hope trong số những người đánh xe ngựa ở Luân Đôn.

Nếu y đã làm nghề đánh xe thì không có lý do gì y lại không tiếp tục nghề ấy. Trái lại, theo cách nhìn của y, mọi sự thay đổi đột ngột có thể làm cho người ta chú ý đến y. Chắc y cũng tiếp tục nghề cũ, ít nhất trong một thời gian. Cũng không có lý do gì để giả thiết rằng y sống dưới một cái tên giả. Y cần gì phải đổi tên ở một nước không có ai quen biết? Tôi đã nhờ đến mấy chú bé lang thang, phái chúng đến hỏi tất cả các chủ xe Luân Đôn cho đến khi tìm được người mà tôi tìm. Chúng đã tìm được. Vụ giết Tăng-gơ là một việc hoàn toàn bất ngờ, nhưng dù sao cũng không thể ngăn ngừa được. Anh thấy không, tất cả những điều đó là một chuỗi sự việc lô-gích móc nối nhau liên tục, không một kẽ hở, không một chỗ nào gián đoạn.

- "Thật là tuyệt vời !" Tôi kêu lên. "Công lao của anh đáng được mọi người biết đến. Phải đăng một bài báo về vụ này. Nếu anh không viết thì tôi sẽ viết thay anh".

- Anh làm gì thì tùy. Nhưng anh hãy xem đây.

Holmes đưa cho tôi một tờ báo. Đó là tờ "*Tiếng vang*" số ra trong ngày, và bài báo anh chỉ cho tôi chính là một bài báo nói về một vụ án. Bài báo viết :

"Với cái chết đột ngột của Hope, kẻ bị nghi là thủ phạm gây ra hai án mạng : giết Drép-bơ và Tăng-gơ, công chúng đã

mất một dịp được biết những tình tiết giết gân của một vụ án bí ẩn. Có lẽ người ta sẽ không bao giờ được biết những tình tiết ấy, tuy rằng theo nguồn đáng tin cậy, chúng ta được biết rằng hai án mạng này là kết cục của một mối thù oán lâu năm có dính dáng đến tình yêu và giáo phái Mormons. Hình như thời trẻ, hai nạn nhân đã thuộc về giáo phái "Các vị Thánh Ngày cuối" và thủ phạm Hope cũng là người gốc gác ở thành phố Salt-Lake. Tuy vụ này không đi đến kết cục công khai tại tòa, song ít nhất nó cũng nêu bật lên cách làm việc có hiệu quả của ngành cảnh sát nước ta. Không ai không biết rằng công lao này hoàn toàn thuộc về hai thanh tra nổi tiếng của Scotland Yard là các ông Gréch-son và Lê-tra. Thủ phạm hình như đã bị bắt giữ tại nhà một người tên là Sherlock Holmes. Bản thân người này - với tư cách thám tử nghiệp dư, - cũng đã tỏ ra có đôi chút tài năng. Hy vọng rằng, được những người như hai thanh tra kể trên dìu dắt, với thời gian, Sherlock Holmes sẽ học hỏi được nhiều và sẽ tấn tới hơn nữa.

Chúng tôi tin chắc rằng hai thanh tra Gréch-son và Lê-tra đã được ngợi khen xứng đáng với những thành tích xuất sắc của họ".

Sherlock Holmes cười lớn :

- Thì tôi đã bảo ngay từ đầu rồi mà.

Truy tìm dấu bộ tứ

1. TRÌNH BÀY NỘI VỤ

Mơ-tan bước vào phòng với dáng đi quả quyết. Đó là một thiếu nữ tóc vàng hoe, nhỏ nhắn và mảnh mai, y phục đơn giản nhưng thanh nhã, chiếc áo màu gạch non ngả sang màu xám. Cổ quấn một dải khăn choàng đầu nhỏ, cũng một màu xám xịt ấy, may là có điểm thêm một chiếc lông vũ màu trắng ở một bên. Vẻ đẹp của nàng không ở trong đường nét thanh tú, không ở trong nước da trong sáng, mà phẳng phất trong nét tinh anh linh động, dịu dàng và ở cả trong đôi mắt xanh lớn, đa cảm. Tôi chưa bao giờ được chiêm ngưỡng một khuôn mặt nào biểu lộ một tâm hồn tế nhị đến thế.

Sherlock Holmes đẩy ghế tới mời nàng ngồi. Mọi nàng run run và đôi tay co quắp lại : toàn là những dấu hiệu của một sự xúc động nội tâm mãnh liệt. Nàng nói :

- Tôi đến gặp ông, thưa Holmes. Bởi vì ông đã giúp bà Xơ-xin gỡ được một vụ rắc rối. Tài năng và sự nhiệt tình của ông đã làm bà ấy cảm kích vô cùng.

- “Bà Xơ-xin à?” Anh nhắc lại, ra chiều nghĩ ngợi. “À vâng, tôi nhớ đã giúp bà ấy một việc nho nhỏ, một vụ đơn giản thôi”.

- Vâng, nhưng đó không phải là ý kiến của bà ta. Còn về câu chuyện của tôi, chắc ông sẽ không nghĩ như vậy. Thật khó lòng mà tưởng tượng ra một câu chuyện lạ lùng đến độ không thể nào giải thích được.

Holmes xoa tay vào nhau. Đôi mắt sáng ngời lên. Trong chiếc ghế bành, anh chồm tới trước với cái dáng nhìn nghiêng của loài chim săn mồi, và nét mặt đột nhiên biểu lộ một sự tập trung tư tưởng mãnh liệt.

- Mời cô trình bày - Anh nói.

Địa vị của tôi lúc bấy giờ dâm ra khó xử, nên tôi đứng dậy cáo từ :

- Mong quý vị miễn thứ cho.

Tôi rất đổi kinh ngạc khi thấy nàng nắm lấy tay tôi :

- Nếu ông vui lòng ngồi lại thì ông sẽ giúp tôi rất nhiều.

Tôi đành phải ngồi xuống. Nàng nói tiếp :

- Cha tôi là sĩ quan phục vụ tại Ấn Độ. Ông gửi tôi qua Anh thuở tôi còn bé. Mẹ tôi mất sớm và ở đây tôi chẳng có người bà con nào. Vì vậy tôi được gửi vào một ký túc xá. Tôi lưu lại tại đó mãi đến năm mười bảy tuổi. Đến năm 1878, cha tôi được nghỉ phép mười hai tháng và trở về đây. Từ Luân Đôn, ông gửi cho tôi một bức điện tín, báo cho tôi biết là ông đã trở về bình an, và đợi tôi ngay tại khách sạn Langham. Bức điện viết một cách đầy lòng yêu thương. Vừa đến Luân Đôn, tôi đi ngay tới khách sạn. Tại đó người ta cho biết rằng đại úy Mơ-tan có đăng ký phòng trọ tại đây, nhưng tối hôm qua ông ấy đã đi đâu đó mà chưa thấy về. Tôi chờ đợi trọn ngày hôm đó, nhưng bật vô âm tín. Đến tối, theo lời khuyên của giám đốc khách sạn, tôi đi báo với cảnh sát. Sáng ngày hôm sau, mục nhắn tin về việc này được đăng trên tất cả các báo. Công việc tìm kiếm không kết quả, và cũng kể từ ngày đó, tôi chẳng nhận được tin tức gì về cha tôi...

Nàng đưa tay lên cổ, câu nói nghẹn ngào qua tiếng khóc.

- Xin cô cho biết rõ ngày, tháng xảy ra sự việc - Holmes vừa nói vừa mở sổ tay ra.

- Cha tôi mất tích vào ngày 3 tháng 12 năm 1878, tính đến nay đã gần mười năm.

- Còn hành lý?

- Vẫn còn **đấy**, **Nhưng** cũng chẳng có dấu tích gì. Toàn là quần áo, sách vở và vật hiếm, lạ, mang từ đảo Andaman về. Tưởng cũng cần nói thêm rằng cha tôi là sĩ quan đồn trú, chịu trách nhiệm về những tên tội phạm bị đày biệt xứ đến đó.

- Ở thành phố, ông ấy có bạn bè không?

- Cha tôi chỉ có một người bạn duy nhất : đó là thiếu tá Sơn-tô, cùng trung đoàn bộ binh thứ 34 Bombay. Thiếu tá này đã nghỉ hưu trước đó một thời gian, về sống ở Upper Norwood. Tôi có liên lạc với ông ấy; nhưng ông ấy lại không ngờ rằng cha tôi lại có mặt tại Anh.

- Một vụ khá lạ lùng đây - Holmes nhận xét.

- À xin lỗi, tôi quên không thuật lại với quý ông giai đoạn rối rắm nhất của câu chuyện. Cách đây sáu năm, trên nhật báo Times, có đăng mục rao vặt *hỏi thăm địa chỉ của cô Mơ-tan*, và còn nói rõ là *cô nên cho biết tin tức về cô vì có lợi cho chính bản thân cô*. Trong mục rao vặt đó, chẳng có tên, mà cũng không có địa chỉ của người nhắn tin. Lúc bấy giờ, tôi vừa mới được thuê nhận làm quản gia trong gia đình bà Xơ-xin. Theo lời khuyên của bà này, tôi cũng nhờ đăng báo địa chỉ của tôi. Cùng ngày, tôi nhận được qua bưu điện một hộp nữ trang bằng gậy bồi, trong đựng một viên ngọc trai cực lớn, rất đẹp. Kể từ ngày hôm ấy, năm nào cũng vậy, vào cùng ngày, tôi lại nhận được một bưu phẩm đựng một viên ngọc trai như thế, mà chẳng có tên tuổi, địa chỉ gì của người gửi. Tôi đã hỏi ý kiến một chuyên gia và được biết những viên ngọc trai này rất hiếm và rất quý. Mời ông xem, nó đẹp biết dường nào.

Nàng mở một chiếc hộp đẹp, đưa chúng tôi xem sáu viên ngọc : những viên ngọc tinh thuần nhất mà tôi chưa từng thấy.

- Câu chuyện của cô rất là kỳ thú. Cô còn gì nữa không?

- Holmes hỏi.

- Sáng nay tôi có nhận được một bức thư. Thưa ông, đây.

- Cám ơn. Xin cho tôi xem ca phong bì nữa. Dấu nhật ấn bưu điện : Luân Đôn, khu vực Tây Nam. Ngày 7 tháng bảy. Hừm ! Loại phong bì đắt giá. Giấy viết thư thuộc loại sang. Không địa chỉ.

"Bây giờ tôi nay xin có mặt tại nhà hát Lyceum, cạnh cột thứ ba lối đi ra tỉnh, từ bên trái. Nếu không tin tưởng, cô có thể mời hai người đi theo. Cô là nạn nhân của một sự bất công và phải được đền bù. Xin đừng đem cảnh sát theo. Nếu không, sẽ bị thất bại. Người bạn vô danh."

- Ấy đấy, quả là một bí ẩn nho nhỏ, ngộ ngộ. Cô có dự tính gì không.

- Đó chính là câu mà tôi muốn hỏi ông.

- Nếu thế, chúng ta sẽ đến điểm hẹn, cô, tôi và... cả bác sĩ Watson nữa. Người viết thư chấp thuận cho cô mang theo hai người bạn ; bác sĩ đây đúng là người mà ta cần. Chúng tôi đã từng làm việc chung với nhau.

- Nhưng liệu ông ấy có đồng ý không? - Nàng hỏi bằng giọng thúc bách.

- Tôi hành diện và sung sướng, nếu giúp được cô. - Tôi nói :

- Cả hai ông đều tử tế. Tôi vốn sống thâm lặng, và chẳng có ai là bạn bè cả. Chúng ta vẫn có đủ thời giờ nếu tôi trở lại đây lúc sáu giờ.

- Nhớ đừng đến trễ nhé ! Cho tôi hỏi thêm một câu. Tường chữ trên phong bì này có giống với tường chữ cô đã trông thấy trên mấy chiếc hộp đựng ngọc trai không?

- Đây, tôi có sẵn đây - Nàng đáp và đưa ra sáu mẫu giấy.

- Cô là một thân chủ gương mẫu : trực giác đã cho cô biết điều gì quan trọng trong vụ này. Nào, giờ ta hãy xem nào.

Trái rộng mấy mẫu giấy lên bàn, anh so sánh bằng cái nhìn linh hoạt và sâu sắc.

- Nét chữ thì giả mạo, trừ bức thư, song tác giả chắc chắn chỉ là một. Các bạn cứ xem kỹ chữ e kiểu Hy Lạp cứ xuất hiện

mỗi lúc tác giả thiếu chú ý và nét cong đặc biệt ở chữ s tận cùng ! Cô Mơ-tan, cô thấy có gì giống nhau giữa nét chữ này và nét chữ của cha cô không?

- Hai tuồng chữ khác hẳn nhau.

- Tôi cũng đoán trước câu trả lời ấy rồi. Thế thì xin hẹn đến sáu giờ chiều nay. Cho phép tôi giữ mấy tờ giấy này. Bây giờ chỉ mới ba giờ rưỡi. Xin tạm biệt !

- Vâng, xin tạm biệt.

Cầm lại hộp ngọc trai, nàng mỉm cười duyên dáng và nhanh nhẹn ra về.

Qua cửa sổ, tôi nhìn theo dáng đi thoăn thoắt của nàng trên đường phố, mãi đến khi chiếc khăn choàng đầu màu xám và chiếc lông vũ trắng biến mất giữa đám đông.

- Chà ! Cô gái mới quyến rũ làm sao ! - Tôi vừa nói lớn vừa quay lại với bạn tôi.

Anh đã đốt lại ống điếu và ngồi gọn vào chiếc ghế bành, mắt nhắm lại.

- Thật à? Thế mà tôi không để ý đấy.- Anh nói bằng giọng uể oải.

- Anh là một con người máy ! Một cái máy biết lý luận.

Anh mỉm cười, đáp lại :

- Tôi không được để những tính chất riêng của từng người ảnh hưởng đến tôi. Tính cảm xúc cản trở sức lập luận và óc phán đoán. Người đàn bà quyến rũ nhất mà tôi biết đã bị treo cổ vì bà dám đầu độc ba đứa con mình để lãnh số tiền bảo hiểm nhân mạng. Mặt khác, gã đàn ông đáng ghét nhất mà tôi biết, lại là một người đầy lòng nhân ái, dám bỏ ra gần 250.000 bảng Anh cho kẻ nghèo khó.

- Tuy nhiên, trong trường hợp đặc biệt này...

- Tôi không bao giờ đặt ngoại lệ. Với tôi, ngoại lệ phủ nhận quy tắc. Anh có bao giờ tìm hiểu tính tình của một người qua nét chữ của họ không? Và anh nghĩ gì về tuồng chữ như thế này?

- Nó trông dễ đọc và đều đặn. Tuồng chữ của một người từng quen với công việc làm ăn và có một cá tính khá mạnh mẽ.

Holmes lắc đầu, không đồng ý.

- Anh hãy nhìn những chữ có vòng gút chúng chẳng khác gì nhau lắm. Chữ d cũng có thể là chữ a, và chữ l có thể là chữ e. Những người có cá tính luôn luôn viết rõ ràng những chữ có vòng gút, đầu cho họ có viết xấu đến đâu chẳng nữa. Chữ k hơi run, và những chữ hoa chứng tỏ chút ít tự phụ... Thôi được. Giờ tôi phải đi. Tôi cần thêm vài tin tức. Trong vòng một tiếng nữa tôi sẽ trở về.

Tôi cầm lấy cuốn sách, ngồi lại gần cửa sổ, song chẳng mấy chốc, dòng suy nghĩ của tôi tách rời khỏi những trang giấy. Tôi hình dung lại cô thiếu nữ với nụ cười; tôi lại nghe thấy giọng nói uyển chuyển và êm ái khi nàng thuật lại điều bí ẩn. Nếu nàng vừa mười bảy tuổi lúc cha nàng mất tích, thì nay chắc nàng phải ở vào độ hai mươi bảy. Ôi, cái tuổi đẹp biết dường nào? Cái tuổi thanh xuân, đang còn ở độ rực rỡ, tâm hồn không vương bụi vị kỷ và lại được kinh nghiệm đời làm lắng dịu xuống... Tôi ngồi trong ghế bành, mãi mơ màng như vậy cho đến khi những ý nghĩ độc hại ủa đến trí óc tôi. Thế là tôi đâm nhào đến bàn giấy và đọc ngấu ngiến một cuốn sách về bệnh lý học.

2. ĐI TÌM MỘT GIẢI ĐÁP

Mãi đến năm giờ rưỡi Holmes mới trở về. Hoạt bát và tươi cười, trông anh thật vui vẻ.

- "Trong vụ này chẳng có gì là bí ẩn lắm đâu". Anh vừa nói vừa đón lấy tách trà tôi mới rót cho anh. "Các sự kiện xảy ra dường như chỉ chấp nhận có một lối giải thích mà thôi".

- Sao? Anh đã tìm ra lời giải đáp rồi à?

- Tôi chỉ mới tìm ra một sự kiện có ý nghĩa, thế thôi. Còn thiếu một số chi tiết. Thật vậy, lúc tra cứu kho lưu trữ báo Times, tôi vừa phát hiện ra rằng thiếu tá Sơn-tô, nguyên là sĩ quan thuộc trung đoàn bộ binh thứ 34, chết ngày 28 tháng tư năm 1882.

- Có lẽ tôi hơi tối dạ thật, anh Holmes ạ, nhưng thật tình tôi chẳng thấy ý nghĩa gì trong đó cả.

- Không thấy à? Mời anh xét lại các sự kiện sau đây : Đại úy Mơ-tan mất tích. Người duy nhất mà ông ta quen biết ở Luân Đôn là thiếu tá Sơn-tô. Nhưng ông này quả quyết là không biết đại úy có mặt ở Anh. Bốn năm sau, Sơn-tô chết, TRONG TUẦN LỄ TIẾP THEO SAU CÁI CHẾT NÀY, con gái đại úy Mơ-tan nhận được một món quà có giá trị rất lớn, và năm nào cũng nhận được như vậy. Bức thư ngày hôm nay nói rõ cô này là nạn nhân của một sự bất công nào đó. Thế thì, ngoài chuyện cha bị mất tích, cô gái này còn phải chịu đựng những thiệt hại nào nữa? Tại sao những món quà lại đến ngay sau khi Sơn-tô chết, nếu không phải là vì người thừa kế của ông này phát hiện ra được một bí ẩn nào đó, nên mới nảy ra ý muốn đền bù lại sự thiệt hại cho cô ta?

- Dẫu sao thì đây cũng là một cách đền bù kỳ quặc ! Mà cách tiến hành cũng lạ lùng nữa? Tại sao lại phải viết thư vào ngày hôm nay, mà không phải hồi sáu năm về trước, còn vấn đề đền bù. Đền bù bằng cách nào? Bằng cách trả người cha lại cho con gái chăng? Ta không thể tin rằng người cha vẫn còn sống. Và người thiếu nữ kia là nạn nhân của bất cứ một sự thiệt thòi nào khác, ngoài thiệt thòi “mất cha”.

- Vâng, có khó khăn đấy ! Nhưng chuyển đi của chúng ta chiều nay sẽ san bằng tất. A ! Xe ngựa đây rồi ! Cô Mơ-tan ngồi bên trong ấy. Nào, ta đi xuống đi !

Tôi chụp lấy cái mũ và cây gậy. Holmes lấy khẩu súng ngắn trong ngăn kéo cho vào túi.

Mơ-tan thu mình trong chiếc áo choàng màu tối ; khuôn mặt thanh tú phớt xanh nhưng vẫn điềm tĩnh :

- Qua thư từ, cha tôi kể rất nhiều về thiếu tá Sơn-tô. Hai người chắc phải là thân nhau lắm. À, tôi vừa sức nhớ ra người ta có tìm thấy trên bàn giấy của cha tôi một tài liệu thật là lạ. Chẳng ai hiểu gì cả, có lẽ ông muốn xem qua. Thưa ông, đây.

Holmes cẩn thận mở tờ giấy ra, đặt lên đầu gối, vuốt lại cho thẳng thớm. Rồi anh dùng kính lúp xem kỹ mảnh giấy đó.

- Loại giấy này được chế tạo tại Ấn Độ. Đã có lúc nó được ghim vào một tấm bảng con. Sơ đồ vẽ ra giống như một hoa đồ một phần của một toà nhà to lớn có nhiều lối ra vào, và hành lang. Một dấu chữ thập nhỏ được đánh dấu bằng mực đỏ. Bên trên dấu chữ thập, có chú thích : *"3,37 tính từ bên trái qua"* viết bằng bút chì. Ở góc trái, bốn chữ thập xếp hàng cạnh nhau. Cạnh đó, có ghi bằng nét chữ vụng về và thô kệch.

"Dấu Bọ Tử, Jonathan Small, Mahomed Singh, Abdullah Khan và Dost Akbar."

- Không anh ạ. Thú thật là tôi thấy tài liệu này chả có liên quan gì đến nội vụ của chúng ta. Song có điều chắc là nó quan trọng; chẳng thế mà nó được gấp xếp cẩn thận vào ví, vì mặt trái cũng sạch sẽ như mặt phải.

- Đúng vậy, tôi đã tìm thấy nó trong ví của cha tôi - Cô gái nói.

- Thế thì cô nên cất giữ nó cho kỹ lưỡng. Nó có thể được việc cho ta đấy. Tôi chợt có ý nghĩ là phải chăng vụ này còn sâu sắc và tinh vi hơn là tôi tưởng lúc ban đầu.

Holmes thu mình vào một góc trên ghế xe ngựa. Nhìn thoáng qua vầng trán hằn sâu những nếp nhăn và cái nhìn xa vắng của anh, tôi đoán ra là anh đang suy nghĩ lung lắm. Mơ-tan và tôi đang nhò to về chuyến đi này và về kết quả có thể có được, nhưng Holmes vẫn giữ thái độ khó hiểu mãi cho đến cuối cuộc hành trình.

Đạo ấy là vào tháng chín, buổi chiều tối cũng âm đạm như ban ngày. Một màn sương dày đặc và ẩm ướt thấm sâu vào thành phố lớn. Từng cụm mây màu đất bùn lơ lửng trên đầu thành phố. Dọc theo phố Strand, những trụ đèn chỉ còn là những điểm sáng phân tán loãng và như tấm đầu hắt ra một khoanh ánh sáng yếu ớt xuống lòng đường nhầy nhựa. Đèn vàng trong tủ kính chiếu sáng bầu không khí ẩm hơi nước. Tưởng chừng như có một điều gì khác thường trong cảnh điệu hành vô tận của những khuôn mặt buồn thảm hay hân hoan, âu lo hay mãn nguyện. Lướt nhẹ từ vùng âm đạm ra vùng ánh sáng để rồi lại rơi vào cảnh tối tăm mờ mịt, những khuôn mặt ấy biểu tượng cho cả đám nhân loại. Bình thường thì tôi dễ bị xúc cảm ; thế mà, cái ngoại cảnh ấy kết hợp với tính chất lạ lùng trong công việc đã khiến cho tôi phải xuống tinh thần. Mơ-tan cũng giống như tôi vậy thôi. Holmes thì vượt lên trên những ảnh hưởng tương tự. Anh lật sổ tay, đặt lên đầu gối, đọc dưới ánh sáng của cây đèn bộ túi.

Tại nhà hát Lyceum thiên hạ chen lấn nhau trước cửa ra vào. Dọc theo mặt tiền nhà hát, xe cộ nối đuôi nhau thành một hàng dài, các ông các bà xuống xe, súng sính trong bộ dạ phục. Chúng tôi vừa đến cột thứ ba là nơi hẹn gặp, thì một người đàn ông nhỏ thó tóc vàng sẫm, cài trang làm người đánh xe ngựa tiến lại gần chúng tôi :

- Các ông là người đi theo cô Mơ-tan.
- Tôi là Mơ-tan, còn hai ông này là bạn tôi.

Gã ngược mắt nhìn chúng tôi, ánh nhìn soi mói lạ thường.

- “Xin cô cũng miễn lỗi cho”. Hắn nói với giọng có phần hơi xác xược, “Nhưng cô phải lấy danh dự mà bảo đảm rằng trong hai ông đây không ai là cảnh sát mới được”.

- Tôi xin bảo đảm đúng như vậy.

Gã huýt lên một tiếng lanh lảnh; một đứa bé dắt cỗ xe lại và mở cửa. Gã leo lên chỗ của người đánh xe, chúng tôi ngồi

vào bên trong. Lập tức gã quát ngựa chạy với một tốc độ điên cuồng.

Hoàn cảnh chúng tôi kể cũng oái oăm thật : chúng tôi đang đi đến một nơi nào không biết với những lý do cũng không rõ. Đây là lời mời, hay một trò bịp bợm hoặc đây là bằng chứng cho thấy rằng có những sự việc quan trọng đang được chuẩn bị. Mơ-tan có vẻ quả quyết hơn bao giờ hết. Tôi tìm cách làm cho nàng khuấy khoả bằng một vài mẩu chuyện phiêu lưu của tôi hồi còn ở Afghanistan. Nhưng tôi cũng hồi hộp muốn biết nơi mình đến, nên câu chuyện tôi kể cũng đâm ra lộn xộn phần nào.

Lúc đầu, tôi đã theo dõi hướng đi của chúng tôi, nhưng về sau, do sương mù, do tốc độ xe và sự hiểu biết khá hạn chế của tôi về Luân Đôn, tôi không tài nào theo dõi được nữa. Chỉ biết có một điều là chúng tôi đã đi một đoạn đường khá dài. Holmes vẫn bám sát lộ trình. Anh gọi thầm tên các khu phố và những con đường quanh co mà xe chúng tôi băng qua :

- Giờ là công viên Vincent. Ta đang đến đoạn đường cầu Vauxhall. Đường như ta đang chạy về phố Surrey. Vâng, quả đúng như vậy. Bây giờ, ta đang chạy trên cầu, phía dưới lấp lánh ánh nước sông.

Thật vậy, chúng tôi có thể nhận rõ một đoạn sông Thames hắt bóng một cách yếu ớt mấy ngọn đèn đường. Nhưng rồi xe đã qua bên kia cầu, đi vào những con đường quanh co khúc khuỷu.

- Chà, cuộc điều tra sẽ đưa ta đến một khu phố chẳng sang trọng lắm.

Thật vậy, các đường phố chẳng có chút gì là hấp dẫn cả. Nét đơn điệu của những ngôi nhà gạch thoảng hoặc mới được điểm bằng vài quán cà phê ở ngã tư đường. Tiếp đến, những toà biệt thự hai tầng hiện ra giữa mảnh vườn bé tí hon. Rồi lại đến hàng dài bất tận những ngôi nhà mới tinh, màu sắc loè loẹt. Sau cùng chúng tôi dừng lại trước căn nhà thứ ba trên

một con đường xe mới ngoặt vào. Những căn nhà khác có vẻ như chưa có người ở. Căn nhà chúng tôi dừng lại cũng tối tăm như mấy căn nhà ấy, nhưng ở cửa sổ nhà bếp có ánh đèn leo lét. Chúng tôi vừa gõ cửa thì một gia nhân người Ấn Độ, đầu chít khăn vàng, lưng thụng trong bộ y phục có thắt lưng cũng màu vàng, ra mở cửa :

- Chủ nhân tôi đang chờ đợi quý ngài.

Cùng lúc, một giọng lạnh lạnh và chói chang cất lên từ bên trong :

- Mời họ vào ! Đưa họ vào đây ngay !

3. CÂU CHUYỆN CỦA NGƯỜI HÓI ĐẦU

Chúng tôi đi theo người Ấn Độ dọc theo một hành lang bẩn thỉu, thiếu ánh sáng và thiếu cả bàn ghế. Tới cuối hàng lang, hần mở cánh cửa bên tay phải. Ánh đèn vàng rực đón tiếp chúng tôi. Giữa vùng sáng đó hiện ra một người đàn ông nhỏ thó với cái đầu hói bóng loáng. Một vành tóc hung chạy quanh đầu. Người đàn ông đứng thẳng, vịn đôi tay với nhau, vẻ bất rứt ; nét mặt thay đổi không ngừng, hết mím cười rồi lại cau có mà ta chẳng biết tại sao. Ngoài ra, môi dưới của ông ta bị tật trẻ xuống, để lộ hàng răng vàng bệch và mọc lộn xộn. Ông có vẻ còn trẻ, tuy bị hói đầu : thực ra, ông vừa mới ba mươi tuổi.

- "Kính hầu cô, cô Mơ-tan !" Ông nhắc đi nhắc lại bằng một giọng lạnh lạnh. "Kính hầu quý ngài. Xin mời quý ngài hạ cố bước vào bên trong căn phòng của tôi. Nó không lớn lắm đâu ; thưa cô, song tôi đã thiết trí nó theo sở thích của tôi : một thanh đao huy hoàng giữa bãi sa mạc nóng bỏng của Nam Luân Đôn".

Cả ba chúng tôi đều bàng hoàng trước quang cảnh gian phòng. Trong ngôi nhà buồn tẻ này, gian phòng tựa như viên kim cương tinh khiết được gắn vào một chiếc nhẫn bằng đồng. Bốn bức tường được trang hoàng bằng thảm và màn với màu sắc và nghệ thuật rất tuyệt vời, đôi chỗ người ta vén lên một chút để làm nổi bật hơn một lọ cổ phương Đông hoặc một bức tranh lồng khung sắc sỡ. Tấm thảm trải lên sàn nhà màu hổ phách có vân đen, dày đến độ chân ta lún vào đấy như bước lên một lớp rêu. Hai tấm da cạp rộng lớn tăng thêm vẻ huy hoàng Đông phương. Một cổ điếu cày to tướng đặt trên một cái mâm chẳng làm giảm vẻ đẹp của toàn cảnh chút nào. Từ chiếc đỉnh trầm treo bằng một sợi dây vàng nhỏ - ở ngay giữa gian phòng - toả ra một mùi hương ngạt ngào.

Người đàn ông vừa lẳng xẵng vừa tự giới thiệu :

- Sơn-tô là tôi. Cô chắc hẳn là cô Mơ-tan? Còn các ông đây là...?

- Xin giới thiệu : đây là ông Sherlock Holmes và bác sĩ Watson.

- “Ồ một bác sĩ à?” Ông ta lớn tiếng, vẻ kích động rõ ràng. “Thế ông có mang ống chẩn bệnh theo không? Tôi có thể hỏi thăm ông là... Xin ông vui lòng... Tôi đang rất lo ngại không biết cái trái tim của tôi có hoạt động tốt không, và nếu không phải là quá lợi dụng lòng tốt của ông thì...”

Tôi khám tim cho ông ta. Tim bình thường. Nhưng hình như ông đang đau khổ về một nỗi lo sợ thâm kín nào đó. Toàn thân ông ta run lẩy bẩy.

- Mọi sự đều có vẻ bình thường. Ngài chẳng có lý do gì để phải lo lắng cả.- Tôi nói.

- “Xin cô cũng vui lòng bỏ qua cho tôi”. Ông nói bằng giọng nhẹ nhàng hơn.” Tôi rất yếu và từ lâu nay... ấy vẫn làm tôi băn khoăn mãi. Nay tôi rất đổi vui mừng được biết rằng không có gì đáng ngại. Thưa cô, nếu thân phụ cô không làm nhọc tim mình quá độ, thì hôm nay ông ấy có thể vẫn còn sống đấy”.

Lối nói năng thô bạo về một chuyện đau buồn như thế làm tôi tức đến lộn ruột. Mơ-tan ngồi xuống, mặt mày tái nhợt, đôi môi trắng bệch ra.

- Trong thâm tâm, tôi cũng biết là cha tôi đã chết rồi.

- Tôi có thể thuật lại mọi chi tiết. Hơn thế nữa, tôi có thể đem lại công bằng cho cô. Và tôi sẽ làm đúng như thế, dù anh Bạc-tô của tôi có nói gì đi nữa. Tôi rất mừng là các bạn cô có mặt ở đây. Không phải chỉ vì họ làm cho cô an tâm, mà còn vì họ sẽ là nhân chứng cho những điều tôi sắp nói và làm. Bốn chúng ta đây cũng đủ đương đầu với anh Bạc-tô. Nhưng ta chớ để kẻ lạ xen vào? Cảnh sát hay các viên chức khác cũng thế ! Ta có cách thu xếp mọi chuyện rất thoả đáng. Nếu làm rùm beng chuyện này thì anh ấy sẽ bực mình lắm đấy.

Ông ngồi trên chiếc ghế tròn thấp, cặp mắt xanh yếu ớt nhìn chúng tôi như dò hỏi.

- Riêng về phần tôi, những điều ông sắp sửa nói ra chắc là không đi xa hơn những gì tôi suy nghĩ. - Holmes bảo :

Tôi gạt đầu đồng tình.

- Điều đó tốt thôi ! Rất tốt thôi ! Tôi có thể mời cô một ly rượu được chăng? Tôi khai một chai nhé? Không à? Thế thì tôi mong rằng khói thuốc không làm cô khó chịu. Thuốc lá phương Đông có một mùi thơm đậm đà. Thứ thuốc điếu cày này đối với tôi là một liều an thần tuyệt diệu.

Ông ta đưa ngọn nến xích lại gần. Cả ba chúng tôi chăm chú nhìn con người nhỏ bé với cái đầu to tướng đang rít từng hơi thuốc trên ống điếu bằng dáng điệu thiếu tự tin. Ông ta nói :

- Tôi sợ quý vị đem theo những kẻ có thể gây phiền hà, nên đã mạn phép đưa ra một điểm hẹn sao cho Uy-ly có thể trông thấy quý vị trước. Và lại tôi cũng đã căn dặn anh ấy đừng đưa quý vị đến đây, nếu thấy có dấu hiệu khả nghi. Quý vị chắc cũng miễn chấp cho tôi về những biện pháp đề phòng

đó, nhưng thật tình là tôi đang sống một cuộc đời có phần ảm đạm. Hơn nữa, tôi không ưa cảnh sát. Như quý vị đã thấy, tôi sống trong một khung cảnh thanh lịch. Tôi có thể tự cho mình là người bảo vệ nghệ thuật. Ấy, nhược điểm của tôi là ở chỗ đó. Cảnh này là một bức tranh của họa sĩ Corot chính hiệu đấy. Còn đây, bức tranh này là của họa sĩ Salvator Rosa, bức tranh này là của Bouguereau. Tôi có xu hướng rõ rệt với trường phái hội họa Pháp mới đây. Thú thật như vậy.

- "Xin lỗi ông", Mơ-tan cất tiếng. "Tôi đến đây cốt để nghe những điều ông muốn nói với tôi. Bây giờ cũng đã muộn lắm rồi, và tôi mong sao cuộc hội kiến này càng chóng càng tốt".

- Dẫu cho rằng mọi sự sẽ êm xuôi, thì cũng phải còn lâu lắm ạ ! Chắc chắn là ta sẽ phải đi đến Norwood để gặp anh Bạc-tô. Chúng ta sẽ cố gắng thuyết phục anh ấy, làm cho anh ấy nghe theo lẽ phải mới được. Anh ấy rất giận tôi vì tôi đã làm điều mà tôi cho là đúng. Tôi qua chúng tôi đã suýt cãi nhau. Quý vị không thể tưởng tượng được mỗi khi anh ấy nổi giận: thì anh ấy khùng khiếp như thế nào.

- Có lẽ ta nên đi bây giờ chẳng? - Tôi đánh bạo nói.

Ông ta vụt cười đến đỏ bừng cả tai :

- Không được đâu ! Tôi không biết anh ấy sẽ phản ứng ra sao nếu tôi đưa quý vị đến đây một cách đột ngột như vậy. Không, trước tiên, tôi cần giải thích cho anh ấy rõ vị trí của mỗi người trong chúng ta. Và trước hết, cần phải nói thêm là trong câu chuyện này, còn một số điểm mà chính tôi cũng chưa được rõ. Tôi chỉ có thể trình bày cho quý vị thấy những gì tôi biết :

- "Thiếu tá Jôn Sơn-tô là cha tôi. Ông nghỉ hưu cách đây gần mười một năm và đến định cư tại biệt trang Pondi, phố Upper Norwood. Tại Ấn Độ, cha tôi rất giàu có ; lúc trở về, ông mang theo một số tiền kèch sù, một bộ sưu tập phong phú

những báu vật hiếm có, và một số gia nhân người bản xứ. Thế rồi ông tậu một ngôi nhà và sống rất đẽ vương. Chúng tôi, anh Bạc-tô và tôi là con song sinh độc nhất. Khi đọc báo hay tin đại úy Mơ-tan mất tích, chúng tôi công nhiên thảo luận vụ ấy trước mặt ông. Và lại, chính ông cụ cũng tham gia ý kiến với chúng tôi trong việc giải thích cái chết đầy bí ẩn này. Ông cụ tôi biết rõ cái số phận của đại úy nhưng ông cố giữ kín tận đáy lòng. Chúng tôi cảm thấy có một điều bí ẩn nào đó, một nguy hiểm nào đó đang đe dọa cha chúng tôi. Ông cụ không dám ra phở một mình và muốn cả hai cụ vô sĩ quyền Anh chuyên nghiệp làm người gác cổng. Uy-ly, người đã đưa quý vị đến đây là một trong hai tay đó. Cha chúng tôi không muốn thổ lộ nguyên nhân của những nỗi sợ hãi, nhưng ông cụ vô cùng kinh hãi những người đi đường đến độ ngày nọ, ông cụ bắn một phát súng vào một người như thế. Mà thực ra đó chỉ là một nhân viên chào hàng đang đi kiếm mối. Chúng tôi đã phải chi một khoản tiền lớn mới giữ kín được chuyện này. Anh tôi và tôi cho rằng ông già “sanh tật”. Nhưng các sự việc tiếp theo buộc chúng tôi phải thay đổi ý kiến.

“Đầu năm 1882, trong lúc đang đọc báo trước bữa điếm tâm, cha tôi nhận một bức thư đến từ Ấn Độ. Ông suýt ngất xỉu và cũng từ ngày đó ông héo hon dần. Suốt nhiều tháng sau, ông cụ bị viêm gan ; tình trạng suy sụp rất nhanh. Khoảng cuối tháng tư, ông cụ muốn nói chuyện với chúng tôi một lần cuối. Khi chúng tôi bước vào phòng, ông cụ đang ngồi, người được đỡ bằng nhiều gối, và thở rất khó nhọc. Ông bảo chúng tôi khoá cửa lại và ngồi xuống bên cạnh giường. Nắm chặt lấy tay chúng tôi, ông thuật lại một câu chuyện thật là ly kỳ.

“Vào giây phút cuối cùng này, chỉ còn một điều duy nhất làm cha khổ tâm : đó là việc cha đã đối xử với con của anh Mơ-tan. Do cái tính tham lam của cha, cô bé đã bị mất một kho báu. Tuy nhiên, chính cha cũng không sử dụng đến của ấy. Các con có trông thấy chuỗi ngọc bên cạnh lọ thuốc ký ninh

của cha không? Đấy, mãi cho đến nay, cha vẫn chưa quyết định dứt khoát là nên xa nó đấy. Ấy thế mà cha đã quyết định gửi nó cho cô gái kia. Vậy, nay đến lượt các con, các con hãy gửi cho cô ấy một phần trong kho báu ở Agra. Nhưng trước khi cha chết, các con chớ gửi gì cả, đâu chỉ là một hạt ngọc : cha còn hy vọng là sẽ bình phục được.

"Giờ cha sẽ cho các con biết ông Mơ-tan đã chết như thế nào. Từ lâu, ông ấy mắc chứng đau tim, nhưng chẳng nói cho ai biết. Chỉ có mình cha là rõ chuyện ấy. Đạo còn ở bên Ấn Độ, nhờ thời cơ đặc biệt, ông ấy và cha nắm trong tay một kho báu to lớn. Cha chuyển nó về Anh và ngay tối hôm về nước, Mơ-tan đến đòi phần mình. Ông ta đã đi bộ từ nhà ga và chính Lal-Sao, tên gia nhân trung thành của cha đã đưa ông ta vào nhà. Một cuộc cãi vã bùng ra. Lúc tức giận cực điểm, Mơ-tan vụt đứng dậy. Mặt mắt hết thần sắc, ông ngã ngửa người ra. Đầu ông chạm mạnh vào góc chiếc hộp đựng báu vật. Cha cúi xuống nhìn xem và kinh hoàng khi thấy ông ta đã chết.

"Cha ngồi bất động hồi lâu, đầu óc trống rỗng, chẳng biết phải làm gì nữa, ý nghĩ đầu tiên là chạy đi cầu cứu. Nhưng nếu thế thì cha sẽ bị buộc vào tội sát nhân? Cái chết của ông ta xảy đến trong một cuộc cãi vã ; lại còn vết da đầu nứt lúc ông ấy té : bao nhiêu đó sẽ chống lại cha. Hơn nữa, một cuộc điều tra chính thức sẽ phát hiện về kho báu vật kia, Mơ-tan đã bảo với cha rằng : chẳng ai hay biết gì về việc ông ấy đến nhà cha ; vậy thì cũng chẳng cần để cho ai biết thêm làm gì nữa.

"Cha đang mãi suy nghĩ như thế thì, lúc ngược mắt lên, cha thấy Lal-Sao hiện ra trong khung cửa. Hắn bước vào không một tiếng động rồi khoá cửa.

- Thưa chủ nhân, ngài đừng e sợ gì cả ! Ta đem giấu xác cho thật xa thì còn ai mà biết nữa?

- Ta không giết ông ấy !

Lal-Sao lắc đầu mỉm cười :

- Tôi đã nghe thấy, thưa chủ nhân. Tôi đã nghe cuộc đấu khẩu và tôi cũng đã nghe tiếng nổ. Nhưng miệng tôi đã khoá lại rồi. Nao, ta hãy đưa ông ấy đi cho xa.

"Những câu nói ấy giúp cha quyết định. Nếu tên gia nhân trung thành nhất của mình mà còn không tin được là mình vô tội, thì làm sao cha có thể thuyết phục mười hai bị thối trong bồi thẩm đoàn? Ít hôm sau báo chí Luân Đôn thắc mắc về vụ mất tích đầy bí ẩn của đại úy Mơ-tan. Cứ theo lời cha thuật lại, các con cũng thấy là không thể đồ riệt cái chết ấy cho cha được. Sai lầm của cha là ở chỗ chẳng những cha đã cất giấu thi thể của Mơ-tan, mà còn giấu luôn cả kho báu vật, trong đó một phần đương nhiên thuộc về Mơ-tan. Vậy nên cha muốn các con hoàn trả lại số đó. Lại gần đây mà xem này. Kho báu vật được cất giấu trong..."

"Ngay lúc đó, nét mặt của ông cụ bỗng thất sắc vì khiếp đảm : cặp mắt diên đại và mồm há hốc ra.

- Đuổi nó đi ngay ! Trời ơi, đuổi nó đi ngay.

"Chúng tôi trông về phía cửa sổ. Một khuôn mặt từ trong bóng tối hiện ra, nhìn chúng tôi chăm chú. Một cái đầu rậm tóc, râu, với tia nhìn hung bạo, chất chứa một nỗi căm hờn. Chúng tôi đổ xô về phía cửa sổ, nhưng người kia đã biến mất. Khi chúng tôi trở về chỗ ông cụ, thì ông đã chết.

"Đêm ấy chúng tôi sục sạo khắp khu vườn, nhưng chẳng tìm thấy gì ngoài dấu chân thọt giữa luống hoa. Nếu không có dấu chân này, chắc chúng tôi sẽ nghĩ rằng khuôn mặt hung dữ kia chỉ là do trí tưởng tượng. Tuy vậy, qua sáng hôm sau, người ta thấy cửa sổ phòng cha chúng tôi có ai đã mở trước rồi : tủ, ngăn kéo bị lục soát kỹ, và trên ngực người chết, có gắn một mảnh giấy với hàng chữ nguệch ngoạc : "Dấu Bộ Tứ". Đến nay chúng tôi vẫn chưa hiểu được những từ ấy có ý nghĩa gì, mà cũng chẳng rõ ai là tác giả".

Người đàn ông ngừng lại để đốt ống điếu cày rồi im lặng hút vài hơi. Chúng tôi ngồi yên, bàng hoàng, Mơ-tan biến sắc, mặt tái nhợt. Holmes ngồi lọt vào ghế trong một tư thế lơ

đăng, đôi mắt lim dim. Cái nhìn của ông Sơn-tô lần lượt chuyển từ người này qua người khác. Hiển nhiên là tự hào về tác dụng do câu chuyện kể gây nên, thỉnh thoảng ông ngừng lại để kéo một hơi thuốc.

- Anh tôi và tôi rất quan tâm đến kho báu, chúng tôi lùng sục, đào xới từng mảnh đất vườn, song chẳng tìm ra chỗ cất giấu. Cứ nghĩ đến điều bí mật kia đã đọng lại trên môi khi ông cụ qua đời là cũng đủ khiến chúng tôi điên tiết vì chán ngán. Cứ nhìn vào chuỗi ngọc kia, chúng tôi cũng đoán ra được kho báu phải rục rở, lộng lẫy đến đâu rồi. Và chẳng, anh tôi và tôi cũng đã tranh luận nhau về chuyện này. Nói riêng để quý vị biết là anh tôi thừa hưởng được của cha tôi cái xu hướng biến lận. Anh ấy cũng nghĩ rằng chuỗi ngọc kia có thể gợi trí tò mò và đem đến cho chúng tôi nhiều chuyện phiến phức sau này. Anh chỉ đồng ý với tôi một điểm là tôi sẽ tìm ra địa chỉ của cô Mơ-tan và cứ đều đặn gửi đến cô một viên ngọc, để cô khỏi phải sống trong cảnh thiếu thốn.

- Ông thật là nhân từ quá. Tôi biết ơn ông vô cùng ! -
Cô gái nói.

Người đàn ông khoát tay :

- Ấy, không phải thế đâu ! Chúng tôi là những kẻ chiếm đoạt, nhưng anh Bạc-tô không hiểu như tôi. Và chẳng, thật là quá tệ nếu tỏ ra bủn xỉn với một phụ nữ. Tóm lại, mỗi bất hoà giữa chúng tôi ngày càng sâu sắc, nên tôi thấy tốt hơn là tôi nên đi ở riêng. Thế là tôi rời khỏi biệt trang Pondi, mang theo Uy-ly và một gia nhân người Ấn già. Nhưng hôm qua tôi được hay một tin rất quan trọng : *kho báu đã bị khám phá*. Lập tức tôi viết thư cho cô Mơ-tan, và giờ đây, tôi chỉ còn mỗi một việc là đi đến Norwood để đòi phần của chúng ta.

Ông Sơn-tô ngừng nói, nhưng vẫn không ngớt cựa quậy trên chiếc ghế sang trọng. Chúng tôi đều ngồi lặng yên suy nghĩ. Holmes là người đầu tiên đứng dậy.

- Từ đầu chí cuối, ngài đã hành động rất đúng, thưa ngài. Có lẽ chúng tôi còn phải thành tâm biết ơn ngài vì ngài đã

làm sáng tỏ những điểm còn tối tăm. Nhưng bây giờ cũng đã muộn rồi, và ta không nên phí mất thì giờ nữa.

Gia chủ cẩn thận cuộn ống hút, bình thuốc lại, rồi lấy ra từ sau tấm màn cái áo măng tô dài và nặng. Ông cài nút cẩn thận, mặc đầu trời không lạnh, ông sửa lại trên đầu chiếc nón cát kết bằng da nhỏ với đôi vành che phủ tai.

- Sức khoẻ của tôi suy giảm. Vì thế nên tôi buộc phải đi phòng.

Cỗ xe đợi chúng tôi. Cuộc hành trình có vẻ như đã được dự kiến trước, vì người đánh xe cho xe chạy nhanh ngay sau đó, Sơn-tô vẫn không ngừng nói năng bằng giọng òm òm át cả tiếng bánh xe lăn trên đường.

- Bạc-tô là một người rất giàu sáng kiến. Theo quý vị nghĩ thì anh ấy phát hiện ra kho báu bằng cách nào? Anh cho là nó phải nằm tại một nơi nào đó trong nhà. Thế là trong nhà không một xăng-ti-mét nào lọt khỏi vòng tìm kiếm của anh. Chẳng hạn, anh để ý thấy rằng chiều cao toàn bộ ngôi nhà là 25 mét, nhưng khi cộng chiều cao các tầng với nhau, thì chỉ mới có 23,70 mét. Vậy còn thiếu 1,3m. Phần thiếu này chắc chắn là phải ở trên mái nhà. Anh ấy liền khoét thủng một lỗ trên trần trong căn phòng cao nhất và phát hiện ra một cái gác nhỏ. Căn gác xép này bốn bề tường xây kín, nên không ai biết đến nó cả. Ở ngay giữa gác, là kho báu đặt trên hai cây đà. Anh đưa nó xuống qua lỗ hổng, và mở hộp ra... số châu báu trong hộp trị giá ít nhất cũng lên đến năm trăm ngàn đồng.

Khi nghe nói đến số tiền khổng lồ này, chúng tôi trở mặt nhìn nhau. Nếu chúng tôi có cách bảo đảm quyền lợi của Mơ-tan, thì nàng sẽ là người nữ thừa kế giàu nhất nước Anh.

Sau cái lắc cuối cùng, chiếc xe dừng lại. Người đánh xe nhảy xuống khỏi ghế, mở cửa cho chúng tôi.

- Đây là biệt trang Pondi, thưa cô Mơ-tan - Sơn-tô vừa nói vừa đưa tay đỡ nàng xuống.

4. TẤN THẨM KỊCH Ở BIỆT TRANG PONDI

Lúc ấy gần mười một giờ khuya. Chúng tôi bỏ lại đằng sau sương mù ẩm thấp của thành phố lớn. Một cơn gió ẩm áp chồm những tầng mây nặng nề từ phía tây qua vòm trời. Vành trăng non chợt hiện, chợt biến từng hồi. Ánh sáng toả khá xa, nhưng Sơn-tô vẫn lấy chiếc đèn lồng trong xe ra.

Biệt trang Pondi có một khu vườn rộng mênh mông. Một bức tường đá cao lờm chờm, mảnh chai vụn cô lập nó hoàn toàn. Một cái cửa hẹp được tăng cường những thanh sắt là lối vào độc nhất. Người hướng dẫn gõ cửa theo mật hiệu riêng.

- Ai đó? - Một giọng kém hoà nhã hỏi lớn.

- Ta đây, Móc-dô !

Trả lời ông là một tiếng động không rõ ràng, rồi tiếng xâu chia khua lách cách. Cánh cửa xoay nặng nề trên bản lề. Trong ánh đèn lồng, một người đàn ông dáng thấp, vóc dáng khoẻ, hiện ra ở khung cửa nhìn chúng tôi bằng cái chớp mắt ngờ vực.

- Ông đấy à? Còn những người này là ai? Tôi không nhận được lệnh gì về họ cả.

- Không à? Anh làm tôi ngạc nhiên đấy, Móc-dô? Tối qua, ta đã báo trước với anh ta là ta sẽ đến cùng vài người bạn kia mà.

- Hôm nay ông ấy không ra khỏi phòng, mà tôi chẳng nhận được chỉ thị đặc biệt nào cả, ông cũng biết rằng mệnh lệnh rất nghiêm ngặt. Tôi có thể để ông vào, nhưng các bạn ông phải ở lại bên ngoài.

Sơn-tô phân vân, nhìn chúng tôi :

- Anh có vẻ hơi bướng bỉnh đấy. Tôi chịu trách nhiệm về hai người này là cũng đủ cho anh rồi chứ? Trong chúng tôi có một phụ nữ ; chắc chắn không thể để cô chờ đợi ngoài đường vào một giờ khuya khoắt như thế này.

- “Tôi rất tiếc”. Người đàn ông đáp lại bằng giọng không gì lay chuyển được. “Những người này có thể là bạn của ông nhưng chưa phải là bạn của chủ tôi. Tôi được trả lương để chấp hành mệnh lệnh. Tôi chẳng biết bạn ông là ai cả.”

- “Ồ, có chứ. Anh có biết một người, anh bạn ơi”. Sherlock Holmes nói lớn bằng giọng nhã nhặn. “Tôi không tin rằng anh đã quên tôi. Anh không còn nhớ anh chàng võ sĩ nghiệp dư đấu với anh trong ba hiệp sao? Chuyện ấy cách đây đã bốn năm rồi, nhân đêm võ đài tổ chức lạc quyền giúp anh”.

- “Ông Sherlock Holmes à?”. Tay cựu võ sĩ kêu lớn. “Ồ, thế thì có chứ. Trời đất, sao tôi lại không nhận ra ông ngay nhỉ?”

- “Đấy, anh Watson, nếu một mai tôi nghèo khổ, thì ít ra tôi vẫn còn cái nghề đấm đá sau cùng này”, Holmes vừa nói vừa cười. “Bây giờ anh bạn đây sẽ không để ta phải chịu cảnh giá lạnh đâu”.

- Vâng, mời ông vào. Mời ông và các bạn ông vào đi ! Tôi rất ân hận, thưa ông Sơn-tô.

Bên trong tường thành, con đường lát sỏi lượn quanh co giữa đám đất hoang, dẫn đến một ngôi nhà đồ sộ, chìm hẳn vào bóng tối, chỉ trừ ở một góc nơi ánh trăng lấp lánh trên khung cửa sổ mái nhà. Toà nhà to lớn, tối tăm, vắng lặng, toả ra vẻ ngọt ngào khó chịu. Ngay Sơn-tô dường như cũng cảm thấy bất an, và chiếc đèn lồng cầm ở đầu tay run lên một cách lạ kỳ.

- Thật tôi chẳng hiểu có chuyện gì xảy ra thế này. Chắc là có sự hiểu lầm gì đây. Tôi có nói rõ ràng với Bạc-tô là tối nay chúng ta sẽ đến kia mà. Tại sao lại không có đèn ở cửa sổ anh ấy? Thế là thế nào?

- Ông ấy vẫn thường cho canh giữ cổng ra, vào cẩn mật như thế ư? - Holmes cất tiếng hỏi.

- Vâng, anh ấy vẫn giữ thói quen của cha tôi. Cửa sổ của Bạc-tô giờ đây có ánh trăng chiếu vào : tôi nghĩ là bên trong không có đèn.

- Không đâu. Nhưng tôi có thấy ánh sáng mờ mờ ở cửa tò vò phía bên cửa lớn - Holmes nói.

- À, đó là phòng bà giúp việc. Chắc bà lão có thể giải thích cho chúng ta. Quý vị vui lòng chờ tôi tại đây vài phút. Nếu không được báo trước mà lại thấy chúng ta đến cùng một lúc, bà lão có thể phát hoảng lên. Ấy mà này? Gì thế?

Ông nhắc cao chiếc đèn lồng, tay ông run đến nỗi khoanh tròn ánh sáng nhảy múa quanh chúng tôi. Cô Mơ-tan nắm lấy cổ tay tôi. Chúng tôi đứng lặng yên, trống ngực đánh liên hồi, tai nghe ngóng. Từ ngôi nhà to lớn tối đen vọng ra một giọng thật buồn bã, thảm thiết, đó là tiếng khóc của một người đàn bà.

- Giọng bà lão Bớt đấy. Trong nhà chỉ có bà là đàn bà thôi. Quý vị chờ đây. Tôi trở lại ngay.

Ông bước nhanh đến cửa và gõ theo ám hiệu. Chúng tôi cũng nhìn ra được một bà lão to béo ra mở cửa và bà vươn mình nhẹ nhõm khi thấy ông ta :

-Ồ ! Ông Sơn-tô. Gặp ông tôi mừng quá.

Cánh cửa khép lại đằng sau hai người. Những biểu hiện mừng rỡ nhường chỗ cho một cuộc đối thoại rì rầm.

Người hướng dẫn đã để lại cho chúng tôi chiếc đèn lồng. Holmes nắm lấy, lắc nhẹ, mắt chăm chú dò xét ngôi nhà và mấy đồng vôi, gạch vụn rải rác trên đám đất. Mơ-tan và tôi đứng yên, cạnh bên nhau, tay trong tay. Quả thật, tình yêu là một thứ gì tinh tế mà tuyệt vời quá chừng. Thì đây nhé, hai chúng tôi, cho đến ngày hôm ấy, chưa lần nào gặp nhau, chưa bao giờ trao đổi một cái nhìn hoặc nói với nhau vài câu tình cảm, ấy thế mà chúng tôi lại cùng tuân theo một kích động : tay chúng tôi tìm lấy nhau. Chúng tôi tựa như hai đứa bé, đứng giữa cối âm u mịt mù vây kín chung quanh mà vẫn thấy bình yên.

- Chỗ ở gì mà kỳ lạ thế này. - Nàng buột miệng thở dài.

- Tưởng chừng như tất cả những chú chuột chũi của nước Anh đều tập hợp về đây. Tôi đã từng chứng kiến cảnh tượng tương tự như thế này trên sườn một ngọn đồi, gần thành phố Ballarat ⁽¹⁾ sau thời kỳ sôi nổi đổ xô đi tìm mỏ. - Tôi nói.

- "Và cùng với những lý do tương tự". Holmes nói xen vào, "đây là dấu vết đào xới để tìm kho báu. Ta đừng quên rằng họ đã tìm kiếm suốt sáu năm nay. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên nếu chỗ này giống như ô vuông hầm mỏ."

Vừa lúc đó, cửa ra vào bật tung ra, và Sơn-tô chạy về phía chúng tôi, hai tay giơ thẳng lên, mắt đầy nét kinh hoàng. Ông hét lớn :

- Chắc có chuyện gì xảy ra cho anh Bạc-tô rồi. Tôi sợ quá !

Quả thật, ông nấc lên vì sợ hãi.

- Nào, chúng ta hãy vào nhà - Holmes nói, điềm tĩnh và quả quyết.

- Vâng, xin mời quý vị. - Sơn-tô nói tiếp.

Chúng tôi theo ông ta vào phòng bà giúp việc. Bà lão rảo bước trong căn phòng, vừa đi vừa cắn móng tay. Khi chợt thấy cô Mơ-tan, bà lão có vẻ khuấy nguôi phần nào :

- Gặp được cô thật là điều quý hoá. Hôm nay tôi phải chịu bao nhiêu là chuyện khổ não !

Cô gái nắm lấy bàn tay khẳng khiu, thì thầm dăm ba câu an ủi. Lòng nhân hậu đầy triu mến của nàng đã trả lại đôi chút thần sắc lên đôi má tái nhợt của bà.

- Chủ tôi ở riệt trong phòng, khoá kín cửa lại, và không buồn trả lời tôi. Tôi đã chờ đợi suốt cả ngày để ông có gọi chẳng. Tôi biết tính ông ấy thích sống một mình, nhưng sau cùng tôi cũng đâm ra thắc mắc, không hiểu có chuyện gì đã xảy ra. Thế là tôi lên lầu, nhìn qua lỗ khoá. Ông cũng nên lên đó đi, ông Sơn-tô, rồi tự ông sẽ thấy.

I. Ballarat : một thành phố ở Australia, luyện kim đồng.

Holmes cầm lấy cây đèn, lần mò bước lên trước tiên, Sơn-tô hai hàm răng đánh vào nhau lập cập. Tôi phải đỡ ông ta bước lên. Hai lần trong lúc lên cầu thang, Holmes lấy kính lúp ra chăm chú quan sát mấy dấu vết nơi mà mắt tôi chỉ thấy đơn thuần là những vết bùn. Anh chậm chậm leo lên từng bậc một, đặt cây đèn dựa vào đôi chỗ, đưa mắt dò tìm quanh mình. Mơ-tan theo sau chúng tôi, đi cạnh bà lão giúp việc.

Tầng lầu thứ ba đưa đến một hành lang khá dài : trên tường bên phải là một tấm thảm Ấn Độ rộng lớn ; bên trái, ba cánh cửa nằm thẳng hàng. Chúng tôi nối gót ngay sau Holmes, anh bước tới từng bước chậm rãi, khoan thai. Bóng chúng tôi ngả dài phía sau. Đến cánh cửa thứ ba anh gõ, nhưng không ai trả lời ; anh quay tay nắm, toan dùng sức mạnh mở nó. Nhích chiếc đèn lại gần, chúng tôi nhận thấy cánh cửa được cài then từ bên trong. Tuy nhiên, lúc tra chìa khoá vào ổ khoá và quay trong chốt khoá, ta vẫn có được một khe hở nhỏ. Holmes ngồi thụp xuống, dán mắt vào đấy, nhưng rồi đứng phất dậy, hơi thở như nghẹn lại.

- Trong ấy có cái gì ghê khiếp quá chừng. Anh nhìn đi, thế nghĩa là làm sao, anh Watson?

Đến lượt tôi ngồi xổm xuống trước ổ khoá, nhưng tôi giật lùi lại vì khiếp đảm. Vầng trăng chiếu vào căn phòng tia sáng mờ nhạt và lạnh lẽo. Tôi thấy, nổi bật hẳn lên khỏi vùng tăm tối, một khuôn mặt cứ nhìn chặp vào mắt tôi. Quả thật ấy là bản sao nhân dạng của Sơn-tô : cũng cái sọ cao và bóng loáng ấy, cũng cái vành tóc màu hung ấy, cũng nước da tái nhợt ấy... Nhưng đường nét trên khuôn mặt ấy nhăn nhúm lại với một nụ cười mỉm đến là khủng khiếp.

- Khiếp thật ! Làm gì bây giờ, anh Holmes?

- Phải phá cửa vào !

Nói xong, anh chạy bỏ tới. Cánh cửa nghiêng rít lên, kêu cọt két, nhưng vẫn không lay chuyển. Lần này, chúng tôi cùng tấn công một lượt. Cánh cửa bật tung.

Người ta có thể nói đây là một phòng thí nghiệm. Hai hàng dài những lọ thủy tinh xếp ngay ngắn sát tường đối diện cửa ra vào : một chiếc bàn ngôn ngang những đèn Bunsen, ống nghiệm và nồi cổ cong. Trong góc phòng, còn có mấy chai phình bụng bọc mây, đựng acid ; một chai chắc đã bị nứt ; dầu sao thì nó cũng rỉ nước, bởi ta thấy một chất nước màu đen thẩm loang ra, làm cho không khí trong phòng nặng một mùi nhựa đường đặc biệt. Tại một góc khác, giữa đồng vôi gạch vụn, một chiếc thang ngắn được bắc lên lỗ hồng khoét trên trần, đủ rộng để một người có thể chui qua. Ở chân thang, là một đồng sợi thừng nằm ngôn ngang.

Cạnh bàn, Bạc-tô ngồi lù lù trong chiếc ghế bành, đầu ngả trên vai trái và vắn cái nụ cười bí hiểm ấy. Tử thi đã lạnh cứng rồi. Cái chết chắc đã xảy ra cách đây nhiều tiếng đồng hồ. Hình như những nét nhăn nheo lạ lùng trên gương mặt vẫn gập lại trên tứ chi và tạo cho cái xác kia một vẻ thật là quái đản. Trên bàn, trong tầm tay người chết, tôi trông thấy một dụng cụ kỳ quặc : một kiểu cán bằng gỗ nâu, ở đằng đầu có buộc một viên đá một cách sơ sài. Bên cạnh có một mẩu giấy rách viết nguệch ngoạc mấy chữ. Holmes liếc qua rồi đưa tôi xem.

- Đây, anh thấy chưa !- Anh thốt lên, những mày trong một dáng điệu đầy ý nghĩa.

Tôi đưa đèn lại gần và giật mình kinh hãi khi đọc thấy mấy chữ "*Dấu Bộ Tử*".

- Trời đất ! Tất cả những chuyện này nghĩa là thế nào ?
- Tôi hỏi.

- "Một vụ ám sát". Anh đáp, vừa nghiêng mình trên xác chết. "À, tôi biết ngay mà ! Đây, anh xem đây !".

Anh chỉ vào một cái gai đen dài ghim vào ngay bên trên vành tai nạn nhân.

Trông giống cái gai quá.

- Thì đó là một cái gai mà. Anh có thể lấy nó ra. Nhưng coi chừng ; nó có tẩm thuốc độc đấy.

Tôi kẹp nó giữa ngón cái và ngón trỏ, lấy ra dễ dàng, hầu như chẳng để lại dấu vết gì cả. Độc nhất chỉ một giọt máu nhỏ nơi bị đâm thôi.

- Tôi thấy bí ẩn này không giải nổi. Thay vì sáng tỏ, mỗi lúc nó lại càng rối rắm thêm.

- Trái lại ấy chứ ! Nội vụ càng đơn giản hơn lên. Chỉ còn thiếu một vài chi tiết thôi.

Từ lúc chúng tôi phá cửa vào, chúng tôi hầu như quên hẳn Sơn-tô. Ông vẫn đứng ở ngưỡng cửa, đôi tay vịn lấy nhau, rên rì. Nhưng, bỗng nhiên, một tiếng thét phẫn nộ buột khỏi miệng ông ta :

- Kho báu không còn ở đó nữa ! Chúng nó đã đánh cắp kho báu rồi ! Trên kia là lỗ hổng mà qua đó chúng tôi đã đem nó xuống. Tôi là người cuối cùng được trông thấy kho báu. Anh ấy ở trong phòng và tôi nghe rõ anh ấy cài chốt cửa.

- Lúc ấy là mấy giờ?

- Mười giờ. Thế mà bây giờ anh ấy đã chết. Rồi cảnh sát sẽ đến. Rồi tôi sẽ bị tình nghi, bị kết tội... Nhưng quý ngài, quý ngài không nghĩ rằng tôi lại có thể... chứ? Quý ngài không nghĩ rằng chính tôi đã... phải không? Nếu không thế thì tôi đâu đưa các ngài đến đây làm gì? Ôi ! Tôi điên lên mất !

Ông ta khua tay dậm chân. Một nỗi kinh hoàng cường tráng bao trùm ông ta.

- “Ông không có gì phải hoảng sợ, ông Sơn-tô !” Holmes vừa từ tốn nói vừa đặt tay lên vai ông. “Cứ nghe theo lời tôi khuyên đây. Ông hãy cho người đưa ông đến đồn cảnh sát. Hãy thuật lại vụ án mạng và đề nghị họ nhận sự hợp tác của ông. Chúng tôi ở đây chờ ông trở về”.

Người đàn ông nhỏ thó ấy đồng ý, vẻ gần như dờ dẩn, lần xuống cầu thang với bước chân lảo đảo.

5. SHERLOCK HOLMES BẮT ĐẦU ĐIỂN GIẢNG

- Anh Watson, giờ đây chúng ta còn được nửa tiếng đồng hồ. Cho dù hiện nay nội vụ có vẻ đơn giản đến đâu chăng nữa, vẫn có thể còn nhiều uẩn khúc.

- Đơn giản à? - Tôi lớn tiếng hỏi.

- Hẳn là thế ! Nhưng anh bạn hãy ngồi yên trong góc kia, kéo vết chân anh lại làm cho công chuyện thêm rắc rối. Nào, trước tiên, những người kia đã đến bằng cách nào? Cửa ra vào vẫn đóng từ tối hôm trước. Thế còn cửa sổ?

Anh dùng chiếc đèn lồng soi sáng cửa sổ, miệng thốt lên những nhận xét :

- Cửa sổ đóng từ bên trong. Khung cửa chắc. Không có bản lề ở một bên. Nào, ta mở thử xem. Quanh quất đây chẳng có ống máng nào. Từ đây, không thể nào leo lên mái được... ấy thế mà một người đã leo lên bằng cửa sổ ; đêm qua có mưa chút đỉnh ; và đây, trên thành cửa sổ, ta thấy có dấu chân dính bùn. Còn kia lại có dấu đất bùn hình tròn. A, ta lại thấy dấu ấy trên sàn nhà, rồi cạnh chiếc bàn. Nhìn đây này. Thật là một cuộc biểu diễn tuyệt đẹp.

Tôi cúi nhìn dấu vết có hình dáng giống như một cái đĩa.

- Không phải dấu bàn chân - Tôi nói.

- Cái này còn chính xác và quý giá hơn thế nữa kia. Đây là dấu của một đầu chày bằng gỗ. Anh cứ nhìn lên thành cửa mà xem; đây là dấu chiếc giày ống nặng trĩu, đế rộng có đóng đĩa; cạnh đó là dấu của chân kia, nhưng dấu này lại tròn.

- Người đàn ông chân gỗ.

- Đúng vậy. Nhưng còn một tên khác nữa. Này, anh xem thử nhé, anh có thể trèo qua hàng hiên kia không?

Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ. Ánh trăng vẫn còn chiếu sáng đến phía này của ngôi nhà. Mặt đất ở bên dưới cách hơn hai mươi mét. Cho dầu có căng mắt ra nhìn, tôi cũng không thấy

được một điểm tựa cón con nào, hoặc một kẽ nứt nhỏ nào trong bức tường bằng gạch. Tôi lắc đầu bảo :

- **Không** tài nào được !

- “**Không** tài nào được khi chỉ có mình anh. Nhưng nếu anh có một người bạn ở cửa sổ này, và nếu bạn anh thông xuống cho anh sợi dây thì anh bảo sao? Trong trường hợp ấy, nếu anh có chút ít thể lực, anh có thể đu mình lên đến đây, kể cả cái chân gỗ nữa. Và dĩ nhiên, anh rời khỏi chỗ này cũng bằng cách đó thôi. Sau đó, bạn anh sẽ rút dây lên, tháo ra khỏi móc, đóng và chốt cái cửa sổ lại từ bên trong và sau cùng ra đi bằng lối mà hấn đã đến. Tôi xin bổ sung thêm một chi tiết phụ”. Anh vừa tiếp tục diễn giảng vừa mân mê sợi dây thừng. “Người bạn chân gỗ của ta, mặc dù là một tay leo trèo có hạng, nhưng không phải là một thủy thủ. Anh ta không có đôi tay chai sạn. Chiếc kính lúp cho tôi thấy nhiều vết máu, nhất là ở đoạn cuối. Từ đó tôi suy ra là anh ta đã buông mình tuột xuống rất nhanh khiến hai tay bị sứt da”.

- Tất cả những điều ấy nghe ra thật là hay. Nhưng câu chuyện lại càng khó hiểu hơn bao giờ hết. Kẻ đồng minh bí mật kia là ai? Hấn đột nhập vào phòng này bằng cách nào?

- “Kẻ đồng minh hả”. Holmes nhắc lại, vẻ nghi ngại, “Chính gã đồng minh ấy sẽ đem đến cho chúng ta nhiều yếu tố lý thú đấy. Nhờ hấn mà nội vụ đã vượt ra ngoài giới hạn bình thường”.

- Nhưng hấn đến đây bằng cách nào? Cửa ra vào thì bị cài then, cửa sổ lại không lên đến được. Bằng lối ống khói chăng?

- Tấm lưới song sắt ở trên ấy quá hẹp. Tôi cũng đã nghĩ đến điều đó, nhưng...

- Vâng. Bằng lối nào?

- Bao nhiêu lần tôi đã bảo với anh là sau khi đã gạt bỏ ra ngoài tất cả những trường hợp không thể nào xảy ra được,

thì giả thiết còn lại, đầu là bấp bênh, thiếu cơ sở đến đâu chẳng nữa, cũng phải là giả thiết đúng đắn ! Hẳn không đến bằng cửa ra vào, không bằng cửa sổ, cũng không bằng ống khói, hẳn không ẩn trốn trong phòng này (bởi vì phòng này không có chỗ nào có thể ẩn trốn cả), thế thì hẳn đã đến bằng lối nào?

- Bằng một lỗ hổng khoét trên mái nhà? - Tôi hỏi lớn.

- Đúng. Chỉ bằng lối đó thôi.

Anh trèo lên thang xếp, tì bàn tay vào hai cây đà và đu mình lên rầm thượng. Lên đến nơi, anh nằm sấp sát xuống, với tay nắm lấy cây đèn để tôi có thể lên theo anh.

Cán rầm thượng dài khoảng 3,50 mét, rộng 2 mét. Sàn rầm là mấy cây đà, và phải nhảy từ đà này qua đà khác nếu muốn di chuyển, vì ở giữa hai hàng đà chỉ là những tấm lát mỏng manh mà thôi. Mái rầm vươn lên thành góc nhọn. Cán rầm hoàn toàn trống trơn. Bụi đóng thành lớp dày trên sàn.

- "Đây rồi !" Holmes nói, tay đặt lên bức tường dốc nghiêng. "Đây là cái cửa chống mở ra trên mái nhà. Tôi có thể đẩy nó lên. Mái nhà hiện ra, để dốc thoải xuống. Đây là con đường mà theo đó tên số một đã đi vào. Ta hãy thử xem còn có thể tìm thấy dấu vết gì khác giúp ta nhận diện hẳn nữa không".

Anh đưa đèn lại gần sàn, và đây là lần thứ hai trong cùng đêm ấy, tôi thấy gương mặt anh thoáng vẻ ngạc nhiên trái ý. Đưa mắt theo hướng anh ta nhìn, tôi thấy nổi gai ốc. Vì sàn rầm đây dấu chân trần trông rõ cả hình thù, nhưng không lớn quá nửa dấu chân bình thường.

- Anh Holmes à, một đứa bé có thể làm được một chuyện khủng khiếp như thế chẳng?

Anh lấy lại được tự chủ ngay :

- Lúc đầu tôi có ngạc nhiên thật. Tuy nhiên, chuyện này chẳng có gì là lạ lùng đâu. Trong phút chốc trí nhớ tôi bỗng sút kém hẳn đi, bởi vì, đáng lý tôi đã phải dự kiến sự việc này

rồi. Ta chẳng còn có gì để phát hiện ra trên đây nữa. Ta xuống đi.

- Vậy thì về mấy dấu chân ấy, anh nghĩ như thế nào? - Tôi cất tiếng hỏi khi chúng tôi đã trở xuống căn phòng bên dưới.

- Anh thử tự phân tích một chút xem nào? - Holmes nói với một thoáng nóng nảy.

- Tôi chẳng nghĩ ra được bất cứ lối giải thích nào.

- Anh sẽ thấy mọi việc hiện ra rất rõ ràng. Ở đây chẳng còn gì quan trọng nữa, song tôi cũng xem lại cho chắc hơn.

Anh cúi kính lúp, lấy cây thước ra và bò khắp phòng, đo đạc, so sánh, xem xét, đưa cái mũi sát sàn nhà. Cử chỉ của anh nhanh nhẹn, lạng lẹ, thoăn thoắt như của một con chó đánh hơi vết chân con mèo. Và tôi không thể không nảy ra cái ý nghĩ bậy bạ rằng anh ta rất có thể là một tên tội phạm vô cùng nguy hiểm nếu anh quay lại chống luật pháp. Vừa tiến hành công việc, anh vừa lẩm bẩm những câu gì khó hiểu. Sau cùng, anh buông ra một tiếng reo khoan khoái nhẹ nhõm :

- Vận may mỉm cười với chúng ta rồi ! Bây giờ, có lẽ chúng ta chẳng còn gặp khó khăn nào nữa. "Tên số một" của chúng đã dẫm lên chất mộc du ⁽¹⁾, vành bàn chân nhỏ bé của nó đây này, bên cạnh cái vũng nhầy nhựa hôi hám này. Cái bình bị vỡ, và chất nước bên trong chảy lênh láng ra ngoài.

- Thế thì sao?

- Thế thì chúng ta bám nó dễ dàng, có thể thôi. Tôi được biết có một con chó có thể bám theo một mùi nào đó đến mãi tận cùng thế giới. Ủa, mà tôi nghe xôn xao gì thế? À, chắc hẳn là các vị đại diện có tín nhiệm của luật pháp.

Từ bên dưới đưa lên những giọng nói ồn ào, những bước chân vang dội ; có tiếng cửa ra vào đóng rầm lại.

1. Mộc du (créosole) : Một chất hoá học dùng làm gỗ để chống mục.

- Anh hãy đặt bàn tay lên cánh tay **kẻ khốn khổ** này. Rồi bây giờ đặt lên chân hắn. Anh cảm thấy gì nào?

- Các cơ bắp rần chắc chẳng khác gì gỗ.

- Đúng thế. Chúng ở trong trạng thái co rút cùng cực, vượt hẳn tình trạng co rút bình thường trước khi chết. Anh cứ thêm vào đây cái nét mặt nhăn nhúm kia, cái nụ cười đanh ác. Rồi anh rút ra được kết luận gì, bác sĩ?

- “Chết vì một chất alcaloit thảo mộc cực mạnh”. Tôi đáp không chút do dự “Một chất tương tự như mã tiền”.

- Ngay khi tôi thấy tình trạng co rút tột độ ở các cơ mặt, tôi đã tìm ngay xem độc dược đã xâm nhập cơ thể bằng cách nào. Tôi đã phát hiện ra một cái gai, hoặc đã được đâm vào, hoặc đã được phóng tới. Nếu nạn nhân ngồi thẳng trong ghế bành thì phần bị trúng thương là phần đối diện với lỗ hồng khoét trên trần nhà. Bây giờ, đề nghị anh hãy xem kỹ cái gai này.

Tôi cẩn thận đón lấy cái gai và quan sát nó dưới ánh sáng chiếc đèn lồng. Cái gai dài, đen, nhọn ; mũi gai như có phết sơn, như có chất nhựa khô quánh ở đó. Mũi gai cùn, đã được gọt chuốt lại bằng dao.

- Đây có phải là một thứ gai mà ta có thể tìm thấy ở nước Anh không ? - Anh hỏi.

- Không, chắc chắn là không !

- Thế thì, với những dữ kiện đó, anh có thể rút ra một vài suy diễn đúng đắn rồi.

Holmes vừa nói đến đây, thì trong hành lang có tiếng bước chân khua vang, và một người đàn ông lùn mập, nước da đỏ tươi, vạm vỡ, mặc bộ com lê màu xám, nặng nề bước vào phòng. Ông ta có khuôn mặt béo phì, đôi mi mắt húp lại, cặp mắt rất nhỏ, ném ra một tia nhìn sắc sảo. Nói gót ông ta là viên thanh tra mặc đồng phục và Sơn-tô, vẻ mặt vẫn còn tỏ ra xúc động.

- "Vụ gì mà rắc rối đến thế này nhỉ?" Người đàn ông to béo thốt lên, giọng ò ò, khản đục. "Ừ, mà mấy người này là ai thế này?"

- Ngài có thể nhận ra được tôi, thưa ngài A-ten? - Holmes điềm nhiên nói.

- "Hẳn thế rồi !" Ông đáp, giọng hỗn hển - "Ông Sherlock Holmes. Theo ông, nạn nhân chết vì nguyên nhân nào?"

- Ồ ! Trong vụ án này chẳng có chỗ nào dành cho lý thuyết suông đâu. - Holmes nói sáng giọng.

- Không đâu. Nhưng dù sao, người ta không thể phủ nhận rằng đôi khi ngài cũng đánh đúng chỗ. Ồ ! Cửa ra vào có cài then, người ta báo với tôi như thế. Một số báu vật trị giá nửa triệu biến mất. Thế còn cửa sổ thì sao?

- Đóng từ bên trong ; nhưng có dấu chân trên thành cửa.

- Nhưng nếu cửa sổ đóng thì dấu chân không còn dính dáng gì đến câu chuyện cả. Nạn nhân có thể chết vì chứng động tim ; thế mà báu vật lại mất. À, tôi nghĩ ra rồi. Bây giờ xin ông thanh tra cho tôi nói chuyện riêng, ông Sơn-tô cũng thế. Ông bạn của ông có thể ở lại đây, ông Holmes ạ. Xin ông cho tôi biết ông nghĩ gì về sự việc ông Sơn-tô thú nhận đêm qua có ở chung với người anh của ông ta. Người này chết vì chứng động tim, và Sơn-tô ra đi với kho báu vật.

- Người chết, chắc vì sợ cảm lạnh, nên đã dậy cài chốt cửa lại chứ gì?

- Hừm ! Có một kẻ hử đấy. Nào, ta hãy thử dùng chút lý trí thông thường xem sao. Cái ông Sơn-tô khi đó ở chung với người anh và hai người có cãi vã nhau. Người anh chết, báu vật biến mất. Không ai gặp người anh từ khi Sơn-tô ra đi. Chấn nệm trên giường vẫn y nguyên : như thế là nạn nhân đã không đi nằm. Mặt khác Sơn-tô rõ ràng đang ở trong một tâm trạng dao động. Quý vị đã rõ tôi đang dệt một mạng lưới. Lưới siết chặt quanh ông ta.

- "Ngài chưa nắm vững hoàn toàn ~~các~~ sự kiện". Holmes nói. "Cái dằm gỗ có tẩm chất độc kia, đã ghim vào da đầu nạn nhân : dấu vết vẫn còn đấy. Còn tấm thiệp kia, với dòng chữ kia ! Những điều này làm sao phù hợp với lý luận của ngài?"

- "Trái lại đấy chứ? Mỗi một chi tiết trong lý luận của tôi đã được xác nhận là đúng khác". Nhà thám tử cãi lại, giọng huênh hoang. "ngôi nhà thì đầy rẫy những vật lạ từ Ấn Độ. Sơn-tô có thể sử dụng dằm gỗ ấy vào mục đích sát nhân. Còn tấm thiệp nọ chỉ là một mảnh khốe, có lẽ để đánh lạc hướng. Còn lại một câu hỏi duy nhất : ông ấy ra đi bằng cách nào? À, dĩ nhiên ! Trên trần nhà có một lỗ hổng".

Ông nhảy tót lên chiếc thang xếp, và tìm đường lên qua lỗ hổng. Sau đó, chúng tôi nghe ông loàn báo giọng đặc thủng : "Tôi đã thấy cái cửa chống trở lên mái nhà".

- "Ông ta đã phát hiện ra điều gì đó rồi". Holmes vừa nhận xét vừa nhún vai. "Đôi khi ông ta nảy sinh ra những tia thông minh".

- "Đấy, ngài xem !". A-ten vừa bước xuống mấy nấc thang xếp vừa nói. "Dầu sao thì sự kiện vẫn có giá trị hơn lý luận suông. Ý kiến của tôi về vụ án này được củng cố vững chắc rồi đấy. Có một ô cửa chống trên mái mà ai đó đã mở nó ra rồi".

- Chính tôi đã mở nó ra đấy.

- "Ừa, thế ra ngài cũng để ý đến nó à? " Ông nói, giọng hạ thấp. "Điều này cho thấy Sơn-tô đã đi ra bằng cách nào. Thanh tra đâu?"

- Thưa ông, có tôi - Một giọng đáp trong hành lang.

- Mời ông Sơn-tô vào đây ! Đây ông Sơn-tô. Nhân danh nữ hoàng nước Anh, tôi bắt ông, vì có liên can trong vụ án mạng người anh của ông.

- "Xin đừng lo, ông Sơn-tô à" ! Holmes nói. "Tôi xin hứa với ông là tôi sẽ mang lại bằng chứng về sự vô tội của ông".

- “Chỗ hứa quá nhiều đấy, ngài lý thuyết gia của tôi”. Viên thám tử nhà nước cắt ngang, giọng đanh thép. “Đừng hứa hẹn nhiều quá”.

- Chẳng những tôi sẽ xóa tan mọi ngờ vực cho ông ta, thưa ngài, mà ngay bây giờ, tôi biếu ngài một món quà : Đây là tên họ và nhận dạng của một trong hai người đã đột nhập vào đây đêm qua. Hắn tên là Jonathan. Đó là một gã ít học, thấp người, lạnh lẽ, cụt mất chân phải ; gã mang chân gỗ mà mặt trong đã bị mòn. Chiếc giày ống bên trái có đế dày, vuông và đóng con đinh sắt. Hắn là một tên cựu tù, tuổi trung bình, nước da nâu rất sẫm, lòng bàn tay hắn rướm máu. Còn tên kia thì...

- À, tên kia? - A-ten vừa cất tiếng hỏi vừa cười mỉa.

Cách ăn nói chính xác của Holmes cũng khiến ông ta có phần nào nao núng. - “Hắn ta là một nhân vật khá kỳ quặc”. Holmes vừa nói vừa quay gót đi. “Tôi mong có thể trình diện với quý vị cả hai tên, chẳng bao lâu nữa đâu. Anh Watson, tôi có chuyện muốn nói với anh”.

Anh ta dắt tôi ra cầu thang và thì thầm :

- Cái biến cố đột xuất này đã làm chúng ta quên bẵng đi mất cái lý do đầu tiên của chuyến đi.

- Tôi cũng đang nghĩ thế đấy. Không nên để cô ta ở mãi trong ngôi nhà này.

- Không. Anh sẽ đưa cô ấy về. Cô ta ngụ tại nhà bà Xơ-xin, không xa lắm đâu. Tôi sẽ chờ anh ở đây nếu anh muốn trở lại. Nhưng có lẽ anh mệt quá chẳng?

- Hoàn toàn không. Tôi không tài nào nghỉ ngơi trước khi được biết thêm về vụ án quái gở này.

- Sự hiện diện của anh giúp đỡ tôi rất nhiều. Ta cứ để anh chàng A-ten kia thoả mãn với những quả bong bóng mà anh ta tưởng là đèn lồng. Tôi nhờ anh đi đến căn nhà số 3, hẻm Pinchin phố Lambeth ngay trên bờ sông, sau khi anh đã

đưa cô Mơ-tan về nhà. Căn nhà thứ ba về bên phải là nhà của một người nhồi rơm chim già. Tên anh ta là Sơ-man. Đến đấy, anh sẽ thấy ở cửa sổ một con chồn cái ngoạm chú thỏ. Cho tôi nhắn gởi lời chào thân ái nhất đến anh bạn già Sơ-man ấy và bảo anh ấy rằng tôi cần chú Tô-bi ngay. Khi về, anh mang nó theo trong xe.

- Một con chó, chắc thế?

- Đúng thế. Một con chó lai hiếm có được thiên nhiên phú cho một thỉnh giác lạ lùng.

- Được thôi. Tôi sẽ mang Tô-bi về cho anh... Bây giờ là một giờ sáng ! Tôi sẽ trở về trước ba giờ.

6. CÂU CHUYỆN CHIẾC THÙNG TÔ-NÔ

Cảnh sát có đưa đến một chiếc xe; tôi dùng xe đó đưa Mơ-tan về nhà.

Từ nãy giờ, nàng vẫn điềm tĩnh và tươi cười bên cạnh bà lão giúp việc. Nhưng lúc ngồi vào xe, nàng kiệt sức và òa lên khóc. Nàng bảo là trong chuyến trở về này, tôi lạ lùng và xa cách. Nhưng nàng đâu có hay trong tim tôi, cuộc chiến đấu đã xảy ra như thế nào. Tình cảm yêu thương của tôi bay dòn về nàng, nhưng những ngôn từ âu yếm lại không thể thoát ra khỏi miệng tôi ; hai suy nghĩ buộc tôi phải câm nín. Trước hết là nàng yếu đuối, không người che chở, tâm trí lại hoang mang lạc lõng. Vào lúc này mà bày tỏ tình yêu thì liệu có đứng đắn không? Mặt khác, nàng lại rất giàu ! Trong khi đó, tôi chỉ là một bác sĩ phẫu thuật hưởng nửa lương. Biết đâu nàng lại không xem tôi là một tay phiêu lưu hạ cấp? Giữa nàng và tôi, sừng sững một chướng ngại không tài nào vượt qua nổi : kho báu.

Chúng tôi đến nhà bà Xơ-xin khoảng hai giờ sáng. Gia nhân đã đi nghỉ từ lâu, nhưng bức thư mà nàng nhận được đã gọi trí tò mò của bà nên bà vẫn còn thức. Bà ra mở cửa cho chúng tôi. Đó là một phụ nữ duyên dáng, đứng tuổi ; bà tiếp đón cô gái bằng giọng đằm thắm như giữa mẹ và con, âu yếm đưa tay choàng lấy nàng. Tôi thích thú nhận ra rằng nàng không đơn thuần chỉ là cô quản gia hưởng lương, mà còn là một người bạn của bà chủ. Tôi được giới thiệu, và ngay sau đó, bà mời tôi vào và yêu cầu thuật lại những chuyện vừa xảy ra. Tôi giải thích rõ tầm quan trọng của công việc và hứa sẽ thông báo với bà những gì chúng tôi đạt được. Cỗ xe lăn bánh xa dần, tôi ngoảnh lại nhìn theo hai người. Dường như tôi vẫn còn trông rõ dưới cửa hiên dáng hai người quấn quít lấy nhau.

Hẻm Pinchin vốn là một dãy những ngôi nhà gạch hai tầng xập xệ nằm trong khu phố Lambeth. Tôi phải đập cửa khá lâu mới có kết quả. Ánh ngọn nến lọt qua ô cửa kéo và một khuôn mặt nhìn qua cửa sổ bên trên.

- “Thôi, thôi đi, tên bợm bãi, chẳng có gì đâu !” - Một giọng thét âm lên. “Nếu cậu không ngừng đập phá, tôi sẽ thả bốn mươi ba con chó ra đấy”.

- Tôi muốn bác thả một con ra thôi.

- “Thôi xéo đi nơi khác, cha ơi !” Giọng ấy đáp. “Tôi có sẵn đây một mảnh gang ngon lành. Đi đi, nếu không ta ném nó lên đầu mi”.

- Nhưng tôi cần một con chó. - Tôi la lớn.

- “Không nói đông dài”. Ông Sơ-man thét lên. “Cút đi không nào? Ta đếm đến ba và ta quăng mảnh gang xuống...”.

- Dạ, ông Sherlock Holmes... - Tôi lên tiếng.

Mấy tiếng đó có tác dụng thần kỳ. Cửa sổ đóng lại ngay, có tiếng rút then cài cửa, và cánh cửa mở ra ngay tức khắc. Ông Sơ-man cao lêu nghêu, đôi vai buông thõng. Ông nói :

- Bạn bè của ông Holmes luôn luôn được hoan nghênh ! Mời ông vào đi. Đừng đến gần con chồn xù ấy : nó cắn đấy. Ái chà, dữ quá ha ! Mày muốn bắt ông đây, hả ?

Câu nói sau này dành cho chú chồn trắng đang thò cái đầu thềm thường với cặp mắt đỏ ngầu qua chấn song cửa.

- Đừng bận tâm đến con kia ! Đó chỉ là con thằn lằn thôi, nó không có nanh đâu, lão cho nó tự do để bắt bọ rày. Xin đừng giận nếu lúc này lão tiếp không được đằng hoàng lắm. Trẻ con xóm này, thường đến quấy rày lão. Ông Sherlock Holmes cần gì ?

- Một trong những con chó của bác.

- Tô-bi chứ gì ?

- Vâng.

- Nó ở số 7, bên trái đấy.

Nâng cao ngọn đèn cây lên, ông lão từ từ bước lên. Dưới ánh lửa mập mờ nháy múa của ngọn đèn, xuyên qua khe hở hoặc từ một xô xỉnh nào đó, những cặp mắt tinh anh chăm chăm nhìn chúng tôi. Ngay cả những cây xà ngang trên đầu chúng tôi cũng được trang hoàng bằng những chú chim bị quấy rày trong giấc ngủ ; chúng đối thế đứng từ chân này qua chân kia với dáng vẻ oái.

Tô-bi thật là xấu tướng : Đôi tai buồng thông, lông dài, dáng đi mung nính. Nửa là giống chó xù, nửa là giống béc-giê, với bộ lông trắng pha hung. Sau một hồi do dự, Tô-bi cũng chấp nhận mẩu đường mà nhà tự nhiên học đã trao cho tôi. Và sau khi đã kết thúc thoả ước, nó ngoanngoãn theo tôi ra xe. Đồng hồ hoàng cung đổ ba tiếng khi tôi về tới biệt trang Pondi. Tôi được biết là Móc-dô đã bị bắt vì tội đồng loã, cả ông Sơn-tô lẫn y đã được đưa đến Sở cảnh sát. Hai cảnh sát viên đang giữ lối ra vào chật hẹp, nhưng họ để tôi qua cùng với con chó khi tôi nêu tên Sherlock Holmes.

Holmes đứng dưới vòm cửa, miệng phì phèo ống điếu, tay rút túi quần. Anh nói :

- A ! Anh đã đưa nó đến đây à? **Một** chú chó khôn đấy ! Anh chàng A-ten đã đi rồi. Lúc anh vừa ra khỏi đây, ông ta ra lệnh bắt Sơn-tô, người gác cửa, bà quản gia và anh gia nhân Ấn Độ. Giờ đây chúng ta tha hồ hành động chỉ còn một nhân viên cảnh sát trên kia thôi. Ta để con chó dưới này và lên đó. Tôi buộc con chó vào chiếc bàn ở lối ra vào và bước theo anh. Căn phòng vẫn y nguyên như lúc chúng tôi rời khỏi, ngoài một tấm khăn trải giường đã được phủ lên mình nạn nhân. Một viên đội cảnh sát vờ mệt mỏi, đứng tựa vào góc tường. Holmes nói :

- Thầy đội làm ơn cho tôi mượn chiếc đèn lồng một tí. Bây giờ, nhờ thầy buộc nó vào cổ tôi bằng đoạn dây này để nó dong đưa trước ngực tôi. Cảm ơn. Tôi chỉ còn phải tháo giày và gỡ bít tất ra. Nhờ anh bạn Watson đem hộ xuống dưới. Tôi sắp sửa phải leo trèo đây. Nhưng giùm chiếc khăn tay tôi vào chất mộc du. Tốt lắm. Bây giờ mời anh lên với tôi trên rầm thượng trong chốc lát.

Chúng tôi đu mình lên, qua lỗ hổng. Holmes xích ngọn đèn lại gần đầu chân trong lớp bụi một lần nữa. Anh nói :

- Phiền anh hãy xem kỹ những dấu vết này. Anh có nhận thấy có gì đáng chú ý không?

- Những dấu vết này là của một đứa bé hoặc của một người đàn bà nhỏ con - Tôi bảo.

- Nhưng ngoài tầm vóc ra? Chẳng còn gì khác nữa sao?

- Thì chúng vẫn giống bất cứ một dấu chân nào.

- Tuyệt nhiên không phải thế đâu ! Anh cứ xem kỹ đi ! Đây là dấu bàn chân phải. Bây giờ tôi in bàn chân tôi vào lớp bụi, bên cạnh nó nhé. Anh thấy có gì khác biệt không?

- *Những ngón chân của anh thì dính chặt vào nhau. Còn ở dấu chân kia thì những ngón chân lại tách rời nhau một cách rõ rệt.*

- Đúng thế đấy. Đó là điều chủ yếu. Bây giờ, anh đến gần bên cửa sổ kia và ngửi ở bậu cửa xem. Tôi phải đứng đây vì chiếc khăn tôi đang nắm có thể làm mất mùi.

Tôi làm theo lời anh yêu cầu, và tôi nhận ra ngay mùi đầu hắc rất nặng.

- Vậy chính tại nơi đó hấn đã đặt chân khi đi ra. Nếu anh có thể đánh hơi được dấu vết của hấn, thì Tô-bi sẽ chẳng gặp phải khó khăn nào. Bây giờ, anh xuống đi ; thả chó ra và hãy xem vận động viên nhào lộn biểu diễn.

Tôi vừa bước ra đến vườn thì Holmes đã lên được mái nhà, đang bò chầm chậm dọc theo nóc nhà y như một con sâu khổng lồ. Có lúc anh mất hút sau hàng cột ống khói, nhưng sau đó lại hiện ra để rồi biến mất ở phía bên kia. Tôi đi vòng quanh khu nhà và thấy anh ngồi ở mép góc mái nhà.

- Anh đấy hả, Watson? - Anh hỏi lớn.

- Vâng, tôi đây.

- Tôi đã tìm ra chỗ kia rồi. Thế còn cái khối đen ngòm ngay bên dưới là gì thế?

- Cái thùng tô-nô nước.

- Có cái nắp đập bên trên chứ?

- Vâng.

- Không thấy dấu vết cái thang sao?

- Không.

- Thằng này cứ khôi thật ! Cả một đoạn đường khiến ta phải gầy cổ cả chục lần chứ chẳng chơi. Nhưng tôi phải tìm cách leo xuống theo đúng lối mà hấn đã leo lên. Dầu sao, cứ thử xem !

Tôi nghe có tiếng bàn chân xát vào nhau, và chiếc đèn lồng bắt đầu hạ thấp từ từ theo bức tường. Rồi bằng một cái nhảy nhẹ nhàng, anh đáp xuống mặt thùng, rồi nhảy xuống đất luôn.

- Tìm ra dấu vết cũng dễ thôi. Những viên ngói bị xô dịch dọc theo đường hấn di chuyển. Trong lúc vội vàng, hấn đã đánh rơi vật này.

Vật đó trông giống như một cái ví nhỏ hoặc một cái bao đan đan bằng lác được sơn phết và trang điểm bằng mấy viên đá màu. Cứ trông hình dáng và kích thước, thì nó giống hộp đựng thuốc điều. Bên trong, có khoảng sáu bảy cây kim bằng gỗ sẫm, một đầu nhọn, đầu kia tròn. Cây kim đã giết Bạc-tô trông cũng giống hệt như thế.

- Đây là những vũ khí hiểm độc ! Cần thận kéo nó chích vào tay. Tôi rất mừng được giữ chúng trong tay, vì có lẽ đây là tất cả số dự trữ còn lại. Như vậy ta không còn e ngại việc lãnh một mũi. Anh còn đủ sức để đi mười cây số không?

- Dư sức.

- À, chào anh bạn Tô-bi. Khá lám đấy. Đánh hơi đi nào. Hít mạnh lên nào, Tô-bi !

Anh gi chiếc khăn tay tắm đầy chất mộc du dưới mũi con vật. Tô-bi đứng yên, căng dang rộng, đầu nghiêng về một bên như một bọm nhậu đánh hơi mùi rượu quý. Sau đó, Holmes ném khăn tay ra xa, buộc một sợi dây thật chắc vào cổ chó và dắt nó về phía thùng tô-nô. Lập tức, con chó rít lên một hồi ăng ăng, rồi chúi mũi xuống đất, đuôi vểnh cao, lèn theo đường với một tốc độ rất nhanh.

Ở hướng Đông, bầu trời dần dần bừng sáng. Qua một khoảng ánh sáng xám lạnh, chúng tôi có thể trông rõ được khá xa. Ngôi nhà đồ sộ vuông vắn hiện ra sừng sững đằng sau chúng tôi, với những khung cửa sổ cao và những hàng hiên trơ trụi. Con đường đưa chúng tôi, thẳng qua một đám đất dọc ngang đầy hầm hố. Với những mô đất rải rác đây đó và những bụi cây khô cằn, biệt trang này đượm một vẻ sầu thảm bi đát, rất phù hợp với tấm thảm kịch đang đổ ập lên nó.

Khi đến chân tường rào, Tô-bi vừa rào dọc theo, vừa lên tiếng rên ư ử, nòn nóng. Sau cùng, nó dừng lại ở một góc

vườn, khuất dưới bóng cây dẻ. Ở góc hải bức tường, có nhiều viên gạch bị gỡ ra, tạo thành những bậc thang, chắc đã được dùng đến nhiều lần vì đã mòn nhẵn. Holmes leo lên đầu tường, đưa tay đỡ lấy con chó, rồi buông nó xuống phía bên kia tường.

- "Đây là dấu bàn tay của gã đàn ông có chân gỗ". Anh nhận xét, trong khi tôi leo theo anh lên đầu tường. "Anh có trông thấy những vết máu lờ mờ trên lớp vôi trắng kia không? Thật may là từ hôm qua đến nay không có trận mưa lớn nào ! Mùi mộc du vẫn còn phảng phất trên đường, đầu bọn chúng đã đi trước chúng ta những hai mươi tám tiếng đồng hồ.

Riêng tôi, tôi phải thú nhận rằng tôi vẫn còn ngờ vực. Trên con đường trong thành phố Luân Đôn này biết bao xe cộ đã chạy qua trong khoảng thời gian đó. Song, mỗi hoài nghi của tôi cũng nhanh chóng tan biến đi. Không chút do dự, cũng không hề lệch hướng, Tô-bi vẫn thong thả rảo bước theo cung cách ưỡn ẹo nhún nhảy của nó, mùi mộc du vất vương quanh đây chắc lấn át tất cả những mùi khác.

- Anh chó tưởng rằng tôi thành công là do ngẫu nhiên. Ngoài việc một tên đã bước chân vào chất mộc du, tôi còn biết nhiều cách để tìm ra dấu vết của chúng. Nhưng đây là cách dễ nhất, và tôi đã gặp may. Phải thú nhận rằng nếu không có vết chỉ dẫn quá hiển nhiên này thì khó lòng chọc thủng được cái bí ẩn kia. Chẳng hạn như làm sao anh lại có thể mô tả nhân dạng của gã đàn ông chân gỗ. Tất cả đều nằm trong các sự việc đã xảy ra thôi. Có hai sĩ quan trông coi một trại tù biết được một bí mật liên quan đến một kho báu cất giấu đâu đó. Một người Anh tên Jonathan vẽ hoạ đồ giùm cho hai người này, chúng ta đã đọc được hoạ đồ trong mở đồ đạc của đại úy Mơ-tan. Jonathan đã nhân danh bản thân và nhân danh những người cộng sự ký tên vào tấm bản đồ : "*Dấu Bọ Tử*". Nhờ tấm hoạ đồ đó, hai sĩ quan kia đã đoạt lấy kho báu đưa về nước Anh, nhưng không chia chác gì cho người vẽ bản đồ. Thế nhưng ta đặt câu hỏi tại sao Jonathan không tự mình đoạt lấy

kho báu? Câu trả lời thật hiển nhiên : Jonathan và những cộng sự viên của y, đều là tù khổ sai, không thể đến nơi cất giấu kho tàng được.

- Nhưng đó chỉ là giả thiết thôi.

- Giả thiết đó hiện nay ăn khớp với các sự kiện. Ta thử xem giả thiết ấy có phù hợp với phần kế tiếp không. Trong vài năm, thiếu tá Sơn-tô sống trong bình yên, hạnh phúc nhờ nắm giữ kho báu. Nhưng sau đó ông ta nhận được một lá thư và thư này đã khiến ông kinh hoàng. Nội dung lá thư báo cho ông ta biết là những người bị ông phản bội đã được trả tự do.

- Hay là chúng đã vượt ngục được?

- Tinh huống này đúng hơn, bởi ông ta biết rõ thời hạn lưu đày của chúng, ông ta tìm cách tự vệ, ông ta rất sợ gã đàn ông chân gỗ : một người da trắng. Xin anh nhớ kỹ cho điều này, bởi vì ông ta đã bán tâm vào một nhân viên chào hàng người Anh !... Xong rồi nhé, chỉ còn lại một cái tên, mấy tên khác đều là Ấn Độ hoặc thuộc dân Hồi giáo. Bởi lẽ đó nên ta có thể quả quyết gã đàn ông chân gỗ là Jonathan mà thôi.

- Rất sáng suốt.

- Jonathan đến Anh quốc với hai mục đích : thu hồi lại một phần kho báu thuộc về công lao của hấn và trả thù kẻ phản bội. Hấn đã tìm ra Sơn-tô và đã làm quen với một ai đó trong nhà. Chẳng hạn như Lal - Sao, anh chàng đầu bếp nọ. Bà Bớt đã mô tả anh chàng này với tôi bằng những lời lẽ không mấy tốt đẹp. Tuy nhiên, Jonathan không tìm ra được nơi cất kho báu ; vì chẳng ai biết được nơi ấy cả : chẳng ai cả, ngoại trừ thiếu tá và một gia nhân trung thành đã chết. Bỗng nhiên Jonathan hay tin thiếu tá Sơn-tô đang nằm trên giường, chờ chết. Phát hoảng bởi ý nghĩ là bí mật của kho báu có thể bị chôn vùi xuống mồ cùng với thiếu tá, Jonathan lọt được qua vòng kiểm soát của đám gia nhân và tìm cách đến cạnh cửa sổ. Nhưng vì có sự hiện diện của hai người con nên hấn không đột nhập vào nhà được. Lòng căm thù đối với người

chết khiến hắn nổi điên. Hắn đột nhập vào phòng trong đêm, lục lọi giấy tờ với hy vọng tìm thấy một tài liệu nào đó có liên quan đến kho báu. Sau cùng, hắn ghi lại vài chữ trên tấm thiệp để nhắc nhở rằng, nếu có phải hạ sát viên thiếu tá thì hắn để lại vết tích kiểu này, rằng đây không phải là một vụ án mạng tầm thường, mà là một hành vi tái lập công lý. Đó là nói theo quan điểm của "bộ tứ bốn người".

- Rất có lý.

- Bấy giờ hắn có thể làm gì? Hắn chỉ có thể nỗ lực tìm kiếm kho báu. Có thể hắn đã rời khỏi nước Anh để thỉnh thoảng trở về lại. Nhưng lại xảy ra việc phát hiện cái rằm thượng. Hắn được thông báo về việc này ngay lập tức. Một lần nữa, ta lại thấy có sự hiện diện của một kẻ đồng loã ở hiện trường. Với cái chân gỗ, hắn không tài nào leo lên đến căn phòng của Bạc-tô. Thế là hắn đem theo một tên đồng phạm có thể leo trèo dễ dàng. Nhưng tên này lại dẫm chân trần vào chất mộc du. Do đó, tôi mới nhờ đến Tô-bi...

- Thế thì chính tên tông phạm, chứ không phải Jonathan, đã phạm tội ác.

- Đúng thế. Và chính Jonathan đã phát khùng lên, nếu tôi cứ xét theo phong cách mà hắn ta đã đi đi lại lại trong căn phòng khi đã vào tới đó. Hắn chẳng có thù oán gì với Bạc-tô, có lẽ hắn ta chỉ muốn nhét giẻ vào miệng và trói ông này lại thôi. Thật tình thì hắn rất sợ sợi dây thông lọng ! Nhưng hắn đã không ngăn ngừa những bản năng man rợ của tên tông phạm ; và sau đó thuốc độc đã có tác dụng. Thế là Jonathan đành để lại chữ ký của mình, đem kho báu xuống và thoát ra cũng bằng lối như trước.

- Thế còn tên tông phạm?

-Ồ, chẳng có gì bí ẩn cả ! Nhưng rồi anh cũng biết thôi... Chà, không khí ban mai mát làm sao ! Kìa đám mây bông bành trông tựa chiếc lông hồng nhô ra từ một con chim hồng

hạc khổng lồ. Giờ đây, viên đá của đĩa mặt trời đang nhô ra khỏi lớp mây trùm lên thành phố Luân Đôn. Mảnh mặt trời chiếu sáng cho nhiều người nhưng chẳng có ai lại nhận lãnh một sứ mạng lạ lùng như chúng ta ! Chúng ta mới nhỏ bé làm sao. À, mà có khả năng là ta sẽ cần dùng đến một khẩu súng, nếu ta vào được tận hang ổ của chúng. Tôi giao Jonathan cho anh, còn tên kia, nếu nó tỏ ra hung dữ, tôi sẽ hạ hấn ngay tại chỗ !

Vừa nói anh vừa lấy khẩu súng ngắn ra, cho hai viên đạn vào, rồi nhét lại trong túi áo vét.

Trong lúc đó, Tô-bi hướng dẫn chúng tôi dọc theo những con lộ, hai bên là làng mạc đưa về Luân Đôn. Và giờ đây, chúng tôi đi vào những đường phố thật sự với đám phu bến tàu và công nhân đang đến sở làm. Máy bà nội trợ ăn mặc xuềnh xoàng mở những ô cửa kéo và quét bậc thang lối ra vào. Từ các quán rượu, người ta đã thấy bước ra những đám đàn ông, vừa đi vừa lấy áo quét hàm râu sau chầu nhậu buổi sáng. Máy con chó thăm hại lang thang ngạc nhiên nhìn chúng tôi, nhưng Tô-bi cứ bước lên tới trước, chẳng ngó ngang ngó dọc, mũi chúi xuống đất, thỉnh thoảng lại rít lên báo hiệu một mùi mới đâu đây.

Chúng tôi đã băng qua khu Streatham, Brixton, Camberwell và bây giờ chúng tôi đang ở khu đường hẻm Kennington ; thế là chúng tôi đã đi qua những con đường ngang, về phía đông khu Oval. Những kẻ chúng tôi săn đuổi dường như đã dùng một lộ trình ngoằn ngoèo quanh co, có lẽ là để tránh bị tìm ra. Không một lần nào chúng dùng con đường chính nếu có đường nhỏ song song. Đầu đường hẻm Kennington, chúng rẽ trái băng phố Bond và phố Miles. Tô-bi dừng lại nơi phố Miles, rẽ vào quảng trường Knight, rồi nó cứ chạy lui chạy tới, một tai dựng lên, tai kia sụp xuống. Sau cùng, nó lại rào bước vòng quanh, thỉnh thoảng lại ngẩng đầu

nhìn chúng tôi, như thể mong chúng tôi hiểu giùm cho nỗi bối rối của nó.

- “Con chó mắc dịch này sao thế.” Holmes cầu nhau. “Chắc chắn là chúng không dùng xe mà ít ra chúng cũng không cỡi khinh khí cầu mà.”

- Có lẽ chúng đã dừng lại đây trong chốc lát? - Tôi gợi ý.

- À, được lắm : kia nó lại bước đi tiếp - Holmes nói, giọng nhẹ nhõm.

Thật thế, Tô-bi lại tiếp tục lần theo dấu vết đánh hơi. Nó còn đi quanh thêm một vòng nữa, khịt khịt mũi, rồi bỗng tỏ ra quả quyết. Giờ đây nó phóng lên tới trước bằng một sức mạnh và quyết tâm mà trước đó nó chưa hề có. Mũi mọc du có vẻ rõ rệt hơn trước, bởi nó chẳng cần đánh hơi mặt đất. Nó giật mạnh dây xích lên và tìm cách chạy đi. Cứ nhìn ánh mắt sáng rỡ của Holmes là cũng có thể biết được rằng anh đang nghĩ là cuộc hành trình của chúng tôi sắp sửa chấm dứt.

Giờ đây lộ trình của chúng tôi dắt chúng tôi qua phố Nine Elma. Chúng tôi đến xưởng gỗ Broderick và Nelson, nằm ngay sau quán rượu Đại Bàng Trắng. Đến đó, dưới cơn kích động dữ dội, Tô-bi chạy bổ vào xưởng mọc bằng lối bên hông, nơi đây thợ cửa đã bắt tay vào việc rồi. Nó chạy băng qua đồng mặt cửa và dẫm bèo, dẫm bổ vào một lối đi, len lỏi giữa hai đồng gỗ. Sau cùng rít lên một tiếng đặc thủng, nó nhảy phóc lên cái thùng lớn đang còn nằm trên chiếc xe vừa mới đưa đến. Lưỡi thòng xuống, mắt long lanh, Tô-bi ngồi chễm chệ trên nắp thùng, nhìn chúng tôi hết người này qua người khác, rõ ràng muốn tìm một sự tán đồng ở chúng tôi. Ván thùng tô-nô và bánh xe của chiếc goòng được phết lên bằng một thứ nước đen ngòm, và bầu không khí quanh đó nồng nặc mùi mọc du.

Sherlock Holmes và tôi nhìn nhau chưng hửng, rồi đột nhiên bật lên tiếng cười không sao nhịn được.

7. NGHĨA BINH Ở PHỐ BAKER

- Thế thì Tô-bi đã làm lẩn? - Tôi hỏi.

- “Nó đã làm đúng điều ta đòi hỏi nó”. Holmes vừa nói vừa đưa con chó xuống khỏi thùng và kéo nó ra khỏi xướng gỗ. “Nếu anh chịu nghĩ đến lượng mộc du chuyên chở tại Luân Đôn trong một ngày, thì không có gì phải ngạc nhiên nếu đường theo dấu vết của chúng ta bị tắc nghẽn. Hôm nay con đường này được sử dụng nhiều lắm. Tô-bi chẳng có gì đáng quở trách cả”.

- Phải quay trở lại từ dấu vết thứ nhất.

- Đúng thế. Cũng may là con đường không đến nỗi dài lắm. Điều đã đánh lạc hướng con chó ở góc quảng trường Knight dĩ nhiên là do sự kiện hai con đường gặp nhau, đã gặp nhau rồi tách xa nhau về hướng đối nghịch. Chúng ta đã đi theo hướng sai. Giờ chỉ còn lần theo hướng kia thôi.

Việc này chẳng có gì khó khăn. Khi quay trở lại nơi nó đã làm đường, Tô-bi quanh một vòng tròn lớn rồi phóng theo hướng mới.

- Cần phải trông chừng sao cho nó không đưa ta đến địa điểm xuất phát của một cái thùng đựng mộc du khác.- Tôi lưu ý.

- Vâng, tôi đã nghĩ đến điều đó. Nhưng anh cũng thấy rằng nó đứng yên trên lề đường trong khi có một chiếc xe chở mộc du mới chạy ngang qua. Không, anh Watson à, lần này thì ta đi đúng đường rồi.

Đường này dẫn về phía sông, ngang qua quảng trường Belmont và phố Hoàng Tử. Khi đến cuối phố Bond, nó đâm thẳng xuống bờ sông, nơi có một khúc cầu nhỏ bằng gỗ. Tô-bi dắt chúng tôi đến tận đầu cầu và cứ đứng đây rên ư ử trước dòng sông đen ngòm.

- Ta thật không may. Bọn chúng đã tẩu thoát bằng tàu rời. - Holmes nói.

Nhiều tàu và thuyền nhẹ bồng bềnh trên nước bên chiếc cầu gỗ. Chúng tôi dắt Tô-bi đến từng chiếc một, nó ra sức đánh hơi nhưng chẳng có kết quả gì.

Cách chiếc cầu tàu thô sơ không xa, có một ngôi nhà gạch nhỏ. Ở cửa sổ thứ hai trên một tấm biển bằng gỗ trên có ghi hàng chữ lớn Mordecai Smith và bên dưới "*Cho mượn tàu theo giờ hoặc ngày*". Một tấm biển thứ hai treo trên cửa ra vào cho biết căn nhà còn có thêm một chiếc thuyền máy chạy bằng hơi nước. Thật vậy, tôi thấy có một đồng than lớn cạnh cầu tàu. Holmes xem xét khu vực bằng cái nhìn chán ngán. Anh nói :

- Bậy thật, bậy thật ! Máy tên này khôn lanh hơn tôi nghĩ. Có vẻ như chúng đã khoá lắp được dấu vết của chúng rồi !

Anh tiến lại gần nhà vừa lúc cửa mở. Một cậu bé tóc quăn khoảng sáu tuổi chạy ủa ra, theo sau là một người đàn bà khoẻ mạnh, gương mặt hồng hào, tay cầm chiếc khăn xếp.

- "Jack, trở lại đây mẹ rửa ráy cho !". Bà gọi lớn. "Có lại đây không nào, đồ quý sứ ! Nếu bố mày về mà trông thấy mày như thế này thì chắc chắn ông ấy sẽ la toáng lên cho mà xem..."

- "Chà, cậu bé xinh quá !" Holmes nói lớn như để xác lập vị trí chiến lược của đôi bên. "Có thể nào tưởng tượng được đôi má hồng đến thế không? Này cậu Jack, cậu thích cái gì nào?"

Chú bé suy nghĩ một lúc :

- Cháu thích có được một si linh. - Nó đáp.

- Thế cháu không thích gì hơn nữa sao?

- Vâng, nếu được thì cháu thích có hai si linh. - Cậu bé tuyệt vời đáp sau một hồi suy nghĩ.

- Thế thì đây ! Bất lấy này. Quả thật bà có cả một kho tàng tinh khôi đấy, bà Smith ạ.

- Xin Thượng đế phù hộ ông, thưa ông ! Nó còn hơn thế nữa kia ! Nhưng lắm lúc nó cũng làm cho tôi đến phát điên lên, nhất là khi nhà tôi phải đi vắng nhiều ngày.

- “Thế ra ông nhà đi vắng?” Holmes hỏi, giọng thất vọng. “Tiếc quá, tôi lại có ý muốn tiếp chuyện với ông”.

- Ông ấy ra đi từ sáng hôm qua. Và cũng phải nói thật là tôi đang bắt đầu lo ngại. À, mà nếu là về chuyện thuê tàu, thì tôi có thể giúp ông được.

- Tôi muốn thuê chiếc thuyền máy chạy hơi nước của ông nhà.

- Thế thì tiếc quá. Ông ấy đã ra đi bằng chính chiếc thuyền ấy. Thật ra tôi cũng ngạc nhiên, vì nó chỉ có vừa đủ than để đi đến Woolwich và trở về thôi. Nếu ông nhà tôi đi bằng chiếc xà lan chở hàng, tôi cũng chẳng lo lắng gì : công việc làm ăn đòi khi kéo ông đến mái tận Gravesend, và khi nào ở đấy bận nhiều công chuyện, ông cũng thường lưu lại tại đó. Nhưng với chiếc thuyền máy không đủ than thì phỏng làm được việc gì?

- Ông nhà có thể kiếm mua than ở một bến tàu nào đó.

- Có thể như thế thật, nhưng đó không phải là thói quen của ông ấy. Đã nhiều lần tôi nghe ông la lối chửi rủa vì những món tiền người ta đòi để đổi lấy vài bao than. Và lại, tôi không ưa được cái lão chân gỗ với cái lối ăn nói lạ hoắc. Sao mà lúc nào lão cũng rảo quanh đây thế?

- Người đàn ông chân gỗ? - Holmes hỏi bằng giọng ngạc nhiên một cách ngây thơ.

- Vâng, thưa ông, một gã đàn ông khuôn mặt sạm đen trông đến là giống khỉ ! Hắn đến gặp nhà tôi nhiều lần. Đêm hôm kia, chính hắn đã đánh thức ông ấy dậy. Có điều lạ hơn nữa là nhà tôi biết hắn ta sẽ đến, vì ông đã đổ đầy nước vào nồi súp de trên chiếc lò máy, thật tôi lo quá chừng !

- “Nhưng, bà Smith thân mến, đâu sao bà chẳng việc gì phải lo ngại cả”. Holmes nhún vai nói. “Nhưng trước hết, làm

sao bà có thể bảo người đến đêm ấy chính là gã đàn ông chân gỗ? Tôi không hiểu sao bà lại có thể quả quyết như vậy?"

- Chính giọng nói của hắn. Tôi biết giọng nói của hắn, nó nghe như khăn đục. Hắn gõ vào cửa sổ, lúc ấy vào khoảng ba giờ sáng : "Ê, trong kia, thức dậy đi ! Đã đến giờ đổi phiên gác rồi đấy". Ông nhà tôi đánh thức Jim, con trai cả chúng tôi, và thế là họ ra đi, không buồn nói với tôi một lời. Tôi nghe rõ cả tiếng chân gỗ ầm vang trên đá lát đường.

- Tèn chân gỗ hắn đến một mình sao?

- Tôi không thể nói chắc được. Tôi chẳng nghe có giọng nói ai khác.

- Tôi tiếc lắm, bà Smith à. Tôi cần một chiếc đồ máy, và tôi đã nghe người ta nói tốt về chiếc... à, mà chiếc đồ máy ấy tên gì nhỉ?

- Rạng Đông.

- À, có phải đó là chiếc đồ máy cũ kỹ sơn màu xanh lục, có viền một đường vàng và đáy rất rộng?

- Không phải thế đâu ! Nó là một trong những chiếc tàu thon dài nhất đang chạy trên sông. Và nó vừa được sơn tuyền đen với hai viền đỏ.

- Cám ơn. Tôi mong bà sẽ sớm nhận được tin tức của ông nhà. Tôi sắp xuôi sông đây, và nếu tôi thấy chiếc Rạng Đông, tôi sẽ cho vị chủ tàu biết là bà đang lo lắng. Bà vừa nói ống khói tàu màu đen?

- Không. Đen với một đường viền màu trắng.

- À hẳn nhiên rồi ! Hai bên mới màu đen. Xin chào bà, bà Smith. Người lái đò và chiếc đò của anh ta kia rồi, Watson. Ta hãy nhờ đưa qua sông.

- "Với những người thuộc loại này", Holmes nói tiếp khi chúng tôi ngồi vào thuyền gần chỗ lái tàu, "đừng bao giờ cho họ có cơ hội nghĩ rằng những điều họ thuật lại cho ta có một tầm mức trọng yếu nào đó. Nếu không, họ sẽ ngậm miệng hén

ngay. Nhưng, nếu bạn giả vờ nghe họ một cách miễn cưỡng, bạn sẽ được biết những điều bạn muốn biết”.

- Ta đã biết ta sẽ phải làm gì. - Tôi nói.

- Vậy kế hoạch anh như thế nào?

- Muốn một chiếc Rạng Đông.

- Đó là một công tác khổng lồ. Chiếc đồ máy kia có thể cập vào bất cứ cầu tàu nào từ đây tới Greenwich. Anh phải mất bao nhiêu ngày.

- Thì nhờ đến cảnh sát vậy.

- Không đâu, tôi sẽ liên hệ với A-ten, nhưng chỉ vào lúc sau cùng thôi. Nhưng tôi thích hành động một mình hơn, nhất là hiện nay công việc của ta tiến triển rất nhiều.

- Hay là ta đăng vào mục rao vặt trên báo, hỏi thăm những người bảo vệ các bến tàu.

- Còn tệ hơn nữa. “Các bạn” của chúng ta biết ngay là chúng ta đang truy nã họ và họ sẽ rời khỏi nước này ngay. Các nhật báo chắc chắn sẽ trình bày quan điểm kỳ cục của thám tử A-ten, và mấy tên tội phạm sẽ tin là cảnh sát đang làm đường.

- Vậy ta làm gì đây? - Tôi hỏi khi chúng tôi lên bờ.

- Ta sẽ lên chiếc xe ngựa về nhà, gọi bữa ăn, rồi đi nằm một tiếng. Đêm mai ta sẽ phải thức suốt. Bác xà ích ơi, hãy cho chúng tôi xuống trạm bưu điện đầu tiên. Tô-bi vẫn còn đặc dụng cho chúng ta, hãy giữ lại.

Xe ngựa dừng trước trạm bưu điện và Holmes xuống gọi một điện tín.

- Tôi gọi điện cho ai? - Anh hỏi tôi lúc trở ra.

- Tôi thật chẳng nghĩ ra đâu.

- Anh có còn nhớ phòng cảnh sát đặc biệt phố Baker không?

- Vâng, có. Thế rồi sao?

- Thì đây, một bài toán điển hình mà họ sẽ giúp ta giải. Nếu họ thất bại, tôi có cách khác. Nhưng trước hết tôi thử nghiệm cách này xem sao. Bức điện tín của tôi gửi đến chàng trung úy nhỏ bé của ta, tên là Uy-ghin.

Bấy giờ vào khoảng tám giờ rưỡi. Tôi mệt mỏi ê ẩm, đầu óc rối bời. Về phần Bạc-tô, tôi được nghe thiên hạ nói nhiều điều không tốt về ông ta, còn những kẻ hạ sát ông ta cũng không gây nơi tôi mối ác cảm quá lắm. Nhưng nói đến kho báu thì lại là chuyện khác. Kho báu ấy, trên nguyên tắc, là sở hữu của cô Mơ-tan, toàn bộ hay một phần. Chừng nào còn cơ may tìm lại nó được thì tôi sẵn sàng cống hiến cả mạng sống của tôi. Nhưng nếu thế thì thành công của chúng tôi có lẽ sẽ đưa cô ta mãi mãi ra khỏi tầm tay của tôi. Song mối tình tôi, nếu suy nghĩ như thế thì quá vị kỷ và nhỏ nhen ! Holmes có thể bắt giữ tội phạm. Còn tôi, tôi lại có một lý do mười lần mạnh hơn để lấy lại kho báu.

Về đến phố Baker, sau khi tắm và thay áo quần, tôi cảm thấy khoan khoái vô cùng. Khi bước xuống phòng, tôi thấy bữa điểm tâm đã dọn xong, và Holmes đang pha cà phê.

- "Người ta đang bàn tán về vụ án". Anh vừa nói vừa chỉ vào tờ báo đã lật ra. "Một nhà báo có tài ở khắp mọi nơi và chàng A-ten có thừa quyết tâm và đây nghị lực đã thu xếp nội vụ giữa hai người. Nhưng chắc anh đã phải ngấy chán với câu chuyện này rồi ! Hãy dùng món trứng thịt, muối đi đã".

Tôi chụp lấy tờ báo và đọc bài ngắn dưới nhan đề "Một vụ án bí ẩn tại Upper Norwood".

"Hôm qua, vào khoảng nửa đêm, ông Bạc-tô, cư ngụ tại biệt xá Pondi, thuộc phố Upper Norwood đã được người ta tìm thấy xác trong thư phòng. Theo chỗ chúng tôi được biết, trên thi thể nạn nhân không có một dấu vết hung bạo nào. Nhưng một bộ sưu tập quý giá gồm những châu báu Ấn Độ đã biến mất. Tội ác do ông Sherlock Holmes và bác sĩ Watson cùng với

ông Sơn-tô phát hiện. Một dịp may đặc biệt là ông A-ten, nhà thám tử nổi danh của Sở cảnh sát trung ương có mặt tại Ty cảnh sát Norwood. Nhờ thế ông đã có mặt tại hiện trường sau khi có lệnh báo động chưa đầy nửa tiếng đồng hồ. Lập tức, ông hướng ngay vào việc truy tìm tội phạm. Kết quả là Sơn-tô người em của nạn nhân, bà quản gia Bốt, người đầu bếp Ấn Độ tên Lal-Sao và người gác cổng Móc-đô đều bị bắt. Thật vậy, rõ ràng là một hay nhiều tên trộm đó phải biết rõ ngôi nhà. Những hiểu biết kỹ thuật lũng danh của ông A-ten đã giúp ông chứng minh rằng bọn cướp không thể nào xâm nhập được bằng cửa ra vào, hoặc bằng cửa sổ. Chúng đã leo lên mái nhà, đột nhập bằng cửa trở trên mái chui xuống căn phòng ăn thông với gian phòng nơi tìm thấy tử thi. Thế là người ta gạt bỏ giả thiết một vụ đánh cắp do những kẻ lạ mặt thực hiện. Ta không thể không nghĩ rằng một kết quả như vậy cũng hiển một luận cứ có trọng lượng cho những ai muốn thấy sự phân tán các lực lượng thám tử của ta”.

- Tuyệt diệu, phải không? - Holmes vừa nói vừa mỉm cười, tay nâng tách cà phê.

- Tôi nghĩ suýt nữa chúng ta cũng bị bắt.

- Ý kiến tôi cũng thế.

Đúng ngay lúc ấy, cả ngôi nhà vang lên tiếng chuông kéo dài. Chúng tôi nghe thấy bà giúp việc thốt lên những lời ta thán và những câu mắng mỏ gay gắt.

- “Trời đất !” Tôi vừa kêu lớn vừa đứng dậy khỏi ghế. “Anh Holmes à, chắc họ đến bắt ta đây”.

- Không đến nỗi khủng khiếp như thế đâu ! Tôi nhận ra ngay đám nghĩa binh phố Baker đấy.

Thật thế, tiếng la hét đình tai và tiếng chân đất chạy vang dội trong cầu thang. Mười hai đứa trẻ lang thang, nhớp nhúa, rách rưới chạy ùa vào phòng. Tôi nhận thấy mặc dầu sự xâm nhập có ồn ào thật, nhưng chúng tỏ có kỷ luật. Chúng lập tức đứng xếp thành hàng, và đứng trước chúng tôi là

những khuôn mặt trẻ con linh hoạt, vui vẻ. Sau đó, một đứa trong bọn chúng bước lên với một vẻ bề trên trông thật buồn cười.

- Khi nhận được lệnh của ông, cháu đưa tụi nó đến đây, đây đủ.

- "Đây này !" Holmes vừa nói vừa lấy tiền ra. "Lần sau cháu chỉ việc nghe các bản báo cáo, rồi báo lại cho chú là được rồi. Chú không muốn các cháu đến đông như thế này nữa. Tuy thế, tiện đây, chú cũng muốn tất cả đều nghe rõ lệnh công tác : chú muốn tìm ra nơi đậu của chiếc đồ máy tên là Rạng Đông. Tên của người chủ là Smith. Đồ chắc là đã xuôi sông và ngừng lại đâu đó. Nó màu đen, và hai bên có viền màu đỏ. Ống khói màu đen và có một vạch trắng. Một trong các cháu phải trụ tại bến của Smith để xem ông ấy có trở về không. Số còn lại chia nhau hai bờ sông, và mỗi cháu phải làm tròn trách nhiệm của mình một cách chu đáo. Hề có tin gì, là cho chú biết ngay. Chú nói rõ tất cả rồi chứ ?

- Vâng, thưa Đại tá ! - Uy-ghin đáp.

- Giá cả như thường lệ. Đây, tiền công một ngày chú đưa trước. Và bây giờ, bắt tay vào việc đi !

Anh trao tiền cho từng đứa. Thế là đám trẻ tuôn xuống cầu thang. Chỉ một lát sau, tôi đã thấy chúng chạy dài theo con đường.

- "Nếu chiếc đồ máy còn trên mặt nước, lũ trẻ sẽ tìm thấy thôi". Holmes nói và đứng dậy khỏi bàn. Anh đốt ống điếu. "Bọn nhỏ có thể đi khắp mọi nơi, ta chẳng làm được gì đâu. Muốn lần tới dấu vết, ta phải tìm cho được chiếc Rạng Đông hoặc ông Smith".

- Tôi chắc là Tô-bi sẽ được một bữa no nê với bữa ăn còn lại của chúng ta. Anh có đi nghỉ không, anh Holmes ?

- Không, tôi không thấy mệt. Tôi chưa có lần nào bị mệt mỏi vì công việc. Ngược lại, nhàn rỗi khiến tôi kiệt sức hoàn toàn. Nếu có nhiệm vụ nào khó khăn thì đó chính là nhiệm

vụ của chúng ta. Những người có chân gỗ đầu phải là nhiều lắm.

- Lại còn tên kia nữa?

- Ta hãy xem lại các dữ kiện : đôi chân trần nhỏ thó, mấy ngón chân không bao giờ bị ép trong giày, cái chùy bằng đá, tính nhanh nhẹn kỳ lạ, những mũi tên tẩm độc.

- Có lẽ đó là một trong số những người Ấn Độ mà Jonathan đã công tác? - Tôi buột miệng kêu lớn.

- Đáng ngờ lắm. Tôi đã nghĩ đến cách giải thích này lúc trông thấy thứ vũ khí lạ lùng kia. Song những dấu chân kỳ quặc đã khiến tôi phải xem xét lại vấn đề. Một số dân cư Ấn Độ quả thật đáng người nhỏ, nhưng không người nào lại có thể để lại dấu chân như thế. Người Ấn có bàn chân dài và thon ; người Hồi giáo có ngón chân cái tách hẳn mấy ngón khác, vì họ mang dép có quai kẹp giữa ngón cái và ngón thứ hai. Hơn nữa những mũi tên kia chỉ có thể duy nhất được bắn ra bằng ống đồng. Thế thì anh chàng man di của chúng ta có thể từ đâu đến.

- Từ Nam Mỹ chăng? - Tôi thử nói liều.

Holmes với tay lên kệ, lấy xuống một cuốn sách dày cộm.

- "Đây là cuốn thứ nhất của bộ bách khoa. Ta có thể xem nó là hiện đại nhất. Ta đọc thấy gì nào?" *Quần đảo Andamans nằm cách đảo Sumatra năm trăm bảy mươi kilômet về phía Bắc, trong vịnh Bengale* "Hừm ! Hừm !" Còn gì nữa đây? Xem nào : khi hậu ẩm thấp, đá ngầm san hô, cảng Blair, trại giam, đảo Rutland, đồn điền bông. A, đây rồi ! *Dân bản xứ quần đảo Andamans có thể tự hào là dân tộc nhỏ nhất trên quả đất mặc dầu một số nhà nhân chủng học dành danh vị này cho bộ tộc Bushmen ở châu Phi, bộ tộc Diggers ở châu Mỹ và cư dân ở đảo Đất Lửa. Chiều cao trung bình của họ không quá một mét ba mươi, nhưng nhiều người lại còn thấp hơn nữa. Bộ tộc này có tính tàn bạo và khó tính. Nhưng khi ta đã chiếm được cảm tình của họ thì họ có thể rất hết lòng hết dạ với ta*". Xin anh nhớ cho điều đó. Bây giờ hãy nghe nốt đoạn tiếp

"Ngoại diện của họ rất ghê khiếp. Đầu thì to tướng chẳng ra hình thù gì, mắt nhỏ, đường nét trên mặt thì biến hình, tay chân nhỏ thó. Họ tàn bạo và khó tính đến nỗi chính quyền Anh đã thất bại trong mọi cố gắng để lấy được lòng tin của họ. Từ thuở nào họ vẫn là nỗi hãi hùng cho những người bị đắm tàu mà họ tàn sát bằng chùy đá hoặc tên tẩm độc. Những cuộc tàn sát này luôn luôn kết thúc bằng một bữa tiệc thịt người". Thế đó, một dân tộc hữu nghị và hiếu hoà, Watson ạ ! Nếu anh man di của chúng ta được tha hồ hành động thì vụ án này sẽ có một diễn biến còn khủng khiếp hơn nhiều. Tuy thế, tôi nghĩ rằng ngay đến bây giờ Jonathan sẽ tiếc hùi hụi nếu không dùng tên man di này.

- Hẳn kiếm được một tên cỡ đó bằng cách nào?

- Jonathan đã cư ngụ tại đảo Andamans và hẳn có một người bạn là dân bản xứ. Ta sẽ hiểu biết tất cả điều đó vào đúng thời điểm. Thôi. Trông anh rã rời quá rồi, ngả lưng trên tràng kỷ chốc lát đi.

Anh lấy cây vi-ô-lông và bắt đầu dạo, trong khi tôi nằm nghỉ. Đó là một điệu nhạc mơ mộng và êm ái, chắc hẳn do anh sáng tác vì anh biết sáng tác tuy hứng với rất nhiều tài năng. Tôi mơ hồ hình dung đôi tay gầy guộc của anh, nét mặt chăm chú, cây cung đàn qua lại. Sau đó, tưởng chừng như tôi xa dần trong yên ổn, bỗng bèn trên mặt biển âm thanh, để rồi bước vào vùng mộng ảo có khuôn mặt xinh xinh của nàng Mơ-tan nghiêng trên tôi.

8. SỢI DÂY XÍCH ĐỨT

Mãi đến xế chiều tôi mới thức giấc, tươi tỉnh hẳn lên. Holmes vẫn còn ngồi đó, như lúc tôi bắt đầu ngủ ; nhưng anh đã đặt cây vĩ cầm qua một bên để chú ý mũi vào một cuốn sách.

Anh ngược mắt lên khi nghe thấy tôi động đậy, và tôi nhận thấy trên khuôn mặt anh vẻ ủ rũ lo lắng.

- Anh ngủ say lắm ! Tôi chỉ ngại tiếng nói chuyện làm anh thức giấc...

- Tôi chẳng nghe gì cả. Mà anh có tin tức gì?

- Không. Thế mới thật đáng tiếc. Tôi thú thật là tôi ngạc nhiên và thất vọng. Thế mà tôi đã hy vọng đến giờ này tôi sẽ được biết chút gì đó... Uy-ghin có đến báo cáo : chẳng có gì. Chẳng có dấu vết gì về chiếc đồ máy. Điều này làm tôi phiền tiết lên mất, bởi mỗi giờ trôi qua là một giờ quan trọng.

- Tôi có thể giúp anh được gì? Giờ thì tôi cảm thấy khoẻ khoắn lắm rồi, và sẵn sàng dự một chuyến trình sát ban đêm nữa.

- Không. Ta không thể làm gì khác hơn là chờ đợi. Nếu chúng ta đi, một tín hiệu có thể đến trong lúc chúng ta vắng mặt. Anh muốn làm gì thì cứ làm. Riêng tôi, tôi ở nhà để canh chừng.

- Thế thì, tôi tạt qua Camberwell thăm bà Xơ-xin.

- Thật không? - Holmes hỏi với nụ cười trong ánh mắt.

- À cả cô Mơ-tan nữa, dĩ nhiên ! Cả hai đều nóng lòng muốn biết những chuyện đã xảy ra.

- Nếu ở vào địa vị anh, tôi sẽ không cho họ biết quá nhiều. Ta không thể hoàn toàn tin cậy phụ nữ, đâu là những phụ nữ tốt nhất.

- Tôi sẽ trở về sau một, hai tiếng đồng hồ thôi, anh biết mà.

- Tốt. Chúc anh may mắn nhé. À mà này, tiện thể anh qua bên kia sông, phiền anh mang trả lại con Tô-bi nhé? Rất có thể là nó không còn giúp ích ta được gì nữa đâu?

Thế là tôi bắt con chó đem trả lại cho nhà tự nhiên học, kèm theo nửa đồng tiền vàng. Đến Camberwell tôi gặp Mơ-tan hơi mệt mỏi đang ngóng trông tin. Bà Xơ-xin cũng tò mò như

cô ta. Tôi thuật lại tất cả những việc chúng tôi đã làm, chỉ bỏ qua các chi tiết không nên kể. Câu chuyện của tôi, đầu đã gạn lọc, cũng còn làm cho họ sống sờ và run sợ.

- "Thật là cả một pho tiểu thuyết". Bà Xơ-xin thốt lên. "Một phụ nữ bị thiệt hại quyền lợi, một kho báu trị giá nửa triệu, một tên ăn thịt người da đen, một tên phản phúc chân gỗ. Đây đủ nhân vật, tình tiết còn ly kỳ hơn cả con ác long hoặc tên phải tội theo truyền thống".

- Và còn hai chàng giang hồ hiệp khách bảo vệ chính nghĩa nữa chứ. - Mơ-tan nói thêm và nhìn tôi dè dàng.

- Hãy thử nghĩ xem, cô sẽ làm chủ một tài sản như thế, mọi người sẽ phủ phục dưới chân cô.

Cô gái ngả đầu ra phía sau một cách tự hào, tưởng như sự việc chẳng có gì lý thú đối với nàng :

- Tôi lo là lo cho ông Sơn-tô ! Ngoài ra chẳng có gì quan trọng. Tôi thấy ông ấy rất ngay thẳng và tốt bụng. Bốn phận chúng ta là minh oan cho ông ấy.

Bóng chiều đã ngả dài lúc tôi rời Camberwell và mãi đến tối mịt tôi mới về đến phố Barker. Cạnh chiếc ghế bành của bạn tôi chỉ còn lại cuốn sách và ống điếu. Tôi đảo mắt nhìn quanh, hy vọng anh để lại cho tôi đôi chữ nhưng tôi chẳng thấy gì.

- Chắc ông Holmes đi vắng? Tôi hỏi bà giúp việc khi bà lên đóng cửa.

- "Không, ông ấy đã lên phòng riêng. Ông biết không". Bà hạ thấp giọng thì thầm tiếp. "Tôi lo cho sức khỏe của ông ấy quá !".

- Tại sao thế?

- Ông ấy lạ lùng thế nào ấy ! Sau khi ông đi, ông ấy bắt đầu sải bước không ngừng trong gian phòng, dọc ngang, ngang dọc, tôi phải nhúc đầu đi được. Thế rồi tôi lại nghe ông ấy nói một mình. Mỗi lần có ai gõ cửa, ông đến bậc thềm cửa hỏi :

“Ai thế, bà Hốt-kơn?”. Bây giờ thì ông tự giam mình trong phòng, nhưng tôi vẫn còn nghe ông rảo bước như trước. Mong rằng ông ấy không ngã bệnh. Tôi đã đánh bạo gợi ý cho ông một liều thuốc an thần, nhưng ông ấy quay ngoắt lại với một ánh mắt thế nào ấy.

- Bà không phải lo lắng. Đã có lần tôi thấy anh ấy như vậy. Anh ấy đang có chút chuyện bực mình đấy thôi.

Trong lúc tìm cách trấn an bà, tôi cũng không khỏi lo ngại khi thỉnh thoảng nghe tiếng chân nhẹ nhàng của Holmes âm vang trong suốt đêm dài ấy.

Đến bữa điểm tâm, trông anh hốc hác hẳn.

- Anh đang tự làm kiệt sức đấy. Tôi nghe anh sải bước trong phòng suốt cả đêm.

- Không tài nào ngủ được. Bài toán quý quái làm tôi hao mòn mất. Quả thật là tức chết khi phải dừng lại trước một trở ngại không ra gì trong khi cả phần còn lại đều đã vượt qua. Tôi biết rõ các nhân vật, chiếc đồ máy, tất cả mọi điều cần thiết. Ấy thế mà chẳng thu được một tin tức nào cả. Tôi đã tung các cơ quan khác vào dấu vết truy tìm ; tôi đã vận dụng mọi phương tiện trong quyền hạn của tôi. Hai bên bờ sông được lục soát kỹ ; chẳng một kết quả nào. Và bà Smith chẳng có tin tức nào về ông chồng. Chắc tôi sẽ phải kết luận chúng đã đánh đắm chiếc tàu. Nhưng giả thiết này khó đứng vững.

- Nếu bà Smith đưa ta vào lâm đường thì sao?

- Không. Những cuộc điều tra đã tiến hành xác nhận quả thật có một chiếc đồ máy như thế.

- Nó đã đi ngược dòng sông?

- Tôi đã nghĩ đến điều đó. Một toán người sẽ đi ngược bờ sông lên đến tận Richmond. Nếu hôm nay ta không được gì, thì ngày mai tôi sẽ ra trận để tìm kiếm bọn kia, chứ không phải tìm chiếc tàu. Nhưng chắc chắn ta sẽ nhận được tin. Chắc chắn !

Ấy thế mà chúng tôi chẳng nhận được gì ráo. Không một chữ của Uy-ghin, hoặc của các cơ quan báo chí. Phần lớn báo chí đều có bài viết về tấn thảm kịch ở Norwood. Tất cả đều có vẻ không mấy thiện cảm với ông Sơn-tô. Tuy nhiên chẳng có chi tiết nào mới lạ, ngoại trừ việc điều tra tư pháp trước bồi thẩm sẽ tiến hành ngày hôm sau. Cũng trong tối đó, tôi đi bộ đến Camberwell thuật lại cho hai người phụ nữ những cố gắng vô bổ của chúng tôi. Lúc trở về, tôi thấy Holmes thất vọng và có phần cau có. Anh chẳng buồn trả lời những câu hỏi của tôi và suốt buổi tối miệt mài với việc phân chất hoá học khó lòng hiểu nổi. Có cả những nồi cổ cong phải đun nóng và chưng cất hơi toả ra một mùi khiến tôi phải ra khỏi phòng. Tờ mờ sáng vẫn nghe thấy tiếng lách cách các ống nghiệm va chạm nhau.

Thình lình tôi vụt choàng tỉnh dậy. Qua ánh bình minh, tôi ngạc nhiên thấy anh đứng cạnh giường. Anh mặc một bộ đồ thủy thủ thô sơ và thắt quanh cổ chiếc khăn quàng đỏ đã sờn.

- Tôi đi về phía sông. Tôi chỉ thấy có một lối thoát. Dầu sao cũng nên mang nó ra thử xem.

- Tôi đi với anh chứ?

- Không. Anh ở lại đây được việc hơn. Tôi tiếc là phải đi, bởi vì trận đấu bước vào giai đoạn mà một tín hiệu nào đó có thể gửi đến cho ta trong ngày. Tôi nhờ anh mở tất cả thư từ điện tín và mọi thứ khác gửi tên tôi và nhờ anh xử lý hộ trong trường hợp ta nhận được tin tức.

- Được.

- Có lẽ anh không gửi điện tín được cho tôi đâu, vì tôi không thể cho anh biết tôi sẽ ở đâu. Tuy nhiên, nếu may mắn, tôi sẽ không đi vắng lâu lắm đâu.

Vào buổi điểm tâm, tôi vẫn chưa có tin tức gì của Holmes cả. Nhưng đến lúc mờ tờ báo ra, tôi mới thấy rằng vụ án đã có những diễn biến mới. Nhật báo này viết : "Về tấn thảm

kịch ở Upper Norwood chúng tôi có lý do tin rằng nội vụ còn phức tạp và bí ẩn hơn ta nghĩ lúc ban đầu. Một cuộc điều tra sâu sắc chứng minh ông Sơn-tô hoàn toàn không có can dự vào vụ việc. Ông đã được thả cùng với bà quản gia Bớt tới qua. Tuy nhiên, dường như cảnh sát đã tìm ra vết tích những thủ phạm thực sự. Chính ông A-ten thuộc Sở cảnh sát trung ương tiến hành cuộc điều tra. Người ta chờ đợi nhiều vụ bắt bớ khác trong tương lai gần đây". Hay đấy ! Anh bạn Sơn-tô được trả tự do. Nhưng còn "đâu mới dấu vết mới" thì như thế nào". - Tôi tự nghĩ.

Tôi đặt tờ báo lên bàn vừa lúc tôi nhận một bài nhấn tin trong cột "Tìm người thất lạc". Ông Smith chủ tàu, và con trai Jim, đã rời khỏi bến của mình vào khoảng ba giờ sáng, thứ ba vừa rồi, trong một chiếc thuyền máy mang tên Rạng Đông chạy bằng hơi nước, sơn màu đen với hai băng đỏ, ống khói đen với một băng trắng. Sẽ thưởng năm đồng cho người nào có thể cung cấp tin tức liên quan đến ông Smith và chiếc đồ máy. Xin liên lạc với bà Smith tại bến đò Smith, hoặc tại số 221b, phố Baker.

Rõ ràng đây là việc làm của Holmes, địa chỉ ở phố Baker đủ để biện giải điều này. Tôi thấy mục rao vặt được thảo ra rất khôn khéo. Vì những kẻ chạy trốn có thể đọc đến mà không thấy gì khác hơn là nỗi lo lắng của một người vợ về sự vắng mặt quá lâu của chồng.

Ngày chờ đợi dài thật. Cứ mỗi lúc có ai gõ cửa, hoặc có tiếng chân ai vang lên ngoài phố, tôi cứ nghĩ Holmes trở về, hoặc có người đem lại tin tức. Tôi thắc mắc tự hỏi, lập luận của Holmes có chứa đựng một sai lầm nào không? Tôi chưa bao giờ thấy anh lầm lẫn ! Tuy nhiên, bộ óc tinh tế nhất đời khi cũng có thể lầm như thường.

Đến ba giờ chiều, chuông cửa reo vang. Tôi nghe một giọng nói hách dịch ở phòng ngoài. Thật ngạc nhiên làm sao

khi tôi thấy đích thân ông A-ten bước vào ! Ông đã biểu lộ với tôi một sự ôn hoà thật là bất ngờ. Thiếu điều ông hạ mình xin lỗi tôi.

- “Chào ông ! Chào ông !” Ông ta bắt đầu. “Ông Sherlock Holmes có ở nhà không?”

- Tôi không biết anh ấy bao giờ về. Chắc ông muốn chờ anh ấy? Nếu thế, mời ông ngồi nghỉ vào ghế bành này và dùng một điếu xì gà.

- Cám ơn.- Ông nói và lau trán với chiếc mùi xoa.

- Ông dùng một ly uyt-ky xê-da nhé?

- Vâng, xin cho tôi nửa ly thôi. Mùa này mới thế mà đã rất nóng rồi đấy. Lại còn những lo nghĩ nó đôn dập đến với tôi... Chắc ông cũng biết cách giải thích của tôi về vụ Norwood.

- Tôi nhớ là ông đã phát biểu rồi.

- Vâng. Thế mà, bác sĩ ạ, tôi phải duyệt lại. Tôi đang bủa kín ông Sơn-tô trong lưới thì dùng một cái, ông ấy đã thoát ra được bằng cái lỗ hồng ở giữa. Ông ấy đã dựng được *một bằng chứng bất tại trường* không chèn trách vào đâu được. Từ lúc rời khỏi phòng của anh mình, ông ấy không lúc nào ở một mình. Vậy không thể nào ông ấy là người trèo lên mái nhà và chui qua cửa trở lên mái. Thật là một vụ án tối mù mù, tăm tiếng nghề nghiệp của tôi ảnh hưởng vào đấy rất nhiều. Tôi rất mong có người giúp đỡ đôi chút.

- Ai trong chúng ta đôi khi cũng phải cần đến điều đó.

- Tôi lạnh lùng đáp lại.

- “Ông Sherlock Holmes là một con người tuyệt vời, ông ạ”. Ông ta nói tiếp bằng giọng thân tình. “Đó là một người không biết đến thất bại. Ngay hồi còn trẻ, tôi từng thấy ông ấy đảm trách một số lớn vụ án, và vụ nào cũng thành công. Ông ta dùng những phương pháp thật đặc biệt, ông ấy có thể là một thanh tra cảnh sát đầy hứa hẹn. Sáng nay ông ấy có

gửi cho tôi một bức điện. Theo tôi hiểu, ông ấy nắm được một số bằng chứng về vụ Sơn-tô. Bức điện ấy đây”.

Ông đưa bức điện cho tôi. Nó được đánh đi từ Poplar, lúc mười hai giờ trưa.

“Đến ngay phố Baker. Đợi tôi nếu tôi không về kịp. Tôi đang theo sát bằng Sơn-tô. Ông có thể đến với chúng tôi tối nay nếu muốn tham dự màn chót”.

- Tốt quá. Anh ấy phăng ra được đầu dây rồi.

- “A, thế ông ấy cũng làm lần sao?”. A-ten nói lớn, giọng thoải mãn thấy rõ. “Ngay những bậc tài ba nhất đôi khi cũng làm lạc. Tôi nghe có ai ở cửa. Có lẽ là ông ta chăng?”.

Tiếng chân bước nặng nề, loạng choạng trên cầu thang cùng với tiếng thở phì phò : người khách bước lên một cách khó nhọc. Một đôi lần, bước chân nghe ngập ngừng, sau cùng một người đàn ông xuất hiện ở thềm cửa rồi bước vào. Đó là một người đàn ông đứng tuổi, mặc bộ đồ thủy thủ và một chiếc áo vét cũ cài nút lên tận cổ ; ông đi, đầu gối run rẩy, thở khó nhọc vì bệnh hen suyễn. Ông ta tựa vào chiếc gậy bằng gỗ sồi, đôi vai rướn lên để cố hít không khí. Chiếc khăn quàng che lấy cổ và trên khuôn mặt, tôi chỉ nhận thấy rõ cặp mắt sẫm linh hoạt với đôi chân mày trắng và hàng ria mép dài màu xám. Toàn bộ cho ta cảm giác đó là một sĩ quan hàng hải luống tuổi sống trong cảnh nghèo nàn.

- Nào, ông bạn muốn gì? - Tôi hỏi.

Ông ta nhìn quanh chằm chằm với sự thận trọng của người già, rồi quyết định cất tiếng :

- Ông Sherlock Holmes có nhà không?

- Không, nhưng tôi thay mặt anh ấy. Nếu ông có gì nhắn gởi cho anh ấy, ông có thể trao lại cho tôi.

- Tôi muốn nói chuyện với chính ông ấy thôi.

- Nhưng anh ấy giao tôi trách nhiệm thay anh ấy. Có phải là về chiếc đồ máy của Smith chăng?

- Đúng. Tôi biết nó ở đâu. Tôi cũng biết những người ông ta tìm kiếm ở đâu. Và tôi cũng biết luôn kho báu ở đâu. Tôi biết tất cả mọi chuyện.

- Thế thì xin ông cho tôi rõ đi, tôi sẽ nói lại với anh ấy.

- Tôi chỉ muốn nói với chính ông ấy thôi - Ông già nhắc lại, giọng bướng bỉnh.

- Thế thì ông phải đợi anh ấy vậy !

- Không, không ! Không ai có thể làm tôi phải phí mất cả một ngày. Nếu ông ấy không có đây, thế thì ông ấy sẽ phải lo liệu lấy một mình ! Cả hai người đều trông khó tin cậy. Tôi không có gì để nói hết.

Ông già liền đi về phía cửa, kéo lết đôi chân, nhưng A-ten đã cản đường :

- Chờ chút, ông bạn già. Ông nắm giữ tin tức quan trọng, ông không có quyền bỏ đi. Dầu ông có muốn hay không, chúng tôi cũng giữ ông lại đây cho đến lúc bạn chúng tôi trở về.

Lão già chấp choạng nhảy bổ tới, nhưng A-ten dùng đôi vai lực lưỡng tì vào cửa, ông già thấy mọi kháng cự đều vô ích.

- “Đối xử với thiên hạ kiểu gì mà lạ lùng vậy”. Lão vừa kêu lên, vừa lấy gậy nện xuống nền nhà. “Tôi đến đây để gặp một người ; cả hai ông, tôi chưa từng gặp bao giờ mà lại đối xử với tôi như thế hả?”

- Thì cũng chẳng có thiệt thòi gì cho ông đâu. Chúng tôi sẽ đên bù ông về chỗ thời giờ ông mất. Ông ngồi dậy đi, trên ghế tràng kỷ này này. Ông không phải đợi lâu đâu.

Ông già miễn cưỡng nghe theo, ngồi xuống. A-ten và tôi đốt lại điếu xì gà và câu chuyện giữa chúng tôi lại tiếp tục, không mấy may bạn tâm đến ông già nữa.

- Tôi nghĩ các ông cũng nên mời tôi một điếu xì gà chứ.

- Ông già đột ngột nói.

Chúng tôi giật nảy mình. Dịch thị là Holmes đang ngồi cạnh chúng tôi, mặt lộ vẻ thích thú nhẹ nhàng. Tôi kêu lên :

- Holmes ! Anh đấy à? Thế còn ông kia đâu?

- “Thì lão ấy đây này” Anh vừa nói vừa chỉ vào đồng tóc bạc. “Toàn bộ lão ấy ở đây này: mở tóc giả, ria mép, lông mày, tất cả đều còn đây. Tôi cứ nghĩ sự cải trang của tôi cũng tạm được, nhưng không ngờ nó lại đạt một cách chỏi lợi như vậy”.

- “A, đồ quý sử”. A-ten thốt lên giọng hờn hờ. “Ông có thể trở thành diễn viên kịch đấy, mà là diễn viên kịch ngoại hạng nữa. Tiếng ho đúng là tiếng ho nghe trong những căn nhà ổ chuột, và còn đôi chân lão đảo nữa. Ít ra, tôi cũng nhận ra được ánh mắt quen thuộc. Ông thấy không, ông Holmes, chúng tôi đâu có để ông thoát khỏi tay chúng tôi dễ như thế đâu!”

- “Tôi đã làm việc suốt cả ngày dưới bộ cải trang này”. Holmes vừa nói vừa châm điếu xì gà. “Chả là nhiều người chung quanh bắt đầu nhận ra tôi, nhất là từ khi anh bạn chúng ta buồn tình cho đăng một vài câu chuyện trong đó tên tôi được nêu lên báo. Ông đã nhận được điện của tôi chứ?”

- Vâng, chính nó đưa tôi đến đây.

- Công việc của ông tiến hành tốt chứ?

- Tất cả đều sụp đổ. Tôi đã phải thả hai người tù ra.

- Ông chớ lo. Chúng tôi sẽ giao cho ông hai tên khác. Nhưng với điều kiện ông nhận những chỉ thị của tôi. Tôi xin nhường lại cho ông tất cả công lao về mặt chính quyền. Đồng ý chứ?

- Miễn ông giúp tôi tìm ra những kẻ phạm tội.

- Được, trước hết tôi muốn một chiếc tàu cảnh sát, tàu máy hơi nước, sẵn sàng dưới chân bậc tam cấp bến Westminster vào lúc bảy giờ tối nay.

- Dễ thôi. Nhưng chờ tôi qua phố gọi điện thoại để cho chắc.

- Tiếp đó, tôi cần hai người lực lưỡng, phòng khi có gặp kháng cự.

- Trên tàu sẽ có hai, ba người như thế. Còn gì nữa không?

- Khi bắt được bọn gian, ông để lại kho báu cho chúng tôi. Tôi nghĩ bạn tôi hiện có mặt tại đây sẽ vô cùng vui sướng khi trao kho báu lại cho cô gái, người được hưởng phân nửa. Ta hãy để cô ta tự tay mở kho báu, Phải thế không, Watson?

- Hoan nghênh.

- "Thật là một thủ tục không hợp lệ tí nào". A-ten vừa nói vừa lắc đầu. "Tuy nhiên, bởi mọi cái trong vụ này đều không hợp lệ... Tôi nghĩ ta chỉ cần nhắm mắt làm ngơ là được. Nhưng sau đó kho báu được trao lại cho chính quyền cho đến lúc kết thúc cuộc điều tra chính thức".

- Tất nhiên. Còn một điểm : tôi muốn chính Jonathan cho tôi một số chi tiết. Ông biết tôi muốn tiến hành cuộc điều tra đến tận cùng và làm sáng tỏ những góc cạnh nhỏ nhất nhất của một vụ án. Ông có cho tôi gặp người ấy bán chính thức không? Cuộc hội kiến có thể là tại đây hoặc ở nơi khác.

- Vâng, ông làm chủ tình hình, tôi không thể từ chối cuộc điện kiến một khi ông bắt được hần.

- Thế là chúng ta đều nhất trí nhé.

- Nhất trí. Còn gì nữa không?

- Còn. Trong nửa tiếng đồng hồ nữa, bữa ăn sẽ sẵn sàng. Tôi có sò, một cặp gà lôi và một ít rượu chất trắng hảo hạng.

9. HẾT ĐỜI TÊN DÂN ĐẢO

Bữa ăn thật vui vẻ. Holmes nói chuyện thật hấp dẫn. Dường như anh ở trong tình trạng phấn chấn. Anh chuyển nhanh từ chủ thể này sang chủ thể khác, những vở kịch thời trung cổ, nhạc vĩ cầm của Stradivarius, đạo Phật tại Tích Lan,

tàu chiến trong tương lai, anh thảo luận các đề tài này tưởng như đã từng nghiên cứu kỹ lưỡng. Tính tình vui vẻ lúc ấy hoàn toàn khác hẳn vẻ thiếu náo hai ngày trước. A-ten thì tỏ ra lịch thiệp. Phần tôi, tôi thấy nhẹ nhõm khi nghĩ rằng chúng tôi đã đến gần chỗ kết thúc vụ án và cũng để mình xuôi theo niềm vui của Holmes. Trong suốt bữa ăn, không một ai đề cập đến tấn thảm kịch.

Khi bàn ăn được dọn dẹp, Holmes liếc nhìn đồng hồ và rót đầy ba ly rượu :

- Một tuần rượu để chúc chuyến đi thành công ! Và bây giờ đã đến lúc lên đường. Watson, anh nhớ mang theo súng. Phải dự kiến mọi tình huống. Tôi thoáng thấy xe đợi ở cửa. Tôi đã gọi hẹn lúc sáu giờ rưỡi.

Khoảng sau bảy giờ, chúng tôi đến bến tàu Westminster. Bằng con mắt lạnh lùng, Holmes xem xét chiếc đồ máy đang đợi chúng tôi.

- Có dấu hiệu gì cho biết nó thuộc cảnh sát?
- Ngọn đèn xanh bên hông.
- Thế thì gỡ nó ra.

Sau khi đã cài biến chút đỉnh, chúng tôi ngồi vào tàu và nhổ neo. A-ten, Holmes và tôi ngồi phía sau. Một người đứng ở đầu lái, một người đứng máy và hai viên thanh tra vạm vỡ ở phía trước.

- Ta đi đâu đây? - A-ten hỏi.
- Đến Tháp ⁽¹⁾ và cho ngừng trước công xưởng.

Chiếc tàu của chúng tôi qua mặt từng đoàn dài xà lan chất đầy hàng, Holmes nở một nụ cười thoả mãn khi thấy tàu chúng tôi đuổi kịp một chiếc tàu máy khác và để nó lại phía sau.

1. Tên gọi tiếng Anh là Tower of London : Tháp Luân Đôn, xây dựng vào thế kỷ II, dùng làm cung điện và nơi giam tù chính trị.

- Ta phải có khả năng đuổi bắt kịp bất cứ ai trên đoạn sông này. - Anh nói.

- Có thể là hơi nói ngoa. Nhưng không có nhiều đồ máy có khả năng bỏ rơi chúng ta đâu.

- Ta phải đuổi chặn chiếc Rạng Đông. Tôi sẽ nói rõ cái cách tôi tìm thấy chiếc tàu ấy. Watson, anh còn nhớ tôi bực mình hết sức vì bị cản trở bởi một việc còn con chú?

- Có.

- Thế này nhé. Lúc vùi đầu vào việc phân tích hoá chất, trí óc tôi được thanh thản. Một trong những chính khách lớn nhất có nói cách nghĩ ngợi tốt nhất là thay đổi công việc làm. Sau khi thành công trong các thí nghiệm hoá học, tôi quay về vấn đề Sơn-tô và một lần nữa duyệt xét lại toàn bộ vấn đề. Đám trẻ của tôi lục soát con sông không kết quả. Chiếc dò máy không nằm tại một bến dò nào mà cũng không trở về bến của nó. Đánh đắm tàu để xoá mọi dấu vết là điều khó có thể xảy ra. Tuy nhiên tôi vẫn giữ lại giả thiết này trong trường hợp cần đến nó. Anh chàng Jonathan là một người khá xảo quyệt, nhưng tôi không tin hẳn có đủ tinh vi. Sau đó, tôi nghĩ hẳn chắc đã ở tại Luân Đôn một thời gian, bằng chứng là hẳn kiểm soát chặt chẽ khu biệt trang Pondi. Như vậy hẳn rất khó lòng mà bỏ đi tức khắc được. Hẳn cần một khoảng thời gian nào đó, đầu chỉ là một ngày để thanh toán công việc.

- Điều có thể xảy ra hơn, là hẳn đã thu xếp mọi sự trước khi ra tay chứ? - Tôi góp ý.

- Không, tôi không nghĩ như vậy. Hang ổ của hẳn là một nơi trú ẩn lý tưởng nên hẳn không thể nghĩ đến việc rời bỏ nó trước khi có một nơi khác. Jonathan chắc phải nghĩ đến cái hình dáng khác thường của tên tông phạm, dù có cho y ăn mặc cách nào chăng nữa cũng có thể gọi trí tò mò của nhiều người chung quanh. Hẳn đủ thông minh để nghĩ đến điều đó. Bọn chúng rời khỏi nhà vào ban đêm và phải trở về

trước rạng sáng. Thế mà khi chúng đến chỗ dò đầu thì đã quá ba giờ sáng : chỉ còn một tiếng đồng hồ nữa là ngày sẽ tỏ, thiên hạ bắt đầu đi lại và chúng có thể bị lộ. *Vậy trong thời gian chưa tới một giờ đồng hồ, chúng không đi xa lắm đâu.* Chúng trả tiền hậu hĩ cho Smith để ông này kín miệng và neo chiếc dò máy, sẵn sàng cho cuộc đào tẩu sau cùng; và chúng hấp tấp trở về nhà cùng với kho báu. Hai, ba ngày sau, sau khi xem báo chí trình bày sự việc như thế nào, và đã kiểm tra có bị nghi ngờ gì không, chúng sẽ ra đi bằng dò máy, tới một chiếc tàu viễn dương nào đó. Chắc chắn bọn chúng đã lấy vé đi Mỹ hoặc các xứ thuộc địa.

- Thế còn chiếc dò máy? Chúng đâu có thể mang theo !

- Phải ! Thế là tôi nhất quyết chiếc dò máy không ở đâu xa. Có lẽ hẳn cũng ý thức mối hiểm nguy nếu đưa dò về bến chính hoặc giữ nó lại tại một bến nào đó. Thế thì làm sao vừa che giấu chiếc tàu vừa giữ nó trong tay, sẵn sàng để sử dụng. Chúng chỉ có một cách duy nhất : Đưa tàu đi sửa chữa, với lời dặn thay đổi đôi chút. Như thế là chiếc tàu hiện đang nằm trong một xưởng nào đó, và được che giấu kỹ. Tuy nhiên, trong vài tiếng đồng hồ nữa, nó lại thuộc quyền sử dụng của tôi.

- Nghe ra khá đơn giản đấy.

- Chính những điều rất đơn giản mới có nhiều có hội qua mặt thế gian. Tôi quyết định mang suy nghĩ này ra ứng dụng thử xem. Khoác vào người bộ đồ thủy thủ, tôi liền đi đến mười lăm xưởng dọc theo sông. Không kết quả. Nhưng đến xưởng thứ mười sáu, tôi được biết chiếc Rạng Đông được một người đi chân gỗ giao cho họ hai ngày trước đó, nhờ sửa lại các bánh lái tàu. "Cái bánh lái ấy chẳng có sao cả". Viên đốc công bảo tôi như thế. "Kìa, chiếc dò máy ấy kia kia, chiếc có những vạch đỏ". Vừa lúc ấy, ai xuất hiện? Chính là lão Smith, người chủ tàu. Ông ta say bí tỉ. Dĩ nhiên tôi không thể nhận ra ông ta, nếu ông ta đừng đem tên mình và tên chiếc tàu ra mà gào

lên đến võ họng : “Tôi cần nó đúng tám giờ, anh nghe rõ chứ? Tôi có hai vị khách không chờ đợi được đâu đấy”.

Bọn chúng chắc đã chu cấp rộng rãi cho Smith : Hấn thừa thãi tiền và phân phát thoải mái cho thợ thuyền. Tôi theo y bèn gót trong một thời gian, nhưng y lại biến mất trong một quán rượu. Thế là tôi trở về xưởng, và trên đường gặp một chú trình sát, tôi dặn nó đứng ngay cạnh bờ sông canh chừng chiếc đồ máy, và vẫy khăn tay khi thấy dò chạy.

- Dẫu có phải đúng là bọn ấy hay không đi nữa, thì ông cũng đã chuẩn bị đủ mọi thứ rất kỹ càng. Nhưng nếu tôi đảm trách vụ này, tôi sẽ lập một vành đai canh sát quanh xưởng và bắt chúng ngay lúc trở về.

- Nghĩa là chẳng bao giờ. Vì Jonathan là một tay khá quý quyết. Hấn sẽ cho người thám thính, và nếu có động tĩnh gì là hấn sẽ lẩn trốn.

- Nhưng anh có thể bám gót Smith và từ đó phát hiện ra nơi ẩn nấp của chúng. - Tôi nói.

- Nếu thế, tôi sẽ mất cả một ngày. Smith không biết nơi ẩn nấp của chúng, thắc mắc điều đó để làm gì khi mà y được trả công rất hậu và nhậu thả cửa? Chúng sẽ truyền đến y những chỉ thị.

Trong lúc nói chuyện, chúng tôi đã vượt qua một loạt những cây cầu bắc qua sông Thames. Lúc chúng tôi vào đến trung tâm thành phố, hoàng hôn đã trải rộng.

- “Đây ! Xưởng đó đây !” Holmes vừa nói vừa chỉ vào đám lối nhỏ chằng chịt những cột buồm. “Ta hãy chạy lên, chạy xuống dọc sông với tốc độ chậm. Ta chạy tuần tra nấp theo sau đoàn xà lan kia”.

Anh lấy ống dòm trong túi ra và quan sát bờ bên kia một hồi.

- Tôi trông thấy chú trình sát rồi. Nó không vẫy mũi xoa.

- Hay là chúng ta đi dọc sông một chút rồi đợi chúng tại đó. - A-ten vồn vã đề nghị.

- “Ta không được quyền phạm một sai sót nào”, Holmes đáp. “Rất có thể là chúng xuôi sông, nhưng chẳng có gì là chắc cả. Từ vị trí này, chúng ta có thể kiểm soát lối ra vào các xưởng, mà chúng thì khó lòng nhận ra chúng ta. Đêm nay trời trong sáng và ta sẽ có đủ ánh sáng cần thiết. Anh có thấy đám người chen chúc vội vã ở chân cột đèn đằng kia không?”

- Họ rời xưởng. Đã hết giờ làm việc.

- Kia kia : có cái gì trắng trắng đang động đậy. Chiếc khăn tay...

- Đúng, chú trình sát của anh đó. - Tôi kêu lớn.

- Và kia, chiếc Rạng Đông. Nó phóng nhanh như quỷ sứ. Ê, thợ máy, mở hết tốc lực nhanh đi nào ! Hướng về chiếc đèn máy có ánh đèn màu vàng kia. - A-ten la lên.

Nó len lỏi giữa lối ra vào xưởng, lách mình qua giữa hai, ba chiếc tàu nhỏ hơn. Nó đã đạt đến tốc độ tối đa. Nó đang xuôi sông, nép theo khá gần bờ. Viên thanh tra A-ten nhìn theo nó, lắc đầu.

- Nó chạy nhanh quá. Tôi e rằng ta không bắt kịp nó đâu.

- Phải đuổi kịp nó chứ ! Cho đầy nước vào nồi súp de đi, thợ máy ! Phải đạt năng suất tối đa ! Phải đuổi bắt kịp chúng nó, đâu có phải đốt cháy tàu ta !

Đến lượt chúng tôi bắt đầu gia tăng tốc độ. Nồi súp de gầm rít, máy máy cực mạch thổ phi phi và rung lên. Mũi tàu sắc nhọn rẽ nước, ném ra hai bên hai lớp sóng gào thét. Cứ mỗi nhịp máy nổ, con tàu lại nhẩy chồm lên, rung chuyển như con vật sống động. Phía trước, ngọn đèn lồng màu vàng quét một tia sáng dài lung linh. Một vệt tối trên sóng nước chỉ rõ vị trí của chiếc Rạng Đông. Bọt trắng sồi sục phía sau nó cho biết tốc độ điên cuồng của nó. Chúng tôi đâm bổ tới trước nhanh hơn. Chúng tôi qua mặt đoàn xà lan, tàu kéo, tàu buôn,

lướt nhẹ qua chiếc này, **lọc vòng** chiếc kia. Từ trong bóng tối vọt lên những tiếng la hét, gọi réo theo chúng tôi.

- "Đốt thêm nữa các bạn, đốt thêm đi !" Holmes hét lớn, nhìn vào buồng máy dưới. Nồi súp de đỏ rực chiếu sáng lên khuôn mặt nóng nảy của anh "Nạp hết hơi nước vào !"

- Ta sẽ theo kịp nó - Thanh tra nói, mắt không rời chiếc Rạng Đông.

- Chắc thế rồi. Chỉ trong vài phút nữa thôi. - Tôi nói.

Đúng vào lúc đó, một chiếc tàu kéo ba chiếc xà lan xen vào giữa chúng tôi. Chúng tôi chỉ có thể tránh khỏi sự va chạm bằng cách kéo mạnh hết cỡ chiếc bánh lái. Trong lúc vòng qua đoàn tàu và bẻ lái hướng về, những kẻ chạy trốn đủ cho chiếc Rạng Đông bước tới thêm hai trăm thước. Tuy nhiên nó vẫn còn trong tầm nhìn. Ánh hoàng hôn mờ đục, nhường chỗ cho ánh sao soi sáng trên bầu trời đêm. Sức mạnh khổng lồ ném chúng tôi về phía trước khiến vỏ tàu rung lên và nghiêng rít. A-ten chụp được chiếc Rạng Đông trong chụm tia sáng của chiếc đèn pha ; chúng tôi trông thấy rõ mấy bóng người trên boong. Một người ngồi phía đuôi tàu, ôm giữ hai chân một vật đen và cúi mình lên đó. Nằm cạnh hắn là một khối đen mờ trông giống như một con chó của miền Đất Mới... Cậu bé giữ cần lái trong lúc cha nó lưng trần, bóng, nổi rõ trước lò lửa đỏ rực, tiếp than từng xẻng lớn theo một nhịp độ khủng khiếp. Có lẽ thoát đầu bọn chúng chưa rõ ý định của chúng tôi, nhưng đến lúc thấy chúng tôi theo sát chúng từng khúc quanh, từng lối ngoằn ngoèo thì chúng không còn ngờ vực gì nữa. Chỉ còn cách nhau độ một trăm mét, chỉ còn cách nhau tám mươi mét. Trong cuộc đời sôi nổi của tôi, tôi đã săn bắn nhiều thú tại nhiều nước, nhưng môn thể thao đó chưa bao giờ tạo cho tôi cái kích động man rợ như trong cuộc săn đuổi này. Cứ đều đặn, từng mét và từng mét một, chúng tôi tiến lại gần. Trong cảnh im lặng ban đêm, chúng tôi có thể nghe rõ tiếng máy tàu thở hổn hển và đập ầm ầm. Người trên

boong vẫn ngồi xổm, đôi tay cứ động tưởng như đang bận vào việc gì đó. **Thình** thoảng hần lấy mắt đo khoảng cách giữa chúng tôi đang giảm xuống một cách khắc nghiệt. A-ten gọi chúng. Chúng tôi chỉ còn cách nhau hai thân tàu. Hai chiếc vẫn chạy với tốc độ kinh khủng. Trước mặt chúng tôi, dòng sông trải rộng mênh mông. Nghe chúng tôi gọi, người trên boong nhảy nhồm dấy, đưa hai nắm tay lên và chửi thề với giọng khàn đặc. Hần có tầm vóc rất vạm vỡ. Lúc đứng thẳng đối diện với chúng tôi, hai chân xoạc ra để giữ thăng bằng, tôi có thể thấy từ vẻ trở xuống chỉ là cái chân gỗ. Nghe tiếng la hét giận dữ của hần, cái khối đen ngòm bên cạnh hần bắt đầu cử động. Khối đen ấy biến thành một con người nhỏ da đen, một con người bé nhỏ mà tôi chưa từng thấy. Nó có cái đầu dị dạng và một mớ tóc rối bời ! Holmes đã rút khẩu súng ngắn của anh ra khi trông thấy sinh vật quái dị ấy, và tôi bắt chước theo. Gã man di quần quanh mình một thứ áo choàng màu sẫm hay cái mền gì đó, chỉ để hở cái mặt, nhưng cái mặt ấy đủ khiến ta không ngủ được. Đường nét trên mặt hần sâu tính hung bạo súc vật, cặp mắt ti hí long lanh rực lên một thứ ánh sáng tối tăm. Đôi môi méo xệch thành cái nhếch mép ghê tởm. Răng hần nghiền vào nhau, đánh vào nhau lập cập khi thấy chúng tôi, với vẻ giận dữ thú vật.

- Cứ nổ súng nếu nó đưa tay lên - Holmes bảo khế.

Lúc này chúng tôi cách nhau chưa được một thân tàu và gần bắt được con mồi. Bên kia hai người đứng trong ánh sáng ngọn đèn chúng tôi : tên da trắng chân đang rộng, gào thét những câu chửi rủa và tên lùn dị tướng với bộ mặt gớm ghiếc, hàm răng vàng khè rắn chắc như muốn ngoạm lấy chúng tôi.

Thật may là chúng tôi trông thấy nó rõ ràng đến thế. Vì ngay dưới mắt chúng tôi, nó rút từ dưới mền ra một khúc gỗ ngắn tròn, trông giống cây thước kẻ học trò và đưa lên miệng. Hai khẩu súng ngắn của chúng tôi cùng nổ một lúc. Nó quay người, dang hai tay lên trời rồi ngã xuống về một bên, rơi

xuống dòng nước. Nhưng cùng lúc đó, tên chân gỗ nhào người về phía bánh lái và bẻ hết cỡ. Chiếc đồ máy xoay mình chạy thẳng về phía bờ nam, vừa lúc chúng tôi qua mặt nó, chỉ nhích một mét là va vào nó. Một lúc sau, chúng tôi đổi hướng chạy, nhưng chúng đã gần đến bên kia bờ. Đó là một vùng đất hoang vu, tiêu điều. Mảnh trăng chiếu ngời trên vùng đất rộng đâm lầy, đầy ao hồ nước đọng và cây cỏ úng thối. Sau một tiếng va mạnh, chiếc đồ máy mắc cạn lên bờ sinh lầy, mũi tàu dốc ngược lên, đuôi chìm xuống nước. Tên tội phạm nhảy ra khỏi tàu, nhưng cái chân gỗ lún sâu trong đất nhão. Hẳn vùng vầy, vạy mình đủ cách : vô ích ! Hẳn chẳng nhích lên hoặc lùi xuống được lấy một bước. Gào thét trong cơn giận dữ hẳn dùng cái chân kia điên cuồng đập vào bùn. Nhưng những cố gắng chỉ làm cho chiếc chân gỗ lún sâu thêm. Khi chúng tôi đổ sát hẳn, hẳn dính chặt trong bùn, chúng tôi phải buộc một vòng dây quanh ngực mới kéo được hẳn lên y như câu cá. Hai cha con Smith ngồi trên đò nét mặt cau có, nhưng vẫn ngoan ngoãn bước lên tàu chúng tôi khi A-ten ra lệnh. Rồi lại phải kéo chiếc Rạng Đông theo chúng tôi. Trên boong tàu là một chiếc hộp sắt chế tạo tại Ấn Độ. Đó dĩ nhiên là cái hộp đựng cái kho báu của Sơn-tô. Nó rất nặng. Ổ khoá không có chìa. Chạy chậm chậm ngược dòng sông, chúng tôi quét đèn chiếu chung quanh nhưng chẳng thấy dấu vết con quái vật bé tí. Đầu đò dưới đáy sông Thames, trong sinh lầy, yên nghỉ năm xương của gã du khách lạ lùng đó.

- "Hãy nhìn xem này !" Holmes vừa nói vừa chỉ vào cửa buồng hầm tàu. "Thật vừa đúng lúc ta nhanh tay với hai khẩu súng ngắn".

Thật vậy, ngay phía sau chỗ chúng tôi đứng lúc này có ghim một mũi tên giết người. Chắc nó đã bay đến giữa chúng tôi vừa lúc chúng tôi nổ súng. Holmes mỉm cười nhún vai. Riêng tôi, tôi vẫn còn xúc động khi biết mình vừa thoát chết trong đường tơ.

10. KHO BẦU TÒ LỚN TỪ AGRA

Người tù của chúng tôi ngồi trong khoang trước chiếc hộp sắt. Y có cái nhìn táo bạo, nước da rám nắng. Khuôn mặt ngang dọc những đường nhăn. Nét mặt hằn sâu, màu đồng hun, thể hiện cuộc sống dạn dày sương gió. Cái cằm râu rậm sừng sỏ chứng tỏ y không phải là người có thể dễ dàng gạt khỏi mục tiêu đã nhắm. Y trạc tuổi năm mươi. Mái tóc đen, quăn, lổm đổm rất nhiều sợi bạc. Bình thường, khuôn mặt cũng không đến nỗi nào. Nhưng hàng mày rậm và cái cằm nhô hẳn ra tạo cho hán vẻ khủng khiếp trong cơn giận dữ. Hấn ngồi, đôi tay bị còng, đầu cúi gằm, cặp mắt lạnh lợi chớp chớp nhìn về cái hộp. Một lần, y ngược mắt nhìn tôi và trong ánh mắt tưởng như có tia châm biếm...

- Nay ông Jonathan, tôi tiếc là công việc lại kết thúc như thế này. - Holmes vừa nói vừa châm một điếu xì gà.

- Tôi không cần biện minh cho mình. Nhưng tôi xin thề với ông là tôi không có giết ông Sơn-tô. Chính Ton-ga đã phóng ra một mũi tên. Tôi đã dùng một mẩu dây tấn cho con quỷ ấy một trận rồi, nhưng trước sự đã rồi, tôi không còn cách gì cứu vãn được nữa.

- Nay, hãy hút một điếu xì gà đi ! Và uống một ngụm uyết-ki, ông ướt đầm cả người rồi. Nhưng mà này, ông hãy nói cho tôi biết, vì sao ông hy vọng một người nhỏ yếu như tên da đen ấy lại có thể bắt giữ được ông Sơn-tô.

- Tôi biết khá rõ những thói quen trong nhà, và ông Sơn-tô thường xuống lầu vào đó dùng cơm tối. Phải chi giết được tên thiếu tá già kia thì lòng tôi nhẹ nhõm biết mấy. Xui thật !

- Ông A-ten đây thuộc Sở cảnh sát trung ương, chịu trách nhiệm về ông. Ông ấy đưa ông về nhà tôi. Tôi xin ông thuật lại chân thật câu chuyện. Nếu ông tuyệt đối thành thật, tôi hy

vọng có thể giúp ông được. Tôi có thể dẫn chứng rằng chất độc tác dụng nhanh đến độ nạn nhân chết ngay trước khi ông bước vào phòng.

- Về việc này thì đúng như vậy đấy, thưa ông. Khi tôi thấy ông ta, đầu quẹo trên vai, nhìn tôi với nụ cười gớm ghiếc lúc tôi đi vào bằng cửa sổ. Điều này làm tôi rất xúc động ! Chắc là tôi đã giết Ton-ga nếu nó không bỏ trốn đi trước. Ấy chính vì thế mà nó để lại chùy đá và một số mũi tên. Việc đó đã giúp ông tìm ra dấu vết chúng tôi. Tôi không đem lòng oán giận ông đâu. Nhưng có điều lạ là tôi thì ngồi đây, trong khi tôi có quyền hưởng nửa triệu đồng... Tôi đã dùng nửa cuộc đời để xây một cái đập trong vùng Andamans ; phần đời còn lại tôi có cơ hội tốt để đào hầm ở Dartmoor ! Cái ngày tôi gặp tên lái buôn Ách-mê và kho báu Agra quả thật là một ngày tai hoạ ! Thưa ông, cái kho báu ấy tự thuở nào vẫn là niềm bất hạnh cho những ai nắm giữ nó. Tên lái buôn thì bị ám sát. Còn thiếu tá Sơn-tô thì sống trong nỗi sợ hãi và ô nhục. Riêng tôi, kho báu ấy chỉ mang lại cho tôi một cuộc sống nô lệ.

Lúc đó, A-ten thò cái đầu tròn của ông ta vào :

- Ô, đúng là một cuộc hội họp gia đình ! Ông Holmes ạ, tôi nghĩ tôi sẽ ném thử chút uyết-ki của ông. Thế là ta có quyền khen tặng lẫn nhau. Tiếc là ta đã không bắt sống được tên kia !

- Khởi đầu tốt thì chung cuộc cũng tốt thôi. Nhưng tôi không ngờ chiếc Rạng Đông lại nhanh đến thế ! - Holmes nói.

- Smith nói chiếc đồ máy của y là một trong những chiếc nhanh nhất trên sông, và nếu có thêm người phụ ở buồng máy thì không bao giờ ta đuổi kịp. Y thề chẳng hay biết gì về vụ án mạng ở Norwood cả.

- "Đúng đấy !". Người tù của chúng tôi buột miệng nói lớn. "Tôi chẳng tiết lộ điều gì với y. Tôi chọn chiếc đồ máy của y vì nghe nói nó chạy như gió. Tôi trả tiền y rất hậu, và

có hứa cho y một phần thưởng xứng đáng nếu y đưa chúng tôi ra tàu lớn để khởi hành đi Brésil.

- Thế nếu y không làm gì đáng chê trách, và chẳng có gì tai hại xảy ra cho y cả. Bất tội phạm thì ta khá nhanh tay đấy ; nhưng kết án, thì ta chậm hơn.

Thật là tức cười khi thấy A-ten cứ làm ra vẻ quan trọng **khi mọi** việc bắt bố đã xong. Tôi thoáng thấy một nụ cười phớt **qua khuôn** mặt ông ta. A-ten nói :

- Bác sĩ Watson, tôi đưa ông lên bờ cùng với cái hộp đựng kho báu. Khởi cần nói với ông rằng làm như vậy là sai nguyên **tắc**. Nhưng ta đã thoả thuận rồi. Tuy nhiên tôi buộc phải cho một viên thanh tra hộ tống bác sĩ. Chắc hẳn ông sẽ đi bằng xe?

- Vâng, tôi đi nhờ.

- Thật tiếc là không có chìa khoá để ta có thể tiến hành việc kiểm kê sơ khởi. Các ông sẽ phải phá ổ khoá. Nay, Jonathan, chìa khoá đâu rồi?

- Dưới đáy sông.

- Hừm ! Thật là vô ích khi ông gây thêm cho chúng tôi cái trở ngại đó nữa. Bác sĩ hãy đem cái hộp về phố Baker. Chúng tôi đợi bác sĩ tại đó trước khi đi đến kho tàng vật.

Họ bỏ tôi xuống Vauxhall, tôi và cái hộp sắt nặng trĩch, cộng thêm một viên thanh tra khoẻ mạnh. Một chiếc xe đưa chúng tôi đến nhà bà Xơ-xin trong không đầy mười lăm phút. Bà bồi phòng tỏ vẻ ngạc nhiên về cuộc viếng thăm muộn màng, bà giải thích là bà Xơ-xin tối ấy đi vắng và có lẽ sẽ về rất muộn. Nhưng có Mơ-tan có mặt. Tôi nhờ người đưa cái hộp vào phòng khách. Viên thanh tra đồng ý ngồi lại trong xe.

Nàng ngồi cạnh cửa sổ đã mở, mặc một chiếc áo trắng mờ đục, nổi bật nhờ đường viền màu đỏ thắm ở cổ và ở thắt lưng. Dưới cái chao đèn, ánh sáng dịu toả chiếu đều đặn đến khuôn mặt thanh tú và những lọn tóc quăn mượt mà, óng ánh

của nàng. Tựa lưng vào chiếc ghế mây, một tay buông về một phía, dáng nàng trông sâu não, trầm tư. Nhưng khi nghe tôi vào, nàng đứng hẳn dậy và đôi má bỗng phớt hồng vì ngạc nhiên và vui mừng.

- Tôi có nghe rõ tiếng xe ngừng trước cửa. Tôi nghĩ bà Xơ-xin trở về quá sớm, không ngờ lại là ông. Ông mang lại cho tôi tin gì vậy?

- "Còn hơn là "tin" nữa kìa !" Tôi đặt cái hộp lên bàn : "Tôi mang đến cho cô một gia tài".

Cô liếc nhìn chiếc hộp :

- Vậy đây là kho báu đấy? - Giọng cô thoáng vẻ thờ ơ khó tả.

- Vàng, kho báu to lớn xứ Agra đấy ! Một nửa thuộc về ông Sơn-tô, nửa kia thuộc về cô. Mỗi người có khoảng chừng hai trăm năm mươi ngàn đồng lu-i. Ở nước Anh, hiếm có phụ nữ nào giàu hơn cô đấy !

Có lẽ tôi hơi quá lời trong những biểu lộ niềm hân hoan, những lời tán tụng của tôi không có sức thuyết phục, nàng khẽ nhướn mày và nhìn tôi với vẻ lạ lùng :

- Nếu tôi có được, chính là nhờ ông đó?

- Không đâu ! Không phải nhờ tôi, mà là nhờ anh bạn Sherlock Holmes.

- Mời ông ngồi, bác sĩ Watson, xin bác sĩ cho tôi nghe trọn câu chuyện đi.

Tôi thuật lại vắn tắt những sự việc y như chúng diễn tiến từ lúc tôi gặp nàng. Cái phương pháp truy tìm mới mẻ Holmes đã dùng, việc phát hiện ra chiếc Rạng Đông, sự xuất hiện của Jonathan, những công việc chuẩn bị, cuộc đuổi bắt điên cuồng trên sông. Mất sáng ngời, môi rung rung, nàng lắng nghe những câu chuyện mạo hiểm của chúng tôi. Lúc tôi nói đến cái mũi tên nhắm trật chúng tôi trong đường tơ kẽ tóc, mặt nàng biến sắc nhợt nhạt.

- “Không sao đâu”. Nàng thì thào, khi tôi đưa cho nàng ly nước. “Chỉ hơi khó chịu tí thôi ; thật là một chấn động khi tôi hiểu ra rằng tôi đã đặt các bạn bè mình vào một sự nguy hiểm kinh khiếp đến thế”.

- Bây giờ mọi chuyện đã qua rồi. Ta hãy gạt sang một bên những chi tiết buồn thảm ấy đi. Ta hãy nói đến một cái gì vui vẻ hơn : kho báu đây rồi. Còn có gì vui hơn? Tôi được phép mang nó theo, nghĩ rằng cô sẽ hài lòng.

- Tôi thích lắm chứ ! - Nàng nói.

Giọng nàng thiếu sự vồn vã. Nhưng có lẽ nàng nghĩ có phần thiếu lịch sự nếu tỏ ra hững hờ trước một chiến tích khó mà giành giật đến thế.

- “Chiếc hộp đẹp quá !”. Nàng vừa nói vừa xem xét nó. “Tôi đoán nó được chế tạo tại Ấn Độ?”

- Vâng, tại Bénarès.

- “Lại nặng đến thế” ! Nàng thốt lên và nâng thử nó. “Chỉ riêng cái hộp thôi cũng đủ có giá trị rồi. Thế chìa khóa đâu?”

- Jonathan đã ném nó xuống sông rồi. Có lẽ phải mượn que củi của bà Xơ-xin thôi.

Ở mặt trước chiếc hộp có một cái móc chắc chắn, hình ông Phật ngồi. Tôi tìm cách nhét lần que củi vào bên dưới, và tạo một lực đòn bẩy. Ổ khoá bung ra với một tiếng “cắc” nghe rõ. Tôi mở nắp ra. Cả hai chúng tôi rất đỗi kinh ngạc :
Chiếc hộp trống trơn.

Nó nặng đến thế thì cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Một lớp sắt luyện dày gần hai centimet, bao bọc nó hoàn toàn. Nó được chế tạo kỹ lưỡng, đồ sộ, vững chắc. Chiếc hộp chắc chắn được chế ra với mục đích đựng những vật quý giá. Nhưng bên trong, chẳng có lấy một mẫu nhỏ nào, không có lấy mảnh kim loại hoặc đá quý, hoàn toàn trống rỗng.

- Kho báu mất rồi. - Mơ-tan nói với giọng điềm tĩnh lạ thường.

Nghe câu nói ấy và hiểu trọn vẹn ý nghĩa của nó, tưởng như cái bóng u ám đè nặng xa khuất khỏi hồn tôi. Lúc bấy giờ tôi chỉ nghĩ đến một điều duy nhất : bức tường vàng ngăn cách chúng tôi đã không còn nữa.

- Cám ơn, Chúa tôi ! - Tôi thốt lên tự đáy lòng mình.

Nàng nở một nụ cười thoáng qua rồi nhìn tôi vẻ dò hỏi :

- Tại sao bác sĩ lại nói thế?

- “Bởi vì, giờ đây em lại ở trong tầm tay anh”. Tôi nói, tay tôi đặt lên tay nàng. “Bởi vì, em ơi, chưa có người đàn ông nào yêu em bằng anh. Bởi vì cái kho báu ấy không cho anh thốt lên ba tiếng : *anh yêu em*”.

- Thế thì em cũng nói : “Cám ơn Chúa tôi”, - Nàng thì thầm.

Có một kẻ nào đó chắc chắn đã đánh mất một kho báu vào đêm đó ; nhưng riêng tôi, tôi vừa mới được một kho báu tuyệt vời.

11. CUỘC ĐỜI KỶ LẠ CỦA JONATHAN SMALL

Ông thanh tra vẫn kiên nhẫn ngồi chờ tôi trong xe. Khi tôi đem cái hộp ra cho ông, thì nét mặt ông tối sầm lại.

- Thế là mất toi phần thưởng ! - Ông càu nhàu.

- Ông Sơn-tô giàu lắm ! Dù không tìm lại được hộp châu báu, ông ấy cũng sẽ đền bù công khó nhọc của các ông. - Tôi nói.

- “Công việc chẳng ra gì” ! - Ông lắc đầu chán nản. “Ông A-ten cũng sẽ thấy thế”.

Quả thật, thám tử A-ten tại mặt khi tôi cho ông ta xem chiếc hộp trống rỗng. Cả ba người : Holmes, tên tù và A-ten vừa mới tới. Họ thay đổi chương trình và quyết định trình diện tại một đồn cảnh sát trên đường đi. Holmes nằm trườn trên ghế bành với vẻ uể oải thường lệ trong khi Jonathan ngồi thẳng người. Lúc tôi mở chiếc hộp, hắn cười phá lên.

- Đây lại là một trong những tội lỗi của anh đấy, Jonathan ! - A-ten giận dữ nói.

- Số châu báu đó là của tôi. Khi tôi và ba thằng tù kia không hưởng được nó, thì tôi không cho ai chiếm nó cả. *Dấu hiệu bộ tư* luôn luôn tồn tại giữa chúng tôi. Đầu phải chúng tôi giết Ách-mê, rồi để cho bọn Sơn-tô làm giàu ! Các ông sẽ tìm thấy kho báu ở chỗ chiếc chìa khoá và thằng Ton-ga.

- “Anh đừng hòng đánh lừa chúng tôi” ! A-ten nghiêm nghị nói. “Nếu anh ném kho tàng xuống sông, hẳn anh đã ném nguyên cả hộp”.

- “Ném như vậy thì dễ dàng thật, nhưng cũng dễ cho các ông tìm lại nó”. Anh ta bác lại với vẻ ranh ma. “Người có đủ khôn khéo bắt được tôi thì cũng đủ khôn khéo để mở một cái hộp sắt. Nhưng khi tôi rải số châu báu trên một khúc sông dài tám kilômét thì khó đấy.

- Anh đã sai lầm nghiêm trọng. Nếu anh giúp đỡ công lý thì anh sẽ được khoan hồng. - Viên thám tử nói.

- Công lý ! Một nền công lý đẹp đẽ ! Số của cải đó thuộc về ai, nếu không thuộc về chúng tôi? Tôi đây. Hai mươi năm dài đằng đẵng trên các đầm lầy, làm việc quần quật suốt ngày, bị bọn coi tù hành hạ, suốt đêm bị cùm chân, bị muỗi đốt, run bần bật vì sốt rét...

Jonathan đã thoát ra khỏi cái vế làm li của gã. Để mặc cho tình cảm lời cuốn, gã tuôn ra hàng tràng, mắt toé lửa, tay vung vẩy khiến hai chiếc còng khua rổn rảng.

- “Anh quên rằng chúng tôi không biết gì về chuyện đó”. Holmes điềm đạm nói. “Khi chưa nghe câu chuyện của đời anh

thì chúng tôi không thể nói rằng lẽ phải có ở về phía anh hay không”.

- Thưa ông, ông đã đối xử với tôi rất tốt. Cho nên, tuy chính ông đã bắt tôi, nhưng tôi không giận ông ! Đây là luật chơi... Tôi thấy không có gì phải giấu giếm câu chuyện đời mình. Vâng, cảm ơn, xin đẩy ly về phía tôi, tôi khát cháy cổ rồi.

“Tôi ra đời gần Preshore, trong hạt Worcestershire. Dân cư ở đây là những trại chủ khá giả, quen biết nhau và thương yêu nhau. Trái lại, tôi là một kẻ vong mạng. Vào năm mười tám tuổi, tôi bị dính líu vào một vụ ẩu đả âm ỉ vì một cô gái, cuối cùng tôi phải đăng vào lính, đi Ấn Độ mới thoát được. Một hôm, tôi đi tắm ở sông Hằng. Điều may mắn là Hồ-đơ, viên đội trong đại đội tôi, cũng xuống tắm. Tôi đang bơi ở giữa sông thì một con sấu cắn tiện chân tôi. Tôi ngất lịm và sắp chìm lịm thì Hồ-đơ dìu tôi vào bờ. Sau năm tháng điều trị, tôi xuất viện với cái chân gỗ.

“Lúc đó, tôi chỉ còn là một kẻ tàn tật vô dụng, chưa đầy hai mươi tuổi. Ngày kia, có một người nào đó tên là A-bel đi tìm một đốc công để giám sát nhân công bản xứ và đôn đốc họ làm việc trong đồn điền. Ông ta là bạn của đại tá chỉ huy đơn vị tôi. Ông đại tá nồng nhiệt giúp tôi chỗ làm đó. Phần lớn thời gian làm việc là ngồi trên mình ngựa nên cái chân cụt không cản trở gì lắm. Tôi dung ruỗi khắp đồn điền, giám sát công nhân và bắt tại trận những tên trốn việc. Lương bổng hậu, chỗ ăn ở tiện nghi. Nói chung, tôi không có gì phàn nàn nếu cứ sống nốt quãng đời còn lại ở cái đồn điền đó. Ông A-bel là một người nhân hậu. Ông thường tới thăm tôi và chúng tôi cùng hút một cối thuốc.

“Nhưng rồi, cuộc nổi loạn bùng bùng lên. Khắp xứ sôi sục như địa ngục với hai trăm ngàn con quỷ đen ngòm. Đồn điền của chúng tôi nằm ở Muttra giáp giới các tỉnh Tây Bắc. Đêm đêm, bầu trời rực sáng ánh lửa từ các đám cháy. Ngày ngày,

hàng đàn gia đình người Âu trải qua cửa chúng tôi, tiến về phía Agra, nơi có đồn binh gần nhất. A-bel là một người bướng bỉnh, ông tin chắc rằng người ta đã phóng đại tầm vóc cuộc nổi loạn, và tin tưởng rằng cuộc nổi loạn sẽ chóng tàn. Ngồi dưới mái hiên, ông bình thần nhấm nháp ly ực-ki, rít từng hơi thuốc, trong khi cả xứ ngập đầy khói lửa ! Dĩ nhiên Đa-sơn và tôi vẫn ở cạnh ông. Vợ chồng ông Đa-sơn lo việc trông nom nhà cửa và giữ sổ sách. Ngày hôm ấy, tôi phải đi kiểm tra một đồn điền khá xa. Buổi chiều khi tôi thong thả trở về thì thấy dưới một cái hồ có một đống gì đó. Tôi tới gần và lạnh toát cả người khi nhận ra đó là vợ của Đa-sơn. Đi một đoạn nữa, tôi thấy Đa-sơn nằm úp mặt xuống đất, trong tay là khẩu súng lục hết đạn. Phía trước anh ta là xác chết của bốn người Cipayes chồng chất lên nhau. Tôi giục ngựa chạy thục mạng. Tôi thấy một đám khói dày bốc lên từ nhà ông A-bel. Lúc đó, tôi hiểu tôi không còn giúp đỡ gì cho chủ tôi được nữa. Hàng trăm người đen đúa, lưng khoác áo choàng đỏ, nhẩy nhót, gào rú, quanh ngôi nhà bốc lửa. Một vài tên đưa tay chỉ tôi, và hai viên đạn rít bên tai tôi. Tôi băng qua cánh đồng và tới được Agra vào lúc quá nửa đêm.

“Ở Agra có tiểu đoàn 3 khinh binh người Bengale, vài người Sikhs, hai phân đội kỵ binh và một pháo đội. Một đội quân tình nguyện gồm các thương gia và tư chức được thành lập, tôi và chiếc chân gỗ cũng gia nhập vào đó. Đầu tháng 7, chúng tôi đã ra khỏi thành, chạm trán và đẩy lui quân nổi loạn được một lúc, nhưng vì thiếu đạn nên lại phải rút lui, co lại trong thành.

“Agra là một thành phố lớn tràn ngập những kẻ cuồng tín. Giữa những con hẻm chật hẹp ngoằn ngoèo, nhúm người ít ỏi chúng tôi không đủ sức chống giữ. Vì vậy ông tư lệnh quyết định cho chúng tôi vượt sông, vào cố thủ trong cố thành Agra. Cố thành rộng nhiều mẫu tây. Từ trước tới nay, người ta bỏ mặc nó cho bọn cướp và rết. Ở đó có những căn phòng rộng

lớn vắng lặng, những lối đi ngoằn ngoèo và một hệ thống hành lang phức tạp len lỏi khắp mọi ngõ ngách.

“Phía trước cố thành có một con sông dùng để bảo vệ nó. Nhưng phía sau và hai bên hông thì có nhiều cửa, nên cần có người canh giữ. Mà quân số chúng tôi lại ít, chỉ đủ người để kiểm soát các góc thành và điều khiển các khẩu pháo. Vì vậy không thể tổ chức một toán lính canh ở mỗi vọng gác trong vỏ sò cửa ngàm. Một phân đội trừ bị được tổ chức ở trung tâm cố thành và mỗi cổng thành được một người da trắng và hai ba thổ dân canh gác. Tôi có nhiệm vụ canh gác tại một cửa ngàm hẻo lánh ở cánh Tây Nam. Tôi chỉ huy hai người lính Sikhs. Tôi phải bán báo hiệu trong trường hợp khẩn cấp để phân đội trung tâm đến tiếp ứng. Nhưng phân đội ở cách vị trí của tôi trên hai trăm bộ, con đường lại bị cắt bởi những hành lang và lối đi ngoằn ngoèo, nên tôi nghĩ rằng họ khó có thể tiếp ứng kịp thời trong trường hợp chúng tôi bị tấn công.

“Trong hai đêm đầu tiên, tôi canh gác cùng với hai tên lính vạm vỡ có ánh mắt dữ tợn Mahomet Singh và Abdullah Khan. Họ nói tiếng Anh khá sỏi. Về phần tôi, đứng trên vọng gác, tôi nhìn con sông uốn lượn ở phía dưới và ánh đèn nhấp nháy trong thành phố. Tiếng trống, tiếng la hét, gào rú của đám loạn quân nhắc cho tôi nhớ rằng mối đe dọa đang rình rập từ bên kia sông. Cứ mỗi hai giờ, một sĩ quan đi kiểm tra một vòng, để biết chắc là mọi sự vẫn tốt đẹp.

“Đêm thứ ba, thời tiết u ám. Mưa nhỏ và lạnh thấu xương. Nhiều lần tôi cố gạ chuyện với hai người Sikhs, nhưng không kết quả. Vào lúc hai giờ sáng, tôi rút ống điếu và dựng cây súng bên cạnh, sửa soạn hút thuốc. Thoáng một cái, hai tên ấy nhào lên người tôi. Một tên đoạt súng, chia vào người tôi, tên kia rút ra một lưỡi dao lớn kê vào cổ họng tôi, rit lên rằng nó sẽ giết tôi, nếu tôi nhúc nhích.

“Ý nghĩ đầu tiên của tôi là chúng đã thông đồng với quân nổi loạn, và chúng sẽ xung phong vào cố thành. Nếu cửa ngàm

do tôi canh giữ lọt vào tay quân Cipayes thì cả cố thành sẽ mất, phụ nữ và trẻ con sẽ không tránh được số phận thảm khốc. Một tên thì thầm : "Không được làm ồn ! Không có gì phải lo cho bọn ở trong thành ! Không có bọn chó nhiễu loạn ở phía này đâu". Giọng anh ta có vẻ thật thà. Tôi im lặng chờ xem họ muốn gì.

- "Thưa Ngài, Ngài hãy nghe cho kỹ ! Abdullah Khan nói. "Bây giờ ngài phải lựa chọn : hoặc đứng về phe chúng tôi hoặc là bị giết. Ngài có ba phút để quyết định, trước khi toán tuần tra đi qua".

- Tôi quyết định thế nào được khi các anh không cho biết các anh muốn gì ! Nếu sự việc có đụng chạm đến sự an nguy của cái thành, thì tôi thà chết còn hơn.

- Hoàn toàn không liên quan gì đến cái thành ! Chúng tôi yêu cầu Ngài làm giàu ! Ngài sẽ được một phần tư kho tàng.

- Kho tàng nào ?

- Vậy Ngài hãy thề trên vong linh của cha Ngài, trên danh dự của mẹ Ngài, trên thánh giá của tôn giáo Ngài, là sẽ không tố cáo chúng tôi, không đánh giết chúng tôi, cả lúc này và cả về sau nữa.

- Tôi sẽ thề với điều kiện là thành này không bị nguy.

- Vậy, tôi và bạn tôi xin thề rằng kho tàng sẽ được chia đều cho bốn chúng ta.

- Nhưng ta chỉ có ba người !

- Còn phần của Dost Akbar nữa. Mahomet Singh, anh ra canh ở chỗ cửa ngầm đi ! Tôi sẽ kể hết cho Ngài nghe.

- Ở phía Bắc có một tiểu vương rất giàu có. Khi cuộc dấy loạn bùng nổ, ông ta thu xếp để được lòng phe người Cipayes và cả phe người Anh. Ông ta giữ vàng và bạc lại trong lâu đài, nhưng giấu ngọc ngà châu báu trong một hộp sắt và giao cho một người đầy tớ trung thành. Người này sẽ tới đây trong lớp một thương gia và lo việc cất giữ kho châu báu, chờ hoà bình trở lại. Như vậy, nếu phe nhiễu loạn thành công, ông ta sẽ giữ được số vàng. Nhưng nếu người Anh thắng, ông ta sẽ giữ được số châu báu. Sau khi sắp đặt như thế, ông ta công khai đứng về phía người Cipayes hiện đang thắng thế ở kế

cận tiều quốc của ông ta. Người thương gia gia mạo với cái tên Ách-mê kia hiện giờ đang ở trong thành phố Agra, và muốn vào cố thành này. Y đi chung với người anh em với tôi là Dost Akbar. Dost Akbar hứa đêm nay sẽ đưa y tới đây.

“Tên thương gia kia có sống hay chết, đối với tôi nào có quan trọng gì. Lúc đó tôi tưởng tượng ra **tất cả những** việc tôi có thể làm khi trở về quê cũ, mọi người sẽ **kinh ngạc khi** thấy thằng bé vô tích sự ngày xưa, nay trở về với cái **túi đầy** vàng.

- Ngài hãy suy nghĩ kỹ mà xem. Nếu ông tư lệnh bắt được **tên thương** gia, y sẽ bị xử bắn và kho tàng sẽ bị chính phủ sung công. Nhưng nếu chúng ta tóm được y, chúng ta sẽ chiếm được kho tàng. Sẽ không ai biết chuyện này. Có nguy hiểm gì đâu?

- Tôi đồng ý đứng về phía các anh !

- “Như thế mới tốt chứ !” anh ta vừa nói vừa trao khẩu súng lại cho tôi. “Ngài thấy rằng chúng tôi tin cậy Ngài... Giờ đây, chúng ta chỉ còn chờ người thương gia kia tới”.

- Người anh em của anh biết những việc anh sắp làm không?

- Chính anh ta nghĩ ra kế hoạch này. Giờ Ngài hãy ra canh cùng với Mahomet Singh đi !

“Trời vẫn mưa. Gió mùa đã bắt đầu. Những đám mây nặng và u ám bay tản mạn khắp bầu trời. Thật khó nhìn xa hơn một tầm đá ném. Ở dưới cửa ngòm, nơi chúng tôi canh giữ có một cái hào, nhưng ở vài chỗ hầu như đã cạn, nên người ta có thể vượt qua dễ dàng. Thình lình tôi thấy có ánh đèn ở phía bên kia hào. Ánh đèn biến mất sau các mô đất rồi lại hiện ra, và tiến về phía chúng tôi.

- Họ đây rồi ! - Tôi kêu lên.

- “Ngài sẽ hô lệnh dừng lại như lệ thường”. Abdullah Khan thì thầm. “Ngài sẽ ra lệnh cho chúng tôi đến gặp họ, chúng tôi sẽ “coi sóc” họ, còn Ngài hãy soi đèn để chúng tôi kiểm tra xem có đúng là người đó không”.

“Từ xa, ánh đèn tiến tới, chao đảo, đôi lúc dừng lại như ngập ngừng rồi tiếp tục đi tới. Sau cùng tôi đã nhìn rõ được

hai bóng người ở phía bên kia hào. Tôi để cho họ tuột xuống bờ dốc đứng, bị bõm lội qua chỗ hào có nước, leo lên nửa chừng dốc rồi mới hô lệnh dừng lại.

- Ai đó? - Tôi hô lên, cơ hồ muốn nghẹn thở.

- Những người bạn ! - Một người đáp lại.

“Tôi đưa đèn ra, rọi lên người họ. Người thứ nhất là một người Sikhs khổng lồ, có hàm râu đen nhánh. Người kia thấp bé, mặt tròn, đầu quấn khăn vàng, tay mang một cái tráp bạc trong khăn. Anh ta run rẩy, sợ sệt, không ngớt đảo dác nhìn bốn phía như một con chuột vừa ra khỏi tổ. Lúc anh ta nhận ra tôi là người Âu, anh ta kêu lên nho nhỏ, mừng rỡ và chạy về phía tôi.

- “Xin Ngài che chở cho tôi ! ” Anh ta hỗn hển nói. “Tôi đã bị cướp, bị đánh đập, bị lừa phỉnh, vì tôi là bạn của người Anh”.

- Trong bọc có cái gì vậy? - Tôi hỏi.

- Một cái hộp sắt. Nó chỉ chứa một hai món đồ gia đình. Tuy nhiên tôi sẽ hậu tạ Ngài. Thưa Ngài trẻ tuổi, Ngài và quan Tổng trấn nữa, nếu quan Tổng trấn có lòng tốt cho tôi trú ẩn ở đây.

- Đưa anh ta tới trạm gác chính ! - Tôi ra lệnh.

“Hai tên lính Sikhs kèm anh ta đi, còn tên khổng lồ thì theo sau. Họ đi vào con đường tối. Tôi ở lại trên tường thành với cây đèn.

“Tôi nghe tiếng bước chân của họ vang trên hành lang dài vắng lặng. Bất chợt, tiếng bước chân im bật. Rồi có tiếng kêu, tiếng động mơ hồ của một cuộc vật lộn, tiếng đấm đá. Một lúc sau, tôi kinh hoàng nghe thấy tiếng bước chân gấp gáp chạy về phía tôi, tiếng thở hỗn hển của một người đang cố đào tẩu. Tôi hướng ánh đèn xuống thấp, dọc theo con đường thẳng, và thấy người mặt tròn lúc nãy chạy nhanh như gió, mặt đầy máu. Gã khổng lồ người Sikhs bám theo bên gót, nhảy nhót như một con hổ, con dao trong tay. Gã thương gia bỏ xa tên người Sikhs. Tôi biết rằng nếu ra được chỗ trống, anh ta sẽ

chạy thoát. Lòng tôi thương xót anh ta, nhưng cái ý nghĩ về kho tàng làm cho tim tôi cứng lại. Tôi dùng cây súng ngang chân anh ta, khiến anh ta té lăn tròn như một con thỏ trúng đạn. Trước khi anh ta đứng dậy được, tên người Sikhs nhào lên... Như các ông đã thấy, tôi đã kể lại sự việc một cách trung thực, dù có lợi cho tôi hay không”.

Jonathan nín bật, và đưa cả hai tay bị còng đón ly uyết-ki. Tôi phải thú nhận là con người này gây cho tôi cảm giác kinh tởm, không chỉ vì vụ sát nhân được thực hiện một cách lạnh lùng, mà còn vì cái thái độ rất tự nhiên lúc anh ta thuật chuyện. Holmes và A-ten thì ngồi chồm tới trước, có vẻ như bị câu chuyện cuốn hút, nhưng vẻ kinh tởm cũng hiện rõ trên mặt họ.

- Tiếp tục câu chuyện của anh đi ! - Holmes ra lệnh

- Abdullah, Akbar và tôi mang xác hẳn đi. Mohamet Singh ở lại canh. Những tên người Sikhs đã chuẩn bị chỗ chôn xác chết ở trong một gian phòng rộng mà vách đã sụp đổ vài chỗ, cách đó một quãng, qua những lối đi ngoằn ngoèo. Mặt đất nền đã sụp, tạo thành một cái huyệt tự nhiên. Chúng tôi đặt xác Ách-mê xuống, lấy gạch vụn phủ lên. Rồi quay trở lại.

“Cái tráp châu báu vẫn nằm ở chỗ người thương gia bị sát hại. Một cái chìa khoá buộc vào tráp bằng một sợi dây lụa. Chúng tôi mở tráp ra và ánh đèn chiếu lên đồng báu vật trông giống y như tôi đã từng mơ thấy hoặc đọc được trong các chuyện thần tiên. Sau khi đã nhìn ngắm chán chê, chúng tôi trút cái tráp ra để đếm. Trong tráp có một trăm bốn mươi ba viên kim cương hạng đẹp nhất, và chín mươi bảy viên ngọc lục bảo, một trăm bảy mươi viên hồng ngọc, hai trăm mười viên cam ngọc, sáu mươi một viên mã não và một số lớn đá quý khác... Chúng tôi đặt tất cả vào tráp và mang về cửa ngầm để cho Mohamet Singh coi qua. Ở đó, lời thề giữa chúng tôi được long trọng lặp lại. Chúng tôi thoả thuận sẽ giấu kín số châu báu ở một chỗ an toàn cho tới khi hoà bình trở lại trên

đất nước, sau đó mới chia đều nhau. Ngay lúc đó thì không hên chia, vì nếu chúng tôi giàu có thì sẽ bị nghi ngờ ; ngoài ra chúng tôi cũng không có nhà cửa hay một chỗ nào có thể giấu chúng được. Thế là chúng tôi mang cái tráp tới gian phòng chôn xác Ách-mê, đào một cái hốc trong bức tường còn vững chãi nhất, đặt cái tráp vào, rồi phủ gạch lên. Ngày hôm sau, tôi vẽ bốn bức hoạ đồ, đưa cho mỗi người một bức, đánh dấu bộ tứ ở phía dưới. Sau khi ngài Wilson chiếm thủ đô Đê-li và huân tước Colin giải tỏa thành phố Lucknow, thì quân nổi loạn bị đánh bật ra khỏi Agra. Hoà bình trở về trên đất nước. Bốn chúng tôi hy vọng vào cái ngày chúng tôi có thể mang theo kho báu. Nhưng vị tiểu vương vốn là người đa nghi. Trong khi sai Ách-mê làm việc cho mình, ông ta cũng phái một người khác theo dõi Ách-mê. Đêm đó người này thấy Ách-mê qua cửa ngầm, vào lũy thành. Nghĩ rằng Ách-mê đã tìm được nơi trú ẩn, ngày hôm sau người này mới vào thành, nhưng không tìm ra bóng dáng Ách-mê. Anh ta lấy làm lạ, mới nói cho một viên đội biết. Viên đội đem câu chuyện thuật lại cho ông thiếu tá. Người ta tổ chức một cuộc truy tìm và khám phá ra xác chết. Vậy là cả bốn đứa chúng tôi bị bắt và bị kết án về tội giết người. Vấn đề châu báu không được nêu ra trong phiên xử. Vị tiểu vương đã bị bắt và bị lưu đày, và không ai quan tâm tới vấn đề này nữa. Ba người Sikhs bị tù chung thân, tôi bị kết án tử hình, sau đó bản án của tôi được sửa lại thành tù chung thân.

“Cả bốn chúng tôi bị cùm chân, hàng ngày phải lãnh những cái đá, cái dăm của bất kỳ tên cai tù nào, phải uống nước lã và ăn cơm hẩm. Nhưng chúng tôi vẫn đứng vững, chờ đợi một ngày mai tốt đẹp hơn.

“Cuối cùng thì những ngày tốt đẹp đã hiện ra. Tôi được chuyển tới Agra tới Madras rồi từ đó chuyển tới đảo Blair trong quần đảo Andamans. Trại tù này nhốt rất ít người da trắng nên chẳng bao lâu tôi được ưu đãi. Người ta để cho tôi

được thông thả. Đó là một nơi buồn tẻ, bị bệnh sốt rét hoành hành, bao quanh là rừng già đầy thối dân bán khai luôn sẵn sàng phóng một mũi tên tẩm độc vào người da trắng. Chúng tôi phải đào hào, đắp nền nhà, tu bổ đôn diên và làm hàng chục thứ công việc khác. Trong số các công việc đó tôi được giao nhiệm vụ phân phát thuốc men. Lúc nào tôi cũng mong muốn vượt ngục. Nhưng đảo cách xa đất liền hàng trăm kilomet, và vùng đó ít khi có gió. Việc vượt ngục là rất khó. Ông bác sĩ của trại tù là một người còn trẻ và hiền hậu. Buổi tối, các sĩ quan trẻ thường tụ họp lại nhà ông đánh bài. Bệnh xá nằm cạnh phòng họ. Khi cảm thấy cô đơn, tôi thường tắt đèn bệnh xá và ngồi cạnh quây thuốc để nghe họ nói chuyện và trông họ chơi bài. Trong bọn có thiếu tá Sơn-tô, đại úy Mơ-tan, trung úy Brôm-lây, cả ba chỉ huy các đơn vị bản xứ. Viên y sĩ cũng có mặt cùng với hai hay ba viên chức trại giam. Mấy viên chức này là những tay chơi giỏi, có những nước bài khéo.

“Đêm đêm, khi rời khỏi sòng bạc, các sĩ quan lại nghèo đi một chút. Thiếu tá Sơn-tô thua nặng nhất. Chẳng bao lâu ông phải ký giấy nợ. Ông đi lang thang suốt ngày, mặt tối sầm, và bắt đầu uống rượu. Một đêm kia, tôi đang ngồi trong lều thì đại úy Mơ-tan và ông ta đi về nhà, ngang qua chỗ tôi.

- “Thế là hết đại úy ạ !”. Ông ta thở dài lúc đi qua lều của tôi. “Tôi phải từ chức thôi. Tôi sạt nghiệp !”.

- “Đừng nói đại thế, ông bạn già !”. Viên đại úy vừa nói vừa vỗ vai bạn. “Tôi cũng gặp vận rủi, nhưng...”.

“Tôi chỉ nghe được có vậy, và điều đó làm tôi suy nghĩ. Hai ngày sau, viên thiếu tá đang đi thơ thẩn trên bờ biển, tôi liền thử thời vận :

- Thưa thiếu tá, tôi muốn xin ý kiến thiếu tá.

- Chuyện gì thế?

- Thưa Ngài, tôi muốn hỏi Ngài là tôi phải trao một kho tàng bí mật lại cho ai. Tôi biết chỗ giấu hơn nửa triệu đồng bảng. Việc làm đó có đáng cho tôi được giảm hình phạt không?

- Nửa triệu hả? - Ông ta làm bầm vừa quan sát tôi chăm chú, xem tôi có nghiêm chỉnh không.

- Thưa Ngài, ít nhất thì cũng được vậy. Điều đáng lưu ý là chủ nhân thực sự của nó đã bị phát văng, nên ai chiếm được thì hưởng.

- "Trao cho chính phủ!" Ông ta lấp bắp.

Nhưng ông ta nói ra điều đó với cái vẻ quá ít tin tưởng, khiến tôi nghĩ rằng tôi đã thắng.

- Thưa Ngài, Ngài nghĩ rằng tôi phải báo cáo mọi chi tiết cho quan toàn quyền? - Tôi thành nhiên hỏi.

- À à, đừng hấp tấp! Hãy kể cho tôi nghe đã. Sự việc thế nào?

"Tôi nói hết cho ông ta, tất nhiên có thay đổi một vài chi tiết để ông ta không xác định được địa điểm. Khi tôi kể xong, ông ta ngồi yên lặng, đôi môi mím chặt.

- "Việc này rất quan trọng", cuối cùng ông ta nói. "Chờ có nói với ai. Tôi sẽ gặp lại anh".

Bốn mươi tám giờ sau, đại úy Mơ-tan và ông ta cầm đèn tới tìm tôi vào lúc rất khuya.

- Tôi muốn ông đại úy nghe chính miệng anh kể lại câu chuyện. - Ông thiếu tá nói.

Tôi thuật lại câu chuyện một lần nữa.

- Có vẻ đúng sự thật đấy, phải không? Có đáng cho ta mạo hiểm không? - Thiếu tá hỏi.

Đại úy Mơ-tan gạt đầu đồng ý. Thiếu tá nói:

- Ông bạn tôi và tôi đã bàn nhau và chúng tôi kết luận rằng chuyện bí mật này không liên hệ gì đến chính phủ. Nó chỉ can hệ đến một mình anh và anh có quyền thu xếp theo ý riêng. Vấn đề đặt ra bây giờ là hoàn cảnh của anh thôi. Có lẽ chúng tôi sẽ cùng thảo luận xem chúng ta có thể thỏa thuận như thế nào.

Ông ta cố tỏ ra dửng dưng, nhưng đôi mắt ông ta lộ rõ vẻ ham muốn và khích động.

- "Thưa các Ngài, một người trong hoàn cảnh của tôi chỉ có thể yêu cầu một điều duy nhất!" tôi trả lời, cũng cố tỏ ra bình thản, nhưng thật

ra cũng bị kích động. "Tôi yêu cầu các Ngài giúp tìm lại tự do cho tôi và ba người bạn. Chúng tôi sẽ chia cho hai Ngài một phần năm số châu báu."

- Hừ, một phần năm ! Không hấp dẫn lắm !

- Năm chục ngàn bảng cho mỗi người, thưa Ngài !

- Nhưng chúng tôi trả tự do cho các anh bằng cách nào đây? Anh đòi hỏi điều không thể được !

- "Không đâu thưa Ngài", tôi trả lời. "Trở ngại duy nhất trong cuộc vượt ngục của chúng tôi là không tìm đâu ra một chiếc thuyền đủ sức vượt biển. Ở Calcutta có nhiều du thuyền nhỏ, rất hợp cho công việc của chúng tôi. Các Ngài chỉ cần đưa về đây một chiếc. Ban đêm chúng tôi sẽ lên tàu, còn các Ngài không phải làm gì khác hơn là thả chúng tôi xuống tại một nơi nào đó dọc bờ biển Ấn Độ.

- Nếu chỉ một mình anh. - Ông ta lẩm bẩm.

- Hoặc cả bốn chúng tôi, hoặc không ai cả ! Chúng tôi đã thề rồi.

- "Anh thấy đấy, Mợ-tan", viên thiếu tá nói. "Jonathan biết giữ lời hứa. Anh ta trung thành với bạn bè. Tôi nghĩ rằng ta có thể tin tưởng anh ta".

- "Đây là một công việc bản thủ !" Viên đại úy nói. "Nhưng, như anh nói, tiền kiếm được sẽ giúp ta trả nợ".

- Vậy thì chúng tôi sẽ cố thoả mãn các điều kiện của anh, anh Jonathan. Nhưng, trước hết chúng tôi phải biết chắc là câu chuyện đó có thật. Cho tôi biết chỗ giấu cái trap. Tôi sẽ xin nghỉ phép, sẽ theo tàu tiếp tế để tới tận nơi xem xét.

- "Xin hãy thông thả !" Tôi phản đối, vì khi họ càng nóng thì tôi càng trở nên bình thản hơn. "Tôi phải hỏi ý kiến của ba người bạn. Tôi đã nói với các Ngài, hoặc cả bốn chúng tôi hoặc không ai cả?"

- "Lố bịch quá !" ông ta la lên. "Ba thằng mọi đen đó thì có liên quan gì đến giao kèo giữa chúng ta?"

- Đen hay đỏ gì thì họ cũng là bạn của tôi, và chúng tôi hành động chung nhau.

"Trong cuộc gặp gỡ thứ nhì có Mahomet Singh, Abdullah Khan và Dost Akbar. Chúng tôi lại bàn cãi và thoả thuận như vậy : "Chúng tôi cho hai viên sĩ quan mỗi người một bức địa

đô. Thiếu tá Sơn-tô sẽ đi Ấn Độ để kiểm tra sự việc. Nếu tìm được chiếc tráp, ông ta phải để yên nó đó và gọi tôi chúng tôi một chiếc du thuyền nhỏ đầy đủ lương thực cho cuộc vượt ngục. Sau đó, thiếu tá Sơn-tô trở về nhiệm sở còn đại úy Mơ-tan thì xin nghỉ phép để đi gặp chúng tôi ở Agra. Cuộc chia kho tàng sẽ diễn ra ở đó. Đại úy sẽ nhận phần mình và phần của Sơn-tô". Những lời thề long trọng nhất đánh dấu cho thoả hiệp của chúng tôi ! Suốt đêm đó tôi vẽ hai bức địa đồ cho họ, nhưng tên Sơn-tô bị ổi đó đi Ấn Độ và không bao giờ quay lại. Tên khốn nạn đã cuốn đi số châu báu. Kể từ ngày đó, tôi chỉ sống để trả thù. Tôi chỉ còn mỗi một ý nghĩ trong đầu : vượt ngục, và tìm giết hắn. Một bữa nọ, bác sĩ Sô-mê ốm, phải nằm nghỉ. Đám tù nhân đi rừng về, mang một thổ dân tới cho tôi. Hắn mắc bệnh rất nặng, đã tới một nơi hẻo lánh nằm chờ chết. Tôi chữa cho anh ta khỏi bệnh. Hai tháng sau, anh ta đi lại được. Nhưng vì quỵn luyến tôi, anh ta miễn cưỡng đi về rừng và không ngớt quay lại quanh lều tôi.

"Đó là Ton-ga. Ton-ga có một chiếc thuyền lớn và điều khiển thuyền rất giỏi. Lúc đó, tôi thoáng nghĩ tới một cuộc vượt ngục. Tôi liền đem chuyện đó nói với anh ta, dặn phải mang thuyền tới một cái bến tạm, không có người canh giữ, vào lúc đêm tối. Ton-ga cũng phải chờ theo nhiều túi nước dừa khô và khoai lang. Ton-ga rất thực thà và trung thành. Anh ta đưa thuyền tới chỗ ẩn định. Nhưng tình cờ lại có một lính canh ở đấy. Đó là thằng Pathan hèn hạ, luôn tìm cách nhục mạ và làm hại tôi. Hắn đứng quay lưng lại phía tôi, súng vát chéo ngang lưng. Tôi nhìn quanh, tìm một cục đá có thể đập vỡ đầu hắn, nhưng chẳng tìm đâu ra.

"Tôi bỗng có một ý nghĩ kỳ lạ. Tôi lẳng lặng ngồi xuống và tháo cái chân gỗ ra. Nhảy ba bước thật dài, tôi nhào lên người hắn. Hắn đưa súng lên vai, nhưng tôi đã đập chiếc chân gỗ vào giữa mặt và làm vỡ sọ hắn. Tôi ngồi dậy, lên thuyền. Một giờ sau chúng tôi đã ở giữa biển. Ton-ga đã chắt lên

thuyền tất cả những gì anh ta có, kể cả thần thánh của anh ta nữa. Chúng tôi cho thuyền đi trong mười một ngày thì được một chiếc tàu vớt.

“Cuối cùng, chúng tôi đặt chân tới Anh quốc. Khám phá ra chỗ trú ẩn của Sơn-tô cũng chẳng khó khăn gì. Tôi liên hệ với một người có thể giúp tôi. Chẳng bao lâu tôi biết Sơn-tô vẫn còn giữ số châu báu. Tôi tìm mọi cách tiếp cận y. Nhưng y rất đa nghi và quý quyết, luôn luôn có hai cựu võ sĩ và một người hầu bên cạnh, chưa kể các con trai y nữa.

“Một ngày kia, tôi hay tin y hấp hối, bèn đâm bổ vào vườn hoa của y. Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy y nằm trên giường, hai đứa con đứng hai bên. Tôi sắp sửa nhảy xổ vào, liều mạng với cả ba. Nhưng tôi nhìn thấy quai hàm y trễ xuống, và tôi biết y vừa chết. Đêm đó, thừa lúc vắng người, tôi lén vào phòng y, lục lợi giấy tờ, hy vọng tìm thấy một chỉ dẫn nào đó liên quan đến số châu báu. Nhưng chẳng có gì cả. Tôi quay về, lòng cay đắng và sôi sục. Nhưng trước khi đi, tôi nghĩ rằng những người bạn Sikhs của tôi hẳn sẽ hài lòng nếu tôi để lại dấu hiệu chứng tỏ lòng thù hận của chúng tôi. Vì vậy tôi khắc *dấu hiệu bộ tứ*, và gắn vào ngực y.

“Trong thời gian đó, để kiếm sống, chúng tôi phải bôn ba khắp các hội chợ và nhiều nơi khác, đem Ton-ga ra làm trò cho công chúng xem. Ton-ga nuốt thịt sống, nhảy những điệu múa chiến tranh. Bao giờ chúng tôi cũng được đầy nón tiền trong các buổi trình diễn. Tôi cũng thường xuyên nhận được tin tức của biệt thự Pondi. Vài năm trôi qua mà chẳng xảy ra chuyện gì quan trọng, tôi vẫn dò tìm số châu báu. Cuối cùng tôi được biết cái trap giấu ở phía trên phòng thí nghiệm của Sơn-tô. Tôi lập tức chạy tới nơi và kiểm tra địa thế. Tôi thấy rõ là với chiếc chân gỗ, tôi không tài nào đu mình lên đó được. Cái cửa sổ trên mái gợi cho tôi một giải pháp : Ton-ga sẽ dễ dàng chui qua cửa sổ. Tính toán giờ giấc ăn tối của Sơn-tô

xong, tôi đưa người bạn nhỏ con của tôi tới, cột ngang lưng anh ta một sợi dây dài. Anh ta leo trèo như một con mèo và thoát một cái đá ở trên mái nhà. Nhưng rủi thay ! Sơn-tô lại còn ở trong phòng, chuyện rủi ro đó làm anh ta mất mạng. Ton-ga tưởng rằng giết anh ta có nghĩa là làm được một việc rất tài giỏi, nên khi tôi lọt được vào phòng, anh ta hánh diện như một con công đang khoe mã. Anh ta kinh ngạc khi tôi quật ngã anh ta, lấy dây định trói anh ta và mắng anh ta là đồ quý khát máu. Tôi lấy cái tráp, thông dây thả xuống qua cửa sổ, cũng theo đường đó thoát xuống. Rồi Ton-ga kéo dây lên, đóng cửa sổ và theo đường cũ thoát ra.

“Tôi có nghe một thủy thủ khoe tốc độ của chiếc tàu Rạng Đông của lão Smith. Tôi nghĩ là chúng tôi cần chiếc tàu đó để chạy trốn. Thế nên tôi thu xếp với lão Smith : để lão đưa chúng tôi ra tới tàu lớn”.

- “Câu chuyện đáng chú ý thật !”. Sherlock Holmes nói : “Tình tiết ăn khớp nhau hoàn toàn. Phần cuối câu chuyện của anh không cho tôi biết thêm điều gì mới mẻ, trừ chi tiết là *chính anh mang sợi dây tôi*, trước đây tôi không biết điều đó. Tiện đây tôi muốn nói thêm, *tôi cứ tưởng Ton-ga đã sử dụng hết số tên độc, không ngờ anh ta vẫn còn phóng một mũi về phía chúng tôi.*

- *Chỉ còn một mũi cuối cùng trong ống xi đồng.*

- *À, chắc vậy ! Tôi không nghĩ tới chuyện đó.*

- Các ông còn điều gì hỏi nữa không? - Tên tù nhân nhả nhận hỏi.

- Tôi cho là xong rồi, cảm ơn anh !

- “Này, Holmes !”. Thám tử A-ten nói. “Tôi chỉ an tâm khi tên tù này được nhốt sau song sắt ! Xe dành cho anh ta nằm dưới đường. Xin cảm ơn hai bạn, chúc hai bạn ngon giấc !”

Khi tất cả đã đi hết, tôi nói :

- Thế là tấn kịch nhỏ của chúng ta đã đến hồi kết thúc. Nhưng này Holmes, tôi e rằng đây là vụ cuối cùng mà chúng ta cùng thực hiện chung : Tôi và Mơ-tan sẽ làm lễ thành hôn.

Holmes buông ra một tiếng cầu nhàu :

- Tôi đã sợ sẽ có chuyện đó ! Thật tình, tôi không thể khen ngợi anh.

- Anh có lý do gì để phản đối sự lựa chọn này. - Tôi đáp hơi khó chịu.

- Hoàn toàn không : Cô ấy là một trong số những phụ nữ duyên dáng nhất mà tôi biết qua. Có lẽ cô ấy sẽ rất có ích trong loại công việc của chúng ta. Nhưng tình yêu thì thuộc về cảm xúc. Mà tính cảm xúc luôn luôn đối lập với lý trí lạnh lùng và xác thực, là đức tính mà tôi cho là cao hơn hết. Về phần tôi, tôi không bao giờ lấy vợ vì sợ rằng phán đoán của tôi sẽ vì thế mà sai lệch.

- Tôi mong rằng trí khôn của tôi sẽ vượt qua được cuộc thử thách này. Nhưng anh có vẻ mệt mỏi rồi đấy, anh bạn !

Vụ xì-căn-đan tại xứ Bôhême

1

Gần đây, tôi ít khi gặp Holmes. Từ khi tôi lấy vợ, chúng tôi sống mỗi người một ngả. Niềm hạnh phúc riêng tư tuyệt vời, những mối quan tâm về gia đình hiện lên xung quanh một người lần đầu tiên làm chủ cơ ngơi của mình, cũng đủ chiếm hết sự chú ý của tôi. Trong khi đó, Holmes vẫn ở tại phố Baker, vùi đầu vào đống sách cũ của mình, hết tuần này sang tuần kia, đem hết khả năng và tài quan sát để tháo gỡ những vụ án mà cảnh sát đã đầu hàng.

Đêm 20 tháng 3 năm 1888, tôi đang trở về nhà sau một chuyến đi thăm bệnh ngang qua phố Baker. Khi đi qua cánh cửa lớn quen thuộc, bỗng nhiên tôi muốn gặp Holmes. Phòng anh đèn sáng choang, và khi nhìn lên, tôi thấy cái dáng gầy gầy đi qua hai lần, bóng in lên tấm rèm. Anh đang bước đi nhanh nhẹn hăm hở, đầu cúi xuống ngực, hai tay bắt chéo sau lưng. Tôi rung chuông và được đưa vào căn phòng mà xưa kia tôi đã chiếm một phần.

Không nói một lời, anh vẫy tôi đến chiếc ghế bành, ném cho tôi hộp thuốc xì gà và trở vào lò ga trong góc. Rồi anh đứng trước lò sưởi, nhìn tôi từ đầu đến chân.

- Hôn nhân hợp với anh, Watson ạ, anh đã lên bầy cân rưỡi, kể từ lần sau cùng ta gặp nhau.

- Bậy thôi.

- Quả thế. Lẽ ra tôi phải suy nghĩ thêm một chút. Anh chưa nói cho tôi biết là anh dự định hành nghề trở lại đấy nhé!

- Phải.

- Mới đây anh bị ướm sùng, anh có một cô tớ gái vụng về và bất cần nhất đời.

- Đúng là hôm thứ năm, tôi có đi bộ ở vùng quê, nhưng mà tôi đã thay quần áo rồi. Còn về người giúp việc, cô ta quả là bất trị, và nhà tôi đã cho cô ta nghỉ việc. Nhưng, anh đã suy diễn như thế nào?

Anh cười khúc khích và xoa hai bàn tay vào nhau:

- Phía bên trong chiếc giày chân trái của anh có sáu đường cắt gàn như song song với nhau. Rõ ràng là những đường cắt đó gây ra do một người đã bất cần khi chà sát xung quanh mép gót giày để lau bùn. Như thế, anh vừa bị kẹt trong thời tiết xấu, vừa có một cô tớ gái rất kém. Còn về chuyện hành nghề thì nếu một người nào đó bước vào phòng tôi mà có mùi i-ốt với một chấm nitrát bạc trên ngón tay trở của bàn tay phải và một chỗ phình ra trên cái mũ chóp cao - cho thấy nơi ông ta đã gắn cái ống nghe - thì tôi chỉ là một thằng ngu, nếu tôi không nói được rằng ông ta là đồ đệ của Hippocrate.

Tôi không thể nhịn cười.

- Khi nghe anh đưa ra những lý lẽ, thì sự thể luôn luôn hiện ra với tôi một cách giản dị đến độ buồn cười, thậm chí tôi nghĩ là mình cũng tự suy diễn được dễ dàng. Tuy vậy, mỗi lần anh đưa ra một thí dụ mới, thì tôi lại hoàn toàn mù tịt nếu anh không giảng giải phương pháp của anh. Tôi không nhìn thấy sự việc như anh chẳng?

- "Có chứ!" Holmes trả lời, vừa đốt một điều thuốc vừa ngả mình xuống ghế! "*Anh có nhìn thấy nhưng anh không quan sát*". Thí dụ, *anh thường thấy những bậc cấp từ hành lang lên đến phòng này chứ?*

- Thường thấy.
- Thường như thế nào?
- Ồ, đến hàng trăm lần.
- Vậy, có bao nhiêu bậc cấp?
- Bao nhiêu ư? Tôi không biết.

- “Đó, thấy chưa? Anh đã thấy nhưng anh không quan sát. Còn tôi, tôi biết rằng có mười bảy bậc cấp, bởi vì tôi vừa thấy, lại vừa quan sát nữa. Nhân thế, anh có thể thích thú về vụ này”, anh ném cho tôi một tấm giấy dày, có màu hồng đang nằm mở ra trên bàn, “nó đến trong chuyến thư vừa rồi. Hãy đọc to lên!”

Mảnh giấy không đề ngày tháng, không có cả chữ ký và địa chỉ.

“Sẽ đến thăm ông tôi nay, vào lúc tám giờ thiếu mười lăm. Một người đàn ông muốn hỏi ý kiến ông về một vấn đề rất quan trọng. Những việc làm mới đây của ông nhằm phục vụ cho một trong những dòng hoàng tộc ở châu Âu đã cho thấy ông là một người đáng tin cậy. Thành tích này của ông chúng tôi đã từ khắp nơi nghe thấy ... Vậy ông hãy ở trong phòng ông vào giờ đó, và xin đừng phật ý nếu người khách của ông mang một na.”

- Đây quả thực là một vụ bí hiểm. Theo anh, nó có ý nghĩa gì?

- Hiện tôi chưa có dữ kiện. Lập giả thiết khi chưa có dữ kiện là một sai lầm nghiêm trọng. Còn về mảnh giấy này, anh có suy diễn ra điều gì không?

Tôi quan sát mảnh giấy và chữ viết.

- “Người đàn ông này trông có vẻ khá giả”, tôi nhận xét, cố bắt chước tiến trình lý luận của bạn tôi, “thứ giấy này rất đắt giá. Chất giấy bền và cứng một cách đặc biệt.”

- Đặc biệt. Đúng như thế, không phải là giấy sản xuất tại Anh. Đưa lên ánh sáng mà xem.

Tôi làm theo lời anh, và thấy một chữ E lớn, với một chữ g nhỏ, một chữ P và một chữ G to với một chữ t nhỏ, lồng vào nhau.

- Anh suy ra được cái gì?

- Chắc chắn là tên người sản xuất.

- “Không phải đâu. Con chữ G và chữ t thay cho *Gesellschaft* trong tiếng Đức nghĩa là *Công ty*. Đó là cách viết tắt thông dụng. P, dĩ nhiên thay cho *Papier*, nghĩa là *giấy*. Bây giờ đến chữ Eg. Anh lấy xuống một quyển sách to tương tự các kệ sách. *Eglow, Eglonitz ...* đây rồi, *Egria*. Một vùng nói tiếng Đức, tại Bohême, cách Carlsbad không xa. Nổi tiếng nhờ *Wallenstein* đã tạ thế tại đó, và nhờ rất nhiều nhà máy thủy tinh, nhà máy giấy. Ha ha, bạn ơi, bạn thấy gì không”.

- Giấy sản xuất tại Bohême.

- Chính xác. Và người đàn ông viết những dòng chữ này là một người Đức. Anh có thấy cấu trúc của câu “*Thành tích này của ông chúng tôi đã từ khắp nơi nghe thấy*”. Chỉ có người Đức mới sử dụng động từ ở cuối câu. Bởi vậy, bây giờ chỉ cần tìm xem cái gã người Đức thích đeo mặt nạ này muốn gì?

Trong khi anh nói, có tiếng vó ngựa lọc cọc và tiếng xe nghiêng trên mặt đường, theo sau là tiếng chuông giạt mạnh. Holmes huýt sáo.

- “Một cặp, theo tiếng động”, anh nói, nhìn ra cửa sổ, “một song mã và một ngựa đẹp. Vụ này kiếm được khá bọn tiền đấy Watson ạ”.

- Xin phép anh, tôi xin cáo từ.

- Bạn ơi. Cứ ngồi đây. Vụ này hứa hẹn đấy. Bỏ qua rất uống.

- Nhưng thân chủ của anh...

- Đừng bận tâm đến ông ta. Có lẽ tôi cần sự trợ giúp của anh và ông ta cũng thế. Hãy ngồi xuống và theo dõi.

Một bước chân chậm rãi và nặng nề vang lên trên cầu thang và nơi hành lang, ngừng lại ngay phía ngoài cửa lớn. Rồi có tiếng gõ mạnh, đầy uy quyền.

- Xin mời vào! - Holmes nói.

Một người đàn ông bước vào. Ông ta cao gần 2 mét có bộ ngực và tay chân to lớn của một chàng Hercule. Y phục đắt tiền, diềm dứa, một cái áo choàng dài màu xanh đậm, choàng qua hai vai, được thêu bằng lụa màu ngọn lửa. Giày ủng cao lưng chùng bấp vế, chóp ủng được viền bằng lông thú đắt tiền. Ông cầm trên tay một chiếc mũ rộng vành, đeo mặt nạ ngang qua phần trên, kéo dài xuống hai gò má.

- Ông nhận được mảnh giấy của tôi rồi chứ? - Ông ta hỏi bằng giọng trầm, khàn khàn, phát âm rõ rệt là giọng Đức, ông ta nhìn tôi rồi lại nhìn Holmes, hình như không biết phải nói với ai.

- Xin mời ông ngồi. Đây là bạn và người cộng sự của tôi, bác sĩ Watson. Tôi được hân hạnh hầu chuyện với ai thế nhỉ?

- Ông có thể gọi tôi là bá tước Kramm một quý tộc xứ Bohème. Tôi hiểu rằng vị này, bạn ông, là một người đáng trọng, người mà tôi có thể tin cậy, phó thác một vấn đề vô cùng trọng đại. Nếu không đúng như thế, thì tôi muốn nói chuyện với một mình ông thôi.

Tôi nhồm dậy để đi, nhưng Holmes chộp lấy cổ tay tôi và đẩy tôi trở lại trên ghế.

- Ông có thể nói trước mặt anh bạn này bất cứ điều gì mà ông có thể nói với tôi.

Vị bá tước nhún đôi vai to lớn của ông ta.

- Vậy thì, trước hết tôi buộc lòng phải xin hai ông giữ hoàn toàn bí mật chuyện này trong hai năm, sau thời gian đó, vấn đề sẽ không quan trọng nữa.

- Tôi xin hứa, - Holmes nói.

- Xin các ông thông cảm cho việc tôi phải dùng cái mặt nạ này. Con người uy nghi lắm liệt, vị chủ của tôi, muốn rằng

kẻ thay mặt cho ông phải giữ bí mật chân tướng, và tôi có thể thú nhận ngay rằng, cái tước hiệu mà tôi đã tự xưng ban nãy, thì không hoàn toàn chính xác là tước hiệu của chính tôi.

- Tôi biết. - Holmes nói, giọng tỉnh bơ.

- Nói trắng ra, vấn đề này có dính dáng đến dòng họ Ormstein vĩ đại, những đời vua kế thừa của xứ Bohème.

- Điều ấy, tôi cũng đã biết. - Holmes nói thì thầm, ngồi xuống ghế bành và nhắm mắt lại.

Vị khách của chúng tôi lộ vẻ kinh ngạc liếc nhìn người đàn ông có dáng mặt mới, uể oải đang ngồi trước mặt ông ta, Holmes từ từ mở mắt ra và nhìn ông khách to lớn của anh bằng cái nhìn cau có.

- Nếu Bệ hạ chịu khó nhún mình để trình bày sự việc của ngài, thì tôi mới có thể phục vụ ngài tốt hơn.

Người đàn ông nhảy lên khỏi ghế và chậm rãi đi lại trong phòng với vẻ hốt hoảng cực độ. Rồi, với một cử chỉ tuyệt vọng, ông ta xé cái mặt nạ và liệng nó xuống đất.

- “Ông nói đúng”, ông ta kêu lên. “Tôi là vua. Tại sao tôi lại tìm cách che giấu điều ấy nhỉ?”.

- “Đúng thế. Tại sao lại giấu?” Holmes thì thào. “Bệ hạ không nói thì tôi cũng đã biết rằng tôi đang hân hạnh hầu chuyện với ngài Wilhelm Gottsreich Sigismond von Ormstein, Đại quận công của Cassel - Falstein, vua kế vị tại Bohème”.

- “Nhưng xin các ông thông cảm cho”, vị khách nói. Ông ta lại ngồi xuống và đưa tay xoa lên vàng trán. “Xin các ông hiểu cho rằng, tôi không quen đích thân làm một công việc như thế này. Song, vấn đề quá tế nhị đến nỗi tôi không thể giao phó cho một ai.”

- Vậy, xin ngài làm ơn trình bày sự việc. - Holmes nói, lại nhắm mắt lại.

- Khoảng năm năm về trước, trong một lần viếng thăm thủ đô Ba Lan, tôi đã làm quen với Irène Adler. Cái tên chắc chắn là quen thuộc đối với ông.

- Bác sĩ làm ơn tra giùm quyển index - Holmes nói, lại nhắm mắt.

Đã nhiều năm nay, anh đã thiết lập được một hệ thống hồ sơ, gồm những mục nói về người và việc, đến mức khó có một đề tài hoặc một nhân vật nào mà anh không thể cung cấp ngay tư liệu. "Đưa cho tôi xem". Holmes nói, "Hừm! Sinh tại New Jersey năm 1858. Giọng nữ trầm. Hừm! Vai nữ chính nhạc kịch Hoàng gia tại Vác-sa-va. Vàng, đã rời sân khấu nhạc kịch. Ha! Đang sống tại Luân Đôn". Đúng thế, theo tôi biết, Bệ hạ đã đan dít với cô gái trẻ này, đã viết cho cô này những lá thư tai hại, và bây giờ ao ước muốn lấy lại những lá thư ấy, đúng không?

- Đúng vậy. Nhưng làm thế nào...

- Có hôn nhân bí mật không?

- Không.

- Có giấy tờ, chứng chỉ pháp lý nào?

- Không.

- Vậy thì nếu cô ta trưng ra những lá thư nọ để tố tụng tiên hoặc với một mục đích khác thì cô ta sẽ chứng minh sự xác thực của chúng như thế nào?

- Có chữ viết.

- Úi chà! Có thể giả mạo.

- Loại giấy viết riêng biệt của tôi.

- Có thể đánh cắp.

- Con dấu của tôi.

- Có thể bắt chước.

- Tắm hình của tôi.

- Có thể mua.

- Chúng tôi chụp chung trên tấm hình ấy.

- Ôi chao! Thật tai hại! Bệ hạ đã phạm phải một sự hớ hênh đáng tiếc.

- Tôi đã yêu điên cuồng.
- Ngài đã tự hại mình một cách nghiêm trọng.
- Thuở ấy, tôi mới là một hoàng tử, ba mươi tuổi.
- Phải lấy lại.
- Chúng tôi đã cố sức, nhưng đều thất bại.
- Bệ hạ phải chi tiền. Phải mua lại nó.
- Cô ta không bán.
- Vậy phải đánh cắp.
- Đã năm lần thực hiện phương án đó. Hai lần tôi thuê những tên trộm lục soát nhà cô ta. Một lần chúng tôi đánh lạc hướng hành lý của cô ta khi cô ta đi du lịch. Hai lần cô ta bị đột kích, nhưng tất cả đều không kết quả.
- Không thấy tăm hơi tấm hình đâu cả.
- Hoàn toàn không.
- Thật là một vấn đề khá rắc rối đối với tôi. - Holmes cười, nói.
- Nhưng đối với tôi, đó là một vấn đề nghiêm trọng, - Vị khách trách móc.
- Cô ta dự định làm gì với tấm hình.
- Để làm hại tôi.
- Nhưng bằng cách nào?
- Tôi sắp cưới vợ.
- Tôi đã nghe chuyện đó.
- Tôi sắp cưới con gái thứ hai của vua Scandinavie. Chắc hẳn ông biết lễ giáo khe khắt của gia đình này. Chính bản thân nàng cũng là một người nhạy cảm.
- Còn cô nàng I-ren.
- Cô ta dọa sẽ gửi tấm hình ấy cho gia đình vợ tôi, và tôi biết chắc là cô ta sẽ làm. Cô ta có khuôn mặt của một người phụ nữ đẹp nhất, nhưng lại có khối óc của một người đàn ông cương quyết nhất.

- Ngài có chắc là cô ta chưa gửi nó đi.
 - Chắc chắn.
 - Tại sao?
 - Cô ta đã nói rằng sẽ gửi nó vào ngày mà lễ đính hôn được công bố. Sẽ là ngày thứ hai tuần tới.
 - Vậy thì chúng ta chỉ còn có ba ngày. Bộ hạ vẫn còn lưu lại Luân Đôn chứ?
 - Chắc chắn rồi. Ông sẽ tìm thấy tôi tại khách sạn Langham dưới cái tên bá tước Kramm.
 - Vậy thì tôi sẽ gửi cho ngài một vài dòng để thông báo diễn tiến của công việc.
 - Xin cho tôi biết tin. Tôi rất sốt ruột.
 - Còn chuyện thù lao thì thế nào? Thưa ngài?
 - Ông sẽ nhận được ngân phiếu trắng.
 - Tuyệt đối?
 - Tôi chịu mất một địa phận vương quốc của tôi để có cái hình đó.
 - Còn việc chi tiêu hiện giờ?
- Ông vua lấy một cái túi bằng da sơn dương từ bên dưới áo choàng và đặt nó lên bàn.
- Có ba trăm pao bằng tiền vàng và bảy trăm tiền giấy.
- Holmes nguệch ngoạc ký vào một tờ biên nhận trong quyển sổ tay của anh và trao lại cho ông ta.
- Còn địa chỉ của cô ta?
 - Biệt thự Briony Lodge, đại lộ Serpentine, St. John's Wood.
 - Một câu hỏi nữa. Tám hình to, cỡ cái tráp đựng nữ trang.
 - Đúng thế.
 - Bây giờ, xin tạm biệt Bộ hạ. Tôi sẽ có ngay những tin tức tốt.

Khi chiếc xe chạy khuất xuống phố, anh nói:

- Tạm biệt nhé, Watson, chiều mai hãy ghé tôi, lúc ba giờ chiều. Tôi muốn bàn bạc vấn đề nho nhỏ này với anh.

2

Đúng ba giờ chiều, tôi đã ở phố Baker nhưng Holmes chưa trở lại. Bà chủ nhà báo cho tôi biết, sáng nay anh đã rời nhà sau tám giờ một chút. Tôi ngồi xuống cạnh lò sưởi, có ý đợi anh. Tôi đã quan tâm sâu sắc đến cuộc điều tra này.

Gần bốn giờ chiều thì cửa lớn mở và một tay giữ ngựa có dáng say rượu, tóc tai bờm xờm và có râu mép, mặt dô bưng, áo quần xốc xếch bước vào. Mặc dù rất quen thuộc với khả năng hoá trang tuyệt diệu của Holmes, phải nhìn đi nhìn lại ba lượt tôi mới chắc chắn đó là anh. Với một cái gật đầu, anh biến mất vào phòng ngủ, năm phút sau anh hiện ra trong bộ đồ bằng vải tuyết chính tề, như thường lệ. Đặt hai tay vào túi, anh duỗi chân ra đằng trước lò sưởi và cười ha hả trong vài phút.

- Ô! - Anh kêu lên, rồi cười sặc sụa, cho đến khi nằm rú ra trong ghế.

- Cái gì thế, anh bạn?

- Thật buồn cười. Tôi chắc là anh sẽ không bao giờ đoán được là tôi đã sử dụng buổi sáng như thế nào, và sau cùng tôi đã làm gì.

- Có lẽ anh đã quan sát những thói quen và ngôi nhà của I-ren.

- Đúng như vậy. Nhưng diễn tiến thì hơi khác thường. Tôi rời nhà sau tám giờ một chút, đóng vai một anh chàng thất nghiệp. Chẳng bao lâu tôi tìm thấy biệt thự của cô ta. Đó

là một biệt thự nhỏ, xinh, có vườn phía sau, mặt tiền được xây nhô ra tận đường cái, có hai tầng. Cửa có ổ khoá tròn. Phòng khách ở phía bên phải, trang bị tiện nghi với những cửa sổ dài xuống gần tới sát sàn, chốt cửa dễ mở. Phía đằng sau không có gì đáng chú ý, trừ ra những cửa sổ nhỏ nơi hành lang, đứng từ nóc cái nhà để xe ngựa có thể với tới. Tôi đi xung quanh ngôi nhà, quan sát nó từ mọi vị trí, nhưng không ghi nhận được một cái gì đáng kể.

Tôi đi thơ thẩn xuống phố và phát hiện ra một cái chuồng ngựa trong một con hẻm chạy xuống cạnh một bờ tường của khu vườn. Tôi giúp những gã giữ ngựa một tay để họ tắm ngựa. Về khoản thù lao, tôi nhận được hai xu, một ly rượu pha, hai mời thuốc lá và những tin tức mà tôi muốn biết về cô ta.

- Còn cô ta thì thế nào ?

- Ồ! “Đó là người phụ nữ kiều diễm nhất trên hành tinh”, những người ở xóm chuồng ngựa nói như vậy. “Cô ta sống lạng lã, hát tại những buổi hoà nhạc, mỗi ngày lái xe ra khỏi nhà lúc năm giờ sáng, và trở về lúc bảy giờ đúng. Ít khi ra khỏi nhà vào những giờ khác, trừ khi đi hát. Chỉ có một người khách nam giới, nhưng anh ta đến thường xuyên. Đó là ông No-ton”. Khi tôi đã nghe hết những gì mà tôi cần biết, tôi bắt đầu đi tới đi lui gần biệt thự một lần nữa và xem xét các kế hoạch của tôi.

Anh chàng No-ton này đến thăm một ngày hai lần với mục đích gì? Phải chăng I-ren là thân chủ của anh ta, là bạn, là người yêu? Nếu là thân chủ, có lẽ cô ta đã giao tấm hình cho anh ta giữ. Nếu là bạn thì ít có khả năng đó. Tôi phân vân, không biết nên tiếp tục công việc ở nhà cô gái, hay quay sang anh chàng luật sư.

Tôi đang cân nhắc vấn đề trong trí, thì một xe song mã chạy đến biệt thự cô ta và một gã đàn ông nhảy ra, rất vội vàng, bảo tài xế đợi. Bà quản gia mở cửa, anh ta chạy vụt vào với cái vẻ hoàn toàn tự nhiên như ở nhà mình.

Anh ta ở trong nhà khoảng nửa tiếng, tôi có thể thấy anh ta nơi cửa sổ phòng khách, đi đi lại lại, nói năng rối rít và vẩy cánh tay. Về phần cô ta, tôi không nghe thấy gì. Bỗng anh ta hiện ra, trông có vẻ bồn chồn hơn trước. Khi bước lên xe ngựa, anh ta kéo một cái đồng hồ vàng từ trong túi ra và nhìn vào nó, ra dáng sốt ruột.

- “Chạy nhanh, thật nhanh lên”, anh ta quát to, “đến ngay nhà thờ Sainte-Monique. Một nửa đồng guinée¹, nếu có thể chạy trong hai mươi phút”!

Xe chạy đi. Khi tôi đang tự hỏi có nên theo họ không, thì một chiếc xe nhỏ bé, xinh xắn từ đường hẻm chạy lên. Xe vừa đến nơi thì cô ta chạy bắn ra từ cửa hành lang và nhảy lên xe.

- “Đến nhà thờ Sainte-Monique”, cô ta kêu lên, “*Một nửa đồng souverain*² nếu đến đó trong hai mươi phút!”

Tôi đang tự hỏi, không biết nên chạy theo xe hay leo lên phía sau xe thì có một chiếc xe băng qua đường phố. Bác tài xế nhìn hai lần vào ông khách rách rưới, nhưng tôi đã nhảy vào xe trước khi bác ta phản đối.

- “Đến nhà thờ Sainte-Monique”, tôi nói. “*Một nửa đồng souverain nếu đến đó trong hai mươi phút!*”

Lúc ấy là mười hai giờ thiếu hai mươi.

Khi tôi đến, hai chiếc xe với những con ngựa đang thờ phì phì và đang ở trước cửa lớn. Tôi trả tiền xe và vội vã đi vào nhà thờ.

Trong nhà thờ không có ai ngoài hai người và một ông linh mục. Hình như ông linh mục đang giảng cho họ một điều gì đó. Ba người đứng thành hình một cái nút thắt phía trước bàn thờ. Tôi đi thò thân nơi lối đi hai bên như bất cứ một gã nhàn rỗi nào tinh cở bước vào nhà thờ. Bỗng nhiên, ba người

1. Một loại tiền Anh, có giá trị bằng 21 shilling.

2. Một loại tiền Anh, có giá trị bằng 20 shilling.

tại bàn thờ quay lại nhìn tôi và No-tơn chạy ba chân bốn cẳng về phía tôi.

- "Cám ơn Chúa", anh ta kêu lên, "có bác là đủ, xin bác làm ơn đến đây".

- Cái gì vậy? - Tôi hỏi.

- Xin bác đến giùm cho. Chỉ ba phút thôi. Nếu không thì không đúng phép.

Tôi gần như bị lôi xệch đến bàn thờ. Trước khi biết mình đang ở đâu, tôi thấy mình lăm bắm những câu trả lời (đã được thi thắm vào tai tôi) và thề thốt về những điều mà tôi chẳng biết ất giáp gì cả. Nói chung, tôi là người chứng cho cuộc hôn lễ giữa cô dâu và chú rể. Dường như lễ cưới của họ có một cái gì đó chưa đúng phép và ông linh mục dứt khoát từ chối làm phép cưới mà không có một nhân chứng thuộc loại nào đó; sự xuất hiện của tôi khiến cho chú rể khỏi mất công chạy ra phố kiếm một chàng phụ rể. Cô dâu trao cho tôi một đồng souverain và tôi có ý đeo nó lên dây đồng hồ để kỷ niệm.

- Đây là một điều bất ngờ, một bước ngoặt của sự việc và rồi cái gì đã xảy ra? - Tôi hỏi.

- Có vẻ như họ sắp lên đường ngay lập tức, và bởi thế, tôi phải có những biện pháp rất gấp rút và thích hợp. Tại cửa lớn nhà thờ, họ chia tay nhau." Em sẽ đi xe ra công viên vào lúc năm giờ như thường lệ", cô ta nói, khi chia tay. Tôi không nghe thấy gì nữa. Họ đi xe về hướng khác nhau, và tôi cũng đi để thu xếp công việc của mình.

- Thu xếp cái gì thế?

- "Vài miếng bít tết nguội và một ly nước" anh nói, tay rung chuông, "tôi bận quá không nghĩ đến chuyện ăn uống. Chiều nay, chắc còn bận rộn hơn nữa. Nhân thế tôi cần được anh giúp đỡ?"

- Rất thú vị.

- Anh không ngại làm chuyện phi pháp chứ?

- Hoàn toàn không?
- Có thể bị bắt giữ, chịu được chứ?
- Nếu vì một mục đích tốt đẹp.
- Ồ, mục đích rất tuyệt diệu!
- Vậy thì sẵn sàng.
- Tôi rất tin anh.
- Nhưng anh cần gì ở tôi?

- Xin lỗi, tôi phải bàn chuyện đó trong khi ăn. Trong hai tiếng đồng hồ nữa, chúng ta sẽ ở hiện trường. Cô I-ren sẽ trở về nhà lúc bảy giờ. Chúng ta phải có mặt tại đó để gặp cô ta.

- Rồi làm gì nữa?

- Anh cứ để việc đấy cho tôi. Anh không được can thiệp, dù xảy ra chuyện gì đi nữa. Anh hiểu chứ?

- Hiểu.

- Công việc bắt đầu khi người ta đưa tôi vào nhà cô ta. Bốn, năm phút sau đó, cửa sổ phòng khách sẽ mở ra. Anh sẽ đứng trụ gần sát cánh cửa sổ mở ấy.

- Vâng.

- Anh phải theo dõi tôi luôn.

- Vâng.

- Và khi tôi đưa bàn tay lên, anh sẽ ném vào phòng cái mà tôi trao cho anh, và cùng lúc ấy, anh kêu báo động: cháy, cháy!

- Hoàn toàn rõ.

- “Chả có gì khủng khiếp”. Anh nói, lấy trong túi ra một cuộn tròn có hình dấu xi gà. “Đây là một thứ lựu đạn khói bình thường. Công tác của anh chỉ có thế. Khi anh kêu báo động lửa, nhiều người khác sẽ tiếp tục kêu báo động. Rồi sau đó anh có thể đi bộ đến cuối phố, chờ tôi trong mười phút.”

- Những chuyện đó tôi làm được.

- Tuyệt lắm.

Anh biến mất vào phòng ngủ, một vài phút sau hiện ra trong vai một mục sư Tin lành chất phác và dễ mến. Cái mũ đen rộng thùng thình, cà vạt trắng, nụ cười dễ mến, thái độ sốt sắng, ân cần ít ai bì.

Trời đã hoàng hôn và những ngọn đèn mới được thắp sáng lúc chúng tôi đi đi lại lại phía trước biệt thự. Có một nhóm đàn ông ăn mặc xốc xếch đang hút thuốc và cười đùa, trong một góc có một thợ mài kéo với cái bánh xe của ông ta, hai người gác đàn đang đùa dỡn với một cô vú trẻ, và dăm bảy chàng thanh niên ăn vận bánh bao đang thơ thẩn lui tới, miệng ngậm xi gà.

- Anh thấy đó. Bây giờ tấm hình trở thành một con dao hai lưỡi. Cô ta không thích ông No-tơn nhìn thấy nó, cũng như vị vua không muốn vợ sắp cưới của ông ta nhìn thấy. Bây giờ, câu hỏi là chúng ta phải tìm tấm hình ở đâu?

- Nó ở đâu?

- Nó quá lớn, khó giấu vào áo phụ nữ, chắc cô ta không mang nó bên mình.

- Vậy nó ở đâu?

- Nơi người chủ nhà băng hoặc người luật sư. Nhưng phụ nữ chỉ tin tưởng vào chính mình. Và lại, cô ta đã quyết tâm sử dụng nó trong một vài ngày tới đây, vậy nó phải ở cái nơi mà cô ta có thể lấy được dễ dàng: ở ngay trong nhà cô ta.

- Nhưng đã hai lần người ta tìm cách đánh cắp nó rồi kia mà.

- Ồ, họ không biết cách tìm.

- Nhưng anh sẽ tìm bằng cách nào?

- Tôi sẽ không cần tìm.

- Vậy thì...

- Tôi buộc cô ta phải chỉ chỗ cất giấu tấm hình.

- Nhưng, cô ta sẽ từ chối.

- Cô ta không thể từ chối. Kia kia, xe cô ta đến đây. Nhớ lời tôi dặn nhé.

Khi anh nói, ánh đèn bên hông của một chiếc xe ngựa chiếu ra từ một khúc quẹo của đại lộ. Khi xe đỗ lại, một trong những tên cù bơ cù bất từ góc phố nhào ra để mở cánh cửa, với hy vọng kiếm được một chút cháo, nhưng lại bị một tên khác chen lấn, hấn ta cũng đã lao tới cùng với một mục đích như vậy. Một cuộc xô xát dữ dội xảy ra. Hai gã gác đàn nhảy vào hỗ trợ một tên, còn người mài kéo trợ lực tên kia. Cô gái vừa xuống xe đã bị kẹt vào giữa đám đông. Bọn đàn ông mặt đỏ như đang đánh loạn xạ vào nhau bằng tay và gậy. Holmes nhào vào đám đông để che chở cho người phụ nữ. Nhưng vừa đến gần cô ta thì anh kêu lên một tiếng và ngã xuống, máu chảy ròng ròng xuống mặt. Hai gã gác đàn hoảng hốt, bỏ chạy về một phía, và những tên vô lại chạy về phía bên kia, trong khi đó, một số người ăn vận bánh bao - từ nãy giờ đứng ngoài quan sát - ùa vào trợ giúp người phụ nữ và chăm sóc kẻ bị thương. I-ren vội vã đi lên những bậc cấp, song vẫn đứng ở bậc cấp trên cùng, nhìn ra đường phố.

- Ông ta có bị thương nặng không? - Cô ta hỏi.

- Ông ấy chết rồi! - Một vài giọng kêu lên.

- “Không. Không. Ông ta còn thoi thóp”, một người khác quát to. “Nhưng ông ta sẽ chết trước khi đến bệnh viện”.

- “Ông ta rất dũng cảm”. Một người phụ nữ nói. “Hẳn chúng nó đã lấy mất cái ví và cái đồng hồ của bà ta, nếu ông ấy không đến cứu. Đó là một bọn cướp, một bọn cướp táo tợn. À, bây giờ, ông ta đang thở”.

- Không thể để ông ta nằm trên đường phố được. Chúng tôi có thể đưa ông ta vào nhà không, thưa bà?

- Được, xin đi lối này!

Holmes được đưa vào biệt thự và đặt nằm trong phòng chính, trong khi tôi vẫn quan sát diễn biến từ bên cạnh cửa

sổ. Đèn đã được thắp sáng, nhưng các tấm rèm chưa được vén lên, để tôi có thể thấy Holmes nằm trên đi-văng. Trong đời, tôi chưa bao giờ thấy xấu hổ cho bằng khi nhìn thấy người phụ nữ xinh đẹp này, người mà tôi đang âm mưu gài bẫy để chống lại. Cũng thật xấu hổ khi thấy sự tử tế và ân cần biểu lộ ra trong việc chăm sóc kẻ bị thương. Song, nếu rút khỏi vai trò mà Holmes đã giao phó cho tôi, thì tôi lại phản bạn. Tôi lấy quả lựu đạn khói ra khỏi cái áo choàng dài và rộng. Dù sao đi nữa, chúng tôi cũng không gây thương tích cho cô ta. Chúng tôi chỉ ngăn chặn, không cho cô ta làm hại đến người khác thôi.

Holmes đã ngồi dậy trên đi-văng, tôi thấy anh ra hiệu như một người đang cần không khí. Một cô tớ gái chạy băng qua và mở tung cửa sổ. Cùng lúc ấy tôi thấy anh đưa tay lên. Tôi liền ném quả lựu đạn khói vào phòng và kêu lên: "Cháy! Cháy!" Ngay lập tức cả đám đông đang đứng đó cùng đồng thanh kêu to: "Cháy! Cháy!" Những đám khói dày đặc cuồn cuộn bay xuyên qua phòng và bay ra ngoài. Tôi thoáng thấy những bóng người chạy vụt đi, một lát sau đó, nghe giọng nói của Holmes từ bên trong, trấn an mọi người rằng đó chỉ là báo động nhầm. Len lỏi qua đám đông đang hò hét, tôi tìm đường đến góc phố. Mười phút sau, tôi sung sướng thấy cánh tay Holmes đang trong tay tôi. Chúng tôi đi nhanh nhẹn và lặng lẽ trong một vài phút cho đến khi xuống tới một trong những con phố yên tĩnh.

- Anh hành động rất tốt.
- Anh có tấm hình rồi ư?
- Tôi đã biết nó ở đâu.
- Làm sao anh biết.
- Cô ấy chỉ cho tôi, tôi đã nói rồi mà.
- Tôi vẫn chưa hiểu gì.
- Anh đã thấy, mọi người trên phố đều là người của tôi.

- Tôi cũng đoán như thế.

- Khi cuộc ẩu đả nổ ra, tôi để một chút thuốc màu đỏ trong lòng bàn tay. Tôi chạy vụt ra phía trước, ngã xuống, đập tay lên mặt.

- Điều ấy, tôi cũng đoán được.

- Có ta buộc phải cho tôi vào phòng khách. Tấm hình có khả năng nằm giữa phòng ngủ và phòng khách. Người ta đặt tôi lên cái đi-văng. Tôi ra hiệu cần không khí, họ buộc phải mở cửa sổ, và anh đã có cơ hội để hành động.

- Việc ấy giúp anh như thế nào?

- Khi người phụ nữ nghĩ rằng ngôi nhà cô ta đang cháy, theo bản năng, cô ta sẽ lao tới cái mà cô ta xem là quý nhất. Một phụ nữ có chồng thì chộp lấy đứa con, cô chưa chồng thì với lấy hộp nữ trang; đối với I-ren, cô ta chạy tới để cứu lấy tấm hình. Báo động lửa đã được thực hiện một cách đáng khâm phục. Khói và tiếng reo hò cũng đủ lay động một bộ thần kinh bằng thép. Tấm hình ở trong một góc phía sau tấm pa-nô trượt, chính ngay trên dây chuông bên phải. Thoát một cái cô ta đã ở đó, và tôi thoáng thấy tấm hình khi cô ta kéo nó ra một nửa. Đến khi tôi la lớn rằng đó là báo động nhầm, cô ta đặt nó vào chỗ cũ, liếc nhìn quả lựu đạn, chạy vọt ra khỏi phòng. Tôi đứng dậy, nói lời cáo từ và thoát ra khỏi nhà. Tôi lưỡng lự, không biết có nên lấy tấm hình ngay hay không, nhưng người tài xế đã đi vào, ông ta quan sát tôi một cách chăm chú...

- Và bây giờ?

- Bọn mình sẽ ghé thăm thân chủ của chúng ta. Có thể nhà vua sẽ tha mãi mãi khi ngài tự tay lấy lại nó.

- Bao giờ anh đến đó?

- Lúc tám giờ sáng mai. Cô ta sẽ chưa dậy, nhờ vậy mà chúng ta rảnh tay để hành động. Tôi phải đánh điện cho nhà vua ngay.

Chúng tôi đã về tới phố Baker và đã ngừng lại ở cửa lớn. Holmes đang lục túi tìm chìa khoá thì có một người đi ngang qua nói:

- Chào ông Sherlock Holmes, chúc ông ngủ ngon.

Lúc đó có đám bảy người trên vệ đường, nhưng lời chào hình như đến từ một chàng trai mảnh khảnh trong chiếc áo choàng dài vừa mới vội vã đi qua.

- "Tôi đã có lần nghe giọng nói ấy" Holmes nói, trở mắt nhìn xuống đường phố mờ mờ ánh đèn. "Bây giờ, tôi đang tự hỏi, người ấy là ai?"

3

Đêm ấy tôi ngủ tại phố Baker. Sáng hôm sau, khi chúng tôi đang ăn điểm tâm, thì nhà vua chạy vụt vào phòng.

- Ông đã lấy được nó? - Ông ta kêu lên, nắm chặt hai vai Holmes.

- Chưa đâu.

- Nhưng có hy vọng?

- Có.

- Vậy thì đi. Xe của tôi đang đợi.

- Tốt lắm.

Chúng tôi xuống cầu thang, lên xe ngựa tiến về biệt thự của cô gái.

- Nàng đã lấy chòng.

- Lấy chòng? Bao giờ thế?

- Hôm qua.

- Nhưng lấy ai?

- Một luật sư người Anh.

- Cô ta không yêu anh ta chứ?
- Tôi hy vọng là cô ta yêu anh ta.
- Tại sao lại hy vọng?

- Bởi vì chuyện ấy sẽ tránh cho Bệ hạ mọi chuyện rắc rối trong tương lai. Nếu người phụ nữ ấy yêu chồng, tức là nàng không yêu Bệ hạ. Nếu nàng đã không yêu Bệ hạ, thì không có lý do gì mà nàng lại can thiệp vào kế hoạch của Bệ hạ.

- Đúng vậy. Ồ, nếu tôi chọn cô ta làm hoàng hậu, thì cô ta sẽ là một vị hoàng hậu tuyệt vời biết bao!

Ông ta lại chìm vào im lặng trầm tư, một sự im lặng chỉ bị phá vỡ khi xe chạy đến nơi.

Cửa biệt thự mở ra. Một người đàn bà đứng tuổi đang đứng trên những bậc cấp. Bà ta nhìn chúng tôi bằng cái nhìn giễu cợt khi chúng tôi từ trên xe bước xuống.

- Ông là Sherlock Holmes, phải không?

- Tôi là Holmes. - Bạn tôi đáp và nhìn bà ta bằng một cái nhìn dò hỏi, sừng sốt.

- Thật chẳng sai! Bà chủ tôi bảo rằng thế nào ông cũng ghé đến. Sáng nay ông bà chủ tôi đã lên đường sang châu Âu.

- "Cái gì?" Holmes lão đảo ngửa ra phía sau. "Cô ta đã rời nước Anh?"

- Vâng. Không bao giờ trở lại nữa.

- "Còn giấy tờ?" Ông vua hỏi, giọng khàn khàn. "Tất cả đều bị mất rồi ư?"

- Chúng ta vào xem.

Anh đi băng qua bà quản gia và chạy vội vào phòng khách. Theo sau là nhà vua và tôi. Đồ đạc tung toé khắp nơi, những cái kệ trống rỗng, nhưng ngăn kéo mở, hình như người phụ nữ đã lục lọi một cách vội vã trước khi ra đi. Holmes lao tới cái dây chuông, kéo cái cửa pa-nô trượt xuống và thọc tay vào, kéo ra một tấm hình và một lá thư. Đó là tấm hình của

chính nàng Irène Adler mặc dạ phục. Lá thư gửi cho “Ngài Sherlock Holmes”.

Ông Sherlock Holmes thân mến,

Thật ra ông đã hành động rất khéo léo. Ông hoàn toàn đánh lừa được tôi. Cho đến sau khi nghe báo động lừa, tôi vẫn không mấy may ngờ vực. Nhưng, khi tôi phát hiện ra tôi đã tự làm lộ chuyện của mình thì tôi bắt đầu suy nghĩ. Từ mấy tháng trước, người ta đã báo cho tôi biết, phải đề phòng ông. Tôi đã được báo tin rằng nếu nhà vua muốn một thám tử, thì chắc chắn người đó phải là ông. Và người ta đã cho tôi địa chỉ của ông. Thế mà, sau cùng ông vẫn buộc tôi phải tiết lộ cho ông cái mà ông muốn biết. Thậm chí, sau khi bắt đầu ngờ vực, tôi cũng thấy khó mà nghĩ xấu về ông mục sư tốt bụng.

Nhưng ông biết đây, tôi cũng đã được huấn luyện trong nghề diễn viên. Y phục nam giới đối với tôi chẳng có gì xa lạ. Trước đây, tôi thường cải trang để sinh hoạt thoải mái hơn. Nhờ có bác tài xế canh chừng ông, tôi chạy lên tầng trên, mặc y phục của nam nhân rồi theo ông đến nhà của ông để biết chắc chắn rằng ông đang theo dõi tôi. Hơi liêu lỉnh một chút, tôi đã chào ông, chúc ông ngủ ngon giấc, rồi đi đến biệt thự Tem-pô để gặp chồng tôi. Cả hai chúng tôi đều nghĩ rằng, tốt nhất là tẩu thoát khi bị theo đuổi bởi một đối thủ kinh khủng như ông. Như vậy, ông sẽ tìm thấy chiếc tổ trống không. Còn về tấm hình, thân chủ của ông có thể yên tâm. Tôi đang yêu và được yêu bởi một người tốt hơn ông ta. Nhà vua có thể làm những gì mà ông ta muốn, và sẽ không gặp một cản trở nào về phía người phụ nữ mà ông ta đã đối xử tàn tệ. Tôi giữ tấm hình chỉ để tự vệ, như một thứ vũ khí để chống lại bất cứ toan tính nào mà ông ta có thể thực hiện trong tương lai. Tôi để lại một tấm hình mà ông ta có thể muốn giữ. Xin chân thành chào ông, ông Sherlock Holmes thân mến!

Irène Norton, nhũ danh Adler

- “Thật là một phụ nữ phi thường”, vua xứ Bohême kêu lên, khi cả ba chúng tôi đã đọc xong lá thư. “Cò ta không được ở vào giai cấp của tội, là một điều rất đáng tiếc”?

- Tôi rất tiếc đã không đưa sự việc của ngài đến một kết cục thành công hơn. - Holmes nói.

- Trái lại. Không có gì thành công hơn. Tôi biết rằng lời nói của cô ta chắc như đinh đóng cột. Tấm hình đó, bây giờ an toàn như thể nó nằm trong lửa vậy.

- Tôi vui khi nghe Bệ hạ nói thế.

- Tôi mang ơn ông vô cùng. Xin nói cho tôi biết, tôi có thể đền ơn ông như thế nào? Cái nhẫn này...

Ông ta tháo cái nhẫn ngọc ra khỏi ngón tay và đặt nó giữa lòng bàn tay.

- Bệ hạ có một thứ mà tôi cho là quý hơn thế nữa.

- Ông chỉ cần nói ra.

- Tấm hình này!

Nhà vua trở mắt nhìn anh, kinh ngạc.

- Tấm hình của I-ren à? Sẵn sàng thôi, nếu ông muốn.

- Xin cảm ơn Bệ hạ. Vậy thì, vấn đề đã kết thúc. Tôi trân trọng chúc Bệ hạ một buổi sáng tốt đẹp.

Holmes cúi chào, và quay đi không nhìn thấy bàn tay nhà vua chìa ra cho anh.

*

* * *

Xưa nay, anh vẫn thường lấy chuyện thông minh của phụ nữ ra mà đùa cợt. Nhưng gần đây, tôi không nghe anh làm việc đó nữa. Mỗi khi nói về I-ren, hoặc khi anh nhắc đến tấm hình của nàng, anh luôn luôn gọi nàng bằng danh hiệu cao quý: NGƯỜI PHỤ NỮ.

Hội tóc đỏ

Một ngày mùa thu năm ngoái, khi đến thăm Sherlock Holmes, tôi thấy anh đang nói chuyện với một người đàn ông có mái tóc đỏ rực như lửa. Với một lời xin lỗi về sự đường đột của mình, tôi sắp sửa rút lui, thì bất ngờ Holmes kéo tôi vào phòng và đóng cửa lại, nói:

- Anh đến rất đúng lúc.

- Anh đang bận.

- Rất bận là khác.

- Vậy tôi đợi anh ở phòng bên cạnh.

- “Không đâu”, rồi quay sang người khách, Holmes nói tiếp: “ông Uyn-xơn, anh bạn đây là người đã từng hợp tác và giúp đỡ tôi rất nhiều.”

Người đàn ông nhồm lên khỏi ghế và nhún đầu gối khê chào. Đôi mắt ông ta phóng ra một tia nhìn rất nhanh, như ồ hỏi.

- “Ngồi xuống đi!” Holmes nói với tôi, rồi cũng ngồi xuống và chụm các đầu ngón tay lại như anh vẫn thường làm khi ở trong trạng thái suy nghĩ. “Watson ạ, tôi biết rằng anh rất thích những điều kỳ lạ”.

- Những vụ án của anh quả thực đã hấp dẫn tôi.

- Tôi vẫn nói với anh rằng, những điều kỳ lạ và độc đáo thường thường chỉ liên hệ với những tội nho nhỏ, đôi khi ta không biết đó có phải là tội hình sự hay không. Theo những điều tôi nghe được thì tôi chưa thể nói nó có phải là một tội ác hay không, nhưng rõ ràng các sự kiện xảy ra quả là độc đáo. Ông Uyn-xơn ạ, xin ông vui lòng kể lại từ đầu câu chuyện của ông.

Người khách ưỡn ngực ra với một chút kiêu hãnh, rồi kéo một tờ nhật báo từ cái túi trong chiếc bành tô của ông ta. Khi ông liếc xuống cột báo, thì đầu ông thụt ra đằng trước, tờ báo trải thẳng ra trên đầu gối. Tôi nhìn kỹ ông ta, cố gắng đoán ra một số điều qua y phục và diện mạo của ông.

Người khách có đủ mọi đặc điểm của một tiểu thương. Ông ta bình thường: béo phì, khoa trương và chậm chạp. Ông ta mặc một chiếc quần mà người chần cừu thường mặc, hơi lụng thụng, màu xám, một áo bành tô đen không sạch sẽ lắm, phía trước không đóng cúc, và một áo gi-lê màu nâu xám với một sợi xích bằng đồng nặng nề, một mảnh kim loại vuông có đục lỗ, lủng lẳng xuống như là một đồ trang sức. Nằm trên một cái ghế cạnh ông là một cái mũ chóp cao bị cọ sờn ra, và một áo khoác bạc màu, cổ áo nhăn nhúm, về mặt vô cùng sần muện và bất mãn.

Đôi mắt nhanh nhẹn của Sherlock Holmes cũng đang quan sát, anh lắc đầu với một nụ cười khi anh nhận thấy những cái liếc nhìn dò hỏi của tôi. Anh nói:

- Ngoài những sự kiện rõ ràng, ông bạn của chúng ta đã có một thời gian lao động tay chân, dùng thuốc lá hít, là hội viên Hội Tam Điểm¹, đã từng ở Trung Hoa, gần đây phải dùng cây bút khá nhiều. Ngoài những sự kiện ấy ra, tôi không thể suy diễn thêm một điều gì khác.

Ông Uyn-xơn giật nẩy mình, ngón tay trở đặt trên tờ báo, nhưng đôi mắt nhìn lên bạn tôi.

- Ô! Sao ông biết được những điều đó? Quả vậy ... nghề nghiệp đầu tiên của tôi là thợ mộc trên tàu.

- Bàn tay phải thì lớn hơn bàn tay trái. Ông đã làm việc với nó, nên những bắp thịt phát triển hơn.

1. Một hội kín quốc tế, có những chi nhánh tại châu Âu và châu Mỹ. Quy tắc của hội gồm ba điểm: tình đồng chí, lòng bác ái và lòng tương trợ.

- Vàng, còn về thuốc lá hít và Hội Tam Điểm?

- Ông đã dùng cái kim cài cà-vạt hình cầu vồng.

- À, dĩ nhiên, tôi quên cái đó. Nhưng còn chuyện dùng cây bút?

- Cái cổ tay áo bên phải quá bóng loáng và cổ tay áo bên trái với một mảng nhẵn nhụi gần cùi chỏ, nơi mà ông tựa nó lên bàn giấy.

- Vàng, còn chuyện tôi ở Trung Hoa?

- Con cá mà ông đã xâm vào ngay trên cườm tay phải của ông chỉ có thể được làm tại Trung Hoa. Cái kỹ xảo dùng một thứ thuốc màu vàng tinh tế để tô vảy cá thì hoàn toàn độc đáo, chỉ Trung Hoa mới có. Thêm vào đó, khi tôi thấy một đồng xu Trung Hoa treo lủng lẳng từ cái dây đồng hồ đeo tay của ông, thì vấn đề càng đơn giản hơn nữa.

Ông Uyn-xơn cười ha hả:

- Ô! Thoạt tiên, tôi nghĩ rằng ông đã làm một cái gì đó rất tài giỏi, nhưng bây giờ tôi thấy chả có gì ghê gớm cả!

- "Watson ạ", Holmes nói, "tôi đã sai lầm khi giải thích nó ra. Anh đã biết. "Omne ignotum pro magnifico"¹, và cái uy tín nhỏ bé của tôi như hiện nay có thể bị vỡ nát nếu tôi quá chân thật". Quay sang người khách. "Ông không thể tìm ra bài đó hả, ông Uyn-xơn?"

- "À, tôi đã tìm thấy nó" ông ta đáp, với ngón tay to và đỏ, đặt từ lưng chừng cột báo xuống. "Nó đây. Đây là cái bắt đầu mọi chuyện. Xin ông tự đọc lấy".

"Gởi Hội Tóc Đỏ,

Theo lời yêu cầu của ông Hốp-kin tỉnh Lebanon tiểu bang Pennsylvania, hiện nay Hội có một chỗ khuyết, cho phép một hội viên được hưởng một số lương là 4 bảng Anh một tuần, mỗi ngày chỉ làm những dịch vụ hoàn toàn nhàn nhã. Tất cả

1. Tất cả những gì người ta không biết, người ta cứ nghĩ là ghê gớm.

những người đàn ông tóc đỏ, thể xác và trí óc lạnh mạnh, trên 21 tuổi, đều có thể nộp đơn. Xin đích thân đến vào mỗi ngày thứ Hai, lúc 11 giờ, liên hệ với Rô-sơ, tại văn phòng của Hội, số 7, đường Fleet.

- Thế này là thế nào? - Tôi kêu lên, sau khi đã đọc 2 lần bản thông báo quái dị này.

Holmes cười khúc khích và ngo nguẩy trong ghế.

- Hơi khác thường, phải không? Và bây giờ, ông Uyn-xơn ạ, ông hãy đi từ đầu. Bác sĩ ạ, trước hết anh phải lưu ý tên tờ nhật báo và ngày tháng phát hành.

- Đó là tờ *Thời sự Buổi Sáng*, ngày 11 tháng 8 năm 1890. Mới cách đây 2 tháng.

- Tốt lắm. Xin ông kể tiếp.

- Tôi có một tiệm cầm đồ nhỏ tại quảng trường Coburg, gần thành phố. Nó không phải là một công việc làm ăn to lớn; những năm gần đây, nó chỉ giúp tôi đủ sống. Trước đây, tôi thường có khả năng mượn hai người phụ tá, nhưng bây giờ tôi chỉ có thể mượn một người. Tôi sẵn sàng có một công việc để trả lương cho anh ta, nhưng anh ta lại chỉ muốn hưởng nửa lương, để học nghề.

- Chàng trai tốt bụng này tên là gì? - Sherlock Holmes hỏi.

- Pô-đinh. Tôi biết anh ta có thể kiếm được gấp đôi số tiền mà tôi có thể trả cho anh ta, nhưng nếu anh ta bằng lòng với số lương hiện nay, thì tại sao tôi lại đặt ý tưởng ấy vào đầu anh ta, phải không?

- Đúng đấy. Dường như ông đã rất may khi có một người làm công với giá rẻ. Điều đó ít thấy trong thời đại này. Nhưng người phụ tá của ông thì không đáng chú ý bằng cái thông cáo kia.

- Ồ, chưa có ai mê nhiếp ảnh bằng anh ta. Anh ta chẳng dùng thời giờ để trau dồi kiến thức, mà cứ chụp tanh tách,

rồi nhào xuống hầm để rửa ảnh. Nhưng nhìn chung, anh ta làm việc tốt, không có tật xấu nào.

- Anh ta còn làm việc với ông chú?

- Vâng. Anh ta và một con bé 14 tuổi lo việc nấu nướng và quét tước nhà cửa. Trong nhà chỉ có thế, vì tôi là người góa vợ và chả có con cái gì. Việc đầu tiên làm đảo lộn cuộc sống chúng tôi là cái thông cáo đó. Tám tuần trước đây, cũng chính vào ngày này, Pô-đinh cầm tờ báo này đến và nói:

- Ông Uyn-xơn, tôi cầu Thượng đế cho tôi được làm một người tóc đỏ.

- Vì sao thế?

- Có một chỗ khuyết trên danh sách hội viên những người tóc đỏ. Nó đáng giá một gia tài nho nhỏ đối với bất cứ ai chiếm được chỗ làm đó. Chỉ cần tóc tôi biến thành màu đỏ, là tôi có thể bước vào cái nôi xinh xắn ấy rồi.

- Nhưng nó là cái gì thế? - Tôi hỏi.

- Chưa bao giờ ông nghe nói về Hội Những Người Tóc Đỏ sao? - Anh ta hỏi, mắt mở to.

- Chưa bao giờ.

- Ồ, tôi ngạc nhiên đấy, bởi vì chính ông cũng có thể nộp đơn để tranh chỗ.

- Nó đáng giá bao nhiêu? - Tôi hỏi.

- Ồ, chỉ 200 bảng Anh một năm, nhưng công việc thì nhàn và không ảnh hưởng nhiều đến công việc bình thường của mình.

Mấy năm gần đây công việc làm ăn của tôi không phát đạt lắm, và 200 bảng Anh sẽ là một món tiền rất hấp dẫn.

- Nói rõ thêm về chuyện ấy đi.

- Theo tôi hiểu, Hội do một nhà triệu phú Mỹ tên là Hốp-kin sáng lập. Bản thân ông ta có mái tóc đỏ. Bởi vậy, trước khi chết, ông ta đã uỷ thác gia tài cho một ban quản trị, với lời chỉ thị rằng, hãy dùng số tiền lời vào việc cung cấp

những chỗ làm nhàn nhã cho những ai có cùng mái tóc như ông.

- Nhưng sẽ có hàng triệu người tóc đỏ nộp đơn. - Tôi nói.

- “Không có quá nhiều như ông nghĩ đâu”, anh ta nói, “ông sẽ thấy, thực ra nó hạn chế ở thành phố Luân Đôn và những người lớn tuổi. Người Mỹ này xuất thân từ Luân Đôn khi ông ta còn trẻ, nên ông muốn làm một điều tốt đẹp cho thành phố cũ của mình. Thêm vào đó, tôi còn nghe nói, tóc phải có màu đỏ rực như lửa thì mới được xét, còn những màu đỏ khác, như đỏ đen, đỏ nhạt ... hoặc màu đỏ nào đi nữa, thì dù có nộp đơn cũng chỉ mất công thôi. Bây giờ, ông chủ ạ, nếu muốn nộp đơn, ông chỉ cần đến đó.”

Thế là chúng tôi nghỉ việc, và cùng đi tới địa chỉ nói trên.

Phố Fleet chật ních những người tóc đỏ, trông giống như một chiếc xe cút kít chở cam của người bán hoa quả. Dù cả mọi loại tóc đỏ: *màu đỏ rạ, đỏ dưa hấu, đỏ cam, đỏ gạch, đỏ lòng chó xù Ái Nhĩ Lan, đỏ nâu, đỏ đất sét ...* Khi thấy quá nhiều người đứng đợi, tôi muốn bỏ cuộc, nhưng Pô-đinh không chịu. Anh ta đẩy bên này, húc bên kia, cho đến khi đưa tôi lên những bậc cấp dẫn đến văn phòng. Trên những bậc cấp có hai hàng người: một vài người đi lên, mặt rạng ngời hy vọng, một vài người khác đi xuống, mặt ỉu xiu.

- “Kinh nghiệm của ông thật thú vị.” Holmes nhận xét, trong khi thân chủ của anh ngừng và hít một hơi thuốc. “Xin tiếp tục câu chuyện rất hấp dẫn của ông.”

- Trong văn phòng không có gì ngoài hai cái ghế gỗ và một cái bàn, ngồi tại đó là một người đàn ông nhỏ thó, với mái tóc còn đỏ hơn màu tóc của tôi. Ông ta nói một vài lời với mỗi người dự tuyển, và luôn luôn cố tìm ra một nhược điểm nào đó để bác bỏ họ. Tuy nhiên, khi chúng tôi bước vào, ông ta đóng cửa lớn lại. “Đây là ông Uyn-xơn. Ông ấy sẵn sàng lấp đầy chỗ khuyết trong Hội”. Người phụ tá của tôi nói.

- Ông ấy đạt mọi yêu cầu. Chưa bao giờ tôi thấy một mái tóc hoàn hảo đến như vậy - Người kia nói.

Ông ta lùi một bước, nghiêng đầu sang một bên và ngắm nghía mái tóc tôi cho đến khi tôi phát ngượng. Rồi bỗng nhiên ông ta nhào về phía trước, vịn chéo bàn tay tôi và nồng nhiệt chúc mừng thành công của tôi.

- Trong trường hợp này, lương lự là một điều bất công. Nhưng xin ông bỏ lỗi cho, dù sao, chúng tôi cũng phải đề phòng.

Nói xong, ông tóm lấy tóc tôi bằng cả hai tay, và giựt mạnh cho đến khi tôi hét lên đau đớn.

- "Mọi sự đúng y như yêu cầu đề ra". Ông ta nói, khi thả tôi ra. "Nhưng sợ dĩ chúng tôi phải cẩn thận, là vì chúng tôi đã bị lừa nhiều lần: hai lần bởi mái tóc giả và một lần do thuốc nhuộm".

Ông ta bước vòng tới cửa sổ, và rán hết sức quát to lên rằng Hội đã chọn được người. Nhiều tiếng thất vọng vang lên từ phía dưới, và đám người lũ lượt tản đi, cho đến khi không còn thấy một mái tóc đỏ nào ngoài mái tóc của tôi và của người uỷ viên quản trị. Ông ta nói:

- Tôi là Rô-sơ. Tôi là một trong những người được trợ cấp do quỹ mà vị ân nhân cao quý của chúng ta để lại. Ông đã có vợ chưa? Đã có con chưa, ông Uyn-xơn?"

Tôi trả lời rằng tôi không có con.

Nét mặt ông ta sa sầm xuống ngay, nghiêm trọng nói:

- Thật đáng tiếc! Tiên quý là dùng để truyền bá và phát triển những đầu óc đỏ, cũng như để duy trì chúng. Thế mà ông lại không có con. Thật là vô cùng rui ro.

Nghe nói thế, mặt tôi đỏ ra. Nhưng sau vài phút, ông ta nói:

- Trong trường hợp nào khác, thì cái nhược điểm ấy thật là nghiêm trọng, nhưng chúng tôi phải châm chúc cho một

người có mái tóc quá hoàn hao như ông. Lúc nào ông có thể nhận nhiệm vụ được?

- Vâng. Hơi khó nghĩ một chút, là tôi đã có công ăn việc làm.

- “Ồ, đừng quan tâm đến chuyện đó”, Pô-đinh nói. “Tôi có thể trông coi công việc giúp ông”.

- Giờ giấc làm việc ra sao nhỉ? - Tôi hỏi.

- Từ 10 giờ sáng đến 2 giờ chiều.

- Rất tiện cho tôi. Còn thù lao như thế nào?

- Bốn bảng Anh một tuần.

- Và công việc?

- Hoàn toàn nhàn nhã.

- Nó như thế nào?

- Ông phải có mặt tại văn phòng, hay ít ra trong ngôi nhà này suốt thời gian đó. Nếu vắng mặt, ông sẽ vĩnh viễn mất việc. Di chúc đã nói rất rõ về điểm đó.

- Mỗi ngày chỉ cần có mặt 4 tiếng đồng hồ, nên tôi không nghĩ tới chuyện rời văn phòng. - Tôi nói.

- Không chấp nhận sự vắng mặt, dù bất cứ lý do gì. Bệnh tật, việc nhà hay bất cứ cái gì khác. Hoặc là ông phải có mặt ở đó, hoặc là ông sẽ mất việc. - Ông Rô-sơ nói.

- Tôi sẽ làm gì?

- Ông phải chép lại quyển Bách khoa từ điển Britannica. Tập 1 ở trong tủ đó. Ông tự tìm lấy bút, mực và giấy thấm. Chúng tôi cung cấp cho ông cái bàn và cái ghế này. Ngày mai ông đến làm việc được chưa?

- Được.

- Vậy xin tạm biệt. Một lần nữa, tôi xin chúc mừng ông về chỗ làm quan trọng mà ông vừa nhận.

Ông ta cúi đầu chào cho đến khi chúng tôi ra khỏi phòng. Tôi cùng người phụ tá đi về nhà, không biết nói gì, làm gì,

lòng tôi vui sướng quá. Vâng, tôi nghĩ đi nghĩ lại vấn đề này suốt cả ngày; nhưng đến chiều, tôi lại ủ dột. Thật khó mà tin được rằng có người đã viết một di chúc quái dị như thế. Pô-đinh cố sức động viên tôi, nhưng vào giờ đi ngủ, tôi đã tự lý luận để rút lui ra khỏi câu chuyện đó, tuy nhiên, sáng hôm sau tôi lại đi mua bút lông ngỗng, giấy rời tới chỗ làm.

Nhưng, mọi sự tốt đẹp không thể tưởng. Cái bàn đã được đặt ở đó, và ông Rô-sơ xem tôi bắt tay vào việc. Ông ta quan sát tôi bắt đầu viết vắn "A" rồi bỏ đi, nhưng thỉnh thoảng ông lại tạt vào... Lúc 2 giờ chiều, ông chào tạm biệt tôi và đóng cửa văn phòng.

Công việc tiếp tục ngày này sang ngày nọ, sáng thứ bảy, người uỷ viên quản trị đến và đặt xuống 4 đồng souverain vàng. Tuần sau đó và tuần sau nữa cũng vậy. Mỗi buổi sáng tôi ở đó lúc 10 giờ, và mỗi buổi chiều ra về lúc 2 giờ. Dần dần, ông Rô-sơ chỉ đến một lần vào buổi sáng, và rời sau một thời gian thì ông ta không đến nữa. Dĩ nhiên tôi vẫn không bao giờ dám rời phòng một giây phút nào, vì sợ ông ta có thể vào đột xuất, 8 tuần trôi đi như thế. Tôi đã viết ra gần hết chữ A. Bàn thảo chất đầy một cái kệ. Thế rồi, bỗng nhiên mọi sự đi tới chỗ kết thúc.

- Kết thúc?

- Vâng. Chỉ mới sáng nay thôi. Tôi đến nơi làm việc như thường lệ vào lúc 10 giờ, nhưng cửa khoá. Trên cửa sổ, tôi thấy một miếng bia cứng, được đóng vào bằng một cái đinh. Nó đây.

Ông ta đưa lên một tấm bia màu trắng, cỡ tờ giấy học trò. Nội dung như sau:

"Hội Tóc Đỏ được giải tán.

9-10-1890".

Sherlock Holmes và tôi xem xét cái thông báo cộc lốc này cho đến khi khía cạnh khôi hài của sự việc nổi bật lên, đến nỗi cả hai chúng tôi đều bật ra một chuỗi cười.

- "Tôi không thấy có gì đáng cười cả". Người khách của chúng tôi kêu lên, mặt đỏ bừng. "Nếu ông không thể làm được cái gì tốt hơn cái việc chế nhạo tôi, thì tôi đi đây".

- "Không, không". Holmes kêu lên, đẩy ông ta ngồi xuống cái ghế. "Tôi thực tình không thể bỏ qua trường hợp của ông. Nhưng, nói ông bỏ lỗi cho, có một cái gì rất buồn cười trong vụ này. Làm ơn cho biết, ông đã làm gì khi ông thấy cái thông báo?"

- Tôi lảo đảo. Tôi không biết phải làm gì. Rồi tôi ghé vào các văn phòng quanh đó, nhưng không ai biết gì về chuyện đó. Sau cùng, tôi đến gặp người chủ nhà, ở tầng trệt. Ông ta nói rằng, chưa bao giờ nghe nói đến một tổ chức như thế. Rồi tôi hỏi, ông Rô-sơ là ai, ông ta bảo rằng cái tên nghe lạ hoắc.

- Người đàn ông ngụ tại nhà số 4 đó mà! - Tôi nói.

- Cái gì cơ? Người đàn ông tóc đỏ?

- Vâng.

- Ồ, ông ta là Mô-ri-xơ, là một luật sư, và tạm dùng cái phòng của tôi trong khi chờ xây xong nhà riêng của mình. Ông ta mới dời đi ngày hôm qua.

- Tôi có thể tìm ông ta ở đâu?

- Ồ, tại những văn phòng mới của ông ta, số 17, đường Hoàng đế Edward, gần nhà thờ Saint Paul.

Tôi đến địa chỉ ấy, ở đó chưa ai từng nghe đến cái tên Mô-ri-xơ, hay Rô-sơ cả.

- Và ông đã làm gì sau đó? - Holmes hỏi.

- Tôi về nhà mình, và hỏi người phụ tá. Anh ta nói rằng, nếu tôi đợi, tôi sẽ nhận được tin tức bằng thư tín. Nhưng tôi không muốn bỏ mất một chỗ làm tốt như thế. Vì thế mà tôi đã tìm đến ông ngay.

- Ông đã hành động rất khôn ngoan. Ở đây có thể có những vấn đề nghiêm trọng hơn, mặc dù nhìn bề ngoài thì có vẻ như một trò đùa.

- "Nghiêm trọng quá đi chứ!" Ông Uyn-xơn nói. "Nó làm cho tôi mất tiêu 4 bảng Anh một tuần".

- Ông không có điều gì phải oán giận cái Hội Tóc Đỏ này cả. Trái lại, nhờ nó mà ông có thêm khoảng 30 đồng bảng Anh, chưa kể cái kiến thức mà ông đã thu được về mọi đề tài có trong văn "A" trong quyển Bách khoa.

- Nhưng tôi muốn biết họ là ai và họ bày ra cái trò chơi này với mục đích gì?

- Chúng tôi sẽ cố sức làm sáng tỏ. Người phụ tá của ông đã ở với ông bao lâu rồi?

- Vào khoảng một tháng.

- Anh ta đến với ông trong trường hợp nào?

- Ông ta đọc mục "cần người" do tôi cho đăng trên báo.

- Có phải anh ta là người duy nhất đến xin việc.

- Không, có cả một tá người.

- Vì sao ông lại chọn anh ta?

- Vì anh ta tháo vát và đòi tiền công rẻ.

- Anh ta chỉ nhận nửa số lương?

- Vâng.

- Anh chàng ấy hình dáng như thế nào.

- Thấp, đầy đà, rất nhanh nhẹn. Không có râu, trên 30 tuổi. Có một vết trắng trên trán.

Holmes ngồi bật dậy, tỏ ra khá bị kích động.

- Hai lỗ tai anh ta được đục lỗ để đeo hoa.

- Dạ phải.

- Hừm! Anh ta còn ở với ông không? - Holmes nói, chìm xuống trong trầm tư suy nghĩ.

- Vẫn còn.

- Và công việc của ông có được trông nom chu đáo trong khi ông vắng mặt?

- Không có gì đáng phàn nàn. Buổi sáng ít việc làm.

- Dù rồi. Hôm nay là thứ Bảy; ~~không~~ thứ Hai chúng tôi có thể đi đến một kết luận.

- "Anh Watson", Holmes nói, khi người khách đã ra về. "Anh phát hiện ra điều gì từ những điều đó?"

- Tôi ~~chả~~ hiểu át giáp gì cả. Đây là một trường hợp bí ẩn nhất.

- Thường thì một sự việc bề ngoài càng quái dị, nó càng dễ phát hiện.

- Bây giờ anh sắp làm gì?

- Đây là một vấn đề có thể giải đáp sau 50 phút ngồi suy nghĩ.

Anh cuộn mình lại trong ghế, hai đầu gối khằng khiu đưa lên tận cái mũi điều hâu. Anh ngồi ở đó, nhắm nghiền hai mắt, cái tẩu nhô ra, giống như cái mỏ của một con chim kỳ dị. Tôi ngủ gà ngủ gật và ngỡ là anh đã ngủ thiếp đi, thì bỗng nhiên anh nhảy chồm ra khỏi ghế, đặt cái tẩu xuống bên cạnh lò sưởi.

- Chiều nay tại thính đường Saint - James có trình diễn hoà nhạc, anh nghĩ sao Watson? Các bệnh nhân của anh có tha cho anh một vài giờ không?

- Việc hành nghề của tôi thường cũng chả bận rộn gì mấy?

- Trước hết, ta sẽ lên phố và ăn trưa trên đường đi. Tôi thấy có nhiều âm nhạc Đức trên tờ chương trình. Nhạc Đức rất hợp với tôi.

Chúng tôi đi xe điện ngầm đến Aldergate. Sau đó, đi bộ một đoạn ngắn, chúng tôi đến quảng trường Coburg là nơi xảy ra câu chuyện. Đó là một khu vực nhỏ bé, tòi tàn, với bốn dãy nhà gạch, hai tầng xám xịt nhìn ra một bồn cỏ dại và một vài

bụi nguyệt quế tàn úa. Ba qua bóng màu vàng và một tấm biển màu nâu với hàng chữ trắng “Gia-bê Uyn-xơn” trên tường. Một căn nhà bên góc, cho biết cái nơi mà vị khách tóc đỏ đang làm ăn. Sherlock Holmes dừng lại trước căn nhà đó, nghiêng đầu sang một bên quan sát nó, đi chậm rãi trên đường phố, rồi lại xuống góc đường, mắt vẫn chăm chú nhìn vào những ngôi nhà. Sau cùng, anh trở lại tiệm cầm đồ và sau khi lấy gậy đánh xuống vỉa hè ba lần, anh đi tới cửa lớn và gõ. Cửa được mở tức thì, chàng trai mặt mày sáng sủa, mời Holmes bước vào.

- Xin lỗi anh, làm thế nào để đi từ đây đến Strand.

- Ba lần quẹo tay phải, bốn lần quẹo tay trái - Người phụ tá nhanh nhẩu đáp, rồi đóng cửa lại.

- “Hắn là một gã tinh khôn”. Holmes nhận xét, khi chúng tôi bước đi. “Theo đánh giá của tôi, hắn là người tinh ranh xếp hàng thứ tư tại Luân Đôn. Tôi có biết chút ít về hắn”.

- “Hiển nhiên rồi”, tôi nói. “Người phụ tá của ông Uyn-xơn dính dáng rất nhiều đến bí mật về Hội Tóc Đỏ. Anh vờ hỏi thăm đường là để nhìn mặt hắn.”

- Không phải để nhìn hắn.

- Vậy nhìn cái gì?

- Hai đầu gối quần của hắn.

- Và thấy gì?

- Cái mà tôi muốn thấy.

- Tại sao anh đánh gậy xuống vỉa hè?

- Chúng ta là những trinh sát trong vùng địch. Chúng ta đã biết một số điều về quảng trường Coburg. Bây giờ, chúng ta sẽ thám hiểm những khu vực nằm đằng sau nó.

Sau khi rời quảng trường và bẻ ngoặt góc, con đường trước mặt chúng tôi phô bày ra một cảnh tượng khác hẳn, tương phản hoàn toàn với con đường đã đi qua. Lòng đường

đây xe cộ đang ngược xuôi. Via hè đen ngịt khách bộ hành. Holmes đứng tại góc đường và đưa mắt nhìn dãy phố.

- "Tôi muốn nhớ thứ tự của những ngôi nhà tại đây. Đây nhé, tiệm thuốc lá, tiệm bán báo nhỏ, chi nhánh của Ngân hàng thành phố, tiệm bán đồ chay và kho chứa sườn xe ngựa. Và bây giờ, anh bạn bác sĩ a, ta sẽ ăn một cái bánh xăng-guych, uống một cốc cà phê, rồi đi đến không gian của vĩ cầm, nơi không có một đầu tóc đỏ nào quấy rầy chúng ta.

Suốt buổi chiều, anh ngồi trong thính đường, nhẹ vẫy những ngón tay dài, khẳng khiu đánh nhịp theo điệu nhạc. Gương mặt tươi cười và đôi mắt mơ màng, uể oải. Chiều hôm ấy, khi thấy anh đắm chìm trong nhạc hứng tại thính đường Saint-James, tôi cảm nhận rằng sắp đến thời điểm khốc liệt nhất rồi.

- Chắc là bác sĩ muốn về nhà, phải không? - Anh nhận xét, khi chúng tôi đi ra.

- Vâng, về cũng được.

- Tôi phải làm một số việc, mất chừng vài giờ. Vấn đề xảy ra tại quảng trường Coburg rất nghiêm trọng.

- Tại sao lại nghiêm trọng?

- Một tội ác đang được mưu tính. Chúng ta sẽ kịp thời ngăn chặn nó. Nhưng đêm nay là thứ Bảy, nên vấn đề hơi rắc rối. Tôi sẽ cần đến sự trợ lực của anh đêm nay.

- Lúc mấy giờ?

- 10 giờ đêm.

- Tôi sẽ có mặt tại phố Baker đúng giờ.

- Tốt lắm. Nhưng hơi nguy hiểm đấy. Đừng quên mang súng theo. - Anh vẫy tay, quay gót, và thoát một cái, biến mất vào đám đông.

So với những người bạn láng giềng thì tôi cũng không đến nỗi quá đần độn, thế mà cứ mỗi lần tiếp xúc với Sherlock Holmes, tôi vẫn có mặc cảm về sự ngu ngốc, khờ khạo của

mình. Tôi đã nghe những điều mà anh nghe, đã thấy cái mà anh thấy, nhưng anh ta không chỉ thấy cái đã xảy ra, mà cảm thấy những cái sắp xảy ra, trong khi đối với tôi toàn bộ sự việc vẫn còn hỗn độn và kỳ quái. Trên đường về nhà, tôi nghĩ đi nghĩ lại về vấn đề ấy. Qua những lời ám chỉ của Holmes, tôi đoán chừng rằng kẻ phụ tá này là một con người đáng sợ. Tôi cố gỡ cái mớ bong bóng ấy, nhưng tuyệt vọng, đành đặt nó sang một bên.

Tối hôm đó, khi đến phố Baker, tôi thấy có hai chiếc xe ngựa đang đậu trước cửa lớn, và ngay khi bước vào phòng, tôi thấy Holmes đang nói chuyện sôi nổi với hai người đàn ông. Đó là Jones, thám tử nhà nước, và một người có dáng cao, gầy, gương mặt buồn, với cái mũ rất bóng loáng và một áo choàng bệ vệ.

- "Hà! Phe ta đã đầy đủ". Holmes nói, mở cúc áo của anh và lấy ra cái dây da. "Watson, chắc anh đã biết ông Jones thuộc cảnh sát cục Tô Cách Lan rồi chứ? Cho tôi giới thiệu anh với ông Me-ry, một bạn đường của chúng ta trong cuộc mạo hiểm đêm nay".

- "Chúng ta lại đi săn thành từng cặp, bác sĩ ạ". Jones nói với phong cách tự đắc của ông ta. "Ông bạn của chúng ta đây là một người tuyệt diệu trong việc săn bắt. Ông ta chỉ cần một con chó già để đánh hơi con mồi".

- Tôi cho rằng bắt được con ngỗng trời cũng chưa thể gọi là kết thúc cuộc săn. - Ông Me-ry nhận xét một cách rầu rĩ.

- "Ông nên tin vào ông Holmes, thưa ông", viên thám tử nhà nước nói một cách tự hào. "Ông ấy có những thủ thuật riêng. Nhiều lần, ông ấy phán đoán chính xác hơn cả toàn thể lực lượng cảnh sát chính quy".

- "Ồ, ông nói đúng lắm". Người kia nói với sự nhượng bộ. "Tuy thế, tôi thú thật là tôi quên mất bộ bài".

- Đêm nay ông đã đặt vào canh bạc một số tiền lớn hơn nhiều so với trước đây. Vì thế mà cuộc chơi sẽ càng hào hứng.

Đối với ông, ông Me-ry ạ, món tiền đặt sẽ là khoảng 30.000 bảng Anh; còn đối với ông Jones, thì đó là một tên tội phạm mà ông cần thộp cổ.

- "Hắn là Cờ-lây, tên giết người cướp của, tên chuyên làm bạc giả!" Jones nói. "Hắn còn trẻ, nhưng là tay "xếp sòng" trong làng trộm cướp. Ông nội hắn là một quận công, và bản thân hắn cũng tinh ranh như những ngón tay hắn. Hành tung xuất quỷ nhập thần. Tôi theo dõi hắn nhiều năm, nhưng chưa hề nhìn thấy hắn".

- Đêm nay tôi sẽ giới thiệu ông với hắn. Quá 10 giờ đêm rồi, chúng ta khởi hành nhé! Hai ông lên xe ngựa thứ nhất. Watson và tôi đi cái thứ hai.

Trong suốt chuyến đi, Holmes không nói nhiều, chỉ nằm xuống và âm ừ những điệu nhạc mà anh đã nghe lúc ban chiều. Xe chúng tôi chạy lọc cọc qua những con phố ngoằn ngoèo được thắp sáng bằng đèn khí.

- "Chúng ta sắp đến hiện trường", anh nói. "Me-ry là Tổng giám đốc Ngân hàng, và vấn đề này liên hệ trực tiếp với ông ta. Tôi nghĩ có Jones đi theo cũng tốt. Ông ta gan dạ như một con chó săn và đeo theo mồi dai như đĩa. Đến rồi. Họ đang chờ chúng ta kia".

Chúng tôi xuống xe và theo sự hướng dẫn của ông Me-ry, đi qua một hành lang, rồi một cửa hông. Bên trong có một hành lang nhỏ, tận cùng là một cổng sắt đồ sộ. Cái cổng này cũng được mở, dẫn xuống các bậc cấp bằng đá ngoằn ngoèo, tận cùng là một cái cổng đồ sộ khác. Ông Me-ry dừng lại để thắp đèn lồng, rồi hướng dẫn chúng tôi xuống một hành lang tối, vào nhà vòm to lớn, chất đầy những thùng gỗ và hộp gỗ.

- Ông khỏi cần đèn phòng nguy hiểm từ phía trên. - Holmes nhận xét, khi anh đưa cái đèn lên và nhìn xung quanh.

- "Từ phía dưới cũng vậy" ông Me-ry nói, đánh cây gậy lên phiến đá lát trên sàn. "Ồ trời đất! Đường như nó bọng!" Ông nhận xét, mắt nhìn lên kính ngọc.

- “Tôi yêu cầu ông giữ yên lặng một chút”. Holmes nghiêm khắc nói. “Ông làm nguy hại đến chuyến đi này. Xin vui lòng ngồi xuống trên những cái hộp gỗ đó, và không can thiệp vào.”

Ông Me-ry ngồi xuống trên một cái thùng gỗ, vẻ mặt bị chạm tự ái, trong khi đó Holmes quỳ gối trên sàn, với cái đèn lồng và cái kính lúp, bắt đầu xem xét tỉ mỉ những kẽ nứt giữa các hòn đá. Một vài phút sau, anh nhẩy đứng lên và đặt cái kính vào trong túi:

- Ít nhất cũng còn một tiếng đồng hồ nữa, vì chúng khó lòng hành động trước khi người chủ tiệm cảm đồ đã ngủ. Bác sĩ ạ, chúng ta đang ở dưới hầm của chi nhánh ngân hàng. Ông Me-ry sẽ giải thích cho anh biết tại sao hiện nay bọn tội phạm lại quan tâm nhiều tới nơi này.

- Đó là nơi trữ vàng Pháp của chúng tôi. Đã nhiều lần chúng tôi được báo là có kẻ âm mưu đánh cướp nó.

- Vàng Pháp của các ông?

- Vàng. Vài tháng trước đây chúng tôi quyết định tăng cường tiền vốn của ngân hàng, nên đã vay 30.000 đồng Napoléon của nước Pháp. Cái thùng gỗ này chứa 2.000 đồng Napoléon được đóng vào giữa những lớp đá chì.

- Vài giờ nữa vấn đề sẽ kết thúc, trong khi chờ đợi, chúng ta sẽ đặt cái màn che qua cái đèn lồng lù mù này.

- Vậy tôi phải ngồi trong bóng tối ư? - Ông Me-ry hỏi.

- Tôi có mang theo bộ bài trong túi và bộ tứ chúng ta có thể chơi một chút, để ông đỡ nhàm chán. Tôi định thế, nhưng bây giờ tôi thấy kẻ thù đã chuẩn bị chu đáo, nên không thể đánh bài. Và trước hết, mỗi người phải chọn một vị trí nhất định. Khi tôi xẹt một làn ánh sáng lên bọn chúng, hãy tấn công chớp nhoáng. Nếu chúng nó bắn, anh Watson hãy cho chúng ăn kẹo đồng.

Tôi đặt khẩu súng trường lên nắp thùng gỗ ở trên cùng, rồi nép ở đằng sau đó. Holmes che cái đèn lại và chúng tôi ngồi trong bóng tối, đen như mực.

- "Bọn chúng chỉ có một lối để thoát ra". Holmes thì thầm. "Đó là ngõ phía sau, xuyên qua toà nhà tới quảng trường Coburg. Chắc ông đã làm xong việc đó rồi chứ, ông Jones?"

- Tôi đã bố trí một thanh tra và hai cảnh sát ở cửa trước.

- Vậy chúng ta chỉ việc im lặng chờ đợi.

Thật nặng nề khó chịu làm sao! Chân tay tôi mỏi nhừ và tê điếng vì không dám nhúc nhích. Thần kinh tôi căng thẳng cực độ, nhưng thính giác lại vô cùng sắc bén. Tôi không chỉ nghe tiếng thở nhẹ của Holmes, mà còn phân biệt được tiếng thở sâu và mạnh của ông Jones với tiếng thở nhẹ của viên Tổng giám đốc Ngân hàng. Bỗng nhiên có một làn ánh sáng loé lên.

Thoạt tiên, nó chỉ là một đốm lửa màu xanh nhạt trên mặt sàn lát đá. Rồi nó kéo dài ra cho đến khi trở thành một đường kẻ vàng, và rồi bất thần một đường rãnh dài và một bàn tay xuất hiện. Bàn tay sờ soạng xung quanh cái vòng ánh sáng ấy. Trong khoảng một hai phút, bàn tay nhô ra khỏi sàn, rồi đột ngột rút về và tất cả lại chìm trong bóng tối, trừ cái đốm lửa màu xanh nhạt thấp thoáng qua kẽ hở giữa những hòn đá.

Tuy thế, sự biến mất của nó chỉ là tạm thời. Với một âm thanh chát chúa, một trong những hòn đá bị lật lên, để lộ ra một lỗ hổng qua đó ánh sáng của một cái đèn lồng tràn vào. Một gương mặt trời lên và chăm chú nhìn quanh. Và rồi, với mỗi tay bám vào một mép lỗ, nó tự kéo mình lên dần dần, cho đến khi một đầu gối tựa lên mép lỗ. Một khoảnh khắc sau đó, hấn đứng cạnh cái lỗ và đang kéo lên một bạn đồng minh, tên này cũng mảnh mai, gương mặt trắng xanh và mái tóc đỏ rực.

- "Hiện trường quang dăng", hấn thì thầm. "Nhớ mang theo cái đục và những cái túi ... ối! A-si, chạy đi!"

Sherlock Holmes đã nhảy ra và tóm lấy cổ áo một kẻ đột nhập. Tên kia lao xuống cái lỗ, và tôi nghe âm thanh của vải bị xé rách khi Jones chộp vào cái "váy" của hắn. Ánh sáng xẹt lên cái nòng súng trên tay người bị bắt, nhưng cái dây da của Holmes đã kịp đánh xuống làm cho khẩu súng lục văng ra.

- "Vô ích thôi, Cờ-lây ạ". Holmes ngọt ngào nói. "Anh chả có cơ may nào cả".

- "Tôi cũng thấy thế", tên kia đáp, cực kỳ bình tĩnh. "Tôi tin rằng bạn tôi an toàn, mặc dù tôi thấy ông bạn kia chụp được đuôi áo của anh ta".

- Có ba người đang đợi hắn tại cửa lớn. - Holmes nói.

- Ồ, thật ư? Dường như ông đã chuẩn bị rất chu đáo. Tôi khen ông đấy.

- Và tôi cũng phải khen anh. Sáng kiến của anh về Hội Tóc Đỏ rất mới mẻ và hữu hiệu.

- "Anh sẽ được gặp bạn anh ngay bây giờ". - Jones nói, "Hắn bò xuống cái lỗ nhanh hơn tôi".

- "Tôi xin ông đừng đung tới tôi bằng hai bàn tay bần thủ của ông", tên tội phạm nói khi những chiếc còng kêu lanh canh trên cườm tay hắn. "Có thể ông không biết tôi có dòng máu hoàng tộc. Xin hãy xưng hô với tôi là "Thưa Ngài, xin Ngài làm ơn..."

- "Được thôi". Jones nói, mắt nhìn hắn với một nụ cười chế nhạo. "Vâng, thưa Ngài, xin Ngài làm ơn bước lên cầu thang, nơi mà chúng tôi có thể kiểm một cái xe để đưa Ngài đến trạm cảnh sát".

- Nói vậy còn nghe được. - Cờ-lây nói một cách trang trọng. Hắn cúi đầu chào cả ba chúng tôi và lặng lẽ bước lên cầu thang.

Chúng tôi rời khỏi hầm, ông Me-ry nói:

- Ông Holmes, tôi không biết Ngân hàng sẽ cảm ơn ông hoặc trả ơn ông như thế nào.

- Bản thân tôi có một hai món nợ cần thanh toán với Cờ-lây. Tôi đã phải tốn một chi phí nhỏ về vụ này, mà tôi hy vọng Ngân hàng sẽ hoàn lại. Nhưng kể ra, tôi đã được trả công một cách hậu hĩ khi được nghe câu chuyện rất hấp dẫn về Hội Tóc Đỏ.

Vào buổi sáng sớm, khi chúng tôi ngồi tại phố Baker, Holmes giải thích:

- Ngay từ đầu, tôi đã thấy rõ cái thông cáo của Hội Tóc Đỏ và việc chép lại quyển Bách khoa từ điển chỉ có một mục đích duy nhất là để “điệu hổ ly sơn” người chủ tiệm cầm đồ. Sáng kiến đó chắc chắn là do cái đầu óc ranh ma của Cờ-lây nghĩ ra, được gợi ý từ cái màu tóc đỏ của người chủ tiệm. Số tiền bốn bảng Anh hàng tuần là miếng mồi. Chúng loan tin, một tên mở “văn phòng”, tên kia xúi giục người đàn ông đến xin việc. Thế là chúng bảo đảm sự vắng mặt của ông ta mỗi buổi sáng. Từ lúc nghe nói rằng gã phụ tá chỉ nhận nửa lương, tôi thấy rõ là hấn, quyết tâm kiếm cho được cái chỗ làm ấy, bằng mọi giá.

- Nhưng làm thế nào anh đoán ra được cái động cơ của hấn?

- Nếu trong nhà có phụ nữ, thì có thể nghĩ hấn có một ý đồ khác. Nhưng điều ấy lại không xảy ra. Mặt khác, người đàn ông này chẳng giàu có gì, đồ đạc cũng không đáng kể. Thế mà bọn chúng dám chịu một phí tổn như thế, thì hấn chúng phải có một âm mưu to lớn hơn. Cái mà chúng nhắm tới hiển nhiên không phải ở trong nhà, mà là ở bên ngoài. Vậy nó là cái gì? Tôi nghĩ đến sở thích của người phụ tá đối với nhiếp ảnh, và cái việc chạy bay chạy biển xuống hầm của hấn. Cái hầm! Đó là cái đầu mối vô cùng quan trọng. Rồi tôi điều tra về tên phụ tá bí mật này, và thấy rằng tôi phải đụng độ với một trong những tên tội phạm trầm tĩnh và táo bạo nhất tại Luân Đôn. Hấn đang làm một cái gì đó trong cái hầm, một cái gì đó phải mất nhiều thì giờ, kéo dài trong nhiều tháng liền

tiếp. Vậy thì nó là cái gì? Tôi không thể nghĩ ra điều gì ngoài cái việc hẩn đang đào một đường hầm ăn thông sang một căn nhà nào đó. Khi đi thăm hiện trường, tôi đã dùng gậy đánh lên vỉa hè là muốn xác định xem cái đường hầm trải ra phía trước hay phía sau. *Không phải về phía trước.* Rồi tôi rung chuông và như tôi hy vọng, tên phụ tá ra tiếp.

Đầu gối hẩn là cái mà tôi mong ước thấy: hai đầu gối quần hẩn sờn rách, nhăn nhúm và bẩn như thế nào. Điều ấy là hậu quả của những giờ đào hầm. *Hẩn đào hầm để làm gì?* Tôi đi bộ tới góc phố, *thấy ngân hàng tiếp giáp với căn nhà của anh bạn tóc đỏ.* Sau buổi hòa nhạc, tôi ghé vào cảnh sát cục Tô Cách Lan và đến chỗ viên Tổng giám đốc Ngân hàng.

- Nhưng làm thế nào, anh đoán được rằng chúng sẽ hành động vào đêm nay?

- Khi đóng cửa văn phòng của Hội, là chúng đã đào xong cái đường hầm. Nhưng chúng buộc lòng phải sử dụng nó ngay, vì để lâu có thể bị phát hiện, và số vàng dưới hầm có thể được chuyển đi nơi khác. Ngày thứ Bảy là tiện hơn cả, bởi vì chúng có được hai ngày để tẩu thoát. Vì các lý do đó mà tôi chờ đợi chúng đêm nay.

- Anh suy diễn tài tình thật. Đó là một chuỗi xích dài, thế mà mọi khâu đều ăn khớp với nhau.

- “Nó giúp tôi thoát khỏi sự nhàm chán” anh vừa nói vừa ngáp. “Than ôi! Tôi cảm thấy sự tẻ nhạt lại đang kéo đến vây phủ tôi. Những vụ như thế này giúp tôi mua vui cũng được một vài trống canh”.

Một vụ mất tích kỳ lạ

- Lúc này anh có một vụ nào không?

- Cả một lối, toàn là những vụ quan trọng nên chẳng có một chút hứng thú nào cả. Thường thường chỉ trong những vụ kém quan trọng, chúng ta mới thi thố được óc quan sát và khả năng phân tích nguyên nhân và hậu quả, khi tội ác càng lớn thì nguyên nhân lại càng giản dị, dễ hiểu; đó là nguyên tắc ... Nhưng có lẽ chỉ trong vài phút nữa, chúng ta sẽ có một nữ thân chủ.

Holmes rời khỏi ghế bành, đến đứng sau bức màn, hướng mắt xuống con đường âm đạm. Nhìn qua vai anh, tôi thấy một thiếu phụ, thân hình đầy đặn, đang đứng trên lề đường đối diện. Nàng đội nón rộng vành được trang điểm bằng một cọng lông chim lớn, màu đỏ. Nàng nhìn lên cửa sổ phòng chúng tôi với một vẻ do dự. Thân hình nàng đong đưa. Thành linh, nàng chạy băng qua đường và tiếng chuông cửa reo vang.

- "Tôi đã từng biết loại triệu chứng này rồi", Holmes nói, vừa ném tàn thuốc lá vào lò sưởi. "Người thiếu nữ này đang ở trong một tình trạng bối rối vì một vấn đề tình yêu. Nàng muốn được giúp đỡ, nhưng không biết có thể lộ câu chuyện của mình ra chăng".

Có tiếng gõ cửa, và người hầu vào thông báo có cô Mary đến. Holmes lịch sự đón tiếp nàng. Anh đóng cửa lại, mời nàng ngồi:

- Thưa cô, với cặp kính cận, cô cố cực nhọc lắm không, khi phải đánh máy quá nhiều?

- Đó là lúc đầu, bây giờ tôi có thể đánh máy mà không cần nhìn vào bàn máy.

Nàng trả lời một cách tự động, không chú ý đến tính cách đặc biệt của nó. Nhưng vừa nói xong, nàng bỗng giật nảy mình, đưa mắt nhìn bạn tôi với một vẻ kinh ngạc:

- Ông Holmes! Phải chăng người ta đã nói với ông về tôi? Nếu không, làm sao ông có thể biết được điều đó?

- "Không có gì quan trọng cả!" Holmes cười đáp. "Nghề nghiệp bắt buộc tôi phải biết nhiều điều ... Và lại, nếu không, thì cô đâu có đến đây tìm tôi?"

- Thưa ông, tôi đến tìm ông do lời giới thiệu của bà Êt-tê. Ông đã tìm ra được chồng của bà ấy một cách dễ dàng, trong khi mọi người, kể cả cảnh sát, đều cho là ông ta đã chết! ... Ô, thưa ông Holmes! Tôi không giàu, nhưng mỗi năm tôi được hưởng 100 bảng, ngoài ra tôi còn có tiền công đánh máy. Tôi sẵn sàng trả cho ông bao nhiêu cũng được, miễn là ông tìm ra ông Hô-me giùm tôi.

- Vì sao cô có vẻ quá hấp tấp vậy? - Holmes đan mười đầu ngón tay vào nhau, và đưa mắt nhìn lên trần nhà.

Một lần nữa, Mary lại biểu lộ một sự kinh ngạc đến sững sốt.

- Ông Uyn-đi, cha của tôi, chẳng quan tâm gì đến việc này cả. Ông ấy không muốn tôi báo cảnh sát, cũng không muốn tôi đến gặp ông! Ông ấy nói rằng việc này không có gì nghiêm trọng. Tôi đã nổi giận và chạy thẳng đến ông.

Holmes hỏi:

- Cha của cô à? Chắc là cha ghê của cô chẳng?

- Phải. Tôi gọi ông ấy bằng ba, nhưng ông ấy chỉ lớn hơn tôi có năm tuổi.

- Mẹ cô vẫn còn sống chứ?

- Vâng! Bà rất khỏe mạnh. Thưa ông, tôi không được vừa lòng khi thấy mẹ tôi tái giá quá sớm, nhất là tái giá với người

đàn ông kém hơn bà đến 15 tuổi. Cha ruột tôi là thợ sửa ống và đặt ống ở Tottenham Court: ông để lại cả một cơ xưởng đang hoạt động tốt. Mẹ tôi tiếp tục điều khiển cơ xưởng này với sự phụ tá của người đốc công là ông Ha-đy. Nhưng khi bà gặp ông Uyn-đi, bà liền bán cơ xưởng và theo về với ông ấy.

- Phải chăng số lợi tức hàng năm của cô là do cơ nghiệp của cha cô để lại?

- Ồ không. Đó là gia tài của chú Ned ở Tân Tây Lan: những chứng khoán trị giá tổng cộng 2.500 bảng, với 4,5% tiền lời. Tôi chỉ lãnh số tiền lời đó thôi.

- Câu chuyện của cô làm cho tôi thích thú, xem nào! Như thế, mỗi năm cô lãnh được 100 bảng, và tiền công đánh máy. Với hai số tiền ấy, một thiếu nữ độc thân có thể sống thoải mái, thỉnh thoảng đi du lịch hoặc mua sắm một vài món đồ, phải không?

- Vâng! Nhưng hiện giờ tôi còn ở chung với mẹ tôi và ông Uyn-đi. Do đó tôi để cho hai ông bà hưởng số tiền lời ấy, cho đến khi nào tôi có gia đình riêng. Cứ mỗi tam cá nguyệt, ông Uyn-đi đi lãnh số tiền lời của tôi đem về cho mẹ tôi. Còn tôi, tôi chỉ tiêu xài số tiền đánh máy.

- “Cô đã cho tôi biết rất rõ ràng về tình trạng của cô”, Holmes nói. “Và bây giờ, đây là bác sĩ Watson, bạn thân của tôi. Cô đừng e ngại gì cả, cứ tự nhiên kể lại cuộc giao thiệp giữa cô và ông Hô-me”.

Đôi má của Mary hơi ửng đỏ một chút:

- Khi cha tôi còn sống, các công nhân khí đốt thường gọi thiệp mời cả gia đình tôi đến khiêu vũ. Còn bây giờ họ gọi thiệp mời mẹ tôi và tôi. Ông Uyn-đi chẳng bao giờ muốn chúng tôi đi đâu cả. Lần này, tôi nhất quyết đi dự! Ông tìm đủ cách để bác bỏ. Sau cùng, thấy tôi không chịu, ông ta bèn lên đường đi Pháp công tác cho công ty của ông ta. Mẹ tôi và tôi bảo ông Ha-đy đưa chúng tôi đi dự buổi khiêu vũ: và tôi đã gặp anh Hô-me ở đó.

- Từ Pháp trở về, ông bố ghê rất giận dữ khi được biết cô đã dự buổi khiêu vũ hôm đó?

-Ồ không! Ông ta chỉ cười và nhún vai. Ông ta còn nói rằng không nên cấm một người phụ nữ làm điều gì họ thích, bởi vì có cấm thì họ cũng vẫn làm.

- Tốt.

- Ngày hôm sau, Hô-me đến thăm chúng tôi, sau đó chúng tôi có gặp lại ông ấy một lần nữa ... Nghĩa là, chúng tôi đã gặp nhau hai lần và đã đi dạo với nhau. Nhưng khi cha ghê tôi trở về, Hô-me không thể đến nhà thăm tôi nữa.

- Sao vậy?

- Bởi vì, cha ghê tôi không thích khách khứa đến nhà. Nhưng, tôi nói với mẹ tôi rằng tôi muốn có gia đình.

- Ông Hô-me không tìm cách gặp lại cô sao?

- Thế này: cha ghê tôi lại phải đi Pháp trong một tuần lễ. Hô-me viết thư nói rằng nên chờ đợi cho cha ghê tôi đi đã rồi hãy gặp nhau. Trong thời gian chờ đợi, chúng tôi vẫn viết thư cho nhau. Mỗi buổi sáng, tôi đích thân ra hộp thư lấy thư, do đó cha ghê tôi chẳng hay biết gì cả.

- Vào thời gian đó, cô đã hứa hôn với ông Hô-me chưa?

-Ồ có, chúng tôi đã hứa hôn với nhau ngay từ buổi đi dạo đầu tiên. Hô-me là thủ quỹ trong một văn phòng ở đường Leadenhall và ...

- Văn phòng nào?

- Thưa ông, đây chính là điều làm cho tôi hoang mang nhất: tôi không biết đó là văn phòng nào.

- Vậy thì ông ấy ở đâu?

- Ông ấy ngủ ngay tại chỗ ông ấy làm việc.

- Cô không biết địa chỉ của ông ấy?

- Không. Tôi chỉ biết đó là đường Leadenhall.

- Vậy, cô gửi thư đến địa chỉ nào?

- Đến Sở bưu điện ở đường Leadenhall, hộp thư lưu trữ. Anh ấy bảo rằng nếu tôi gửi thư đến văn phòng, thì anh sẽ bị các bạn đồng nghiệp chế nhạo. Tôi đề nghị sẽ đánh máy những bức thư của tôi; giống như những bức thư của anh ấy gởi cho tôi vậy. Nhưng anh ấy không chịu, bảo rằng khi đọc những bức thư do chính tay tôi viết, anh ấy có cảm giác như được ở gần bên tôi. Thưa ông Holmes, điều này chứng tỏ anh ấy yêu thương tôi đến mức nào, và luôn luôn quan tâm đến những chi tiết nhỏ.

- Rất hay! Cô có thể nhớ lại những chi tiết nhỏ nào khác về ông Hô-me không?

- Thưa đó là một thanh niên rất nhút nhát. Vì thế, anh ấy thích đi dạo vào buổi tối hơn là ngay giữa ban ngày. Anh ấy rất nhu mì, ngay cả đến tiếng nói cũng nhỏ nhẹ, dường như lúc nhỏ có bị chứng viêm họng làm cho cổ họng bị yếu đi, do đó anh ấy có một giọng nói hơi thì thầm... không được rõ ràng lắm... Luôn ăn mặc đàng hoàng, sạch sẽ và giản dị... Mắt của anh ấy cũng không được tốt: lúc nào anh ấy cũng phải mang một cặp kính màu.

- Tốt lắm. Và chuyện gì đã xảy ra khi cha cô trở về?

- Trước đó, anh Hô-me đến đề nghị cử hành hôn lễ trước khi cha ghé tôi trở về. Anh ấy có vẻ gấp rút lắm, anh ấy bảo tôi đặt bàn tay lên quyển Kinh Thánh, hứa rằng sau này đâu cho có chuyện gì xảy ra, tôi sẽ vẫn luôn luôn trung thành với anh ấy. Mẹ tôi cho rằng đó là một dấu hiệu đẹp đẽ của tình yêu. Ngay từ lúc đầu, mẹ tôi đã có thiện cảm với anh ấy, tôi hỏi cha ghé tôi có ý kiến gì về việc này, bà hứa sẽ dàn xếp với ông ấy. Điều này không làm cho tôi thích lắm. Tại sao tôi lại phải xin phép cha ghé tôi để kết hôn. Nhưng tôi cũng viết thư cho ông ấy ở Bordeaux, nơi công ty ông ấy có văn phòng đại diện. Lá thư được gởi trả lại cho tôi ngay trong buổi sáng ngày hôn lễ.

- Ông ấy không chịu nhận thư à?

- Không, ông ấy lên đường đi Anh trước khi lá thư đến Bordeaux...

- Thật không may mắn! Vậy là hôn lễ đã được dự tính cử hành vào ngày thứ sáu vừa qua.

- Vâng, hôn lễ đã được dự tính cử hành ở nhà thờ và sau đó chúng tôi sẽ dự một bữa ăn trưa gia đình tại khách sạn. Hô-me đến nhà đón chúng tôi.

Anh đỡ mẹ tôi và tôi lên chiếc xe "cab", còn anh thì nhảy lên một chiếc xe ngựa bốn bánh đang đậu gần đấy. Xe của chúng tôi đến nhà thờ trước. Khi chiếc xe ngựa bốn bánh hiện ra, chúng tôi trông đợi anh Hô-me xuống xe, nhưng trông mãi chẳng thấy. Người đánh xe quay đầu nhìn vào bên trong xe: anh Hô-me đã biến mất! Người đánh xe bảo rằng ông ta chẳng hiểu gì cả, rằng chính mắt ông ta đã trông thấy người khách nhảy lên xe ... Chuyện này đã xảy ra hôm thứ sáu vừa qua, và cho đến nay tôi vẫn không được một tin tức gì cả về anh Hô-me.

- Tôi có cảm giác rằng cô đã bị lừa gạt một cách hết sức bỉ ổi! - Holmes nói.

- Ồ, không, thưa ông! Anh ấy quá tốt và quá ngay thật. Này nhé! Suốt cả buổi sáng hôm đó, anh ấy không ngừng lặp đi lặp lại với tôi rằng dẫu cho có chuyện gì xảy ra, tôi phải luôn luôn trung thành với anh ấy, rằng dẫu có một biến cố bất ngờ nào chia cách hai chúng ta, tôi phải luôn luôn nhớ rằng tôi là của anh ấy, và sớm hay muộn gì anh ấy cũng sẽ tìm lại với tôi. Có lẽ đây là một cuộc nói chuyện thật kỳ dị trong một buổi sáng của ngày hôn lễ. Nhưng những sự việc xảy ra sau đó đã cho chúng ta thấy tất cả ý nghĩa của nó!

- Như thế, theo ý cô thì Hô-me đã gặp phải một tai nạn bất ngờ?

- Thưa phải.

- Nhưng cô không hề biết gì về cái điều nguy hiểm mà ông ấy đã tiên đoán?

- Hoàn toàn không.

- Mẹ cô đã phản ứng như thế nào trong vụ này?

- Bà rất giận dữ. Bà bảo tôi đừng bao giờ nhắc đến cái tên ấy trước mặt bà nữa.

- Cô có cho cha ghê biết việc này không?

- Có. Ông ấy cũng cho rằng có một điều gì đó đã xảy ra. Và ông ấy bảo đảm rằng chỉ trong thời gian ngắn, tôi sẽ được biết tin tức về Hô-me. Ông ấy nói với tôi: "Không có lý do gì một người đàn ông đã đưa con đến tận ngưỡng cửa nhà thờ rồi lại bỏ rơi con một cách ngang xương như vậy?". Thưa ông, tại sao chuyện này lại có thể xảy ra?

- "Tôi sẽ giải quyết vụ này", Holmes nói, vừa đứng dậy. "Tôi tin chắc sẽ đạt được kết quả. Nhưng trước mắt, cô hãy cố gắng xóa bỏ cái tên Hô-me ra khỏi tâm trí của cô, hãy quên ông ta một cách hoàn toàn, cũng như ông ta đã hoàn toàn ra khỏi cuộc đời của cô".

- Vậy ... Ông nghĩ rằng tôi sẽ không còn gặp lại ông ấy nữa?

- Không.

- Nhưng điều gì đã xảy ra cho anh ấy?

- Tôi sẽ trả lời câu hỏi này sau. Tôi muốn có một bản mô tả đúng đắn hình dạng của ông ấy, và một trong số những lá thư của ông ta.

- Trên báo ngày thứ bảy vừa qua có đăng một bản tin "Tìm người mất tích" với những chi tiết về hình dạng của anh ấy. Đây là bản tin được cắt ra và bốn lá thư của anh ấy.

- Cảm ơn cô. Địa chỉ của cô?

- 31, Lyon Place, Camberwell.

- Ông Hô-me không hề cho cô biết địa chỉ của ông. Còn cha ghê của cô, ông ấy làm việc ở đâu?

- Ông ấy làm đại diện thương mại cho công ty Westhouse Marbank ở đường Fenchurch.

- Cảm ơn cô. Lời tường thuật của cô rất rõ ràng và đầy đủ. Xin cô nhớ lời khuyên của tôi: *"Hãy quên đi tất cả câu chuyện này, đừng bao giờ để nó ám ảnh cuộc đời của cô nữa"*.

- Cảm ơn ông, thưa ông Holmes. Nhưng không thể được. Tôi phải tin tưởng anh Hô-me.

Mặc dầu trông nàng có vẻ xoàng xĩnh với chiếc nón rộng vành kỳ dị và gương mặt hơi ngầy ngô chất phác, tấm lòng chung thủy của nàng có một cái gì cao quý làm cho người ta phải kính trọng. Mary đặt xấp thư của nàng lên bàn và ra về sau khi hứa sẽ trở lại bất cứ lúc nào chúng tôi cần đến nàng.

Holmes ngồi im lặng một lúc lâu: hai bàn tay đan vào nhau, hai chân duỗi thẳng, nhìn đăm đăm lên trần nhà, vẻ mặt chìm đắm trong suy tư.

Tôi phát biểu một nhận xét:

- Anh đã đọc thấy nơi nàng vô số những điều mà tôi hoàn toàn không thấy được.

- Không phải là không thấy được, chỉ vì anh không chú ý đến chúng đấy thôi, anh không biết nhìn, chính vì thế mà anh không nắm được cái chính yếu. Nào, bây giờ anh hãy thử mô tả lại nàng cho tôi xem đi!

- Nàng đội một chiếc nón rộng vành màu xám đá băng, được trang trí bằng một cọng lông chim màu đỏ gạch. Chiếc áo jacket màu đen có gắn những hạt ngọc trai cũng màu đen. Nàng mặc một chiếc áo dài màu nâu, sậm hơn màu cà phê, cổ áo và hai cánh tay áo có một miếng vải lông nhỏ màu đỏ tía. Đôi găng màu xám, bị mòn ở ngón trở bên mặt. Tôi không có quan sát đôi giày của nàng. Nàng mang một đôi bông tai nhỏ bằng vàng.

Holmes vỗ tay khen ngợi, tuy giọng nói của anh có vẻ hơi chế nhạo.

- Watson, anh tiến bộ nhiều đấy! Sự thật, anh gần như không bỏ sót chi tiết nào cả, ngoại trừ một chi tiết khá quan

trọng. Nhưng tôi khen anh đã có cái nhìn đúng về màu sắc. Anh đừng bao giờ tin tưởng vào cái cảm giác tổng quát đầu tiên của mình, mà phải tập trung sự chú ý vào những chi tiết. Khi tôi quan sát một phụ nữ, trước hết tôi nhìn vào hai cánh tay áo. Anh đã nhận xét đúng, *nàng có miếng vải lông trên hai cánh tay áo*, và vải lông là một yếu tố có ích, bởi vì nó giữ được những dấu vết. Nếu chú ý hơn chút nữa, anh sẽ thấy cái lằn nếp đôi ở phía bên trên cổ tay áo một chút, nơi mà người đánh máy tựa tay vào bàn. Kế đó, quan sát gương mặt nàng, tôi để ý dấu vết của một chiếc *kính cặp mũi*, tôi bèn đưa ra một nhận xét về tình trạng cận thị của nàng và về chiếc máy đánh chữ, một nhận xét khiến cho nàng phải kinh ngạc vì nó trúng ngay chốc.

- Tôi cũng kinh ngạc nữa.

- Sau đó, nhìn xuống đôi giày, tôi phải ngạc nhiên và chú ý. Đó là một đôi giày “bốt-tin” cao cổ, nhưng một chiếc thì chỉ được cài ở hai nút phía dưới, còn chiếc kia thì chỉ được cài ở nút thứ nhất, thứ ba và thứ năm. Khi anh thấy một thiếu nữ ăn mặc sang trọng như thế mà lại ra đường với một đôi giày chưa được cài nút hàng hoàng, anh sẽ đoán biết nàng đã ra đi một cách rất vội vã ... Nhưng bây giờ xin anh vui lòng đọc cho tôi bản tin rao vặt mô tả hình dạng của Hô-me.

Tôi đưa miếng báo cắt đến gần đèn và đọc:

“Một người đàn ông tên Hô-me đã mất tích vào buổi sáng ngày 14. Cao gần 1 mét 70, thân hình cân đối, nước da vàng, tóc đen, đầu hơi hói, râu mép và râu má rậm. Mang kính màu. Giọng nói hơi khó nghe...”

- “Như vậy đủ rồi”, Holmes nói. “Bây giờ chúng ta hãy xem qua những lá thư... Nội dung của chúng xoàng xĩnh đến phát chán và không cho chúng ta biết gì cả về ông Hô-me. Tuy nhiên, có một chi tiết đáng chú ý...”

- Tất cả những lá thư đó đều được đánh máy ...

- Đúng, nhưng đây là chi tiết quan trọng nhất: ngay cả chữ ký cũng được đánh máy. Bạn hãy xem hai chữ "Hô-me" được đánh máy rất rõ ràng ở phía dưới lá thư. Có ghi ngày tháng, nhưng địa chỉ thì chỉ được ghi một cách mơ hồ là đường Leadenhall. *Cái chi tiết về chữ ký này có một ý nghĩa rất quan trọng.*

- Ý nghĩa như thế nào?

- Có lý nào anh không nhận thấy tầm quan trọng của nó?

- Có lẽ ông Hô-me làm thế là để có thể chối bỏ chữ ký của mình trong trường hợp bị đưa ra tòa về tội đơn phương hủy bỏ hôn ước.

- Không phải như thế. Nhưng tôi chỉ cần viết hai lá thư là sẽ giải quyết xong vấn đề. Lá thư nhất gửi cho một công ty ở trung tâm thương nghiệp Luân Đôn, lá thư nhì gửi cho người cha ghê của Mary, yêu cầu ông ấy đến gặp chúng ta vào lúc 6 giờ chiều ngày mai. Trong khi chờ đợi, chúng ta hãy tạm thời xếp cái vấn đề nhỏ bé này vào ngăn tủ và khóa lại.

Suốt cả ngày hôm sau, tôi mắc bận săn sóc cho một bệnh nhân rất nặng... Mãi đến gần 6 giờ chiều tôi mới được rảnh, liền nhảy lên một chiếc xe ngựa. Khi tôi bước vào, anh đang nằm gọn lôn trong chiếc ghế bành ngủ gà ngủ gật. Chung quanh anh ngổn ngang vô số những chai lọ, ống nghiệm, và một mùi acid clohidric còn phảng phất trong không khí.

- Thế nào, bạn đã tìm ra chưa? - Tôi hỏi.

- Tìm ra rồi! Đó là chất "Sufat barium".

- Không, không, tôi muốn hỏi cái vụ bí mật của ông Hô-me kia.

- À, cái vụ bí mật đó hả? Thế mà tôi cứ tưởng anh hỏi kết quả những thí nghiệm hóa học. Cái vụ đó chả có gì là bí mật cả! Điều làm cho tôi bức tức là trong trường hợp này

không có điều luật nào được trừ liệu để trừng phạt tên đầu
giả đó.

- Vậy hẳn là ai? Và tại sao hẳn đã bỏ rơi nàng.

Holmes mở miệng toan trả lời thì có tiếng bước chân
ngoài hành lang và tiếng gõ cửa.

- Đó là cha ghê của cô Mary. Ông ta đã trả lời rằng ông
ta sẽ đến đây vào lúc 6 giờ. Xin mời vào.

Khách là một người đàn ông vạm vỡ, cao trung bình, trạc
30 tuổi. Gương mặt vàng nhạt, trụi lông, không có râu mép, râu
cằm hay râu má gì cả. Ông ta có một vẻ dịu dàng giả tạo. Đôi
mắt xám, rất linh hoạt và sắc sảo ném một cái nhìn dò hỏi
về phía chúng tôi. Đoạn ông ta đặt nón lên chiếc tủ buýp-phê,
hơi nghiêng mình một chút và ngồi xuống chiếc ghế gần nhất.

- Xin chào ông Uyn-di. *Có phải lá thư đánh máy, xác
nhận ông bằng lòng đến đây gặp chúng tôi, là của ông không?*

- Thưa ông, phải. Tôi đến hơi trễ một chút nhưng tôi
không làm chủ được thì giờ. Tôi rất lấy làm tiếc rằng con tôi
đã đến quá rầy ông vì cái việc nhỏ nhặt này: thật vậy, tôi thấy
không nên đem chuyện xấu của gia đình mình phơi bày ra cho
người ngoài biết. Dĩ nhiên, ông chỉ là một thám tử tư, không
đính lú gì cả với cảnh sát, nhưng đâu sao tôi cũng không thích
thấy người ta làm rùm beng lên chung quanh một chuyện
buồn của gia đình tôi. Hơn nữa, những chi phí này rất là vô
ích, bởi vì làm sao ông có thể tìm ra được anh chàng Hô-me.

- Trái lại. Tôi sẽ tìm ra được ông Hô-me.

Ông Uyn-di giật nảy mình, để rơi đôi găng tay xuống sàn
nhà.

- Tôi rất mừng được nghe ông báo tin này.

- Điều đáng ngạc nhiên, là những máy đánh chữ cũng có
cá tính riêng biệt của chúng! Những chữ của chúng đánh ra
không bao giờ y hệt nhau. Có những chữ có vẻ mòn hơn những
chữ khác, có những chữ chỉ mòn có một bên... Này ông, trong

lá thư đánh máy của ông gửi cho tôi, tôi nhận thấy trên tất cả những chữ “e” đều có một vết nhòe nhỏ, và tất cả những chữ “t” đều có dấu gạch ngang hơi mờ. Tôi còn đếm được 14 đặc điểm khác, nhưng hai đặc điểm vừa kể, là nổi bật nhất.

- Ở văn phòng, chúng tôi sử dụng cái máy chữ đó để đánh tất cả những thư tín của chúng tôi, chắc chắn là nó không còn được tốt lắm.

Trong khi trả lời, đôi mắt sắc sảo của ông ta nhìn Holmes đăm đăm.

- Và bây giờ, tôi sẽ trình bày cho ông xem một trường hợp thật là thú vị. Đây, bốn lá thư đều được đánh máy. Trong mỗi lá thư, bên trên những chữ “e” đều có những vết nhòe nhỏ, và tất cả những chữ “t” đều có dấu gạch ngang không được rõ. Nếu ông chịu khó lấy chiếc kính lúp của tôi để xem, tôi sẽ chỉ cho ông thấy 14 đặc điểm khác mà tôi đã nói với ông lúc này.

Ông Uyn-đi liền đứng phắt lên và chụp lấy chiếc nón của ông ta:

- Ông Holmes, tôi không có thì giờ rảnh để nói những chuyện tầm phào! Nếu ông có thể bắt được ông Hô-me thì hãy cứ bắt đi, rồi báo tin cho tôi biết.

- “Chắc chắn là như thế!” Holmes đáp, vừa lẹ làng đứng lên khóa trái cửa lại. “Ông nên biết rằng tôi đã bắt được Hô-me rồi”...

- Sao? Ở đâu? - Ông Uyn-đi kêu lên bằng một giọng thảng thốt, gương mặt nhợt nhạt nhìn dáo dác khắp chung quanh như một con chuột bị sa bẫy.

- “Ồ, không sao... Không sao cả!” Holmes đáp bằng một giọng ngọt lịm. “Ông Uyn-đi, bây giờ ông không còn cách nào để thoát được nữa. Tất cả đều đã quá rõ ràng. Nào! Bây giờ ông hãy ngồi xuống và chúng ta sẽ nói chuyện với nhau!”

Ông Uyn-đi ngồi phịch xuống. Gương mặt tái mét, trán ướt đẫm mồ hôi.

- Pháp ... pháp luật không thể làm gì được tôi! - Ông ta nói lấp bắp.

- Có thể là pháp luật không làm gì được ông. Nhưng hành động của ông thật là vô cùng đê tiện, tàn nhẫn và ích kỷ ... Tôi sẽ kể lại sự việc từ đầu đến cuối và nếu tôi có sai chỗ nào thì ông cứ việc sửa.

Ông Uyn-di ngồi thu mình trong chiếc ghế bành, hoàn toàn mất hết tinh thần! Holmes bắt đầu nói, hai tay thọc vào túi quần, hai chân gác lên góc lò sưởi.

- "Người đàn ông đó đã kết hôn với một người đàn bà lớn tuổi hơn ông ta rất nhiều, chỉ vì tiền. Người đàn bà có một cô con gái riêng còn đang sống chung trong nhà với họ, và cặp vợ chồng đó được hưởng số tiền 100 đồng bảng, lợi tức hàng năm của cô gái. Đó là một số tiền khá lớn đối với họ, và họ muốn được hưởng nó mãi mãi. Dĩ nhiên, khi cô gái lập gia đình riêng, người cha ghẻ sẽ không còn được hưởng số tiền đó nữa. Ông ta bèn tìm cách ngăn cản việc lập gia đình của cô gái. Thoạt đầu, ông ta ngăn cấm không cho nàng giao thiệp với những chàng trai cùng lứa tuổi. Nhưng sự ngăn cấm này không có hiệu lực được lâu: một hôm, cô gái nổi lên chống lại sự độc đoán của người cha ghẻ, và báo cho ông ta biết quyết định của nàng đi dự một buổi khiêu vũ. Trước tình thế này, đầu óc thông minh của người cha ghẻ liền nghĩ ra một kế: với sự đồng lõa giúp đỡ của bà vợ và lợi dụng tình trạng cận thị của cô gái, ông ta bèn cải trang thành một người đàn ông khác. Mang một cặp kính màu, đeo một bộ râu giả, và biến giọng nói bình thường của mình thành một giọng nói thì thầm êm dịu, ông ta đến dự buổi khiêu vũ, làm quen với cô gái và tự giới thiệu mình là ông Hô-me, thế là người cha ghẻ đã đóng vai trò một kẻ si tình cô con gái riêng của vợ mình, để gạt ra ngoài bất cứ anh chàng nào muốn làm le tán tỉnh cô".

- "Lúc đầu, đó chỉ là một trò đùa mà thôi!" ông Uyn-di nói bằng một giọng rên rĩ. "Vợ tôi và tôi, chúng tôi không ngờ cô ấy lại có một tâm hồn dễ say mê đến thế".

- "Có lẽ. Nhưng đầu sao, nàng cũng đã say mê ông Hô-me. Tin rằng người cha ghẻ đang ở bên Pháp, nàng không hề nghĩ có một sự sắp xếp giữa bà mẹ và ông ta để lừa gạt nàng. Và nàng còn say mê ông Hô-me nhiều hơn khi thấy chính mẹ nàng cũng tỏ ra rất có thiện cảm với ông ta. Sau đó hai người đã có những cuộc gặp gỡ, những cuộc đi dạo thân mật và đã đính hôn với nhau. Tuy nhiên sự lừa gạt không thể kéo dài mãi mãi được. Ông Hô-me bèn nghĩ ra một cách kết thúc vụ này như là một bí kịch đột ngột và bí mật, cốt ý gây cho cô gái một ấn tượng sâu xa, một xúc động mạnh mẽ để cô không còn nghĩ đến bất cứ một người đàn ông nào khác trong tương lai. Do đó mới có cái màn ông Hô-me yêu cầu cô gái đặt tay lên quyển Kinh Thánh thề trọn đời chung thủy với ông ta, và cũng do đó mới có những lời nói bóng gió của ông Hô-me về một biến cố bất ngờ có thể xảy ra làm cho hai người phải xa nhau, ngay trong buổi sáng ngày hôn lễ. Hô-me muốn làm cho cô Mary phải yêu thương mình trọn đời, và đặt cô trong tình trạng hoang mang về số phận của người hôn phu mất tích. Mục đích của ông ta là làm cho cô không nghe lời tán tỉnh của bất cứ một người đàn ông nào, ít nhất là trong vòng 10 năm nữa; như thế ông ta sẽ còn được hưởng 100 bảng trong một thời gian dài nữa. Ông ta đưa nàng đến tận cửa nhà thờ, đến đó tấn kịch lừa gạt phải chấm dứt. Chuyện phóng mình ra khỏi chiếc xe ngựa đang chạy thong thả không có gì là khó khăn hết! Ông Uyn-đi, tôi thuật lại câu chuyện từ đầu đến cuối như vậy có sai chỗ nào không?"

Trong khi Holmes mãi mê nói, ông Uyn-đi đã trấn tĩnh trở lại. Ông ta đứng lên, cất tiếng cười gằn:

- Ông Holmes, có thể là ông không sai lầm. Nhưng ông đã thông minh đến thế thì chắc phải hiểu rằng, trong lúc này, nếu có kẻ nào phạm pháp thì kẻ đó là ông, chứ không phải là tôi. Từ đầu đến cuối, tôi không hề phạm một điều gì mà pháp luật có thể can thiệp được. Nhưng ông, cho tới khi nào

ông vẫn còn khoá chặt cửa phòng này, ông có thể bị thừa về tội hành hung và giam giữ người trái phép.

- Đúng vậy, ông không có điều gì vi phạm pháp luật cả", Holmes đáp, vừa mở rộng cửa phòng ra. "Mặc dầu vậy, ông vẫn đáng bị đánh đòn: nếu cô gái có một người anh hay một người bạn trai, chắc chắn ông sẽ bị một trận đòn như tử..."

Cái cười ngạo nghễ và chọc tức của Uyn-đi làm cho Holmes nổi cơn giận dữ. Anh nói như hét:

- Hãy ném thử cây gậy này.

Anh với tay chụp lấy cây gậy ở gần bên, nhưng gã lưu manh đã ba chân bốn cẳng chạy xuống cầu thang, rồi có tiếng cánh cửa ra vào cửa ngôi nhà đóng sầm lại. Đứng bên cửa sổ nhìn xuống, chúng tôi trông thấy ông ta đang chạy như bay trên lề đường.

- "Đúng là một tên đểu giả mặt dạn mày dày!" Holmes nói, rồi phá lên cười và buông mình xuống một chiếc ghế bành. "Tên này trong tương lai sẽ còn phạm thêm nhiều tội ác nữa, cuối cùng rồi hẳn cũng sẽ đi đến cây cột treo cổ thôi! Vụ này kể ra cũng không phải là không thú vị".

- Tuy nhiên, tôi thú thật rằng tôi không theo kịp được những suy diễn của anh trong vụ này.

- Này nhé! Ngay từ lúc đầu, tôi thấy rõ là cái ông Hô-me đó có một thái độ rất kỳ quặc. Và tôi cũng thấy rõ là người duy nhất hưởng lợi trong vụ này là người cha ghê. Thế nhưng hai người đàn ông đó không bao giờ gặp mặt nhau cả. Khi một người xuất hiện thì người kia biến mất: sự kiện này là một chi tiết hướng dẫn rất quan trọng! Và rồi cặp kính màu, bộ râu giả, giọng nói khác lạ với giọng nói của một người bình thường ... Khi xem xét đến những lá thư đánh máy với chữ ký cũng được đánh máy, tôi thấy những nghi ngờ của tôi là đúng: người gởi những lá thư đó muốn che giấu chữ viết của mình mà cô gái đã quá quen thuộc. Tất cả những chi tiết rời rạc

này được sắp xếp lại và phối hợp với những chi tiết khác, dẫn dắt sự suy luận của tôi vào một chiều hướng duy nhất.

- Và anh đã kiểm chứng những chi tiết đó như thế nào?

- Tôi biết ông Uyn-đi làm việc cho công ty Westhouse & Marbank ở đường Fenchurch. Tôi có bản mô tả hình dạng của Hô-me do cô Mary trao cho. Tôi bắt đầu loại bỏ tất cả những gì có thể nguy hại được: cặp kính màu, bộ râu, giọng nói, và gửi bản mô tả hình dạng đó đến công ty, yêu cầu họ vui lòng cho tôi biết trong số những người đại diện thương mại của họ có ai phù hợp với hình dạng này không.

Trước đó, tôi đã chú ý đến những đặc điểm của những lá thư đánh máy, và tôi viết cho Uyn-đi một lá thư gửi ngay đến công ty của ông ta, yêu cầu ông ta đến gặp tôi. Như tôi đã đoán trước, ông ta trả lời tôi bằng một lá thư đánh máy, và lá thư này cũng có những đặc điểm y hệt như những đặc điểm mà tôi đã nhận xét nơi bốn lá thư kia. Đồng thời, tôi cũng nhận được của công ty Westhouse & Marbank một lá thư xác nhận rằng bản mô tả hình dạng của tôi gửi đến hoàn toàn phù hợp với hình dạng của ông Uyn-đi. Tất cả sự việc chỉ giản dị có thể thôi!

- Còn cô Mary.

- Nếu tôi nói sự thật cho cô ấy biết, cô ấy sẽ không tin đâu. Bạn có nhớ một câu tục ngữ của người Ba Tư không: "Vào hang cọp để bắt cọp con là một điều nguy hiểm; nhưng làm cho một người đàn bà mất hết những ảo tưởng của họ, lại càng nguy hiểm hơn".

Vụ án tại thung lũng Boscombe

Một buổi sáng khi tôi và nhà tôi đang ăn điểm tâm thì cô tớ gái mang vào một điện tín.

"Anh có rảnh rồi một vài ngày không? Tôi vừa nhận được điện từ miền Tây nước Anh về thám kích tại thung lũng Boscombe. Sẽ rất vui nếu anh đến được. Khí hậu và cảnh vật thật tuyệt. Hãy rời Paddington vào chuyến xe lửa mười một giờ mười lăm".

- Anh nghĩ sao? - Nhà tôi hỏi.

- Anh thực tình không biết nói sao. Hiện nay anh có nhiều bệnh nhân.

- Ồ, anh bác sĩ lảng giềng sẽ làm thay anh. Gần đây trông anh hơi xanh đấy. Sự đổi gió sẽ rất tốt. Và lại, bao giờ anh cũng quan tâm đến những vụ án của anh Sherlock Holmes mà!

- Đúng vậy. Nhưng nếu đi, thì anh phải chuẩn bị khăn gói ngay, vì chỉ còn có nửa giờ.

Chỉ mấy phút sau, tôi đã xách va ly lên xe ngựa, đi tới ga Paddington. Tại đó, tôi thấy Holmes đang đi tới đi lui trên sân ga.

- Anh đến được là tốt lắm, Watson ạ. Tôi đi lấy vé nhé!

Hai chúng tôi có riêng một chiếc xe, Holmes mang theo một đồng hồ bấm giờ lớn. Anh lục lọi giữa cái đồng hồ này và đọc, lâu lâu ngừng lại để ghi chú và suy ngẫm, cho đến khi chúng tôi qua khỏi thành phố. Rồi bỗng nhiên anh cuộn chúng thành một gói và tung nó lên cái giá để hành lý.

- Anh đã nghe gì về vụ án chưa?

- Chưa biết tý gì. Mấy hôm nay tôi không đụng tới một tờ báo.

- Báo chí tại Luân Đôn tường thuật không đầy đủ. Trong trường hợp này, người ta đưa ra một lời cáo buộc nghiêm trọng: "Người con đã ám sát cha mình".

- Sao kỳ vậy?

- Người ta ước đoán như thế. Tôi sẽ không khẳng định một điều gì cho đến khi tôi đích thân xem xét kỹ nó.

Người địa chủ giàu có nhất tại thung lũng Boscombe là ông Tô-nơ, xây dựng cơ nghiệp tại Australia và đã trở về quê cũ cách đây vài năm. Một trong những nông trại do ông làm chủ, nông trại Ha-thơ, được giao cho ông Ca-thi thuê; xưa kia Ca-thi cũng đã từng ở Australia. Hai người quen nhau tại thuộc địa, nên khi về quê hương, họ muốn sống gần nhau; Ca-thi có một đứa con trai mười tám tuổi, Tô-nơ có một cô gái cùng tuổi, cả hai ông đều góa vợ. Hai cha con ông Ca-thi đều thích thể thao, nuôi hai người đầy tớ, một trai và một gái, còn Tô-nơ có nửa tá đầy tớ.

Lúc ba giờ chiều ngày thứ hai tuần trước, Ca-thi rời nông trại Ha-thơ và đi xuống hồ Boscombe. Sáng hôm đó, ông đã đến hạt Ross với người đầy tớ của ông, ông nói với người này rằng ông phải quay về nhà, vì ông có *một cái hẹn quan trọng vào lúc ba giờ chiều*. Từ cuộc hẹn ấy, ông không bao giờ trở về nữa.

Khoảng cách từ nông trại Ha-thơ đến hồ Boscombe là một phần tư dặm, và có hai người thấy ông ta, khi ông ta đi qua vùng đất đó. Một người là một bà lão, người kia là Crao-đơ, người gác rừng, đang làm công cho ông Tô-nơ. Cả hai nhân chứng khai rằng ông Ca-thi đi bộ một mình. Người gác rừng còn nói thêm là một vài phút sau khi họ nhìn thấy ông Ca-thi-cha, thì ông Ca-thi-con, cũng đi theo lối đó, cặp dưới nách một cây súng ngắn. Người gác rừng tin chắc rằng, lúc

ấy người cha đang thực sự ở trong tầm mắt của người con, chàng trai đang đi theo cha.

Sau khi hai cha con ông Ca-thi ra khỏi tầm mắt của người gác rừng thì vẫn có người còn nhìn thấy họ. Một cô gái mười bốn tuổi, tên Mô-ren đang hái hoa tại một trong những khu rừng này. Cô bé kể rằng cô thấy cha con ông Ca-thi tại bìa sát bên hồ, họ đang cãi nhau. Ông bố nói những lời rất nặng nề với con trai và cô thấy người con đưa tay lên, dường như để đánh người cha. Cuộc xô xát quá dữ dội khiến cô sợ hãi, bỏ chạy. Cô về đến nhà, chưa được mấy phút thì anh chàng Ca-thi-con chạy đến căn nhà nghỉ, bảo rằng anh đã phát hiện ra tử thi của cha anh trong khu rừng gần đó. Anh ta hết sức hoảng hốt, nón cũng không, mà súng cũng không, bàn tay phải và tay áo thì có những vết máu còn mới. Đi theo anh ta, người ta thấy ông Ca-thi-cha nằm duỗi ra bên cạnh hồ, cái đầu đã bị đánh liên tiếp bằng một thứ khí giới nặng, và cùn. Thương tích có thể gây ra do cái báng súng (của con trai ông ta) được tìm thấy nằm trên cỏ, cách tử thi một sải chân. Người thanh niên đã bị bắt. Tại cuộc thẩm tra hôm thứ ba, chàng trai bị buộc tội cố sát, và bị đưa ra tòa đại hình.

- Tôi chưa thấy trường hợp nào rõ ràng hơn. Nếu bao giờ có những chứng cứ gián tiếp trở vào một tội phạm, thì chính là trường hợp này đây. - Tôi nhận xét.

- "Chứng cứ gián tiếp", Holmes trầm tư nói, "Có thể trở rất thẳng vào một sự thể, nhưng nếu ta đi chuyển điểm nhìn một chút, thì ta có thể thấy nó trở vào một sự thể hoàn toàn khác, cũng rõ ràng không kém. Nhưng phải thú nhận rằng tình hình cực kỳ chống lại chàng trai và có thể anh ta là thủ phạm. Tuy thế, có dăm bảy người trong vùng đó tin rằng anh ta vô tội, trong số đó có cô Tô-nơ, con gái người chủ đất vùng lân cận. Cô ta đã nhờ ông Lê-tra làm sáng tỏ vụ này. Lê-tra điên đầu, đã chuyển vụ này sang cho tôi.

- Các sự kiện đã quá rõ ràng, anh khó lòng gạt hái thêm được chút uy tín trong vụ này.

- Có thể chúng ta sẽ tình cờ gặp được một vài sự kiện "hiển nhiên" khác; chúng có thể là không hiển nhiên đối với ông Lê-tra. Lấy thí dụ gần nhất, *tôi biết rõ ràng cửa sổ phòng ngủ của anh thì ở về phía bên phải*, thế nhưng tôi không hiểu là ông Lê-tra có chú ý đến một sự kiện hiển nhiên như thế chẳng.

- Anh không chú quan đây chú?

- Bạn thân mến, *anh cạo râu vào mỗi sáng; vào mùa này, bạn cạo dưới ánh nắng*. Nhưng nếu nhìn xa hơn về phía bên trái của gương mặt anh thì sẽ thấy khu vực ấy càng ít được cạo hơn, và đến quanh góc quai hàm thì chỉ được cạo qua quýt. Rõ ràng lúc anh đứng cạo râu, thì *ở phía tay trái của anh bị thiếu ánh nắng mặt trời*. Tôi lấy cái thí dụ vật vãnh này để nói về sự quan sát và suy diễn. Nghề nghiệp của tôi nằm ở đó, và có thể nó sẽ hữu ích trong cuộc truy tầm sắp tới đây. Có một hai điểm nhỏ vừa được loé lên trong một cuộc thẩm tra, chúng rất đáng được xem xét.

- Những điểm nào thế?

- Hình như việc bắt giữ chàng trai không diễn ra ngay, mà là sau khi anh ta trở về nông trại Ha-thơ. Ngay khi viên thanh tra báo tin cho anh ta rằng anh ta bị bắt, thì anh ta nói rằng anh ta không ngạc nhiên khi nghe điều ấy. "Đó là phần thưởng xứng đáng dành cho tôi". Phát biểu này đã xua đi mọi dấu vết nghi ngờ còn lại nơi các ông bồi thẩm.

- Đó là một lời tự thú! - Tôi kêu lên.

- Không. *Đó là một lời phản đối, cho rằng mình vô tội*.

- Xuất hiện trên chóp của một loạt biến cố có tính chất quy tội như thế, thì ít ra đó là những lời nói đáng ngờ.

- Ngược lại, *đó là cái khe hở sáng sủa nhất mà tôi có thể thấy trong những đám mây mờ*. Nếu anh ta đã có vẻ ngạc

nhiên khi bị bắt, hoặc giả bộ tức giận, thì tôi sẽ xem đó là một điều rất đáng ngờ, bởi vì một phản ứng như thế không tự nhiên tý nào trong hoàn cảnh đó. Nhưng lại là phương cách tốt nhất đối với một kẻ thực sự chủ mưu. Việc chấp nhận tình huống một cách chân thành cho thấy rõ, hoặc anh ta vô tội, hoặc anh ta là một người cương quyết và có bản lĩnh tự kiểm chế. Còn về việc anh ta bảo rằng anh ta xứng đáng nhận phần thưởng đó (tức là bị bắt) thì cũng không có gì trái tự nhiên, khi ta xét rằng cha anh ta đã chết vào chính cái ngày mà anh ta đã cãi cọ to tiếng, thậm chí còn đưa tay lên định đánh cha mình. Chi tiết này rất quan trọng. Sự ăn năn hối hận biểu lộ trong lời nói ấy, đối với tôi, là những dấu hiệu của một trí óc lạnh mạnh hơn là trí óc của một kẻ phạm tội.

Tôi lắc đầu:

- Nhiều người đã bị treo cổ vì một chứng cứ nhỏ hơn thế.
- Đúng thế. Và nhiều người đã bị treo cổ oan ức.
- Chàng trai tự thuật những gì?
- Anh có thể đọc nó ở đây.
- Tôi ngồi vào một góc xe ngựa và đọc tờ báo.

"... Tôi đến Brixton, lưu lại đó ba hôm và mới về nhà sáng thứ hai vừa qua. Khi tôi về đến nhà, cha tôi đã đi. Người tớ gái báo cho tôi biết rằng ông đã đi xe đến Ross với người giữ ngựa. Nhưng một lát sau, tôi nghe có tiếng xe ngoài sân. Nhìn ra cửa sổ, tôi thấy ông xuống xe và vội vã đi ra khỏi sân. Tôi liền cầm lấy súng và đi dạo về phía hồ Boscombe, với dự định đi săn tại khu rừng nhiều thỏ ở phía bên kia. Trên đường đi, tôi thấy người gác rừng như ông ta đã tường thuật; nhưng ông ta đã nhầm khi nghĩ rằng tôi đang đi theo cha tôi. Tôi không hề biết cha tôi đang ở phía trước. Khi đến cách hồ khoảng một trăm yát, tôi nghe một tiếng kêu "côđê", là tín hiệu thông thường giữa cha tôi và tôi. Tôi vội vã tiến về phía trước và thấy ông đang đứng bên hồ. Ông rất ngạc nhiên khi

thấy tôi và xẵng giọng hỏi tôi đang làm gì ở đây. Tiếp theo đó là một cuộc tranh cãi dẫn đến những lời gay gắt và gần như đầu đả. Thấy ông đang nổi trận lôi đình, tôi đi trở về phía nông trại Ha-thơ. Nhưng đi chưa quá một trăm năm mươi yát thì tôi nghe một tiếng kêu khùng khiếp ở phía sau. Tôi chạy ngược lại thì thấy cha tôi đang hấp hối, đầu bị thương nặng. Tôi thả khẩu súng xuống và ôm lấy ông, nhưng ông đã tắt thở. Tôi quỳ bên cạnh ông vài phút, rồi đi đến chỗ người - coi - nhà - nghỉ của ông Tô-nơ để cầu cứu, vì nhà ông ta gần nhất.

Tôi không thấy ai ở gần cha tôi khi tôi trở lại, và tôi không hiểu thủ phạm đã đánh ông bằng cách nào.

Điều tra viên: Cha anh có nói gì với anh trước khi ông chết không?

Bị cáo: Ông làm bầm một vài lời, hình như ông muốn nói tới một con chuột.

Điều tra viên: Anh hiểu gì về điều đó?

Bị cáo: Tôi không hiểu gì cả. Tôi nghĩ rằng ông mê sảng.

Điều tra viên: Cha anh và anh đã cãi nhau về điều gì?

Bị cáo: Tôi không muốn trả lời câu hỏi đó.

Điều tra viên: Tôi e rằng tôi phải ép buộc anh nói ra điều đó.

Bị cáo: Quả thật, tôi không thể nói cho ông biết. Nhưng tôi có thể đoán chắc với ông rằng nó không dính líu gì đến thảm kịch đó.

Điều tra viên: Chuyện ấy để tòa quyết định. Việc từ chối trả lời câu hỏi đó sẽ vô cùng bất lợi cho anh trong những lần thẩm vấn tương lai.

Bị cáo: Tôi vẫn phải từ chối.

Điều tra viên: Tiếng kêu Côôêê là tín hiệu chung giữa anh và cha anh, đúng không?

Bị cáo: Đúng thế.

Điều tra viên: Vậy thì làm thế nào mà ông lại thốt ra nó, trước khi ông thấy anh, và thậm chí, trước khi ông biết rằng anh đã từ Brixton trở về?

Bị cáo: (rất bối rối) Tôi không biết.

Điều tra viên: Anh không thấy có một cái gì khiến cho anh nghi ngờ, khi anh quay lại, nghe tiếng kêu, và thấy cha anh bị thương tích trầm trọng ư?

Bị cáo: Không có gì rõ rệt.

Điều tra viên: Anh muốn nói gì?

Bị cáo: Tôi quá bối rối và hốt hoảng khi lao ra bên ngoài. Thế nhưng, tôi có một cảm giác mơ hồ rằng khi tôi chạy về phía trước, thì có một cái gì đó nằm trên mặt đất về phía bên trái tôi. Hình như vật đó có màu xám, có lẽ đó là một cái áo khoác hoặc là một cái khăn choàng len sọc vuông. Khi tôi đứng lên khỏi xác cha tôi, tôi nhìn quanh tìm nó, nhưng nó đã biến mất.

- Anh muốn nói rằng nó đã biến mất trước khi anh chạy đi cầu cứu?

- Vâng, nó biến mất.

- Anh không thể nói nó là cái gì ư?

- Không. Tôi chỉ có cảm tưởng là có một cái gì ở đó.

- Cách tử thi bao xa?

- Khoảng mười hai yát.

- Và cách bìa rừng?

- Vào khoảng đó.

- Vậy là, khi nó biến mất, anh đang ở cách nó mười hai yát?

- Nhưng tôi đứng xây lưng lại với nó"

Tôi đây, chấm dứt cuộc thẩm vấn nhân chứng. Tôi nói với Holmes.

- Điều tra viên đã có lý khi kêu gọi chú ý tới sự mâu thuẫn trong việc cha anh ta đã ra tín hiệu cho anh ta, trước khi ông thấy anh ta, tới việc anh ta từ chối trả lời câu hỏi về nội dung cuộc tranh cãi; tới lời tường thuật độc đáo của anh ta về những lời nói sau cùng của người cha. Tất cả đều chống lại anh ta.

Holmes cười khẽ với chính mình và đuổi người ra trên ghế.

- Anh và người điều tra đã thay nhau xác định một điều là trí tưởng tượng của người bị thẩm vấn vừa quá phong phú, lại vừa quá nghèo nàn. *Quá nghèo nàn vì đã không thể phịa ra một lý do cho cuộc cãi vã để lấy cảm tình của người bồi thẩm. Quá phong phú vì đã bịa ra một điều thật lạ lùng, chẳng hạn như việc ám chỉ một con chuột, và chuyện cái áo khoác biến mất.* Không, anh bạn ạ, tôi sẽ xem xét vụ này từ quan điểm cho rằng những gì chàng trai này nói đều đúng sự thật và chúng ta xem giả thiết ấy sẽ dẫn chúng ta đến đâu. Tôi đã chuẩn bị để chúng ta đến đó trong vòng hai mươi phút nữa.

Khi chúng tôi đến thị trấn Ross thì đã gần bốn giờ chiều. Một gã đàn ông gầy gò, nhanh nhẩu, đang đợi chúng tôi trên sân ga. Đó là thám tử Lê-tra. Ba người chúng tôi đi xe đến khách sạn.

- "Tôi đã gọi một cái xe." Lê-tra nói, khi chúng tôi ngồi bên cốc trà, "tôi biết anh rất muốn đến hiện trường càng sớm càng tốt".

- Ông thật tốt bụng và đáng khen ngợi. Đây hoàn toàn là một vấn đề áp suất hàn thử biểu. - Holmes nói.

Lê-tra lộ vẻ sững sốt.

- Ông nói gì tôi chưa rõ lắm.

- Nhiệt kế chỉ bao nhiêu? Hai mươi độ. Không có gió, không có đám mây trên trời. Tôi có một hộp thuốc lá cần phải hút, và cái ghế xô pha thì ưu việt hơn cái "tiện nghi" đáng sợ tại khách sạn vùng quê.

Lê-tra cười, ra về tha thứ.

- Chắc hẳn là ông đã có một kết luận sau khi đọc báo. Trường hợp này thì rõ như ban ngày, và càng đi sâu vào thì lại càng rõ. Thế nhưng, người ta không thể khước từ lời yêu cầu của một thiếu nữ. Cô ta muốn biết ý kiến của ông, mặc dù tôi đã nói đi nói lại với cô ta rằng, ông không thể làm điều gì khác hơn là điều tôi đã làm. Ồ, xe cô ấy kia kia.

Ông nói chưa dứt câu thì một thiếu nữ từ ngoài lao vào trong phòng.

- "Ồ, ông Sherlock Holmes!" Cô ta kêu lên, liếc nhìn chúng tôi từ người này sang người nọ, và sau cùng với cái trực giác của phụ nữ, dán mắt vào bạn tôi. "Tôi rất sung sướng vì ông đã đến. Tôi biết anh ấy không có làm chuyện đó. Chúng tôi biết nhau từ khi còn để chỏm và không ai biết rõ những nhược điểm của anh ấy như tôi. Anh ấy quá hiền lành, không làm đau đến cả một con ruồi. Mọi cáo buộc như thế thật là phi lý đối với bất cứ ai thực sự biết anh ấy".

- Cô có thể tin cậy vào khả năng của tôi. - Sherlock Holmes nói.

- Nhưng, ông đã xác lập một kết luận rồi chứ? Ông không nghĩ rằng anh ấy vô tội ư?

- Rất có thể anh ấy vô tội.

- "Có thể chứ"! Cô ta kêu lên, hất đầu ra phía sau và nhìn Lê-tra một cách thách đố. "Ông ấy cho tôi hy vọng"!

Lê-tra nhún vai.

- Ông bạn đồng nghiệp đã nêu ra câu kết luận quá chóng vánh đấy. - Ông ta nói.

- Nhưng mà ông ấy có lý. Ồ! Anh ấy không bao giờ làm việc đó. Còn về cuộc cãi vã, tôi chắc anh ấy không muốn nói lý do, là vì nó có dính líu tới tôi.

- Như thế nào?

- Hai cha con có nhiều bất đồng về tôi. Ông Ca-thi thì sốt ruột muốn có một cuộc hôn nhân giữa chúng tôi, nhưng

anh ấy thì chưa muốn cưới vợ. Bởi vậy họ thường xuyên cãi vã nhau, và cuộc cãi vã hôm ấy chắc là có dính líu tới tôi.

- Còn cha cô? Ông ta có tán thành một cuộc hôn nhân như vậy không? - Holmes hỏi.

- Không. Chỉ có ông Ca-thi là ủng hộ cuộc hôn nhân này.

Gương mặt cô đỏ hồng lên khi Holmes nhìn cô với ánh mắt dò hỏi.

- Cám ơn cô về nguồn tin này. Nếu ngày mai tôi đến, tôi có thể gặp cha cô không?

- Sợ rằng bác sĩ không cho phép.

- Bác sĩ?

- Vâng, ông chưa nghe nói ư? Những năm gần đây, cha tôi chưa bao giờ khỏe mạnh cả. Vụ này càng khiến sức khỏe của ông thêm suy sụp, ông phải nằm liệt giường và bác sĩ bảo rằng ông đã suy kiệt lắm rồi. Ông Ca-thi là người duy nhất biết cha tôi từ những ngày chúng tôi sống tại Victoria”.

- Tại Victoria? Đó là điều quan trọng.

- Vâng, tại những quặng mỏ.

- Đúng thế. Tại những mỏ vàng, nơi mà theo tôi hiểu, cha cô đã làm giàu?

- Vâng, đúng thế.

- Cám ơn cô Hê-len. Cô đã giúp tôi thật nhiều.

- Ngày mai có tin gì, ông nhớ cho tôi biết nhé.

- Xin chào.

Cô rời khỏi phòng một cách sôi nổi cũng giống như khi mới bước vào. Một lát sau chúng tôi đã nghe tiếng bánh xe lạch cạch chạy xuống đường phố.

- “Tôi xấu hổ về ông, ông Holmes ạ”, Lê-tra nói một cách đĩnh đạc, sau một vài phút im lặng. “Tại sao ông lại thấp lên những niềm hy vọng mà chắc chắn là ông sẽ đập tắt chúng đi? Như thế là tàn nhẫn”.

- Tôi có cách giải oan cho Ca-thi-con. Ông có giấy phép để vào thăm anh ta trong khám chứ?

- Vâng. Nhưng chỉ cho ông và tôi.

- Chúng ta vẫn còn dư thời gian để đón xe lửa đến Hiaford gặp anh ta tối nay. Watson ạ, tôi chỉ đi khoảng hai tiếng đồng hồ thôi.

Tôi đi xuống nhà ga với họ, rồi đi lang thang xuyên qua những đường phố của thị trấn, sau cùng trở về khách sạn. Tại đó tôi nằm trên ghế xô-pha và cố chăm chú vào một quyển tiểu thuyết. Tôi thấy tâm trí đi lan man liên tục từ tiểu thuyết đến thực tại đến nỗi sau cùng tôi ném nó xuống sàn và để hết tâm trí vào việc xem xét những biến cố của ngày hôm ấy. *Nếu lời khai của chàng trai là đúng sự thật, thì điều gì đã xảy ra trong khoảng thời gian từ lúc anh ta rời cha mình tới lúc chạy vào cánh rừng thưa?* Đó là một cái gì rất khủng khiếp và chết người. Nó là cái gì thế? Những vết thương há không nói ra điều gì trước một bác sĩ hay sao? Tôi rung chuông và gọi hầu phòng đem đến tờ báo xuất bản tại địa phương. Biên bản của nhà phẫu thuật cho thấy rằng cái xương đỉnh thứ ba ở bên trái và nửa cái xương chẩm bên trái đã bị giập nát bởi một cú đánh rất mạnh bằng một vũ khí cùn. *Rõ ràng một đòn như thế phải được đánh từ phía sau. Chi tiết này, có thể bênh vực cho bị cáo, bởi vì theo nhân chứng, khi cãi vã với cha, anh chàng đứng đối mặt với ông ta.* Tuy thế, nó không thuyết phục được bao nhiêu vì ông ta có thể quay lưng lại trước khi cú đánh bổ xuống. Mặc dù vậy, nó cũng đáng cho tôi kêu gọi Holmes chú ý đến nó. Rồi còn có sự ám chỉ kỳ lạ về một con chuột. Một người hấp hối vì một đòn bất ngờ thường không trở nên mê sảng. *Có lẽ đó là một cố gắng để giải thích vì sao ông ta chết.* Nhưng điều đó nghĩa là gì? Tôi vắt óc để tìm ra một giải thích hợp lý. Rồi, còn cái áo khoác màu xám mà anh chàng Ca-thi-con nhìn thấy? Nếu điều đó đúng, thì trong khi tẩu thoát, hẳn kẻ sát nhân đã bỏ lại một phần y phục của hắn rồi

sau đó liêu lĩnh quay lại mang đi, vào cái lúc chàng trai đang quỳ xoay lưng lại, cách đó chừng mười hai yát. Toàn bộ những sự việc này là một vấn đề bí mật và khó tin. Tôi không ngạc nhiên trước quan điểm của Lê-tra, tuy thế, tôi rất tin tưởng vào cái nhìn sâu sắc của Holmes.

Khi Holmes trở lại, trời đã khuya lắm. Anh về một mình, vì Lê-tra đang lưu lại quán trọ trong thị trấn.

- "Nhiệt độ thời tiết vẫn còn rất cao", anh nhận xét, khi anh ngồi xuống, "trời sẽ không mưa trước khi chúng ta có thể xem xét hiện trường. Mặt khác, cần phải minh mẫn và khỏe khoắn khi bắt tay vào công việc, tôi không muốn làm khi còn rã rời sau một chuyến đi dài. Tôi đã gặp anh chàng Ca-thi-con."

- Và anh đã tìm hiểu được gì?

- Không có gì cả.

- Anh ta không thể hé ra một tia sáng nào ư?

- Không có gì cả. Có một lúc, tôi có cảm tưởng như anh ta biết thủ phạm là ai, nhưng lại muốn bao che cho hắn, nhưng bây giờ thì tôi tin chắc rằng chính anh ta cũng thắc mắc như mọi người. Hiện nay, anh chàng yêu cô này một cách điên cuồng. Nhưng khoảng hai năm về trước (khi anh ta chỉ là một chàng trai mới lớn và chưa thực sự hiểu cô nàng - vì cô nàng xa nhà năm năm, học ở trường nội trú) anh ta rơi vào tay một ả bán bar và đăng ký kết hôn với cô ta. Không ai biết tí gì về chuyện ấy cả. Nhưng anh thử tưởng tượng mà xem, dù rất muốn cưới cô Hê-len, nhưng chàng ta không thể nào làm thế được. Anh ta bị kẹt cứng vì cô gái bán bar. Nhưng trong cuộc đối đáp cuối cùng giữa hai cha con, ông già cứ la mắng anh, như thể là anh không muốn cưới cô Hê-len. Ưc lắm chứ. Có lẽ vì ức mà không nói được nên anh ta đã đưa tay lên dọa đánh ông già. Chính với ả bán bar này mà anh ta đã trải qua ba ngày vừa rồi tại Brixton, và ông già cũng không biết anh ta ở đâu.

Hãy nhớ lấy chi tiết này. Nó thật quan trọng. Tuy vậy, trong điều dữ lại có điều lành. Khi đọc báo, thấy anh ta có thể bị treo cổ, cô gái bán bar đã viết thư, bảo rằng cô đã có chồng; cho nên hai người không còn gì ràng buộc nhau. Mẩu tin ấy đã an ủi chàng trai Ca-thi-con.

- Nhưng nếu anh ta vô tội, thì ai là thủ phạm?

- Ai à? Có hai điều quan trọng mà ta cần để ý: Một là, *kẻ bị ám sát có một cái hẹn với ai đó tại hồ, mà người đó không thể là con trai mình* (vì người con đã đi xa và người cha không biết bao giờ con mình trở về). Hai là, người ta đã nghe *kẻ bị giết kêu "côđêe" trước khi ông ta biết chàng trai trở về.*

Lúc chín giờ sáng, Lê-tra đưa xe ngựa đến và chúng tôi khởi hành đến nông trại Ha-thơ và hồ Boscombe. Lê-tra nói:

- Người ta nói rằng ông Tô-nơ bệnh quá nặng, sợ khó sống.

- Một người có tuổi? Holmes hỏi.

- Vào khoảng sáu mươi. Ngũ tạng bị hủy hoại lúc ông ta ở nước ngoài, và thời gian gần đây sức khỏe của ông ta giảm sút. Vụ án này đã có tác dụng rất xấu đối với ông. Ông là bạn cũ và là ân nhân của Ca-thi. Ông đã cho ông Ca-thi mượn nông trại Ha-thơ mà không lấy tiền.

- Đó là điều đáng quan tâm. - Holmes nói.

- Ông ta giúp đỡ ông Ca-thi bằng trăm ngàn cách khác nữa. Mọi người quanh đây đều nói về lòng tốt của ông ta đối với ông Ca-thi.

- Thật thế! Ca-thi có vẻ không có một chút tài sản riêng nào cả, lại chịu ơn ông Tô-nơ sâu nặng, thế mà vẫn cứ ngang nhiên nói tới chuyện cho con trai mình lấy con gái ông ta. Ông không thấy điều ấy lạ lùng ư? Càng lạ hơn nữa, khi ta biết rằng bản thân ông Tô-nơ không ưa cuộc hôn nhân đó. Chính cô con gái ông ta đã nói như thế. Ông không suy diễn được điều gì từ đó sao?

- "Chúng ta đã có những suy diễn". Lê-tra nói, nháy mắt nhìn tôi. "Nhưng tôi thấy khó mà xử lý những sự kiện, nếu không bay theo những lý thuyết và những điều tưởng tượng kỳ ảo".

- "Ông nói đúng". Holmes từ tốn nói. "Quả thật ông khó lòng xử lý những sự kiện".

- Dù sao thì tôi cũng đã chụp bắt được một sự kiện mà dường như ông khó chụp được. Lê-tra nói với một sự hờ hờ.

- Đó là gì?

- Là ông Ca-thi-cha đã chết vì anh Ca-thi-con và tất cả mọi lý thuyết nói ngược lại thì chỉ là ánh trăng huyền hoặc.

- "Nhưng ánh trăng vẫn sáng hơn một đám mây mù". Holmes cười nói. "Và tôi sẽ rất sai lầm nếu đây không phải là nông trại Ha-thơ, về phía bên trái".

- Vâng, đúng thế.

Đó là một tòa nhà trải rộng ra, trông rất tiện nghi, có hai tầng, mái bằng đá, có những đám rêu vàng trên những bức tường xám. Chúng tôi gọi cửa. Theo lời yêu cầu của Holmes, cô tớ gái đưa cho chúng tôi xem những chiếc ủng mà chủ cô ta đã mang vào thời điểm ông ta chết, và một đôi ủng của con trai ông ta, mặc dù không phải cái đôi mà anh ta mang vào lúc xảy ra án mạng. Sau khi đo những chiếc ủng này tại đây, tám điểm, chúng tôi men theo lối đi ngoằn ngoèo mà đến hồ Boscombe.

Holmes như hoá thân thành một người khác khi anh đánh hơi những dấu vết như thế này. Khuôn mặt anh đỏ bừng lên và sa sầm lại. Lông mày anh chụm lại thành hai đường thẳng đen và cứng, trong khi đôi mắt anh rực sáng với những tia lấp lánh như thép. Mặt anh cúi về phía trước, hai vai cúi xuống, môi mím chặt, và những sợi gân máu nổi lên trên cái cổ dài và gân guốc; tâm trí anh hoàn toàn tập trung vào vấn đề trước mặt. Lặng lẽ và thoản thoắt, anh dò dẫm dọc theo

những lối đi chạy xuyên qua những đồng cỏ, và cứ thế chạy tới hồ Boscombe. Đó là một vùng đất ẩm ướt. Có những dấu chân trên lối đi và cả trên đám cỏ mọc hai bên. Đôi khi Holmes đi vội vã, đôi khi đứng sững lại, và có lần như đi vòng quanh trong đám cỏ. Lê-tra và tôi theo sau anh, người thám tử này có vẻ thờ ơ và chế nhạo, trong khi tôi quan sát bạn tôi một cách chăm chú, vì tôi tin rằng mỗi hành động của anh đều đang hướng về một cái đích nhất định.

Hồ Boscombe là một mảng nước đầy lau sậy, bề rộng năm mươi yát, nằm tại ranh giới giữa nông trại Ha-thơ và vườn hoa riêng của ông Tô-nơ. Phía trên khu rừng, dọc theo nó, ở bờ bên kia, chúng tôi có thể thấy những nóc nhà đỏ nhô lên, đó là căn nhà của người chủ đất. Khoảng hồ về phía nông trại Ha-thơ cỏ cây mọc um tùm. Một đám cỏ dài khoảng hai mươi sải chạy ngang qua giữa mép những thân cây và đám lau sậy mọc ven hồ. Lê-tra chỉ cho chúng tôi nơi mà tử thi được tìm thấy, tại đó đất ướt đến nỗi chúng tôi thấy rõ những dấu chân của người đàn ông bị đánh.

- Ông đi vào hồ để làm gì thế? - Lê-tra hỏi.

- Tôi sục sạo bằng một cái cào. Tôi nghĩ ở đó có thể có một vũ khí hay dấu vết nào khác. Ồ, suýt, suýt! Bàn chân trượt quặp vào của ông ta thì ở khắp nơi và ở kia, nó biến mất giữa đám lau sậy. Ồ, thật đơn giản biết bao, những bàn chân ấy đến như chân một đàn trâu và lội khắp nơi đây. Đây là nơi anh chàng và người - coi - nhà - nghỉ đến và họ đã che lấp mọi dấu vết khoảng 6; 8 feet xung quanh tử thi. Nhưng đây là ba dấu vết tách biệt của cùng những bàn chân ấy.

Anh kéo cái kính lúp ra, và nằm xuống trên cái áo mưa để nhìn rõ hơn; anh nói luôn miệng với chính mình và với chúng tôi.

- Đây là những bàn chân của anh chàng Ca-thi-con. Anh ta đi bộ hai lần, và một lần anh ta chạy hối hả đến nỗi đế giày in rõ, và gót giày thì khó thấy được. Anh ta chạy đến khi thấy

cha anh trên mặt đất. Va đây là bàn chân người cha khi ông ta đi lên, đi xuống. Vậy thì đây là cái gì? Nó là cái báng súng khi người con trai đứng lắng nghe. Còn cái này? Những dấu ngón chân! Những chiếc giày ủng vuông, hoàn toàn khác thường! Chúng đến, chúng đi, chúng chạy đến - dĩ nhiên là để lấy cái áo khoác. Nhưng mà chúng đến từ đâu?

Sherlock Holmes chạy lên chạy xuống, đôi khi mất hút dấu vết, đôi khi tìm thấy nó, cho đến khi chúng tôi đến bên trong mép rừng, dưới bóng râm của một cây sồi lớn nhất trong vùng đó. Holmes lần theo đến phía bên kia của thân cây, và nằm úp mặt xuống một lần nữa, khẽ kêu lên thỏa mãn. Anh ở lại đó một hồi lâu, lật ngửa những chiếc lá và nhánh cây khô, thu lượm một cái gì đó, dường như là những hạt bụi, cất vào trong phong bì. Sau đó bằng kính lúp, anh xem xét không chỉ mặt đất mà cả phần vỏ cây nằm trong tầm tay với của anh. Một hòn đá mũi nhọn đang nằm giữa rêu, anh cũng xem xét nó và giữ lại. Rồi anh đi theo một lối nhỏ xuyên qua khu rừng cho đến khi anh đến đường cái, nơi mà tất cả những dấu vết đều bị mất. Holmes trở lại phong thái của anh, nói:

- Đây là một vụ án vô cùng đặc biệt. Tôi đoán, ngôi nhà xám phía tay phải chắc hẳn là cái-nhà-nghỉ, tôi nghĩ là sẽ vào đó nói vài lời với ông Mô-ran, và có lẽ viết vài dòng chữ.

Khoảng mười phút sau đó, chúng tôi đến xe ngựa và đi về thị trấn Ross, Holmes vẫn còn giữ hòn đá đã nhặt được trong khu rừng thưa!

- Cái này có thể làm ông quan tâm, ông Lê-tra. Nó là cái vật dùng để giết người.

- Tôi chả thấy dấu vết gì cả.

- Đúng thế.

- Vậy làm sao ông biết?

- Cỏ đang mọc dưới nó. Nó chỉ mới nằm đó một vài ngày.

Không có dấu hiệu chỉ rõ nó được lấy ở đâu. Nó tương ứng

với những thương tích. Không hề có dấu hiệu gì về một thứ khí giới khác.

- Và kẻ sát nhân?

- Đó là một người cao, thuận tay trái, chân phải cà nhắc, mang giày ủng đi săn, để dày và có một cái áo khoác màu xám, hút xì gà Ấn Độ, dùng bút xì gà và có một con dao nhíp cùn trong túi áo. Có dăm bảy chỉ dẫn khác, nhưng chừng ấy cũng đủ giúp chúng ta trong cuộc tìm kiếm này.

Lê-tra cười.

- Những lý thuyết của ông rất hay, nhưng chúng ta phải làm việc với một bồi thẩm người Anh cứng đầu.

- Để rồi xem. Tôi sẽ bận rộn chiều nay, tôi trở về Luân Đôn bằng chuyến tàu chiều.

- Và bỏ dở vụ án?

- Không, hoàn tất rồi.

- Và sự bí mật?

- Đã được khai mở.

- Vậy ai là thủ phạm?

- Người đàn ông mà tôi đã mô tả.

- Nhưng ông ta là ai?

- Chắc hẳn là tìm không khó. Đây không phải là một vùng đông dân cư.

Lê-tra nhún vai.

- Tôi thực sự không thể làm cái việc đi khắp vùng để tìm một gã đàn ông thuận tay trái và thọt một chân. Tôi sẽ làm trò cười cho cảnh sát cục Tô Cách Lan.

- Thôi được. Tôi đã cho ông cái cơ hội đó. Ông là thổ công ở vùng này kia mà. Xin chào.

Chúng tôi từ giã Lê-tra, trở về khách sạn, tại đó chúng tôi thấy bữa ăn trưa đã dọn lên bàn. Holmes yên lặng chìm trong suy nghĩ, vẻ mặt đau đớn, như một kẻ thấy mình ở vào một tình thế khó xử.

- Watson , tôi hoàn toàn không biết phải làm gì, và tôi sẽ nghe theo lời khuyên của anh.

- Anh cứ việc nói.

- Có hai điểm rất đáng chú ý. Điểm thứ nhất là *cha anh ta đã kêu "côôê!" trước khi thấy anh ta*. Điểm thứ hai: *trong cơn hấp hối, người cha đã nói tới một con chuột nhất*. Ông ta lẩm bẩm một vài lời, nhưng chàng trai chỉ nghe được có thế. Bây giờ chúng ta sẽ bắt đầu bằng cách cho rằng tất cả những gì chàng trai nói, đều hoàn toàn đúng sự thật.

- Vậy tiếng "côôê" này là gì?

- Rõ ràng không phải ông ta muốn nói với con mình. Ông ta ngỡ rằng con mình vẫn chưa về. Anh ta tình cờ nghe được tiếng kêu ấy mà thôi. Như vậy, *cái tiếng "côôê!" ấy, có dụng ý kêu gọi sự chú ý của người mà ông ta đã hẹn gặp*. Nhưng mà "côôê!" là một tiếng kêu bằng tiếng Úc, được dùng giữa những người Úc. Rất có thể, là người mà ông Ca-thi hẹn gặp tại hồ Boscombe là một người đã từng sống tại Úc.

- Còn *con chuột nhất*.

Sherlock Holmes lấy một tờ giấy được gấp lại từ trong túi và đặt nó thẳng ra trên bàn.

- "Đây là bản đồ thuộc địa Victoria: tôi mới diện về Brixton đêm qua để yệu cầu gửi nó đến". Holmes nói, đặt tay *che lên một phần của bản đồ*. "Anh đọc thấy cái gì?"

- A RAT ¹

Sau đó, Holmes nhắc tay lên, hỏi:

- Còn bây giờ, chữ này đọc làm sao?

- BALLARAT.

- Đúng thế. *Đó chính là lời mà người đàn ông bị giết đã thốt ra, nhưng chàng trai chỉ nghe được có hai vần cuối*. Ông

1. A RAT : Tiếng Anh có nghĩa là : một con chuột.

ta đang cố thốt ra cái tên kẻ đã giết ông: một ai đó, ở vùng Ballarat.

- Thật tuyệt vời! - Tôi kêu lên.

- Và bây giờ tôi đã thu hẹp phạm vi điều tra một cách đáng kể. Sự xuất hiện của một thứ y phục màu xám là một điểm xác thực nữa. Chúng ta đã đi từ một điều rất mơ hồ đến một quan niệm xác thực về một người Úc đến từ Ballarat, với một cái áo khoác màu xám.

- Đúng y như thế.

- Và người ấy sống tại khu vực này, bởi vì chỉ có thế, ông ta mới đến hồ bằng con đường nông trại, hoặc bằng con đường qua thái ấp (nơi mà những người lạ mặt khó lòng bén mảng vào).

- Hoàn toàn đúng như thế.

- Ngày hôm nay, bằng cách xem xét đất, tôi thu được những chi tiết vật vãnh, nhưng nó lại là một bằng chứng về con người của thủ phạm. Đo chiều dài bước chân hắn, tôi suy ra được chiều cao của hắn. Những chiếc ủng được nhận ra từ những dấu vết của chúng trên mặt đất.

- Vàng, đấy là những chiếc ủng kỳ cục. - Nhưng, còn cái chân thọt?

- Dấu chân phải thì luôn luôn ít rõ nét hơn dấu chân trái. Vì hắn ta đi cà nhắc, hắn ta thọt một chân.

- Về việc hắn ta thuận tay trái.

- Cứ đánh được đánh ngay từ phía sau, thế nhưng, lại về phía bên trái. Rõ ràng đó là do một người thuận tay trái thực hiện? Hắn đã đứng phía sau cái cây đó trong suốt cuộc nói chuyện giữa hai cha con. Hắn ta còn hút thuốc ở đó. Tôi tìm thấy tro của một điếu xì gà. Sau khi tìm thấy tro thuốc, tôi nhìn quanh và khám phá ra cái tàn thuốc giữa đám rêu. Đúng, nó là một điếu xì gà Ấn Độ.

- Còn cái bót xì gà?

- Cái đuôi của điều xi gà thì không nằm trong miệng hắn. Nghĩa là, hắn ta dùng một cái bót. Cái đuôi đã bị cắt đi, chứ không phải cắn, nhưng dấu cắt thì không sắc, nên tôi suy ra là một con dao cùn.

- Anh đã tung ra một tấm lưới xung quanh người đàn ông này. Hắn không thể thoát được. Anh đang cắt bỏ sợi dây sắp treo cổ một người vô tội. Tôi đã thấy cái hương mà tất cả những điều này trở vào. Thủ phạm là...

- Ông Giôn Tô-nơ! - Người hầu phòng kêu lên, mở tung cửa phòng khách và đưa vào một người.

Người đàn ông có bước chân chậm rãi, cà nhắc, vai cúi xuống cho thấy vẻ già nua. Tuy thế, ông ta có những đường nét cứng cõi, hằn sâu, lờm chờm, tay chân to lớn. Bộ râu rối tung, tóc màu muối tiêu, và đôi lông mày nổi bật, rũ xuống, mặt ông ta trắng bệch, trong khi đôi môi và góc mũi hơi tím lại.

- "Xin mời ông ngồi xuống ghế". Holmes dịu dàng nói. "Ông đã nhận được mấy dòng của tôi?"

- "Vâng. Người-coi-nhà-nghi đã mang đến. Ông viết rằng ông muốn gặp tôi ở đây.

- Tôi sợ người ta đàm tiếu nếu tôi đến trang viên của ông.

- Tại sao ông muốn gặp tôi - Ông ta nhìn bạn tôi với đôi mắt tuyệt vọng, dường như ông đã biết trước câu trả lời.

- "Vâng". Holmes nói, đáp lại bằng một cái nhìn hơn bằng lời nói. "Phải như thế. Tôi biết tất cả về hai cha con ông Ca-thi rôi".

Ông già úp mặt vào hai tay.

- Tôi không để cho chàng trai chịu tai họa.

- Tôi vui khi nghe ông nói thế. - Holmes nghiêm nghị nói.

- Nếu không vì đứa con gái của tôi thì tôi đã nói ra sự thật. Nói ra thì làm tan nát lòng nó...

- Có thể không xảy ra chuyện đó.

- Cái gì cơ?

- Tôi không phải thám tử nhà nước. Con gái ông cần sự có mặt của tôi ở đây, và tôi đang hành động cho quyền lợi của cô ta. Thế nhưng mặt khác, chàng trai phải được giải tội.

- Tôi là người sắp chết. Không biết tôi có sống được một tháng nữa không. Song le, tôi không muốn chết trong tù.

Holmes đứng lên rồi ngồi vào bàn với cây bút trên tay và một xấp giấy trước mặt.

- Ông cứ nói cho chúng tôi biết sự thật. Tôi sẽ ghi lại, và ông ký tên vào, bác sĩ Watson sẽ làm chứng. Khi vấn đề đi tới chỗ trầm trọng, tôi sẽ đưa ra lời thú nhận của ông, để cứu cậu ấy. Tôi hứa sẽ không dùng đến tờ giấy này, nếu tình hình không ép buộc phải đưa nó ra.

- "Được thôi. Không biết tôi có sống đến ngày vụ án được đưa ra tòa không, nên điều đó không quan trọng đối với tôi, nhưng tôi muốn tránh cho con tôi cái chấn động tâm lý. Bây giờ tôi sẽ làm sáng tỏ vấn đề cho ông.

Ca-thi là một con quỷ hiện thân. Nhanh vượt của hắn đã đè nặng lên tôi suốt hai chục năm nay, và đã hủy hoại cuộc đời tôi. Lúc ấy là vào thập niên sáu mươi, tại các mỏ quặng. Thuở đó tôi còn trẻ, háo thắng và liều lĩnh, sẵn sàng bắt tay vào bất cứ việc gì. Tôi rơi vào giữa đám bạn xấu, rượu chè và cũng không gặp may trong việc khai thác mỏ: thế là tôi trở thành một tên cướp đường. Chúng tôi có sáu người. Biệt danh thuở ấy của chúng tôi là Giê-ke vùng Ballarat, và đảng cướp của chúng tôi tới bây giờ vẫn còn được nhắc nhở tại thuộc địa đó, dưới cái tên "đảng Ballarat".

Một hôm, một đoàn xe chở vàng đi từ vùng Ballarat đến Melbourne, chúng tôi phục kích và tấn công nó. Bọn họ có sáu người cưỡi ngựa, chúng tôi cũng có sáu người. Chúng tôi cướp được một số vàng trên bốn yên ngựa, nhưng bị thiệt mất ba người. Tôi đặt cây súng ngắn lên đầu tên kỵ mã - chính là

gã Ca-thi này đây, - định giết phứt hán nhưng không hiểu sao
tôi lại tha. Tôi đem số vàng trốn đi, trở thành giàu có, rồi tìm
đường sang nước Anh. Tại đây, tôi xa lánh những bạn cũ và
quyết tâm hoàn lương. Tôi mua cái thái ấp và làm một số việc
từ thiện nhỏ. Tôi lập gia đình, vợ tôi chết sớm để lại con Ê-ly.
Ngay khi nó còn bé, bàn tay nhỏ xinh xinh của nó cũng đủ dẫn
tôi vào con đường lương thiện hơn bất cứ cái gì khác. Tóm lại,
tôi lật sang một trang đời mới và cố sức bù đắp cho quá khứ.

Một hôm tôi lên phố để lo công việc làm ăn thì gặp
Ca-thi. Hán tả tơi, rách rưới.

- "Chúng tôi đã đến đây, bạn ạ!" Hán nói, sờ lên cánh
tay tôi. "Anh cứ xem chúng tôi như người nhà của anh. Chúng
tôi có hai người, tôi và con trai tôi, và anh có thể nuôi chúng
tôi. Nếu không thế thì, đây là nước Anh, một nước rất ưa
chuộng pháp luật, và bao giờ cũng có một cảnh sát gần kề".

Tôi đành phải giao mảnh đất tốt nhất cho hán mà không
lấy một đồng xu. Từ đó, tôi không còn một chút an nghỉ, một
chút bình yên. Quay đi đâu tôi cũng gặp phải cái mặt quỷ
quyệt, nụ cười nham nhở của hán. Khi Ê-ly lớn lên, tình hình
càng tệ hơn nữa, vì hán biết rõ tôi sợ con tôi biết quá khứ của
tôi còn hơn là sợ cảnh sát. Hán muốn gì, là tôi phải đáp ứng
ngay cái đó: đất đai, tiền bạc, nhà cửa. Nhưng sau cùng hán
đòi hỏi một điều mà tôi không thể chấp nhận được: hán đòi
làm sui gia với tôi.

Tôi đã gần đứt xa trời rồi. Nếu tôi đồng ý thì chẳng bao
lâu con trai hán sẽ thừa hưởng toàn bộ gia tài của tôi. Tôi
không muốn cái dòng máu đáng nguyên rủa của hán trộn vào
dòng máu của tôi. Hán đe dọa. Tôi thách hán. Tôi hẹn gặp hán
tại hồ ở khoảng giữa hai nhà vào lúc 3 giờ để giải quyết việc
này.

Khi đi xuống đó, tôi thấy hán đang nói chuyện với con
trai hán, tôi hút một điếu xì gà, và đứng đợi ở phía sau một

cái cây cho đến khi hắn còn lại một mình. Nhưng khi lắng nghe những điều hắn nói, tất cả những gì u ám và cay đắng nhất trong tôi dường như trào lên tới cực độ. Hắn đang hỏi thúc con trai hắn cưới con gái tôi, không cần biết con tôi nghĩ thế nào, như thể con gái cưng của tôi là một con điếm dưới phố vậy. Cả hai cha con tôi sẽ được cứu thoát nếu tôi có thể chặt đứt cái lưới ác độc đó. Tôi đã làm. Tôi đánh hắn gục xuống như đánh chết một con thú độc hại và góm ghiếc. Tiếng kêu của hắn đưa con trai hắn trở lại, nhưng tôi đã đi tới chỗ lùm cây của khu rừng, tuy thế, tôi buộc phải đi trở lại để kiểm cái áo khoác mà tôi đã đánh rơi trong khi tẩu thoát”.

- “Tôi không có nhiệm vụ xét xử ông”. Holmes nói, khi ông già ký tên vào tờ tự khai. “Tôi sẽ giữ giấy này, chỉ khi nào chàng trai bị kết án, tôi mới phải dùng đến nó. Còn nếu chàng trai được vô sự, thì bí mật của ông sẽ mãi mãi an toàn”.

- “Thôi, xin chào ông”, ông già nói một cách trịnh trọng. “Cám ơn ông đã dành cho tôi hôm nay”.

Chàng trai Ca-thi được tha bổng tại tòa đại hình, nhờ sức thuyết phục của một số vấn nạn được Holmes đưa ra.

Ông già Tô-nơ sống thêm được bảy tháng nữa, nhưng bây giờ thì ông ta đã chết.

Còn về hai người trẻ tuổi, họ có mọi triển vọng đi đến một cuộc sống hạnh phúc, không hề biết gì về những đám mây đen đã trôi bồng bềnh trên quá khứ của những người thân yêu.

Năm hạt cam khô

Hạ tuần tháng chín. Những ngọn gió thu phân thổi vào dữ dội, suốt ngày gió thét mưa gào. Khi buổi chiều dần đến, cơn bão càng lồng lộn; trong ống khói, gió kêu khóc như một đứa trẻ. Sherlock Holmes ngồi trầm tư ở một phía lò sưởi, tra cứu những hồ sơ hình sự. Tôi ngồi ở phía bên kia, chăm chú đọc một cuốn truyện về biển cả cho đến khi tiếng hú của gió từ ngoài đường như nhập vào trang sách và tiếng mưa tạt kéo dài ra thành tiếng sóng vỗ ì ầm. Nhà tôi đã về thăm mẹ nàng, nên tôi đến ở với Holmes tại phố Baker.

- Anh Holmes, chắc chắn là có tiếng chuông reo. Ai đến nhỉ? Một người bạn của anh chăng?

- Trừ anh ra, tôi không có người bạn nào.

- Vậy thì, một thân chủ?

- Nếu thế, đây là một trường hợp nghiêm trọng. Nhưng cũng có thể đó là một người bạn thân của bà chủ nhà.

Sherlock Holmes đã đoán sai, vì có tiếng bước chân trên hành lang và một tiếng gõ trên cửa. Anh vươn cánh tay dài ra để xoay đèn về phía cái ghế trống.

- Xin mời vào.

Người bước vào còn trẻ, khoảng hai mươi tuổi, ăn mặc bảnh bao và gọn gàng, cử chỉ đáng điệu lịch sự và tế nhị. Cái ô trên tay anh ta nước chảy ròng ròng, áo mưa cũng óng ánh nước. Dưới ánh đèn, chàng trai nhìn quanh một cách lo lắng, đôi mắt nặng trĩu, giống như đôi mắt của một người đang bị nỗi lo âu giày vò.

- Xin ông tha lỗi cho. Tôi tin rằng tôi không quấy rầy ông. Nhưng tôi đã mang một vài dấu vết của mưa bão vào trong căn phòng.

- Đưa áo khoác và ô cho tôi. Cứ đặt lên cái móc sẽ khô ngay thôi. Anh mới từ phía Tây Nam đến, phải không?

- Vâng, từ Horsham. Tôi đến để xin lời khuyên bảo.

- Dễ thôi.

- Và sự giúp đỡ.

- Điều đó thì không phải bao giờ cũng dễ dàng có được.

- Thiếu tá Prân-đơ cho tôi biết, chính ông đã cứu ông ta.

- À, đúng đấy. Ông ta bị cáo buộc về tội bài bạc lận.

- Ông ta bảo rằng ông có thể giải quyết bất cứ vấn đề gì.

- Ông ta nói hơi quá đấy.

- Và không bao giờ thất bại.

- Tôi đã bị đánh bại bốn lần rồi, ba lần do đàn ông, và một lần do phụ nữ.

- Nhưng so với những thành công của ông, thì có thấm tháp gì.

- Đúng là tôi thường thành công.

- Vậy thì, có thể trường hợp của tôi cũng thế.

- Anh hãy kéo ghế tới gần lò sưởi, và cho tôi biết vài chi tiết về trường hợp của anh.

Chàng trai kéo ghế đến gần lò sưởi và dang cái chân ướm ra về phía ngọn lửa, rồi nói một cách rõ ràng:

- "Tôi là Ô-pen. Ông nội tôi có hai người con trai: chú Ê-li và cha tôi là Jô-dép. Cha tôi có một nhà máy nhỏ tại Coventry, làm ăn phát đạt đến nỗi ông có thể bán cái nhà máy ấy đi để về dưỡng già với một khoản thu nhập đáng kể.

"Chú Ê-li đi sang Mỹ khi còn trẻ, và trở thành một chủ đồn điền ở Florida. Vào thời kỳ chiến tranh, chú tôi chiến đấu trong quân đội của tướng Jackson, và sau đó, dưới quyền chỉ

huy của tướng Hood với quân hàm đại tá. Khi tướng Lee đầu hàng, chú tôi trở về đồn điền của ông. Vào khoảng năm 1869 hoặc 1870, chú trở lại châu Âu, mua một thái ấp nhỏ tại Sussex, gần Horsham. Ông đã gây dựng một cơ nghiệp đáng kể tại Mỹ, nhưng ông bỏ đi vì ghét những người da đen và ghét chính sách của đảng Cộng hòa vì đảng này đã nói rộng quyền dân chủ cho dân da đen. Ông là một người độc ác, hung hãn và nóng nảy; khi nổi giận, ông ăn nói rất cộc cằn, tính không ưa giao tiếp. Ông uống rượu mạnh, nghiện thuốc lá nặng. Ông không giao tiếp với ai và không cần đến bè bạn, ngay cả với cha tôi.

“Ông có cảm tình với tôi vì khi ông gặp tôi lần đầu tiên, tôi mới 12 tuổi. Ông nài nỉ cha tôi cho tôi sống với ông. Lúc không say sưa, ông thích chơi cờ đam với tôi, và tôi thường thay mặt ông, để giao thiệp với các tôi tớ và nhà buôn, vì thế vào lúc 16 tuổi, tôi gần như là chủ của ngôi nhà. Tôi giữ mọi chìa khóa. Tuy thế, có một ngoại lệ đặc biệt: ông có một căn phòng để chứa đồ đạc trên căn gác thượng, bao giờ cũng khoá, và ông không bao giờ cho phép bất cứ ai bước vào, kể cả tôi.

“Một hôm vào tháng 3 năm 1883 một lá thư với con dấu nước ngoài nằm trên bàn.

- Từ “Ấn Độ”, ông nói, khi ông nhặt nó lên, “dấu bưu điện Pondichéry. Thế là thế nào?”

“Ông vừa mở ra thì từ trong đó 5 hạt cam rơi xuống cái khay của ông. Tôi bắt đầu cười, nhưng liền ngưng lại ngay vì thấy nét mặt ông thay đổi; môi ông mím lại, mắt sừng sốt nhìn vào cái phong bì trong bàn tay run rẩy. Ông hét lên:

- K.K.K.! Lạy Chúa, lạy Chúa, tội lỗi của tôi đã bắt kịp tôi!

- Cái gì vậy, chú?

- Từ Thần!

“Ông lui về phòng. Tôi cầm phong bì lên thấy rõ 3 chữ K được viết nguệch ngoạc bằng mực đỏ trên nắp bì thư, phía

bên trong, ngay chỗ dán keo. Không có gì khác, ngoài 5 hạt cam khô? Tôi rời bàn điếm tâm, và khi bước lên cầu thang, tôi gặp ông đi xuống, một tay cầm chiếc chìa khoá gỉ sét, tay kia là một cái hộp bằng đồng nhỏ.

- "Chúng cứ làm những gì chúng thích, nhưng tao sẽ đánh bại chúng". ông nói với một lời thề. "Nói với Mary rằng tao cần một chút lửa trong phòng tao đêm nay, và hãy mời ông luật sư Ford ở Horsham đến".

"Khi luật sư đến, tôi được yêu cầu bước lên phòng. Lửa đang cháy sáng, và nơi ghi lò sưởi có một đồng tro đen, giấy đã bị đốt, còn cái hộp thì mở toang ra, trống rỗng. Khi liếc nhìn cái hộp, tôi giật mình vì trên nắp được khắc ba chữ K.

- Nay cháu, chú muốn cháu chứng kiến di chúc của chú. Chú để lại thái ấp của chú cho anh chú, tức là cha cháu, rồi về sau, chắc chắn sẽ truyền xuống cho cháu. Mong sao cha cháu sẽ thừa hưởng nó một cách êm đẹp! Nếu thấy bất lợi, thì cháu hãy giao lại cho kẻ thù của chúng ta. Chú tiếc phải trao một con dao hai lưỡi lại cho cha cháu và cháu. Cháu hãy ký vào bản di chúc.

"Tôi ký tên và ông luật sư mang tờ di chúc theo ông. Tôi cứ suy nghĩ mãi mà vẫn không hiểu gì cả. Sau ngày đó, chú tôi uống rượu nhiều hơn bao giờ, và hầu như ông luôn luôn ở trong phòng, khoá cửa từ bên trong, nhưng đôi khi ông xuất hiện trong trạng thái say sưa điên dại, nhảy xổ ra khỏi nhà, đi sục sạo trong vườn với một cây súng ngắn, hét to lên rằng ông chẳng sợ đứa nào, rằng ông không thể bị nhốt như một con cừu trong chuồng. Nhưng khi cơn cuồng nộ qua đi, ông chạy vụt vào phòng, khoá chặt cửa lại, giống như một người không chịu được sự khiếp đảm lâu hơn nữa. Một đêm kia, ông lại rơi vào một cơn điên dại và không bao giờ trở về nữa. Khi đi tìm, chúng tôi phát hiện ra ông nằm úp mặt trong một cái ao nhỏ có váng màu xanh ở cuối khu vườn. Không có dấu hiệu gì của sự hành hung, và nước chỉ sâu 2 feet, bởi vậy người bồi thẩm cho rằng đó là một vụ tự tử. Cha tôi thừa hưởng thái ấp và 14.000 đô-la đứng tên ông tại ngân hàng.

- "Hãy ngừng một lát". Holmes nói xen vào. "Hãy cho tôi biết chú anh nhận lá thư đó vào ngày nào, và ông ta chết vào ngày nào".

- Lá thư đến ngày 10 tháng 3 năm 1883. Cái chết của ông xảy ra 7 tuần sau đó, vào đêm mùng 2 tháng 5.

- Cảm ơn. Xin kể tiếp.

- "Khi cha tôi tiếp nhận tài sản tại Horsham, ông đã xem xét kỹ cái gác thượng. Cái hộp bằng đồng vẫn nằm tại đó, những thứ bên trong đã bị hủy đi. Phía trong của cái nắp là một cái nhãn bằng giấy, có in 3 chữ K, và dưới nó là mấy chữ "Thư từ, sổ ghi nhớ, biên lai" và "một quyển sổ". Chúng tôi cho rằng những thứ này cho biết tính chất của những thứ mà chú tôi đã hủy đi. Những thứ còn lại trong căn phòng trên gác không có gì quan trọng, trừ một số lớn những tờ giấy yương vãi và những quyển sổ nói về cuộc sống của chú tôi tại Mỹ.

"Bước sang năm 84, cha tôi đến sống tại Horsham và mọi sự tiến hành tốt đẹp cho đến ngày 4 tháng giêng năm 1885, tôi nghe cha tôi kêu lên một tiếng khủng khiếp khi chúng tôi ngồi với nhau tại bàn điểm tâm. Ông ngồi đó, trong tay cầm một bì thư vừa mới mở, tay kia là 5 hạt cam khô.

- Ồ, thế này là thế nào hả con? - Cha tôi lấp bấp hỏi.

- Đó là K.K.K. - Tôi đáp, lòng tè dại.

Ông nhìn vào trong phong bì.

- Đúng như thế. Chính là K.K.K. Nhưng phía trên nó là cái gì thế?

- "Hãy đặt những giấy tờ trên cái đồng hồ mặt trời" - Tôi hé mắt nhìn qua vai ông, và đọc.

- Giấy tờ gì thế? Cái đồng hồ mặt trời nào?

- Cái đồng hồ mặt trời ở trong vườn. Không có cái nào khác. Còn về giấy tờ, thì chắc đó là những giấy tờ đã bị hủy đi.

- Ủi chà! Chúng ta đang ở trong một vùng đất văn minh, và không thể có cái chuyện vớ vẩn kiểu này. Lá thư từ đâu đến? - Ông nói, ra vẻ gan dạ.

- Từ Dundee - Tôi đáp, nhìn vào dấu bưu điện.

- Cha có dính dáng gì tới những giấy tờ và cái đồng hồ mặt trời? Cha không thêm quan tâm tới một chuyện bậy bạ như thế.

- Chắc là con nên báo cho cảnh sát biết. - Tôi nói.

- Để người ta cười cho ấy à? Không nên làm rùm beng về một chuyện vớ vẩn như thế.

Biện luận với ông thật vô ích, bởi vì ông là một người rất độc tài. Tuy thế, tôi vẫn không yên lòng, tâm trí bị ám ảnh bởi những chuyện chẳng lành.

"Ba ngày sau khi nhận được lá thư, cha tôi đi thăm một người bạn cũ, thiếu tá Fri, ông này đang chỉ huy một trong những đơn lữ trên đồi Portsdown. Tôi mừng là ông đã đi, vì tôi thấy dường như càng đi xa nhà, thì ông càng tránh được sự nguy hiểm. Sau khi ông vắng nhà hai ngày, tôi nhận được điện tín. Thiếu tá yêu cầu tôi đến ngay. Cha tôi đã ngã xuống một trong những hố đá vôi ở quanh vùng đó, và đang nằm bất tỉnh. Tôi vội vã đến, nhưng ông lịm đi và không bao giờ tỉnh dậy nữa. Dường như ông đã từ vùng Farcham trở về vào buổi hoàng hôn, vùng quê thì lạ lẫm đối với ông, mà những hố đá vôi thì không có hàng rào bao quanh, vì thế, người bồi thăm đã kết luận *"chết vì tai nạn bất ngờ"*.

"Khi xem xét lại mọi sự kiện liên quan đến cái chết của ông, tôi không tìm thấy một cái gì có thể gợi lên ý tưởng về vụ mưu sát. Không có dấu hiệu của sự hành hung, không có dấu chân, không có vụ cướp bóc nào, cũng không có bằng chứng nào về sự xuất hiện của những người lạ mặt trên những con đường. Thế nhưng, tôi rất lo lắng, và chắc chắn đã có một âm mưu gài bẫy ông.

"Cái chết của cha tôi đến vào tháng giêng năm 1885, và từ đó đến nay, 2 năm 8 tháng đã trôi qua. Trong thời gian này tôi bắt đầu hy vọng rằng những hạt cam đã rời bỏ gia đình tôi, rằng nó đã chấm dứt với đời cha tôi. Nhưng sáng hôm qua, cú đánh đã bổ xuống".

Chàng thanh niên lấy ra từ áo gi-lê một cái phong bì nhàu nát, và quay sang bàn, anh ta lắc nhẹ, làm rơi xuống *năm hạt cam khô*.

- Đây là cái phong bì. Dấu bưu điện Luân Đôn, phía Đông. Bên trong là những chữ y như trên cái thông điệp cuối cùng mà cha tôi nhận được: "K.K.K." Tiếp theo đó là: "*Hãy đặt những giấy tờ lên cái đồng hồ mặt trời*".

- Anh đã làm gì?

- Không làm gì cả.

- Không làm gì cả à?

- "Thật tình mà nói", anh ta áp mặt xuống hai bàn tay gầy xanh của mình, "tôi đã cảm thấy bất lực. Tôi cảm thấy mình như một con thỏ khốn nạn khi con rắn đang bò về phía nó. Mọi sự đề phòng đều chỉ uống công thôi".

- Anh phải hành động, chàng trai ạ, nếu không, anh sẽ bị lâm nguy đấy. Chỉ có nghị lực mới cứu nổi anh.

- Tôi đã gặp cảnh sát.

- A!

- Nhưng họ lắng nghe câu chuyện của tôi với một nụ cười. Holmes vung hai bàn tay nắm chặt của anh lên không khí.

- Ngu xuẩn không chịu được! - Anh kêu lên.

- Tuy vậy, họ cho một cảnh sát đến ở trong nhà với tôi.

- Ông ta có đi theo anh tới đây không?

- Không. Ông ta được lệnh lưu lại trong nhà.

Một lần nữa Holmes bực tức, nói lầm bầm:

- Tại sao lúc ấy anh không đến với tôi? Và trên hết, tại sao anh không đến ngay?

- Tôi cũng không biết nữa. Chỉ mới hôm qua, tôi kể cho thiếu tá Prân-đơ nghe những rắc rối của tôi, và ông ta khuyên tôi tìm đến ông.

- Vậy là, đã hai ngày trôi qua từ khi anh nhận được lá thư. Lê ra, chúng ta nên hành động sớm hơn. Anh không còn bằng chứng nào, một chi tiết gợi ý nào khác, khả dĩ giúp chúng tôi?

- “Có một cái này”, người thanh niên nói, lục lọi trong túi áo khoác và kéo ra một tờ giấy có đường kẻ xanh, phai màu, và đặt nó lên bàn. “Vào hôm chú tôi đốt giấy tờ, tôi có thấy những cái mép nhỏ không bị cháy, nằm giữa đống tro, nó có cái màu đặc biệt lắm. Tôi thấy nó nằm ở trên sàn phòng ông và tôi đoán rằng, có lẽ nó là một trong những tờ giấy bay ra, nhờ thế mà khỏi bị cháy”.

Holmes đi chuyển cái đèn, và cả hai chúng tôi cúi xuống nhìn vào tờ giấy. Cái mép xơ ra, cho thấy nó được xé từ một quyển sổ. Đầu đề là: “*Tháng 3, 1869*”, và dưới đó là những dòng chữ khó hiểu.

Ngày 4, Hudson đến. Nhà ga cũ ấy.

Ngày 7, đặt những hạt cam lên Mc Cauley, Paramore, và Swain của St Augustine.

Ngày 9, Mc Cauley giải tòa.

Ngày 10, Swain giải tòa.

Ngày 12, Viếng thăm Paramore. Tất cả đều tốt đẹp.

- “Cám ơn anh”. Holmes nói, gấp mảnh giấy lại và trả cho người khách, “và bây giờ anh không thể vì lý do gì để mất một khác. Anh phải về nhà và hành động ngay”.

- Tôi sẽ làm gì?

- Chỉ có một việc để làm và phải làm ngay lập tức. Anh hãy đặt tờ giấy này vào trong cái hộp bằng đồng ấy. Anh cũng nên viết vài dòng chữ, nói rằng tất cả những giấy tờ khác đã bị chú anh đốt rồi, và đây là mảnh giấy duy nhất còn lại. Anh phải khẳng định điều đó bằng những lời lẽ có sức thuyết phục đối với họ. Rồi, anh phải lập tức đặt cái hộp lên trên cái đồng hồ mặt trời. Anh hiểu rồi chứ?

- Tôi hiểu rõ.

- Hiện tại, đừng có nghĩ tới chuyện trả thù. Việc đầu tiên là phải loại bỏ cái nguy hiểm đang đe dọa anh. Việc thứ hai là làm sáng tỏ cái bí mật và trừng trị thủ phạm.

- "Cám ơn ông", chàng trai nói, và đứng lên, mặc áo khoác vào. "Ông đã cho tôi một niềm hy vọng mới. Tôi sẽ làm theo lời ông".

- Đừng bỏ mất một khắc. Và hãy cẩn thận giữ mình, một mối nguy hiểm đang rình rập anh. Anh về nhà bằng gì?

- Bằng xe lửa từ Waterloo.

- Chưa đến 9 giờ. Phố xá còn đông đủ, nên tôi tin chắc là anh sẽ được an toàn.

- Tôi có vũ khí.

- Tốt lắm. Ngày mai, tôi sẽ bắt tay vào trường hợp của anh.

- Vậy, tôi sẽ gặp ông tại Horsham?

- Không. Sự bí mật của anh nằm tại Luân Đôn. Tôi sẽ tìm kiếm nó ngay tại đây.

- Vậy, trong một, hai ngày nữa, tôi sẽ đến chỗ ông, với những tin tức về cái hộp và những giấy tờ.

Anh ta bắt tay chúng tôi rồi giã từ. Bên ngoài gió vẫn gào thét và mưa tạt lộp độp vào các cửa sổ.

- Anh Watson, trong tất cả những vụ án của chúng ta, chưa có vụ nào quái lạ hơn vụ này.

- Có lẽ thế, trừ ra vụ "*Truy tìm dấu hiệu của bộ tử*".

- Vâng, có lẽ. Thế nhưng chàng trai này dường như đang bước đi giữa những mối nguy hiểm lớn hơn những nguy hiểm của gia đình Sơn-tô.

- Nhưng anh đã xác lập được một quan niệm rõ ràng nào về những mối nguy hiểm này chưa?

- Bản chất của chúng thì đã rõ.

- Vậy, những nguy hiểm ấy như thế nào? K.K.K. là ai? Tại sao hắn theo đuổi gia đình này?

Sherlock Holmes nhắm mắt lại và đặt hai cùi chỏ lên tay ghế, những đầu ngón tay chụm vào nhau.

- Khi đã có trong tay một sự kiện riêng lẻ trong toàn bộ tình huống, nhà lý luận lý tưởng sẽ suy diễn ra từ nó không chỉ tất cả những chuỗi biến cố dẫn đến nó, mà còn suy diễn ra được những kết quả xuất phát từ nó.

Xưa kia tôi đã nói rằng một người phải dự trữ trong trí óc anh ta những đồ đạc mà anh ta có thể phải dùng đến, và những thứ còn lại, anh ta có thể cất đi vào kho chứa, nơi mà anh ta có thể lấy, khi cần. Bây giờ, đối với trường hợp này, chúng ta phải trưng dụng tất cả những tài nguyên sẵn có. Làm ơn đưa cho tôi quyển văn "K" của bộ *Bách khoa từ điển* nằm trên kệ. Cám ơn. Bây giờ, hãy xem ta có thể suy diễn ra từ nó được cái gì. Trước hết, chúng ta có thể bắt đầu bằng một giả thiết rằng ông đại tá có một lý do rất mạnh mẽ để rời nước Mỹ. Những con người ở vào tuổi đó không đại gì mà đổi cái khí hậu dễ chịu của Florida để lấy một cuộc sống cô đơn tại một thị trấn Anh quốc. Điều này gợi ra ý tưởng rằng, *ông đã sợ hãi một ai đó, hoặc một cái gì đó*. Về chuyện ông ta sợ cái gì, chúng ta chỉ cần suy diễn từ những lá thư khủng khiếp đã đến với ông ta và những người thừa kế của ông ta. Anh có để ý con dấu bưu điện trên những lá thư này không?

- *Lá thư đầu tiên đến từ Pondichéry, lá thư hai từ Dundee, lá thư ba từ Luân Đôn.*

- Hai lần đầu đến ở về phía Đông của Luân Đôn. Anh suy diễn ra điều gì từ chi tiết đó?

- Ở phía Đông toàn là những hải cảng. *Người viết thư đã ở trên một con tàu.*

- Tuyệt diệu! Chúng ta đã có một đầu mối. Rất có thể là người viết thư đã ở trên một con tàu. Và bây giờ, chúng ta hãy xem xét một điểm khác. Trong trường hợp lá thư đến từ Pondichéry, thời gian trôi qua giữa lời đe dọa và sự thực hiện là 7 tuần lễ; trong trường hợp thư đến từ Dundee thì khoảng cách ấy chỉ còn lại 4, 5 ngày. Sự chênh lệch ấy nói đến điều gì?

- Một khoảng cách xa hơn để đi.

- Nhưng, lá thư cũng phải có một khoảng cách xa hơn để đến.

- Tôi không hiểu điểm ấy.

- Rất có thể cái thuyền mà trên đó người ấy có mặt, là một thuyền buồm. Hình như họ thường gửi lá thư báo hiệu trước khi họ hành động. Anh thấy, trong trường hợp thư đến từ Dundee, hành động đã đến chóng vánh sau khi có báo hiệu: chỉ có 5 ngày. Nếu họ đến từ Pondichéry bằng tàu thủy, họ đã có thể đến cùng lúc với lá thư. Nhưng thực ra, họ đến sau lá thư 7 tuần. Tôi nghĩ rằng thời gian 7 tuần này nói lên sự khác biệt giữa tốc độ của cái tàu đưa thư (chở lá thư) và cái tàu buồm (chở người gửi thư).

- Có thể.

- Và bây giờ tại sao tôi lại thúc giục chàng trai phải giữ mình cẩn thận. Ngón đòn thường giáng xuống vào cuối khoảng thời gian mà người gửi thư phải dùng để vượt khoảng cách. Nói cách khác, ông ta cho thư đi trước, còn mình thì đi sau, nhưng hề vừa tới nơi là ra tay liền. Nhưng lá thư này đến từ Luân Đôn, vì thế mà chúng ta không thể trì hoãn được.

- Trời ơi!

- Những thứ giấy tờ mà ông đại tá mang theo, rõ ràng là rất quan trọng đối với người ở trên thuyền buồm. Đó là một nhóm người, chứ không phải một người. Một kẻ đơn thương độc mã không tài nào giết chết hai mạng người một cách khéo léo đến mức đánh lừa được cả điều tra viên của ban hội thẩm. Chắc chắn bọn chúng phải là những con người tháo vát và cương quyết. Chúng muốn lấy cho bằng được những giấy tờ, bất kể ai đang cất giữ. Như thế, K.K. K. không còn là tên viết tắt của một cá nhân mà đã trở thành tên của một hội đoàn.

- Nhưng hội đoàn nào?

- Anh chưa bao giờ nghe nói đến bọn Ku Klux Klan sao?

- Chưa bao giờ cả.

Holmes lật những trang giấy của quyển bách khoa đặt trên đầu gối anh.

- Đây rồi! Ku Klux Klan. Một cái tên phát xuất từ âm thanh phát ra khi lên đạn một khẩu súng trường. Cái hội kín khủng khiếp này được thành lập bởi những cựu chiến binh Liên Bang tại những Tiểu Bang miền Nam sau nội chiến, và nó nhanh chóng thành lập những chi nhánh địa phương tại nhiều vùng khác nhau của nước Mỹ, nhất là tại Tennessee, Louisiane, Carolines, Géorgie và Florida. Quyền lực của nó được sử dụng vào những mục đích chính trị, chủ yếu là để khủng bố cử tri da đen, để ám sát và trục xuất những kẻ nào chống đối các quan điểm của nó. Trước lúc hành động, nó thường báo trước cho nạn nhân bằng một hình thức quái dị nào đó, nhưng thường dễ nhận ra. Tại một vài vùng, kẻ bị trừng phạt nhận được một nhánh lá sồi, tại những vùng khác, những hạt dưa hay những hạt cam. Khi nhận được tín hiệu này, nạn nhân có thể công khai từ bỏ lối sống cũ của mình, hoặc có thể chạy trốn sang nước khác. Nếu nạn nhân liêu lĩnh thách đố, thì chắc chắn Tử Thần sẽ đến viếng anh ta, và thường là dưới những hình thức quái dị và không thể đoán trước. Cách tổ chức của hội kín này quá hoàn hảo và phương pháp hành động của họ quá hệ thống, đến nỗi chưa có ai chống lại nó mà không bị trừng trị và các thủ phạm của những cuộc khủng bố này chưa bao giờ bị phát hiện. Tổ chức này thịnh hành trong một vài năm, mặc dù chính phủ Mỹ và những giai cấp tiên bộ hơn trong cộng đồng tại miền Nam đã cố công dập tắt. Sau cùng, vào năm 1869, phong trào xẹp xuống một cách đột ngột, mặc dù từ thời điểm đó về sau, thỉnh thoảng lại nổ ra một vụ khủng bố kiểu như thế”.

- “Anh sẽ thấy”, Holmes nói, đặt quyển sách xuống, “Rằng sự tan rã đột ngột của hội kín này trùng hợp với việc ông đại tá Ê-li trốn khỏi nước Mỹ cùng với những giấy tờ của

ông ta. Thảo nào mà luôn luôn có những bóng theo đuổi ông ta và gia đình ông ta - một cuộc săn đuổi quyết liệt và dai dẳng. Quyền sở và quyền nhật ký kia có dính líu đến một vài người đầu tiên tại miền Nam và nó đã làm cho nhiều người mất ăn mất ngủ khi nào họ chưa lấy lại được.

- Vậy là cái trang mà chúng ta đã thấy...

- Nếu tôi nhớ đúng, thì nội dung của nó như thế này: "Đã gửi những hạt cam tới A, B và C", nghĩa là đã gửi tín hiệu đến cho những người ấy. Rồi tiếp theo đó là những đề mục nói rằng A và B được giải tỏa, hoặc rời đất nước và sau cùng C đã được thăm viếng, nghĩa là C đã bị trừng phạt. Tôi tin rằng cơ may duy nhất mà chàng trai Ô-pen có được trong lúc này, là làm theo lời tôi khuyên. Đêm nay không còn gì để nói nữa, vậy hãy đưa cho tôi cây vĩ cầm.

Sương mù đã tan đi vào buổi sáng. Mặt trời tỏa ánh sáng dịu dịu xuyên qua màn sương mờ giăng qua thành phố Luân Đôn. Holmes đã ngồi tại bàn điểm tâm khi tôi đi xuống.

- Cả ngày nay tôi sẽ bận rộn để xem xét trường hợp của chàng trai.

- Anh sẽ đi những bước nào?

- Có thể là tôi phải đi xuống Horsham.

- Anh sẽ không đến đó trước?

- Không. Tôi sẽ bắt đầu với thành phố Luân Đôn. Cứ rung chuông, chị giúp việc sẽ mang cà phê lên cho anh.

Trong khi chờ đợi, tôi nhật tờ báo mới lên và liếc qua. Mắt tôi dừng lại trên một cái tít, nó làm tôi lạnh cả người.

- Holmes ạ, anh chạm mắt rồi! - Tôi kêu lên.

- Ồ! Tôi cũng đã e ngại điều đó. Sự việc diễn ra như thế nào? - Anh nói bằng giọng trầm tĩnh, nhưng tôi có thể thấy rằng anh đang xúc động mạnh mẽ.

Mắt tôi đập vào cái tên Ô-pen và cái tít: "THẨM KỊCH GẦN CẦU WATERLOO". Bài tường thuật như sau:

"Khoảng từ 9 tới 11 giờ đêm qua, cảnh sát Cuk thuộc phân khu H, trực gần cầu Waterloo, đã nghe một tiếng kêu cứu và tiếng nước tung toé. Song, đêm quá tối và cơn bão quá dữ dội, nên dù có sự trợ giúp của đám bảy người qua đường, vẫn không thể cứu được kẻ bị đắm. Tuy vậy, lời báo động được truyền đi, và nhờ sự trợ lực của đội cảnh sát trên sông, sau cùng tử thi được vớt lên. Bằng vào cái tên trên phong bì tìm thấy trong túi áo nạn nhân, ta biết đó là chàng trai Giôn Ô-pen, cư trú gần Horsham. Người ta đoán rằng, có thể là anh ta đang vội vã đi xuống để bắt kịp chuyến xe lửa cuối cùng phát xuất từ Waterloo, và rằng trong cơn vội vã và đêm đen như mực, anh ta đã lạc lối mà bước lên mép của một cầu tàu trên sông. Trên tử thi không thấy dấu vết của sự hành hung. Đây là một tai nạn rủi ro: tai nạn này sẽ có tác dụng kêu gọi chính quyền lưu ý tới tình trạng của những cầu tàu ven bờ sông".

Chúng tôi ngồi im lặng trong một vài phút. Chưa bao giờ Holmes xúc động như vậy.

- Biến cố này làm thương tổn tự ái của tôi. Bây giờ nó là một vấn đề của chính bản thân tôi. Tôi nhất định sẽ tóm cổ bọn này. Khốn nạn thay, anh ta đến cầu cứu tôi, thế mà tôi lại đưa anh ta vào chỗ chết!

Holmes nhảy ra khỏi ghế và bước đi quanh phòng trong trạng thái xúc động không thể kềm giữ, hai bàn tay khẳng khiu nắm vào, mở ra.

- Bọn chúng quả là một lũ quỷ tinh ranh. Làm thế nào chúng có thể nhử anh ta xuống đó? Đi tới nhà ga thì đâu cần phải qua lối đó. Cho dù vào một đêm tối tăm và mưa bão thì trên cầu vẫn đông đúc người qua lại, chúng không dễ gì thực hiện âm mưu. Ủ, để rồi xem. Bây giờ tôi đi đây!

- Đến cảnh sát?

- Không. Tôi sẽ là cảnh sát của chính tôi.

Suốt ngày tôi bận rộn với việc khám bệnh và khi tôi trở lại phố Baker thì đã xế chiều. Holmes vẫn chưa về. Gần đêm,

anh mới về tới, trông có vẻ xanh xao và mệt rã rời. Anh bước lại bên cái tủ buýp-phê, xé một miếng bánh mì nhai ngấu nghiến, rồi uống một ngụm nước.

- Anh đang đói!

- Đói meo. Từ sáng tới giờ, chưa có gì trong bụng cả.

- Công việc ra sao?

- Tốt.

- Anh đã có một đầu mối?

- Bọn chúng đang ở giữa lòng bàn tay tôi. Chẳng bao lâu nữa, chàng trai sẽ rửa được mối thù. Ủ, chúng ta sẽ dán cái phù hiệu của chúng nó lên chúng nó. Kể cũng hay đấy?

- Anh muốn nói gì?

Holmes lấy từ trong chạn ra một quả cam, xé thành từng mảnh, rồi bóp cho những hạt cam rơi xuống bàn. Anh lấy năm hạt và nhét chúng vào một phong bì. Ở phía bên trong nắp phong bì, anh viết: "*S.H* gửi cho *J.C.*". Rồi anh dán lại, đề địa chỉ người nhận: *Thuyền trưởng James Calhoun, tàu NGÔI SAO CÔ ĐỘC, tiểu bang Géorgie.*

- "Lá thư sẽ đợi hấn khi hấn vào hải cảng" anh cười khúc khích, nói. "Lá thư sẽ cho hấn một đêm không ngủ. Hấn sẽ thấy rằng mọi sự vùn vụt đều vô ích, như điều mà chàng trai Ô-pen đã cảm nhận xưa kia".

- Thuyền trưởng Calhoun là ai?

- Là thủ lĩnh của bọn đó. Tôi sẽ tóm cổ những tên khác, nhưng hấn là người đầu tiên.

- Anh tìm ra tung tích bọn chúng như thế nào?

Holmes lấy từ trong túi ra một tờ giấy lớn, đây những cái tên và những con số chỉ ngày tháng.

- Tôi đã mất cả một ngày để xem xét nhiều tập hồ sơ cũ, theo dõi lộ trình sẽ đi của tất cả những tàu thủy đã cập bến Pondichéry vào tháng giêng và tháng hai năm 1883. Có 36 tàu

trọng tài khá lớn được báo cáo là có mặt ở đó, trong những tháng này. Trong số đó, có một chiếc tên là NGÔI SAO CÔ ĐỘC đã lôi cuốn sự chú ý của tôi, bởi vì nó mang tên của một tiểu bang ở Mỹ.

- Tôi nghĩ là tiểu bang Texas.

- Cho đến giờ tôi cũng không biết chắc là tiểu bang nào. Nhưng tôi đã biết chắc rằng đó là một chiếc tàu gốc tại Mỹ?

- Sau đó, anh làm gì?

- Tôi lục soát những hồ sơ về Dundee và khi tôi thấy rằng chiếc thuyền buồm NGÔI SAO CÔ ĐỘC có mặt tại đây vào tháng giêng năm 1885, thì tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Rồi tôi điều tra về những con tàu hiện đang nằm tại cảng Luân Đôn.

- Gì cơ?

- *Tuần trước, con tàu NGÔI SAO CÔ ĐỘC đã đến đây. Tôi đi xuống bến tàu và thấy rằng nó đã nhổ neo từ sáng sớm hôm nay, trên đường đến Savannah. Tôi đánh điện tới Gravesend, và được biết rằng nó đã đi qua một thời gian trước đó, vì gió đang thổi về hướng đông, tôi chắc chắn rằng bây giờ nó đã đi quá Goodwins, và cách đảo Wight không xa.*

- Rồi anh sẽ làm gì?

- *Ồ, tôi sẽ tóm cổ hắn. Theo tôi biết, trên tàu chỉ có ba người gốc Mỹ, là hắn và hai tên khác nữa. Số còn lại là người Phần Lan và người Đức. Tôi cũng biết *đem qua cả ba đứa đều rời khỏi tàu: chúng đi giết chàng trai của chúng ta. Tôi lấy được tin này từ người công nhân bốc xếp đã chất hàng cho chúng. Vào lúc chiếc tàu buồm của chúng đến Savannah, tàu đưa thư hắn đã mang lá thư đến đó rồi, và điện tin hắn đã báo cho cảnh sát tại Savannah biết rằng cần phải bắt giữ ba tên này về tội mưu sát.**

Tuy thế, những kẻ mưu sát chàng trai Ô-pen không bao giờ nhận được những hạt cam. Năm ấy, những cơn gió thu

phân kéo dài rất lâu và khắc nghiệt. Chúng tôi mỗi mòn chờ tin con tàu NGÔI SAO CÔ ĐỘC của Savannah, nhưng bật chim tăm cá. Sau cùng, chúng tôi nghe nói rằng, ở một nơi nào đó xa ngoài khơi Đại Tây Dương, người ta thấy một cái cột buồm phía đuôi tàu bị vỡ tan, đang lác lư trên sóng. Trên đó, có khắc bốn chữ "NSCE".

Người đàn ông môi trề

Một đêm tháng sáu của năm 1889, có chuông cửa reo. Tôi nhồm dậy trên ghế, còn vợ tôi thì đặt đồ may vá xuống, khẽ nhăn mặt, bực mình.

- Một bệnh nhân! Anh sẽ phải đi thôi - Nàng nói.

Tôi rên rỉ, vì vừa mới trở về sau một ngày mệt mệ. Có tiếng cửa mở, một vài lời nói vội vã và sau đó là những bước chân hối hả. Cửa lớn mở tung và một người phụ nữ mặc đồ sậm màu, che mặt bằng một tấm mạng, bước vào phòng.

- "Xin bỏ lối cho tôi vì đã gọi cửa vào giờ này". Bà ta bắt đầu nói. Rồi, không kìm được nữa, bà chạy về phía trước, quàng tay lên cổ vợ tôi và khóc nức nở trên vai nàng. "Tôi đang có chuyện chẳng lành, rất cần một sự trợ giúp, dù nhỏ bé!"

- "Ồ chị!" Vợ tôi nói, kéo tấm mạng của người khách lên. "À! Chị Ka-tê đây mà!"

- Tôi không biết phải làm gì, nên tôi đến chỗ anh chị.

- Chị đến đây là tốt lắm. Bây giờ, chị uống nước rồi kể cho tôi nghe. Ồ, tôi có nên mời ống đi nghỉ không nhỉ?

- Ồ, không đâu! Tôi cần lời khuyên và sự trợ giúp của bác sĩ nữa. Đây là chuyện về anh Isa. Đã hai ngày nay, anh ấy không về nhà. Tôi rất lo!

Đây không phải là lần đầu tiên chị Ka-tê nói với chúng tôi về chồng chị. Gần đây, anh thường lui tới một động phủ dung ở phía nam thành phố. Từ trước tới giờ, cơn say thuốc chỉ kéo dài khoảng một ngày, và anh trở về nhà vào buổi chiều, chân tay co giật, áo quần lếch thếch. Nhưng hiện giờ, đã bốn

mười tám tiếng đồng hồ rồi, và có lẽ anh đang nằm đó, giữa bọn người cận bã của bến tàu. “Có thể tìm thấy anh ấy ở đó”, chị ấy chắc thế, “tại Quán vàng trong hẻm Swandam”. Nhưng chị phải làm gì? Làm thế nào một người phụ nữ trẻ và rụt rè như chị, lại có thể đến một nơi như thế, để đem chồng mình ra khỏi những tên vô lại. Chỉ có một lối thoát. Tôi phải hộ tống chị đến chỗ ấy? Và rồi xét cho kỹ thì chị có nên đến đấy không? Tôi là cố vấn y học cho anh Isa và với tư cách đó, tôi có ảnh hưởng đối với anh ta. Tôi dễ dàng xoay sở nếu tôi đi một mình. Tôi hứa với chị, tôi sẽ đưa anh ta về nhà trong vòng hai tiếng đồng hồ, nếu quả thật anh ta đang ở đó. Thế là khoảng mười phút sau, tôi đã ngồi trên xe ngựa chạy bon bon.

Hẻm Swandam là một ngõ hẻm chật hẹp nằm ẩn khuất phía sau những cầu tàu cao chạy thẳng từ phía bắc của con sông đến phía đông cầu Luân Đôn. Trong khoảng giữa từ cái tiệm bán quần áo tới một quán rượu, tôi tìm thấy cái động phủ dung đó. Cho xe đợi ở ngoài, tôi đi xuống những bậc cấp trũng sâu ở phía giữa do những bước chân lên xuống liên tục của dân nghèo. Qua ánh sáng chập chờn của cây đèn dầu treo phía trên cửa lớn, tôi tìm thấy cái chốt và mò mẫm đi vào một căn phòng dài, thấp, nồng nặc mùi khói thuốc.

Xuyên qua bóng tối mờ mờ có thể thấy những thân người đang nằm trong những tư thế lạ lùng, đôi vai cúi xuống, đầu gối cong lại, đầu ngả ra sau, cằm ngửa lên trời, đây đó một con mắt đen, lơ lơ quay ra nhìn người mới đến. Từ phía trong những bóng đen tỏa ra những vòng ánh sáng lập lờ, khi tỏ khi mờ. Hầu hết nằm yên lặng, nhưng một vài người nói làm nhảm một mình, những người khác nói chuyện với nhau bằng giọng thấp, đơn điệu, kỳ dị. Cuộc đàm thoại của họ tuôn ra trong một lát, rồi bỗng nhiên chìm vào im lặng, mỗi người lẩm bẩm những ý nghĩ của chính mình, chẳng mấy lưu tâm đến những lời của người bên cạnh. Phía bên kia là một lò than hồng, bên cạnh nó, trên một cái ghế đầu gỗ ba chân có một

người đàn ông ngồi. Đó là một ông già cao, gầy gò, quai hàm tựa trên hai nắm tay, cùi chỏ đặt trên đầu gối, trở mắt nhìn vào lò sưởi.

Khi tôi bước vào, một người hầu Mã Lai vội vã vẫy tôi đến một cái giường ngủ để trống.

- Tôi muốn nói chuyện với anh Isa.

Có một sự chuyển động và một tiếng kêu từ bên phải của tôi, nhìn qua bóng tối nhờ nhờ, tôi thấy Isa đang trở mắt nhìn ra phía tôi.

- "Trời ơi! Watson đây à!" Anh ta nói, run rẩy một cách tội nghiệp. "Watson, mấy giờ rồi nhỉ?"

- Gần mười một giờ đêm.

- Ngày nào thế.

- Thứ sáu, mười chín tháng sáu.

- Trời đất! Tôi vẫn nghĩ là thứ tư đấy. Đúng là thứ tư! Sao anh lại hù tôi làm gì?

Anh ta úp mặt xuống hai cánh tay và bắt đầu khóc nức nở.

- Hôm nay là thứ sáu. Vợ anh đợi anh đã hai ngày rồi. Lẽ ra, anh phải biết xấu hổ chứ?

- Tôi không nhớ là thứ mấy. Nhưng tôi sẽ đi về với anh. Ôi, Ka-tê bé bỏng của tôi. Đưa tay anh cho tôi. Có xe chứ?

- Xe đang đợi.

- Vậy thì chúng ta đi về.

Tôi bước xuống lối đi hẹp giữa hai hàng người đang ngủ. Khi tôi đi ngang qua một gã đàn ông cao ngồi cạnh lò than, tôi cảm thấy có một cái giạt mạnh vào áo sơ mi của tôi, rồi nghe tiếng thì thào. "*Hãy đi ngang qua tôi, rồi quay lại nhìn tôi*". Tôi liếc nhìn xuống. Những lời đó, chỉ có thể cất lên từ ông già ở bên cạnh tôi, nhưng bây giờ ông ta vẫn ngồi trầm tư như bao giờ. Tôi bước tới hai bước rồi nhìn lui. Phải cố gắng

lắm tôi mới ngăn được một tiếng kêu kinh ngạc. Ông ta đã quay lưng để cho không ai có thể nhìn thấy mình, ngoài tôi ra. Dáng người ông ta đã mập ra, những nếp nhăn đã biến đi, đôi mắt lơ đãng đã sáng hẳn lên, và kia, ngồi bên cạnh lò sưởi và nhe răng cười: chính là Holmes. Anh khẽ ra hiệu cho tôi đến gần anh, và ngay lập tức, xoay nửa người về phía đám người nọ, trở lại thành một ông già run cầm cập, miệng há hốc.

- Holmes! Anh vào đây để làm gì? - Tôi thì thầm.

- Nói nhỏ một chút. Tai tôi thính lắm. Anh hãy tống hẩn đi nơi khác, tôi muốn nói chuyện với anh...

- Xe đợi ở ngoài.

- Vậy, cho hẩn đi bằng xe đó đi, rồi viết mấy chữ cho bà xã anh, nói rằng anh đang giúp tôi. Anh cứ đợi bên ngoài. Năm phút nữa, tôi sẽ ra.

Trong một vài phút, tôi đã viết xong lá thư cho nhà tôi, trả tiền xe cho Isa, dẫn anh ta ra xe, chỉ một lát sau, một dáng người già nua, ốm yếu hiện ra từ động phù dung. Ông ta kéo lê chân, gù lưng và một bàn chân đi cà nhấc. Rồi, bỗng người ấy nhanh nhẹn liếc nhìn ra phía sau, vươn người ra và bật lên một chuỗi cười hề hả.

- Nay Watson, tôi ngạc nhiên khi thấy anh ở đó.

- Tôi đến để tìm một người bạn.

- Còn tôi, để kiếm một kẻ thù.

- Một kẻ thù?

- Vâng, một trong những con mồi. Tôi hy vọng tìm thấy một đầu mối trong những lời lảm nhảm rời rạc của những dân nghiên này. Cái động đó! Chính là cái bẫy giết người ghê gớm nhất trong suốt dọc bờ sông, và tôi e rằng ông Cờ-le đã vào đó mà không bao giờ trở ra nữa. Nhưng cái bẫy của chúng ta sẽ đặt ở đây.

Anh đặt hai ngón tay trở vào giữa hai hàm răng và huýt sáo lạnh lạnh. Tín hiệu ấy được đáp lại bằng một tiếng huýt

sáo tương tự đằng xa, tiếp theo ngay sau đó là tiếng bánh xe lọc cọc và tiếng vó ngựa.

- Bây giờ, anh sẽ đi với tôi chứ?

- Nếu tôi giúp ích được.

- Ồ, một người bạn tin cậy luôn luôn có ích, và một người chép sử biên niên còn hữu ích hơn. Phòng của tôi tại biệt thự Tuyết Tùng, có hai giường.

- Biệt thự Tuyết Tùng?

- Vâng. Đó là nhà ông Cờ-le. Tôi đang ở đó để điều tra vụ này.

- Nó ở đâu?

- Gần thôn Lee, thuộc hạt Kent.

- Nhưng tôi vẫn chưa hiểu mô tê gì cả.

- Lát nữa đây anh sẽ biết mọi chuyện. Nhảy lên đi! Được rồi bác xà ích. Đây là tiền công của bác. Hãy đợi tôi ngày mai, vào khoảng mười một giờ. Chào nhé!

Anh quát roi và xe chúng tôi lao đi, băng qua những đường phố tối tăm, vắng vẻ và vô tận, những đường phố này rộng dần ra cho đến khi xe băng qua một cái cầu lớn có tay vịn, dưới đó là con sông đen thẫm chảy lờ đờ. Phía bên kia là những đống gạch, vôi vữa, sự yên lặng của chúng chỉ bị phá vỡ bởi tiếng bước chân nặng nề, đều đặn của người canh sát, hay những bài hát và tiếng quát tháo của một bọn người nhậu nhẹt say sưa về muộn. Một đám mây đang trôi lơ lửng ngang qua bầu trời và một, hai ngôi sao nhấp nháy mờ mờ đây đó xuyên qua những khe hở của đám mây. Holmes yên lặng cầm cương, đầu cúi xuống ngực, với dáng vẻ của một người đang đắm chìm trong suy tư, tôi ngồi bên anh, tò mò muốn biết cuộc truy tìm này là cái gì, nhưng lại không dám làm gián đoạn dòng suy tưởng của anh. Chúng tôi đã đi được năm, bảy dặm và bắt đầu đi đến mép vòng đai của một biệt thự ngoại ô, bỗng nhiên anh lác mình nhún vai và châm tẩu với cái vẻ của một người thỏa mãn.

- Anh Watson, tôi không biết đêm nay mình phải nói cái gì với người đàn bà này.

- Anh quên là tôi chưa biết gì về chuyện đó.

- Được, tôi sẽ kể rành rọt cho anh nghe, và may ra, anh có thể giúp tôi.

- Anh kể đi.

- Cách đây một vài năm, vào tháng 5 năm 1884, một gã đàn ông đến Lee. Ông ta tên là Cờ-le, có vẻ khá giả. Ông ta mua một cái vi-la lớn, và sống một cách đúng điệu. Dần dà, ông làm bạn với chòm xóm. Năm 1887, ông ta cưới con gái của một người nấu rượu địa phương, bà ta sinh được hai con. Ông ta không có nghề nghiệp, nhưng có cổ phần tại một vài công ty, và *thường lên phố vào buổi sáng, trở về nhà vào lúc năm giờ mười bốn phút vào buổi chiều*. Bảy giờ ông ta ba mươi bảy tuổi. Đó là một người điều độ, một người chồng tốt, một người cha thương con và là một con người được mọi người xung quanh yêu mến. Tôi có thể nói thêm rằng mặc dù số tiền nợ của ông ta hiện nay là tám mươi đô la, mười si linh. Nhưng ông ta có hai trăm hai mươi đô la trong ngân hàng. Vì vậy, vấn đề tiền bạc không làm ông ta lo nghĩ nhiều.

Thứ hai tuần trước, ông lên phố sớm hơn thường lệ. Trước khi đi, ông bảo rằng ông có hai việc quan trọng phải làm, và hứa sẽ đem về cho con trai một cái hộp có những hòn gạch nhỏ để chơi. Thế rồi, do một tình cờ run rui, vào đúng ngày thứ hai đó, sau khi ông ta đi một lát, *bà vợ nhận được một điện tín, báo tin rằng bà có một gói quà nhỏ đang nằm tại văn phòng của Công ty đóng tàu Aberdeen*. Ăn cơm trưa xong, bà lên phố, mua sắm vài đồ vật trên đường đi tới Công ty; sau đó, bà nhận gói hàng và đúng bốn giờ ba mươi lăm phút, bà đi bộ xuyên qua hẻm Swandam, trên đường trở lại nhà ga. Anh có theo dõi được không?

- Rất rõ ràng.

- Ngày thứ hai ấy cực kỳ nóng bức. Bà Cờ-le đi bộ chậm rãi, liếc nhìn quanh để tìm một chiếc xe ngựa. Trong khi bà đi bộ theo đường này xuống hẻm Swandam, bỗng nhiên bà nghe một tiếng kêu, bà lạnh cả người khi thấy chồng bà đang nhìn xuống bà và hình như ông đang vẫy gọi bà từ cửa sổ tầng lầu thứ hai. Cánh cửa sổ mở và bà thấy rõ chồng mình đang hốt hoảng. Ông ta vẫy gọi bà một cách điên dại rồi biến mất khỏi cửa sổ một cách bất ngờ, đến nỗi bà cảm thấy dường như ông ta đã bị kéo lui bằng một sức mạnh không cưỡng được. Một điểm kỳ lạ đập vào con mắt bà: chồng bà vẫn mặc áo khoác đen, như lúc ra đi, nhưng bà không thấy cổ áo sơ mi hay cà vạt đâu cả.

Bà chạy vội xuống bậc cấp (vì ngôi nhà ấy chính là cái động phù dung mà anh đã đến tìm Isa) rồi chạy băng qua phòng phía trước, cố leo lên cầu thang đến tầng một. Thế nhưng, tại chân cầu thang, bà gặp tên chủ nhà vô lại Lát-ca, hẳn cùng với một gã Đan Mạch đẩy bà ta ra ngoài đường phố. Lòng tràn ngập những mối ngờ vực và sợ hãi, bà lao xuống con hẻm và khi chạy tới đường Fresno, bà gặp một số cảnh sát và một người thanh tra. Những người này hộ tống bà trở lại, và đi vào cái phòng hồi nãy có ông Cờ-le. Họ không thấy ông ta đâu cả, trừ một gã tàn tật có gương mặt gớm ghiếc. Gã này và Lát-ca đều thề độc rằng suốt cả buổi chiều không có ai ở trong phòng phía trước. Bọn này phản đối một cách quá quyết liệt, đến nỗi vị thanh tra sừng sốt, và gần như tin rằng bà Cờ-le đã trông nhầm. Bỗng nhiên, bà kêu lên một tiếng, nhẩy chồm tới một cái hộp gỗ nhỏ nằm trên bàn và mở tung cái nắp ra. *Từ trong đó đổ ra những hòn gạch nhỏ cho trẻ con chơi.* Đó là món đồ chơi mà ông Cờ-le đã hứa đem về nhà.

Sự phát hiện này cùng với sự bối rối hiện ra trên gương mặt gã tàn tật, khiến cho ông thanh tra thấy vấn đề rất nghiêm trọng. Lập tức, họ mở cuộc khám xét. Căn phòng phía

trước được trang bị như một phòng khách, nó dẫn vào một phòng ngủ nhỏ, nhìn ra một bến tàu. Giữa bến tàu và cửa sổ phòng ngủ là một con lạch cạn, khi thủy triều rút, người ta nhìn thấy đáy, nhưng khi thủy triều lên, mực nước cao tới 1,4 mét. Cửa sổ phòng ngủ thì rộng và được mở từ phía bên dưới. Trên bậu cửa sổ có nhiều vết máu, một vài giọt rơi trên sàn gỗ của giường ngủ. Phía sau cái màn cửa của căn phòng phía trước, người ta thấy toàn bộ áo quần của ông Cờ-le, trừ cái áo khoác: giầy, ủng, bít tất, mũ và đồng hồ đeo tay. Trên mọi thứ đồ vật, không có dấu hiệu nào của sự hành hung. Rõ ràng là ông ta đã đi ra ngoài cửa sổ, vì người ta không thấy có lối ra nào khác, những vết máu cho thấy ông ta đã bị lâm nguy hơn là đã trốn thoát.

Tên vô lại Lát-ca là một người có tiền án, nhưng theo lời kể của bà Cờ-le, thì hẳn chỉ có thể là một kẻ tòng phạm, vì sau khi bà trông thấy chồng tại cửa sổ được vài phút thì hẳn xuất hiện ở chân cầu thang. Hẳn phản đối, bảo rằng hẳn không biết gì về những việc làm của Bun, người khách cư trú tại đó. Hẳn cũng nói rằng hẳn không thể nào giải thích được sự hiện diện của những áo quần của người đàn ông mất tích.

Gã tàn tật Bun sống trên tầng hai của động phù dung. Những ai lên thành phố nhiều lần đều quen với cái gương mặt gớm ghiếc của hắn. Hắn ăn mày chuyên nghiệp nhưng giả bộ bán diêm quẹt. Hắn chiếm một góc nhỏ trên đường Threadneedle làm chỗ ngồi hàng ngày, chân bắt chéo, một hộp diêm nhỏ trên đầu gối. Trông hắn rất tội nghiệp, vì thế mà những đồng xu rơi như mưa xuống cái mũ da bên cạnh hắn. Tôi đã quan sát gã này hơn một lần trước khi nghĩ đến chuyện làm quen với tư cách bạn đồng nghiệp. Đây là người mà bây giờ chúng ta biết là một kẻ cư trú thường xuyên tại động phù dung, và cũng là người cuối cùng đã nhìn thấy Cờ-le.

- Nhưng một gã tàn tật đơn thương độc mã thì làm gì được một người đàn ông còn trẻ tuổi?

- Hấn ta chỉ đi cà nhắc thôi, trông hấn khỏe mạnh và ăn uống đầy đủ. Kinh nghiệm y học cho biết rằng nhược điểm nơi một chân thường được bù lại bằng một sức mạnh phi thường nơi những chỗ khác.

- Anh cứ kể tiếp.

- Bà Cờ-le đã ngất đi khi thấy máu trên cửa sổ và được cảnh sát đưa về nhà. Thanh tra Ba-tôn xem xét hiện trường rất kỹ nhưng không thấy một tia sáng nào. Cảnh sát không bắt giữ Bun ngay, để cho hấn có một vài phút liên hệ với Lát-ca, nhưng sai lầm này đã được sửa chữa: hấn đã bị bắt và lục soát, nhưng không tìm thấy cái gì có thể buộc tội hấn. Đúng là có vài vết máu trên tay áo sơ mi phía bên phải của hấn, nhưng hấn chỉ vào ngón tay đeo nhẫn, có vết đứt. Hấn còn nói thêm, trước đó không lâu hấn đã đứng tại cửa sổ, những vết máu ở đó, cũng là máu của hấn. Về điều bà Cờ-le xác nhận rằng bà đã thấy chồng mình tại cửa sổ, hấn nói rằng có lẽ bà ta mơ màng đó thôi. Hấn được đưa tới trạm cảnh sát, trong khi đó viên thanh tra ở lại hiện trường chờ nước rút xuống.

Khi nước rút xuống, họ không thấy ông Cờ-le, mà thấy cái áo khoác của ông ta. Và đó anh biết, họ thấy gì trong những túi áo?

- Tôi không thể tưởng tượng được.

- Mọi túi áo đều đầy tiền kim loại: có tất cả 421 xu và 270 đồng nửa xu. Thảo nào mà nó đã không bị nước cuốn đi. Giữa cái bến tàu và cái động, nước xoáy dữ dội. Có lẽ, cái áo nặng trĩu đã nằm lại trong khi cái cơ thể trần truồng đã bị nước cuốn vào con sông.

- Nhưng, tất cả những y phục khác đều được tìm thấy ở trong phòng. Chả là ông ta chỉ mặc mỗi cái áo khoác?

- Không, bạn ạ. Có thể là các sự kiện chỉ mới được nhìn thấy một cách khá hời hợt. Giả thử rằng gã Bun này đã ném

Cờ-le qua cửa sổ và không có ai trông thấy. Rồi, hắn sẽ làm gì? Phải thủ tiêu các y phục! Hắn chộp lấy cái áo khoác, nhưng chỉ sắp ném nó ra, hắn bỗng thấy rằng cái áo sẽ không chìm xuống. Thời gian rất gấp rút, vì hắn đã nghe tiếng xô xát ở dưới cầu thang khi người vợ cố sức chống cự để leo lên.

Hắn lao tới một cái góc bí mật nào đó, nơi hắn đã tích lũy thành quả "lao động" của hắn nhét những đồng xu vào đây các túi áo, để ăn chắc nó sẽ chìm xuống. Hắn ném nó ra, và hắn định ném luôn những thứ khác nữa, nhưng không kịp. Hắn chỉ còn đủ thời gian để đóng cửa sổ khi cảnh sát xuất hiện.

- Lý luận nghe được lắm.

- Vâng, chúng ta sẽ xem đó như là một giả thiết tạm thời, vì chưa có giả thiết nào tốt hơn. Cảnh sát thấy hắn chưa có tiền án nào cả. Cuộc sống của hắn có vẻ như là một cuộc sống lạnh lẽo và vô tội. Hiện nay vấn đề ngừng ở đó, và những câu hỏi cần phải được trả lời: *Cờ-le đã làm gì trong động phù dung? Tại đó, chuyện gì đã xảy đến cho ông ta? Và Bun có dính líu gì tới vụ mất tích của ông ta chăng?*

- Bây giờ chúng ta đang ở vùng ngoại ô của Lee. Vậy là chúng ta đã đi ngang qua ba hạt của nước Anh trong chuyến đi ngắn này. Anh thấy làn ánh sáng giữa hai cái cây chứ? Đó là biệt thự Tuyết Tùng, bên cạnh cái đèn là một người đàn bà.

- Tại sao anh không điều tra vụ này từ phố Baker?

- Bởi vì có nhiều cuộc thăm dò phải thực hiện ở đây. Bà Cờ-le đã có lòng tốt dành riêng cho tôi hai phòng. Tôi không muốn gặp bà khi chưa có tin gì về người chồng. Đến rồi.

Xe chúng tôi đậu lại đằng trước một vi-la lớn. Cậu bé giữ ngựa đã chạy tới đầu con ngựa. Tôi nhảy xuống, theo Holmes lên lối đi rải đá nhỏ, ngoằn ngoèo dẫn đến nhà. Khi chúng tôi đến gần, cửa mở tung ra, một người đàn bà tóc hung đứng nơi khe cửa. Bà đứng đó, dáng người nổi bật lên trong làn ánh

sáng chói lòa, một tay vịn cửa, tay kia đưa lên lưng chừng, ra vẻ trông ngóng, thân người bà hơi cúi xuống, đầu và mặt nhô ra, đôi môi hé mở, đôi mắt thiết tha như dò hỏi.

- Thế nào? - Bà kêu lên.

Bà cất lên một tiếng rên rỉ khi bà thấy bạn tôi lắc đầu và nhún vai.

- Không có tin vui?

- Không!

- Không có tin buồn?

- Không!

- Xin mời vào. Sau một ngày dài, chắc các ông đã mệt?

- Đây là bạn tôi, bác sĩ Watson. Anh ấy đã giúp tôi rất nhiều trong đám bày trường hợp, và hôm nay, tôi may mắn kéo anh cùng đi.

- "Tôi sung sướng được gặp ông". Bà nói, nồng nhiệt nắm lấy tay tôi. "Tôi chắc là ông sẽ thông cảm cho những sơ suất trong lúc bối rối".

- Thưa bà. Xin bà khỏi cần khách sáo. Nếu tôi có thể giúp được gì cho bà, tôi sẽ rất vui sướng.

- "Bây giờ, ông Holmes ạ". Người đàn bà nói, khi chúng tôi bước vào phòng ăn sáng. "Tôi rất muốn hỏi ông một hai câu hỏi thẳng thắn và mong nhận được một câu trả lời thẳng thắn".

- Chắc chắn là được, thưa bà.

- Tận tâm tâm ông, ông có nghĩ rằng anh ấy còn sống không?

Sherlock Holmes dường như bối rối vì câu hỏi này.

- Xin hãy thành thật! - Bà lặp lại, đứng trên tấm thảm và nhìn anh chăm chú khi anh dựa lui trong ghế.

- Thành thật mà nói, thưa bà, tôi không biết.

- Ông nghĩ rằng anh ấy đã chết?

- Vàng.
- Bị ám sát?
- Tôi không nói thế. Có lẽ ...
- Thế anh ấy chết vào ngày nào?
- Vào thứ hai.

- Vậy tại sao hôm nay tôi lại nhận được một lá thư của anh ấy?

Sherlock Holmes nhảy ra khỏi ghế, dường như anh bị sửng sốt.

- Làm sao?
- Vàng, mới hôm nay. - Bà mỉm cười, đưa một mảnh giấy lên cao.
- Tôi xem được chứ?
- Chắc chắn rồi.

Anh hăm hờ giật nó ra khỏi tay bà, đưa cây đèn lại gần và chăm chú quan sát. Tôi cũng rời ghế và chăm chú nhìn nó qua vai anh. Bì thư làm bằng giấy rất xấu, dấu bưu điện nơi gửi là Gravesend, ghi ngày của chính ngày hôm đó.

- Chữ viết xấu. Chắc chắn không phải là chữ viết của chồng bà.

- Không, những thứ bên trong thì đúng là của anh ấy.

- Tôi nhận thấy rằng người đề bì thư hẳn đã phải đi hỏi địa chỉ.

- Sao ông lại nói thế?

- Cái tên người nhận thư thì viết bằng mực đen tuyền, tự nó khô đi. Còn địa chỉ thì có màu xam xám, chứng tỏ rằng giấy thấm đã được dùng đến. Nếu tất cả được viết một lượt, rồi áp giấy thấm, thì sẽ không có chữ nào đậm, chữ nào lợt. Người này viết xong cái tên, ngưng lại một thời gian rồi mới viết địa chỉ, điều ấy có nghĩa là người đề bao thư không biết địa chỉ của bà. Bây giờ, ta hãy xem lá thư. Hừ! Có một vật gì ở đây!

- À! Cái nhẫn của anh ấy!

- Bà tin rằng chính bàn tay ông ấy viết?

- Khi anh ấy viết vội, nét chữ không giống nét chữ bình thường, tuy vậy tôi biết rõ nó:

"Em chớ có lo sợ gì cả. Mọi việc sẽ tốt đẹp. Có một sai lầm cần phải đính chính. Hãy kiên nhẫn đợi chờ anh". Thư được một người có ngón tay cái bần viết trên một tờ giấy trắng. Nấp bì thư được dán hồ bởi một người đã từng nhai thuốc lá và bà có chắc là bàn tay của chồng bà không?

- Không nghi ngờ gì cả, chính ông ấy đã viết những dòng chữ đó.

- Và chúng được gửi đi hôm nay tại Gravesend. Thưa bà, những đám mây đã tan dần, nhưng tôi không dám nói là tai họa đã qua.

- Nhưng chắc chắn là anh ấy còn sống.

- Trừ phi đây là một sự giả mạo khéo léo để đánh lạc hướng chúng ta. Cái nhẫn không chứng tỏ được điều gì. Người ta có thể đánh cắp của ông ấy.

- Không! Chính là nét chữ của anh ấy mà!

- Rất có thể. Tuy thế, có thể là nó được viết vào ngày thứ hai nhưng hôm nay mới gửi đi.

- Có thể như thế.

- Như vậy, trong khoảng thời gian ở giữa hai sự việc đó, có nhiều chuyện đã xảy ra.

-Ồ, ông Holmes ạ, giữa chúng tôi có một mối đồng cảm sâu sắc, cho nên nếu có gì không lành xảy đến cho anh ấy, hẳn là tôi đã biết. Vào cái ngày sau cùng, anh ấy bị đứt tay trong phòng ngủ, thế mà đang ở trong phòng ăn, tôi chạy vụt lên cầu thang tức khắc, biết chắc chắn rằng có một cái gì đó đã xảy ra. Tôi đã nhay bén trước một chuyện vặt vãnh như thế, thì lẽ nào tôi lại không hay biết gì về cái chết của chồng tôi.

- Vàng, trực giác của người phụ nữ đôi khi có giá trị hơn sự suy luận, phân tích. Và trong vụ lá thư này, chắc chắn bà có một vài bằng chứng ủng hộ cho quan điểm của bà. Nhưng nếu chồng bà còn sống và có thể viết thư, thì tại sao ông ấy lại phải ở xa bà?

- Tôi không thể hiểu được.

- Ngày thứ hai, anh ấy không nói gì trước khi đi chứ?

- Không.

- Bà có ngạc nhiên khi thấy ông ấy tại hẻm Swandam.

- Rất kinh ngạc.

- Cánh cửa sổ mở?

- Vàng.

- Vậy thì, có thể là ông ấy đã gọi bà?

- Có lẽ.

- Theo tôi hiểu, ông ấy chỉ kêu ú ớ, đúng không?

- Vàng.

- Một tiếng gọi cầu cứu, bà có nghĩ thế không?

- Vàng, anh ấy vẫy tay.

- Nhưng cũng có thể đó là một tiếng kêu kinh ngạc. Nổi kinh ngạc, khi bất ngờ thấy bà, cũng có thể khiến ông ấy đưa hai tay lên?

- Có thể.

- Và bà nghĩ rằng ông ấy bị ai đó kéo lui ra đằng sau?

- Anh ấy biến đi quá đột ngột.

- Bà không thấy ai khác trong phòng chứ?

- Nhưng gã đàn ông nọ đã thú nhận rằng hẳn ta có mặt ở đó còn Lát-ca thì ở chân cầu thang.

- Đúng thế. Chồng bà ăn mặc bình thường?

- Nhưng không có cổ áo sơ mi hay cà vạt. Tôi thấy cái cổ trần trụi của anh ấy.

- Có bao giờ ông ấy nói về hẻm Swandam không?

- Không.

- Cám ơn bà. Đó là những điều cơ bản mà tôi muốn được biết chính xác. Bây giờ hãy ăn một chút rồi đi nghỉ, ngày mai chúng ta sẽ bận suốt ngày.

Một phòng rộng, tiện nghi có hai giường đã được dành riêng cho chúng tôi, và tôi nhanh chóng chui vào trong chăn. Giờ đây, Holmes đang chuẩn bị cho một đêm không ngủ. Anh cởi áo khoác và áo gi-lê, mặc vào một áo ngủ màu thiên thanh, rồi đi xung quanh phòng, thu nhặt những chiếc gối và đệm từ ghế xô pha và ghế bành. Với những vật này, anh chông chát chúng lại rồi ngồi lên, hai chân bắt chéo. Trong ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn, tôi thấy anh ngồi đó, mắt lơ đãng nhìn lên góc trần nhà. Anh ngồi yên lặng, không nhúc nhích, ánh sáng chiếu lên dáng người anh, nom như một con ó biển. Anh cứ ngồi như thế khi tôi ngủ thiếp đi, và anh vẫn còn ngồi như thế khi một tiếng kêu bất thần đánh thức tôi dậy, mặt trời đã chiếu vào trong căn phòng.

- Watson, anh thức rồi chứ?

- Vâng.

- Thích dạo buổi sáng chứ?

- Thích.

- Chưa ai dậy, nhưng tôi biết chỗ cậu bé giữ ngựa.

Khi mặc đồ, tôi liếc nhìn đồng hồ đeo tay. Chỉ mới 4 giờ 25 phút. Thảo nào chưa có ai dậy cả. Tôi chuẩn bị chưa xong thì Holmes đã trở lại, báo tin là cậu bé đang chuẩn bị ngựa.

- "Tôi muốn kiểm tra lại cái lý thuyết nhỏ của tôi". Anh nói, kéo giày ủng vào chân. "Watson ạ, tôi là một trong những thằng ngốc ngếch nhất châu Âu, nhưng bây giờ tôi đã có chia khoá để mở vụ này".

- Nó ở đâu? - Tôi mỉm cười hỏi.

- Ở trong phòng tắm. Tôi vừa mới có mặt ở đây, và đã lấy nó ra, đặt nó vào trong cái túi này, nhanh lên bạn ơi.

Chúng tôi rón rén xuống cầu thang và đi ra ngoài. Trên đường có một xe độc mã với cậu bé giữ ngựa đang đợi. Cả hai chúng tôi phóng lên, và xe lao xuống đường Luân Đôn. Một vài xe bò vùng quê đang rục rịch, mang rau củ đến thành phố, nhưng các vi - la hai bên đường vẫn im lặng và vô hồn.

- "Xét về một số điểm thì đây là một vụ độc đáo". Holmes nói, thúc ngựa chạy nước kiệu. "Thú thật với anh, tôi đã mù như con dơi, nhưng thà học sự khôn ngoan chậm một chút, còn hơn là không bao giờ".

Sherlock Holmes quen thuộc với lực lượng cảnh sát, vì thế mà hai cảnh sát tại cửa khám đưa tay chào anh. Một người giữ đầu con ngựa, trong khi người kia dẫn chúng tôi vào.

- Ai trực thế? - Holmes hỏi.

- Thưa ông, thanh tra Brét.

- À, chào ông Brét, ông mạnh khỏe chứ?

Một viên chức khổ người cao, to béo, đã đi xuống lối đi lát đá, đầu đội mũ lưỡi trai chóp nhọn và áo gi-lê có khuy khuyết rùa.

- Tôi muốn "phụ nhĩ" với ông. - Holmes nói.

- Được thôi. Xin vào phòng tôi.

Đó là một phòng nhỏ kiểu văn phòng, với một quyển sổ cái to tướng ở trên bàn, và một điện thoại nhô ra từ bức tường. Viên thanh tra ngồi vào bàn giấy.

- Tôi có thể giúp gì cho ông, ông Holmes?

- Tôi đến là vì cái gã ăn mày tên Bun này.

- Vâng. Hắn đã bị trả về khám, đợi thẩm vấn tiếp.

- Tôi nghe nói như thế. Hắn có ở đây chứ.

- Trong nhà giam.

- Hắn có quậy không.

- Ồ, hắn chả gây phiền hà gì cả. Chỉ mỗi cái tội là quá dơ dáy.

- Dơ dáy?

- Vâng. Mặt mày hắc đen như lọ nồi. Vâng, khi nào vụ án của hắc được giải quyết xong, hắc sẽ phải tẩm đều đặn trong tù. Nếu trông thấy hắc, chắc ông cũng sẽ nghĩ như tôi.

- Tôi muốn gặp hắc.

- Dễ thôi. Đi lối này. Ông có thể gửi lại cái túi xách.

- Không! Tôi xin mang nó theo.

- Được thôi.

Ông ta dẫn chúng tôi xuống một hành lang, mở một cánh cửa cài then, đi xuống một cầu thang quanh co, và đưa chúng tôi đến một hành lang quét vôi trắng với một hàng cửa lớn ở mỗi phía.

- Hắc ở phòng thứ ba, phía bên phải. Đây rồi - Vị thanh tra nói.

Ông ta đẩy lùi tấm ván ở phần trên của cửa lớn và liếc nhìn vào.

- Hắc đang ngủ.

Cả hai chúng tôi đặt mắt vào tấm lưới sắt. Người tù ngủ say, mặt quay về phía chúng tôi, thở chậm và nặng nề. Đó là một gã đàn ông tầm thước, ăn mặc xơ xác, bản thủ, phù hợp với nghề của hắc, những lớp cấu ghét che phủ khuôn mặt cũng không thể che giấu được cái vẻ xấu xí kinh người của hắc. Một vết rộp từ cái sẹo cũ băng qua mặt từ mắt tới cằm, vết thẹo làm cho môi trên trề ra, làm lộ rõ ba cái răng. Một mớ tóc đỏ chói chảy xuống ngang qua mắt và trán.

- Hắc đẹp trai đấy chứ! - Vị thanh tra nhận xét.

- “Đương nhiên là hắc cần tẩm”. Holmes nói. “Tôi cũng nghĩ là hắc sẽ cần tẩm, nên đã mạn phép mang theo những thứ này”.

- Hê, hê! Ông hóm hỉnh quá đấy! - Vị thanh tra cười khúc khích.

- Lát nữa đây, chúng ta sẽ biến hẳn thành một vật đáng nể trọng hơn.

- Vâng. Ông cứ tự nhiên.

Ông ta dứt chìa khoá vào ổ khoá và tất cả chúng tôi nhẹ nhàng bước vào xà lim. Người đang ngủ xoay nghiêng, rồi lại ngủ ngon lành. Holmes cúi xuống cái bình nước, thấm nước vào cái bọt biển, rồi chùi hai lần ngang qua và dọc xuống mặt người tù.

- "Xin giới thiệu với ông". Anh quát to. "Đây là ông Cờ-le".

Khuôn mặt của người đàn ông tróc ra dưới cái bọt biển. Cái màu nâu thô kệch đã bay đi! Bay đi cả cái sẹo khủng khiếp chạy ngang qua đó, và cả cái môi trề. Một cái giật mạnh nữa làm bay đi mớ tóc đỏ và ở đó ngồi dậy trên giường là một người đàn ông tóc đen và da mịn, đang dụi mắt và ngỡ ngàng nhìn xung quanh. Rồi bỗng nhiên, hắn kêu thét lên một tiếng và buông mình xuống, úp mặt vào gối.

- Đúng là người đàn ông bị mất tích. Tôi đã biết mặt ông ta qua tấm hình, - Viên thanh tra nói.

Người tù quay đầu với cái vẻ bất cần của một kẻ đã liều mình cho số mệnh:

- Cứ cho là thế! Và hãy cho biết, tôi đã phạm tội gì?

- "Cái tội đã thủ tiêu ông Cờ-le. Ồ, không thể buộc cho anh cái tội đó, chỉ có thể buộc về cái tội *"tự ám sát" cái tên cúng cơm của mình thôi*". Viên thanh tra nhe răng cười. "Vâng. Tôi đã công tác trong ngành cảnh sát hai mươi bảy năm, nhưng vụ này đúng là số một".

- Nếu tôi tên là Cờ-le, thì rõ ràng tôi không phạm một tội ác nào cả. Và như thế, tôi đã bị bắt giữ trái phép.

- "Không phải tội ác, nhưng anh đã phạm phải một lầm lẫn". Holmes nói. "Lẽ ra anh nên tin tưởng vợ anh hơn".

- "Vấn đề không phải là vợ tôi, mà chính là các con tôi". Người tù rên rỉ. "Xin Chúa cứu giúp tôi. Tôi không thể để cho

chúng xấu hổ về cha chúng. Lạy Chúa! Thật xấu hổ quá sức! Tôi có thể làm gì bây giờ?"

Sherlock Holmes ngồi xuống bên cạnh và dịu dàng vỗ nhẹ lên vai ông ta.

- Nếu ông thuyết phục được cơ quan cảnh sát tin rằng không có ai kiện tụng gì ông, thì không có lý do gì những chi tiết này sẽ được đăng trên báo. Vụ này sẽ không được đem ra xử nữa.

- Xin Chúa ban phúc lành cho ông. Tôi thà chịu tù tội, thậm chí bị xử tử, còn hơn là để cái bí mật này phơi ra, làm nhơ nhục các con tôi. Các ông là những người đầu tiên nghe câu chuyện này của tôi.

"Cha tôi là một thầy giáo tại Chesterfield. Thời trẻ tuổi tôi hay đi đây đi đó, làm diễn viên và sau cùng trở thành phóng viên của một tờ báo tại Luân Đôn. Một hôm, ông chủ bút muốn có một loạt bài viết về chuyện ăn xin tại thành phố và tôi tình nguyện cung cấp những bài ấy. Chính là nhờ đóng vai một gã ăn xin, tôi mới viết được các bài báo theo lời yêu cầu của ông chủ bút. Khi còn là một diễn viên, tôi đã học các bí quyết hoá trang. Thế là tôi vẽ mặt, và để cho gương mặt trông càng tội nghiệp càng tốt, tôi tạo ra một cái sẹo và một cái môi trề bằng một miếng băng dán có màu da thịt. Rồi với một cái đầu tóc đỏ và một bộ quần áo phù hợp, tôi đến nhà ga tại khu vực huyện nào nhất của thành phố, bên ngoài là một người bán diêm, nhưng thực chất là một kẻ ăn xin. Tôi thử hành nghề trong bảy tiếng đồng hồ, và khi tôi trở về nhà vào buổi chiều, tôi thấy mình đã kiếm được bốn đô la hai mươi sáu sili ling.

Tôi tiếp tục viết báo và không quan tâm gì tới chuyện đó nữa, cho tới một thời gian sau, tôi vay 25 đôla và tới ngày phải trả nợ. Tôi không biết xoay đâu ra tiền. Thế rồi một ý tưởng chợt đến với tôi. Tôi xin chủ nợ hoãn lại cho nửa tháng, xin

ông chủ tờ báo cho tôi nghỉ mười ngày và cài trang lên thành phố ăn xin. Trong mười ngày, tôi đã trả xong món nợ.

Vâng, các ông thấy đó, thật là khó mà trở lại làm một công việc nặng nhọc để có lương hai đôla một tuần. Đó là một cuộc chiến đấu trường kỳ giữa danh dự và tiền bạc, nhưng sau cùng, những đồng đôla đã thắng. Tôi bỏ nghề phóng viên, ngày này sang ngày khác, tôi ngồi tại một góc phố để cho cái thân thể tàn tạ giả tạo này làm mũi lòng người và nhét đầy xu. Chỉ có một người biết bí mật của tôi. Hắn là Lát-ca, chủ động phủ dung, nơi mà tôi thường cư trú. Gã này được tôi trả tiền phòng rất hậu, vì thế bí mật của tôi được hắn giữ kín.

Càng nhiều tiền, tôi càng có nhiều tham vọng. Tôi mua một cái nhà tại vùng quê và cưới vợ. Không ai nghi ngờ về cái nghề thực của tôi. Vợ tôi chỉ biết rằng tôi có công ăn việc làm tại thành phố, nhưng không rõ là nghề gì.

Thứ hai tuần trước, sau khi hành nghề xong và đang thay đổi y phục, tôi nhìn ra cửa sổ, thấy vợ tôi đang đứng ngoài đường phố, mắt dán chặt lên người tôi. Tôi kêu lên một tiếng kinh ngạc, đưa tay lên che mặt rồi chạy đến Lát-ca, nài nỉ hắn dừng cho ai đi lên phòng tôi. Tôi nghe giọng nói của vợ tôi dưới cầu thang. Tôi nhanh chóng cởi bỏ quần áo, mặc vội bộ đồ ăn xin, và hóa trang như cũ. Vợ tôi không nhận ra tôi. Nhưng rồi, tôi bỗng thấy rằng người ta có thể lục soát phòng tôi và những áo quần để lại sẽ làm lộ diện tôi. Tôi mở tung cửa sổ, vì quá sức, tôi đã làm chảy máu vết đứt mà tôi mới bị lúc sáng trong phòng ngủ. Tôi chộp lấy cái áo khoác, đẩy những đồng xu ăn xin vào đó. Tôi liệng nó ra khỏi cửa sổ. Chưa kịp ném nốt những áo quần khác thì tôi nghe có tiếng của cảnh sát dưới lầu, trong một vài phút sau đó, tôi thấy mình bị bắt giữ vì tội âm sát ông Cờ-le thay vì bị nhận diện.

Biết rằng nhà tôi sẽ vô cùng lo lắng, tôi cởi cái nhẫn và lên trao nó cho Lát-ca vào lúc không có ai canh chừng cùng

với vài dòng nguyệt ngọc, báo cho nhà tôi biết là không có gì phải lo sợ cả".

- Lá thư mới đến tay bà ấy hôm qua. - Holmes nói.

- Trời ơi! Suốt tuần nay, nhà tôi đã lo lắng biết bao.

- Cảnh sát đã theo dõi gã Lát-ca này. Và tôi hoàn toàn hiểu rằng hẳn ta khó lòng gửi thư mà không bị phát giác. Có lẽ hẳn giao nó cho một khách hàng nào đó và anh chàng này quên khuấy đi, để chậm một vài hôm. - Thanh tra nói.

- Đúng thế. Nhưng có bao giờ, ông bị phạt về tội ăn xin chưa? - Holmes hỏi.

- Nhiều lần. Nhưng bị phạt thì có nghĩa lý gì đối với tôi!

- Nhưng bây giờ thì phải chấm dứt đi thôi. Nếu muốn cảnh sát ém nhẹm vụ này, thì phải thủ tiêu cái gã Bun đó nhé!

- Thanh tra nói.

- Tôi đã thề bằng những lời thề trang trọng nhất.

- Trong trường hợp đó, tôi nghĩ có lẽ không cần phải đi thêm một bước nào nữa trong việc điều tra. Nhưng nếu người ta lại phát hiện ra ông hành nghề một lần nữa, thì lúc ấy mọi sự sẽ bị phanh phui. - Holmes nói.

Cuộc phiêu lưu của viên kim cương

Tôi đến thăm Holmes khi anh đang ngồi trong ghế xô-pha, mặc bộ đồ ngủ màu đỏ tía, phía bên phải của anh là một cái giá để tẩu thuốc, sát bên tay là một đồng nhật báo. Bên cạnh đi-văng là một cái ghế gỗ, trên góc lưng ghế treo một cái nón nỉ sờn cũ, bị nứt nẻ nhiều chỗ. Một kính lúp và một cái kẹp nằm trong lòng ghế.

- Anh đang bận?

- Không đâu. Tôi vui khi có anh tới, để cùng nhau bàn bạc. Đây là một vấn đề vật vãnh nhưng một số điểm dính líu với nó thì hấp dẫn.

Tôi ngồi xuống và hơ bàn tay trước ngọn lửa lách tách.

- Cái mũ này trông có vẻ bình thường, nhưng có một câu chuyện rùng rợn nào đó gắn liền với nó. Nó là cái đầu mối hướng dẫn anh trong việc khai mở một bí mật nào đó và trừng trị một tội ác nào đó. - Tôi nói.

- "Không, không đâu. Không có tội ác nào cả". Holmes cười nói. "Đây chỉ là một trong những chuyện vật vãnh không thể tránh được, khi mà bốn triệu con người phải chen chúc nhau trong một diện tích vài dặm vuông. Giữa hành động và phản ứng của một đám người đông đúc như thế, thì những biến cố đan chéo vào nhau; do đó có thể nổi lên những vấn đề vật vãnh, nhưng cũng đáng chú ý.

- Quả đúng như thế. Trong gần sáu trường hợp mà tôi đã chép, thì có ba trường hợp hoàn toàn không phải là tội hình sự.

- Vấn đề nhỏ này cũng rơi vào phạm trù vô tội đó. Cậu biết Pê-tơ, người gác cửa rạp hát chứ?

- Vâng.

- Cái chiến lợi phẩm này thuộc về ông ta.

- Cái mũ này là của ông ta?

- Không, ông ta tìm thấy nó. Không biết chủ nó là ai. Nó đến vào buổi sáng trong ngày Giáng sinh, cùng với một con ngỗng. Sự việc xảy ra như sau:

Vào khoảng bốn giờ chiều, sau một cuộc vui nhỏ, Pê-tơ đang đi xuống đường Tottenham, trên đường về nhà. Trước mặt ông là một người cao cao, bước đi hơi loạng choạng, lúng lúng trên vai một con ngỗng trắng. Khi ông tới góc đường Goodge, một cuộc xô xát xảy ra giữa một người đàn ông lạ mặt với một vài tên du đảng. Một trong những tên du đảng đánh bay cái mũ của ông ta xuống đất; tức thì, ông ta nhắc gậy lên tự vệ. Nhưng cây gậy lại phang vỡ cửa kính bày hàng phía sau. Trước đó một chút, Pê-tơ đã chạy vụt ra đằng trước để che chở cho người lạ mặt, vì đã làm vỡ kiếng, lại thấy một người mặc com-ple có vẻ là công chức chạy về phía ông ta, người đàn ông thả con ngỗng xuống và biến mất giữa những đường phố đông người. Bọn du đảng cũng đã tẩu thoát, vì thế nên Pê-tơ làm chủ "chiến trường" và cũng làm chủ luôn chiếc mũ và con ngỗng.

- Ông ta trả lại được cho chủ nó chứ?

- Trên một tấm thiệp nhỏ buộc vào chân con ngỗng, có viết hàng chữ: "*Tặng bà Henry Baker*". Và trên cái mũ này cũng có hai chữ viết tắt "*H.B*". Nhưng khổ nỗi là trong thành phố chúng ta có đến hàng ngàn ông Baker, và hàng trăm ông Henry Baker, nên cũng khó mà trả lại được cho người mất.

- Rồi ông Pê-tơ đã làm gì?

- Vào ngày Giáng sinh, ông ta đem cho tôi cả con ngỗng lẫn cái mũ. Con ngỗng được giữ lại cho đến sáng nay, khi mà

có những dấu hiệu cho thấy là nó phải được chén ngay. Thế là người gác cửa rạp hát đã mang nó đi, còn tôi thì giữ lại cái mũ.

- Ông ta không nhấn tin trên báo sao?

- Không.

- Vậy làm sao mà tìm.

- Chỉ bằng vào sự suy diễn.

- Từ cái mũ này?

- Vâng.

- Anh đã suy diễn được điều gì rồi?

- Đây là cái kính lúp của tôi. Anh hãy suy diễn về cá tính của người đội mũ này?

Tôi cầm cái mũ và lật đi lật lại một cách rầu rĩ. Đó là một cái mũ đen rất bình thường, có hình dáng tròn, cứng và đã sờn cũ, lớp vải lót bằng lụa đỏ, nhưng đã phai màu. Không có tên hiệu sản xuất, hai chữ viết tắt "H. B" được viết nguệch ngoạc lên một phía. Vành mũ được đục lỗ để khâu quai, nhưng sợi dây thun đã mất. Phần còn lại bị nứt nẻ, cực kỳ bụi bặm và bị dây bẩn nhiều chỗ, mặc dù hình như đã có một cố gắng nào đó để che giấu những mảng phai màu bằng cách bôi mực vào.

- Tôi không thể thấy gì cả, - Tôi nói, trao lại cho bạn tôi.

- Anh đã thấy tất cả, nhưng anh không suy diễn từ cái mà anh thấy. Anh quá rụt rè, chả dám suy diễn gì cả.

- Vậy thì, hãy cho tôi biết, anh đã suy diễn được gì.

Anh nhặt nó lên và chăm chú nhìn nó theo cách trầm tư đặc biệt của anh.

- Có lẽ mới xem qua thì khó thấy được gì, thế nhưng ... Người đàn ông này rất trí thức, ba năm trước đây ông ta khá giả, bây giờ đã kém hơn xưa. Sự sa sút về tinh thần và sự sa sút về sự nghiệp, dường như đã có một ảnh hưởng xấu - có

lẽ là rượu chè đang tác động lên ông ta. Điều này cũng giải thích cho một sự kiện khác, là vợ ông ta không còn yêu ông ta nữa. Tuy vậy, ông ta vẫn còn giữ được một mức độ tự trọng nào đó". Holmes nói tiếp, bất chấp sự trách móc của tôi "ông ta là một người sống cuộc đời đều đặn, biết phòng xa, ít giao du, không còn sung sức, tuổi cỡ trung niên, mái tóc muối tiêu, xúc dầu lá chanh. Ông ta vừa mới hớt tóc... một vài ngày trước đây. Nhà ông ta không dùng hơi đốt.

- Anh không đùa đấy chứ.

- Cho đến lúc này mà anh cũng không biết do đâu mà tôi suy diễn ra những điều ấy sao?

- Chắc chắn là tôi rất chậm hiểu, nhưng làm sao anh biết được người đàn ông này là người trí thức?

Để thay cho câu trả lời, Holmes đội cái mũ lên đầu đánh bộp một cái. Nó trễ xuống trán và dừng lại trên sống mũi anh.

- Một con người có một bộ não lớn như thế này, thì hẳn phải có cái gì trong đó chứ.

- Còn sự sa sút về cơ nghiệp.

- Cái mũ này đã được dùng ba năm rồi. Những cái vành dẹt này, cong ở mép, rồi quặp vào. Nó là một cái mũ có phẩm chất hảo hạng. Nhìn vào cái dải lụa kẻ ngang và lớp vải lót tuyết hảo này thì đủ biết. Nhưng nếu người đàn ông này đã mua được một cái mũ đắt giá như thế hồi ba năm về trước, và từ đó đến nay không sắm nổi một cái mũ mới, thì chắc chắn là ông ta đã sa sút rồi.

- Vâng, điều ấy đã rõ. Nhưng, còn chuyện sa sút tinh thần?

Sherlock Holmes cười.

- "Đây là sự phòng xa", anh nói, đặt ngón tay lên cái khuy nhỏ và cái móc của chiếc quai mũ, "bình thường, trên mũ không có những thứ này. Nếu người đàn ông đặt làm một cái như thế, thì đó là dấu hiệu của sự phòng xa, phòng ngừa gió.

Nhưng ông ta đã làm đứt sợi dây thun, mà lại không bận tâm thay cái mới, thì rõ ràng bây giờ ông ta ít phòng xa hơn, đây là bằng chứng về sự sa sút. Nhưng mặt khác, ông ta đã cố công che giấu một vài vết bẩn trên ni bằng cách bôi mực vào, có nghĩa là ông ta chưa hoàn toàn mất hết tính tự trọng”.

- Lý luận nghe được đấy.

- Về những điểm khác như: ông ta tuổi cỡ trung niên, tóc muối tiêu, mới hớt, xúc dầu lá chanh... sẽ được tìm thấy dưới lớp vải lót. Kính lúp cho thấy một số chân tóc, được cắt sạch bằng kéo của thợ cạo. Chúng có vẻ dính vào nhau và có mùi dầu lá chanh. Hạt bụi này không phải là hạt bụi xám của đường phố, mà là thứ bụi mịn màng ở trong nhà. Điều này cho thấy nó luôn được treo trong nhà. Phía bên trong tấm vải lót có những dấu ẩm ướt, là bằng chứng người đội nó ra mồ hôi nhiều, nghĩa là ông ta không còn sung sức nữa.

- Nhưng, còn chuyện vợ ông ta.

- Cái mũ này đã nhiều tuần chưa được chải. Khi tôi thấy cái mũ của anh có một lớp bụi tích lũy trong một tuần, thế mà vợ anh cũng cứ để cho anh đội đi ra ngoài, thì tôi e rằng bà xã anh đã bớt yêu anh rồi.

- Nhưng biết đâu ông ta còn độc thân?

- Không. Ông ta đang đem một con ngỗng về nhà để chúc mừng vợ. Tấm thiệp buộc vào cái chân con ngỗng đó!

- Nhưng, làm sao anh biết nhà ông ta không dùng hơi đốt?

- Một vết mỡ đen cây, có thể là do tình cờ, nhưng khi tôi thấy không dưới một vết, thì tôi nghĩ rằng ông ta thường xuyên tiếp xúc với thứ mỡ đó. Có thể, do đi bộ lên cầu thang vào ban đêm, một tay cầm mũ, còn tay kia cầm đèn cây. Tay ông ta sẽ không bao giờ có vết mỡ, nếu nhà ông dùng hơi đốt.

- “Vâng, thật là tài tình”, tôi cười, nói. “Nhưng anh vừa nói, vụ này không phải là một tội ác, mà chỉ là một việc mất

mất một con ngỗng. Thế thì, bắt tay vào vụ này phải chăng là phí công thôi?"

Holmes mở miệng toan trả lời, thì cửa mở tung ra, và Pê-tơ bước vào phòng, hai má đỏ bừng, nét mặt kinh ngạc.

- Ông Holmes ơi, con ngỗng! Con ngỗng! - Ông ta thờ hào hển nói.

- Cái gì thế? Có phải là nó đã sống lại và vỗ cánh bay qua cửa sổ nhà bếp? - Holmes xoay mình lại trên ghế xô-pha để nhìn rõ hơn khuôn mặt hoảng hốt của ông ta.

- Ông xem đây! Nó ở trong con ngỗng. - Ông ta chia tay và trưng một hòn đá chiếu lấp lánh. Holmes ngồi dậy, khe huýt sáo.

- Trời ơi! Đây quả là một kho tàng. Ông có biết trong tay ông là cái gì không?

- Một loại đá quý phải không, thưa ông? Nó cắt kiếng như cắt bùn.

- Còn hơn là đá quý. Kim cương đấy.

- Phải chăng nó là viên kim cương của nữ bá tước xứ Morca? - Tôi kêu lên.

- Đúng. Tôi còn biết cỡ và hình dáng của nó, vì gần đây tôi đã đọc một bài nói về nó trên tờ Thời Báo. Đó là viên kim cương có một không hai, và giá trị của nó thì chỉ có thể ước lượng thôi, nhưng số tiền thưởng một ngàn livre chắc chắn là chưa tới một phần hai mươi của giá thị trường.

- Một ngàn livre? - Pê-tơ ngồi phịch xuống một cái ghế, và trở mắt nhìn từ Holmes sang tôi.

- Đó mới chỉ là tiền thưởng. Và tôi tin rằng nữ bá tước sẵn sàng chịu mất thêm nhiều tiền để chuộc lại nó.

- Nó bị mất tại khách sạn Quốc tế. - Tôi xen vào câu chuyện.

- Vào ngày 22 tháng 12, cách đây năm ngày, Hô-nơ, một thợ hàn, bị cáo buộc là đã ăn trộm nó. Sự việc được đưa lên tòa đại hình. Tôi có bài tường thuật vấn đề đó ở đây.

Anh lục lợi giữa đồng nhật báo, liếc nhìn qua ngày tháng, cho đến khi anh lấy ra một tờ, gấp đôi lại, và đọc:

VỤ TRỘM NỮ TRANG TẠI KHÁCH SẠN QUỐC TẾ.

"Giôn Hô-nơ, hai mươi sáu tuổi, thợ hàn, đã bị ghép vào tội ăn trộm nữ trang của nữ bá tước xứ Morca. Vào ngày 22, Giem Rai-đơ, nhân viên phục vụ tầng trên của khách sạn khai rằng ông ta đã đưa Hô-nơ lên phòng trang điểm của nữ bá tước, để anh này có thể hàn lại thanh sắt thứ hai của ghi lò sưởi. Ông ta ở lại đó với Hô-nơ một lát, nhưng sau đó thì bị gọi đi. Khi trở lại, ông phát hiện ra rằng Hô-nơ đã biến mất, bàn giấy bị mở tung ra và cái tráp da dê, trong đó - như sau này được tiết lộ - có nữ trang của nữ bá tước thì trống rỗng, trên bàn trang điểm. Ngay lập tức Rai-đơ báo động, và Hô-nơ bị bắt giữ vào chiều hôm đó; nhưng lục soát trên người và trong phòng anh ta cũng không tìm thấy. Cô tớ gái Ca-tơ-rin của nữ bá tước khai rằng cô đã nghe tiếng kêu sừng sốt của Rai-đơ khi ông ta khám phá ra vụ trộm; và sau đó cô ta đã chạy vụt vào phòng. Thanh tra Brét bắt giữ Hô-nơ. Anh này kháng cự mãnh liệt và cho rằng mình vô tội. Vì anh ta đã can tội trộm cắp trong một vụ trộm trước đó, vị thẩm phán từ chối xử lý vụ này mà đưa nó lên tòa đại hình. Hô-nơ ngất đi khi tòa tuyên án, và được mang ra khỏi tòa".

- "Hừm! Tin tức do cảnh sát cung cấp thế là quá nhiều rồi". Holmes nói, ném tờ báo sang một bên. "Bây giờ vấn đề là: chuỗi biến cố dẫn đi từ một hộp nữ trang ở một đầu, cái bầu điều của một con ngỗng ở đầu kia. Anh Watson, những suy diễn của chúng ta bỗng nhiên mang một sắc thái quan trọng hơn nhiều. Đây là viên kim cương đến từ con ngỗng, và con ngỗng đến từ ông Henry Baker. Bởi vậy, bây giờ chúng ta phải tìm kiếm người đàn ông đó và xác định cho được, là ông ta đóng vai trò gì trong cái bí mật nhỏ này. Muốn vậy, trước hết chúng ta thử "nhắn tin" trên các báo buổi chiều. Nếu việc ấy thất bại, chúng ta sẽ quay sang phương pháp khác.

- Anh muốn nói gì?

- Đưa cho tôi cây bút chì và mảnh giấy đó. Bây giờ thế này nhé: "Đã tìm thấy tại góc đường Goodge một con ngỗng và một cái mũ nỉ đen. Ông Henry Baker có thể nhận lại những thứ đó, tại số nhà 221B đường Baker, lúc sáu giờ rưỡi, chiều nay".

- Đúng thế. Nhưng ông ta sẽ đọc báo chứ?

- Vâng, chắc chắn ông ta phải theo dõi nhật báo. Bởi vì đối với một người nghèo, thì đó là một sự mất mát to lớn. Lại nữa, những người quen biết ông sẽ báo tin cho ông. Đây, ông Pê-tơ, phiền ông chạy đi đăng báo.

- Đăng báo nào, thưa ông?

- Ồ, bất cứ tờ báo nào mà ông gặp.

- Tốt lắm. Còn món này?

- A, vâng, tôi sẽ giữ nó. Cảm ơn ông. Ông Pê-tơ ơi, xong việc ấy, nhớ mua một con ngỗng để trả lại cho người đàn ông nhé!

Khi ông Pê-tơ đi rồi, Holmes cầm viên kim cương lên, và đưa ra ánh sáng.

- Đây là một vật xinh xắn. Hãy xem nó lóe sáng và lấp lánh như thế nào. Có lẽ nó là hạt nhân và tiêu điểm của tội ác. Mọi vật quý đều như thế cả, chúng là miếng mồi ngon của quỷ sứ. Trong những viên kim cương lớn hơn và xưa hơn, mỗi mặt có thể tượng trưng cho một hành vi đẫm máu. Viên kim cương này chưa tới hai mươi tuổi. Mặc dù còn trẻ tuổi, nó đã có một lịch sử đẫm máu. Đã có hai vụ ám sát, một vụ tạt acid, một vụ tự tử và dăm bảy vụ trộm để chiếm đoạt viên than đá kết tinh này. Ai dám nghĩ rằng một món đồ chơi đẹp như thế có thể dẫn người ta đến tù tội và cái giá treo cổ? Bây giờ tôi sẽ cất kỹ nó trong tủ sắt và gửi một dòng chữ cho nữ bá tước.

- Anh có nghĩ là anh chàng Hô-nơ này vô tội không?

- Tôi không thể nói được.

- Ông Henry Baker có dính líu đến vụ này không?

- Rất có thể ông ta vô tội. Ông không hề biết con ngỗng mà ông đã mang trên tay có giá trị hơn cả con ngỗng được đúc bằng vàng. Tôi sẽ xác định điều ấy bằng một trắc nghiệm rất đơn giản, nếu lời nhắn tin của chúng ta được hồi âm:

- Không thể làm cái gì, cho đến lúc ấy?

- Không thể làm gì cả.

- Nếu thế, tôi về phòng mạch khám bệnh, và sẽ trở lại vào buổi chiều.

- Rất vui nếu anh đến được.

Bị một bệnh nhân làm chậm trễ, nên khi tôi đến đường Baker thì đã quá sáu giờ rưỡi. Khi đi tới gần ngôi nhà, tôi thấy một người đàn ông cao cao, đội một cái mũ bon-pê Tô Cách Lan với một áo khoác gài cúc đến tận cằm, chờ phía ngoài. Ngay khi tôi đến, cửa lớn được mở ra, và chúng tôi cùng được đưa vào phòng Holmes.

- "Ông Henry Baker phải không?". Holmes nói, đứng dậy từ ghế bành, chào vị khách với cái vẻ vui tính, "xin mời ngồi xuống bên cạnh lò sưởi. Ông Baker. Đây là một đêm lạnh, và tôi thấy rằng bộ máy tuần hoàn của ông thì hợp với mùa hè hơn là mùa đông. À, bác sĩ, anh đến đúng lúc đấy. Kia có phải là cái mũ của ông không, ông Baker?"

- Vâng, thưa ông. Dịch thị.

Đó là một người đàn ông to lớn, vai tròn, đầu to, gương mặt bè bè, thông minh, chạy xuôi xuống một chòm râu nhọn màu muối tiêu. Một chút đỏ hồng trên mũi và trên má, bàn tay run run đưa ra, gợi nhớ lại lời ỨC đoán của Holmes về những tập quán của ông. Cái áo khoác đen bạc thếch được cài nút hết cỡ lên phía trước, cổ áo khoác kéo lên, hai cổ tay thò ra, mà không thấy có áo sơ mi mặc bên trong. Ông ta nói khẽ, ngắt âm, cân nhắc từng lời, cho ta cái ấn tượng về một người có kiến thức và văn hoá đã bị số phận bạc đãi.

- "Chúng tôi đã giữ những thứ này mấy ngày rồi". Holmes nói. "Tôi rất băn khoăn không hiểu tại sao ông không nhân tin trên báo".

Vị khách cười ngượng nghịu.

Bây giờ tôi không được dư dả như xưa. Tôi chắc rằng túi du còn đã đem đi cả cái mũ lẫn con ngỗng. Tôi không muốn mất thêm một món tiền nào cả.

Đương nhiên là thế. Nhân tiện, cũng báo cho ông biết về con ngỗng, chúng tôi buộc phải chén nó?

- Chén nó? - Vị khách của chúng tôi nhồm dầy nửa người trên ghế, lộ vẻ kích động.

- Vâng, nếu không làm thế, thì cũng đành ném đi thôi. Nhưng con ngỗng trên tủ buýp-phê, cũng cân nặng chừng đó và hoàn toàn béo tốt, hẳn sẽ làm vừa lòng ông chứ?

- Ồ, chắc chắn rồi, - ông Baker đáp với một tiếng thở dài nhẹ nhõm.

Holmes nháy mắt nhìn sang tôi với một cái nhún vai nhẹ nhàng:

- Kia là cái mũ của ông, và kia là con ngỗng của ông. Nhân tiện, xin ông vui lòng cho tôi biết, là ông đã mua con ngỗng ở đâu thế? Tôi là người chơi gia cầm, nhưng tôi ít thấy một con ngỗng nào đẹp hơn.

- "Có gì đâu, thưa ông". Baker nói, ông ta đứng dậy và kẹp vào nách các thứ mà ông vừa nhận được. "Một số người trong bọn chúng tôi thường hay lui tới quán Alpha, gần Viện bảo tàng. Năm nay, ông chủ quán của chúng tôi là Uyn-di, lập nên một cái "Hội chơi ngỗng". Mỗi tuần chúng tôi đóng một vài xu và sau cùng sẽ nhận được một con ngỗng vào dịp Giáng sinh.

Ông ta trang trọng cúi chào chúng tôi và rảo bước ra đi.

"Về chuyện ông Baker, thế là quá đủ!". Holmes nói khi đóng cửa lại "chắc là ông ta không biết gì về viên kim cương. Đó không Watson?".

- Không dối lắm.

- Vậy, tôi đề nghị biến bữa ăn tối thành bữa ăn khuya, và đi theo dõi cái đầu mối này.

- Đồng ý.

Đêm lạnh da diết, chúng tôi mặc áo choàng rộng và quàng khăn quanh cổ. Bên ngoài, những ngôi sao đang chiếu sáng lạnh lẽo trên bầu trời không mây. Hơi thở của khách bộ hành thổi ra thành những làn khói giống như những viên đạn súng ngắn. Tiếng chân chúng tôi vang lên và rõ to trên đường phố. Trong mười lăm phút, chúng tôi đã ở tại quán rượu Alpha. Holmes đẩy tung cánh cửa và kêu hai ly bia. Holmes nói với người chủ quán:

- Bia của ông sẽ càng tuyệt diệu, nếu nó cũng tuyệt diệu như những con ngỗng của ông.

- Ngỗng của tôi? - Người đàn ông kêu lên, kinh ngạc.

- Vâng, mới nửa giờ trước đây, tôi đã nói chuyện với ông Henry Baker, ông ta là hội viên trong hội chơi ngỗng của ông.

- À, vâng, tôi hiểu. Nhưng đây không phải là ngỗng của chúng tôi.

- Thật thế ư? Vậy thì của ai?

- À, tôi mua hai tá ngỗng của một người bán hàng tại chợ Covent.

- Thật ư? Ông ta là ai vậy?

- Brê-ki.

- Tôi không biết ông ta. Vâng, xin chúc sức khoẻ ông, ông chủ. Chào ông nhé!

- "Bây giờ, hãy đi tìm ông Brê-ki", anh nói tiếp, cài nút áo lại khi chúng tôi đi ra ngoài trời. "Ở phía đầu này của sợi xích, chúng ta có *một con ngỗng*; ở đầu kia, chúng ta có *một con người*. Thế là chúng ta có một đường dây điều tra mà cảnh sát không có được. Dịp may đặc biệt. Chúng ta hãy theo dõi nó cho đến cùng".

Chúng tôi đi đến chợ Covent. Một trong những sạp hàng lớn nhất mang bảng hiệu Brê-ki, chủ sạp là một người có nét mặt láu lỉnh, râu mép cắt gọn, đang giúp một cậu bé đóng cánh cửa sạp.

- Chào ông, đêm lạnh đấy nhỉ! - Holmes nói.

Người bán hàng gạt đầu và nhìn dò hỏi vào bạn tôi.

- *Ngỗng đã bán hết*, đúng không? - Holmes nói tiếp, chỉ vào những tấm đá trần trụi.

- Sáng mai, ông hãy lấy.

- Vậy thì không được.

- À, còn một vài con trên cái sạp ở phía bên kia kia.

- Nhưng người ta giới thiệu tôi đến đây mà!

- Ai thế?

- Ông chủ quán Alpha.

- Vâng, tôi đã gửi đến cho ông ta hai tá.

- Ngỗng đẹp thật. Ông lấy ở đâu thế?

Câu hỏi đó khiến cho người đàn ông dè dặt nói giận.

- "Này, ông kia", ông ta nói, đầu héch lên, hai tay chống nạnh, "Ông muốn gì? Cứ nói thẳng ra đi".

- Nói thẳng ra rồi đó. Tôi muốn biết ai đã bán ngỗng cho ông.

- Vậy thì tôi không nói. Cái gì nào?

- Ồ, chẳng có gì quan trọng đâu. Tại sao ông lại nổi cáu vì một chuyện vặt vãnh như thế?

- Cáu à, ông cũng sẽ nổi cáu như thế, nếu ông cũng bị quấy rầy như tôi. Khi tôi trả đủ tiền cho một món hàng tốt, thế là xong. Còn những câu hỏi kiểu: "Ngỗng ở đâu?" "Ông bán ngỗng cho ai?" "Ông đổi ngỗng lấy cái gì?" thế là cái nghĩa lý gì? Làm như trên đời này chỉ có những con ngỗng đó không bằng!

- Vâng, tôi không dính dáng gì với bất cứ người nào ưa dò hỏi những chuyện như thế. Nhưng nếu ông không nói, cuộc

đánh cá của chúng tôi coi như bỏ, chỉ có thể. Nhưng tôi luôn luôn sẵn sàng bênh vực quan niệm của tôi về vấn đề gia cầm, và tôi đánh cược một đồng rằng con ngỗng mà tôi đã chén thì được nuôi tại vùng quê.

- Vậy là ông đã mất tôi một đồng, bởi vì nó được nuôi tại thành phố. - Người bán hàng xằng giọng.

- Không thể thế được.

- Tôi nói thế. Thế đấy.

- Tôi không tin.

- Ông tưởng rằng ông biết nhiều về gia cầm hơn tôi ư? Nói cho ông biết, tôi đã nuôi ngỗng từ thuở còn đẻ chòm. Ông nghe đây! Tất cả những con ngỗng giao cho quán Alpha đều được nuôi tại thành phố.

- Ông không thể thuyết phục được tôi đâu. - Holmes nói.

- Ông dám đánh cược với tôi không? - Chủ quán thách đố.

- Ông chỉ tỏ mất tiền thôi, vì tôi biết rằng tôi đúng. Nhưng tôi sẽ đánh cược một đồng với ông, chỉ để cho ông biết, là ông không nên bướng bỉnh.

Người bán hàng cười khẩy.

- Bưu! Mang quyển sổ lại đây cho tao. - Ông ta nói. Cậu bé mang đến một quyển sổ mỏng và một quyển lớn.

- "Bây giờ, ông Tự Phụ ạ", người bán hàng nói, "tôi nói rằng tôi đã bán hết ngỗng, nhưng lát nữa đây, ông sẽ thấy rằng vẫn còn một con trong tiệm của tôi. Ông thấy quyển sổ nhỏ này chứ?"

- Cái gì cơ?

- Đây là danh sách những người bán ngỗng cho tôi. Ông thấy chứ! Vâng, trên trang này là những người ở vùng quê, và những con số ghi tiếp sau tên của họ, là số danh mục của họ trong quyển sổ cái. Bây giờ, ông thấy cái trang bảng mục

đỏ chữ? Đó là danh sách những người ở thành phố cung cấp
ngỗng cho tôi. Bây giờ, hãy nhìn cái tên thứ ba này. Cứ việc
đọc to lên cho tôi.

- "Bà Âu-kơ, số 117 đường Brixton - 249".

Đúng thế. Bây giờ, hãy tra vào sổ cái.

Holmes giở tới trang chỉ định.

- Đây rồi: "Bà Âu-kơ, số 117 đường Brixton, người cung
cấp trứng và gia cầm".

- Bây giờ, danh mục cuối cùng là gì?

- Ngày 22 tháng 12. Hai mươi bốn con ngỗng với giá sáu
đô-la, bảy si linh.

- Bây giờ, thế nào ông bạn?

Sherlock Holmes trông có vẻ rất sâu muộn. Anh lấy một
đồng ra khỏi túi và ném nó xuống phiến đá, quay đi với vẻ của
một người quá bức tức, chẳng nói nên lời. Sau khi đi một
quãng, anh dừng lại dưới một cột đèn, và cười ngất.

- Watson ạ, cuộc tìm kiếm sắp kết thúc và chỉ còn có một
điểm phải quyết định, là có nên đi đến bà Âu-kơ đêm nay, hay
để ngày mai. Theo những điều mà gã đàn ông vừa nói, thì rõ
ràng là còn có những người khác đang lo lắng về vấn đề này,
và tôi nên...

Những lời nói của anh bỗng bị cắt đứt bởi một cuộc cãi
vã to tiếng nổ ra từ sạp hàng. Quay ra đằng sau, chúng tôi
thấy một gã mặt choắt đang đứng giữa vòng tròn ánh sáng
tỏa ra từ cái đèn treo lủng lẳng, trong khi Brê-ki đưa nắm đấm
vào gã đàn ông đang co rúm người lại.

- "Tao đã chán mày và những con ngỗng của mày rồi";
ông ta quát lên, "cầu cho quỷ sứ bắt mày đi. Mày kêu bà Âu-kơ
đến đây. Nhưng mày dính gì vào chuyện đó? Tao có mua
ngỗng của nhà mày không?"

- Không. Nhưng có một con ngỗng trong số đó là của tôi.

- Gã đàn ông nhỏ thó rên rì.

- Mày cứ đến chỗ bà Âu-kơ mà hỏi.

- Chị ấy bảo tôi đến hỏi ông.

- Được. Mày đi hỏi ông trời đi! Tao đếch biết. Đủ quá rồi.
Xéo ngay!

Ông ta hùng hổ xông ra đằng trước, và anh chàng nọ lùi nhanh vào bóng tối.

- "Hà! Thế là khỏi mất công đến đường Brixton nữa!"
Holmes thì thào. "Hãy theo tôi".

Rảo bước qua những đám người tản mác đang thơ thẩn xung quanh những sạp hàng chói ánh đèn, bạn tôi bắt kịp gã đàn ông nhỏ thó và sờ lên vai hắn. Hắn chồm người quay lại, mặt cắt không còn một giọt máu.

- Ông là ai? Ông muốn gì? - Hắn ta hỏi giọng run rẩy.

- "Xin lỗi anh". Holmes ngọt ngào nói. "Tôi có nghe cái câu mà anh vừa hỏi người bán hàng. Tôi có thể giúp anh".

- Ông là ai? Làm thế nào mà ông biết chuyện đó?

- Tôi là Sherlock Holmes. Công việc của tôi là tìm biết những gì mà người ta không biết.

- Nhưng ông không biết về chuyện này.

- Tôi biết. Anh đang cố tìm một con ngỗng đã được bán cho bà Âu-kơ. Bà này bán lại cho ông Brê-ki. Ông Brê-ki bán lại cho chủ quán Alpha, chủ quán bán lại cho hội chơi ngỗng của ông ta. Hội này chia con ngỗng lại cho ông Henry.

- "Ồ, thưa ông, ông chính là người mà tôi ước ao gặp". Gã đàn ông nhỏ thó kêu lên, hai tay giang ra, những ngón tay run rẩy, "tôi khó lòng giải thích cho ông biết, là tôi đang quan tâm đến vấn đề này như thế nào".

Holmes gọi một xe bốn bánh đang chạy ngang qua.

- Chúng ta nên bàn bạc chuyện này trong một căn phòng. Nhưng làm ơn nói cho tôi biết, tôi đang hân hạnh giúp đỡ ai thế?

Người đàn ông hoảng sợ trong một khoảnh khắc.

- Tên tôi là Rô-bi-xơn. - Anh ta đáp, mắt liếc trộm.

- “Không, tên thật cơ”. Holmes ngọt ngào nói. “Thật là khó mà làm việc với một cái bí danh”.

Khuôn mặt trắng của người lạ bỗng đỏ bừng lên.

- Vâng, tôi là Giêm Rai-đơ.

- Đúng như thế. Phục vụ viên trưởng tại khách sạn Quốc tế. Làm ơn bước vào xe, tôi sẽ kể ngay cho anh nghe tất cả những gì mà anh ao ước biết.

Người đàn ông nhỏ thó đứng liếc nhìn từ Holmes sang tôi, với đôi mắt nửa sợ hãi, nửa hy vọng. Trong xe không ai nói gì; nhưng qua tiếng thở nhẹ và hai bàn tay nắm vào buông ra của người bạn mới, tôi thấy thần kinh anh ta rất căng thẳng.

- “Đây rồi!” Holmes vui vẻ nói, khi chúng tôi lữ lượt đi vào nhà. “Lò sưởi trông có vẻ thích hợp trong thời tiết này. Anh có vẻ lạnh, anh Rai-đơ ạ. Làm ơn ngồi trong ghế mây. Bây giờ, anh muốn biết điều gì đã xảy ra với con ngỗng phải không?”

- Vâng, đúng thế.

- Con ngỗng ấy màu trắng, có đường sọc ngang qua đuôi.

Rai-đơ run rẩy, hồi hộp.

- “Ồ, thưa ông”, anh ta kêu lên, “ông có thể cho tôi biết nó đang ở đâu không?”

- Nó ở đây.

- Ở đây!

- Vâng. Tôi không hiểu vì sao anh lại quan tâm đến nó. Nó để một cái trứng sau khi nó chết. Tôi đang giữ nó đây, trong cái viện bảo tàng của tôi.

Ông khách lão đảo đứng lên, bàn tay phải bấu vào mặt lò sưởi. Holmes mở tủ sắt, đưa ra viên kim cương, nó lấp lánh

như một ngôi sao, với làn ánh sáng lạnh, rực rỡ và nhiều góc cạnh. Rai-đơ đứng trở mặt nhìn, mặt thộn ra, không biết nên nhận nó là của mình, hay không nên.

- "Trò chơi đã chấm dứt, Rai-đơ ạ", Holmes lạnh lẽo nói, "đứng thẳng lên, lảng tránh thì ngã vào lửa đây. Anh Watson, hãy giúp anh ta một tay, diu anh ta ngồi xuống ghế. Anh ta là một tên trộm non và nhát gan đệ nhất. Cho anh ta một chút rượu mạnh! Thế! Bây giờ trông anh có dáng vẻ con người hơn. Thật là chó cụp đuôi!"

Rai-đơ ngồi trở mặt, sợ hãi.

- Rai-đơ, anh đã nghe nói về viên kim cương của nữ bá tước Morca chứ?

- Chính Ca-tơ-rin đã nói với tôi. - Anh ta nói, giọng ò ò, võ ra.

- Tôi hiểu. Đó là cô tớ gái của nữ bá tước. Rai-đơ ạ, trong con người anh có một tên vô lại bé nhỏ. Anh biết gã thợ hàn có tiền án về tội trộm nên anh đã bày ra một công việc nhỏ trong phòng nữ bá tước và tìm cách đưa anh ta lên làm tại phòng đó. Rồi, khi anh ta đi, anh đánh cắp viên ngọc, kêu báo động, và để cho gã đàn ông này bị bắt giữ. Rồi, anh...

Rai-đơ bỗng quỳ xuống tấm thảm và ôm chặt đầu gối bạn tôi.

- Xin hãy xót thương tôi! Hãy nghĩ đến cha tôi, đến mẹ tôi! Tôi chưa từng phạm tội! Tôi sẽ không bao giờ tái phạm. Tôi xin thề trước thánh kinh. Xin đừng đưa tôi ra tòa!

- "Ngồi xuống ghế!". Holmes nghiêm khắc nói. "Bây giờ thì anh quy lụy, nhưng trước đây sao anh không nghĩ tới cái anh chàng Hồ-nơ khốn khổ kia."

- Tôi sẽ trốn đi, tôi sẽ rời quê hương. Như thế, lời cáo buộc anh ta sẽ hết hiệu lực.

- Hừm! Chúng tôi sẽ bàn bạc về chuyện đó. Bây giờ hãy tường thuật cho chúng tôi nghe những hành vi sau đó của anh.

Rai-đờ liêm mọi khô, khóc:

- Thưa ông, khi Hồ-nơ bị bắt, tôi nghĩ rằng tôi nên đem viên ngọc trốn đi ngay tức khắc, vì cảnh sát sẽ bắt ngờ khám xét trên người tôi và trong phòng tôi. Tại khách sạn không có chỗ nào an toàn cả. Tôi đi ra ngoài, như thể làm một việc gì đó, và đến thẳng nhà chị tôi. Chồng chị là Âu-kơ, sống tại đường Brixton. Nơi đó, chị tôi vô béo gia cầm để bán ngoài chợ. Trên đường, gặp ai tôi cũng nghĩ đó là một thám tử cả. Khi tôi đến đường Brixton, chị tôi hỏi có việc gì mà mặt mày lại tái mét. Tôi nói tôi bị mất tinh thần vì vụ trộm nữ trang. Rồi tôi đi ra sân, tự hỏi không biết nên làm gì. Lúc bấy giờ tôi đang tựa vào tường, nhìn những con ngỗng đang đi lạch bạch xung quanh, bỗng nhiên một ý tưởng đến với tôi.

Một tuần trước đó, chị tôi hứa cho tôi một con ngỗng vào ngày lễ Giáng sinh. Bấy giờ tôi nên bắt con ngỗng, thả viên ngọc vào bụng nó, rồi mang đến Kilburn, nơi tôi có một người bạn thân. Trong sân có một cái lán nhỏ, tôi ra đằng sau nó, rượt bắt một con ngỗng đẹp, cái đuôi có đường sọc. Tôi mở miệng nó ra, thọc viên kim cương vào sâu trong đó: con ngỗng nuốt ực một cái, tôi sờ tay thấy cái gia tài đồ sộ đi xuống dọc theo thực quản. Nhưng con vật vỗ cánh vùng vẫy, chị tôi ra coi chuyện gì, khi tôi quay sang nói chuyện với chị, con ngỗng tháo chạy và bay đi, lẫn vào những con ngỗng khác.

- Em đang làm gì thế?

- Chị đã hứa cho em một con ngỗng, và em đang chọn đây.

- Ô, anh chị đã để riêng cho em rồi. Đó là con ngỗng trắng lớn đằng kia kia. Có tất cả hai mươi sáu con, em một con, anh chị một con, còn hai mươi bốn con để bán.

- Cảm ơn chị, nhưng em thích cái con mà em đã nắn thử. Con ngỗng dành riêng cho em nặng hơn ba cân. Anh chị đã vô béo nó, đặc biệt dành cho em đó.

- Không sao. Em sẽ bắt con ngỗng mà em đã chọn.

- Ừ, em thích con nào?

- Cái con màu trắng, đuôi có sọc, chính giữa đàn ngỗng ấy.

- Ừ, em cứ bắt đi.

Tôi đã bắt con ngỗng, và mang nó đến Kilburn. Tôi kể cho bạn tôi nghe những việc tôi đã làm. Anh ta cười sặc sụa rồi mổ bụng con vật. Nhưng không thấy tăm hơi viên kim cương đâu cả. Tim tôi như biến thành nước. Tôi để con ngỗng đấy, chạy bay đến nhà chị tôi, vội vã đi ra sân sau. Không còn con ngỗng nào ở đó cả.

- Ngỗng đâu hết rồi, chị? - Tôi kêu lên.

- Đã giao hết cho người mua rồi.

- Ai thế?

- Ông Brê-ki.

- Nhưng có một con khác cũng có đuôi sọc chứ? Cái con y hệt như con ngỗng mà em đã chọn?

- Đúng thế. Có hai con đuôi sọc, và chị cũng không tài nào phân biệt được chúng.

Tôi chạy ba chân bốn cẳng đến lão Brê-ki này, nhưng ông ta đã bán hết veo, và cũng không chịu nói là đã bán cho ai. Và bây giờ, bây giờ tôi là một tên trộm bị mang án. Xin Chúa cứu giúp tôi!

Nói đến đây, Rai-đơ bật khóc nức nở, hai tay che lấy mặt. Có một khoảng yên lặng lâu, chỉ bị phá vỡ bằng tiếng thở nặng nề của anh ta, và tiếng gõ đánh nhịp đều đều của những ngón tay Holmes lên mép bàn. Rồi bạn tôi đứng dậy, mở tung cửa.

- Đi ra!

- Ồ, thưa ông! Xin Chúa ban phúc lành cho ông!

- Đừng nói nữa. Ra ngay!

Có một tiếng chạy vụt, tiếng gót giày lộp cộp trên cầu thang, tiếng đóng cửa và tiếng chân nặng nề chạy trên đường phố.

- Anh Watson. Nếu anh chàng Rai-đơ này không xuất hiện để làm chứng chống lại Hô-nơ nữa, thì lời cáo buộc kia cũng vô hiệu. Tôi cho rằng tôi đang khoan hồng cho một gã vô lại nhưng cũng có thể là tôi đang cứu vớt một linh hồn. Gã này sẽ không dám phạm tội nữa, hẳn ta sẽ cạch đến trọn đời.

Cái băng lốm đốm

Lúc ấy vào đầu tháng tư năm 1883. Một buổi sáng tôi thức dậy và thấy Holmes y phục chỉnh tề bên giường tôi. Lúc ấy mới 7 giờ 15 phút, tôi ngạc nhiên nhìn anh.

- Rất tiếc phải đánh thức anh dậy, nhưng sáng nay cả nhà đều phải chịu như thế cả. Bà Hốt-xơn bị dựng dậy, bà ấy dựng tôi dậy và bây giờ tôi dựng anh dậy.

- Cái gì thế? Một đám cháy?

- Không, một phụ nữ trẻ đã đến trong trạng thái hết hoảng. Bà ta nài nỉ gặp tôi gấp. Sự vội vã của bà ta hứa hẹn một vụ hấp dẫn, tôi biết anh muốn theo dõi nó từ đầu.

- Tôi sẽ không bỏ qua nó!

Tôi nhanh nhẹn mặc quần áo và một vài phút sau đó, đi theo anh xuống phòng khách. Một phụ nữ vận đồ đen, che kín mặt bằng một tấm mạng, đang ngồi bên cửa sổ. Bà ta đứng lên khi chúng tôi vào. Holmes vui vẻ nói.

- Chào bà. Tôi là Sherlock Holmes. Đây là bạn thân và cũng là người cộng tác của tôi, bác sĩ Watson. Bà hãy đến gần lò sưởi và dùng một cốc cà phê nóng.

- Tôi không run vì lạnh đâu.- Người phụ nữ nói và thay đổi chỗ ngồi như đã được yêu cầu.

- Vậy thì, vì cái gì?

- Nói lo sợ, sự khủng khiếp.

Khi nói, bà ta gỡ tấm mạng lên. Quả thật bà ta đang sợ hãi như một con thú đang bị săn đuổi. Những đường nét và dáng dấp của một người trẻ tuổi ba mươi, nhưng tóc đã lốm đốm bạc, nét mặt mệt mỏi, hốc hác. Holmes nhìn lướt nhanh

qua bà ta, rồi cúi người về đằng trước, vỗ nhẹ lên cánh tay bà, dịu dàng nói:

- Bà không nên hết hoảng, chẳng bao lâu nữa, chúng tôi sẽ giải quyết vấn đề. Sáng nay bà đã đến bằng xe lửa, đúng không?

- Ông biết tôi ư?

- Không, nhưng tôi quan sát phân nửa tấm vé khứ hồi trong lòng bàn tay bà. Chắc bà đã khởi hành sớm. Trước khi đến nhà ga, bà đã ngồi trên một chiếc xe do chó kéo, chạy dọc theo những con đường rất lầy lội?

Người phụ nữ giật nảy mình, trở mắt nhìn sừng bạn tôi. Holmes mỉm cười nói tiếp:

- Không có gì bí mật cả. Tay áo bên trái của bà có lấm tấm dăm bảy vết bùn. Những dấu vết hoàn toàn mới, không có loại xe nào có thể tung bùn như thế, ngoài xe chó kéo; và chỉ khi nào bà ngồi vào phía bên trái của người điều khiển xe.

- Ông nói đúng, tôi đã khởi hành trước 6 giờ và bước vào chuyến tàu đầu tiên đi đến Waterloo. Thưa ông, tôi không thể chịu nổi sự căng thẳng lâu hơn nữa. Tôi không biết trông cậy vào ai - không có ai, trừ một người duy nhất, nhưng anh ấy cũng chẳng giúp được gì. Tôi đã nghe đến tên ông. Thưa ông, ông có thể hé lên một tia sáng nhỏ xuyên qua cái bóng tối dày đặc, đang bao quanh tôi? Hiện nay, tôi chưa có đủ điều kiện để trả ơn ông nhưng trong vòng sáu tuần tới, ông sẽ thấy tôi không phải là kẻ vô ơn.

- Thưa bà, tôi sẽ quan tâm đến trường hợp của bà, tận tụy như tôi đã làm cho mọi khách hàng khác. Về chuyện ơn nghĩa, thì sự thành công trong nghề nghiệp, tự nó đã là phần thưởng rồi. Nhưng bà có quyền thanh toán chi phí cho tôi vào thời điểm nào thích hợp nhất cho bà. Bây giờ, bà muốn chúng tôi giúp bà việc gì?

- Than ôi! Cái khủng khiếp trong tôi là *những nỗi sợ hãi mơ hồ*. Và những nghi ngờ của tôi xuất phát từ những điểm

quá nhỏ bé, đến nỗi mọi người đều cho là nhảm nhí, là điều tưởng tượng. Nhưng thưa ông, tôi nghe nói rằng ông có khả năng nhìn sâu vào trong cái độc ác của trái tim con người. Ông có thể khuyên bảo tôi phải làm gì.

- Tôi đang chú ý nghe, thưa bà.

- Tôi là Hê-len. Tôi đang sống với một ông cha ghẻ, người sau cùng của một trong những dòng họ lâu đời nhất tại nước Anh, dòng họ Roylott tại lâu đài Stoke Moran.

Holmes gật đầu, nói:

- Cái tên ấy thì quen thuộc với tôi.

- Đã một thời, đất đai của họ trải dài mút mắt, bạt ngàn. Tuy vậy trong thế kỷ vừa qua, bốn kẻ thừa kế nối tiếp nhau đều là những kẻ phá gia, trụy lạc. Sau cùng dòng họ này bị tan nát do một tay ham mê cờ bạc, không còn gì để lại, ngoài một vài mảnh đất và tòa lâu đài đã có từ một trăm năm. Nhưng tài sản cũng bị cầm cố. Vị điền chủ cuối cùng kéo lê cuộc đời mình tại đó và sống cuộc sống cơ cực, bần hàn. Đứa con trai độc nhất của ông ta là cha ghẻ của tôi. Ông này thấy rằng muốn tồn tại, ông phải tự thích nghi với điều -kiện-sống mới, ông vay được một số tiền của bà con thân thích rồi cố học hành, thi đậu bác sĩ. Sau đó, ông đến Calcutta thuộc Ấn Độ. Tại đó, ông tạo được uy tín, nhưng rồi trong một cơn giận dữ do trong nhà bị trộm cắp, ông đã đánh chết người quan gia bản xứ, và suýt nữa thì bị kết án tử hình. Theo luật lệ tại đó, ông nhận một án tù lâu năm, mãn hạn ông về đây và trở thành một con người sàu muộn, thất chí.

Tại Ấn Độ, bác sĩ Roylott đã cưới mẹ tôi, góa phụ của thiếu tướng Tâu-nơ. Chị tôi và tôi là hai chị em sinh đôi. Khi mẹ tôi tái giá, chúng tôi mới lên hai. Bà có một số tiền trên một nghìn đô la một năm. Số tiền này bà hoàn toàn giao phó cho bác sĩ Roylott trong khi chúng tôi còn sống chung một mái nhà với ông ta, với điều kiện khi nào đi lấy chồng, chúng

tôi sẽ nhận được hằng năm một số tiền nào đó. Sau khi chúng tôi trở về nước Anh, một thời gian ngắn thì mẹ tôi mất. Bà chết cách đây tám năm vì tai nạn xe lửa. Ông dưỡng Roylott từ bỏ ý định hành nghề bác sĩ tư tại Luân Đôn và đưa chúng tôi về sống với ông tại lâu đài của ông. Món tiền mà mẹ tôi để lại đủ cho mọi nhu cầu của gia đình.

Nhưng gần đây, thay vì giao du với bạn hữu và đi thăm viếng láng giềng, thì dưỡng tôi lại tự giam mình trong nhà, ít khi đi ra ngoài, trừ ra là để gây gổ với bất cứ người nào mà ông gặp phải. Tính khí hung hãn gần như điên loạn là di truyền trong những người thuộc dòng họ này. Một loạt những cuộc cãi vã, xô xát đã xảy ra, trong số đó, hai vụ phải nhờ đến cảnh sát dàn xếp. Cuối cùng, thì ông đã trở thành hung thần của cả làng.

Tuần rồi, ông ném bác thợ rèn qua thành cầu xuống một con suối, tôi đã phải thu góp tiền bạc mới có thể giấu nhem chuyện ấy đi. Ông chẳng có bạn bè gì ngoài những người Gypsy¹, ông thường cho họ dựng trại trên những mảnh đất hương hỏa; đáp lại, những người Gypsy thường đãi đằng ông tại trại của họ. Ông cũng say mê những con vật từ Ấn Độ. Hiện nay, ông có một con beo và một con khỉ đầu chó. Những con vật này được thả rông trên vùng đất của ông.

Không có người tôi tớ nào chịu ở lại với chúng tôi. Trong một thời gian dài, chúng tôi phải tự mình làm tất cả mọi công việc. Lúc chết, chị tôi mới ba mươi tuổi, thế mà tóc đã bạc, thậm chí bạc như tóc tôi bây giờ.

- Vậy là, chị cô² đã chết?

-
1. Gypsy: Một giống người da ngăm hay nâu, tóc đen gốc Ấn Độ, di lang thang (dân du mục) làm nghề hát rong và bói toán.
 2. Trong những trang trước chúng tôi dịch "bà", vì theo phép lịch sự đối với người lạ. Từ đây, sẽ dịch "cô" vì đã quen. Và lại, cô Hê-len còn độc thân.

- Mới chết cách đây hai năm. Chúng tôi có một người di, sống gần Harrow. Cách đây hai năm, chị tôi đến thăm di. Tại đó, chị gặp một thiếu tá hải quân và sau đó đính hôn với anh ta. Cha ghẻ tôi biết việc này, nhưng không phản đối cuộc hôn nhân ấy. Nhưng nửa tháng trước ngày cưới, một biến cố đã xảy ra, cướp mất chị tôi.

Nãy giờ Sherlock Holmes vẫn đang tựa lưng vào ghế, mắt nhắm lại và đầu gục xuống nệm, nhưng bây giờ anh hé mắt và liếc nhìn người thân chủ.

- Cô làm ơn nói rõ hơn.

- Tòa lâu đài thì rất cổ, và bây giờ chỉ còn ở được có một cái chái, các phòng ngủ ở tầng trệt, còn phòng khách thì đặt ở trung tâm. Phòng ngủ thứ nhất là của cha ghẻ, phòng giữa là của chị tôi và phòng cuối cùng là của tôi. Các phòng đó không ăn thông nhau, cùng mở ra một hành lang. Tôi nói thế đã rõ chưa?

- Rất rõ.

- Các cửa sổ của ba phòng đều hướng ra bồn cỏ. Vào cái đêm ấy, dường tôi đi về phòng sớm hơn, mặc dù chúng tôi biết rằng không phải ông về để nghỉ, mà vì chị tôi bị khó chịu bởi cái mùi thuốc xì gà Ấn Độ mà ông đang hút. Vì thế, chị tôi sang phòng tôi. Chị ngồi một lát, nói chuyện về đám cưới sắp tới. Lúc mười một giờ khuya, chị đứng lên định đi, nhưng dừng lại ở cửa và nhìn lui.

- Này em, có bao giờ em nghe tiếng huýt sáo giữa đêm khuya không?

- Chưa bao giờ!

- Em không thể huýt sáo trong giấc ngủ, đúng không?

- Chắc chắn rồi. Nhưng sao chị lại hỏi thế?

- Trong mấy đêm vừa rồi, vào khoảng ba giờ sáng, chị luôn luôn nghe tiếng huýt sáo nhẹ nhàng, rõ ràng. Chị là người tỉnh ngủ và tiếng huýt sáo đã đánh thức chị. Chị không thể

nói tiếng ấy từ đầu đến, có lẽ từ phòng bên cạnh, có lẽ từ bồn cỏ. Chị định hỏi em, xem em có nghe thấy không.

- Không, em chẳng nghe thấy gì cả! Có lẽ nó đến từ trại của những gã Gypsy chẳng?

- Rất có thể. Nhưng nếu nó đến từ bồn cỏ thì chị đã nghe thấy rồi.

- À, nhưng em ngủ say hơn chị mà.

- Vâng! Nhưng dù sao thì cũng chả quan hệ gì lắm.

Chị tôi quay lại, mỉm cười, rồi đóng cửa. Một lát sau tôi nghe tiếng chìa khóa cửa ở bên phòng chị.

- Ban đêm, chị cô có thói quen khóa chặt cửa chứ?

- Luôn luôn khóa.

- Tại sao vậy?

- Vì ông ấy có nuôi một con beo và một con khỉ đầu chó.

- Đúng thế. Xin kể tiếp.

- Đêm ấy, tôi không ngủ được. Bên ngoài gió đang gào lên, mưa đập và tạt mạnh vào các cửa sổ. Đột nhiên, vang lên một tiếng thét hãi hùng. Tôi biết đó là tiếng thét của chị tôi. Tôi nhảy ra khỏi giường, quàng vội chiếc khăn lên người và chạy vụt ra hành lang. Khi tôi mở cửa, dường như tôi có nghe một tiếng huýt sáo nhẹ nhẹ, như chị tôi đã mô tả. Một vài phút sau đó tôi lại nghe tiếng loảng xoảng, dường như một khối kim loại đổ xuống. Khi chạy tới hành lang thì cửa phòng chị đã bị mở khoá và đang xoay chậm chậm trên bản lề. Tôi kinh hãi trở mắt nhìn cánh cửa. Qua làn ánh sáng của ngọn đèn nơi hành lang, tôi thấy chị tôi hiện ra nơi khe hở, khuôn mặt trắng bệch, hai bàn tay sờ soạn cầu cứu, cả thân người loạng choạng lui tới như một người say rượu. Tôi chạy đến và choàng tay lên vai chị nhưng chị ngã xuống đất, quần quai như một người đang đau đớn khủng khiếp, chân tay giật giật, khi tôi cúi xuống thì bất giác chị thét lên:

- Nó là một cái băng¹! Một cái băng... lốm đốm!

Như còn muốn nói một điều gì nữa, chị chém mạnh tay vào không khí về phía phòng bác sĩ, nhưng một cơn co giật mới làm chị nghệt thở. Tôi chạy vụt ra, gọi to để kêu cha ghê, và tôi gặp ông trong bộ đồ ngủ đang vội vã đến. Bây giờ chị đã bất tỉnh, mặc dù ông rót rượu mạnh xuống cổ họng chị và cầu cứu dân làng đến chữa, nhưng mọi nỗ lực đều vô ích.

- Hãy ngừng một lát. Cô có chắc là đã nghe tiếng huýt sáo và tiếng loảng xoảng của kim loại không?- Holmes hỏi.

- Đó cũng chính là điều mà người điều tra viên hỏi tôi. Tôi có ấn tượng mạnh là đã nghe thấy, thế nhưng, giữa tiếng gào thét của gió mưa, có thể là tôi nghe lầm chăng?

- Chị cô ăn mặc có chỉnh tề không?

- Không. Chị mặc đồ ngủ. Trong bàn tay phải có một que diêm đã cháy, và bàn tay trái, một hộp diêm.

- Cô ấy đã đánh diêm và nhìn xung quanh khi biến động xảy ra. Và người điều tra viên đã kết luận như thế nào?

- Ông ta xem xét vụ này rất cẩn kẽ, nhưng không tìm ra nguyên nhân của cái chết. Bằng chứng mà tôi cung cấp cho thấy rằng cửa lớn đã được khóa từ phía bên trong, các cửa sổ được tăng cường bằng những cửa chớp kiểu cổ, với những thanh sắt lớn được đặt vào đó mỗi đêm. Những bức tường hoàn toàn vững chắc, sàn nhà cũng được kết luận như vậy. Ống khói thì rộng, nhưng nó được ngăn chặn bởi bốn cái đinh kẹp lớn. Vì thế, chắc chắn là chị tôi hoàn toàn một mình. Và lại, trên người cũng không có dấu vết gì của sự hành hung.

- Còn về thuốc độc?

- Các bác sĩ đã xem xét kỹ, nhưng không thành công.

1. The speckled band: chữ band trong tiếng Anh vừa có nghĩa là một dải băng (cột tóc...) vừa có nghĩa là một nhóm người (băng cướp) chúng tôi dịch tạm là "cái băng", để phù hợp với sự mơ hồ của bài này.

- Vậy thì theo cô, chị cô chết vì nguyên nhân nào?
- Có lẽ chị tôi chết vì quá sợ hãi và bị chấn động thần kinh. Nhưng cái gì đã làm cho chị sợ, thì tôi không thể tưởng tượng được.

- Vào thời điểm đó, những người Gypsy có mặt ở đồn điền không?

- Luôn luôn có vài người ở đó.

- Cô có đoán ra điều gì về một cái băng lốm đốm?

- Đôi khi tôi đã nghĩ rằng, đó chỉ là lời nói trong cơn mê sảng. Tôi không biết có phải là những cái khăn lốm đốm mà nhiều người trong bọn Gypsy thường đội trên đầu đã gợi cho chị tôi cái hình dung kỳ lạ kia chăng?

Holmes lắc đầu như chưa thoả mãn với lời giải thích ấy.

- Đây là một vấn đề hết sức phức tạp, làm ơn kể tiếp.

- Từ đó đến nay, hai năm đã trôi qua, cuộc đời tôi cô quạnh hơn bao giờ hết. Cách đây một tháng, một người bạn trai đến hỏi tôi làm vợ. Cha ghê tôi không tỏ vẻ phản đối gì và chúng tôi dự định tổ chức đám cưới vào mùa xuân. Cách đây hai ngày, người ta bắt đầu sửa chữa mái phía tây của lâu đài và phòng ngủ của tôi bị đục, tôi phải dời sang phòng của chị tôi, ngủ trên cái giường mà chị tôi đã ngủ. Đêm qua tôi nằm thao thức, nghĩ đến số phận khủng khiếp của chị tôi, thì bỗng nhiên tôi nghe tiếng huyết sáo nhẹ nhẹ. Tôi choàng dậy và thắp đèn lên, nhưng không thấy gì. Tôi sợ quá không dám đi ngủ tiếp. Tôi vội thay áo quần và ngay khi trời sáng, tôi lên xuống, tìm thấy một chiếc xe chó kéo và lần hồi đi tới đây để gặp ông.

- Cô đã hành động khôn ngoan. Nhưng cô đã nói hết chưa?

- Vâng, tất cả.

- Cô chưa nói hết. Cô đang bao che cho cha ghê của cô.

- Ông muốn nói gì cơ?

Holmes đẩy lùi cái diêm xếp bằng đàng ten đen viền quanh bàn tay đặt trên đầu gối của người khách. Năm chấm nhỏ tím bầm in hằn lên cổ tay.

- Cô đã bị đối xử tàn nhẫn.

Người phụ nữ đỏ bừng mặt, kéo tay áo xuống, che cổ tay bị xây xát, nói:

- Ông ta là một con người hung hãn.

Có một khoảng yên lặng khá lâu, trong khi đó Holmes tựa cằm vào hai bàn tay và nhìn chăm chăm vào lò sưởi đang kêu lách tách. Sau cùng, anh nói:

- Nếu hôm nay chúng tôi đến lâu đài, liệu chúng tôi có thể xem xét những căn phòng đó, mà cha ghê cô không biết?

- Cũng may, hôm nay ông ấy có việc lên phố. Có lẽ ông ta sẽ vắng nhà suốt ngày. Bây giờ, chúng tôi đã có một người quản gia, nhưng bà ta già và ngờ nghệch, tôi dễ dàng tống bà ta đi chỗ khác để các ông làm việc.

- Tuyệt! Ông bạn bác sĩ, anh thích chuyến đi này?

- Tất nhiên.

- Vậy, cả hai chúng tôi sẽ đến đó. Cô có định làm gì bây giờ không?

- Tôi có vài việc trên phố. Nhưng sẽ trở lại trên chuyến xe lửa mười hai giờ, để đón các ông.

- Cô đợi chúng tôi vào đầu buổi chiều. Bây giờ, cô dùng diêm tâm nhé?

- Không, tôi phải đi. Tâm hồn tôi đã nhẹ nhõm. Tôi đợi các ông vào chiều nay.

Cô ta thả tấm mạng đen dày bao phủ khuôn mặt và lướt ra khỏi căn phòng.

- Anh Watson, anh nghĩ gì về chuyện đó?

- Một vụ ám muội.

- Đúng.

- Tuy vậy, nếu sàn và tường đã được thăm dò, cửa lớn, cửa sổ và ống khói đều không thể đi xuyên qua được, thì chỉ cô ta chắc chắn ở một mình khi gặp cái chết.

- Vậy thì, anh nghĩ gì về tiếng huýt sáo giữa đêm khuya? Về những lời nói lạ lùng của người phụ nữ trong cơn hấp hối?

- Tôi không thể nghĩ ra.

- Khi ta nối kết những ý tưởng sau đây: *tiếng huýt sáo trong đêm, sự có mặt của một nhóm người Gypsy*, thì ta có đủ lý do để tin là ông bác sĩ quan tâm đến việc ngăn cản cuộc hôn nhân của cô con gái ghê. Lời ám chỉ về một cái băng, và sự kiện cô em nghe tiếng kêu loảng xoảng (có thể được gây ra bởi một trong những thanh kim loại chặn các cửa chớp rơi xuống) là những cơ sở để tôi hy vọng cái bí mật sẽ được bật mí.

- Vậy những người Gypsy đã làm gì?

- Tôi không thể tưởng tượng nổi. Chính vì thế mà tôi sắp đi đến đó ... Nhưng, trời đất quý thần ơi!

Anh bạn tôi kêu lên như vậy là vì bỗng nhiên cửa lớn sịch mở, một người to lớn lù lù hiện ra nơi khe hở. Y phục của ông ta là một sự pha trộn kỳ dị: một nửa là y phục bác sĩ, nửa kia là của một nhà nông. Ông đội một cái mũ chóp cao màu đen, mặc áo choàng dài và mang một đôi ghệt, với chiếc roi da lủng lẳng trên tay. Ông ta cao đến nỗi cái mũ đụng vào cái thanh ngang nơi ngưỡng cửa, thân người to lớn của ông dường như choán hết cả cái cửa. Một khuôn mặt to, hằn lên vô số lớp nhăn, cháy vàng lên vì nắng, khắc lên đó mọi dục vọng xấu xa. Ông ta nhìn chúng tôi, đôi mắt trũng sâu, đỏ rực, cái mũi cao, gầy, và xương xẩu của ông trông giống như một con chim ăn thịt già dữ tợn.

- Ai là Holmes?

- Thưa ông, chính tôi. Nhưng ông có lợi thế hơn tôi đấy.

- Bạn tôi tỉnh bơ nói.

- Tao là bác sĩ Roylott.

- "Đúng thế, thưa bác sĩ". Holmes ngợt ngào nói. "Xin làm ơn ngồi xuống".

- Tao không muốn ngồi. Con nhỏ đã ở đây. Tao đã theo dõi nó, nó nói gì với mày?

- *Hình như trời hơi lạnh so với mùa này.* - Holmes nói.

- Nó đã nói gì với mày? - Lão già hét lên.

- *Nhưng tôi nghe nói rằng củ nghệ hứa hẹn được mùa.*
- Holmes tiếp tục nói tỉnh bơ.

- "Hừ! Mày đừng có đánh trống lảng?" Ông ta nói rồi bước tới phía trước và lấy chiếc roi da. "Tao biết mày, thằng đểu cáng kia! Tao đã biết mày từ trước, mày là Holmes, tên phá đám".

Bạn tôi mỉm cười:

- *Holmes, một thằng lảng xãng!* - Nụ cười của anh mở rộng thêm ra.

- Holmes, một thằng thọc gậy bánh xe!

Holmes thích chí cười khoái trá.

- *Ông nói chuyện thật vui tai. Khi đi ra nhớ đóng cửa, chắc chắn là có gió lùa đấy.*

- Tao chỉ đi khi nào nói hết những gì tao muốn nói. Mày đừng hòng xía mũi vào chuyện của tao. Tao biết con nhỏ đã đến đây. Tao đã theo dõi nó! Đụng vào tao là nguy hiểm đấy! Xem.đây!" Ông ta bước nhanh về phía trước, tóm lấy cái que cời và bẻ cong nó. "Khôn hồn thì đừng có đụng vào tao"! Ông ta găm lên và ném cái que cời cong vòng vào lò sưởi, rồi lao ra khỏi phòng.

- "Lão già xem ra là một người rất dễ mến". Holmes cười, nói "Tôi không to con lắm, nhưng nếu ông ta còn trở lại, chắc chắn tôi sẽ cho ông ta thấy cái nắm của tôi cũng không yếu hơn cái nắm tay của ông ta bao nhiêu".

Anh vừa nói vừa nhặt cái que cời và với một nỗ lực bất ngờ, bẻ thẳng nó trở lại, rồi nói tiếp:

- Lão ta đã láo xược lẫn lộn tôi với một gã thám tử tay mơ nhà nước, kể cũng lạ! Tuy thế, sự tình cờ này làm cho cuộc điều tra của chúng ta thêm hứng thú và tôi chỉ mong cho cô bạn không bị tai họa vì đã vô ý để cho con thú này tìm ra dấu vết. Còn bây giờ, Watson ạ, chúng ta sẽ gọi món điểm tâm và sau đó tôi sẽ đến khu tập thể dành cho bác sĩ.



Khi Holmes từ cuộc “du ngoạn” trở về, thì đã gần một giờ chiều. Anh cầm trong tay một tấm giấy màu thiên thanh, trên đó là những con số và dòng chữ viết nguệch ngoạc.

- Tôi đã tìm thấy tờ di chúc của người vợ quá cố. Lợi tức toàn bộ, vào lúc vợ ông ta chết, là gần một nghìn một trăm đô la. Hiện nay do sự sụt giá về nông nghiệp, nó chỉ còn khoảng bảy trăm năm mươi đô la. Khi lấy chồng, mỗi cô gái có quyền đòi hỏi một lợi tức là hai trăm năm mươi đô la. Vì thế, nếu cả hai cô đều lấy chồng, thì lão ta chỉ còn hưởng một món tiền ít ỏi; thậm chí nếu một trong hai cô đi lấy chồng, thì lợi tức của lão ta cũng bị đe dọa nghiêm trọng. Và bây giờ Watson ạ, chúng ta hãy đến Waterloo. Anh nhớ chuỗi cây súng vào túi.

Tại Waterloo, chúng tôi may mắn đón được xe lửa đi đến Leatherhead. Từ đây, chúng tôi mượn một chiếc xe hai bánh và đi năm dặm xuyên qua những con đường nhỏ của hạt Surrey. Đó là một ngày tuyệt đẹp, mặt trời rực rỡ. Cây cối và những hàng dâu hai bên đường vừa mới nhú những chồi non đầu tiên. Không khí sực nức mùi thơm dễ chịu của đất ướt. Bạn tôi ngồi phía trước xe, hai cánh tay vòng lại, cái mũ kéo xuống che mắt, cầm gục xuống trước ngực và đang chìm trong

suy nghĩ. Bỗng nhiên, anh giật mình, vỗ nhẹ lên vai tôi và trở về phía các đồng cỏ.

- Trông kia!

Một công viên um tùm trải ra, vươn lên một con dốc thoải thoải, cây dày lại thành một khu rừng tại điểm cao nhất. Từ giữa những cành cây, hiện ra những đầu hồi và cái thánh giá cao của một ngôi nhà rất cổ.

- Lâu đài của ông Roylott? - Anh hỏi.

- Vâng, thưa ông. - Người xà ích đáp.

- Có một tòa nhà gần đó. Chúng tôi đang đi đến đó. - Holmes nói.

- "Đó là một khu nhà", người đánh xe nói, tay chỉ vào một cụm nhà cách đó một khoảng về bên trái. "Muốn đến ngôi nhà đó thì nên vượt qua cái bụi treo này, và đi bộ qua cánh đồng. Nó ở đằng kia, nơi có người phụ nữ đang đi bộ đó. Như thế sẽ nhanh hơn".

- "Người phụ nữ là cô Hê-len". Holmes nói, anh lấy tay che mắt. "Vâng, chúng tôi sẽ làm theo lời ông".

Chúng tôi xuống xe, trả tiền và chiếc xe lại lọc cọc lăn trên đường. Khi chúng tôi leo lên bụi treo, Holmes nói:

- Gã lái xe tưởng chúng ta là những kiến trúc sư. Điều đó làm cho hắn bớt ba hoa. Xin chào cô Hê-len, cô thấy là chúng tôi đã giữ đúng lời hứa chứ?

Cô gái vội vã chạy tới, bắt tay chúng tôi một cách nồng nhiệt và reo lên:

- Tôi đang sốt ruột đợi các ông. Bác sĩ Roylott đã lên phố và dường như ông ta sẽ không thể trở về trước khi trời tối.

- Chúng tôi vừa được hân hạnh làm quen với bác sĩ. - Holmes nói, rồi bằng một vài từ ngắn gọn, anh tóm tắt những gì đã xảy ra.

- Trời ơi! Vậy là ông ta đã đi theo tôi. - Cô kêu lên, mặt tái mét.

- Có thể là như thế.

- Ông ta quá quý quý, không biết bao giờ tôi mới thoát khỏi tay ông ta.

- Ông ta phải tự vệ, vì ông thấy rằng có một người nào đó tinh ranh hơn mình. Đêm nay cô phải khoá chặt cửa phòng. Nếu ông ta nổi điên lên, chúng tôi sẽ đưa cô đến nhà bà di. Bây giờ, cô hãy đưa chúng tôi đi xem những căn phòng.

Tòa nhà được xây bằng đá xám, có những lớp địa y, với một phần cao ở trung tâm và hai chái cong. Tại một trong những chái này, các cửa sổ bị vỡ đã được thay bằng những tấm ván. Phần trung tâm được tu sửa khá hơn, khu phía tay phải thì tương đối hiện đại. Những tấm rèm nơi cửa sổ, với làn khói cuộn lên từ những ống khói, cho thấy rằng đây là nơi gia đình cư ngụ. Một giàn giáo đã được dựng lên áp sát vào bờ tường đã bị đục, nhưng không có dấu hiệu của người thợ nề nào vào lúc chúng tôi viếng thăm. Holmes đi thông thả lên xuống cái bồn cỏ và chăm chú xem xét phía bên ngoài của các cửa sổ.

- Tôi đoán, cái cửa sổ này thuộc về căn phòng cô thường nằm ngủ, cái giữa thuộc về phòng của chị cô và cái kế tòa nhà chính, thuộc về căn phòng của bác sĩ Roylott, đúng không?

- Đúng y như thế. Nhưng bây giờ, tôi ngủ tại phòng chính giữa, trong khi chờ sửa chữa.

- Theo tôi, dường như không cần thiết phải sửa chữa bức tường cuối.

- Chẳng cần thiết gì cả. Đó chỉ là một cái cơ để dời tôi sang phòng khác thôi.

- A! Đây là điều gọi ý. Bây giờ, phía bên kia của cái chái hẹp này là cái hành lang. Dĩ nhiên là có những cửa sổ trong đó?

- Vâng, nhưng rất nhỏ. Quá nhỏ, không ai qua được.

- Bởi vì cả hai cô đều khoá chặt cửa vào ban đêm, thì không thể đến phòng các cô từ phía ấy được. Bây giờ, hãy đi vào phòng cô và chặn cửa chập lại.

Cô Hê-len làm như thế và Holmes cố tìm mọi cách để mở cửa chớp, nhưng không mở được. Rồi, với kính lúp, anh trắc nghiệm những cái bản lề, song chúng cũng đều bằng sắt cứng, được xây một cách vững chắc vào trong tường. Holmes gãi cằm, lộ vẻ thắc mắc.

- Hừm! Không ai có thể đi qua những cửa chớp này, nếu chúng được gài chốt lại. Chúng ta sẽ xem thử phía bên trong, xem có thêm được một tia sáng nào không?

Một cửa hông nhỏ dẫn vào trong hành lang từ đó ba phòng mở ra. Holmes không xem xét phòng thứ ba, vì thế chúng tôi đi sang phòng thứ hai ngay, là căn phòng mà chị cô gái đã chết. Đó là một phòng nhỏ, giản dị, trần thấp, có một lò sưởi theo kiểu những căn nhà cổ nông thôn. Một cái tủ đứng trong một góc, góc kia là chiếc giường hẹp, có khăn phủ giường trắng và một bàn trang điểm phía bên trái cửa sổ. Những thứ này, cùng với hai cái ghế, là toàn bộ đồ đạc trong phòng, trừ ra một cái thảm vuông ở giữa. Những tấm ván và pa-nô của bức tường thì bằng gỗ, đã quá cũ và phai màu. Holmes kéo một cái ghế vào trong một góc, ngồi im lặng, trong khi đôi mắt anh đảo xung quanh, lên xuống, quan sát mọi chi tiết của căn phòng.

- Sợi dây chuông kia nối sang cái gì? - Anh hỏi, tay chỉ vào sợi dây chuông treo phía trên bên cạnh giường, cái nút mua của nó nằm ngay trên cái gối.

- Nó thông xuống đến phòng của người quản gia.

- Trông nó có vẻ mới hơn những thứ khác?

- Vâng, nó được đặt tại đó một vài năm.

- Chị cô yêu cầu làm như vậy?

- Không, chị tôi chưa hề sử dụng nó. Chúng tôi có thói quen tự mình đi lấy những thứ cần dùng.

- Quả thật, tại đây không cần thiết phải đặt một cái chuông kéo như thế này. Xin đợi một vài phút, để tôi xem xét cái sàn này đã.

Anh nằm úp mặt xuống, tay cầm kính lúp rồi bò thoăn thoắt lui tới, xem xét tỉ mỉ những vết nứt giữa những tấm ván. Sau cùng, anh nắm lấy cái dây chuông và giật mạnh một cái.

- Ô, cái chuông câm. - Anh nói.

- Nó không rung ư?

- Không. Thậm chí, nó cũng không gắn vào một sợi dây thép. Bây giờ, cô có thể thấy rằng nó được bọc vào một cái móc ngay phía trên, nơi có cái khe hở để thông gió.

- "Thật vô lý!" Holmes làm bầm, kéo cái dây, "có một, hai điểm kỳ lạ về cái phòng này. Thí dụ, ông thợ xây thật là điên, khi mở một cái lỗ thông gió sang một phòng khác, trong khi với chừng ấy công sức, ông ta có thể cho nó thông với không khí bên ngoài!"

- Nó cũng khá hiện đại. - Người phụ nữ nói.

- Nó được làm cùng một thời gian với dây chuông?

- Vâng.

- Có nhiều điểm rất lạ lùng, *sợi dây và cái chuông câm, những lỗ thông gió mà lại không - thông - gió*. Bây giờ xin cô cho chúng tôi xem căn phòng bên trong.

Phòng của bác sĩ Roylott thì rộng hơn phòng của hai cô gái, nhưng cũng trang bị đơn giản. Một giường xếp, một giá gỗ đầy sách, một ghế bành bên cạnh giường, một ghế gỗ đơn giản sát vào tường, một bàn tròn, một tủ sắt rộng. Holmes thong thả đi quanh và xem xét với sự chú tâm sâu sắc nhất.

- Cái gì trong này? - Anh hỏi, gõ nhẹ vào cái tủ.

- Giấy tờ kinh doanh của ông.

- Cô đã thấy phía bên trong rồi chứ?

- Chỉ một lần, một vài năm về trước.

- Trong đó không có một con mèo chứ?

- Không. Thật là một ý tưởng kỳ lạ!

- Ô, hãy nhìn cái này! - Anh cầm lên một cái đĩa sữa nhỏ nằm trên nóc tủ.

- Không. Chúng tôi không nuôi mèo. Nhưng có một con beo và một con khi đầu chó.

- À, vâng, dĩ nhiên! Ồ, một đĩa sữa thì chả thấm tháp gì với nó cả? Có một điểm mà tôi muốn xác định.

Anh ngồi chồm hồm xuống đằng trước cái ghế gỗ, và xem xét cái chỗ ngồi một cách hết sức chăm chú.

- "Cám ơn cô. Thế là xong", anh nói, đứng lên và đặt kính lúp vào túi. "Ồ! Đây là một điểm rất đáng chú ý!"

Cái đập vào mắt anh là một cái roi đánh chó treo trên một góc giường, cái roi được cuộn lại và buộc tròn tạo thành một cái thòng lọng.

- Anh đoán ra điều gì từ cái này, Watson?

- Đó là một cái roi da thông thường, nhưng tôi không hiểu sao nó lại được buộc lại.

- Điều ấy thì không bình thường, phải không? Ồi chao! Đây là một thế giới độc ác, và khi một con người thông minh xoay hướng trí óc của hắn sang tội ác, thì đó là tội ác ghê tởm nhất. Cô Hê-len, chúng tôi xin được đi ra bôn cỏ.

Tôi chưa bao giờ thấy gương mặt Holmes u ám như hiện giờ. Chúng tôi đi lên, đi xuống bôn cỏ dăm bảy lượt, cả cô Hê-len và tôi đều không muốn cắt đứt dòng suy nghĩ của anh trước khi anh tự mình ra khỏi cơn trầm mặc đó. Holmes nói:

- Cô Hê-len, cô tuyệt đối nghe theo lời khuyên của tôi.

- Tôi xin nghe lệnh ông.

- Vấn đề quá nghiêm trọng. Sinh mệnh của cô tùy thuộc vào sự vâng lời.

- Tôi hoàn toàn xin nghe lệnh ông.

- Trước hết, cả bạn tôi và tôi phải lưu lại đêm nay trong căn phòng của cô.

Cả cô gái và tôi đều trở mắt nhìn anh, kinh ngạc.

- Vâng, phải như vậy. Tôi sẽ giải thích. Đằng kia có một cái quán trọ?

- Vàng.

- Tốt lắm, từ đó có thể nhìn thấy các cửa sổ phòng cô?

- Chắc chắn là thấy.

- Cô phải tự giam mình trong phòng, giả bộ nhưc đau, khi ông ấy trở về. Rồi khi cô nghe thấy ông ta đi ngủ, cô phải mở những cửa chớp nơi cửa sổ, đặt ngọn đèn ở đó để làm hiệu cho chúng tôi, rồi lui về phòng cũ của cô, đem theo tất cả những gì mà cô có thể cần dùng trong đêm. Tuy căn phòng đang sửa chữa, nhưng cô ngủ tại đó an toàn hơn.

- Vàng.

- Những cái còn lại, cô cứ để chúng tôi lo liệu.

- Nhưng ông sẽ làm gì?

- Chúng tôi sẽ nghỉ lại đêm trong phòng của chị cô.

- Ông Holmes à, tôi tin rằng ông đã tìm thấy đáp số. -
Cô gái nói, đặt bàn tay lên tay áo bạn tôi.

- Có lẽ vậy!

- Thế thì, xin ông thương tình mà cho tôi biết.

- Tôi muốn có chứng cứ rõ ràng trước khi nói.

- Ít ra, ông cũng có thể cho tôi biết, là có phải chị tôi chết vì quá khiếp sợ không?

- Không, tôi không nghĩ thế. Nào, bây giờ hãy can đảm lên!

Holmes mượn một phòng ngủ và một phòng khách tại quán trọ. Từ cửa sổ của tầng trên chúng tôi nhìn thấy cái chái có người ở của lâu đài. Lúc hoàng hôn, xe ngựa của bác sĩ Roylott chạy ngang qua, cái thân người to lớn của ông lù lù hiện ra bên cạnh dáng người bé nhỏ của đứa bé lái xe. Vài phút sau, chúng tôi thấy một làn ánh sáng đột nhiên lóe lên giữa đám cây khi đèn được thắp lên tại một trong những phòng khách.

- Anh Watson, tối nay tôi không biết có nên đem anh theo không. Chắc chắn là có nguy hiểm.

- Tôi có giúp ích gì không?
- Sự có mặt của anh là vô giá.
- Vậy thì tôi quyết theo anh.
- Xin cảm ơn.

- Anh nói đến sự nguy hiểm. Rõ ràng là anh đã thấy ở trong những phòng ấy nhiều thứ mà tôi không thấy.

- Không phải đâu. Anh cũng đã thấy tất cả những điều mà tôi đã thấy, nhưng có thể tôi suy diễn được nhiều hơn anh. Thế thôi.

- Tôi không thấy có gì đáng chú ý ngoài cái dây chuông. Nhưng nó có mục đích gì, tôi không hiểu nổi.

- Anh cũng thấy cái lỗ thông gió chứ?

- Vâng, nhưng một khe hở nhỏ nằm giữa hai phòng chẳng có gì khác thường cả. Nó quá nhỏ, đến một con chuột cũng khó lòng chui qua được.

- Trước khi đến đây, tôi đã đoán là ở đây có một cái lỗ thông gió như vậy.

- Trời ơi, Holmes!

- Đúng thế. Anh còn nhớ, cô ta đã nói rằng chị mình có người thấy mùi xi gà của bác sĩ Roylott. Dĩ nhiên, điều ấy cho ta thấy phải có một sự thông thương giữa hai phòng. Nó chỉ có thể là một cái khe hở nhỏ. Nếu không, trong cuộc thẩm vấn của người điều tra viên, nó đã được nhắc đến. Tôi suy diễn, đó là một cái lỗ thông gió.

- Nhưng, có gì độc hại trong cái đó?

- Một cái lỗ thông gió được làm ra, một dây thừng được treo, và một người phụ nữ nằm ngủ trên giường và bị chết. Điều ấy không khiến cho anh suy nghĩ ư?

- Tôi vẫn chưa thấy sự liên quan nào giữa mấy thứ đó.

- Anh không thấy một cái gì đó rất kỳ dị về cái giường sao?

- Không.

- *Cái giường kẹp chặt vào sàn. Có bao giờ anh thấy một cái giường gần giống như thế chưa?*

- Chưa.

- Người phụ nữ không thể di chuyển cái giường của cô ta. Nó phải luôn luôn ở một vị trí tương đối so với cái lỗ thông gió và sợi dây thừng. Chúng ta có thể gọi nó như thế, bởi vì nó không bao giờ làm nhiệm vụ của một sợi dây chuông cả.

- Anh Holmes! Dường như tôi đã lơ mơ thấy cái điều mà anh muốn nói. Chúng ta còn kịp để ngăn chặn một tội ác tinh vi và khủng khiếp.

- Khá tinh vi và khá khủng khiếp. Khi một bác sĩ làm điều xằng bậy, thì ông ta là một tội phạm số một. Ngón đòn này thật ác liệt. Nhưng cú đánh của chúng ta sẽ còn "ác liệt" hơn. Bây giờ, tốt nhất là chúng ta hãy quay tâm trí sang những chuyện vui hơn.

Vào khoảng chín giờ tối, ánh sáng giữa các thân cây đã tắt đi, bóng tối bao trùm xuống hướng toà lâu đài. Hai tiếng đồng hồ lặng lẽ trôi qua. Bỗng nhiên, đúng vào lúc đồng hồ điểm mười một tiếng, một làn ánh sáng rực rỡ, chiếu ra ngay phía trước mặt chúng tôi. Holmes nhảy dựng lên.

- Đó là tín hiệu.

Khi chúng tôi ra khỏi phòng, anh trao đổi vài lời với chủ quán trọ, giải thích rằng chúng tôi phải đi thăm một người quen, và có thể sẽ ngủ lại đêm tại đó. Một lát sau, chúng tôi bước đi trên con đường tối đen, một làn gió lạnh thổi vào mặt và đằng trước là một làn ánh sáng vàng vọt nhấp nháy.

Bước vào khuôn viên toà lâu đài, đi dò dẫm giữa các cây, chúng tôi đến bồn cỏ, băng qua nó và sắp bước qua cửa sổ thì trong bụi nguyệt quế, có một cái gì đó nhào ra. Có vẻ như đó là một đứa trẻ xấu xí và quái dị, nó ném mình xuống cỏ, tay chân quằn quại, rồi chạy thoăn thoắt, biến vào bóng tối.

- Anh có thấy nó không? - Tôi thì thạo.

Lúc ấy, Holmes cũng sửng sốt. Bàn tay anh nắm lại. Rồi anh cười khế, và đặt môi vào tai tôi:

- Con khỉ đầu chó.

Tôi đã quên khuấy đi những con vật kỳ dị mà lão bác sĩ yêu thích. Còn có một con beo nữa. Khi đi vào trong phòng ngủ, bạn tôi nhẹ nhàng đóng các cửa chớp, đem theo cái đèn lên bàn, và đảo mắt nhìn chung quanh phòng: không có gì thay đổi. Rồi anh bò đến bên tôi. Đặt hai bàn tay làm thành cái loa, thì thào vào tai tôi:

- Chỉ một tiếng động nhỏ nhất cũng đủ làm hỏng kế hoạch.

Tôi gật đầu để cho thấy rằng tôi đã nghe.

- Chúng ta phải ngồi trong bóng tối. Vì ông ta sẽ thấy ánh sáng xuyên qua cái lỗ thông gió.

Tôi lại gật đầu.

- Đừng có ngủ! Hãy chuẩn bị súng. Tôi ngồi trên giường, còn anh trên cái ghế kia.

Holmes đã đem ra một cái can nhỏ, đặt lên giường, bên cạnh anh. Kề sát nó, anh đặt hộp diêm và một cây nến. Rồi anh tắt đèn, chúng tôi chìm trong bóng tối.

Tôi không thể nghe một tiếng động, thậm chí một tiếng thở. Tuy thế, tôi biết rằng bạn tôi vẫn mở mắt, cũng đang căng thẳng thần kinh như tôi vậy. Chúng tôi chờ đợi trong bóng tối dày đặc. Từ bên ngoài vọng đến tiếng chim kêu và một lần tại ngay cửa sổ chúng tôi, có một tiếng kêu kéo dài ra như tiếng mèo gào, cho chúng tôi biết rằng con beo đang được thả rông. Xa xa vọng lại những âm thanh ngân vang từ cái đồng hồ lớn. Những giờ khắc nặng nề biết bao! Đồng hồ gõ mười hai tiếng, rồi một, hai, ba. Chúng tôi vẫn yên lặng chờ đợi. Bỗng nhiên có ánh sáng lóe ra ở phía cái lỗ thông gió rồi vụt tắt ngay, tiếp đó là cái mùi nồng nặc của đầu hỏa: phòng bên

cạnh đã thấp một cái đèn lồng. Tôi nghe một tiếng chuyển động nhẹ, và rồi lại chìm trong yên lặng, mặc dù cái mùi ấy càng lúc càng nồng hơn. Trong nửa tiếng đồng hồ, tôi ngồi đông tai chờ đợi. Đột nhiên một tiếng động khác vang lên, rất nhẹ nhàng, êm ả như âm thanh của một làn hơi đều đều thoát ra từ một ấm đun nước. Holmes chồm ra khỏi giường, đánh một cây diêm và dùng cây côn đánh loạn xạ vào dây chuông, hét lên:

- Thấy nó không, Watson? Anh thấy nó chứ?

Nhưng tôi chẳng thấy gì cả. Vào lúc Holmes đánh cây diêm, tôi nghe một tiếng huýt sáo nhẹ nhàng, rõ ràng, nhưng tia sáng lóe lên, xẹt vào đôi mắt mệt mỏi của tôi khiến tôi không thể nói là Holmes đã đánh vào cái gì. Tuy thế, tôi có thấy gương mặt anh nghiêm trọng.

Anh đã ngừng đánh và đắm đắm nhìn lên cái lỗ thông gió. Bỗng nhiên, một loạt tiếng rú khủng khiếp vang lên. Tiếng rú càng lúc càng lạnh lạnh hơn, rồi một tiếng kêu khàn khàn, đau đớn, pha lẫn sợ hãi và giận dữ. Nó khiến cho chúng tôi lạnh cả người. Tôi trở mắt nhìn Holmes, và anh cũng nhìn tôi cho đến khi những âm vang sau cùng tắt dần vào không gian lạnh lẽ.

- Thế này là thế nào? - Tôi thờ hào hển, hỏi.

- Mọi sự đã kết thúc. Cầm súng! Ta vào phòng lão.

Holmes thấp đèn và dẫn đường xuống hành lang, đập mạnh hai lần vào cửa phòng mà không có tiếng trả lời. Anh xoay quả nắm cửa và bước vào. Tôi theo bèn gót anh, khẩu súng gờm sẵn trong tay.

Trên bàn là một cái đèn lồng, lá chắn hé mở, chiếu ra một tia sáng rực rỡ lên cái tủ sắt mở hé. Bên cạnh bàn, trên chiếc ghế gỗ là bác sĩ Roylott. Ông ta mặc một bộ đồ ngủ màu xám, các mắt cá nhỏ ra bên dưới và hai bàn chân thọc vào đôi dép Thổ Nhĩ Kỳ. Ngang qua lòng ông là cái chuỗi ngắn với cái roi da dài. Cầm ông ngẩng lên và đôi mắt nhìn trần trần

vào một góc trần nhà, một cái nhìn lộ vẻ khiếp đảm. Xung quanh trán ông là một dải băng màu vàng kỳ dị, với những lốm đốm nâu, trông có vẻ như được buộc quanh đầu ông ta, ông ta không nhúc nhích hoặc gây một tiếng động nào.

- *Cái dải băng, cái dải băng lốm đốm!* - Holmes thì thầm.

Tôi bước về phía trước. Trong một khoảnh khắc, cái khăn đội đầu này bắt đầu động đậy, và ở đó, từ trong tóc ông ta, ngóc lên một cái đầu có hình dáng một viên kim cương, và cái cổ thở phù phù.

- Nó là một con rắn lục. Lão ta đã chết trong vòng mười giây sau khi bị cắn. Thật là, gây ông đập lưng ông. Bây giờ chúng ta hãy ném con vật này về hang của nó, sau đó sẽ đưa cô Hê-len đến tá túc một nơi khác, và thông báo cho cảnh sát hạt này biết những gì đã xảy ra.

Holmes vừa nói, vừa lẹ làng kéo cái roi da ra khỏi lòng của người chết, ném cái nút thông lọng xung quanh cổ con rắn, kéo nó xuống, ném nó vào trong tủ sắt rồi đóng cửa lại.

Đó là những sự kiện có thật về cái chết của bác sĩ Royslott, tại lâu đài Moran.

Thật là không cần thiết phải kéo dài câu chuyện đã quá dài, bằng cách kể thêm, là chúng tôi đã báo tin cho cô gái như thế nào, bằng cách nào chúng tôi đã đưa cô đến nhà di cô. Tôi cũng không muốn nói về cuộc điều tra chậm chạp của cảnh sát, đi tới cái kết luận là bác sĩ đã chết (trong khi bất cẩn chơi với con vật của ông ta) như thế nào. Một số điều còn lại, mà tôi được biết thêm về vụ án, là do Holmes kể lại cho tôi, khi chúng tôi trở về nhà ngày hôm sau.

- Thoạt tiên, tôi đã sai lầm. Sự có mặt của những người Gypsy, cách dùng từ "cái băng", cũng đủ khiến cho tôi hoàn toàn lạc đường. Tuy thế, tôi đã nhanh chóng xét lại quan điểm của mình khi thấy rõ ràng bất cứ sự nguy hiểm nào đe dọa người cư ngụ trong căn phòng ấy, cũng đều không thể đến từ

cửa sổ, hoặc từ cửa lớn được. Tôi nhanh chóng hướng về cái lỗ thông gió và về cái dây chuông treo phía trên cái giường. Khi biết nó là một cái chuông cầm và cái giường thì bị gắn chặt vào sàn, tôi càng thêm nghi ngờ, rằng cái dây thừng đặt ở đó, như một cái cầu gì đó, để đi qua cái khe hở và đến giường. Ý tưởng về một con rắn ngay lập tức hiện lên với tôi, và khi tôi nhớ lại rằng, ông bác sĩ có nuôi những con vật từ Ấn Độ. Ý tưởng dùng một loại chất độc mà không thể phát hiện bởi bất cứ cuộc trắc nghiệm hoá học nào, là ý tưởng mà chỉ có một con người thông minh, tàn nhẫn và có văn hoá phương Tây mới có được. Theo quan điểm của lão ta, một chất độc có tác dụng nhanh chóng là một điều tiện lợi. Quả thật, chỉ có một điều tra viên thật tinh mắt, may ra mới phát hiện được hai vết cắn nhỏ đen, cho thấy cái chỗ mà nọc độc đã cắn vào. Rồi tôi nghĩ đến tiếng huýt sáo. Dĩ nhiên ông ta phải gọi con rắn trở về, trước khi trời sáng, để nạn nhân không phát hiện ra nó. Có lẽ ông ta đã huấn luyện nó bằng thứ sữa mà chúng ta đã thấy. Ông ta sẽ đặt nó xuyên qua cái lỗ thông gió này, vào cái giờ mà ông ta nghĩ là tốt nhất, tin chắc là nó sẽ bò xuống sợi dây thừng và xuống giường. Nó có thể cắn, hoặc không cắn người nằm ở đó. Có thể là suốt một tuần lễ nó không cắn, nhưng sớm muộn gì rồi nó cũng cắn.

Tôi đã đi đến kết luận này trước khi tôi bước vào phòng ông ta. Việc xem xét cái ghế cho tôi thấy rằng, lão có thói quen đứng lên đó, dĩ nhiên là để với tới cái lỗ thông gió. Sự có mặt của *cái tủ sắt, đĩa sữa, và cái thùng lọng của roi da*, cũng đủ cho tôi xua đi những nghi ngờ còn sót lại. *Tiếng loảng xoảng kim loại mà cô gái nghe, rõ ràng là tiếng đóng cửa tủ sắt để nhốt con vật.* Khi nghe con vật kêu phù phù, tôi lập tức đánh diêm lên và tấn công nó.

- Và kết quả là con vật quay về phòng cũ xuyên qua cái lỗ thông gió.

- Và cũng đưa tới kết quả là bắt nó quay lại tấn công chính ông chủ nó. Một vài đòn của tôi đánh trúng đích đã khơi dậy bản năng hung dữ của nó, cho nên nó đã tấn công vào cái người đầu tiên mà nó thấy. Bằng cách này, tôi đã gián tiếp chịu trách nhiệm về cái chết của bác sĩ Roylott. Nhưng tôi thấy điều này chẳng hề đè nặng lên lương tâm tôi.

Ngón tay cái của người kỹ sư

Năm 1889, tôi cưới vợ và hành nghề bác sĩ tư tại nhà riêng.

Một buổi sáng mùa hè, lúc gần 7 giờ, chị giúp việc gõ cửa phòng, đánh thức tôi dậy: có hai người khách đang chờ tôi ở phòng khám bệnh. Tôi vội vã mặc đồ vào, phóng từng bốn bước một xuống dưới chân cầu thang thì vừa gặp một trưởng xa, đang bước ra khỏi phòng và cẩn thận đóng cửa lại.

- Tôi đã bắt được anh ta rồi!- Ông nói thì thầm, vừa đưa ngón tay cái lên chỉ vào phòng khám bệnh.

- Chuyện gì thế?

- Một thân chủ mới. Tôi đích thân đưa anh ta đến đây: Như thế, anh ta không thể nào bỏ đi đến chỗ khác được. Bây giờ tôi có chuyện. Xin từ giả bác sĩ.

Vừa nói xong, ông già "ủng hộ viên" đi ngay, nhanh đến độ tôi không kịp mở miệng nói lời cảm ơn.

Tôi bước vào phòng khám bệnh: một thanh niên khoảng 25 tuổi đang ngồi bên cạnh bàn giấy, nón đặt trên những quyển sách của tôi. Một bàn tay được quấn trong khăn tay. Tôi để ý thấy có những vết máu. Đó là một thanh niên có gương mặt cương nghị nhưng xanh xao, như thể anh ta đang ở trong một tình trạng xáo động và đang cố gắng chế ngự nó.

- Thưa bác sĩ, tôi rất tiếc đã quấy rầy bác sĩ lúc trời còn sớm. Đêm vừa qua, tôi bị tai nạn. Tôi đến ga Paddington bằng chuyến xe lửa buổi sáng. Tại đó một nhân viên tốt bụng đã

đưa tôi đến đây. Tôi có trao cho chị giúp việc tắm danh thiếp. Nó ở trên bàn.

Tôi cầm tấm danh thiếp lên: "*Victor Hatherley, kỹ sư thủy lực. 16A đường Victoria, lầu 3*".

- "Tôi rất tiếc đã để ông chờ đợi lâu",- tôi nói vừa ngồi xuống chiếc ghế đầu. "VẬY ông vừa đáp xe lửa đêm. Đi như vậy rất buồn tẻ".

- Ồ, đêm vừa qua không phải là một đêm buồn tẻ!- Anh ta cười đáp.

Tiếng cười vui vẻ nhưng hơi lớn, hơi quá lớn nữa là khác!... Anh ta ngã mình vào ghế bành, hai tay ôm lấy hai bên sườn: bản năng của người thầy thuốc cho tôi biết đây không phải là một tình trạng bình thường. Tôi liền la lớn lên:

- Hãy bình tĩnh!

Và tôi rót cho anh ta một ly nước.

Vô ích! Anh ta không còn tự chủ được nữa và rơi vào một cơn mê loạn. Tình trạng này thường xảy ra khi một cá tính mạnh mẽ phải đương đầu với một biến cố nghiêm trọng đang xảy ra hay vừa mới xảy ra. Tuy nhiên, chỉ trong chốc lát, anh ta tỉnh táo trở lại, vẻ mặt mệt mỏi và đôi má nóng ran vì cơn sốt.

- Tôi đã bị mất trí rồi,- Anh ta nói thì thào.

- Hãy uống thứ này!- Tôi vừa nói vừa rót thêm một cốc rượu vào ly nước.

- Tôi cảm thấy khoẻ hơn nhiều! Bây giờ, thưa bác sĩ, xin ông vui lòng săn sóc giùm bàn tay tôi.

Anh ta tháo chiếc khăn tay ra. Bốn ngón tay chìa về phía tôi, và bên cạnh chúng là một mặt phẳng nhầy nhụa, đỏ lờm và gớm ghiếc: nơi đó trước kia là một ngón tay cái, nay nó bị chặt đứt đến tận gốc.

- Ông bị mất nhiều máu?

- Vàng. Khi bị chặt, tôi ngắt xiêu. Khi tỉnh lại, bàn tay tôi
hãy còn chảy máu: tôi lấy khăn tay quấn chung quanh cổ tay,
siết nó thật chặt.

- Hay lắm! Đáng lẽ ông nên làm một y sĩ giải phẫu mới
phải.

- Đây là một vấn đề thủy lực? Một vấn đề mà tôi rất
rành.

- Ông bị đứt vì một dụng cụ rất nặng và rất bén.

- Một dụng cụ giống như là một con dao thái thịt vậy.

- Một tai nạn?

- Không!

- Sao? Vậy ông là nạn nhân của một hành động tội ác
à?

- Phải, một hành động tội ác.

- Thật là đáng ghê sợ!

Tôi bắt đầu rửa sạch vết thương và băng bó. Anh ta vẫn
bình tĩnh ngồi im, chỉ hơi nghiêng mình ra phía sau và thỉnh
thoảng cắn chặt môi.

- Bây giờ ông cảm thấy thế nào? - Tôi hỏi, sau khi băng
xong.

- Khỏe tuyệt vời! Tôi cảm thấy như đã bình phục. Trước
đó, tôi gần như bị kiệt sức vì câu chuyện đêm vừa qua.

- Tốt hơn đừng nhớ lại để thần kinh được êm dịu...

-Ồ không! Bây giờ tôi đã hoàn toàn khỏe rồi. Hơn nữa,
tôi sẽ phải kể cho cảnh sát biết. Nhưng nếu tôi không đưa ra
được bằng chứng, chắc là họ sẽ không tin tôi đâu. Thật là tức!

- Nếu ông muốn điều bí mật được đưa ra ánh sáng, ông
nên đến gặp ông Holmes, trước khi đến gặp cảnh sát.

- Tôi nghe tiếng ông ấy. Nếu được ông ấy giúp thì còn
gì bằng! Tuy nhiên, tôi cũng phải báo cho cảnh sát biết. Bác
sĩ có thể viết thư giới thiệu được không?

- Tôi sẽ đích thân đưa ông đến tận nhà ông ấy.
- Tôi đội ơn bác sĩ.
- Chúng ta sẽ thuê một chiếc xe ngựa và sẽ cùng ăn điểm tâm với ông ấy.
- Vâng. Tôi chỉ bình tĩnh sau khi kể lại câu chuyện cho ông ấy nghe.
- Chỉ giúp việc sẽ lo thuê xe ngựa. Xin ông chờ một chút.

Tôi trở lên phòng riêng và bằng vài câu vắn tắt, "báo cáo" cho vợ tôi biết sự việc. Không đầy năm phút sau, chúng tôi ra đi.

Đúng như tôi đã dự đoán, Sherlock đang thư thả trong phòng khách, tay cầm tờ Thời báo, miệng ngậm chiếc ống điếu. Anh tiếp chúng tôi với vẻ nhã nhặn thường lệ, gọi đem món mỡ lá và món trứng, và cả ba cùng ăn điểm tâm. Sau đó, Holmes mời ông khách trẻ đến ngồi ở chiếc ghế trang kỳ. Lấy một chiếc gối để cho ông ta tựa đầu vào và đặt một ly nước trái cây trước mặt ông ta.

- Xin ông cứ xem nơi đây như là nhà của ông. Ông cứ thoải mái kể lại cho chúng tôi nghe những gì ông có thể kể được. Khi nào mệt, ông cứ ngừng lại để nghỉ.

- "Cảm ơn ông", Vic-to đáp. "Tôi sẽ không làm ông mất quá nhiều thì giờ".

Holmes lặng lẽ ngồi vào chiếc ghế bành, vẻ mặt hiểu kỳ, háo hức. Tôi ngồi vào chiếc ghế đối diện với anh, và im lặng lắng nghe.

- Tôi độc thân, sống trong căn nhà thuê ở Luân Đôn. Hành nghề kỹ sư thủy lực. Cách đây 2 năm, cha tôi mất, để lại cho tôi một số tiền khá lớn. Tôi liền tách ra làm ăn riêng và thuê nguyên một căn phố thương mại ở đường Victoria.

Vạn sự khởi đầu nan. Tôi cũng không thoát khỏi cái thông lệ quái ác đó. Suốt 2 năm qua, chỉ có ba người đến nhờ tôi làm cố vấn về những vấn đề thủy lực. Mỗi ngày, từ 9 đến

16 giờ, tôi phải túc trực trong cái văn phòng nhỏ bé để chờ một thân chủ không bao giờ đến. Dần dà tôi rơi vào một tình trạng tuyệt vọng, nghĩ rằng sẽ chẳng bao giờ tự kiếm sống nổi.

Nhưng ngày hôm qua, giữa lúc tôi đang tính chuyện đóng cửa văn phòng để đi dạo mát, thì thư ký của tôi vào báo có một ông khách muốn gặp tôi về vấn đề làm ăn.

Ông khách có trao cho anh ta một tấm danh thiếp mang tên "Đại tá Lisander Stark". Tôi chưa kịp bước ra thì ông đại tá đã tiến vào. Đó là một người đàn ông trạc 40 tuổi, thân cao trên trung bình, nhưng rất gầy. Tuy nhiên, ông ta không có vẻ gì bệnh hoạn cả; đôi mắt rất sáng, bước đi vững chắc, ăn mặc giản dị nhưng đàng hoàng.

- "Ông Vic-to phải không?" ông ta nói tiếng Anh bằng một giọng Đức lơ lớ. "Thưa ông Vic-to, người ta nói rằng ông là một kỹ sư tài giỏi và đồng thời cũng là một người rất kín đáo."

Tôi nghiêng mình: một lời khen tặng như thế bao giờ cũng làm cho bất cứ ai phải hãnh diện. Và tôi hỏi ai đã nói với ông ta như vậy.

- Bây giờ tôi chưa nên cho ông biết người đó là ai! Nhưng người đó cũng nói rằng ông mờ côi và độc thân, và cư ngụ ở Luân Đôn.

- Tất cả những điều đó đều đúng. Nhưng xin ông thứ lỗi cho, chẳng phải ông đến đây là để hỏi về vấn đề nghề nghiệp sao?

- Dĩ nhiên rồi, chỉ xin ông phải kín đáo tuyệt đối. Ông hiểu ý tôi chứ? Một người độc thân dễ giữ được điều bí mật hơn một người có gia đình.

- Một khi tôi đã hứa với ông thì ông hãy hoàn toàn tin vào lời hứa đó.

Ông ta vừa nói chuyện vừa nhìn tôi chăm chăm với đôi mắt đầy vẻ nghi ngờ.

- Vậy là ông đã hứa?

- Phải.

- Ông sẽ im lặng tuyệt đối trong suốt thời gian làm việc và cả sau khi làm việc với chúng tôi?

- Tôi đã hứa rồi !

- Tốt lắm!

Bỗng ông ta đứng phắt dậy, chạy ngang qua căn phòng mở cửa ra: không có ai ở bên ngoài cả.

- “Tốt lắm!”. Ông ta nói, vừa trở lại ghế ngồi. “Kinh nghiệm cho biết rằng những người thư ký thường hay nghe ngóng công việc làm ăn của chủ họ. Bây giờ chúng ta có thể thảo luận với nhau”.

Ông ta kéo ghế đến sát gần bên tôi, và ánh mắt dò xét lại nhìn vào tôi dăm dăm.

Tôi bắt đầu cảm thấy nóng mũi: cung cách kỳ quái của anh chàng ốm nhách này làm tôi chán ngấy và lo ngại. Tôi không thể kiềm chế được nữa.

- Xin ông vui lòng nói rõ chi tiết của vụ làm ăn. Tôi không có thì giờ!

- Nếu tôi trả 50 đồng ghi-nê cho một đêm làm việc thì ông bằng lòng không?

- Bằng lòng.

- Tôi nói một đêm làm việc, nhưng đúng ra ông chỉ tốn chừng một tiếng đồng hồ thôi. Chúng tôi có một cái máy ép thủy lực bị hỏng. Chỉ cần ông xem xét nó và cho chúng tôi biết nó bị hỏng ở bộ phận nào và vì sao mà hỏng. Chúng tôi sẽ tự lo lấy việc sửa chữa.

- Tôi thấy số tiền khá cao so với công việc.

- Đúng vậy. Chúng tôi muốn ông đến tối nay bằng chuyến xe lửa cuối cùng.

- Đến đâu?

- Đến Eyford, thuộc quận Berkshire. Đó là một làng nhỏ tiếp giáp với quận Oxfordshire và cách Reading không đầy 10 cây số. Từ ga Paddington, chuyến xe lửa cuối cùng sẽ đưa ông đến đó vào khoảng 11 giờ 15 phút tối.

- Được.

- Tôi sẽ đến đón ông ở nhà ga bằng xe ngựa.

- À, vậy là còn phải đi thêm một đoạn đường nữa mới đến nơi sao?

- Phải. Nơi chúng tôi ở cách nhà ga Eyford khoảng một chục cây số.

- Như vậy chúng ta sẽ không thể nào đến nơi trước 12 giờ đêm được. Sẽ không còn chuyến xe lửa nào để tôi trở về Luân Đôn và như vậy tôi phải ngủ đêm lại ở đó sao?

- Phải. Chúng tôi sẽ cho ông một chiếc giường.

- Thật là phiền phức! Tôi không thể đến vào một giờ khác, tiện lợi hơn sao?

- Vì ông phải đến vào giờ đó, nên chúng tôi mới trả một số tiền cao như thế, nếu ông thấy không thích công việc, ông chỉ cần nói lên một tiếng.

Tôi nghĩ đến 50 ghi-nê, đến những gì tôi có thể làm được với số tiền đó.

- Tôi sung sướng được làm đúng theo ý ông. Tuy nhiên, tôi muốn biết rõ hơn về công việc mà tôi sẽ làm.

- Dĩ nhiên. Ông chắc chắn là không có ai nghe lén chúng ta chứ?

- Bảo đảm!

- Ông đã biết loại đất sét tẩy dạ¹ là một sản phẩm rất có giá, và ở Anh quốc chỉ có một vài vùng có loại đất sét này.

1. Một loại đất sét để tẩy những chất dơ bẩn ở ni, len, dạ hoặc drap trải giường. Người ta tẩm nó vào ni, đập cho mạnh; xong xả vào nước trong: những vết dơ biến mất.

- Tôi có nghe nói.

- Cách đây không lâu, tôi có mua một miếng đất rất nhỏ, cách Reading khoảng 12 cây số. Tôi may mắn phát hiện trong miếng đất của tôi có một lớp đất sét tấy da. Tuy nhiên, quan sát kỹ, tôi nhận thấy lớp đất sét này hơi mỏng, không có giá trị bao nhiêu so với những lớp đất sét của hai miếng đất ở hai bên. Chủ nhân của hai miếng đất này không biết rằng đất của họ là cả một mỏ vàng. Tôi phải mua bằng được hai miếng đất kia, trước khi chủ nhân của họ hiểu. Nhưng hiện nay tôi không đủ tiền. Tôi đem việc này bàn với vài người bạn, và họ khuyên tôi nên "lấy ngắn nuôi dài": khai thác trên đất mình, khi đủ tiền thì mua hai miếng đất kia. Chúng tôi liền bắt tay vào việc và sử dụng một cái máy ép thủy lực. Cái máy đó đang bị hỏng, do đó chúng tôi cần có ý kiến của một kỹ thuật gia. Nhưng nếu dân chúng trong vùng thấy chúng tôi đưa những kỹ sư thủy lực về, họ sẽ tò mò tìm hiểu. Và khi sự thật được phơi bày ra trước ánh sáng thì chúng tôi sẽ không mua được hai miếng đất kia. Bây giờ ông đã hiểu?

- Rất rõ. Chỉ còn một thắc mắc duy nhất: Nếu tôi không làm, loại đất sét này rất dễ lấy, không cần phải sử dụng đến máy ép thủy lực.

- Ấy là vì chúng tôi có một phương pháp riêng. Chúng tôi ép loại đất sét đó thành những viên gạch để không ai biết chúng được làm bằng chất gì. Bây giờ, thưa ông Vic-to, ông đã biết hết mọi công việc của chúng tôi, và hẳn ông đã thấy tôi rất tin cậy ông.

Nói xong, ông ta đứng lên và bảo rằng ông ta sẽ chờ tôi ở Eyford vào lúc 11 giờ 15 phút đêm.

Ông ta bắt tay tôi và đi ra.

Sau khi ông ta đi rồi, bình tâm suy xét, tôi gần như sửng sốt. Dĩ nhiên, số tiền rất to và vụ làm ăn này có lẽ sẽ đưa đến tiếp nhiều vụ khác nữa ... Nhưng ở một khía cạnh khác, những

cung cách kỳ quái của ông ta gây cho tôi một cảm giác khó chịu. Hơn thế nữa, tại sao tôi phải đến làm việc ban đêm và nhất là phải giữ bí mật tuyệt đối. Tuy nhiên tôi gạt bỏ mọi điều lo ngại, rồi đi dùng một bữa ăn tối rất ngon miệng, rồi đến nhà ga Paddington.

Tôi đến Reading vừa kịp giờ để lên chuyến xe lửa cuối cùng đi Exford, rồi sau đó đến cái ga nhỏ vào khoảng hơn 11 giờ. Tôi là người hành khách duy nhất xuống ga đó, sân ga không có một bóng người, ngoại trừ một nhân viên hỏa xa đang cầm một cái đèn lồng đưa qua đưa lại. Tuy nhiên, khi ra khỏi cửa nhà ga, tôi thấy ông khách đang đứng chờ tôi trong bóng tối. Không nói một lời, ông ta chụp lấy cánh tay tôi và đẩy nhanh vào một chiếc xe ngựa, rồi lập tức kéo cửa kính ở hai bên hông xe lên, lấy tay đập mạnh vào thùng xe, và chiếc xe ngựa lao đi trong đêm tối.

- Chỉ có một con ngựa thôi, phải không? - Holmes ngắt lời.

- Phải, chỉ có một con thôi.

- Ông có để ý đến màu lông của con ngựa đó không?

- Có, đó là một con ngựa hồng.

- Nó khỏe mạnh hay là mệt mỏi?

- Ồ, rất khỏe và bộ lông láng mượt!

- Cảm ơn. Xin lỗi đã ngắt ngang câu chuyện. Xin ông cứ tiếp tục!

- Xe ngựa chạy khoảng một tiếng đồng hồ. Đại tá Ly-san nói khoảng đường chỉ dài chừng một chục cây số, nhưng với tốc độ và thời gian chạy của chiếc xe, khoảng đường đó phải gấp đôi mới đúng. Ông ta ngồi bên cạnh tôi, không nói một lời nào, chỉ nhìn tôi với một vẻ chăm chú đặc biệt. Tôi cố gắng nhìn qua cửa kính để đoán xem mình đang đi đến đâu. Nhưng chẳng thấy được gì rõ rệt cả, tôi tìm cách gợi chuyện bằng vài câu hỏi băng quơ, nhưng ông ta chỉ đáp lại bằng những câu

nhất gừng và chúng tôi lại rơi vào im lặng. Sau cùng, chiếc xe chạy trên một lớp đá sỏi kêu rào rào, rồi ngừng lại. Đại tá xuống xe, tôi cũng xuống theo. Nhưng ông ta đã nhanh nhẹn kéo tôi qua một cái cổng được mở sẵn, khiến tôi không kịp nhìn xem mặt tiền của ngôi nhà như thế nào. Tôi vừa vượt qua khỏi ngưỡng cửa thì chiếc cổng đã đóng sầm lại. Xa xa vọng lại tiếng bánh xe ngựa mỗi lúc một nhỏ dần.

Ngôi nhà tối đen như mực. Viên đại tá mò mẫm trong túi tìm những cây diêm quẹt, miệng nói lầm bầm những tiếng mà tôi không hiểu được. Thình lình, ở đâu kia của dãy hành lang, một cánh cửa mở ra và một chùm tia sáng vàng hướng về phía chúng tôi và một thiếu phụ xuất hiện, tay cầm một cái đèn, gương mặt nghiêng về phía trước, đăm đăm nhìn về phía chúng tôi. Nàng thốt lên vài tiếng trong một ngôn ngữ xa lạ, như thể nàng đặt một câu hỏi, và khi viên đại tá đáp lại bằng một câu cục cằn, nàng giật nảy mình, suýt nữa làm rớt chiếc đèn xuống đất. Viên đại tá tiến đến bên cạnh nàng, nói nhỏ vài câu, rồi đẩy nàng trở vào căn phòng mà nàng vừa mới đi ra. Đoạn ông ta cầm lấy cây đèn, tiến về phía tôi.

- Xin ông vui lòng chờ ở đây một phút. - Ông ta bảo tôi, vừa mở một cánh cửa khác.

Đó là một căn phòng nhỏ bé yên tĩnh, đồ đạc rất đơn giản, một chiếc bàn tròn đặt ở giữa, một số sách bằng tiếng Đức nằm rải rác trên tấm thảm. Đại tá bảo tôi trước khi đi ra:

- Chỉ một phút thôi.

Tôi liếc mắt nhìn mấy quyển sách. Mặc dầu không biết tiếng Đức, tôi cũng hiểu có hai quyển nói về những vấn đề khoa học kỹ thuật, những quyển còn lại là những tập thơ. Tôi tiến về phía cửa sổ với ý định mở nó ra để nhìn một phần khung cảnh đồng quê. Nhưng cửa sổ đã bị đóng chặt và có một thanh sắt chắn ngang. Ngoại trừ những tiếng tích tắc đều đều và khàn khàn của một chiếc đồng hồ cũ kỹ ở ngoài hành lang,

tất cả đều im lặng. một sự im lặng rùng rợn. Tôi cảm thấy hoang mang và lo sợ. Những người Đức này là ai? Họ làm gì? Tại sao họ lại đến sống trong cái xó hẻo lánh này? Và đây là đâu? Tôi đang ở cách Eyford khoảng 20 cây số, nhưng về hướng nào? Tôi hoàn toàn mù tịt. Một điều chắc chắn là tôi đang ở ngay giữa đồng quê. Tôi đi tới đi lui trong căn phòng vừa cất tiếng hát nho nhỏ để lấy lại bình tĩnh, và tôi tự an ủi rằng mình sắp kiếm được 50 ghi-nê.

Thình lình, khi quay lưng lại, tôi thấy cánh cửa được mở ra lúc nào chẳng biết. Người thiếu phụ hiện ra ở khung cửa, hình bóng nàng nổi bật trên nền tối sẫm của dây hành lang. Ánh đèn soi sáng một gương mặt kiều diễm, đang sợ hãi tột độ. Tôi rùng mình. Nàng đưa ra một ngón tay run rẩy bảo tôi phải giữ im lặng, và nàng nói thì thầm vài câu bằng thứ tiếng Anh lơ lớ, vừa luôn luôn đảo mắt nhìn về phía sau, như sợ bị ai bắt gặp!

- Nếu tôi là ông thì tôi sẽ đi ngay! Ngay lập tức! Không ở lại đây một giây đồng hồ! Ở đây không có gì tốt đẹp cho ông đâu.

- Nhưng thưa bà, tôi không thể bỏ đi trước khi xem xét cái máy đó!

- “Ông không nên chần chừ!” Nàng nói, giọng khẩn thiết. “Lúc này ông cố thể ra đi mà không có ai ngăn cản ông hết”.

Khi thấy tôi mỉm cười lắc đầu, nàng càng tỏ vẻ bồn chồn lo lắng hơn: nàng tiến tới một bước, hai bàn tay xoắn vào nhau:

- “Tôi van ông!” Nàng nói thì thầm. “Ông nên đi khỏi đây liền ngay bây giờ, nếu không thì sẽ quá muộn đấy!”.

Nhưng bản tính của tôi vốn bướng bỉnh. Tôi nghĩ đến số tiền 50 ghi-nê, đến công trình lặn lội đến đây vào giữa giờ này... Nếu bỏ cuộc phải chịu mất hết. Và chẳng, ai có thể bảo đảm rằng người thiếu phụ kia hoàn toàn sáng suốt khi nàng nói những lời đó. Nàng toan nói nữa thì có tiếng một cánh cửa đóng sầm lại phía trên đầu chúng tôi và tiếng những bước

chân rầm rập đi xuống cầu thang. Nàng lẳng tai nghe ngóng, đưa hai cánh tay lên trời trong một cử chỉ tuyệt vọng và quay phát người bỏ đi, cũng lặng lẽ và đột ngột như khi nàng đến.

Chỉ một thoáng sau, đại tá Ly-san bước vào cùng với một người đàn ông béo lùn, chiếc cằm đôi có một chòm râu uốn quăn. Đại tá giới thiệu:

- Ông Phe-gu, thư ký và đồng thời cũng là người hùn vốn với tôi. Ô kia, tôi nhớ lúc này tôi đã đóng cái cửa này cơ mà.

- Chính tôi đã mở nó ra đây, bởi vì không khí trong phòng này ngột ngạt quá - Tôi đáp.

Ông ta ném cho tôi một cái nhìn đầy vẻ nghi ngờ:

- Có lẽ chúng ta nên kết thúc công việc này cho xong đi! Ông Phe-gu và tôi sẽ dẫn ông đi xem cái máy đó!

- Vậy để tôi đội nón bảo hộ lên cái đã...

- Ồ, không cần thiết, cái máy đó ở ngay trong nhà.

- Sao? Vậy là ông lấy đất sét tấy dạ ngay trong nhà ông sao?

- Không! Chúng tôi chỉ ép loại đất sét đó ở trong nhà. Nhưng điều đó không có gì quan trọng. Tất cả những gì chúng tôi yêu cầu ông, đó là xem xét cái máy và nói cho chúng tôi biết vì sao nó bị hỏng.

Chúng tôi đi lên lầu một: đại tá đi đầu, tay cầm đèn, kế đó là ông Phe-gu, tôi đi sau chót. Ngôi nhà này có những hành lang chằng chịt, những cầu thang chật hẹp hình xoáy tròn ốc, những cái cửa thấp bé, thềm cửa bị mòn. Không có thảm lót sàn và cũng không có đồ đạc gì cả. Những vách tường mang đầy những vết mốc meo. Tôi cố lấy vẻ bình thản, nhưng tôi không quên những lời cảnh cáo của thiếu phụ và luôn luôn đề phòng. Phe-gu có một vẻ buồn rầu ít nói, nhưng qua giọng nói của ông ta, tôi đoán ông ta không phải người Đức mà là người Anh.

Sau cùng, viên đại tá dừng lại trước một cái cửa thấp và mở nó ra. Trước mặt chúng tôi là một căn phòng vuông vức

nhỏ bé, không đủ chỗ để cho cả ba người cùng vào. Phe-gu đứng lại ở bên ngoài, viên đại tá đẩy tôi vào trong. Đại tá nói:

- Chúng ta đang ở bên trong của cái máy ép thủy lực, và nếu có kẻ nào chơi các cố làm cho máy chạy thì chúng ta có thể bị nát thịt tan xương đó. Cái trần của căn phòng này thật ra là cái mâm của một pít-tông từ trên đây xuống đến tận cái sàn nhà bằng kim loại. Ở bên ngoài có rất nhiều ống nước nhỏ tiếp nhận sức mạnh này, chuyển nó đi và làm cho nó gia tăng lên theo một phương pháp mà ông biết rồi. Thời gian gần đây máy chạy không tốt. Tôi muốn ông xem xét nó và chỉ cho chúng tôi cách sửa chữa.

Tôi cầm lấy cây đèn và xem xét cái máy ép thật kỹ lưỡng. Quả thật, đây là một cái máy khổng lồ, có khả năng tạo ra một sức ép ghê gớm! Sau khi quan sát toàn bộ, tôi ra phía bên ngoài đẩy thử những tay gạt kiểm soát, lắng tai nghe tiếng rít của máy, tôi biết ngay nó bị một lỗ xì hơi nhỏ. Quan sát tỉ mỉ hơn, tôi thấy một trong những sợi dây cao su viền quanh đầu một cần điều khiển đã bị thun lại, do đó không che kín được hết cái lỗ hổng. Và đó là nguyên nhân đã gây ra sự hao tán sức mạnh của máy. Tôi giải thích cho họ biết như vậy và chỉ cho họ cách sửa chữa. Xong, tôi trở lại phòng máy ngắm nhìn nó để thỏa mãn óc tò mò nghề nghiệp của mình. Tôi thấy ngay câu chuyện đất sét tấy dạ chỉ là một sự bịa đặt, không ai sử dụng một cái máy có một sức mạnh như vậy để lấy đất sét tấy dạ. Vách phòng làm bằng ván, nhưng sàn được làm như một đáy chậu bằng kim loại; nhìn gần hơn, tôi thấy trên sàn còn sót lại một lớp cặn kim loại. Tôi bèn quỳ xuống để nhìn cho rõ hơn đó là thứ kim loại nào. Bỗng gương mặt ồm như cái thầy ma của viên đại tá đang cúi xuống phía tôi:

- Ông đang làm cái gì vậy?

Tôi cảm thấy cơn tức giận nổi lên: ông ta đã lừa dối tôi, xem tôi như một kẻ ngốc nghếch. Và tôi xẵng giọng đáp:

- Tôi xem thứ đất sét tấy dạ. Nhưng nếu ông cho tôi biết mục đích thật sự của công việc ông đang làm, thì tôi có thể hướng dẫn ông sử dụng cái máy này một cách hữu hiệu hơn...

Chưa nói hết câu, tôi đã hối hận ngay vì cái giọng gay gắt của mình. Gương mặt của ông ta liền đanh rắn lại, và một tia sáng hung ác lóe lên trong đôi mắt xám của ông ta.

- "Tốt lắm!", ông ta lầm bầm. "Ông sẽ được biết hết tất cả về cái máy này".

Ông ta thụt lùi nhanh ra ngoài, đóng sầm cửa và khóa lại. Tôi lao mình tới cánh cửa, cố gắng đẩy cái chốt ra, nhưng vô ích: nó quá chắc. Tôi liền hét lên:

- Này! Đại tá, hãy mở cửa cho tôi đi ra! Tôi muốn đi ra!

Chỉ có sự im lặng đáp lại. Rồi từ trong cái im lặng đó nổi lên một tiếng động làm tôi lạnh toát cả người: tiếng chuyển động kèn kẹt của những tay gạt điều khiển máy và tiếng rit của ống xi-lanh bị xi hơi. *Chiếc máy đã chạy!*

Nhờ ánh sáng của chiếc đèn mà lúc nãy, khi ngồi quan sát đáy chậu, tôi đã đặt nó trên mặt đất, *tôi trông thấy cái mâm đen sì của pít-tông bắt đầu đi xuống, chậm chạp, cà giạt*, nhưng với một sức mạnh đủ nghiền nát tôi trong vòng không đầy một phút. Tôi hét lớn, cố sức đưa hai tay bám sát vào cửa. Tôi năn nỉ viên đại tá để cho tôi ra, nhưng những tiếng kêu tuyệt vọng của tôi bị tiếng kèn kẹt của những tay gạt át hẳn đi. Lúc bấy giờ *cái mâm pít-tông đã hạ xuống, chỉ còn cách đầu tôi khoảng 30 phân*: đưa bàn tay lên, tôi có thể sờ được cái diện tích sần sùi của nó... Một ý nghĩ nảy ra trong đầu tôi: đành là phải chết rồi, nhưng phải chết sao cho đừng bị quá nhiều đau đớn, và mức độ đau đớn tùy thuộc vào vị thế của tôi lúc bị nghiền. Nếu tôi nằm sấp xuống, cái mâm sẽ nghiền nát cột sống tôi, và tôi rùng mình tưởng tượng ra tiếng kêu rắc rắc của xương cốt bị gãy vụn. Nếu nằm ngửa thì có lẽ dễ hơn... nhưng với điều kiện dây thần kinh của tôi chịu đựng nổi cảnh tượng cái mâm đang từ từ hạ xuống. *Lúc này cái*

mâm đã xuống khá thấp, tôi không thể đứng thẳng được nữa mà phải khom người xuống ... Bỗng tôi thoáng thấy một tia hy vọng.

Số là đây chậu và cái mâm thì bằng sắt, nhưng vách phòng thì bằng ván... Trong khi đảo mắt nhìn quanh một lần chót, tôi bỗng thấy một đường ánh sáng mỏng màu vàng giữa hai phiến ván. Đường ánh sáng đó càng lúc càng rộng lớn, và sau cùng một tấm panô nhỏ được mở bật ra phía sau. Trong một giây, tôi không thể tin rằng có một cái cửa được mở ra để cứu thoát tôi. Nhưng do bản năng sinh tồn thúc đẩy, tôi liều mạng lao mình qua cái lỗ hổng vừa mới được mở ra đó. Và tôi rơi xuống đất, gần như bất tỉnh, ở phía bên ngoài phòng máy. Tấm panô liền đóng lại ngay ở phía sau tôi, và tiếng vỡ của cái đèn, tiếp theo đó chỉ trong hai hay ba giây sau là tiếng va chạm dữ dội của hai mặt phẳng kim loại, cho biết tôi vừa mới thoát chết, chỉ trong đường tơ kẽ tóc.

Tôi tỉnh hẳn dậy khi cảm thấy có người nắm cổ tay kéo thật mạnh và thật gấp rút. Mở mắt ra, tôi thấy mình đang nằm trên nền một hành lang chật hẹp: một thiếu phụ đang nghiêng mình xuống người tôi, một tay cầm đèn cầy, một tay kéo tôi dậy.

- "Nào! Đi nhanh lên!". Nàng kêu lên bằng một giọng hỗn hển. "Bọn chúng sẽ tới đây sau khi biết ông không bị nghiên nát ... Nhanh lên! Đi!"

Tôi liền đứng dậy, chạy theo nàng đến đầu hành lang, rồi chạy tuốt xuống một cầu thang hình xoáy tròn ốc. Xuống đến chân cầu thang, chúng tôi chạy vào một hành lang rộng lớn hơn. Vừa lúc đó, có tiếng bước chân chạy rầm rập và tiếng la lớn của hai người đàn ông ở lầu trên, nơi chúng tôi vừa rời khỏi. Người thiếu phụ đứng khựng lại, gương mặt đầy vẻ bối rối. Sau cùng nàng đẩy cánh cửa: đó là một căn phòng ngủ có chiếc cửa sổ mở rộng. Nàng thúc hối:

- Đó là hy vọng cuối cùng của ông! Nhảy xuống đi!

Vừa lúc ấy, ánh sáng lóe lên ở đầu hành lang, đại tá chạy nhanh về phía tôi, một tay cầm đèn lồng, tay kia cầm một con dao thái thịt. Tôi phóng vào trong phòng, chạy đến bên cửa sổ, nhìn ra ngoài... Tôi leo lên bờ cửa sổ, nhưng chưa nhảy: Nếu hấn hành hung nằng, tôi quyết liều mạng với hấn! Hấn đã vào phòng và đẩy nằng sang một bên để rượt theo tôi... Nằng ôm ngang lưng hấn, và la lớn bằng tiếng Anh:

- Anh đã thề sẽ không hành động như vậy nữa! Ồ, anh hãy yên tâm, ông ta sẽ giữ im lặng. Ông ta không tiết lộ chuyện này cho ai biết đâu!

- "Cò điên rồi hả!" Đại tá gầm lên, vừa tìm cách gỡ vòng tay của nằng ra. "Bộ cò muốn chúng ta bị hại sao? Hấn đã thấy và đã biết quá nhiều!" Nói xong, hấn xô mạnh nằng sang một bên và lao mình về phía cửa sổ.

Lúc ấy, thân mình tôi đã tòn ten ở bên ngoài, hai tay bám vào cửa sổ. Hấn vung dao lên chém thật mạnh. Tôi cảm thấy đau điếng cả người, tôi buông tay ra và rơi xuống khu vườn.

Mặc dầu toàn thân bị ề ẩm dử dội, tôi cố gượng đứng dậy và chạy băng qua các bụi rậm của khu vườn, càng nhanh càng tốt. Đang chạy tôi bỗng cảm thấy mệt mỏi ghê gớm và đầu óc quay cuồng. Tôi thấy ngón tay cái đã bị tiện đứt. Tôi muốn lấy khăn tay ra buộc chặt chỗ bị thương, nhưng hai tai tôi ù lên và tôi ngã xuống giữa mấy bụi hoa hồng.

Khi tôi tỉnh dậy, trời đã sáng. Quần áo tôi ướt đầm sương đêm và cánh tay áo nhuộm đầy máu.

Một cơn đau nhói nhắc tôi nhớ lại những chuyện xảy ra, và tôi lồm cồm đứng dậy, tin chắc không có hy vọng gì thoát khỏi tên ác ôn kia. Nhưng tôi không thấy khu vườn và cũng không thấy ngôi nhà ở đâu cả. Tôi đang đứng bên góc một hàng rào, gần kề một con đường lớn. Xa hơn chút nữa là một dãy nhà dài: tiến đến gần hơn, tôi nhận ra đó chính là cái nhà

ga mà tôi đã xuống hồi tối qua. Tôi đến nhà ga hỏi thăm giờ của chuyến xe lửa đầu tiên.

- Trong nửa giờ nữa, sẽ có một chuyến xe đi Reading. - Người nhân viên trả lời tôi, cũng chính là người nhân viên mà tôi đã thấy đêm qua.

- Ông có biết đại tá Ly-san không?

- Không.

- Đêm qua ông có trông thấy một chiếc xe ngựa đậu chờ ngoài sân ga không?

- Không.

- Có một đôn cảnh sát nào ở trong vùng này không?

- Có, cách đây 5 cây số.

Tôi quá kiệt sức, không thể đi bộ đến đó được, bèn lên xe lửa trở về Luân Đôn. Khi tôi xuống ga Padding thi đã hơn 6 giờ rưỡi. Trước hết, tôi tìm đến bác sĩ để băng bó vết thương, sau đó bác sĩ đưa tôi đến đây gặp ông.

Sherlock Holmes đưa tay lên kệ sách lấy xuống một quyển tập lớn trong đó anh cất giữ những cột báo do anh cắt ra, nói:

- Đây là một tin ngắn sẽ làm cho các bạn phải chú ý đến. Nó đã được đăng trên các nhật báo cách đây gần một năm. Các bạn hãy nghe tôi đọc:

"Ông Feremiah Hayling, 28 tuổi, kỹ sư thủy lực, mất tích từ ngày 9 tháng này. Ông rời nhà lúc 10 giờ tối hôm đó, cho đến nay vẫn không thấy trở về. Hình dạng của ông như sau... Ha! Ha!" Sherlock Holmes reo lên "tin rao vặt này cho chúng ta biết đích xác lần cuối cùng viên đại tá cần điều chỉnh cái máy ép của hắn là vào lúc nào!".

- "Chúa ơi!" tôi kêu lên. "Và điều này cũng giải thích những lời người thiếu phụ đã nói với viên đại tá đêm vừa qua?"

- Hoàn toàn đúng. Chắc chắn viên đại tá này là một con người tàn nhẫn, cương quyết diệt trừ bất cứ kẻ nào biết rõ

hành động ám muội của hắn: những tên cướp biển không bao giờ để cho kẻ nào còn sống sót trên chiếc tàu mà chúng bắt được ... Tốt lắm! Điều thứ nhất cần phải làm: chúng ta hãy cùng nhau đến ngay sở trinh thám Scotland Yard. Và điều thứ nhì: chúng ta sẽ đến thăm Eyford. - Holmes nói.

Khoảng ba giờ sau, tất cả 5 người chúng tôi, gồm có Sherlock Holmes, viên kỹ sư thủy lục, thanh tra Brét, một cảnh sát mặc thường phục và tôi, đều ngồi trên chuyến xe lửa đi từ Reading đến làng Berkshire. Brét trải ra một bản đồ vùng này: với một chiếc compa, ông ta kẻ một vòng tròn, lấy làng Eyford làm tâm điểm. Ông ta giải thích:

- Đây này! Vòng tròn có đường bán kính 20 cây số. Như thế, địa điểm mà chúng ta muốn tìm, chắc chắn phải ở một nơi nào đó nằm trong cái vòng tròn này. Thưa ông kỹ sư, phải chăng ông có nói đến một khoảng cách chừng 20 cây số?

- Tôi độ chừng đó là khoảng cách của một chiếc xe ngựa chạy trong một tiếng đồng hồ với tốc lực nhanh.

- Và ông nghĩ rằng chúng đã đưa ông trở lại gần nhà ga trong khi ông bất tỉnh?

- Có lẽ họ đã làm như thế. Lúc ấy tôi có cảm giác mơ hồ được nhắc lên và mang đi đến một nơi nào đó.

- Tôi không thể nào hiểu nổi vì sao chúng lại tha chết cho ông, khi chúng tìm thấy ông đang bất tỉnh trong khu vườn. Chắc là những tên hung ác này đã xiêu lòng nghe theo những lời van xin của người thiếu phụ. - Tôi nói.

- Điều này thật khó tin lắm. Chưa bao giờ tôi trông thấy một gương mặt nào tàn ác hơn gương mặt của viên đại tá đó.

- Kỹ sư nói.

- Ô, chúng ta sẽ làm sáng tỏ điều này sau. Bây giờ cái vòng tròn của tôi đã vẽ rồi, tôi muốn các ông cho tôi biết ý kiến trong số những điểm này, điểm nào là nơi mà chúng ta sẽ tóm được bọn chúng".

- Tôi có thể chỉ ngay điểm đó, - Holmes nói bằng một giọng rất thản nhiên.

- "Tốt"! Viên thanh tra kêu lên. "Vậy là ông đã có sẵn ý kiến riêng của ông rồi? Còn tôi, tôi cá đó là *hướng Nam*, bởi vì vùng đất ở hướng đó hoang vắng hơn".

- "Còn tôi", viên kỹ sư thủy lực lên tiếng, "tôi cá đó là *hướng Đông*".

- "*Tôi cá hướng Tây*", người cảnh sát mặc thường phục hăng hái góp ý kiến. "Ở đó có vài ngôi làng nhỏ rất yên tĩnh...!"

- "*Tôi chọn hướng Bắc*". Đó là vùng không có những thế đất cao: ông bạn kỹ sư của chúng ta có nói không bao giờ thấy chiếc xe ngựa leo lên một đường dốc nào cả. - Tôi nói.

- "Tốt lắm!" Viên thanh tra cười nói. "Đây là một sự khác biệt ý kiến rất ngộ nghĩnh. Ông Holmes, theo ông thì ý kiến của người nào đúng?"

- Tất cả bốn người đều sai hết.

- Sao? Không thể có chuyện bốn người đều sai cả!

- "Ồ, có chứ! *Điểm mà tôi chọn nằm ở đây...*" Anh đặt ngón tay ở ngay tâm điểm của vòng tròn và nói tiếp: "*Đây là nơi mà chúng ta sẽ gặp chúng!*"

- Nhưng ông quên khoảng đường 20 cây số mà chiếc xe ngựa đã chạy? - Viên kỹ sư hỏi.

- *Mười cây số chạy tới trước và mười cây số quay đầu chạy trở lại.* Không có gì giản dị hơn. Chính ông có nói rằng con ngựa rất khoẻ mạnh, bộ lông láng mượt không có một giọt mồ hôi, khi ông leo lên xe. Làm sao nó có thể được như thế khi phải chạy 20 cây số trên những con đường xấu?

- "Quả thật đó là một mảnh lời mà bọn gian thương hay sử dụng". Thanh tra Bret nhìn nhận với một vẻ trầm tư. "Đầu sao, chúng ta không còn nghi ngờ gì nữa về công việc làm ăn của cái *băng* này".

- Không còn nghi ngờ gì nữa! Đó là những tên làm bạc giả. Chúng sử dụng máy ép thủy lực để chế tạo một thứ hợp kim giống như bạc. - Holmes nói.

- "Từ ít lâu nay, chúng tôi đã được báo có một băng nhóm chuyên làm ăn bằng cái nghề này", viên thanh tra nói. "Chúng đã làm ra hàng ngàn đồng nửa couronne. Chúng tôi đã theo dõi bọn chúng nhưng đến Reading thì mất dấu. Bây giờ, nhờ dịp may này, tôi có cảm giác chúng ta sẽ tóm được chúng".

Khi đến Eyford, chúng tôi thấy một cụm khói khổng lồ bốc lên cuồn cuộn đằng sau một rặng cây.

- Có phải đó là một ngôi nhà bị cháy không? - Thanh tra Brét hỏi.

- Thưa ông, phải. - Người trưởng ga đáp.

- Con hỏa hoạn đã xảy ra vào lúc nào?

- Vào lúc sáng. Nhưng nó đã lan rất nhanh, và bây giờ tất cả ngôi nhà đang cháy dữ dội.

- Ngôi nhà đó là của ai?

- Của bác sĩ Bê-sê.

- Bác sĩ Bê-sê có phải là một người Đức, thân hình rất gầy ốm với một chiếc mũi dài và nhọn không? - Viên thanh tra hỏi.

Người trưởng ga cười phá lên:

- Không, thưa ông! Bác sĩ Bê-sê là người Anh. Nhưng ông có một người bệnh sống trong nhà ông, dường như là một người ngoại quốc, rất gầy ốm.

Chúng tôi chạy về phía ngôi nhà bị cháy. Con đường leo lên một ngọn đồi nhỏ. Trước mặt chúng tôi là một ngôi nhà lớn và dài đang khạc lửa ra từ mỗi cửa sổ, mỗi kẽ hở. Trong khu vườn, ba chiếc vòi rồng đang cố gắng dập tắt ngọn lửa.

- "Đúng là ở đây rồi!" Vic-to kêu lên bằng một giọng kích động tột độ. "Đây là lối đi lát sỏi ... Và kia là những cây hoa

hồng nơi tôi đã ngã xuống bất tỉnh. Còn kia là chiếc cửa sổ từ đó tôi đã nhảy xuống khu vườn”.

- Ít nhất ông cũng đã trả được mối thù bị chặt đứt ngón tay cái! Không còn nghi ngờ gì nữa, chính cây đèn dầu của ông, khi bị chiếc máy ép nghiền nát, đã bắt lửa sang những vách ván của phòng máy. Và bọn chúng, vì mãi lo rượt bắt ông, đã không kịp đề phòng việc này. Dầu sao, ông hãy nhìn thử trong đám đông này: có thể ông sẽ nhận ra được một trong những tên cướp của ông đêm vừa qua. Nhưng chắc là bọn chúng đã cao chạy xa bay rồi, than ôi! - Holmes nói.

Những điều lo sợ của Holmes đã thành sự thật: sáng sớm hôm đó, một nông dân đã trông thấy một chiếc xe ngựa chạy thật nhanh về hướng Reading, trên xe có nhiều người ngồi và nhiều chiếc rương thật lớn. Và kể từ hôm đó cho đến bây giờ, chúng tôi không được biết tin tức gì cả về những kẻ đã trốn chạy: người thiếu phụ, viên đại tá Đức và người đàn ông Anh!

Những người cứu hỏa rất ngạc nhiên khi thấy cách bố trí kỳ lạ bên trong ngôi nhà. Nhưng họ càng ngạc nhiên hơn nữa khi gặp một ngón tay cái, hãy còn mới, nằm trên bờ một cửa sổ. Vào khoảng chiều, họ dập tắt được ngọn lửa, nhưng mái nhà đổ sụp xuống, và trong ngôi nhà hoang tàn, người ta chỉ tìm thấy một số lớn niken và thiếc còn sót lại ở một căn nhà phụ, ngoài ra, không thấy một đồng tiền giả nào. Thì ra bọn cướp, trong khi trốn chạy, đã mang theo hết những đồng tiền giả của chúng trong những rương lớn.

Về việc người kỹ sư được đưa từ khu vườn đến nơi mà ông ta tỉnh lại, bí mật sẽ vẫn còn nguyên nếu mặt đất ẩm ướt không lên tiếng: quan sát những dấu chân trên mặt đất, chúng tôi biết có hai người đã khiêng Vic-to đi, một người có những bàn chân rất nhỏ, và người kia có những bàn chân rất lớn. Do đó, chúng tôi kết luận rằng người đàn ông Anh đã giúp nàng đưa người kỹ sư ra khỏi vùng nguy hiểm.

- “Này các bạn”, người kỹ sư nói với chúng tôi trong khi cả bọn đang lấy vé xe lửa trở về Luân Đôn, “tôi sẽ nhớ mãi cái vụ này đến suốt đời! Nó đã làm tôi mất một ngón tay cái và 50 đồng ghi-nê. Và đổi lại tôi được những gì?”

- “Được kinh nghiệm!”. Holmes cười đáp. “Có lẽ đó là chuyện Tái ông thất mã. Vậy ông hãy viết lại câu chuyện của ông đi: nó sẽ làm cho ông nổi danh đó!”.

Chàng quý tộc độc thân

Câu chuyện xảy ra trước ngày cưới của tôi vài tuần, vào những ngày tôi còn ở chung với Holmes tại phố Baker. Một hôm, sau lần đi dạo buổi chiều trở về nhà, anh thấy một lá thư trên bàn. Hôm ấy tôi ở lì trong phòng suốt ngày vì trời bỗng đổ mưa đột ngột với những cơn gió lớn. Ngồi thu mình trong ghế bành, với đồng nhật báo vây quanh, tôi đọc miết tờ này sang tờ khác. Đọc mãi cũng chán, tôi bèn ném chúng sang một bên và nằm ườn ra, quan sát cái phong bì nằm trên bàn, và tự hỏi không biết người đàn ông quý tộc gửi thư cho Holmes là ai?

- “Đây là một lá thư đúng điệu”, tôi nhận xét khi anh bước vào phòng. “Những lá thư buổi sáng của anh thường là của một người bán cá hay một nhân viên thuế quan”.

- Vâng, thư từ giao dịch của tôi rất là đa dạng và lá thư nào có vẻ khiêm nhường hơn, thường là thú vị hơn. Lá thư này coi bộ là một lá thư mời xã giao mà mình không mong đợi, đi dự thì cũng khổ mà không đi cũng khổ.

Anh xé thư và nhìn vào tờ giấy.

- Ồ, coi vậy nó cũng hứa hẹn một vụ hấp dẫn đấy.

- Không phải thư mời xã giao chứ?

- Thuần túy nghề nghiệp.

- Của một thân chủ quý tộc?

- Một trong những nhà quý tộc được trọng vọng tại nước

Anh.

- Tôi mừng cho anh đấy.

- Watson ạ, cái địa vị của ông ta không làm cho tôi quan tâm bằng cái sự việc của ông ta. Gần đây anh chịu khó đọc báo lắm, đúng không?

- Hình như thế, tôi chẳng có việc gì để làm cả.

- Tôi chỉ đọc những tin tức hình sự và mục rao vặt. Mục sau thì luôn luôn hữu ích. Nhưng nếu anh theo dõi sát những biến cố gần đây, hẳn là anh đã đọc các bài viết về ngài Simon và đám cưới của ông ta?

- Vâng, với sự quan tâm sâu sắc!

- Tốt. Lá thư này là của ngài Simon. Tôi sẽ đọc cho anh nghe; và đổi lại, anh phải lật những tờ báo đó và cho tôi biết những gì có liên quan đến vụ này.

Ông Sherlock Holmes thân mến,

Huân tước Bắc-va bảo tôi rằng, tôi có thể tin cậy vào sự xét đoán, sự kín đáo và sự tế nhị của ông. Bởi vậy, tôi đã quyết tâm thỉnh ý ông về biến cố đau lòng có dính líu đến hôn lễ của tôi. Ông Lê-tra đang bắt tay vào vấn đề này, nhưng ông ta nói ông ta không phản đối gì, nếu có sự cộng tác của ông. Tôi sẽ đến chỗ ông vào bốn giờ chiều; nếu ông có một cái hẹn nào vào thời điểm ấy, mong ông hãy hoãn lại, vì đây là một vấn đề vô cùng quan trọng.

*Kính chào ông
Robert St. Simon*

• Thư được viết từ lâu đài Grosvenor, bằng bút lông ngỗng, và nhà quý tộc đã không may bị dấy một tí mực ở phía ngoài nơi ngón tay phải nhỏ bé của ông ta. - Holmes nhận xét, khi anh xếp thư lại.

- Ông ta hẹn bốn giờ chiều, mà bây giờ đã ba giờ. Chỉ một tiếng đồng hồ nữa, ông ta sẽ đến đây.

- Vậy thì, tôi còn một chút thời giờ để nắm một số sự kiện về vụ này. Nhờ anh gỡ những tờ báo ấy ra và sắp xếp những mẩu tin theo thứ tự thời gian; trong khi đó, tôi sẽ nhìn xem thân chủ của chúng ta là ai.

Anh nhắc ra một quyển sách có bìa đỏ từ một dây sách tham khảo bên cạnh lò sưởi.

- "Dây rồi" anh nói, ngồi xuống và đặt sách trên đầu gối. "*Robert St. Simon con trai thứ hai của Quận công Ban-mo - Hừm! Sinh năm 1846, bốn mươi bốn tuổi. Đã giữ chức Thứ trưởng tại thuộc địa trong chính quyền cũ. Vị Quận công, Ban-mo, đã từng là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao... Hừ! Chẳng có gì bổ ích lắm ở đây. Anh Watson, chắc là tôi phải quay sang anh, để tìm thấy một cái gì vững chãi hơn. Hãy cho tôi những tin tức mà anh đã chọn từ trong các tờ báo*".

- Đây là mẩu tin đầu tiên. Nó nằm trong mục "việc riêng" của tờ Bưu điện Buổi sáng, phát hành cách đây vài tuần.

"*Một cuộc hôn nhân đã được sắp xếp, và sẽ - nếu lời đồn đại là đúng sự thật - được cử hành rất chóng giữa ngài Robert St. Simon, con trai thứ hai của Quận công Ban-mo và cô Đô-ran con gái độc nhất của ông A-lợi, thành phố San Francisco, tiểu bang California, nước Mỹ*".

- Rất xúc tích và đi thẳng vào vấn đề. - Holmes nhận xét, duỗi đôi chân khăng khiu về phía lò sưởi.

- Có một đoạn nói rõ hơn về chuyện này trên một tờ báo của tầng lớp thượng lưu:

"*Chẳng bao lâu nữa sẽ phải hú lên một hồi còi báo động trên thị trường hôn nhân, bởi vì sự tự do kinh doanh hiện nay cho thấy "hàng nội hóa" của chúng ta đã thua kém nặng nề. Dần dần, sự quản lý của các dòng họ quý tộc của nước Anh đang chuyển vào tay "những cô em họ" chúng ta ở bên kia bờ Đại Tây Dương. Trong tuần qua, một dấu cộng quan trọng vừa mới được thêm vào danh sách những "báu vật" vừa mới bị mang đi bởi "những kẻ xâm lăng xinh đẹp" này. Ngài Simon, người mà hơn 20 năm qua đã chứng tỏ là ở ngoài tầm cây cung*

của vị thần Cupidon¹ bé nhỏ, bây giờ đã báo tin ông ta sắp kết hôn với cô Đô-răn, con gái của nhà tỉ phú bang California. Cửa hôn môn của cô ta lên tới hàng tỉ đô la, và trong tương lai còn hứa hẹn nhiều hơn nữa. Bởi vì, trong những năm vừa qua, Quận công Ban-mo đã phải bán đi những bức tranh của ông; bởi vì ngài Simon không có tài sản riêng nào, ngoại trừ một ít bất động sản.

- Có gì khác nữa không? - Holmes hỏi.

- Vâng, còn nhiều. Có một đoạn ngắn trên tờ Bưu điện nói rằng đây sẽ là một cuộc hôn nhân tuyệt đối lãng lẽ, sẽ được cử hành tại nhà thờ Saint-George, quảng trường Hanover, chỉ có dăm bảy bạn hữu thân tình được mời; và rồi họ sẽ trở về biệt thự Lancaster Gate. Hai ngày sau đó, có một lời báo tin vắn tắt, rằng hôn lễ đã cử hành và rằng tuần trăng mật sẽ được trải qua tại nhà của huân tước Bắc-va, gần Petersfield. Đây là những tin vắn tắt xuất hiện trước khi cô dâu biến mất.

- Trước cái gì? - Holmes hỏi, giật mình.

- Cô dâu mất tích.

- Cô ta biến mất từ bao giờ?

- Tại buổi điếm tâm trong ngày cưới.

- Quả thật, nó hấp dẫn hơn ta tưởng. Đúng y như kịch.

- Vâng, nó có vẻ hơi khác thường.

- Hãy cho tôi biết những chi tiết.

- Những chi tiết ấy rất thiếu sót.

- Có lẽ thế. Nhưng chúng ta có thể làm cho chúng bớt thiếu sót hơn.

- Có một bài trên một tờ báo buổi sáng, ra ngày hôm qua. Đề mục: "BIẾN CỐ ĐỘC ĐÁO TẠI MỘT ĐÁM CƯỚI THỜI THUỞNG".

1. Trong thần thoại Hy Lạp, Cupidon là Thần tình yêu.

Gia đình ngài Simon đã sững sốt trước những diễn biến liên quan đến đám cưới của ông ta.

Hôn lễ được cử hành tại nhà thờ Saint George, quảng trường Hanover, rất lặng lẽ. Không có ai tham dự ngoài bố của cô dâu; bố mẹ chú rể là ngài huân tước Bắc-va và phu nhân; em trai và em gái chú rể. Sau đó, đoàn người dự lễ đến nhà ông Đô-ran để dự bữa tiệc điểm tâm. Dường như có một người đàn bà đến quý rồi. Bà ta cố ra sức xô đẩy vào nhà, phân bua rằng bà cần nói chuyện với chú rể. Giằng co một hồi lâu, người quản gia và người hầu mới tổng khởi được bà ta. May mắn thay, trước đó cô dâu đã vào nhà, và đã ngồi dùng điểm tâm với mọi người khác. Nhưng bỗng nhiên cô dâu nói rằng cô thấy khó ở và lui về phòng mình. Lâu quá không thấy cô ra, mọi người bắt đầu bàn tán. Cha cô vội vàng đi tìm và được người tớ gái cho biết cô vừa mới lên phòng, thì liền chộp lấy áo choàng và mũ bon-nê, rồi vội vã xuống cầu thang. Một trong những người hầu nói rằng, ông ta đã thấy một người phụ nữ từ trong nhà đi ra, ăn mặc y như thế. Nhưng ông ta lại không dám chắc chắn đó là cô chủ, vì tin rằng cô đang dùng bữa với mọi người. Khi chắc chắn rằng con gái mình đã biến mất, ông Đô-ran cùng với chú rể đi báo với cảnh sát; các cuộc điều tra ráo riết tiến hành. Tuy vậy, cho đến gần hết đêm qua vẫn chưa tìm ra dấu vết của cô dâu. Có tin đồn về chuyện phá đám trong vụ này. Người ta nói, cảnh sát đã bắt giữ người đàn bà gây rối, vì họ tin rằng do ghen tuông hoặc do một động cơ nào đó, bà ta có thể dính líu vào sự mất tích của cô dâu".

- Tất cả chỉ có thế.

- Có thêm một mẩu tin vẫn trên một tờ báo buổi sáng khác. Nó cũng có một đôi điều đáng chú ý.

- Đó là...?

- Cô Flô-ra, người đàn bà gây rối, đã bị bắt. Hình như xưa kia cô ta là một vũ nữ đã quen với chú rể cách đây vài năm. Không có chi tiết đặc biệt nào khác.

- Tôi sẽ không bỏ qua trường hợp này. Nhưng có chuông cửa reo đấy. Anh Watson, đừng bỏ đi đấy nhé.

- Thưa, có ngài Simon đến, - Chú tiểu đồng của chúng tôi báo tin và mở tung cửa lớn.

Một người đàn ông bước vào, khuôn mặt khá điển trai của một người có học. Mũi cao, nét mặt xanh xao, có một chút hờn dỗi. Đôi mắt mở to, nhìn không chớp. Phong thái ông ta nhanh nhẹn, thế nhưng dáng vẻ bên ngoài lại gây cho ta ấn tượng về tuổi già. Vì khi bước đi, ông hơi gù về phía trước và đầu gối hơi cong. Khi ông ta gỡ mũ, ta có thể thấy mớ tóc màu muối tiêu ở phía mép ngoài, và hơi sói ở trên chóp. Y phục được chăm sóc quá kỹ lưỡng đến mức đom đống: cổ áo cao, áo choàng đen, áo gi-lê trắng, bao tay vàng, giày da hảo hạng và ghệt có màu nhạt.

- "Xin chào ngài". Holmes nói, đứng lên cúi chào. "Mời ngài ngồi. Đây là bạn và là người cộng sự của tôi, bác sĩ Watson".

- Ông Holmes ạ. Tôi đã bị đánh vào chỗ đau nhất. Tôi hiểu rằng ông đã xử lý nhiều vụ tế nhị thuộc loại này, chúng tôi cho rằng khó có một vụ nào xảy ra trong một giai cấp như giai cấp của tôi.

- Mới đây một vị vua có vấn đề thuộc loại đó.

- Ồ, thật thế ư? Vua nào thế?

- Vua xứ Scandinavie.

- Ồ, ông ta mất vợ rồi chứ?

- Xin ngài hiểu cho. Tôi giữ bí mật những sự việc của những thân chủ khác, cũng như tôi sẽ làm như thế, đối với việc của ngài.

- Đúng lắm! Ông bỏ lỗi cho nhé.

- Không có chi... Tôi đã tìm hiểu những gì có trong báo chí. Chưa biết thêm gì hơn. Tôi có thể xem như bài báo này viết đúng sự thật.

Thân chủ của chúng tôi liếc nhìn qua nó.

- Vàng, đúng như bài báo đã viết.
- Nhưng cần phải bổ sung nhiều, trước khi có thể xác lập một giả thiết.

- Xin ông cứ việc hỏi.

- Ngài gặp cô Đơ-rân lần đầu tiên vào lúc nào?

- Tại San Francisco, cách đây một năm.

- Ngài du lịch sang nước Mỹ?

- Vàng.

- Lúc ấy, ngài đã đính hôn chưa?

- Chưa.

- Nhưng ông bà đối xử thân mật với nhau?

- Tôi thích được gần nàng, và nàng có thể thấy như thế.

- Cha cô ấy rất giàu?

- Có thể nói ông ta là người giàu nhất.

- Ông ta làm giàu bằng cách nào?

- Khai thác mỏ vàng. Một vài năm trước đây, ông ta chưa có gì cả. Rồi ông ta tìm thấy mỏ vàng, đầu tư vào nó và càng ngày càng phát lên.

- Hiện giờ, ngài có ấn tượng gì về tính cách của người phụ nữ trẻ đó?

Nhà quý tộc đang đưa cặp kiếng và nhìn chằm chằm vào lò sưởi.

- "Trước khi cha nàng trở nên giàu có, nàng đã hai mươi tuổi. Trong thời gian đó, nàng chạy rong tự do nơi các trại mỏ, lang thang qua rừng, qua núi; nàng được giáo dục bởi thiên nhiên nhiều hơn là bởi trường học. Nàng là con người mà tại Anh, chúng tôi gọi là tomboy¹. Tâm hồn nàng như núi lửa. Nàng quyết định rất nhanh chóng và không sợ hãi trong việc

1. Tomboy: một cô gái tính tình giống như con trai.

thực hiện những quyết định của mình. Mặt khác, hẳn là tôi đã không trao cho nàng cái tên mà tôi có vinh dự được mang", ông ta háng giọng một cách đĩnh đạc. "nếu tôi không nghĩ rằng, nàng là một phụ nữ quý tộc, rằng nàng có khả năng tự quen mình một cách đúng cảm, và rằng bất cứ cái gì dè dặt thì không phù hợp với bản chất của nàng".

- Ông có tấm hình của cô ấy chứ?

- Có.

Ông ta mở một cái hộp hình trái tim và cho chúng tôi xem khuôn mặt chụp thẳng của một người phụ nữ rất xinh đẹp. Holmes nhìn chăm chú một hồi lâu. Rồi anh đóng nắp hộp và trao lại cho nhà quý tộc.

- Rồi cô ấy đến Luân Đôn, và hai người nối lại duyên tình với nhau?

- Vâng, vừa rồi cha nàng đưa nàng đến nghỉ mùa đông tại Luân Đôn. Tôi gặp nàng một đôi lần, đính hôn với nàng và đã làm lễ cưới.

- Theo tôi biết, cô ấy có một món tiền hồi môn đáng kể.

- Một món tiền khá. Nhưng không nhiều hơn số tiền hồi môn bình thường trong gia đình tôi.

- Lễ cưới đã xong, vậy thì món hồi môn đã đến tay cô ấy rồi chứ?

- Tôi thật sự không hỏi han gì đến chuyện ấy cả.

- Đương nhiên là thế. Ông có gặp cô Đơ-răn vào hôm trước đám cưới không?

- Có.

- Cô ấy có phấn khởi không?

- Chưa bao giờ nàng vui hơn.

- Đó là một điều đáng chú ý! Thế còn vào buổi sáng trong ngày cưới.

- Nàng cũng tươi như hoa.

- Ngài thấy có gì thay đổi nơi cô ấy không?

- Ồ, lúc đó tôi thấy nàng gất gông. Song, chuyện ấy quá nhỏ, có lẽ nó không ăn nhập gì tới vụ mất tích này.

- Dù thế, ngài cũng nên cho chúng tôi biết.

- Ồ, đây là chuyện trẻ con thôi mà. Nàng đánh rơi bó hoa khi chúng tôi đi về phía nhà họp. Lúc đó nàng đi qua cái ghế dài ở phía trước, và bó hoa rơi vào trong cái ghế dài ấy. Người đàn ông ngồi trên ghế trao nó lại cho nàng, và trông nó vẫn bình thường, không bị hư hỏng gì cả. Thế nhưng, sau đó khi tôi nói chuyện ấy với nàng thì nàng lại xăng giọng, có vẻ bực tức vô lý về cái chuyện nhỏ nhặt đó.

- Thật ư? Ngài nói là có một người đàn ông ngồi trên ghế dài. Nghĩa là lúc ấy có một vài người đi lễ ở đó?

- Vâng. Không thể mời họ ra, khi nhà thờ mở cửa.

- Người đàn ông này không phải là một trong những người bạn của vợ ngài chứ?

- Không. Trông anh ta cũng bình thường. Tôi chả để ý gì đến cái bề ngoài của anh ta cả. Nhưng thưa ông, chúng ta đã đi xa vấn đề rồi.

- Vậy là từ nhà thờ trở về, phu nhân kém vui hơn. Cô ấy đã làm gì khi bước vào nhà cha mình?

- Tôi thấy nàng nói chuyện với cô tớ gái.

- Cô ta tên gì.

- Alice. Cô ta là một người Mỹ và đến từ California với nàng.

- Một cô tớ gái thân tín?

- Còn hơn thế nữa.

- Cô ấy nói chuyện với Alice bao lâu?

- Một vài phút. Tôi không để ý.

- Ngài không nghe họ nói gì ư?

- Nàng nói một cái gì đó về sự "tiếm đoạt". Nàng có thói quen dùng tiếng lóng theo kiểu đó. Tôi không hiểu mô tê gì cả.

- Sau khi nói chuyện với cô tớ gái, phu nhân làm gì?
- Nàng bước vào phòng điếm tâm.
- Cùng với ngài?

- Không. Một mình. Rồi, sau khi chúng tôi đã ngồi xuống trong vài phút, nàng vội vã đứng dậy, nói lí nhí một điều gì đó, rồi ra khỏi phòng. Và không trở lại nữa.

- Nhưng cô tớ gái khai rằng vợ ngài vào phòng, khoác một áo choàng rộng lên cái áo cô dâu, đội mũ rồi đi ra ngoài.

- Đúng như thế. Và sau đó, người ta thấy nàng đi vào công viên Hyde cùng với Flô-ra, người đã làm náo loạn buổi sáng hôm đó.

- Tôi muốn biết thêm một vài điều cụ thể về người đàn bà này, và mối quan hệ giữa ngài và cô ta.

Nhà quý tộc nhún vai và nhướn mày lên:

- Tôi có quan hệ thân mật một thời gian với người vú nữ này. Nhưng tính tình cô ta cực kỳ nóng nảy. Cô ta đã viết cho tôi những lá thư khủng khiếp, khi nghe tin tôi sắp lấy vợ. Thật tình mà nói, sợ dĩ hôn lễ phải cử hành lặng lẽ như thế là vì tôi sợ sẽ có một vụ xi-căng-dan trong nhà thờ.

- Phu nhân có nghe thấy việc này không?

- Không.

- Và sau đó, người ta thấy cô ấy đi với người đàn bà này?

- Vâng. Đó là điều mà cảnh sát xem như là một chi tiết quan trọng. Người ta nghĩ rằng Flô-ra đã nhử vợ tôi ra, và giăng cho nàng một cái bẫy.

- Vâng. Có thể như vậy.

- Ông cũng nghe như thế ư?

- Tôi không nói chắc chắn là thế. Nhưng chính ngài không nghĩ là có thể ư?

- Tôi không nghĩ là Flô-ra làm đau một con ruồi.

- Nhưng sự ghen tuông có thể làm biến đổi tính cách của con người. Vậy, theo ngài, ngài nghĩ thế nào?

- Theo tôi, nàng đã bị chấn động tâm lý, nên đã gây ra một vài rối loạn thần kinh nơi vợ tôi.

- Tóm lại, cô ấy đã bất thần trở nên loạn trí?

- Ồ, thực thế.

- Thưa ngài, bây giờ tôi gần như đã có tất cả những dữ kiện mà tôi cần. Xin hỏi thêm một câu cuối cùng: *Ngài có ngồi ở bàn điểm tâm, để có thể nhìn ra ngoài cửa sổ không?*

- Chúng tôi có thể nhìn thấy phía bên kia đường và công viên.

- Đúng y như thế. Vậy thì, bây giờ ngài có thể ra về. Tôi sẽ liên hệ với ngài sau.

- Chúc ông giải quyết được vấn đề.

- *Tôi đã giải quyết xong.*

- Ê! Ông nói cái gì vậy?

- Tôi nói, là tôi đã giải quyết xong.

- Vậy thì vợ tôi đang ở đâu?

- Tôi sẽ nhanh chóng nói cho ngài biết.

Người đàn ông lắc đầu.

- Có lẽ. Việc ấy đòi hỏi những đầu óc khôn ngoan hơn ông và tôi. - Ông ta nói, rồi cúi đầu chào kiểu cách, bước ra khỏi phòng.

- Ông ấy đã có lòng tốt khi đặt cái đầu tôi ngang hàng với cái đầu của ông ta". Holmes cười nói. "Ta phải uống một ly ỳt-ki-xô-đa và hút một điếu xì gà sau cuộc "thăm vấn" như thế này. Tôi đã có câu kết luận về vụ này trước khi thân chủ của chúng ta bước vào phòng".

- Thật thế ư?

- Tất cả mọi sự xem xét của tôi chẳng qua là để kiểm tra lại cho ăn chắc mà thôi.

- Tôi cũng đã nghe tất cả những gì anh đã nghe. Nhưng tại sao tôi lại không phát hiện ra điều gì nhỉ?

- Anh đã nghe, nhưng anh không biết nhiều trường hợp tương tự như thế đã xảy ra ở nơi này, nơi kia. Ồ, tay Lê-tra đang đến kia! Anh sẽ thấy một con lật đật hảo hạng có những điều xì gà trong hộp.

Người thám tử nhà nước đeo cà vạt trông như một thủy thủ, cầm một cái túi vải. Với một lời chào ngắn ngủi, ông ta ngồi xuống và đốt điếu xì gà đã được trao cho ông. Holmes nhấp nháy mắt hỏi:

- Có chuyện gì thế? Nom ông có vẻ bất mãn?
- Tôi chưa hài lòng. Đó là cái vụ án liên hệ đến Simon.
- Thật ư? Ông làm tôi kinh ngạc đấy.

- Chưa bao giờ có vụ nào phức tạp như thế! Mọi đầu mối đều đã tuột khỏi tay tôi. Tôi đã làm việc về vụ án đó suốt cả ngày.

- Và hình như nó làm ông đổ nhiều mồ hôi thì phải. - Holmes nói, đặt tay lên vai ông.

- Vâng, tôi đã lê lét cả ngày trên đại lộ Serpentine.
- Để làm gì vậy?
- Để kiểm tử thi bà Simon.

Sherlock Holmes tựa mình ra sau và cười ha hả:

- Ông có lê lét tại cái bể nước trên quảng trường Trafalgar không?

- Ông muốn nói gì?

- Bởi vì, biết đâu ông lại chẳng tìm thấy xác bà ta ở đó? Lê-tra bắn một tia nhìn giận dữ vào bạn tôi.

- Ông làm như ông đã biết hết mọi chuyện về vụ này.

- Vừa mới nghe các sự kiện, là tôi đã biết hết rồi.

- Vậy là đại lộ Serpentine không đóng vai trò nào trong vụ này ư?

- Không.

- Vậy tại sao tôi lại tìm thấy cái này ở đó?

Ông ta mở cái túi vải và xổ tung ra trên sàn một chiếc áo cưới bằng lụa, một đôi giày xa tanh trắng, một vòng hoa cô dâu, một tấm mạng che mặt. Tất cả đều dầm nước. Ông đặt chiếc áo cưới lên trên đống quần áo.

- Dấy, có một hạt dẻ cho ông cắn ¹, thưa ông Sherlock Holmes!

- “Ồ, quả thế!”, Holmes nói, thổi vào không khí những vòng tròn khói thuốc, “ông đã kéo chúng về từ đại lộ Serpentine đấy ư?”

- Không. Chúng trôi lênh bênh gần bờ được một người giữ công viên phát hiện. Và theo tôi, nếu y phục ở đó thì tử thi chắc cũng gần đâu đấy thôi.

- Bằng một lập luận thông minh kiểu đó, thì xác mọi người có thể tìm thấy gần chiếc tủ áo của họ ². Xin làm ơn cho tôi biết, qua những thứ này, ông hy vọng đạt tới cái gì?

- Đạt tới một chứng cứ nào đó dính líu đến cô Flô-ra trong vụ mất tích.

- Ông sẽ thấy khó khăn đấy.

- Holmes ạ, chỉ trong hai phút mà ông đã phạm tới hai sai lầm. Cái áo choàng này thực sự có dính líu đến cô Flô-ra.

- Lê-tra nói, giọng cay đắng.

- Dính líu như thế nào?

- “Trên chiếc áo có một cái túi. Trong cái túi có một cái ví nhỏ. Trong ví là một mảnh giấy. Xem đây!”. Ông ta đặt mạnh nó xuống bàn, trước mặt Holmes. Rồi đọc lớn: *Tôi sẽ gặp cô khi tất cả đã sẵn sàng. Hãy đến ngay F.H.N* ³. Giả thiết của tôi, là bà Simon đã bị nhử bởi Flô-ra, và Flô-ra phải chịu

1. Một việc khó giải quyết, cần suy nghĩ nhiều.

2. Sherlock Holmes rất hóm hỉnh.

3. Nguyên bản: you will see me when all is ready. Come at once F.H.N. Đây chỉ là cách hiểu của ông Lê-tra, chúng tôi dịch theo cách hiểu của ông ta.

trách nhiệm về sự mất tích của cô dâu. *Mảnh giấy này, có chữ ký của Flô-ra, chắc chắn đã được nhét vào tay cô dâu ở cửa lớn, và nó đã lòi cuốn cô dâu vào trong tầm hành động của họ*.

- "Tốt lắm, ông bạn thân mến". Holmes cười nói, "quả thật là ông rất thông minh. Cho tôi xem tí nào?".

Anh lơ đãng cầm mảnh giấy, nhưng bỗng nhiên anh chú ý thật sự, và khẽ kêu lên một tiếng kêu thò mồm.

- Đây quả thực sự là một điều quan trọng.

- Hà! Ông cũng thấy thế chứ?

- Cực kỳ quan trọng. Chúc mừng ông.

Lê-tra nhòm dậy, ra vẻ đặc chí và cúi đầu xuống để nhìn.

- Ông xem *nhòm mắt* rồi! - Ông ta hét lên.

- Trái lại, đây mới là *đúng mắt* của nó.

- *Đúng mắt*? Ông điên rồi ư? Những dòng chữ viết bằng bút chì bên đây này.

- Và mặt này có vẻ như là một cái hóa đơn khách sạn, khiến cho tôi quan tâm sâu sắc.

- Tôi đã xem rồi. Không có gì trong đó cả:

"Mùng 4 tháng 10

Phòng: 8 si linh;

Điểm tâm: 2 si linh và 6 đô la.

Cốc tai: 1 si linh

Bữa ăn trưa: 5 đô la, 2 si linh".

Tôi không thấy có gì trong đó cả.

- Rất có thể là không. Mặc dầu vậy, nó cũng rất quan trọng. Còn về những dòng chữ, chúng cũng rất quan trọng, hay ít ra là những chữ đầu viết tắt. Vậy, xin chúc mừng ông một lần nữa.

- "Tôi đã phí mất quá nhiều thì giờ rồi". Lê-tra nói, đứng lên. "Tôi tin tưởng vào những giờ lao động khó nhọc, chứ không phải ngồi bên cạnh lò sưởi để dệt nên những lý thuyết

đẹp đẽ! Chào nhé, ông Holmes! Và chúng ta sẽ xem, ai là người đến tận đây của vấn đề trước”.

Ông ta thu thập quần áo trên sàn, nhét chúng vào cái túi xách, rồi đi ra cửa.

Ngay khi ông ta đóng cửa, Holmes đứng dậy và mặc áo khoác:

- Có một cái gì đó cần lưu ý trong những điều ông ta vừa nói. Bởi vậy, tôi phải đi ngay.

Tới 5 giờ chiều, Sherlock Holmes vẫn chưa về. Lúc 6 giờ có một người đàn ông và một thanh niên mang một cái hộp dẹt lớn đến. Họ mở hộp ra và dọn một bữa ăn tối ngon lành lên trên đi-văng của chúng tôi. Có một cặp chim dế gà, một chim trĩ, bánh pa-tê gan, một vài chai rượu cổ. Sau khi đặt những thứ xa xỉ này lên bàn, hai người khách bước ra, giống như những vị thần trong truyện Nghìn lẻ một đêm, không một lời giải thích, trừ một điều là những thứ này đã được trả tiền xong và được đưa tới địa chỉ này.

Gần 9 giờ tối, Sherlock Holmes nhanh nhẹn bước vào phòng. Nét mặt anh lộ vẻ nghiêm trang, nhưng có một tia sáng trong mắt anh.

- Người ta đã dọn bữa ăn tối rồi đấy nhỉ? - Anh nói, xoa tay vào nhau.

- Hình như anh có khách? Người ta đã dọn năm phần ăn.

--Vâng. Tôi đoán là sẽ có khách ghé thăm. Tôi không hiểu sao ngài Simon chưa đến. Hình như có bước chân ông ta trên cầu thang.

Đúng là thân chủ của chúng tôi đang vội vã bước vào, đóng cửa cặp kiếng một cách mạnh mẽ hơn bao giờ hết, và có nét lo lắng trên gương mặt.

- Thư báo tin đã đến ngài rồi chứ? - Holmes hỏi.

- Vâng, nội dung của nó làm tôi vô cùng sửng sốt. Ông có đủ bằng cứ để chứng minh cho những điều ông nói không?

- Bằng cơ tốt nhất có thể có được.

Nhà quý tộc buông mình xuống ghế và đưa tay lên xoa trán.

- "Huân tước sẽ nói gì", ông ta nói thì thào, "khi ngài thấy một người trong dòng họ phải chịu nhục nhã như thế này".

- Đây chỉ là một tai nạn thuận túy, không hề có một sự sỉ nhục nào.

- Ông nghĩ vậy, nhưng chúng tôi lại quan niệm một cách khác.

- Tôi không thấy ai đáng trách cả. Người phụ nữ ấy khó lòng làm khác hơn, mặc dù đó là điều đáng tiếc. Trước một tình huống như thế mà nàng lại không có mẹ bên cạnh, không có ai khuyên bảo.

- Đó là một cái tát, thưa ông, một cái tát công khai. - Ông ta nói, gõ ngón tay lên bàn.

- Thưa ngài, phải thông cảm cho cô gái đáng thương này. Cô ấy gặp phải một tình huống quá bất ngờ.

- Làm sao thông cảm được. Quả thật tôi rất giận. Tôi bị lợi dụng.

- Hình như có chuông dấy. Vâng, có những bước chân ở đầu cầu thang. Tôi biết tôi không thuyết phục được ông, nên tôi đã đưa tới đây một người, hy vọng ông ta sẽ thành công.

Holmes mở cửa và đưa vào một người đàn ông và một phụ nữ:

- Thưa ngài Simon. Xin giới thiệu với ngài đây là ông bà Phờ-ran. Còn người phụ nữ này, tôi nghĩ là ngài đã gặp.

Ngay khi thấy những người mới đến này, thân chủ chúng tôi đã nhảy chồm lên và đứng rất thẳng người, mắt nhìn xuống đất và tay thọc vào ngực chiếc áo khoác: một bức tranh nói lên danh dự bị thương tổn. Người phụ nữ đã bước nhanh về phía trước, chìa tay ra cho ông ta, nhưng ông ta không chịu ngược nhìn lên.

- Chắc anh giận em lắm, phải không anh? Vâng, anh giận như vậy là đúng lắm?

- Xin chớ phân trần với tôi - Simon cay đắng nói.

- Vâng, em có lỗi. Lẽ ra, em phải nói cho anh trước khi em đi, nhưng từ lúc em thấy anh Phờ-răn xuất hiện, em không còn biết là em đang làm gì, nói gì nữa.

- Thưa bà, có lẽ tôi và anh Watson nên lánh đi, trong khi bà giải thích chuyện này? - Holmes nói.

- "Nếu được phép nêu ý kiến", người đàn ông lạ mặt nói. "Tôi xin phát biểu một đôi điều! Chúng ta đã giữ bí mật chuyện này khá lâu rồi. Theo ý tôi, tôi muốn cả châu Âu và nước Mỹ nghe được thực trạng của vấn đề".

Đó là một người đàn ông nhỏ thó, rậm nắng, rắn rỏi, râu cạo ngắn nhụi, với gương mặt sắc sảo và phong thái tỉnh táo.

- "Vậy thì, em sẽ kể câu chuyện của chúng ta ngay sau đây" người phụ nữ nói. "Năm 1884, anh Phờ-răn đây và tôi đã gặp nhau tại nơi mà cha tôi đang khai thác quặng mỏ. Chúng tôi đã bí mật đính hôn với nhau. Nhưng một hôm, cha tôi đào được mỏ vàng và giàu lên, trong khi anh ấy càng ngày càng thất bại. Bởi vậy, cha tôi muốn cuộc đính hôn kéo dài lâu hơn nữa, ông bèn đưa tôi đến San Francisco. Nhưng anh không chịu bỏ cuộc. Anh ấy theo tôi đến đó, chúng tôi gặp nhau mà cha tôi không hay biết gì cả. Phờ-răn nói rằng anh sẽ đi xa để xây dựng cơ nghiệp và chỉ trở về đón tôi khi nào anh đã giàu bằng cha tôi. Tôi hứa sẽ chờ đợi anh ấy đến trọn đời, và thề nguyện là không lấy ai khác, một khi anh ấy còn sống. Anh ấy nói: "Tại sao chúng mình không cưới nhau ngay đi? Để anh được yên tâm về em. Và anh sẽ không công khai nhận anh là chồng em, cho đến khi anh trở về".

"Chúng tôi bàn chuyện đó. Anh ấy đã nhờ một ông mục sư làm lễ cưới ngay tại đó, rồi ra đi tìm sự nghiệp, còn tôi trở lại với cha tôi.

“Kể đó, tôi được tin anh đang ở Montana, rồi anh thăm dò quanh tại Arizona, rồi nghe tin anh đến Mê-hi-cô. Sau đó, trên báo có đăng một bài dài, nói về một trại mồ đã bị dân da đỏ tấn công, và có tên anh trong danh sách những người bị giết. Tôi ngất đi, tưởng đã chết, rồi nằm liệt giường mấy tháng sau đó. Cha tôi nghĩ rằng tôi bị suy nhược thần kinh, đưa tôi đến bác sĩ này, bác sĩ nọ. Hơn một năm trời không có tin tức gì về Phờ-răn, đến nỗi tôi tin chắc là anh ấy đã chết thật rồi. Thế rồi ngài Simon đến San Francisco, rồi chúng tôi sang Luân Đôn và một cuộc hôn nhân đã được sắp xếp. Cha tôi rất hài lòng, nhưng tôi không thể nào quên Phờ-răn.

“Tuy vậy, nếu tôi đã kết hôn với ngài Simon thì tôi đã chu toàn bốn phận làm con. Tôi đi đến nhà thờ với dự định trở thành một người vợ tốt, theo khả năng mà tôi có được. Nhưng ngay khi tôi bước đến gần bàn thờ, tôi nhìn thấy Phờ-răn đang đứng ở hàng ghế đầu tiên. Thoạt đầu, tôi ngỡ đó là bóng ma anh ấy hiện về, nhưng khi nhìn lại một lần nữa, thì rõ ràng anh ấy còn sống. Tôi thấy trời đất đang quay vòng, và những lời nói của vị giáo sĩ giống như tiếng ong bay vù vù trong tai tôi. Tôi liếc ra phía sau, nhìn anh một lần nữa, thấy anh đưa ngón tay lên môi để bảo tôi im. Rồi tôi thấy anh nguyệt ngọc trên một mảnh giấy. Khi đi qua cái ghế dài mà anh đang đứng, tôi ném bó hoa cho anh, và anh chùi mảnh giấy vào đó rồi trả lại bó hoa cho tôi. Đó chỉ là một dòng chữ yêu cầu tôi đi theo anh khi nào anh ra dấu hiệu. Tôi quyết tâm làm theo bất cứ chỉ thị nào của anh.

“Khi trở lại họ nhà gái, tôi kể chuyện đó cho cô tớ gái của tôi, cô ta đã từng biết Phờ-răn và đã từng là bạn của anh. Tôi nhờ cô ta chuẩn bị cho tôi một vài thứ đồ đạc và áo khoác. Tôi biết, lẽ ra tôi phải nói cho Simon biết, nhưng thật là khó khăn khi có mặt mẹ anh ấy và tất cả những người quý tộc khác. Tôi quyết định là chạy trốn trước, giải thích sau. Tôi ngồi ở bàn chưa tới mười phút, thì thấy Phờ-răn xuất hiện ở

cửa sổ, phía bên kia đường. Anh vẫy tay ra hiệu cho tôi, và bắt đầu bước vào công viên. Tôi lên về phòng, thay vội áo quần, rồi đi theo anh.

“Có một người đàn bà đến nói với tôi một cái gì đó về Simon. Qua một đôi điều nghe được, thì dường như Simon cũng có một bí mật nho nhỏ nào đó. Nhưng tôi tìm cách thoát khỏi cô ta, chẳng bao lâu tôi bắt kịp Phờ-răn, cùng nhau lên xe ngựa đi đến một chỗ trọ mà anh đã thuê sẵn và đó quả thật mới đúng là đám cưới của chúng tôi sau bao năm xa cách. Thì ra Phờ-răn tuy bị người da đỏ bắt làm tù binh, nhưng anh đã trốn thoát, và đến San Francisco. Tại đây, anh biết tôi đã theo cha sang nước Anh, Phờ-răn cũng sang theo, và sau cùng đã tìm gặp tôi đúng vào buổi sáng hôm đó.

- “Tôi đọc tin đó trên một tờ báo”, người Mỹ giải thích, “nó cho biết tên cô dâu, chú rể và nhà thờ, nhưng không nói cô dâu sống ở đâu”.

Người phụ nữ kể tiếp.

- “Rồi chúng tôi bàn bạc xem là nên làm cái gì. Anh ấy muốn công khai chuyện này ra, nhưng tôi ngại quá. Tôi tính chỉ nên gửi vài dòng cho cha tôi, cho ông biết là tôi vẫn còn sống. Thế thôi! Bởi vậy, anh ấy cầm lấy đồ cưới làm thành một gói, ném vào một nơi nào đó để phi tang. Hẳn là ngày mai chúng tôi đã lên đường sang Paris, nếu chiều nay, ông Holmes không đến chỗ chúng tôi. Ông Holmes chỉ rõ cho tôi thấy rằng tôi sai và Phờ-răn đúng, và rằng chúng tôi giữ bí mật như vậy là sai quấy. Và ông Holmes hứa cho chúng tôi một cơ hội để nói chuyện với ngài Simon. Vì thế mà chúng tôi đã đến đây. Anh Simon, bây giờ anh đã nghe tất cả rồi. Em rất tiếc là đã làm cho anh đau khổ, và em hy vọng rằng anh sẽ không nghĩ quá xấu về em”.

Người phụ nữ ngừng nói. Cho tới lúc này, ngài Simon vẫn chưa thể giảm đi thái độ cứng cõi, nhưng đôi mày nhíu lại và đôi môi mím chặt.

- Xin lỗi quý vị, tôi không quen bàn những chuyện riêng tư một cách công khai như thế này.

- Vậy là, anh không tha lỗi cho em ư? Anh không bắt tay em trước khi em đi sao?

- Nếu cô muốn.

Ông ta chia tay ra, lạnh nhạt nắm lấy bàn tay của người phụ nữ.

- Tôi đã hy vọng rằng thế nào ngài cũng sẽ lưu lại dùng bữa ăn thân mật với chúng tôi. - Holmes nói.

- Có lẽ ông hơi quá đáng đấy. Tôi làm sao vui cho được. Bây giờ xin phép tôi được chúc tất cả quý vị một đêm ngon giấc. Xin chào!

- “Vụ này quả thật là hấp dẫn” Holmes nói, khi các vị khách đã ra về. “Bởi vì nó giúp ta thấy rất rõ ràng, một sự việc mà thoạt đầu dường như không thể giải thích được, thật ra là vô cùng giản dị! Không có gì hợp tự nhiên hơn là những diễn tiến mà người phụ nữ đã kể.”

- Ngay từ đầu, anh đã đi đúng hướng chứ? - Tôi hỏi.

- Từ đầu, tôi thấy có hai sự kiện rất rõ ràng. Một là người phụ nữ đó sẵn sàng dự phần nghi lễ tại nhà thờ. Hai là, chỉ sau đó mấy phút, cô ta đã ân hận về việc đó. *Như vậy là có một cái gì đó đã xảy ra trong buổi sáng*, nó làm thay đổi ý định của cô ta. *Đó là cái gì?* Hẳn là cô ta không nói chuyện với một người lạ nào, vì có chú rể ở bên cạnh. Vậy thì, phải chăng cô ta đã nhìn thấy một ai đó? Nếu có, thì hẳn phải là một người đến từ nước Mỹ, bởi vì cô ta mới sống tại Anh quốc một thời gian quá ngắn, nên không thể có một người Anh nào có thể gây cho cô ta một ảnh hưởng quá sâu sắc, đến nỗi chỉ nhìn thấy anh ta cũng đủ làm cho cô ta thay đổi hẳn kế hoạch. Bằng phương pháp loại trừ, tôi đã đi đến kết luận rằng, *có thể là cô ta đã nhìn thấy một người Mỹ*. Vậy thì, người Mỹ này là ai, và tại sao anh ta lại có ảnh hưởng quá lớn đến cô ta như

vậy? Có thể đó là một người tình. Có thể đó là một người chồng. Tôi biết, thời niên thiếu cô ta đã sinh sống trong khung cảnh hoang dã, dưới những điều kiện đặc biệt. Tôi đã biết chuyện đó trước khi ngài Simon kể. Khi ông ta cho biết có một người đàn ông trong ghế dài, về sự thay đổi trong thái độ của cô dâu, về việc đánh rơi bó hoa (một phương pháp trao đổi tin tức khá rõ ràng) về sự cầu cứu đến cô tớ gái tin cẩn, về cái từ "tiếm đoạt" rất có ý nghĩa (theo cách nói của những người khai thác mỏ, thì "tiếm đoạt" nghĩa là chiếm hữu một cái gì mà chủ quyền thuộc về một người khác). Với những sự kiện đã kể trên, thì toàn bộ vấn đề đã quá rõ ràng. Cô ấy đã đi theo người tình, hoặc là người chồng cũ của cô ta.

- Và anh đã làm cách nào để tìm thấy họ?

- Kể ra thì cũng khó. Nhưng may nhờ cái hóa đơn khách sạn của ngài Lê-tra, ông ta cầm nó trong tay, mà không biết giá trị của nó. Những chữ viết tắt dĩ nhiên là vô cùng quan trọng, nhưng cái quan trọng hơn, là biết được họ đang ở tại một khách sạn thuộc loại sang nhất tại Luân Đôn.

- Làm thế nào anh biết được?

- Cái giá tiền nơi hoá đơn, 8 si linh cho một cái giường và 1 si linh cho một ly cốc-tai, chừng ấy cũng đủ thấy đó là một trong những khách sạn sang nhất. Tại Luân Đôn chả có mấy khách sạn như thế. Tại khách sạn thứ hai mà tôi đến thăm, qua sổ đăng ký, tôi biết rằng Phờ-răn, một người Mỹ, chỉ mới rời khách sạn ngày hôm trước, khi nhìn qua những món mà anh ta phải trả, tôi thấy khớp với những món trong các hóa đơn của ngài Lê-tra. Anh ta yêu cầu thư từ gửi về khách sạn, xin chuyển lại số 226 quảng trường Gordon. Tôi tìm đến địa chỉ ấy, và may mắn gặp đôi uyên ương. Tôi đánh bạo cho họ một lời khuyên của một người cha, vạch rõ cho họ thấy rằng mọi sự sẽ tốt hơn nếu họ cho dư luận rộng rãi, nhất là ngài Simon, biết sự thật. Tôi mời họ đến đây để gặp ông ta, và như anh thấy đó, tôi buộc ông ta phải đến.

- Nhưng kết quả không tốt lắm. Ông ta cư xử không mấy lịch sự. - Tôi nhận xét.

- “Nhưng mà, Watson ạ”. Holmes mỉm cười nói. “Có lẽ anh cũng không thể nào lịch sự được, nếu anh lâm vào cảnh ngộ của ông ta. Phải vất vả lắm mới làm được đám cưới, thế rồi, dùng một cái, thấy mình mất cả chi lẫn chài. Chúng ta nên xét đoán ngài một cách thông cảm hơn, và hãy cảm ơn số mệnh đã không bắt ta phải chịu một cảnh ngộ oái oăm như vậy. Đẩy cái ghế của anh lại gần đây và trao cho tôi cái đàn vi-ô-lông, vì vấn đề duy nhất mà chúng ta phải giải quyết bây giờ là làm thế nào sống qua những buổi chiều mùa thu ảm đạm này.

Chiếc vương miện bằng ngọc berin

- Holmes!

Buổi sáng hôm đó, tôi đang đứng bên cạnh cửa sổ căn phòng của chúng tôi ở đường Baker.

- "Holmes!" Tôi gọi một lần nữa. "Một người điên đang đi dạo ngoài đường. Thật là một cảnh đáng buồn. Đáng lẽ người ta không nên để ông ta đi như thế..."

Holmes uể oải rời khỏi ghế bành, tiến đến cửa sổ, nhìn xuống. Lúc bấy giờ là tháng hai, không khí lạnh giá. Dưới ánh mặt trời yếu ớt của mùa đông, lớp tuyết rơi xuống đêm qua vẫn sáng lấp lánh, trắng xóa và trơn trượt. Con đường vắng ngắt, duy nhất chỉ có một người đàn ông kia ...

Ông ta trạc năm mươi tuổi, thân hình cao lớn, vạm vỡ, dáng dấp có vẻ uy nghiêm trong bộ y phục màu sẫm rất sang với chiếc áo "rơ đanh gô" đen, chiếc nón mới toanh, đôi ghê sạch bóng và quần tây dài đúng "mốt". Nhưng trong lúc này, cái phong cách uy nghiêm đều biến mất! Ông ta vừa chạy vừa nháy như một người điên, hai tay quơ lên quơ xuống loạn xạ, cái đầu lắc qua lắc lại và gương mặt nhăn nhó một cách thảm hại.

- Chuyện gì đã xảy đến cho ông ta? Dường như ông ta đang tìm số nhà? - Tôi nói.

- Ông ta sẽ đến đây! - Holmes đáp, vừa xoa hai bàn tay vào nhau.

- Đến đây à?

- Phải. Ông ta đến gặp tôi để nhờ giải quyết một vấn đề khó khăn. Nhìn những triệu chứng của ông ta, là tôi biết ngay. À, bạn thấy chưa, tôi nói có sai đâu?

Thật vậy, người đàn ông đó lao mình đến trước cửa nhà chúng tôi: ông ta giật dây chuông mạnh đến nỗi tiếng chuông reo ầm ĩ khắp nhà.

Một lát sau, ông ta đã vào phòng, miệng thở hồng hộc, hai tay vẫn còn quơ lia lịa, nhưng đôi mắt ông ta ẩn chứa một nỗi tuyệt vọng ghê gớm. Thoạt đầu, ông ta không thể nói được một tiếng nào cả, chỉ lắc lư thân mình và vò đầu vò tóc như một người sắp lên cơn điên. Rồi thỉnh thoảng ông ta lao đầu vào vách tường. Chúng tôi vội kéo ông ta ra giữa phòng. Holmes đỡ ông ta ngồi xuống một chiếc ghế, rồi cũng ngồi xuống bên cạnh, nắm lấy bàn tay ông ta và dịu dàng nói:

- Ông đến với tôi để kể cho tôi nghe câu chuyện của ông, phải không? Ông bị mệt vì đã chạy gấp đến đây. Ông hãy ngồi nghỉ cho đến lúc lấy lại bình tĩnh, sau đó tôi rất vui lòng nghe ông trình bày cái vấn đề nhỏ nhỏ đang làm cho ông điên đầu.

Người đàn ông ngồi im trong một hay hai phút, chiếc cằm sệ xuống: ông ta đang chiến đấu chống lại cơn xúc động. Rồi ông ta lấy khăn tay thấm mồ hôi trán, lau khô môi, và quay về phía chúng tôi.

- Chắc các ông nghĩ là tôi điên, phải không?

- Tôi chỉ thấy ông đang có một tai họa lớn. - Holmes đáp.

- Và chỉ có Chúa mới biết nó lớn đến mức nào! Một tai họa đủ để làm cho tôi phải mất hết lý trí: nó đã đổ ụp xuống đầu tôi với một sự đột ngột khủng khiếp! ... Hơn nữa, không phải chỉ có một mình tôi dính líu vào vụ này. Nhân vật cao quý nhất trong xứ này cũng có thể bị đau khổ, trừ phi tìm được một cách giải quyết êm thấm.

- Xin ông hãy bình tĩnh lại, rồi cho tôi biết ông là ai, và chuyện gì đã xảy ra. - Holmes nói.

- Tôi là Alexandre Holder, thuộc công ty ngân hàng Holder & Stevenson, ở đường Threadneedle.

Đó là tên của người hùn vốn trọng tuổi nhất trong ban điều hành của một công ty ngân hàng đứng thứ nhì ở thủ đô. Chúng tôi tò mò chờ ông ta kể lại câu chuyện.

- Ngay khi viên thanh tra cảnh sát bảo tôi "*Chỉ có Sherlock Holmes mới giúp được ông*" tôi liền đi đến đường Baker bằng xe điện ngầm và từ đó tôi chạy bộ đến đây, bởi vì với lớp tuyết dày như thế này, xe ngựa đi rất chậm ... Hẳn các ông cũng biết rằng một trong những cách thức bỏ tiền ra có lợi nhất là cho vay. Trong những năm vừa qua, chúng tôi đã cho các gia đình quý tộc vay những số tiền rất lớn, thế chấp bằng những bức tranh, sách quý hoặc vàng bạc. Sáng hôm qua tại ngân hàng, một người thư ký đem đến cho tôi một tấm danh thiếp. Đọc cái tên ghi trên đó, tôi giật nảy mình, bởi vì... đó là một trong những gia đình thế gia vọng tộc lớn nhất. Đó là một vinh dự rất lớn cho tôi, và khi ông khách được đưa vào, tôi tìm cách khen một câu. Nhưng ông ta ngắt ngang lời tôi:

- Ông Holder, tôi biết rằng ngân hàng của ông thường cho vay tiền.

- Ngân hàng chúng tôi vẫn thường cho vay, khi người vay có cái gì để bảo đảm.

- Tôi cần ngay tức khắc 50 ngàn đồng bằng. Dĩ nhiên, tôi vẫn có thể mượn của các bạn tôi một số tiền mười lần lớn hơn số tiền nhỏ mọn này, nhưng tôi thích xem việc này là một việc riêng mà tôi phải tự giải quyết lấy. Với địa vị của tôi, mang ơn người khác là một điều nên tránh.

- Tôi có thể hỏi ngài muốn giữ số tiền đó trong bao lâu không?

- Thứ hai tới, người ta sẽ trả cho tôi một số tiền lớn, và chắc chắn tôi sẽ hoàn lại cho ông cả vốn lẫn lời. Nhưng điều quan trọng nhất đối với tôi là phải có ngay 50 ngàn đồng bằng.

- Tôi sẽ lấy tiền túi của tôi ra cho ngài vay mà không đòi hỏi bảo đảm gì cả. Nhưng phương diện của tôi không cho phép tôi có được cái thích thú đó. Mặt khác, vì lẽ tôi hoạt động cho công ty, nên tôi có bốn phận yêu cầu ngài có những bảo đảm cần thiết.

- “Tôi thích như thế hơn”, ông ta đáp rồi đưa ra một chiếc hộp da màu đen, hình vuông. “Ông có nghe nói đến chiếc vương miện nam ngọc berin không?”.

- Đó là một trong những vật châu báu quý giá nhất của đất nước.

- Đúng vậy!

Ông ấy lấy cái hộp ra: chiếc vương miện đẹp lộng lẫy được đặt nằm trên một lớp nhung màu hồng.

- Nó có tất cả 39 viên ngọc berin thật lớn, và cái khung bằng vàng của nó thì thật là vô giá. Trị giá của chiếc vương miện này tính ra ít nhất cũng là 100 ngàn đồng bằng. Tôi sẵn sàng giao nó cho ông giữ làm vật bảo đảm.

Tôi cầm lấy chiếc hộp quý báu, nhìn chiếc vương miện rồi nhìn người thân chủ.

- Phải chăng ông nghi ngờ giá trị của nó? - Ông ta hỏi.

- Không, hoàn toàn không. Đúng hơn, tôi tự hỏi...

- ... Vì sao tôi dám giao cho ông giữ một vật quý giá như thế, phải không? Ông đừng lo ngại gì cả! Ông tưởng rằng tôi sẽ hành động như thế sao, nếu tôi không tuyệt đối chắc chắn có thể thu hồi nó lại trong bốn ngày nữa? Đây chỉ là một vấn đề thủ tục thôi. Theo ông, vật bảo đảm này có đủ không? - Nhà quý tộc nói.

- Quá đủ!

- Ông Holder, xin ông hãy hiểu rằng tôi tin cậy sự kín đáo của ông và nhất là sự cảnh giác của ông: chắc ông cũng hiểu rằng một vụ tai tiếng lớn sẽ xảy ra nếu có chuyện gì xảy đến cho vật này. Một vết trầy nhỏ cũng nghiêm trọng gần

bằng với sự mất mát của nó: Ông hãy nghĩ rằng trên khắp thế giới không có những viên ngọc berin nào có thể so sánh được với những viên ngọc này! Tuy nhiên, tôi vẫn giao chiếc vương miện cho ông giữ. Sáng thứ hai, tôi sẽ đích thân đến lấy nó lại.

“Tôi gọi người thủ quỹ và ra lệnh cho anh ta trả ngay 50 ngàn đồng bằng. Tuy nhiên, khi còn lại một mình với chiếc hộp, tôi không khỏi lo sợ khi nghĩ đến cái trách nhiệm lớn lao đè nặng lên vai. Và tôi bắt đầu cảm thấy hối tiếc khi đã nhận lãnh “bảo vật quốc gia” này. Nhưng đã trễ rồi, không thể làm gì khác hơn, tôi bèn cất nó trong tủ sắt riêng và tiếp tục làm việc. Chiều đến, trước khi về nhà, tôi tự bảo không nên đại dốt để lại trong văn phòng một vật quý báu như thế. Hàng trăm tủ sắt của ngân hàng đã từng bị phá ròi! Và nếu chiếc tủ sắt của tôi bị phá ..., nếu chiếc vương miện biến mất? ... Không! Không thể để chuyện đó xảy ra! Tôi quyết định mang nó về nhà. Và sau đó cất kỹ bảo vật trong chiếc bàn giấy của phòng rửa mặt ở lầu một.

“Bây giờ, thưa ông Holmes, tôi cần phải cho ông biết qua về những người ở trong nhà tôi. Tôi có hai người tớ trai, đều ngủ ở bên ngoài nhà, ba người tớ gái đã giúp việc cho tôi từ nhiều năm nay, và họ là những người rất ngay thật. Một người tớ gái khác, tên là Lucy, mới vào được vài tháng, nhưng cô ấy có một bản tính tốt. Đó là một cô gái khá xinh đẹp, lời cuốn nhiều chàng trai si tình thỉnh thoảng đến lảng vảng chung quanh ngôi nhà của tôi. Đó là phần những gia nhân. Còn về phần gia đình tôi thì không có bao nhiêu người. Tôi góa vợ, và chỉ có một đứa con trai duy nhất, tên là Arthur. Thành bé này là cả một sự tuyệt vọng của tôi. Thưa ông Holmes, khi vợ tôi qua đời, tôi dồn tất cả tình thương cho nó. Tôi không bao giờ từ chối nó một cái gì cả.

“Di nhiên, tôi có ý định chuẩn bị cho nó kế nghiệp tôi ở ngân hàng, nhưng nó không có khiếu và cũng không ưa

thích kinh doanh. Tánh tính của nó không được thuần thực. Đến tuổi thành niên, nó gia nhập câu lạc bộ quý tộc, và trở thành bạn thân của những nhà quý tộc giàu có, sang trọng, giết thì giờ bằng những trò ăn chơi xa xỉ. Cùng với họ, nó vung tiền vào những canh bạc và vào những cuộc cá ngựa. Nó thường xuyên xin thêm tiền tôi, ngoài số tiền trợ cấp hàng tháng, để thanh toán những món nợ. Hơn một lần nó cố gắng đoạn tuyệt với cái câu lạc bộ nguy hiểm, nhưng lần nào cũng vậy, George Burnwell lại lôi cuốn nó trở về với cái nhóm đó.

“Sự thật, tôi không ngạc nhiên khi thấy George Burnwell có ảnh hưởng rất lớn đối với Arthur. Ông ta lớn tuổi hơn Arthur: một con người của giới thượng lưu, hào hoa phong nhã và thật là đẹp trai. Tuy nhiên, đôi lúc nhớ lại một vài lời khinh bạc và vô sỉ của George Burnwell, nhớ lại một vài ánh mắt tinh ma quỷ quái của ông ta, tôi bỗng cảm thấy nghi ngại: con người này khó có thể tin cậy được.

“Và đó cũng là ý kiến của cô bé Mary, cháu gái của tôi. Tôi thương nó như là con ruột của mình vậy. Nó là một tia sáng mặt trời ấm áp trong ngôi nhà này, một thiếu nữ vừa xinh đẹp vừa âu yếm dịu dàng, đồng thời lại là một người quản lý giỏi, trông coi đặc lực mọi công việc nội trợ trong nhà. Mary chỉ làm trái ý tôi về một điều duy nhất: con trai tôi, đã hai lần xin hỏi cưới nó nhưng nó đều từ chối. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng nếu có một người nào có thể đưa Arthur trở lại con đường ngay, người đó chính là Mary chứ không ai khác.

“Thưa ông Holmes, buổi tối hôm đó, trong phòng khách, tôi kể lại cho Arthur và Mary nghe câu chuyện về cái vương miện, nhưng không tiết lộ tên của người chủ món hàng. Sau khi pha cà-phê xong, Lucy đã rời khỏi phòng, tôi nhớ chắc như thế, nhưng tôi không nhớ rõ là cửa phòng có được đóng lại hay không. Mary và Arthur tỏ ra vô cùng thích thú và yêu cầu được xem vương miện. Tôi từ chối.

- Ba cất nó ở đâu? - Arthur hỏi.

- Trong bàn giấy riêng của ba.

- Con hy vọng ngôi nhà này sẽ không bị trộm đến viếng trong đêm nay.

- Bàn giấy đã được khóa kỹ.

- “Ăn thua gì!” Arthur nói. “Bất cứ chiếc chìa khoá cũ nào cũng có thể mở nó ra được. Khi còn bé, chính con đã mở nó ra với chìa khoá của chiếc tủ bỏ trong căn phòng chứa đồ đạc.”

“Arthur có tật hay nói đến bất cứ điều gì, và tôi thường không chú ý đến những điều nó nói. Tuy nhiên, buổi tối hôm đó, nó đi theo tôi vào tận trong phòng tôi với một vẻ mặt rất nghiêm trọng:

- Thưa ba, ba có thể cho con hai trăm đồng bằng được không? - Arthur nói, đôi mắt nhìn xuống.

- Không. Ba đã quá rộng rãi đối với con về vấn đề tiền bạc rồi! - Tôi xẵng giọng đáp.

- Ba đã rất tử tế với con, nhưng con rất cần hai trăm đồng bằng đó; nếu không, con sẽ không bao giờ có thể chường mặt đến câu lạc bộ nữa!

- Đó là một điều rất tốt.

- Dạ, nhưng chắc ba không muốn con trai của ba trở thành một kẻ bị mất danh dự chứ! Con phải tìm cho ra tiền, nếu ba không cho số tiền đó, con sẽ tìm cách khác.

- Con sẽ không có một xu nào hết. Đừng nài nỉ nữa vô ích! - Tôi giận dữ, trả lời.

Nó nghiêng mình, và lặng lẽ rời khỏi phòng.

Khi nó đi rồi, tôi mở chiếc bàn giấy ra để chắc chắn là cái kho tàng vẫn còn nằm trong đó, rồi tôi khoá lại. Xong, tôi đi một vòng khắp chung quanh nhà để xem có điều gì bất thường không. Công việc này thường do Mary đảm nhiệm, nhưng buổi tối hôm đó, tôi đích thân làm lấy. Khi đi xuống cầu thang, tôi thấy Mary đang đứng ở cửa sổ trước; lúc tôi đến

gần, nó đóng cửa sổ lại và gai thật cẩn thận. Nó có vẻ hơi bối rối, hỏi tôi:

- Thưa ba, tối nay ba có cho phép Lucy đi ra ngoài không?

- Không!

- Cô ta vừa mới trở về nhà bằng cửa sau. Con dám chắc là cô ta đã đi gặp một anh chàng nào đó tại cái cửa nhỏ bên hông. Thật là một hành động không đứng đắn tí nào! Con thấy có lẽ chúng ta phải chấm dứt cái trò đùa đờn này.

- Sáng mai con hãy nói với cô ta. Con có chắc chắn là tất cả cửa nẻo đều đã được đóng kỹ không?

- Dạ chắc.

- Vậy, chúc con ngủ ngon!

Tôi hôn nó, rồi trở về phòng mình.

Thưa ông Holmes, tôi cố gắng nói cho ông biết hết tất cả, không bỏ quên một chi tiết nhỏ nhặt nào có liên hệ đến vụ này. Nhưng nếu ông thấy có một điểm nào không được rõ, xin ông cứ hỏi lại, đừng ngại gì cả.

- Bản tường thuật của ông khá rõ ràng đấy.

- Tôi ngủ không say lắm. Đêm hôm đó do có một nỗi lo âu tiềm tàng trong tâm trí nên tôi càng khó ngủ hơn nữa. Khoảng hai giờ sáng, một tiếng động trong nhà làm tôi giật mình: tiếng động đó im bặt khi tôi hoàn toàn tỉnh ngủ, nhưng tôi có cảm giác như thể một cánh cửa sổ ở đâu đó đã được đóng lại thật êm. Tôi cố lắng tai nghe. Thình lình, tôi ngồi nhồm dậy: có tiếng chân đi rất nhẹ trong căn phòng kế bên. Tôi liền nhảy xuống giường và chạy đến mở cửa phòng rửa mặt ra.

- "Arthur"! Tôi kêu lên, "Thằng vô lại! Thằng ăn cắp! Sao mà dám đụng đến chiếc vương miện đó?"

Bên cạnh chiếc đèn chong đã được tôi vặn nhỏ lại hơi đầu hôm, thằng khốn nạn chỉ mặc áo sơ mi với quần dài, hai tay

đang cầm chiếc vương miện. *Dường như nó đang cố gắng hết sức để vịn hay bẻ cong chiếc vương miện lại.* Nghe tiếng la của tôi, nó buông chiếc vương miện rơi xuống sàn nhà, gương mặt tái mét. Tôi lượm chiếc vương miện lên thật nhanh và xem xét nó. Một góc bằng vàng, với ba viên ngọc berin gắn vào đó, đã bị sút mất.

- “Thằng bất hiếu”! Tôi giận dữ hét lên. “Mày đã phá hư nó rồi! Thế là tao bị ô nhục suốt đời. Mày ăn cắp ba viên ngọc rồi phải không?”

- Ăn cắp? - Nó lặp lại.

- Phải, mày đã ăn cắp mất ba viên ngọc berin! - Tôi hét lớn, nắm vai nó, lắc mạnh.

- Nhưng có thiếu viên ngọc nào đâu!

- Thiếu ba viên! Mày vừa là một thằng nói láo, vừa là một thằng ăn cắp.

- Ba đã gọi con bằng những danh từ mà con không thể chấp nhận được, con không thể chịu đựng những lời nhục mạ của ba được nữa. Con sẽ không nói thêm một tiếng nào về vụ này. Con sẽ rời khỏi nhà của ba và sẽ tự lo lấy thân con.

- “Mày sẽ rời khỏi nhà tao giữa hai cảnh sát!” Tôi hét lớn, giận dữ. “Vụ này sẽ được đưa ra công lý, tao thề như thế!”

- “Con sẽ không nói gì cả!” Nó đáp với một vẻ quyết liệt mà tôi chưa bao giờ trông thấy nơi nó. “Ba đã muốn gọi cảnh sát đến thì hãy để cho cảnh sát làm việc”.

Trong lúc đó, mọi người trong nhà đã thức dậy. Mary là người đầu tiên chạy vào, trông thấy chiếc vương miện và nhìn gương mặt của Arthur, nó đoán biết hết câu chuyện, kêu lên một tiếng và ngã quỵ xuống sàn nhà, bất tỉnh. Tôi cho chị bồi phòng đi gọi cảnh sát đến. lát sau, một thanh tra và một cảnh sát viên đến. Arthur, nãy giờ vẫn khoanh tay đứng im, vẻ mặt bực tức, lên tiếng hỏi tôi có ý định tố cáo nó về tội trộm cắp hay không. Tôi trả lời với nó rằng vụ này không còn là một vụ riêng tư nữa, và tôi muốn pháp luật được thi hành triệt để.

- Ít nhất, xin ba đừng cho bắt con ngay bây giờ! Vì quyền lợi của ba cũng như của con, xin ba hãy để cho con đi ra ngoài trong năm phút.

- Phải chăng mày muốn bỏ trốn hay mày muốn cất giấu mấy viên ngọc.

Ý thức được tất cả tình trạng khủng khiếp của tôi, tôi năn nỉ nó nên nhớ rằng vụ này có thể gây ra một tai tiếng ghê gớm, ảnh hưởng tai hại đến uy tín của quốc gia. Tất cả những nguy cơ đó hãy còn có thể tránh được, chỉ cần nó cho tôi biết ba viên ngọc bây giờ ở đâu.

- "Con đủ lớn khôn để nhận thức được tất cả tầm quan trọng của vụ này và nhìn thẳng vào nó. Con đã bị bắt quả tang: không một lời thú nhận nào có thể làm giảm tội lỗi của con được. Nhưng con có thể khoan hồng bằng cách nói cho ba biết những viên ngọc đó ở đâu. Ba sẽ tha thứ hết.

- Ba hãy để dành sự tha thứ cho những kẻ nào cần đến nó! - Arthur quay lưng lại với tôi và cười gằn.

Thấy không còn cách nào thuyết phục được nó nữa, tôi đành giao nó cho viên thanh tra cảnh sát canh giữ. Liên đó, nó bị lục soát, cảnh sát cũng lục soát phòng riêng của nó và tất cả những góc kẹt ở trong nhà. Nhưng vẫn không tìm thấy gì. Và nó vẫn không nói một tiếng nào. Sáng nay, nó đã bị tổng giam, còn tôi, sau khi đã làm xong tất cả những thủ tục cần thiết, tôi liền chạy đến đây. Hiện tại, cảnh sát đã thú nhận bắt lục. Thưa ông Holmes, nếu thấy cần phải tiêu xài những gì, xin ông hãy cứ tự nhiên: tôi đã treo một phần thưởng 1000 đồng bằng... Chúa ôi! Chỉ trong một đêm, tôi đã mất hết danh dự và đứa con trai duy nhất! Ôi, làm sao bây giờ?

Ông ta đưa hai bàn tay lên ôm lấy mặt, lắc qua, lắc lại, miệng nói lảm bảm những lời vô nghĩa như một đứa trẻ.

Sherlock Holmes ngồi im lặng trong vài phút, đôi mày nhíu lại, mắt nhìn đăm đăm vào ngọn lửa trong lò sưởi.

- Ông có thường tiếp khách không? - Holmes hỏi.

- Tôi không tiếp ai cả, ngoại trừ người hùn vốn và gia đình của ông ta, hoặc thỉnh thoảng một người bạn của Arthur. Thời gian gần đây, George Burnwell có đến nhà tôi nhiều lần. Ngoài ra, không có ai khác.

- Ông có thường hay đến chỗ này chỗ kia chơi không?

- Arthur thì có. Mary và tôi ở nhà. Cả Mary và tôi đều không thích đi chơi.

- Đó là một điều lạ lùng đối với một thiếu nữ!

- Nó có một bản tính trầm lặng. Và lại nó cũng không còn bé gì nữa: đã hai mươi bốn tuổi rồi.

- Theo lời ông kể lại, vụ này cũng đã gây cho cô ấy một cơn xúc động ghê gớm, phải không?

- Phải.

- Cả cô ấy lẫn ông đều không còn một chút nghi ngờ gì nữa về sự có tội của con trai ông?

- Còn nghi ngờ gì nữa khi chính mắt tôi trông thấy chiếc vương miện nằm trong hai bàn tay của nó?

- Đó chưa phải là một bằng chứng để buộc tội. Có phải phần còn lại của chiếc vương miện đã bị hư hại không?

- Phải, bị cong vẹo.

- Vậy ông không nghĩ rằng con trai của ông đang tìm cách uốn nó lại hay sao?

- Ông đang cố gắng làm những gì có thể làm được cho nó và cho tôi! Nhưng đó là một công việc quá khó khăn. Tại sao nó lại có mặt ở đó, để làm gì vậy? Với chiếc vương miện trong tay? Và nếu nó vô tội, tại sao nó không nói, mà cứ im lặng?

- Đúng! Và nếu cậu ấy có tội, tại sao cậu không bịa ra một điều nói láo thay vì im lặng? Trong vụ này còn có nhiều chi tiết kỳ lạ. Về cái tiếng động đã đánh thức ông dậy, ý kiến của cảnh sát như thế nào?

- Cảnh sát nói tiếng động đó có thể do Arthur gây ra khi nó đóng cửa phòng của nó lại.

- Rất khó tin! Không một người nào sắp sửa làm một hành động bất lương lại đóng sầm cửa phòng của mình lại để đánh thức người khác dậy! Còn về ba viên ngọc?

- Họ tiếp tục lục lọi trong nhà với hy vọng sẽ tìm lại được chúng.

- Họ có nghĩ đến việc tìm kiếm ở bên ngoài ngôi nhà không?

- Có. Tất cả khu vườn đã được xem xét rất tỉ mỉ, không sót một chỗ nào.

- Thưa ông, vụ này phức tạp nhiều hơn là ông cảnh sát đã tưởng lúc ban đầu. Xin ông hãy xét kỹ lại giả thiết của ông: Ông cho rằng con trai ông đã rời khỏi phòng của cậu ấy, đi vào phòng rửa mặt của ông (một hành động rất liêu lĩnh), mở bàn giấy của ông ra, lấy chiếc vương miện, dùng hết sức lực bẻ gãy một góc nhỏ của nó, rồi trở ra khỏi phòng, đi đến một chỗ X nào đó để cất giấu ba viên ngọc (và cất giấu một cách tài tình đến độ không ai có thể tìm ra được), rồi cậu ấy lại mang 36 viên ngọc còn lại đi trở vào căn phòng (nơi mà cậu ấy rất dễ dàng bị phát giác). Nào, tôi xin hỏi ông, một giả thiết như thế có đứng vững không?

- “Nhưng, như vậy thì theo ông, còn có giả thiết nào khác nữa?” Ông chủ ngân hàng kêu lên với một cử chỉ tuyệt vọng. “Mà nếu những động cơ của nó là ngay thật, tại sao nó không nói lên cho tôi biết?”

- Công việc đầu tiên của chúng ta là sẽ làm sáng tỏ điểm này. Vậy, nếu ông bằng lòng, chúng ta sẽ cùng đi đến Streatham, ở đó chúng ta sẽ xem xét thật kỹ một số chi tiết.

Holmes yêu cầu tôi cùng đi với anh và ông Holder. Tôi nhận lời ngay. Thú thật, cũng như ông Holder, tôi thấy người thanh niên đó đã phạm tội rõ ràng. Nhưng tin tưởng nơi tài

nhận xét và suy luận ít khi sai lầm của Holmes, tôi vẫn còn một vài hy vọng: ngay từ đầu, Holmes đã bác bỏ giả thiết quá giản dị về sự có tội của Arthur.

Fairbank là một ngôi nhà bằng đá trắng, hình dáng vuông vức, nằm hơi cách xa đường lộ một chút. Một con đường vòng khá rộng để hai chiếc xe có thể chạy song song với nhau và một lối đi chạy dài đến trước hai chiếc cổng sắt chắn ngang lối vào. Ở bên phải có một rặng cây nhỏ đưa đến lối đi nằm giữa hai hàng rào cây xanh: lối đi này đưa đến cửa nhà bếp và là lối đi dành cho gia nhân. Ở bên trái có một lối đi khác hướng về phía chuồng ngựa, nó chạy quanh co bên ngoài khu vực ngôi nhà, và thỉnh thoảng những người lân cận cũng đi theo lối này. Holmes dừng lại trước cửa lớn, chậm chạp đi khắp chung quanh nhà: anh đi qua hết mặt trước của ngôi nhà, đi xuống lối đi dành cho gia nhân và đi vòng quanh khu vườn rồi trở lên bằng lối đi đưa đến chuồng ngựa. Thấy anh không có vẻ gì vội vã cả, ông Holder và tôi bèn đi vào phòng ăn, ngồi chờ anh bên lò sưởi. Chúng tôi ngồi im lặng được một lúc thì một thiếu nữ xuất hiện. Nàng hơi cao hơn trung bình một chút, thân hình mảnh dẻ, tóc vàng và mắt đen huyền nổi bật trên làn da trắng muốt. Gương mặt nàng xanh xao, đôi môi nhợt nhạt và ánh mắt biểu lộ một sự van xin căm lạng, nhưng vô cùng tha thiết. Khi nàng tiến vào phòng với một dáng đi nhanh nhẹn và đều đặn, tôi nhận thấy nỗi đau buồn của nàng còn có phần sâu xa hơn về đau buồn của ông chủ ngân hàng. Không quan tâm đến sự hiện diện của tôi, nàng tiến thẳng về phía người chủ lâu đài và đặt hai bàn tay lên gương mặt ông:

- Ba đã bảo người ta thả anh Arthur ra chưa?

- Không, con ạ. Ung nhọt cần phải được cắt bỏ.

- Nhưng con tin chắc rằng anh ấy vô tội! Ba biết không, trực giác của một phụ nữ rất ít khi sai lầm. Ba sẽ hối hận khi đã tỏ ra quá khắt nghiệt.

- Nếu nó vô tội, tại sao nó lại làm thình?

- Ai có thể biết được? Có lẽ anh ấy giận ba đã nghi ngờ anh.

- Làm sao ba không nghi ngờ nó được. Chính mắt ba trông thấy nó cầm chiếc vương miện mà?

- Ồ, anh ấy chỉ xem thôi ... Ba hãy tin con, anh ấy không có tội! Ba hãy bỏ quá cái vụ này đi. Thật là một điều ghê gớm khi nghĩ rằng Arthur bị ở tù!

- Ba sẽ không bỏ qua vụ này trước khi tìm lại được mấy viên ngọc. Thay vì bỏ qua, ba đã mời từ Luân Đôn về một thám tử đại tài sẽ làm sáng tỏ tất cả, ba tin chắc như thế!

- Có phải là ông đây không? - Nàng hỏi, vừa nhìn vào mặt tôi.

- Không, bạn của ông ấy. Trong lúc này, thám tử đang đi vòng theo lối đi đưa đến chuồng ngựa.

- "Lối đi đưa đến chuồng ngựa? ..." Nàng nhướn đôi mày đen lên. "Ông ấy có thể hy vọng tìm được gì ở đó? Và, chắc là ông ấy đây rồi. Thưa ông, tôi hy vọng rằng ông sẽ chứng tỏ được sự vô tội của anh Arthur. Tôi tin chắc là anh ấy bị hàm oan".

- "Tôi hoàn toàn đồng ý với cô, và cũng như cô, tôi hy vọng sẽ chứng tỏ được sự vô tội của cậu ấy", Holmes đáp, vừa quay trở lại tám chùi chân để chùi sạch lớp tuyết bám vào đôi giày anh. "Chắc là tôi đang được hân hạnh nói chuyện với cô Mary phải không? Cô có thể cho phép tôi hỏi cô một vài câu không?"

- Xin ông cứ hỏi! Tôi rất muốn điều bí mật khủng khiếp này được làm sáng tỏ...

- Về phần cô, cô không có nghe gì cả trong đêm vừa qua?

- Không, cho đến khi bác tôi bắt đầu la lớn lên. Lúc đó tôi mới chạy xuống.

- Khi đóng những cửa lớn và cửa sổ, cô có đóng kỹ tất cả những cửa sổ không?

- Có.

- Sáng nay, tất cả những cửa sổ đó vẫn còn được đóng kín chứ?

- Vâng.

- Một trong những chị bồi phòng có một tình nhân, phải không? Và tối hôm qua, cô có báo cho ông chủ biết rằng chị ấy đã đi ra ngoài để gặp anh ta?

- Phải. Lúc chị ấy pha cà-phê trong phòng khách, có lẽ chị ấy đã nghe bác tôi nói về chiếc vương miện.

- Tôi hiểu. Cô suy ra rằng chị ấy có thể đã đi ra ngoài để báo cho tình nhân biết, và cả hai người đó đã sắp đặt kế hoạch để lấy trộm chiếc vương miện.

- “Nhưng chúng ta còn đặt ra những giả thiết phiêu lưu đó để làm gì?” Ông chủ ngân hàng nóng nảy kêu lên. “Bởi vì tôi đã nói rằng chính mắt tôi trông thấy Arthur đang cầm chiếc vương miện trong tay mà!”

- Xin ông hãy kiên nhẫn một chút. Chúng ta còn phải trở lại với giả thiết này, với chị bồi phòng đó. Cô Mary, cô đã trông thấy chị ấy trở vào bằng cửa nhà bếp, phải không?

- Phải. Khi tôi đi xem xét coi cửa nhà bếp đã đóng chưa, tôi trông thấy chị ấy lướt êm vào nhà. Trong sương mù, tôi cũng vẫn trông thấy tình nhân của chị.

- Cô có biết anh ta không?

- Có chứ! Anh ta tên là Francis.

- Anh ta đứng ở bên trái của nhà bếp, nghĩa là hơi xa một chút trong lối đi? - Holmes nói.

- Phải.

- Và anh ta có một cái chân gỗ?

Một thoáng lo sợ hiện lên trong đôi mắt của người thiếu nữ.

- “Phải chăng ông là một vị thánh”? Nàng mỉm cười kêu lên. “Làm sao ông biết được điều đó?”

Nhưng Holmes không đáp lại nụ cười của nàng. Anh nói tiếp:

- Tôi cần xem xét trên lầu. Và có thể là tôi sẽ quan sát lại khắp chung quanh nhà một lần nữa. Nhưng trước khi lên lầu, có lẽ tôi nên xem xét kỹ những cửa sổ của tầng dưới...

Anh nhanh chóng đi từ cửa sổ này đến cửa sổ khác và dừng lại một lúc trước cửa sổ lớn ngó ra lối đi đưa đến chuồng ngựa. Anh mở nó và dùng chiếc kính lúp xem xét thật tỉ mỉ bờ cửa sổ.

- Tốt! Bây giờ chúng ta có thể đi lên lầu, - Sau cùng anh nói.

Phòng rửa mặt của ông chủ ngân hàng là một căn phòng nhỏ đầy đủ tiện nghi. Nó có một tấm thảm màu xám, một chiếc bàn giấy lớn và một tấm gương soi hình chữ nhật. Holmes tiến đến chiếc bàn giấy và nhìn chăm chú vào ổ khóa.

- Ông thường mở nó bằng chìa nào?

- Chiếc chìa mà con trai tôi đã chỉ: chìa khoá của chiếc tủ để trong phòng bỏ đồ đạc không dùng đến nữa..

- Nó có ở đây không?

- Nó ở trên bàn.

Holmes lấy chiếc chìa khoá và mở bàn giấy ra:

- Chìa khoá này không gây một tiếng động nào cả. Do đó, kẻ gian mở bàn giấy ra mà vẫn không làm cho ông thức giấc. Chắc cái hộp này đựng chiếc vương miện? Ông cho phép tôi xem nó một chút.

Anh mở chiếc hộp, lấy chiếc vương miện ra đặt lên bàn. Một đầu của vương miện bị cong lại và bị gãy: một góc chứa ba viên ngọc đã bị bẻ đi mất.

- Ông Holder, đây là cái góc đối xứng với cái góc đã bị mất. Tôi có thể yêu cầu ông thử bẻ gãy nó được không?

Ông chủ ngân hàng kinh hãi, lùi lại.

- Không! 'Tôi không thể làm được chuyện đó!

- Vậy thì tôi sẽ thử...

Holmes lấy hết sức mạnh bẻ một cái, nhưng không kết quả.

- "Tôi chắc nó chỉ hơi cong một chút xiu thôi" anh bình tĩnh nhận xét. "Nhưng đầu những ngón tay của tôi có mạnh đến mấy, tôi cũng không thể bẻ gãy nó được. Nhưng, ông hãy thí dụ là tôi bẻ gãy nó đi: nó sẽ phát ra một tiếng rắc khô khan và khá lớn, gần như tiếng nổ của một phát súng lục vậy. Và nếu một tiếng động như vậy mà chỉ phát ra cách giường ông có vài mét, có thể nào ông lại không nghe gì cả?"

- Tôi như người đang ở trong đêm tối.

- Có lẽ tất cả sẽ sáng tỏ nếu chúng ta tiếp tục. Cô Mary, cô nghĩ sao?

- Tôi cũng không biết nghĩ sao nữa.

- Con trai của ông không có mang giày dép gì cả, khi ông trông thấy cậu ấy?

- Trên mình nó chỉ có một chiếc áo sơ-mi và chiếc quần tây dài.

- Cảm ơn ông. Chúng ta được một sự may mắn lạ thường, vậy nên nếu chúng ta không làm sáng tỏ được vấn đề, thì đó là lỗi của chúng ta.

Holmes ra ngoài một mình, làm việc trong một tiếng đồng hồ, rồi trở vào nhà với hai bàn chân dính đầy tuyết và một gương mặt lạnh lùng khó hiểu.

- Thưa ông, bây giờ, điều hay nhất mà tôi có thể làm để giúp ông, là trở về nhà tôi.

- Nhưng còn mấy viên ngọc?

- Tôi chưa thể nói được.

Ông chủ ngân hàng vịn vẹo hai bàn tay vào nhau:

- "Vậy là tôi sẽ không bao giờ trông thấy lại chúng!" ông ta kêu lên. "Còn con trai tôi?"

- Tôi vẫn không thay đổi ý kiến về cậu ấy.

- Vậy, tôi van ông, xin ông giải thích, nó như thế nào?

- Nếu sáng mai, ông có thể đến nhà tôi, trong khoảng từ 9 đến 10 giờ, tôi sẽ giải thích cho ông thấy rõ tất cả. Có phải ông đã giao cho tôi toàn quyền chỉ tiêu, miễn sao thu hồi lại được ba viên ngọc?

- Tôi sẵn sàng chi cả gia tài.

- Tốt lắm. Bây giờ tôi đi lo việc đó. Xin chào ông.

Trong chuyến đi trở về, tôi tìm cách dò hỏi nhưng Holmes trả lời rất vụ vơ. Chúng tôi về đến nhà trước ba giờ chiều. Holmes chạy thẳng vào phòng, vài phút sau anh trở ra, cải trang thành một anh bồi: cổ áo cuốn tròn, bộ đồ sờn rách với chiếc cà vạt đỏ và đôi giày mòn gót.

- “Như thế này là được rồi”, anh nói, vừa ngắm nghía mình trong gương. “Trong vụ này, có thể là giả thiết của tôi đúng, nhưng cũng có thể là tôi sai lầm. Dầu sao, rồi ra tôi cũng sẽ biết rõ sự thật”.

Anh cắt một lát thịt bò nướng, kẹp nó vào giữa hai miếng bánh mì và ra đi.

Khi anh trở về, tôi vừa uống xong tách trà. Trông anh có vẻ vui tươi thấy rõ: anh cầm một chiếc giày cũ ở đầu sợi dây giày, dong đưa nó qua lại rồi ném nó vào một góc phòng, tôi rút cho anh một tách trà.

- Tôi chỉ về một chút rồi lại đi ngay, để tiếp tục cuộc điều tra.

- Ở đâu vậy?

- Ồ, ở tận đầu kia của vùng West End. Và tôi không biết giờ nào tôi sẽ về. Vậy anh không cần chờ tôi!

- Có triển vọng không?

- Không tệ lắm! Tôi đã đi đến Streatham, nhưng không vào nhà. Vụ này là một vấn đề nhỏ rất lý thú. Thôi, tôi chỉ còn vừa đủ thì giờ để thay đồ.

Qua những lời nói có vẻ hơi mơ hồ của anh, tôi hiểu anh đã đạt được những kết quả rất khả quan. Chờ đến khuya vẫn chưa thấy anh về, tôi bèn đi ngủ.

Tôi không biết Holmes về hồi mấy giờ, nhưng sáng hôm sau, khi xuống phòng khách để ăn điểm tâm, tôi đã thấy anh ngồi đó tự bao giờ, tươi tỉnh và khỏe khoắn, tay này cầm một tờ báo, tay kia một tách cà phê.

- Xin lỗi đã không đợi anh để cùng ăn, nhưng chúng ta có hẹn với thân chủ, và bây giờ đã hơn 9 giờ rồi.

- Thật vậy, dường như tôi vừa mới nghe có tiếng chuông reo.

Quả đúng là nhà tài chính của chúng tôi. Nhưng chỉ mới có một đêm mà ông tiêu tụy hẳn! Ông tiến vào phòng với một vẻ mệt mỏi và đờ đẫn. Tôi đẩy một chiếc ghế bành đến cho ông và ông liền ngồi phịch xuống.

- Không biết tôi đã làm gì nên tội! Cách đây hai hôm, tôi còn là một người thịnh vượng và sung sướng. Nhưng hôm nay tôi là một người khốn khổ nhất trên đời. Họa vô đơn chí, con nhỏ đã ra đi rồi.

- Mary bỏ đi rồi à?

- Phải. Sáng nay. Phòng nó trống trơn, trên bàn có một lá thư. Ngày hôm qua, trong cơn đau buồn, tôi có trách nó rằng tất cả câu chuyện thê thảm này sẽ không xảy đến nếu trước kia nó bằng lòng kết hôn với Arthur. Trong thư, nó nhắc đến lời trách móc đó.

"Thưa bác rất thân yêu của con.

Con thấy rằng con là nguyên nhân gây ra tai họa cho bác, rằng nếu con đã hành động khác hơn thì tai họa đó đã không xảy đến. Với ý nghĩ này ám ảnh trong đầu, con sẽ không bao giờ có thể sung sướng được ở trong nhà bác nữa; vậy tốt hơn con nên vĩnh viễn từ biệt bác. Xin bác đừng lo lắng gì cả cho tương lai của con; con không thiếu thốn gì đâu. Nhất là xin

bác đừng tìm kiếm con, mà mắt thì giữ vô ích. Dầu còn sống hay chết, mãi mãi con vẫn là cháu Mary thương yêu của bác".

- Ông Holmes, Mary có tự tử không?

- Không! Cô ấy đã chọn giải pháp tốt nhất: ông Holder, tai họa của ông sắp chấm dứt rồi.

- Thế à? Nhưng ngọc đâu?

- Ông có nghĩ rằng 1000 đồng bằng cho mỗi viên ngọc là một số tiền quá lớn không?

- Tôi sẵn sàng trả 10.000 đồng!

- Không cần nhiều đến thế. Chỉ cần ba ngàn đồng. Cộng thêm một số tiền thưởng nhỏ nữa, phải không? Ông có mang theo cuốn ngân phiếu không? Đây, bút đây. Ông chỉ cần viết một ngân phiếu bốn ngàn đồng bằng; thì mọi việc sẽ êm đẹp cả.

Ông chủ ngân hàng mừng quýnh, tay run run viết tờ ngân phiếu. Holmes đi đến bàn giấy của anh, lấy ra một miếng tam giác nhỏ bằng vàng có gắn ba viên ngọc berin và ném nó lên bàn.

- "Nó đây rồi! Ông đã tìm ra nó"! Người chủ ngân hàng nói lấp bắp. "Tôi thoát nạn rồi! Thoát nạn rồi"! Ông siết chặt những viên ngọc sát ngực.

- Ông còn mắc nợ một điều khác nữa, ông Holder. Holmes nói với một vẻ nghiêm khắc.

- "Tôi còn mắc nợ"? Ông ta hỏi lại, vừa cầm cây bút trở lên. "Hãy nói cho tôi biết bao nhiêu, tôi vui lòng trả".

- Không, ông không mắc nợ tôi gì cả. Nhưng ông phải thiết tha xin lỗi con trai ông. Đó là một tâm hồn cao quý. Trong vụ này, cậu ấy đã hành động một cách dũng cảm và cao thượng.

- Arthur không ăn cắp sao?!

- Tôi đã nói với ông ngày hôm qua, và tôi nói lại với ông ngày hôm nay: KHÔNG!

- Chắc chắn chứ? Vậy chúng ta hãy chạy đến nhà giam báo cho nó hay.

- Cậu ấy đã biết rồi! Sau khi tìm ra được sự thật, tôi có đến nhà giam nói chuyện với cậu ấy. Vì cậu ấy không chịu mở miệng, nên tôi đã nói cho cậu ấy biết hết mọi điều. Cậu ấy nhìn nhận tôi suy diễn đúng sự thật. Và cậu ấy giải thích thêm vài chi tiết hãy còn hơi lơ mờ. Cái tin về cô Mary sẽ khiến cậu ấy nói hết mọi việc cho ông biết.

- Tôi van ông, xin ông hãy nói hết cho tôi nghe.

- Vâng. Nhưng tôi buộc phải bắt đầu bằng sự việc đau lòng nhất cho ông: *Thủ phạm là Mary và George Burnwell. Bây giờ họ đã trốn rồi.*

- Con bé à? Không thể có chuyện đó!

- Khốn thay, đây không phải là chuyện có thể hay không có thể, mà đây là chuyện có thật! Cả ông lẫn con trai ông đều không hiểu rõ bản chất của George Burnwell. Đó là một trong những người nguy hiểm nhất ở nước Anh: một tay cờ bạc bị sạt nghiệp, một tên lưu manh bất trị, một kẻ không có lương tâm. Cô cháu gái của ông hoàn toàn không biết gì cả về hắn. Khi ông ta bắt đầu tán tỉnh cô ấy (cũng như ông ta đã tán tỉnh hàng trăm phụ nữ trước cô ấy), Mary đã hãnh diện, nghĩ rằng cô là người đầu tiên và cũng là người duy nhất làm cho trái tim ông ta rung động. Chỉ có quý mới biết được những gì tên lưu manh đó đã nhỏ to với Mary; có điều chắc chắn là trong vòng tay của hắn, nàng đã trở thành một món đồ chơi: gần như đêm nào hai người cũng lên lút gặp nhau.

- Tôi không tin, không thể tin được! - Ông chủ ngân hàng hét lớn lên, gương mặt màu xám như tro.

- Tốt. Vậy tôi sẽ kể cho ông nghe những gì đã xảy ra ở nhà ông đêm hôm đó. *Khi ông đi vào phòng ông thì Mary lên ra khỏi phòng cô ấy và đến đứng bên chiếc cửa sổ dạy ra lối đi, dẫn tôi chuồng ngựa và nói chuyện với tinh nhân đang*

đứng ở bên ngoài. Dấu chân của gã bắt lương in rõ trên tuyết trong suốt thời gian ông ta đứng gần bên cửa sổ. Mary đã nói với ông ta về chiếc vương miện. Lòng tham của kẻ bắt thiu liền nổi dậy và ông ta thuyết phục nàng đánh cắp bảo vật. Vừa nghe xong những lời dụ dỗ đó, Mary bỗng trông thấy ông đang đi xuống cầu thang, cô vội vã đóng cửa sổ lại và kể cho ông nghe chuyện chị bồi phòng.

"Về phần con trai ông, sau khi xin tiền ông không được, cậu trở về phòng mình nằm trần trọc mãi, tâm trí lo âu vì những món nợ. Lúc nửa đêm, cậu nghe có tiếng bước chân đi nhẹ qua cửa phòng mình. Cậu liền ngồi dậy, nhìn ra ngoài hành lang và kinh ngạc thấy Mary đi vào trong phòng rửa mặt của ông. Sinh nghi, cậu liền mặc vội vào người một chiếc sơ mi và chiếc quần tây dài rồi đứng núp trong bóng tối. Một lát sau, Mary xuất hiện dưới ánh sáng của chiếc đèn đặt ở dãy hàng lang, và con ông thấy rõ nàng cầm chiếc vương miện đi xuống cầu thang. Kinh hãi, cậu liền chạy đến ẩn mình sau tấm màn, gần cửa phòng ông. Tại đó, cậu thấy cô gái nhẹ mở chiếc cửa sổ lớn, trao vương miện cho một kẻ nào ở bên ngoài, rồi nhanh chóng đóng cửa sổ lại và trở về phòng của nàng.

"Cho tới khi nào Mary vẫn còn đứng đó, Arthur không thể làm gì được mà không gây tai tiếng cho người mà cậu thương yêu.

Nhưng khi nàng đi rồi, cậu liền chạy xuống cầu thang với đôi chân trần. Cậu mở chiếc cửa sổ lớn, nhảy ra ngoài tuyết và lao mình trên lối đi dẫn đến chuồng ngựa. Đàng trước cậu hiện ra lờ mờ bóng một người đàn ông đang chạy: George Burnwell cố gắng chạy trốn, nhưng Arthur đã tiến sát đến ông ta. Hai người chiến đấu với nhau: con ông nắm giữ một đầu của vương miện và gã sở khanh nắm giữ đầu kia. Con trai ông đã nện cho tên lưu manh một vết khá nặng ở phía trên mắt. Rồi thình lình một tiếng "rác" khô khan vang lên. Nhưng con trai ông, nhận thấy mình đã giựt lại được vương miện, liền

chạy trở về nhà, đóng cửa sổ lại, leo lên phòng rửa mặt của ông. Chính lúc cậu nhận thấy chiếc vương miện đã bị bẻ cong và cố gắng uốn cho nó thẳng lại thì ông xuất hiện.

- Có thể nào như thế chăng? - Ông chủ ngân hàng nói thì thầm.

- Và lúc đó, ông đã làm cho cậu giận dữ với những lời mắng nhiếc thậm tệ. Nhưng cậu đã chọn giải pháp cao thượng nhất: im lặng để giữ bí mật cho nàng.

- "Thế là bây giờ tôi mới hiểu tại sao con nhỏ đã la lên một tiếng và bất tỉnh khi nó trông thấy chiếc vương miện"! Ông Holder đau đớn nói. "Chúa ơi, tôi thật là u mê. Và con tôi đã xin tôi để nó đi ra ngoài trong 5 phút! Thăng bé muốn đi trở lại chỗ nó đã đánh nhau với tên ác ôn để tìm miếng vương miện bị bẻ ... Ôi, tôi rất có lỗi với con tôi".

- Khi đến nhà ông, tôi liền đi một vòng khắp chung quanh, hy vọng tìm được những dấu chân trong tuyết. Tôi biết rằng đêm hôm trước đó tuyết không có rơi, và không khí lạnh giá giữ được nguyên vẹn những dấu vết. Tôi men theo lối đi dành cho gia nhân, nhưng ở đây đã có quá nhiều dấu chân dẫm lên nhau và tôi không thể phân biệt được gì nữa. Tuy nhiên, tôi cũng nhận ra rằng cách cửa nhà bếp không xa, một người đàn bà đã dừng lại và nói chuyện với một người đàn ông: một dấu tròn ở một bên chứng tỏ người đàn ông này có một cái chân gỗ... Sau đó, tôi đi khắp khu vườn, nhưng tôi chỉ tìm thấy ở đó những dấu chân lộn xộn khắp nơi: tôi cho đó là những dấu chân của các cảnh sát. Trái lại, khi đi theo lối đi dẫn đến chuồng ngựa, tôi đã khám phá được cả một câu chuyện rất dài và rất phức tạp: chính những dấu chân còn in rõ mồn một trên tuyết đã kể cho tôi biết.

"Có hai loại dấu chân song song với nhau: dấu chân của người mang giày và dấu chân của người - đi - chân - không. Những dấu chân tròn này chỉ có thể là của con trai ông. Lần theo những dấu chân đó về phía ngôi nhà, tôi đi đến chiếc cửa sổ lớn: ở đó tôi thấy dấu chân của người mang giày in rất sâu

xuống lớp tuyết, chứng tỏ người đó đã đứng đây một lúc khá lâu, có lẽ là để chờ đợi. Rồi, vẫn lần theo những dấu chân, tôi quay trở lại đầu kia của lối đi. Cách chừng 100 mét, tôi nhận ra được chỗ hai người đã dừng lại đối diện với nhau: lớp tuyết bị chà đạp hỗn loạn ở đây chứng tỏ đã có một cuộc chiến đấu dữ dội xảy ra. Sau cùng, tôi tìm thấy vài giọt máu: vậy là tôi đã không lầm. Người mang giày đã tháo chạy xuống phía dưới của lối đi: một vết máu nhỏ ở đây chứng tỏ là chính hắn đã bị thương. Hắn chạy ra đến con đường lớn, nhưng đến đây thì mất dấu của hắn, bởi vì lề đường và lòng đường đã được quét sạch.

Tuy nhiên, khi trở về nhà, tôi dùng kính lúp xem xét thật kỹ bờ và khung của chiếc cửa sổ lớn. Tôi liền nhận ra ngay có một người đã nhẩy qua đó để trở vào nhà. Tôi thấy rõ dấu của một bàn chân còn ướt trên bờ cửa sổ. Lúc bấy giờ, với những chi tiết được thu thập và phân tích như thế, tôi đã có thể dựng lên một giả thiết:

“Có một người đàn ông đã đứng chờ ở bên ngoài chiếc cửa sổ lớn, một kẻ nào đó ở trong nhà đã đem chiếc vương miện xuống trao cho hắn, con trai ông đã bắt gặp được sự việc này. Cậu đã đuổi theo tên trộm, đã đánh nhau với nó, mỗi người cố gắng lôi kéo chiếc vương miện về phía mình, và hai sức lực của hai người cộng lại đã làm cho chiếc vương miện bị gãy mất một góc. Con trai ông đã thu hồi lại được chiếc vương miện nhưng đã bỏ lại ba viên ngọc trong tay gã địch thủ ác ôn”. Cho tới đó, mọi sự đều rõ ràng, hợp lý. Vấn đề đặt ra bây giờ là tìm xem tên trộm đó là ai và kẻ nào ở trong nhà đã đem chiếc vương miện xuống cho hắn.

Trong vụ này, chắc chắn ông không phải là người đã đem vương miện xuống cho tên trộm. Vậy chỉ còn cô cháu gái của ông và những chị bồi phòng. Nhưng nếu thủ phạm là những chị bồi phòng thì không có lý do gì Arthur lại im lặng. Vậy chỉ còn có Mary, và tôi biết rằng Arthur rất thương yêu cô ta;

điều này đủ để giải thích tại sao cậu chịu cảm như hén ... Tôi nhớ lại rằng ông đã bắt gặp Mary đứng ở bên chiếc cửa sổ đó, rằng nàng đã ngất xỉu khi mắt trông thấy chiếc vương miện mà nàng tưởng rằng đang ở trong tay kẻ đồng lõa của nàng: thế là giả thiết của tôi đã trở thành sự thật.

“Nhưng ai có thể là kẻ đồng lõa của nàng? Dĩ nhiên đó phải là một gã tình nhân. Bởi vì không ai đủ sức làm cho nàng quên được ông? Tôi biết rằng ông rất ít khi đi ra ngoài chơi, và con số những người bạn thân của gia đình ông cũng rất ít. Nhưng trong số đó có George Burnwell, một người đàn ông bị tai tiếng rất nhiều đối với giới phụ nữ. Có lẽ chính ông ta là người đồng lõa của Mary và chính ông ta đang giữ những viên ngọc bị mất. Dầu Arthur có biết rõ ông ta là tên trộm, ông ta vẫn có thể được an toàn, bởi Arthur sẽ không dám tiết lộ ra một điều sẽ gây tai tiếng cho gia đình cậu.

“Lúc bấy giờ tôi cải trang thành một người bồi, đi đến nhà gã quý tộc. Anh này cho tôi biết là đêm vừa qua ông chủ của anh ta đã vô ý tự gây ra một vết thương ở mặt. Và sau cùng, với 6 xu, tôi mua được một đôi giày cũ của chủ anh ta. Tôi liền chạy thẳng một mạch đến Streatham để đo xem những dấu chân ở đó có đúng với kích thước và hình dạng của bàn chân ông ta không: nó y chang.

- “Tối hôm qua”, ông Holder nói, “tôi có trông thấy trên lối đi đưa đến chuồng ngựa một gã bụi đời ăn mặc rách rưới”.

- Chính là tôi đó. Sau khi đã biết chắc tên trộm đó chính là George Burnwell, tôi trở về nhà thay quần áo. Đến đây vai trò của tôi trở thành khó khăn. Bởi vì tôi hiểu rằng không nên làm rùm beng vụ này, cốt để tránh cho ông khỏi bị tai tiếng; tôi cũng biết rằng George Burnwell là một tên táng tận lương tâm, chắc chắn hẳn sẽ khai thác cái thế kẹt của ông. Lúc đầu hẳn chối leo lẻo. Nhưng khi tôi kể rõ từng chi tiết sự việc xảy ra đêm hôm đó, hẳn liền trở mặt xác xược và chụp lấy một

cái chùy treo trên vách tường. Tôi lập tức dí súng vào thái dương hấn. Tôi đề nghị với hấn cho tôi chuộc lại ba viên ngọc với giá 3000 đồng bằng. Hấn chặc lưỡi: “Thật là xui! Tôi chỉ bán có 600 đồng mà thôi!”. Tôi bèn bắt buộc hấn phải cho tôi địa chỉ người mua, đổi lại tôi hứa sẽ không lôi hấn ra tòa. Tôi chạy thẳng một mạch đến nhà người đó, và sau một hồi trả giá, tôi thầu lại được ba viên ngọc với giá 1000 đồng bằng mỗi viên. Xong, tôi liền đi gặp con trai ông để cho cậu ấy biết rằng tất cả đã được giải quyết tốt đẹp. Lúc bấy giờ đã hai giờ sáng rồi, tôi chỉ còn nghĩ đến có một việc: đi ngủ. Sau một ngày làm việc cực nhọc như thế, đây là một sự nghỉ ngơi rất ... xứng đáng đấy chứ!

- “Và đó là một ngày đã cứu nước Anh thoát khỏi một vụ tai tiếng xấu xa!”. Ông chủ ngân hàng kết luận, vừa đứng lên. “Thưa ông tôi không thể tìm ra được những lời nào để bày tỏ hết lòng biết ơn của tôi đối với ông, nhưng xin ông tin chắc rằng mãi mãi, tôi không bao giờ quên ơn ông. Bây giờ tôi chạy đến gặp con trai tôi để xin nó tha thứ cho tôi. Về phần con bé Mary đáng thương đó, hành động dại dột của nó đã làm cho tôi tan nát cả lòng. Với khả năng xét đoán tài tình của ông, ông có thể cho tôi biết bây giờ nó ở đâu không?”

- Cô ấy đang ở nơi mà George Burnwell đang ở; chẳng bao lâu, ông ta sẽ nhận một sự trừng phạt còn lớn hơn cả tội lỗi của ông ta nữa!

Những cây dẻ đỏ

Bên ngoài, làn sương mù dày đặc lơ lửng giữa những dãy nhà xám xịt. Cửa sổ nhà đối diện hiện ra những vết đen mờ, không ra hình thù gì rõ rệt. Ngọn đèn khí đốt chiếu sáng mấy chiếc đĩa sứ và bộ đồ ăn vẫn còn trên bàn. Sherlock Holmes vẫn giữ im lặng, không ngừng lật những trang báo cáo trong các tờ báo. Cuối cùng anh không lục lại nữa mà ngắm nghía ngọn lửa nhảy múa trong lò sưởi, rồi nói:

- Anh không đáng bị gán cho là một người chuyên viết chuyện "giật gân", bởi vì phần lớn những vụ án mà anh đề cập tới thì không phải là những vụ hình sự. Các câu chuyện nhỏ về Ông vua xứ Bohême, cuộc phiêu lưu của tiểu thư Mary, chuyện người đàn ông môi trề và Lễ thành hôn của nhà quý tộc độc thân... không nhất thiết thuộc phạm vi pháp luật. Nhưng nếu tránh các chuyện giật gân, thì sẽ rơi vào chỗ tầm thường.

- Trong các truyện do tôi viết, các đoạn kết thì có thể là tầm thường, nhưng phương pháp viết thì vừa mới lạ lại vừa thú vị.

- Chà chà! Anh bạn thân mến, phải chăng bây giờ đọc giả lại chịu khó để ý tới những tia sáng tinh tế của phép phân tích và phép diễn dịch? Nhưng nếu anh rơi vào chỗ tầm thường, tôi cũng không thể trách anh được, và hiện nay, đâu còn những vụ quan trọng nữa. Giờ đây cái nghề hèn mọn của tôi đang biến thành công tác tìm kiếm những đồ vật thất lạc hoặc làm cố vấn cho các công chức về hưu. Như ngày hôm nay đây, cái thư này cho tôi biết tôi đã "hết thời" rồi. Anh hãy đọc đi!

"Thưa ông Holmes thân mến,

"Tôi rất cần ý kiến của ông để quyết định xem nên nhận hay từ chối một chỗ dạy trẻ. Nếu không có gì phiền ông, tôi sẽ đến gặp ông vào lúc mười giờ rưỡi ngày mai. Chúc ông mạnh khỏe.

Violette Hunter"

- Anh quen biết cô này chứ? - Tôi hỏi.

- Tôi ấy à? Đâu có.

- Đã mười giờ rưỡi rồi.

- Vâng. Cô ta đang gọi cửa.

- Việc này có thể đáng chú ý hơn anh tưởng. Anh có nhớ vụ "con ngỗng" không. Lúc đầu nó như một chuyện khôi hài, sau đó phát triển thành một cuộc điều tra công phu và cuối cùng chúng ta được trên một ngàn đô la. Lần này cũng dám như vậy lắm.

- Hãy hy vọng thế! Nhưng sự ngờ vực của chúng ta sẽ sáng tỏ ngay thôi, vì cô ta đã tới.

Cửa mở và một thiếu nữ bước vào. Cô ta ăn mặc giản dị nhưng thích hợp. Gương mặt lạnh lợi lăm lăm những nốt tàn nhang. Tóc cô vàng óng. Cử chỉ của cô cho thấy cô là người tháo vát. Khi bạn tôi đứng lên chào, cô nói ngay:

- Xin tha lỗi đã làm rộn ông. Nhưng tôi vừa gặp một chuyện lạ lùng, mà tôi không có bà con hay bạn bè để hỏi ý kiến. Thế là tôi nghĩ tới ông: có lẽ ông vui lòng chỉ bảo tôi cách hành động?

- Thưa cô, mời cô ngồi đã. Tôi rất sung sướng được phục vụ cô.

Tôi nhận thấy là Holmes có ấn tượng tốt về ngôn ngữ và cử chỉ của người khách hàng. Đầu tiên anh ta quan sát theo thói quen cố hữu, rồi mới ngồi xuống, nghe trình bày.

- Tôi đã làm nghề dạy trẻ suốt 5 năm trong gia đình đại tá Mun-rô. Cách đây hai tháng, đại tá được bổ nhiệm đến Tân Tô Cách Lan. Ông đem theo các con nhỏ, nên tôi thất nghiệp.

Tôi đăng báo tìm việc, gửi thư đến các nơi đăng bố cáo tìm người... Tất cả đều không có kết quả. Sau cùng, tiền dành dụm đã cạn, tôi không còn biết phải làm sao. “Ở khu Tây có cơ sở Westaway chuyên tìm việc cho người dạy trẻ. Mỗi tuần một lần, tôi tới đó xem coi có chỗ nào không. Cô Tô-pơ là người quản lý cơ sở này, cô làm việc trong văn phòng nhỏ, những người lạ tìm việc ngồi trong phòng đợi, lần lượt được đưa vào. Cô Tô-pơ nghiên cứu các hồ sơ rồi tìm chỗ thích hợp cho mỗi người.

Tuần rồi, tôi được đưa vào văn phòng đó như thường lệ. Nhưng lần này ở trong phòng, ngoài cô Tô-pơ ra, còn có một người đàn ông rất mập, khuôn mặt tươi cười với một cái cằm rất to. Ông ta mang kính, nhìn đăm đăm những người bước vào phòng. Khi trông thấy tôi, ông ta nhảy dựng lên và quay sang cô Tô-pơ:

- Thật thích hợp! Tôi không mơ ước gì hơn nữa! Tuyệt vời! Tuyệt vời! - Ông ta xoa tay mừng rỡ.

- Cô tìm việc làm, phải không?

- Thưa ông, vâng.

- Cô là người dạy trẻ?

- Thưa ông, vâng.

- Lương cô bao nhiêu?

- Mun-rô trả bốn bảng một tháng.

- “Ồ! Cái tên lợi dụng! Cái tên bóc lột!” Ông ta xoa xoa tay, rồi vung vẩy tay, giận sôi sùng sục. “Tại sao có những kẻ lại có thể trả số lương tẻ mạt như vậy cho một người xuất sắc và hoàn bị như cô?”

- Về sự hoàn bị, có lẽ không được như ông mong mỏi. Một chút tiếng Pháp, một chút tiếng Đức, âm nhạc và trẻ ...

- Suyt, suyt! Chuyện đó chỉ là phụ thuộc. Điểm chính yếu là thế này: cô có hay không có cái vẻ của một tiểu thư đài các. Nếu cô không được thế, cô không xứng đáng làm người giáo

lục cho một đứa trẻ có thể đóng một vai trò đáng kể trong lịch sử nước này. Nếu ngược lại, thì tại sao lại có những người nhấn tâm trả cho cô cái đồng lương chết đói đó? Thưa cô, cô sẽ khởi sự ở nhà tôi với số lương một trăm bảng một năm."

Nói xong, con người hào phóng ấy mở ví và rút ra một tờ giấy bạc:

- Tôi cũng có thói quen ứng trước phân nửa tiền lương để các tiểu thư có thể trang trải phí tổn di chuyển và mua sắm áo quần. - Ông ta vừa nói vừa mỉm cười rất khả ái, đến nỗi đôi mắt ông ta thu nhỏ lại thành hai điểm sáng giữa khối mỡ trắng bệch.

Tôi hầu như chưa hề gặp một người nhiệt thành và lịch thiệp hơn ông ta. Tôi đang thiếu nợ: số tiền ứng trước thật đúng lúc! Nhưng dù sao một cuộc giao dịch như vậy cũng có vẻ bất thường, nên tôi muốn biết thêm cho rõ, trước khi nhận lời:

- Tôi có thể biết ông ở đâu không?

- Ở tại hạt Hampshire. Một mảnh đất nhỏ đẹp mê hồn. "*Những cây dẻ đỏ*" cách Winchester 8 km. Thưa cô, đó là một xứ sở xinh đẹp, và nhà tôi là ngôi nhà đáng yêu nhất trong số những ngôi nhà xưa trong quận.

- Công việc của tôi như thế nào?

- Tôi chỉ có một thằng bé vừa lên sáu. À, nếu cô thấy được cái cách nó dùng đôi dép hạ những con gián! Trước khi nó nhú mày, đã có ba con bị hạ!

Ông ta dựa ngửa vào ghế và lại cười, cái cười làm cho đôi mắt như mắt hút trong khối thịt phì nộn. Tôi hơi ngạc nhiên về trò chơi mà cậu bé ưa thích, nhưng tiếng cười của ông bố khiến tôi nghĩ rằng có lẽ ông ta chỉ đùa thôi.

- Tôi chỉ phải chăm nom cho một mình cậu bé thôi chứ?

- Tôi hỏi lại.

- Ồ, không! Không phải chỉ có thế, thưa cô thân mến! Cô còn phải tuân lệnh vợ tôi, tất nhiên đó luôn luôn là những

mệnh lệnh mà một thiếu nữ có phẩm hạnh có thể tuân theo, và tôi chắc là một người thông minh như cô đã đoán được. Đâu có gì khó, phải không cô?

- Tôi rất sung sướng được phục vụ ông bà!

- Tuyệt! Nhưng, nhân tiện, xin nói về trang phục! Vợ chồng tôi là những người kỳ cục, nhưng tốt bụng. Nếu chúng tôi yêu cầu cô mặc một cái áo nào đó vào một ngày nào đó thì cô không phản đối chứ!

- Thưa ông, không! - Tôi trả lời, hơi ngơ ngác.

- Hoặc yêu cầu cô ngồi chỗ này thay vì chỗ kia, hoặc ngồi chỗ kia thay vì chỗ này, cô không coi là bị xúc phạm chứ?

- Ồ, không đâu!

- Và yêu cầu cô cắt tóc ngắn?

- Thưa ông, tôi có một mái tóc màu hạt dẻ. Mọi người đều khen là rất đẹp. Tôi sợ rằng điều này không thể được, thưa ông.

- Còn tôi, tôi sợ rằng đây là điều chính yếu. Đó là một sở thích nho nhỏ của vợ tôi. Vậy, cô không cắt tóc chứ?

- Thưa ông, tôi sẽ không cắt tóc!

- A, tốt! Thôi chúng ta không bàn tới nữa ... Thật đáng tiếc. Thưa cô Tô-pơ, trong trường hợp này, tôi sẽ tiếp tục tìm kiếm một ứng cử viên khác.

Trong suốt thời gian chúng tôi thảo luận, cô quản lý chúm mũi vào đồng hồ sơ và không hề mở miệng. Nhưng tới lúc đó, cô ta nhìn tôi với vẻ thù ghét, khiến tôi hiểu ngay rằng việc tôi từ chối sẽ làm cho cô ta mất một số tiền hoa hồng béo bở. Cô ta hỏi tôi:

- Cô có muốn chúng tôi giữ tên cô trong sổ đăng ký không?

- Vâng, thưa cô Tô-pơ.

- Cô đã từ chối những đề nghị tuyệt vời! Cô chờ mong chúng tôi mất thì giờ tìm cho cô một việc khác. Chào cô, cô Hân-tơ! - Cô Tô-pơ ấn chuông và người ta đưa tôi ra.

Tôi trở về. Khi tôi kiểm điểm số thực phẩm trong nhà, khi tôi thấy hai hay ba tờ hoá đơn trên bàn, tôi bắt đầu tự hỏi phải chăng tôi đã làm một điều ngu xuẩn. Ít có cô dạy trẻ nào được trả một trăm bằng một năm... và chẳng, bộ tóc dài của tôi có giúp ích gì cho tôi đâu. Nhiều phụ nữ đã cắt tóc ngắn, thế mà họ có xấu đi chút nào.

Ngày hôm sau, tôi tự coi mình là một con cóc. Hôm sau nữa, tôi chắc chắn là tôi đã làm một điều dại dột. Vào lúc tôi dẹp bỏ lòng tự ái, định trở lại cơ sở tìm việc, hỏi xem chỗ đó còn trống không, thì tôi nhận được một bức thư... Tôi xin đọc ông nghe:

"Những cây dẻ đỏ, Winchester,

Thưa cô Hân-tơ thân mến,

Cô Tô-pơ đã có nhã ý cho tôi địa chỉ của cô, nên tôi viết thư này cho cô, hỏi xem cô có xét lại quyết định trước đây không. Nhà tôi rất muốn cô đến đây, vì qua sự mô tả của tôi, bà ấy rất thích cô. Chúng tôi sẵn sàng trả cho cô 30 bằng mỗi tam cá nguyệt. Vậy là 120 bằng một năm, ấy là để đền bù những bất tiện nho nhỏ do tính kỳ quặc của chúng tôi gây ra cho cô. Dù sao, đó cũng không phải là những đòi hỏi quá đáng! Nhà tôi rất thích màu xanh kim quýt và bà ấy muốn cô mặc áo màu này mỗi sáng. Tuy nhiên, cô không cần bỏ tiền mua sắm, vì chúng tôi có sẵn một cái như thế trước đây của con gái tôi. Alice hiện nay đang ở Philadelphia. Một khác, về chỗ ngồi hay nơi cô đi đứng, chúng tôi sẽ chỉ cho cô, cô sẽ không gặp bất tiện gì đâu. Về bộ tóc, tôi rất tiếc, nhưng tôi cương quyết giữ nguyên quyết định. Tôi hy vọng rằng số thù lao tăng lên sẽ đền bù được sự mất mát đó! Về phần đứa bé, công việc của cô sẽ rất nhẹ nhàng. Cô cố gắng đến với chúng tôi nhé, tôi sẽ đem xe đón cô ở Winchester. Xin cho tôi biết giờ xe lửa khởi hành.

Chúc cô mạnh khỏe.

Ru-cát

Đó là nội dung bức thư. Và tôi đã quyết định nhận lời. Tuy vậy, trước khi lao vào khoảng không, tôi muốn ông cho một lời khuyên.

- Nhưng, thưa cô, nếu cô đã quyết định rồi thì đâu còn vấn đề gì nữa!

- Có phải là ông khuyên tôi nên từ chối?

- Đó không phải là chỗ tôi mơ ước cho cô em gái của tôi, nếu tôi có một đứa em gái.

- Điều đó có nghĩa gì, thưa ông Holmes?

- Chẳng có một dữ kiện nào cả, nên tôi không thể nói gì hơn. Nhưng có lẽ cô cũng có ý kiến riêng chứ?

- Tôi thấy ông Ru-cát có vẻ là người tốt và lịch thiệp, nhưng có lẽ vợ chồng họ có những sở thích ngông cuồng nên ông ta nhượng bộ cho gia đình được êm ấm và để tránh những bất trắc có thể buộc phải đưa bà Ru-cát vào dưỡng phí viện. Giả thiết của tôi có vô lý không?

- Chẳng những không vô lý; mà còn là giả thiết có nhiều khả năng nhất. Xem xét về mọi mặt thì một cô gái trẻ hẳn không lấy gì làm dễ chịu trong gia đình này.

- Nhưng còn tiền nong, ông Holmes ơi!

- Vâng, đúng vậy. Tiền thù lao cao, rất cao! Chính điều đó làm cho tôi khó chịu! Tại sao họ lại trả cho cô 120 bảng. Trong khi họ có thể muốn bất kỳ ai với giá 40 bảng?

- Bởi vậy tôi đã rất có lý, khi đến đây linh hội ý kiến của ông. Tôi yên tâm biết bao khi biết ông sẽ ủng hộ tôi.

- Tôi ủng hộ cô! Tôi sẽ hết sức chú ý tới câu chuyện này. Hãy thật lòng nói cho tôi biết cô có cảm thấy bất an, hay nguy hiểm gì không?

- Nguy hiểm! Ông dự đoán có nguy hiểm?

Holmes lắc đầu, nghiêm nghị nói:

- Nguy hiểm không còn nữa, nếu ta nhận diện được nó. Nói vắn tắt, bất kỳ lúc nào, dù ngày hay đêm, hễ cô gởi một điện tín là tôi sẽ tức tốc tới đó ngay.

- Như vậy, tôi an tâm!

Cô gái đứng dậy, mặt rạng rỡ:

- Tôi ra đi với tinh thần thư thái. Tôi sẽ viết thư ngay cho ông Ru-cát; chiều nay tôi đi cắt tóc; ngày mai tôi sẽ có mặt ở Winchester.

Cô nói lời cảm ơn, chúc sức khỏe, rồi ra về, lắng nghe tiếng chân nhanh nhẹn, vững chắc của cô gái đang đi xuống cầu thang, tôi nói:

- Ít ra cô ta cũng có vẻ biết cách xoay xở ...

- Chỉ trong một thời gian ngắn thôi, cô ta sẽ cầu cứu với chúng ta.

Mười lăm ngày đã trôi qua. Trong thời gian này, tâm trí tôi cứ hướng về "Những cây dẻ đỏ". Tôi tự nhủ cô gái đang dấn thân vào một cuộc phiêu lưu kỳ lạ biết bao. Số tiền lương cao bất thường, những điều kiện kỳ quặc, công việc nhẹ nhàng (theo lời người ta hứa), tất cả những cái đó cho thấy một điều gì đó không bình thường. Điều gì đó là do tính tình kỳ quặc hay có một âm mưu? Ông kia là một kẻ thương người hay là một tên vô lại? Về phần Holmes, tôi nhận thấy đôi khi anh trầm ngâm hàng nửa giờ liền. Và mỗi khi tôi nhắc tới cô gái, anh khoát tay, ngắt lời: "Tôi chờ tin tức! Những dữ kiện. Không thể làm bánh nếu không có bột!". Anh rít lên nho nhỏ là không chịu để cho em gái mình nhận một chỗ làm như vậy.

Chúng tôi nhận được điện tín vào một buổi tối, bảy giờ đã khuya. Holmes mở phong bì, liếc qua bức điện tín rồi ném nó cho tôi:

- Anh hãy kiểm tra lại giờ tàu chạy.

Bức điện tín rất ngắn:

"Vui lòng có mặt ở khách sạn "Thiên nga đen" ở Winchester lúc 12 giờ trưa. Tôi kiệt sức. Hân-tơ".

Khi tôi đọc xong, Holmes hỏi:

- Anh đi với tôi chứ?

- Tôi không mong mỏi gì hơn.

- Vậy, cho tôi biết giờ tàu khởi hành.

- Có một chuyến lúc chín giờ rưỡi, tới Winchester lúc mười một giờ rưỡi.

- Tốt lắm

Vào lúc mười một giờ ngày hôm sau, chúng tôi đã gần tới thủ đô cũ của Anh quốc. Holmes nấp sau một đồng nhật báo suốt cuộc hành trình, nhưng sau khi qua khỏi địa phận Hampshire, anh chui ra ngắm cảnh. Bầu trời xanh nhạt, những đám mây trong, trôi êm ả từ tây sang đông, mặt trời chói lọi, có thể ngửi thấy mùi vui sống trong không khí. Vạn vật mời gọi con người hoạt động. Trên những cánh đồng trải dài đến các ngọn đồi quanh Aldershot, những mái ngói đỏ tươi hoặc trắng xám của các trang trại in hình lên màu xanh lá mới.

- Tươi mát và xinh đẹp tuyệt vời, có phải không? - Tôi bất giác thốt lên, với sự phấn khởi của một người thường giam mình trong thành phố. Holmes khẽ gật đầu.

- Anh có biết không, Watson. Đầu óc tôi bị ám ảnh đến nỗi cứ nhìn mọi vật dưới khía cạnh nghề nghiệp. Tôi cũng nhìn thấy những ngôi nhà đó như anh, nhưng chỉ có một ý nghĩ độc nhất ở trong đầu tôi. Chúng ở lẻ loi quá, hẻo lánh quá, nên tội ác xảy ra ở đây dễ dàng thoát khỏi sự trừng phạt của pháp luật.

- "Trời đất ơi!" Tôi nói lớn, giận hờn. "Tại sao anh lại ghép chung tội ác với những tổ ấm thân thiết kia?"

- Những ngôi nhà như vậy luôn luôn làm tôi kinh sợ. Dựa theo kinh nghiệm, tôi có cảm giác những con hẻm tối tăm nhất ở Luân Đôn còn ít chứa chấp tội lỗi hơn cánh đồng xinh tươi này!"

- Anh làm tôi kinh hãi đấy, Holmes!

- Lý do thật hiển nhiên. Ở thành thị, áp lực của dư luận có thể làm được điều mà pháp luật phải bó tay. Không có nơi

nào ở Luân Đôn mà tiếng kêu than của một đứa trẻ bị hành hạ, tiếng dấm dά của một anh chồng say sưa lại không làm nổi dậy lòng bất bình của hàng xóm. Và bộ máy pháp luật ở gần người dân đến nỗi một lời tố giác yếu ớt cũng buộc nó phải vận động: từ chỗ phạm tội tới vành móng ngựa chỉ có một bước ngắn; còn những ngôi nhà lẻ loi này, anh hãy nhìn kỹ đi! Mỗi nhà rào kín trong vòng đất của mình, trong đó phần đông là những người nghèo khó, không thông hiểu pháp luật. Những hành vi thô bạo có thể diễn ra tự do mà không ai hay biết. Nếu cô gái đang cầu cứu chúng ta đang sống ở Winchester thì tôi không lo ngại gì hết. Tám cây số ngăn cách cô ta với thành phố làm tôi không yên. Chỉ còn may một điều là bản thân Hàn-tơ chưa bị đe dọa!

- Chắc chắn Hàn-tơ không bị đe dọa! Nếu cô tới gặp chúng ta ở Winchester được, thì có nghĩa là cô còn được tự do đi lại.

- Đúng vậy.

- Vậy thì có vấn đề gì? Anh có thể giải thích cho tôi không?

- Tôi có cả thầy bầy giải đáp riêng biệt, mỗi giải đáp phù hợp với những sự kiện như chúng ta đã biết, chỉ còn phải tìm xem giải đáp nào là đúng. A! Đây là tháp chuông nhà thờ lớn, chúng ta sắp gặp cô em rồi.

Khách sạn "Thiên nga đen" là một quán trọ nổi tiếng, gần nhà ga. Chúng tôi gặp ngay cô giáo, và bữa điểm tâm đã sẵn sàng. Cô reo lên:

- Tôi sung sướng biết bao, khi thấy các ông tới! Các ông thật tốt! Nói thật tình, tôi không biết phải làm sao nữa, nên mới cầu cứu.

- Nói ngay chuyện gì đã xảy ra!

- Vâng. Tôi phải nói gấp vì tôi phải trở về trước ba giờ.

- Cô hãy kể theo thứ tự. - Holmes nói, vừa ngồi duỗi đôi chân quá khổ về phía lò sưởi, chuẩn bị tư thế thoải mái để nghe chuyện.

- Trước hết, tôi phải nói là, tôi không hề bị hai ông bà ấy ngược đãi. Nhưng tôi không hiểu nổi họ, và tôi lo ngại.

- Cô không hiểu cái gì?

- Nguyên nhân hành động của họ ... Khi tôi tới đây thì ông Ru-cát đã có mặt với chiếc xe, và đưa tôi về "Những cây dẻ đỏ". Ở đó quả là một địa điểm tuyệt vời, nhưng ngôi nhà thì không đẹp, nó là một khối vuông đồ sộ loang lổ. Chung quanh là ruộng đất, những rừng cây mọc ở cả ba phía. Phía còn lại là một cánh đồng dốc thoải chạy xuống quan lộ đi Sonthampton, con đường này vòng lại cách cổng trước độ một trăm mét. Miếng đất đó thuộc sở hữu của ông Ru-cát, còn rừng cây là của một huân tước. Một đám cây dẻ đỏ mọc trước cổng, nên trang trại được gọi là "Những cây dẻ đỏ".

Ông chủ giới thiệu tôi với bà chủ và cậu con vào buổi chiều. Và tôi đã làm, thưa ông Holmes: bà Ru-cát không phải là người điên. Bà ít nói, mặt trắng bệch, trẻ hơn ông chồng nhiều. Nghe họ nói chuyện, tôi biết họ lấy nhau đã bảy năm, rằng lúc đó ông ta góa vợ và đứa con duy nhất của người vợ trước là cô gái đang sống ở Philadelphia. Ông Ru-cát cho tôi biết sử dĩ cô ấy bỏ đi vì không hòa thuận với bà kế mẫu. Vì cô ấy chỉ vào khoảng 20 tuổi nên tôi hiểu là cô ta không cảm thấy thoải mái với người di ghê của mình. Bà Ru-cát không có cảm tình mà cũng không ác cảm với tôi. Rõ ràng bà ta rất yêu chồng và đứa bé. Ông chủ rất lịch sự với vợ, dường như họ rất hòa hợp và hạnh phúc. Tuy thế, bà ấy giấu kín một nỗi u sầu bí mật. Bà thường ngồi trầm tư, ánh mắt buồn rầu. Nhiều lần tôi thấy bà khóc một mình. Tôi tưởng bà khổ tâm vì tánh nết của đứa con hư đốn. Thì giờ của nó dành cho những ham mê man dại xen với những cơn hờn dỗi. Thú tiêu khiển ưa chuộng nhất của nó là hành hạ những con vật yếu

đuôi: nó bắt chuột nhất, những con chim nhỏ và côn trùng. Nhưng tôi không muốn dài dòng về chú bé này vì thực sự nó ít liên quan đến câu chuyện của tôi.

- Tôi muốn biết hết mọi chi tiết, cả những chi tiết mà cô thấy là vô vị.

- Điều bực bội duy nhất ở trong nhà này, là thái độ của hai gia nhân: họ là một cặp vợ chồng. Anh chồng Tôn-lê là một người thô lỗ, có mái tóc hoa râm, lúc nào cũng sặc sụa mùi rượu. Bà vợ là một người cao lớn, mạnh mẽ và là một mụ khó chịu. Trong hai ngày đầu, cuộc sống thật dễ chịu. Sáng sớm ngày thứ ba, bà chủ xuống nhà ngay sau khi ăn điểm tâm. Bà thì thầm vài tiếng bên tai ông chồng.

- "Ừ, ừ!". Ông chồng vừa trả lời vợ vừa quay sang tôi. "Thưa cô Hân-tơ, chúng tôi rất biết ơn cô đã cắt tóc ngắn. Bây giờ chúng ta sẽ thử xem cái áo màu xanh kim quýt có vừa với cô không. Cái áo trên giường của cô.

Cái áo đã có người mặc qua. Tuy vậy, nó rất vừa vặn với khổ người tôi. Hai ông bà Ru-cát đều rất hài lòng. Họ chờ tôi trong phòng khách có ba cửa sổ lớn. Một chiếc ghế đã được đặt sẵn gần bên cửa sổ giữa, lưng ghế quay ra phía ngoài ánh sáng. Họ yêu cầu tôi ngồi lên đó. Bảy giờ ông Ru-cát vừa đi ngang dọc phòng khách vừa kể những chuyện khôi hài mà tôi chưa bao giờ được nghe. Tôi cười nôn ruột. Bà chủ chỉ mỉm cười vài lần. Bà ngồi khoanh tay trước ngực, mắt buồn bã, lo âu. Khoảng một giờ sau, ông thấy đã tới giờ làm việc, nói rằng tôi có thể đi thay áo và dạy học.

Hai ngày sau, cảnh đó lại diễn ra tương tự. Một lần nữa, tôi lại đi thay áo, một lần nữa người ta lại yêu cầu tôi ngồi gần cửa sổ. Và một lần nữa tôi lại cười chảy nước mắt vì những câu chuyện của ông chủ. Rồi ông đưa cho tôi một quyển tiểu thuyết, kê xoay chiếc ghế tôi đang ngồi cho tôi khỏi chói mắt và yêu cầu tôi đọc lớn lên. Tôi bắt đầu đọc chừng mười bốn phút, ông bắt tôi ngưng lại, và ra lệnh cho tôi đi thay áo.

Tôi để ý là họ hết sức quan tâm về việc *phải ngồi quay lưng về phía cửa sổ*. Tôi bỗng nảy ra một ý nghĩ. Sẵn cái gương cầm tay của tôi bị bể, tôi lấy một mảnh giấu trong khăn tay. Ngay giữa một tràng cười, tôi đưa khăn lên ngang mắt và khéo léo nhìn xem có cái gì ở phía sau lưng mình ... Tôi thất vọng: chẳng có gì cả.

Lần thứ hai, tôi thấy một người đàn ông đứng trên đường đi Southampton, một người râu ria xồm xoàm, mặc một bộ đồ xám, dường như đang nhìn về phía tôi. Tôi để khăn xuống, đưa mắt về phía bà chủ: bà chủ đang chú mục nhìn tôi. Bà không nói gì, nhưng tôi tin là bà đã đoán biết việc tôi làm. Lập tức bà đứng dậy nói với chồng.

- Này anh, có một gã xác lác đứng trên đường đã nhìn trộm cô giáo.

- Một người bạn của cô, phải không?

- Không đâu! Tôi không quen ai ở đây!

- Chúa ơi! Trơ tráo thật! Tôi xin cô quay lại và ra hiệu cho anh ta đi đi!

- Làm như không nhìn thấy anh ta có hay hơn không?

- Tôi đưa ra ý kiến.

- Không, không nên! Anh ta sẽ la cà mãi ở đây. Tôi xin cô, cô hãy quay lại và ra hiệu cho anh ta đi đi! Làm như thế này này!

Tôi làm theo lời ông ta trong khi bà chủ kéo rèm. Chuyện đó cách đây một tuần. Từ ngày đó chưa bao giờ tôi phải ngồi bên cửa sổ, chưa bao giờ tôi phải mặc chiếc áo xanh và chưa bao giờ tôi thấy lại người đàn ông.

- "Cứ tiếp tục đi, cô giáo"! Holmes nói. "Câu chuyện hứa hẹn nhiều điều hấp dẫn".

Ngay hôm tới, ông Ru-cát có dẫn tôi đến một gian nhà phụ, bên cạnh nhà bếp. Khi tới gần, tôi nghe có tiếng xích sắt khua và tiếng một con vật to đang trở mình.

- Cô hãy nhìn vào xem! Nó có đẹp không? - Ông Ru-cát chỉ vào một khe hở giữa hai tấm ván. Tôi nhìn vào, thấy một cặp mắt sáng và một hình thù mơ hồ trong bóng tối.

- "Đừng sợ!". Ông chủ vừa nói vừa cười khi tôi thối lui một bước. "Đó là Các-lô, con chó chăn bò. Nó chỉ tuân lệnh lão Tôn-lê. Chúng tôi chỉ cho nó ăn mỗi ngày một bữa, nên nó rất hung dữ. Ban đêm, Tôn-lê mới thả nó ra. Vô phúc cho tên lang thang nào bèn mào vào nhà tôi! Ban đêm, cô chó có ra khỏi nhà, có thể nguy hiểm đấy."

Hai đêm sau, vào lúc 2 giờ sáng, tôi tỉnh cờ nhìn qua cửa sổ, trăng sáng vàng vạc, lối đi trước nhà lung linh ánh bạc. Vẻ đẹp bình yên của cảnh vật xâm chiếm tâm hồn tôi, nhưng tôi vẫn nhận biết có cái gì đó cựa quậy trong đám cây dẻ. Khi cái hình thù đó ra khỏi bóng cây, tôi thấy rõ đó là một con chó khổng lồ, to bằng một con bê, răng nanh dài, mõm đen, ốm trơ xương. Nó băng ngang lối đi và mất hút vào bóng tối. Tôi lạnh toát cả người.

"Bây giờ tôi xin kể ông nghe một chuyện kỳ dị. Như ông biết, tôi đã cắt tóc ở Luân Đôn và mang những lọn tóc đó theo, kết lại thành một cuộn. Một buổi tối, lúc thằng bé đã đi ngủ, tôi xem xét đồ đạc trong phòng và sắp xếp lại quần áo. Có một cái tủ cũ, hai ngăn trên trống và không khóa, ngăn dưới cùng khoá kín. Tôi xếp quần áo vào hai ngăn trống mà vẫn còn thừa nên tôi hơi bực bội, vì không sử dụng ngăn thứ ba được. Tôi tự nhủ có lẽ người ta đã khóa tủ do lơ đãng, nên tôi lấy chùy chìa riêng mở thử. Cái chìa đầu tiên đã mở được ngay: trong ngăn kéo đó chỉ chứa một vật duy nhất: bộ tóc của tôi. Tôi cầm lên, quan sát. Cũng một màu hơi đặc biệt, cũng mềm mại. Nhưng đột nhiên tôi biết ngay đó không phải là tóc của tôi, vì làm sao nó lại ở đây được? Tay run run, tôi mở rương và thấy bộ tóc của chính tôi vẫn còn nguyên ở đáy rương. Tôi đặt hai bộ tóc bên nhau và thấy chúng giống hệt. Tôi suy nghĩ mãi mà vẫn không hiểu gì cả. Tôi đặt "bộ tóc lạ" vào chỗ cũ và

không hé môi với ai về chuyện này. Sự thật, tôi đã có lỗi khi mở một cái ngăn kéo có khóa.

Thưa ông Holmes, ông có thể nhận thấy rằng tôi có óc quan sát tự nhiên. Vì vậy nên chẳng bao lâu tôi đã thuộc lòng sơ đồ ngôi nhà. Có một căn dường như không có người ở. Ở đó có một cánh cửa đối diện với cửa phòng của vợ chồng Tôn-lê, nhưng luôn luôn khóa. Một bữa, khi lên thang gác, tôi chạm mặt ông Ru-cát đang từ phòng đó đi ra, tay nắm chìa khóa và nét mặt hăm hăm. Ông khoá cửa, và đi qua mặt tôi, không nói một lời, dường như không nhìn thấy tôi vậy.

Việc đó làm tôi đâm ra tò mò, vì vậy khi dẫn thằng bé đi chơi, tôi đi về phía có thể nhìn thấy các cửa sổ của dãy phòng đó. Có bốn cửa sổ: ba cái thì đây bụi bặm, còn cái thứ tư có cửa chớp kín. Rõ ràng là góc nhà này bị bỏ hoang. Khi tôi lang thang ở đó thì ông Ru-cát đi về phía tôi: vẻ tươi cười vui vẻ đã trở lại.

- Xin bỏ lỗi cho tôi khi đi ngang qua cô lúc này mà không chào cô. Lúc đó tôi bận quá.

- Thưa ông, không có gì ạ! Nhân đây tôi có nhận xét ông có nhiều phòng bỏ trống quá, một phòng trong số đó có cả cửa chớp che kín nữa.

- Nhiếp ảnh là một trong số những say mê của tôi. Phòng tối đặt ở đó. Nhưng, thưa cô thân mến, cô thật là một người có mắt quan sát. Ai có thể tin được? Ai có thể tin được chứ?

Ông ta nói bằng giọng đùa cợt, nhưng đôi mắt ông ta nhìn tôi chăm chăm thì không có vẻ đùa cợt tí nào: ông ta đã nghi ngờ!

Từ lúc tôi hiểu rằng cái gì đó ở trong các gian phòng kia thì tôi chỉ còn mơ tới chúng. Tôi có linh cảm rằng nếu tôi đột nhập vào nơi đó, tôi sẽ làm được một điều rất tốt, rất thiện.

Cơ hội đến vào ngày hôm qua. Tôi phải cho ông biết là không chỉ một mình ông Ru-cát có việc gì phải làm trong mấy

gian phòng vắng đó, mà cả vợ chồng ông Tôn-lê cũng có đến đó. Tôi đã thấy Tôn-lê mang vào đó một túi vải đen lớn. Gần đây, ông ta uống rượu nhiều và chiều qua ông ta say mềm. Khi lên thang gác, tôi thấy chìa khoá cắm ở cánh cửa đó. Chắc hẳn ông ta đã bỏ quên. Tôi có một cơ hội tuyệt vời: ông và bà Ru-cát đang ở dưới nhà với cậu con. Tôi nhẹ nhàng vặn khoá, mở cánh cửa và lướt thẳng tới đâu kia.

Trước mặt tôi là một hành lang trần trụi, sàn không lót thảm mà tường cũng không dán giấy. Cuối hành lang là một góc ngoặt. Sau góc ngoặt có ba cánh cửa liên tiếp. Cửa thứ nhất và cửa thứ ba thì mở ngò, phòng trống, dơ bẩn và u ám. Phòng giữa có khoá: một cái nhíp xe chặn ngang cửa, một đầu móc vào một cái vòng gắn trong tường, đầu kia được buộc dây. Bản thân cánh cửa thì có khoá, nhưng không có chìa khoá trong ổ khoá. Cánh cửa được chặn kỹ đó ứng đúng với cửa sổ có cửa chớp bị bịt kín phía ngoài. Qua khe hở dưới cửa, tôi thấy là phòng có ánh sáng. Hiển nhiên là có một khung cửa kính ở trên cao để cho ánh sáng lọt vào phòng. Trong lúc tôi đang loay hoay trước cánh cửa hắc ám đó, tự hỏi bên trong căn phòng chứa đựng một bí mật gì, thì thình lình tôi nghe có tiếng bước chân trong phòng và qua khe hở dưới cửa, tôi có thể phân biệt được một cái bóng đang đi tới đi lui. Lúc đó tôi sợ quá, tôi quay lưng bỏ chạy ... Tôi chạy như có một bàn tay khủng khiếp cố tóm lấy tôi. Tôi vượt qua hết hành lang, đâm bổ ra cửa và ... ngã vào tay ông Ru-cát.

- "Nào, nào! Thế ra là cô?" Ông vừa nói vừa cười. "Khi tôi thấy cửa mở, tôi đã ngỡ là cô".

- Tôi sợ quá, tôi sợ quá! - Tôi hốt hển nói.

- Ô, cô thân mến! Tiểu thư thân mến! Nào, việc gì mà cô sợ hãi quá vậy? Giọng ông ta quá mơn trớn, quá ngọt ngào khiến tôi cảnh giác.

- Tôi đại dột đi vào cái chái vắng vẻ này. Trong đó tối quá và yên lặng quá, nên tôi đâm sợ. Ôi, trong đó yên lặng đến rợn người!

- Chỉ có vậy thôi ư? - Ông ta cố dò xét.
- Còn thế nào nữa? Ông cho là thế nào?
- Tại sao cô nghĩ rằng cửa này được khoá kín?
- Tôi không biết gì về chuyện cửa nẻo cả!

- Tôi khoá cửa chỉ là để những kẻ vô can khỏi chúm mũi vào đây. Cô hiểu không? - Ông ta vẫn tiếp tục mỉm cười một cách khả ái.

- Nếu tôi biết thế, thì...

- "Tốt lắm. Bây giờ thì cô biết rồi. Nếu cô còn đặt chân tới sau cánh cửa này nữa, thì ..." Lúc đó nụ cười của ông ta biến thành một cái nhếch mép giận dữ, và ông ta nhìn tôi từ đầu đến chân với bộ mặt của một con quỷ. "Thì ... tôi sẽ cho con chó ăn thịt cô đấy!".

Tôi kinh hoàng đến nỗi không nhớ tôi đã làm gì nữa. Tôi nghĩ là tôi đã chạy nhào về phòng. Tôi không còn nhớ gì hết. Nằm trên giường mà tôi run rẩy cả người. Tất cả mọi người đều làm tôi sợ hãi: ngôi nhà, ông chồng, bà vợ, hai người gia nhân và cả cậu con nữa. Hiển nhiên là tôi có thể bỏ trốn, nhưng sự tò mò cũng mạnh mẽ như sự sợ hãi vậy. Vì thế sau khi gọi cho ông một điện tín, lòng tôi rất nhẹ nhõm. Khi về tới nhà, một mối lo khủng khiếp nảy ra, nếu họ thả con chó rồi thì sao? Nhưng tôi nhớ là Tôn-lê đang say bí tỉ, và anh ta là người duy nhất trong nhà có thể sai khiến con vật và có phận sự thả nó ra. Thế là tôi chuồn êm vào nhà và đêm qua hầu như tôi không ngủ vì quá vui mừng với ý nghĩ là ông sắp tới đây. Sáng nay họ để tôi đi Winchester mà không làm khó dễ gì; tôi chỉ phải trở về trước ba giờ, vì ông bà Ru-cát sẽ vắng nhà cả buổi tối và tôi phải trông nom cậu con".

Holmes và tôi bị câu chuyện lạ lùng thu hết tâm trí. Khi cô Hân-tơ kết thúc câu chuyện, bạn tôi đứng dậy, thọc tay vào túi áo, đi tới đi lui khắp phòng, nét mặt rất trầm trọng.

- Gã Tôn-lê vẫn còn say chứ?

- Vàng. Tôi nghe vợ ông ta phàn nàn với bà Ru-cát là chẳng hỏi han gì ông ta được cả.

- Tối nay ông bà sẽ ra khỏi nhà?

- Vàng.

- Nhà có hầm và có khóa?

- Vàng, có hầm rượu.

- Cô đã hành động như một cô gái can đảm và nhạy cảm. Cô có nghĩ là cô có thể hoàn thành thêm một thành tích nữa không?

- Tôi sẽ cố. Tôi phải làm gì?

- Tôi và bạn tôi đây sẽ tới trại "Những cây dẻ đỏ" lúc bảy giờ tối. Lúc đó vợ chồng ông Ru-cát đã ra khỏi nhà và lão Tôn-lê thì vô dụng, tôi hy vọng thế. Chỉ còn bà Tôn-lê có khả năng báo động. Nếu cô dụ được bà ta xuống hầm rượu và nhốt bà ta dưới đó, thì công việc của chúng ta dễ dàng đi rất nhiều!

- Tôi sẽ làm được.

- Hoan hô! Trong trường hợp này, chúng ta sẽ giải quyết vấn đề tận gốc. Chắc chắn chỉ có một lời giải thích cho trường hợp của cô: Cô được đưa tới "Những cây dẻ đỏ" để thay thế cho một người. Cô giống người đó và người đó đang bị giam cầm. Người bị giam trong phòng kia chắc chắn là tiểu thư Alice. Tóc cô ấy cắt ngắn, và bộ tóc trong ngăn kéo thứ ba là tóc của Alice. Người đàn ông trên đường có thể là một người bạn, có thể là hôn phu của Alice. Cô mặc chiếc áo xanh của Alice, tóc cũng giống như Alice và cô cứ chỉ xua đuổi anh ta, nên anh chàng kia tin rằng Alice không còn yêu anh ta nữa. Đêm đêm, con chó chăn bò được thả ra là để ngăn mọi cuộc tiếp xúc với cô gái. Mọi chi tiết hoàn toàn sáng tỏ. Điểm quan yếu trong câu chuyện này là thái độ của cậu con trai.

- Chuyện đó có gì đáng chú ý? - Tôi hỏi.

- Anh Watson, nếu người ta có thể nghiên cứu cha mẹ để đoán ra các khuynh hướng của một đứa bé, thì người ta cũng

có thể nghiên cứu đứa bé mà “hiểu được” cha mẹ nó. Những khuynh hướng độc ác của thằng bé này, có thể đã được kế thừa từ người cha “thơn thớt nói cười” của nó, hoặc từ mẹ nó. Chính vì thế mà ta có thể tiên liệu rằng cô gái đáng thương đang bị giam cầm có thể phải chịu nhiều khổ sở.

- “Tôi chắc chắn rằng ông nói đúng. Ông Holmes”? Cô giáo kêu lên. “Bây giờ tôi mới nhớ lại nhiều sự kiện chứng tỏ ông đã lần tới được điểm mấu chốt. Mau lên, đừng mất thì giờ nữa. Chúng ta phải cứu cô gái đó”!

*
* *
*

Bây giờ. Chúng tôi có mặt ở đám cây dẻ đỏ. Cô giáo tươi cười tiếp đón chúng tôi.

- Cô đã thu xếp được chưa? - Holmes hỏi.

Một tiếng động trầm trầm, mơ hồ phát ra từ dưới lòng đất.

- Các ông vừa nghe bà Tôn-lê cử động dưới hầm rượu đó! Còn chồng bà ta thì đang ngáy àm ì trong nhà bếp. Chia khoá đây!

- “Tuyệt vời”! Holmes phấn khởi nói. “Cô dẫn đường”.

Chúng tôi lên cầu thang, mở cánh cửa cấm, đi theo một hành lang và tới trước căn phòng mà cô giáo đã mô tả. Holmes cắt dây và gạt thanh sắt chặn sang một bên. Lấy chìa khoá thử mở cửa, nhưng không mở được.

Bên trong không có một tiếng động. Sự im lặng đó làm mặt Holmes tối sầm lại. Anh nói:

- Chúng ta tới quá trễ! Cô đừng vào, Watson, anh kê vai phụ đẩy cánh cửa với tôi.

Cánh cửa đã bị một ăn nên chúng tôi phá ra dễ dàng. Chúng tôi cùng lao vào phòng. Phòng trống trơn. Khung cửa kính trên cao mở rộng; người nữ tù đã đi rồi.

- Đáng giận thật! Tên tinh ma ấy đã đoán được ý định của cô Hân-tơ nên đã dời tù nhân đi chỗ khác. - Holmes nói.

- Nhưng bằng cách nào?

- Qua khung cửa kính. Ta sẽ qua đó xem.

Holmes đu mình lên mái nhà, nhanh như một con sóc.

- "Đấy rồi!". Anh la lên. "Có một cái thang dài đưa xuống hầm rượu. Tôi hiểu ra rồi!".

- "Không thể thế được!". Cô giáo nói. "Lúc ông bà ấy ra đi thì không có cái thang ở đó".

- Vậy thì ông ta đã trở lại và ông ta đã dựng cái thang. Tôi đã nói rằng ông ta là một người nguy hiểm mà! Anh Watson, anh lên đạn khẩu súng đi, ông ta đang tới kia!

Holmes vừa dứt lời thì một người đàn ông xuất hiện ở cửa: một người to mập, có vẻ rất khỏe mạnh, tay cầm một cây gậy bự. Khi trông thấy ông ta, cô Hân-tơ rú lên, nhưng Holmes đã nhảy tới, đối mặt với ông ta.

- Này, tên cướp! Con gái của anh đâu?

Con người to bự kia nhìn quanh mình, rồi nhìn lên khung cửa kính. Ông ta thét:

- Chính ta mới có quyền hỏi các người! Quân trộm cướp! Quân gián điệp và trộm cướp? Ta bắt được chúng bay rồi. Chúng bay đang ở trong tay ta! Được lắm, ta sẽ lo cho chúng bay!

Ông ta tháo lui và chạy xuống thang.

- Ông ta đem chó đến! - Cô giáo rên rỉ.

- Tôi có súng! - Tôi nói, để trấn an cô.

- Đóng cửa lại! - Holmes la lên.

Chúng tôi chạy xuống thang. Vừa tới cửa thì nghe có tiếng chó sủa, rồi có tiếng gào khủng khiếp và tiếng vật lộn ầm ầm. Một người đứng tuổi, gương mặt đỏ gay và tay chân run rẩy đang lao đảo tiến ra từ một cửa hàng.

- “Trời ơi! Ai đã thả con chó ra rồi!” Ông ta kêu thét lên.
“Đã hai ngày nay nó chưa ăn! Mau lên, mau lên kéo trẻ mất”.

Holmes và tôi lao ra ngoài và chạy vòng ngôi nhà. Tôn-lê chạy theo sau. Cái mồm đen ngòm của con vật đang cắn vào cổ họng của ông Ru-cát. Tôi nhảy tới bắn vỡ sọ con vật. Chúng tôi phải khó nhọc lắm mới gỡ người chủ nhà ra khỏi hàm răng của con chó và mang ông ta vào nhà, đặt lên trường kỷ. Tôn-lê giờ đã tỉnh rượu. Tôi bảo Tôn-lê thả vợ anh ta ra, và sẵn sóc cho ông Ru-cát. Bỗng nhiên cánh cửa bật mở: một người đàn bà dữ tợn đi vào.

- Bà Tôn-lê! - Cô giáo la lên.

- Phải. Ông Ru-cát đã thả tôi ra khi ông ấy vừa quay về nhà. Thật là đáng tiếc, thua cô Hân-tơ, cô đã mất thì giờ vô ích!

- Tôi thấy dường như bà Tôn-lê biết rõ câu chuyện hơn bất cứ ai ở đây. - Holmes nói.

- Phải, tôi biết rõ và tôi sẵn sàng nói ra tất cả.

- Vậy, mời bà ngồi đây và nói đi. Còn vài điểm tôi chưa chắc lắm.

- Có lẽ tôi đã kể cho các ông nghe sớm hơn nếu tôi không bị kẹt ở hàm rượu. Khi vụ này ra trước pháp luật, xin các ông nhớ cho rằng tôi là người duy nhất đứng về phía các ông và tôi cũng là bạn của cô Alice.

“Chưa bao giờ cô Alice được sung sướng ở trong căn nhà này. Nhất là từ khi cha cô tái giá. Người ta khinh rẻ cô, cô không có quyền có ý kiến. Nhưng mọi chuyện hỏng cả, khi cô gặp gỡ ông Phô-lê ở nhà bạn bè. Theo chỗ tôi biết, cô Alice có một phần tài sản thừa kế do mẹ cô để lại, nhưng cô giao quyền lợi của mình cho người cha. Người cha biết rằng ông ta không gặp khó khăn gì với cô con gái. Nhưng nếu cô lấy chồng và nếu người chồng đòi hỏi những quyền lợi hợp pháp của mình, thì ông bố sẽ sạt nghiệp. Vì vậy ông ấy ép cô gái

ký một văn tự nhượng mọi quyền lợi cho cha, dù cô có lấy chồng hay không. Khi cô ấy từ chối, ông quát mắng một trận đến nỗi cô gái uất ức và ngã bệnh suýt chết. Rồi cô bình phục, nhưng từ đó cô như một cái bóng, và người ta cắt tóc cô. Nhưng tất cả những chuyện đó không làm thay đổi tình cảm của chàng trai.

- "Cảm ơn bà có lòng tốt cho biết nội vụ một cách rành mạch". Holmes nói. "Tôi có thể suy diễn phần sau của câu chuyện: Sau đó người cha quyết định giam cô gái vào một chỗ kín đáo, phải không?"

- Thưa ông, đúng vậy.

- Và ông ta đưa cô Hân-tơ từ Luân Đôn về đây để tìm cách tống khứ anh chàng cứng cổ Phô-lê phải không?

- Thưa ông, đúng vậy.

- Nhưng cái gã si tình tài giỏi ấy đã bao vây nhà này: anh ta có gặp bà, đã thuyết phục bà, dùng lời lẽ cảm động hoặc đe dọa, cuối cùng đã làm cho bà thấy được là quyền lợi của anh ta cũng có nghĩa là quyền lợi của bà.

- Ông Phô-lê là một người rất lễ độ, rộng lượng, - bà Tôn-lê hẳn nhiên xác nhận.

- Và anh ta sắp đặt để cho bà thực hiện: làm sao cho ông Tôn-lê luôn luôn say mèm, làm sao cho có được một cái thang vào lúc ông bà chủ vắng nhà, có phải không?

- Chính xác như vậy.

- Xin cảm ơn bà. Bà đã làm sáng tỏ mọi chuyện. Kia! Bà Ru-cát đã về, cùng với một ông y sĩ. Hãy để cho họ săn sóc ông Ru-cát, còn chúng ta đưa cô Hân-tơ trở lại Luân Đôn.

Vậy là câu chuyện bí ẩn về "Những cây dẻ đỏ" kết thúc. Ông Ru-cát vẫn còn sống, nhưng ông ta chỉ còn là một cái bóng vật vờ, phải nương tựa vào bà vợ. Họ vẫn giữ những gia nhân cũ tại nhà. Ông Phô-lê và Alice đã lấy nhau và sang lập nghiệp ở đảo Maurice. Cô Hân-tơ thì điều khiển một trường tư thục và tôi tin rằng cô sẽ thành công.

Thung lũng khủng khiếp

I. TẤN BI KỊCH Ở LÂU ĐÀI BIRLSTONE

1. TIN BÁO

Holmes không đụng một tý nào đến bữa điểm tâm, cứ ngồi chống tay xuống bàn, ngắm nghía mãi một tờ giấy vừa lôi ở một bì thư ra. Anh đưa bì thư ra ánh sáng, chăm chú xem xét cả trong lẫn ngoài:

- Tuồng chữ của thằng Por! Mặc dầu tôi chưa nhìn thấy tuồng chữ của nó đến hai lần, nhưng chắc chắn đây là của nó. Nhưng thằng này mà phải gửi thư cho tôi thì nhất định là có chuyện quan trọng.

- Por là ai vậy? - Tôi tò mò, hỏi.

- Por chỉ là một cái tên giả, một loại ký hiệu để nhận ra nhau thôi. Đằng sau cái tên ấy là một thằng tinh như ma. Đã có lần nó viết thư nói thẳng thừng rằng Por đâu có phải tên thật của nó, và nó thách tôi tìm xem nó là ai. Sở dĩ tôi chú ý nhiều đến nó, không phải vì bản thân nó mà chính vì nó có liên quan đến một "đại nhân" mà tôi đang theo dõi. Thằng này cũng giống như kiểu con chó rừng đi trước con sư tử, một thằng người tý hon hợp tác với một tên khổng lồ vậy. Mà cái tên khổng lồ đó, chẳng những rất ghê gớm, mà còn khủng

khiếp nữa kia. Watson, đã có lần nào tôi nói với anh về giáo sư Mori chưa?

- Tên tội phạm khoa học trứ danh ấy chứ gì?

- Chết, anh mà gọi hắn như vậy, thì anh sẽ phải ra tòa. Mà chính cái chỗ đó mới là tuyệt đấy. Hắn! Một thằng chủ mưu của tất cả những gì bẩn thỉu nhất đã xảy ra từ trước đến nay. Một bộ óc chỉ huy tất cả các tầng lớp cận bá nhất của xã hội.

Thế nhưng, không hề có một mối nghi ngờ, thậm chí không có cả một lời phê bình nhỏ nào có thể đụng đến lông chân hắn. Hắn đã che giấu những thủ đoạn của hắn khéo đến mức hắn có thể lôi anh ra tòa chỉ vì mấy câu nói vừa rồi, và tòa sẽ tịch thu hết số tiền lương hưu trí của anh để đền bù danh dự cho hắn. Nhưng rồi thế nào chúng ta cũng phải đấu với hắn thôi.

Tôi bốc lên:

- Mong rằng lúc ấy, tôi sẽ có mặt bên cạnh anh. Nhưng mà anh đang nói về tên Por kia mà.

- À, Por chính là một mắt xích trong sợi dây xích, gần cái móc trung tâm đó. Cho đến bây giờ, Por là mắt xích chủ yếu nhất của sợi xích.

- Thì mức bền của một sợi dây xích tùy thuộc vào mắt yếu nhất của nó. Chính vì thế mà thằng Por là rất quan trọng đối với tôi, thằng này đôi lúc cũng có ý định trở lại con đường lương thiện, lại thêm, lâu lâu, tôi có gửi cho anh ta mười bảng Anh, thành ra đã có hai, ba lần, nó có báo cho tôi một vài tin tức có giá trị, các loại tin tức có thể giúp tôi biết trước và ngăn ngừa được tội ác, nhưng không trừng phạt được kẻ địch gây ra. Chắc chắn là nếu có chìa khoá giải được mật mã, thì lá thư này cũng là loại tin tức ấy đấy.

Holmes trải tấm giấy lên bàn, tôi đứng dậy, đi lại đằng sau, nhìn qua trên vai anh và đọc được những dòng chữ này:

- Anh nghĩ gì thế, Holmes?

- Tất nhiên đây là một cách để hấn báo tin cho tôi đây.

- Nhưng viết mật mã mà không cho chìa khoá giải thì có ích lợi gì?

- Trong trường hợp cụ thể này, thì bức mật mã này đúng là không dùng làm gì được.

- Tại sao lại nói rằng "trong trường hợp cụ thể này"?

- Bởi vì có nhiều bức mật mã ta có thể đọc dễ dàng cũng như đọc tin rao vặt trong báo vậy. Nhưng lần này ... tôi đứng trước một cái gì có khác đây. Rõ ràng nó có liên hệ đến các chữ trong một trang của một cuốn sách nào đó.

- Thế tại sao có hai chữ Du-gia và Brilstone.

- Tại vì trong trang sách đó không có hai chữ này.

- Thế thì tại sao nó lại không nói rõ tên cuốn sách?

- Có ai cho cả mật mã lẫn chìa khoá giải vào trong cùng một phong bì thư? Vì nếu thư bị đưa nhầm người thì tiêu ngay. Cho nên chắc không lâu đâu, sẽ có một bức thư thứ hai nữa.

Những dự đoán của Holmes đều đúng cả. Chỉ vài phút sau, người giúp việc mang đến cho chúng tôi bức thư chờ đợi. Holmes vừa xé bì thư vừa nhận xét:

- "Cũng cùng một thứ chữ, nhưng lần này thì lại ký tên nữa". Holmes vừa trải tờ giấy ra vừa nói một cách đắc thắng. "Này Watson ơi, chúng ta tiến lên được rồi", nhưng vừa đọc được vài dòng, trán Holmes bỗng nhăn lại.

- Thế là bao hy vọng tan vỡ như bọt xà phòng, chỉ mong thành Por không bị gay go.

Holmes đọc to bức thư cho tôi nghe:

"Ông Holmes thân mến, trong vụ này tôi sẽ không mạo hiểm thêm nữa. Nó nguy hiểm quá. Thỉnh thoảng lão đến, vào

lúc tôi đã viết xong phong bì này với ý định báo cho ông biết cách giải mã, tôi đã giấu được cái bì thư đi. Nhưng tôi đọc trong mắt lão, thấy lão nghi ngờ tôi. Tôi xin ông hãy đốt bức mật mã đi, vì bây giờ nó chẳng còn có ích lợi gì cho ông nữa"
F.Por.

Holmes ngồi xuống, vò nát bức thư trong tay, mắt nhìn sững sốt vào ngọn lửa trong lò sưởi.

"Có lẽ hẳn tự biết hẳn đã phản bội chủ hẳn, nên hẳn tưởng tượng ra lời buộc tội trong mắt của lão kia".

- Lão kia là lão giáo sư Mori? - Tôi hỏi.

- Khi một tên trong cái băng này nói đến "lão ta" thì mọi người đều hiểu là ai rồi. Đối với bọn chúng, chỉ có một "lão ta" mà thôi.

- Nhưng lão có thể làm gì được?

- Khi người ta là một trong những bộ óc lớn nhất của châu Âu và được quyền lực đen tối nhất sùng bái, thì người ta đã nắm trong tay những khả năng vô hạn. Por đang hoảng sợ. Anh so sánh chữ trong bức thư với chữ trên phong bì mà xem. Chữ ở cái phong bì thì viết rần rỏi, còn trong bức thư thì run quá.

- Thế hẳn viết thư làm gì? Hẳn chỉ việc bỏ rơi tất cả là xong!

- Hẳn sợ rằng nếu đột nhiên hẳn lại cầm bật đi thì rồi mình sẽ đi điều tra xem tại sao, và điều đó có thể gây phiền phức cho hẳn.

- Anh nói có lý, lẽ dĩ nhiên là ...

Tôi cầm bức mật mã lên quan sát cẩn thận:

- ... Bức thật, một điều bí mật rất quan trọng đã được viết trên mảnh giấy này, mà lại không làm sao đọc được.

Holmes đẩy mâm thức ăn ra, rồi đốt cái tẩu thuốc.

- Anh thử xem lại! Liệu có một vài chi tiết nào đó mà cái bộ óc quý quái của anh đã để lọt lưới chăng? - Tôi đề nghị.

- Nào, ta hãy xét bài toán này về phương diện lý trí thuần túy xem nào! Thành Por nó chỉ cho ta là phải chiếu vào một cuốn sách nào đó. Đây! Điểm bắt đầu là từ đây.

- Cũng mơ hồ quá đi thôi.

- Thì chúng ta làm cho rõ hơn? Chúng ta có những chỉ dẫn gì về cuốn sách này?

- Chẳng có gì cả.

- Ồ, ồ, bản mặt mã bắt đầu từ con số 534, phải không? Ta đặt giả thiết đây là con số của trang sách. Như thế thì cuốn sách này khá dày đấy. Thử xem có còn những chỉ dẫn nào nữa về cuốn sách này không? Mã hiệu thứ nhì là chữ C2. Anh nghĩ gì về chữ C2 này.

- Chương 2, chắc thế.

- Tôi ngờ là không phải, vì đã ghi số trang, thì số chương không cần thiết nữa. Và lại nếu trang 534 mà lại mới chỉ ở chương 2, thì bề dày của cuốn sách là không thể tưởng tượng được.

- Không phải chương, mà là cột. - Tôi kêu lên.

- Hoan hô, sáng nay óc anh sáng chói như một ánh chớp vậy. Ta đã hình dung ra một cuốn sách dày, in hai cột, mỗi cột khá dài. Vì trong bản mặt mã của ta có một chữ mang đến con số 203.

Nếu đây không phải là một cuốn sách thường dùng, thì nó đã gửi cho mình cuốn đó. Theo trong thư thì trước khi bị "láo kia" bắt gặp, nó có ý định gửi cho ta cái chìa khóa giải mã ở ngay trên bì thư này. Điều này có nghĩa đây là một cuốn sách mà mình có thể dễ dàng có được ngay. Một cuốn sách mà nó có, và nó nghĩ rằng mình cũng có, nghĩa là một cuốn sách rất phổ biến.

- Có lý lắm.

- Vậy cái diện điều tra sẽ được giới hạn vào một cuốn sách dày, in hai cột, và thông dụng.

Tôi kêu lên một cách đặc thảng:

- Cuốn Kinh Thánh.

- Tốt, tốt. Nhưng mà không tốt lắm. Kinh thánh thì có biết bao nhiêu là bản in khác nhau, làm sao Por biết được là bản của nó với bản của mình có cùng một số trang như nhau. Không. Đây phải là một cuốn sách in đồng loạt, và Por phải biết chắc chắn rằng số trang 534 là có trong cuốn sách của mình kia.

Như thế có thể thu nhỏ diện tìm kiếm lại nữa.

- Đúng thế. Cuộc tìm kiếm của chúng ta hướng về những cuốn sách in hàng loạt mà nhà nào cũng có.

- Cuốn "Chỉ dẫn giờ tàu hỏa".

- Ngôn ngữ trong cuốn này quá khô khan. Không dễ gì dùng những chữ ở trong đó để tạo nên một bức thư. Chúng ta loại bỏ cuốn "Chỉ dẫn giờ tàu hỏa". Cũng loại bỏ cuốn tự điển vì những lý do đó. Thế thì còn gì nữa nào?

- Một cuốn Lịch niên giám.

- Xuất sắc! Nào ta thử xét cuốn Lịch niên giám xem, nó rất thông dụng, nó có đủ số trang đòi hỏi, nó in trên hai cột, ở quãng đầu thì ngôn ngữ của nó có hạn chế thật, nhưng phần cuối nó cũng hùng biện lắm đấy...

Holmes giật lấy cuốn sách để trên bàn.

- Đây, trang 534, cột 2, mình thấy một bài văn tràng giang đại hải nói về nền thương mại và những tài nguyên của xứ Ấn Độ thuộc Anh, Watson, anh ghi các chữ này đi. Số 13 là chữ "Ma". Hừ, cái bắt đầu này có vẻ bất lợi rồi, chữ số 127 là "Chính phủ", cũng còn có ý nghĩa một chút, nhưng chẳng có liên quan gì đến chúng ta và giáo sư Mori cả. Bây giờ cứ thử nữa xem Chính phủ làm gì? Than ôi, chữ sau là "lông heo" thôi thế là hết. Chúng ta đã thua cuộc!...

Holmes nói với một giọng hài hước nhưng cay đắng. Nản lòng, tôi cũng ra ngồi cạnh lò sưởi. Sự im lặng kéo dài, bỗng

nhiên bị phá vỡ bởi một tiếng kêu của Holmes. Anh chạy vội đến chiếc tủ đứng và moi ra một cuốn sách dây cộm khác, bìa màu vàng.

- Tại vì chúng ta muốn đi trước thời đại. Hôm nay là ngày mừng 7 tháng giêng, cho nên chúng ta mới đi tra cứu một cuốn lịch niên giám mới. Nhưng chắc chắn là Por đã dùng một cuốn lịch năm ngoái, và có lẽ nó đã nói rõ cho chúng ta biết điều này nếu như nó viết được lá thư chỉ dẫn. Nào, thử xem cái trang 534 có cái gì nào?

Số 13 là chữ "một" A, có vẻ hứa hẹn rồi. Số 127 là "nguy hiểm".

Mắt của Holmes long lanh lên. Những ngón tay thon nhọn của anh cứng đờ ra trong lúc anh lẩm bẩm đếm chữ.

- À. Một nguy hiểm ... Ghi đi Watson, ghi "một nguy hiểm ... cấp bách... đe dọa một người tên là ... ở đây chúng ta có chữ "Du-gia" một người tỉnh nhỏ giàu có ở tại Birstone. Xác thực. Nguy hiểm. Khẩn cấp...". Đó Watson! Nếu anh bán tạp hóa ở đầu phố mà có bán một vòng hoa thì tôi sẽ cho đi mua về để tự tặng thưởng cho mình.

Tôi đọc lại bức thư kỳ lạ mà tôi đã ghi nguệch ngoạc trên giấy khi Holmes đang giải mã, và thở dài:

- Vì sao lại tìm một cách phức tạp đến thế này để viết vài câu.

- Trái lại, thằng Por đã hành động xuất sắc đấy. Nếu định tìm chữ trong một cột thôi thì sẽ khó mà tìm cho đủ chữ để nói hết ý nghĩ. Ở đây trái lại, nội dung bức thư là hoàn toàn rõ ràng. Người ta đang âm mưu chống lại một người nào đó tên là Du-gia, chắc chắn là một tay địa chủ giàu có ở tỉnh. Por biết đích xác là sự nguy hiểm cấp bách. (Nó không tìm thấy chữ "đích xác" trong cột chữ in nên phải dùng chữ "xác thực").

- Chúng ta vừa làm được một công trình kiệt tác về phân tích.

Holmes vui như một nghệ sĩ chân chính trước một tác phẩm thành công nhất của mình, và anh đang còn giữ một nụ cười trên môi, khi Bili mở cửa để cho viên thanh tra mặt thám Dona bước vào.

Chuyện này xảy ra vào những năm 1800. Vào thời ấy, Dona là một trinh thám trẻ, năng nổ, cũng đã có đôi chút thành tích trong một vài vụ án... Cả cái vóc người to lớn, cũng chứng tỏ sức mạnh phi thường của anh ta. Trán rộng, đôi mắt sáng nằm sâu trong hai hốc mắt, lông mày rậm rì. Đó là một chàng trai ít nói, tính tình nghiêm nghị, đứng đắn. Holmes đã có dịp giúp anh ta thành công một đôi lần và không chịu nhận bất cứ một ơn huệ nào. Điều này giải thích được tại sao người thanh tra xứ Écosse này kính trọng và yêu mến anh bạn đồng nghiệp tài tử của mình.

Holmes đơn đả chào hỏi:

- Ông là một loài chim dậy sớm, xin chúc ông nhiều may mắn trong khi đi săn sâu bọ sáng nay, nhưng tôi sợ rằng ông đến vào giờ này không khéo lại có một chuyện chẳng lành xảy ra.

Dona trả lời với một nụ cười tâm lý:

- Ông Holmes, nếu ông thay chữ "tôi sợ rằng" bằng chữ "tôi mong rằng" thì có lẽ ông sẽ gần sự thật hơn. Không, tôi không hút thuốc đâu, cảm ơn. Tôi phải lên đường ngay bây giờ vì những giờ đầu tiên của một vụ án là những giờ có ích lợi nhất, nhưng ...

Viên thanh tra bỗng ngừng bật, ông ta vừa thấy tờ giấy trên đó tôi đã ghi lại lời giải mã, ông ta há hốc mồm nhìn tờ giấy.

- Du-gia, Birlstone, thế này là thế nào, ông lấy những cái tên này ở đâu ra vậy?

- Đây là một bức mật mã mà bác sĩ Watson và tôi vừa giải ra. Nhưng tại sao những cái tên này làm ông phải bối rối?

- Một ông tên là Du-gia ở lâu đài Birlstone vừa bị ám sát sáng hôm nay. - Dona nói.

2. ÔNG SHERLOCK HOLMES DIỄN THUYẾT

Nói rằng một cái tin kỳ lạ như vậy làm anh ta phải bối rối hay xúc động thì là nói ngoa. Mặc dù là người không có tính độc ác, nhưng vì sống mãi trong những cái "giật gân" thành ra cũng chai người đi rồi. Và nếu những xúc cảm của anh có bị cùn nhụt đi thì trái lại sự thông minh của anh lại tăng thêm.

Holmes nói lớn:

- Phi thường! Thật phi thường!

- Hình như ông không ngạc nhiên gì thì phải?

- Tại sao tôi lại phải ngạc nhiên? Tôi nhận được một bức thư nặc danh báo cho biết là có một sự nguy hiểm đang đe dọa một người nào đó. Rồi một giờ sau, tôi hay tin rằng sự nguy hiểm đó đã thành sự thật và người kia đã chết. Vậy thì tôi có chú ý, chớ không hề ngạc nhiên.

Holmes kể lại cho viên thanh tra nghe chuyện chúng tôi vừa giải mã bức thư. Dona ngồi xuống, hai tay đỡ lấy cằm, và hai con mắt chỉ còn như hai cái khe màu vàng. Ông ta nói:

- Tôi định sáng hôm nay sẽ đi xuống lâu đài. Tôi rẽ vào đây để hỏi xem ông có cùng đi không? Nhưng bây giờ làm việc ở Luân Đôn có lẽ có kết quả hơn?

- Tôi không nghĩ thế. - Holmes nói.

- Ông hãy xem, chỉ ngày mai hay ngày kia thôi, là báo chí sẽ làm rùm beng lên về câu chuyện bí mật ở lâu đài đó. Nhưng bí mật ở đâu kia chứ, vì ngay tại Luân Đôn, đã có người báo tin trước khi án mạng xảy ra. Vậy chúng ta hãy tóm cổ cái vị tiên tri ấy, thì mọi việc còn lại sẽ tuần tuột theo cả ra thôi.

- Chắc chắn là thế. Nhưng làm cách nào mà ông tóm cổ được cái tên Por này?

Dona lật ngược lá thư mà Holmes vừa đưa cho anh ta.

- Thùng thư ở trạm bưu điện Camberwell. Điều này cũng không giúp được gì? Theo ông thì cái tên này là tên giả? Có phải ông nói rằng ông có gửi tiền cho hắn phải không?

- Hai lần.

- Bằng cách nào?

- Gửi qua bưu điện.

- Ông không bao giờ đi xem mặt người lính số tiền đó.

- Không.

Viên thanh tra tỏ ra hơi ngạc nhiên và khó chịu.

- Tại sao lại không?

- Bởi vì bao giờ tôi cũng giữ đúng lời hứa. Khi hắn viết thư cho tôi lần đầu tiên, tôi đã hứa với hắn là sẽ không tìm cách theo dõi hắn.

- Ông có nghĩ rằng có một người nào khác đằng sau hắn không?

- Tôi không nghĩ, mà tôi biết chắc kia.

- Cái vị giáo sư mà ông đã nói với tôi?

- Đúng đấy.

Dona mỉm cười và nháy mắt với tôi.

- Ông Holmes ạ. Chính tôi đã đích thân điều tra về ông ta: mọi cái đều cho thấy rằng đây là một con người đáng kính, một nhà bác học đầy tài năng.

- Tôi thật sung sướng thấy ông nêu lên những tài năng của ông ta.

- Thật vậy, người ta chỉ còn biết cúi đầu kính chào ông ta mà thôi. Tôi có ngồi nói chuyện với ông ta về nguyệt thực, nhật thực. Mà thật quái quỷ: tôi không hiểu bằng cách nào câu chuyện lại quay sang đến vấn đề đó. Nhưng thực tình chỉ với một cái đèn và một quả địa cầu, ông ta đã cắt nghĩa tất cả cho tôi hiểu trong có một phút đồng hồ. Ông ta có cho tôi mượn một cuốn sách, nhưng nó quá cao đối với tôi. Ông ta có

một bộ mặt nhẵn nhụi, mái tóc hoa râm, và cách ăn nói hơi trịnh trọng đủ để làm một ông bộ trưởng.

Holmes phát ra một tiếng cười, xoa hai bàn tay vào nhau:

- Thật là tuyệt, có phải cuộc đàm đạo mê ly và xúc động ấy là ở ngay trong buồng làm việc của giáo sư phải không?

- Đúng thế.

- Một căn phòng rất đẹp.

- Rất đẹp, đúng thế.

- Ông ngồi trước bàn làm việc của ông ta.

- Vâng.

- Mặt trời chiếu vào mắt ông, còn mắt của giáo sư thì ở trong bóng tối.

- Lúc đó là vào buổi tối, cái đèn quay về phía tôi.

- Tự nhiên là như thế. Ông có nhận thấy ở trên đầu chỗ giáo sư ngồi có treo một bức tranh không?

- Vâng, bức tranh. Một người phụ nữ trẻ tuổi, hai tay ôm đầu và liếc nhìn xuống người xem tranh.

- Bức tranh của họa sĩ Greuse đấy.

Viên thanh tra chăm chú nghe, Holmes ngả người vào lưng ghế, chụm đầu các ngón tay vào nhau, nói tiếp:

- Greuse là một họa sĩ người nước Pháp. Các nhà phê bình hiện đại đã đánh giá cao họa sĩ này.

Hai mắt của viên thanh tra dần ra:

- Có lẽ tốt hơn hết là chúng ta hãy...

Holmes cắt ngang ngay:

- Tất cả những điều tôi nói với ông đều có một mối liên quan với cái bí mật của lâu đài Birlstone đấy. Thực ra, chúng ta đang đứng ở trung tâm của lối bí này.

Dona miễn cưỡng mỉm cười và nhìn tôi:

- Ông suy nghĩ có hơi nhanh quá. Ông nhảy mất một hay hai bước, thành ra tôi không theo kịp ông nữa. Làm sao lại

có thể có một mối liên hệ giữa nhà họa sĩ của thế kỷ trước với vụ án này được?

- Sự kiện một bức tranh của Greuse đem ra bán giá bốn nghìn bảng không đủ làm chuyển bánh cả một đoàn tàu dài những suy nghĩ trong chất xám của ông sao?

Không biết có phải là chuyển bánh không? Nhưng thấy viên thanh tra gãi đầu ghê quá, Holmes nói tiếp:

- Lương của giáo sư Mori là 700 bảng Anh một năm. Vậy thì làm sao mà ông ta có thể mua được bức tranh?

Đoàn tàu của viên thanh tra bây giờ đang chạy hết tốc lực:

- Thật là hấp dẫn. Tôi rất thích nghe ông nói chuyện.

Holmes mỉm cười. Anh ta rất khoái những sự tán thưởng ngay thơ như vậy.

- Thế ở lâu dài đã xảy ra chuyện gì? - Holmes hỏi.

- Chúng ta có thì giờ ông ạ. Có một xe ngựa đợi tôi ở dưới đường kia. Về chuyện bức tranh ... ông Holmes ạ, có lần ông đã khẳng định với tôi là ông chưa hề gặp mặt giáo sư bao giờ.

- Đúng. Tôi chưa hề gặp mặt ông ta.

- Thế thì làm sao ông biết được căn buồng của ông ta.

- Tôi đã đến nhà ông ta ba lần: Hai lần tôi đã kiểm soát ngôi nhà chờ ông ta, và tôi đã đi khỏi trước khi ông ta về; còn một lần... chính lần đó tôi đã tự cho phép tôi đọc qua những giấy tờ của ông ta, và kết quả thật là bất ngờ.

- Ông có tìm thấy một cái gì phạm pháp không?

- Tuyệt đối không có. Chính điều đó làm tôi bối rối. Nhưng mà ông đã thấy tầm quan trọng của chi tiết bức tranh rồi chứ, chi tiết ấy nói lên rằng ông giáo sư rất giàu. Nhưng ông ta làm gì mà lại giàu đến thế? Ông ta không lấy vợ. Em ông ta là một người xếp ga quèn ở miền Tây.

- Vậy thì sao?

- Suy luận ra cũng đơn giản thôi.

- Ông cho rằng ông giáo sư có những nguồn thu nhập lớn và những nguồn này là bất hợp pháp phải không?

- Đúng như là thế. Cái ý nghĩ này, tất nhiên không phải là chỉ có dựa trên bức họa của Greuse thôi. Tôi có cả tá những sợi tơ mong manh dẫn tôi đến trung tâm của màn nhện, là nơi con vật đó đứng im rình mồi. Sở dĩ tôi nêu lên chuyện bức họa, cũng chỉ vì nó nằm trong giới hạn tầm mắt của ông mà thôi.

- Những điều ông vừa nói hết sức đáng chú ý. Nhưng nếu có thể, chúng ta thử đào sâu thêm một tý xem sao. Có phải ông ta đã làm giàu bằng mảnh mung lửa đảo, làm bạc giả, trộm đạo.

- Ông đã có bao giờ đọc một cái gì nói về Jona chưa?

- Có phải là tên của một nhân vật tiểu thuyết không? Trong đó các ngài thám tử đều làm được những việc rất kỳ diệu.

- Jona không phải là thám tử cũng không là một nhân vật tiểu thuyết. Đó là một tên tội phạm bậc thầy đã sống vào khoảng năm 1750. Ông Dona, ông nên đọc lại tất cả những tài liệu ghi chép các vụ án. Tất cả mọi việc đều chỉ lặp đi lặp lại mà thôi, kể cả lão giáo sư Mori nữa. Jona là sức mạnh của những tên tội phạm ở Luân Đôn. Hắn đã bán bộ óc cho bọn này lấy 15% hoa hồng trong mỗi vụ. Tất cả những chuyện đã làm trước đây, sẽ còn được làm lại nữa. Tôi sẽ kể cho ông nghe một vài việc về Mori mà có lẽ sẽ làm ông vui thích.

- Tôi xin dỏng cả hai tai lên.

- Tôi đã tìm hiểu được ai là khâu đầu tiên của sợi dây xích. Một sợi dây xích mà đầu này là một tên tội phạm thượng thặng, còn đầu kia là cả trăm tên ăn cắp, móc túi, những tên đi tống tiền, những tên bợm cờ bạc. Ở giữa hai đầu sợi xích đó, là tất cả các loại tội ác. Tham mưu trưởng của bọn chúng

là tên đại tá Mô-ran. Theo ông thì lão giáo sư trả lương cho hắn bao nhiêu tiền?

- Tôi muốn biết điều đó lắm.

- Sáu nghìn bảng Anh một năm. Tôi cũng tình cờ mà biết được chi tiết này thôi. Ngài đại tá Mô-ran lương còn cao hơn cả thủ tướng. Những cái "séc" bình thường để trả tiền sinh hoạt trong nhà thôi, được trả vào tài khoản của sáu ngân hàng khác nhau. Chi tiết này có làm cho ông phải suy nghĩ không?

- Tất nhiên cũng đáng chú ý thật. Nhưng từ đó ông suy luận ra những gì? - Những gì à, là hắn không muốn ai búp xép gì về của cải của hắn, hắn có khoảng 20 tài khoản ở ngân hàng, và phần lớn tài sản của hắn thì ký gửi ở Pháp hoặc Đức.

Dona ngồi lặng đi, chìm đắm trong một suy nghĩ sâu lắng, nhưng rồi cái óc thực tế xứ Écosse lại kéo anh ta đứng lên.

- Hiện giờ, thì lão ta có thể cứ tiếp tục. Ông đã kéo chúng tôi đi quá xa với những câu chuyện cổ tích của ông rồi. Tôi chỉ còn ghi nhận được cái điều cốt yếu là có một sự liên hệ nào đó giữa vị giáo sư với tội ác. Vậy xin hỏi ông, liệu chúng ta có thể đi xa hơn thế không?

- Ông đã nói với chúng tôi rằng vụ án mạng này hiện giờ chưa giải thích được. Nếu chúng ta giả thiết rằng nguồn gốc của nó là như chúng ta đã nói, thì có thể phải xét đến hai động cơ khác nhau này. Trước hết, Mori cai quản cái thế giới của lão bằng một cây roi sắt. Bộ luật hình của lão chỉ gồm có một hình phạt thôi: xử tử. Như vậy có thể Du-gia đã phản bội sếp của hắn. Hình phạt đã được thi hành, và cái chết này sẽ thổi một luồng gió sợ hãi vào những tên còn sống trong băng của lão.

- Đó là một gợi ý, thưa ông Holmes.

- Giả thiết thứ hai, là vụ án mạng được Mori dựng lên như một dịch vụ thông thường mà thôi. Ở đó có mất gì không, ông Dona?

- Tôi không nghe nói có mất gì cả?

- Nếu có mất đồ thì điều này chống lại giả thiết thứ nhất của tôi và sẽ phù hợp hơn với giả thiết thứ hai. Mori có thể đã bị đẩy đến chỗ phải gây ra vụ án mạng này để chia phần, hoặc là hắn đã được bọn nào đó thuê tiền để tổ chức vụ án. Cả hai khả năng này đều có thể có cả. Nhưng dù sao, thì cũng phải đến đó mới tìm được lời giải.

Dona bật đứng dậy, reo lên:

- Vậy thì phải đi tới lâu đài Birlstone thôi.

Holmes vừa thay áo vừa nói:

- Trong khi đi đường, xin ông Dona kể lại cho chúng tôi nghe tất cả.

Chữ "tất cả" này thật ra là quá ít ỏi. Nhưng cũng đủ để cho Holmes phải chăm chú nghe. Những chi tiết lật vạt đã làm anh cứ xoa mãi hai tay vào nhau, mặt hồng hào hẳn lên. Chúng tôi vừa mới sống mấy tuần lễ quá tẻ nhạt, và hôm nay mới lại đứng trước một bí mật xứng đáng với những tài năng của Holmes. Viên thanh tra cũng nói rõ rằng đây chỉ là những chi tiết anh ta lấy ra từ một bản báo cáo vội vã mới gửi theo chuyến tàu sớm nhất. Người trinh sát của cơ quan công an địa phương đó, là bạn của ông ta. Vì vậy ông ta được tin rất sớm, khác với mọi lần. Dona đọc to cho chúng tôi nghe bức thư của Maso.

"Dona thân mến, những tài liệu chính thức cần cho các bộ phận công tác của ông đã được gửi trong một bao bì riêng. Thư này là gửi riêng cho một mình ông. Hãy điện ngay cho tôi biết ông đi chuyến tàu nào xuống đây để tôi ra đón. Đây là một bài toán sẽ làm cho ông phải đau đầu. Xin ông hãy xuống ngay! Nếu ông có thể mời được cả ông Holmes thì hay quá. Thực tình, tôi thấy phức tạp quá".

Holmes nhận xét:

- Gớm, ông bạn của ông có vẻ sắc mắc đấy.

- Vàng, đúng thế, thưa ông. Maso xưa nay vẫn là con người tích cực lắm.

- Được. Thế ông có tin gì khác nữa không, ông Dona.

- Không, khi nào đến nơi, Maso sẽ cho biết.

- Thế thì tại sao ông lại biết Du-gia bị ám sát.

- Trong bản báo cáo chính thức có nêu tên Du-gia và ghi rõ là đã bị giết bởi một viên đạn súng săn bắn vào giữa đầu. Cũng có ghi cả giờ báo động là trước lúc nửa đêm hôm qua một chút. Báo cáo nói thêm đây chắc chắn là một vụ án mạng rồi, nhưng chưa bắt giữ ai, và vụ án này có một vài khía cạnh kỳ lạ làm cho người ta phải bối rối.

- Vàng, ông Dona, nếu ông cho phép thì chúng ta hãy tạm ngưng ở đây. Hiện giờ thì tôi chỉ mới thấy có hai điều là: có một bộ óc lớn ở Luân Đôn và một cái xác chết ở Sussex. Vấn đề là phải tìm được sợi dây xích nối hai cái này lại với nhau.

3. TẤN BI KỊCH Ở BIRLSTONE

Làng Birlstone là một nơi thừa thớt những căn nhà nhỏ bé nửa gỗ, nửa gạch ở bìa phía bắc quận Sussex. Trong hàng thế kỷ trước, ngôi làng vẫn giữ nguyên phong cách cổ xưa, nhưng vào khoảng hai năm gần đây, đã có nhiều địa chủ giàu có đến dựng những biệt thự ở chung quanh. Trong các cánh rừng bọc theo bờ của khu rừng lớn Weald chạy dài mãi đến tận chân những ngọn đồi đá vôi ở bờ biển.

Lâu đài nằm cách làng khoảng 800 thước, trong một khu vườn cũ nổi tiếng về những giê gai cực lớn. Một phần của tòa lâu đài này đã được dựng lên từ thời Đế Nhất thập tự chiến. Năm 1543, một trận hỏa tai đã thiêu trụi tất cả. Một số gạch đã ám khói còn sót lại đến thời các vị vua Jacques, đã được

đùng để xây nên một lâu đài khác trên nền của tòa lâu đài cũ. Tòa lâu đài mới này với những đầu hồi chi chít và những khuôn cửa sổ có lắp những mảnh kính hình quả trám, gợi lại hình ảnh của nền kiến trúc vào thế kỷ thứ 17. Về hai đường hào trước đây thì nay chỉ còn lại đường bên trong. Đường hào ngoài đã được tát khô, và bây giờ trở thành một mảnh vườn trồng rau. Đường hào còn lại bao quanh cả tòa lâu đài, rộng đến 12 thước nhưng sâu không quá một thước. Nước trong hào là từ một dòng sông nhỏ chảy vào, nên không hôi thối. Những cửa sổ của tầng dưới cùng chỉ cao hơn mặt nước khoảng 30 phân. Lối đi duy nhất để vào lâu đài là một cây cầu rút, đã hư hỏng từ lâu. Những người chủ lâu đài hiện nay cho sửa chữa lại để buổi sáng thì hạ xuống, đến chiều tối lại rút lên: sự phục hồi lại truyền thống của thời phong kiến đã biến tòa lâu đài ban đêm trở thành một hòn đảo.

Khi gia đình Du-gia đến làm chủ tòa lâu đài này thì nó đang sắp đổ nát.

Gia đình chỉ gồm có hai người: Du-gia và vợ ông ta.

Du-gia khoảng 50 tuổi, có một cái quai hàm thật khỏe, nét mặt rắn rỏi, một bộ râu hoa râm, một đôi mắt xám rất sắc, vóc người lực lưỡng, dáng điệu cứng cỏi. Những gia đình lân cận có học thức hơn, đã tiếp đãi ông với một sự tò mò và có phần dè dặt, nhưng ông thì lại rất được lòng của người dân trong làng. Ông tham gia đóng góp rất rộng rãi vào tất cả mọi hoạt động ở địa phương, phụ trách các buổi hoà nhạc, và vốn có một giọng nam trầm, bao giờ ông cũng sẵn sàng góp vui bằng một bài hát thật hay. Hình như ông có khá nhiều tiền, và người ta đồn rằng ông đã làm giàu trong các mỏ vàng ở xứ Cali.

Điều đó thì không biết có đúng không, nhưng chỉ cần nghe ông nói chuyện cũng biết ông đã sống cả một phần đời ở bên Mỹ, người ta lại càng kính trọng ông hơn vì ông hoàn toàn coi thường sự nguy hiểm. Mặc dù cưỡi ngựa rất tồi,

nhưng mỗi khi có những cuộc thi ngựa là thế nào ông cũng tham dự, và cái tính bướng bỉnh đó đã đem lại cho ông mấy lần ngã ngựa đến kinh hôn. Khi bên nhà thờ bị cháy, lính cứu hoả địa phương đã bó tay, ông một mình xông vào cứu những đồ đạc ra. Cứ như vậy, trong vòng năm năm trời, Du-gia trở thành một nhân vật nổi tiếng ở Birstone.

Vợ ông ta cũng được bạn bè kính nể. Ở đây, bà ít đi lại chơi bời. Nhưng số ít bạn bè này đã quá đủ cho một bà chủ nhà vốn có tính dè dặt, và hình như chỉ để hết thời gian chú ý, săn sóc chồng. Người ta biết rằng bà phu nhân người Anh này thuộc vào tầng lớp xã hội thượng lưu, và đã làm bạn với ông ở Luân Đôn khi ông này góa vợ. Bà rất đẹp, vóc người cao lớn, thanh mảnh, tóc màu nâu, trẻ hơn chồng đến 20 tuổi, bà thường tỏ ra rất kín đáo về quá khứ của chồng mình. Hình như bà ta không hiểu biết gì nhiều lắm về ông ta. Một vài người còn thấy bà vợ có vẻ bồn chồn, lo lắng mỗi khi ông chồng về trễ. Trong một vùng nông thôn thanh bình như thế này, người ta rất thích thú bàn tán về những câu chuyện mách lẻo và khi vụ án xảy ra thì dư luận càng xôn xao và cho rằng đúng là những điều nhận xét ấy có một ý nghĩa rất đặc biệt.

Trong lâu đài còn có một nhân vật nữa, tuy không sống ở đó một cách thường xuyên. Đó là ông Bar. Cái dáng cao lênh khênh rất quen thuộc trong làng, vì ông ta hay đến lâu đài, và được người ở đó quý mến lắm. Người ta nói rằng ông là người nhân chứng duy nhất biết về quá khứ của ông Du-gia. Bar chắc chắn là một người Anh rồi, nhưng qua những câu chuyện của ông ta, thì có thể hiểu được rằng, ông ta quen biết ông Du-gia trước đây là ở bên Mỹ và lúc đó hai người sống với nhau thân thiết lắm. Hình như ông ta cũng giàu có lắm thì phải và hiện vẫn chưa lập gia đình. Ông ta trẻ hơn ông Du-gia, chỉ trạc độ 45 tuổi là hết mức, người cao lớn, lưng thẳng, thân mình nở nang, mặt mũi nhẵn nhụi, không để râu. Ông ta có hai hàng lông mày đen nhánh và nhất là đôi mắt đen áp đảo người khác.

Ông ta không đi săn, không cưỡi ngựa, suốt ngày cứ ngâm cái tàu thuốc đi dạo xung quanh làng. Nếu không thì lại dong xe đi vào các vùng nông thôn với ông chủ nhà, và khi nào ông này vắng, thì với bà chủ nhà. Người đầu bếp Am trong lâu đài nói “Đó là một vị thượng lưu vô tư và hào phóng”. Nhưng cũng bổ sung thêm “Nhưng thực tình, tôi không bao giờ lại dại dột muốn cãi lại ông ta. Ông ta rất nhiệt tình với ông Du-gia, và cũng không kém nhiệt tình với vợ ông Du-gia.”

Còn đối với những người khác cùng ở trong lâu đài, thì tôi chỉ cần kể đến anh đầu bếp Am, nhanh nhẹn, đứng đắn đáng kính; bà A-len, tươi tắn, phốp pháp, một tay giúp việc đắc lực cho bà chủ nhà. Còn sáu người gia nhân khác thì không có dính dáng gì đến những sự kiện xảy ra trong đêm đó.

Đồn cảnh sát địa phương được báo tin vào 12 giờ kém 15 phút đêm. Lúc đó là buổi trực của thượng sĩ Wil thuộc cảnh sát quận Sussex. Ông Bar, đã đến đập cửa và kéo chuông ầm ầm, báo tin ông Du-gia đã bị ám sát. Báo xong, ông lại vội vã trở về lâu đài. Sau khi đã báo lên thượng cấp, thượng sĩ Wil đến ngay hiện trường. Khi đến nơi, Wil thấy chiếc cầu đã được hạ xuống, các cửa sổ đều sáng đèn; và toàn thể lâu đài ở trong một tình trạng rối loạn. Các gia nhân, mặt mũi xám ngoét, đứng sát vào nhau ở phòng ngoài, còn anh đầu bếp, cứ đứng vịn hai bàn tay vào nhau trên bậc cửa, chỉ một mình ông là có vẻ tự chủ và tìm được sự xúc động. Ông mở cửa ở phòng ngoài, và mời thượng sĩ đi theo.

Cùng lúc đó Bác sĩ Wu ở trong làng, cũng đến. Cả ba người bước vào căn phòng đã xảy ra tấn thảm kịch. Anh đầu bếp theo vào, đóng cửa lại.

Nạn nhân nằm ngửa, chân tay duỗi thẳng ở giữa buồng, trên người chỉ có một cái áo choàng màu hồng, phủ ra ngoài bộ quần áo ngủ, chân đi dày vải. Vị bác sĩ cầm cây đèn đặt lên bàn và quỳ xuống bên cạnh xác chết; thoáng nhìn qua, ông

lắc đầu: Du-gia đã chết. Một thứ vũ khí kỳ lạ được đặt chéo lên ngực ông ta: đó là một khẩu súng săn mà nòng đã được cửa ngăn đi, chỉ cách cò súng khoảng 30 phân. Trông rõ ràng là ông đã bị bắn rất gần, và bị trúng đạn vào ngay giữa mặt. Cả hai cò súng đã được nối tiếp liền với nhau bằng một sợi dây thép, để lúc bắn thì cả hai nòng đều bắn một lượt làm cho sức công phá càng ghê gớm.

Viên cảnh sát nói thất thanh:

- Không ai được sờ mó vào một tý gì ở đây, trước khi cấp trên của tôi đến.

Ông Bar nói dứt khoát:

- Chưa có ai đụng gì vào đây cả, tất cả mọi vật đều vẫn y nguyên như buổi đầu.

- Vào lúc mấy giờ?

Viên thượng sĩ đã rút cuốn sổ tay ra.

- Vào lúc 11 giờ rưỡi. Lúc đó tôi vẫn ngồi trước lò sưởi ở trong phòng tôi, thì nghe thấy tiếng nổ. Nổ không to lắm. Hình như có cái gì bị kìm lại vậy. Tôi vội đâm bổ xuống dưới nhà. Tôi nghĩ rằng từ trên đó xuống đến đây không quá 30 giây đồng hồ.

- Lúc đó cửa có mở không?

- Cửa mở, ông Du-gia thì nằm đúng như hiện giờ. Ngọn nến trong buồng vẫn cháy sáng ở trên bàn làm việc. Sau đó một chút thì chính tôi đã thấp cây đèn lên.

- Ông có trông thấy ai không?

- Không. Tôi nghe tiếng bà Du-gia ở trên lầu chạy xuống sau tôi, và tôi đã ngăn bà lại để cho bà khỏi trông thấy cảnh thương tâm này. Bà hầu phòng A-len cũng chạy đến và đã dìu bà chủ đi lên. Rồi anh đầu bếp Am đến, và tôi với anh ta cùng đi vào trong phòng.

- Tôi tưởng rằng cây cầu rút dêm nào cũng kéo lên kia mà.

- Đúng thế. Nhưng chính tôi đã hạ nó xuống để đi báo cho ông.

- Như vậy thì tên sát nhân làm sao trốn ra được. Phải đặt vấn đề khác đi thôi: có thể là ông Du-gia đã tự tử chăng?

- Chúng tôi cũng đã có nghĩ đến điều đó. Nhưng ông xem đây này ...

Ông Bar kéo tấm rèm để lộ ra một khuôn cửa sổ cao mở toang.

- Và mời ông hãy xem cái này nữa.

Ông Bar đưa đèn lại gần thành cửa sổ, nơi đó có một vết máu giống hệt như hình đế một chiếc giày.

- Rõ ràng là có người đã trèo qua đây.

- Có phải ông muốn nói rằng có người đã chạy trốn bằng cách vượt qua con hào này, phải không? Nhưng mà nếu chưa đầy nửa phút sau vụ án, ông đã có mặt ở đây, thì người ấy lúc đó còn phải đang lội nước.

- Chắc chắn là như vậy. Ôi, tiếc quá, không hiểu sao lúc đó tôi không nhảy bổ ngay qua cửa sổ. Bị cái rèm cửa này che khuất, thành ra tôi không nghĩ ra nữa.

Vị bác sĩ cũng lẩm bẫm nói khẽ:

- Tôi chưa bao giờ trông thấy một vết thương nát bấy ra như vậy.

Viên thượng sĩ vẫn cứ đứng ngắm mãi khuôn cửa sổ mở rộng.

- Nhưng mà này, câu chuyện có người lội qua hào nghe thì thú vị thật, nhưng hẳn làm cách nào để vào được lâu đài, vì chiếc cầu rút đã bị kéo lên rồi kia mà.

- À vâng. Đó, tất cả vấn đề là ở chỗ đó. - Ông Bar nói.

- Thế mấy giờ thì người ta kéo cầu lên?

- Lúc đó là gần 6 giờ chiều. - Ông Am trả lời.

- Tôi nghe nói là ở đây vẫn thường rút cầu lên vào lúc mặt trời lặn. Như thế vào mùa này thì gần 4 giờ rưỡi hơn là gần 6 giờ chứ. - Viên thượng sĩ lại nhấn mạnh.

- Hôm nay bà chủ tiếp khách. Tôi không thể đụng đến cây cầu khi các vị khách chưa ra về. Chính tay tôi đã rút cây cầu lên. - Anh Am giải thích.

- Nếu như có những người từ bên ngoài vào lầu đài thì họ phải đi qua cầu trước sáu giờ, rồi trốn ở trong này, vì ông chủ mãi sau 11 giờ đêm mới bước vào căn phòng này.

- Đúng như thế. Đêm nào, trước khi đi ngủ, ông Du-gia cũng đi một vòng quanh lầu đài để xem đã tắt hết đèn chưa? Chính trong khi đi vòng như vậy, ông đã vào căn buồng này. Tên sát nhân đã đợi ông ta ở đây, và bắn thẳng vào ông ta. Rồi hắn trốn bằng cách leo qua cửa sổ, bỏ lại cây súng. - Bar giải thích.

Viên thượng sĩ cúi đầu xuống nhặt một mẩu bìa cứng ở bên cạnh xác chết trên có ghi ba chữ T.L.V. và một con số 341, chữ viết rất thô kệch. Ông ta giơ mẩu bìa lên hỏi:

- Cái gì thế này?

Ông Bar nhìn mẩu bìa một cách tò mò:

- Tôi cũng không để ý thấy nó. Có lẽ tên hung thủ lúc chạy trốn đã bỏ rơi lại.

- T.L.V. 341. Tôi chẳng hiểu gì cả.

Viên thượng sĩ cứ xoay đi xoay lại mãi mẩu bìa.

- T.L.V.? Có lẽ là những chữ đầu tên của một người nào đây chẳng. Bác sĩ Wu, bác sĩ có cái gì đó.

Ông bác sĩ đã nhặt được một chiếc búa khá to trước lò sưởi. Ông Bar chỉ vào một hộp dính đầu bằng đồng đặt trên mặt lò sưởi, giải thích:

- Ngày hôm qua, ông Du-gia có thay đổi chỗ treo mấy bức tranh. Tôi thấy ông ta đứng trên chiếc ghế này để treo bức tranh lớn bên trên. Việc đó cất nghĩa tại sao lại có chiếc búa trên đây.

Viên thượng sĩ gỡ đầu ra về khó nghĩ:

- Có lẽ chúng ta nên để lại chiếc búa ở nơi tìm thấy nó thì hơn. Phải những cái đầu giỏi nhất ở Scotland Yard ⁽¹⁾ mới hiểu thấu đáo được mọi việc.

Rồi ông ta cầm lấy chiếc đèn từ từ đi quanh căn phòng.

- Có người đã trốn ở đây, chắc chắn là như thế...

Ông thượng sĩ hạ cây đèn thấp xuống: ở một góc, thấy những vết giầy có dính bùn rất rõ.

- Việc phát hiện này là phù hợp với giả thiết của ông, ông Bar a. Có thể là tên hung thủ đã vào lâu đài sau 4 giờ chiều khi những tấm rèm cửa sổ đã được buông xuống, và trước sáu giờ, khi cây cầu được rút lên. Nó lẩn ngay vào đây, và trốn đằng sau bức rèm này. Rất có thể ý định của nó là vào ăn trộm, nhưng chẳng may ông Du-gia lại bắt gặp nó, thế là nó giết ông ta và chạy trốn.

- Tôi cũng nghĩ gần giống như vậy. Nhưng ông có thấy rằng chúng ta đã mất bao nhiêu thời giờ quý báu rồi không? Tại sao chúng ta không kéo cả mọi người ra đi lùng sục khám xét khắp chung quanh, trước khi hung thủ có thể trốn thoát được. - Bar đề nghị.

Viên thượng sĩ cần môi suy nghĩ một lát:

- Không có chuyến tàu nào chạy trước 6 giờ sáng. Vậy nó không thể trốn thoát đi bằng đường tàu hỏa. Nếu nó đi đường bộ thì với cái quần ướt sũng, thế nào nó cũng bị người ta để ý. Nhưng dù sao tôi cũng không thể rời khỏi đây được trước khi có người đến thay tôi.

Vị bác sĩ lại cầm lấy cây đèn để khám lại tử thi một lần nữa. Ông bỗng hỏi:

- Cái vết này là cái gì đây. Nó có liên quan gì đến vụ án này không?

1. Cơ quan cảnh sát hình sự Tô Cách Lan.

Cánh tay áo bên phải của người chết đã được kéo lên khuỷu tay, ở giữa cánh tay thấy nổi lên trên da hình màu nâu của một tam giác nằm trong một vòng tròn.

Bác sĩ Wu nói:

- "Đây không phải là một vết xăm. Tôi coi bộ như người này đã bị đánh dấu bằng một cái khuôn nung đỏ, giống như người ta đánh dấu đàn gia súc vậy". Bác sĩ nói thêm: "Thế này là thế nào?"

- Tôi không hiểu được. Có điều là từ mười năm nay, tôi đã nhiều lần nhìn thấy cái dấu này trên tay ông Du-gia. - Ông Bar nói.

- Tôi cũng đã thấy nhiều lần khi ông chủ xắn tay áo lên.
- Anh đầu bếp nói.

- Nếu như vậy thì nó không dính dáng gì đến vụ án mạng này rồi. Nhưng dù sao thì nó cũng thật kỳ lạ. Trong vụ này không có cái gì là bình thường cả. Tôi cũng không hiểu bây giờ còn xảy ra những gì nữa đây - Viên thượng sĩ kết luận.

Anh đầu bếp vừa thốt lên kinh ngạc và chỉ vào bàn tay ruồi trắng ra của người chết, nói lấp bắp:

- Nó tháo mất chiếc nhẫn cưới của ông rồi.

- Cái gì?

- Ông chủ tôi đeo một chiếc nhẫn bằng vàng ở bên trong một chiếc nhẫn khác có gắn một hạt ngọc; chiếc nhẫn có hạt ngọc còn đây nhưng chiếc nhẫn cưới thì biến mất rồi.

- Anh ấy nói đúng đấy. - Bar lên tiếng.

- Ông vừa khai là chiếc nhẫn cưới đeo ở trong chiếc nhẫn có gắn ngọc. - Viên thượng sĩ hỏi lại.

- Thưa vâng.

- Thế thì hung thủ đã tháo chiếc nhẫn có ngọc ra, rồi sau đó nó mới đoạt lấy chiếc nhẫn cưới, rồi lại đeo chiếc nhẫn có hạt ngọc vào tay người chết.

- Như vậy đó.

Viên thượng sĩ lắc đầu lia lịa:

- Chúng ta hãy báo cáo tất cả về Luân Đôn. Ông Maso là một tay cừ khôi. Chưa bao giờ có một vụ án nào làm ông phải lúng túng cả. Còn về phần tôi, tôi xin thú thật là vụ này vượt quá sức hiểu biết của tôi.

4. TỐI MỜ

Ông Maso trông có vẻ bình tĩnh và thoải mái. Ông mặc một bộ quần áo vải tuyết rộng thùng thình, chân đi ghệt. Trông ông giống như một ông chủ trại cỏ nhỏ, một người gác rừng đã về hưu, hơn là giống một người đại diện của cơ quan cảnh sát hình sự cấp tỉnh. Ông không ngừng nhắc đi nhắc lại:

- Đây là một vụ án làm đau đầu đầu đây, thưa ông Dona. Tôi mong rằng chúng ta sẽ làm tốt được nhiều việc, trước khi bọn ký giả rúc mũi vào cuộc điều tra và làm hỏng hết các dấu vết. Có nhiều chi tiết có lẽ sẽ làm ông vui lòng, thưa ông Holmes. Cả đối với ông cũng thế, thưa ông bác sĩ Watson. Buồng của các ông đã được đăng ký trước ở khách sạn "Huy hiệu của Tây Thành". Thôi để bác khuôn vác trông coi hành lý và xin mời các ông vui lòng đi theo tôi.

Chỉ sau 10 phút là chúng tôi đã có phòng ở và 10 phút sau nữa, chúng tôi đã ngồi cả trong phòng khách của khách sạn. Ông Dona gỡ sổ tay ra ghi. Còn Holmes thì có dáng điệu của một nhà thực vật học vừa ngạc nhiên vừa ngắm nghía một bông hoa. Sau khi nghe xong câu chuyện, anh ta reo lên:

- Tuyệt! Thật là tuyệt! Chưa có một vụ nào kỳ lạ như vụ này.

Ông Maso hớn hỡ:

- Vâng, tôi đã trình bày với các ông tất cả những gì mà thượng sĩ Wil báo cáo với tôi. Thượng sĩ đã nắm được hết mọi sự kiện. Tôi đã có kiểm tra lại, suy nghĩ, và có bổ sung thêm chút ít.

- Thế ông có biết thêm điều gì mới nữa không? - Holmes hỏi.

- Trước hết, tôi xem xét chiếc búa, không tìm thấy một dấu vết gì của bạo lực cả.

Ông thanh tra Dona lưu ý:

- Trong nhiều vụ án mạng, nạn nhân bị đập bằng búa, mà trên chiếc búa có thấy dấu vết gì đâu.

- Đúng như vậy. Sau đó tôi xem xét đến khẩu súng. Súng được lắp đạn ghém, hai cò súng được buộc với nhau, chỉ cần bóp cò sau thì cả hai viên đạn ở hai nòng đều nổ một lúc. Nòng súng bị cửa ngăn đi, như vậy có thể dễ dàng mang nó theo dưới một áo khoác. Toàn bộ tên của nhà sản xuất thì không thấy có, nhưng trên những đường góc giữa hai nòng súng thấy còn lại chữ "PEN", các chữ khác thì bị cửa đi mất rồi.

Holmes hỏi luôn:

- Một chữ P hoa, có vẽ hoa lá bên trên, và một chữ e, một chữ n nhỏ hơn có phải không ạ"

- Đúng đấy ạ.

- Hãng sản xuất súng Mỹ tên là "Pensylvania Small Arm Company"

Ông Maso nhìn Holmes với cặp mắt của một ông thầy thuốc nông thôn nhìn một đại chuyên gia trong ngành y tế.

- Không còn nghi ngờ gì nữa, đúng là một khẩu súng Mỹ rồi. Tôi có đọc ở đâu đấy rằng súng săn cửa nòng, chính là một loại vũ khí thường dùng trong một số vùng nào đó ở Mỹ. Như vậy có rất nhiều khả năng là cái tên đã lọt vào trong lâu đài và giết ông chủ nhà ở đây là một tên Mỹ.

Dona gật gù:

- Ông đi mau quá đấy, tôi chưa có chứng cứ gì để tin rằng có một kẻ lạ mặt đã lọt vào trong này.

- Cửa sổ mở toang, vết máu trên thành cửa, mẩu bìa cứng, vết giày ở góc nhà, khẩu súng...

- Máy thứ đó chẳng có cái gì mà không bố trí trước được? Ông Du-gia vốn là một người Mỹ, Ông Bar cũng thế, vậy thì đầu nhất thiết phải đưa một người Mỹ khác từ ngoài lọt vào để giải thích những chi tiết Mỹ đó.

- Am, người đầu bếp...

- Anh ta có đáng tin cậy không?

- Anh ta ở với gia đình Du-gia từ 5 năm nay. Anh ta chưa hề trông thấy khẩu súng này trong nhà.

- Khẩu súng này không phải là thứ đem trưng bày cho mọi người thấy. Chính vì thế người ta mới đem cửa nòng của nó đi. Nó có thể đem cất giấu vào bất cứ một cái hộp nào. Làm sao anh Am lại có thể đoán chắc được rằng trong nhà không có một khẩu súng loại này.

- Nhưng dù sao thì tôi cũng chưa trông thấy nó bao giờ.

Dona vẫn lắc đầu không chịu:

- Tôi vẫn chưa tin là có một người lạ mặt vào đây. Tôi xin các ông hãy thử suy nghĩ xem hậu quả sẽ như thế nào khi giả thiết rằng khẩu súng này là do một người từ bên ngoài mang vào và người này đã hành động như các ông vừa nói.

Holmes lấy cái giọng rất "chánh án" chỉ Dona, nói:

- Ông Dona, tòa nghe lời khai của ông.

- Hung thủ không phải là một tên ăn trộm tầm thường. Chuyện chiếc nhẫn và mẩu bìa cứng đã chứng tỏ rằng đây là một vụ giết người có âm mưu, vì một lý do cá nhân nào đó mà ta chưa rõ.

- "Vậy hung thủ đã lẩn vào trong nhà với ý định gây ra một vụ án" Maso nói. "Hắn biết sẽ gặp khó khăn khi muốn

thoát ra vì lâu đài được bao bọc bởi một đường hào đầy nước. Vậy thì hấn sẽ chọn thứ vũ khí gì? Chắc các vị sẽ trả lời tôi: Một vũ khí thầm lặng, hấn có thể hy vọng chui nhanh qua cửa sổ, lội qua con hào, rồi bình tĩnh chạy trốn đi. Như vậy, thì tôi có thể chấp nhận được. Còn nói hấn chọn một khẩu súng, trong khi hấn biết tiếng nổ sẽ làm cho mọi người trong nhà đổ xô đến và hấn sẽ bị phát hiện trước khi lội qua con hào. Liệu luận cứ này có lý không, thưa ông Holmes.”

Anh bạn tôi suy nghĩ một lát rồi đáp:

- Tất nhiên là ông đã trình bày sự việc một cách không thể cãi được. Nhưng mà phải có chứng minh. Tôi xin phép được hỏi ông Maso, không biết ông có xem xét ngay bờ bên kia của đường hào để tìm những dấu vết của một người từ dưới nước lội lên không?

- Ở đó không có một dấu vết nào. Bờ bên kia xây bằng đá, thành ra cũng khó thấy.

- Không có một cái vết, không có một dấu in nào, không có gì cả hay sao?

- Tuyệt đối không.

- A, thế nếu bây giờ tất cả chúng ta cùng đi ngay ra đấy xem lại!

- Tôi cũng định đề nghị như vậy. Nhưng có lẽ tốt hơn cả, tôi thông báo hết mọi chuyện để ông nắm trước khi ra đấy.

Maso nhìn Holmes, không tin tưởng gì lắm.

Ông thanh tra Dona nói:

- Tôi đã có làm việc với ông Holmes và ông đã chịu vào cuộc với chúng ta rồi.

Holmes cười tủm tỉm:

- Tôi vào cuộc nhưng với quan niệm riêng của tôi về cách chơi. Tôi có chú ý đến một vụ nào cũng cốt là để giúp đỡ công lý và công việc của cảnh sát mà thôi. Nếu tôi có đứng ngoài cơ quan cảnh sát thì cũng chỉ vì cơ quan này gạt tôi ra ngoài.

Nói rõ như thế rồi, tôi đòi hỏi quyền được làm việc theo những phương pháp riêng và khi nào thấy có thể được, tôi sẽ xin thông báo với ông những kết quả toàn bộ làm một lần, chứ không phải từng phần một.

Ông Maso nói:

- Chúng tôi rất hân hạnh về sự có mặt của ông, bác sĩ Watson, chúng tôi hy vọng rằng sau này chúng tôi sẽ được ông dành cho một chỗ trong những tác phẩm của ông.

Chúng tôi đi xuôi xuống một con đường làng giữa hai cây dương đã hút ngọn. Ở phía dưới hai cây cột bằng đá phủ rêu còn dấu vết của con sư tử đá ngày xưa. Sau một khúc quẹo gấp cuối cùng, chúng tôi trông thấy tòa nhà cổ thấp xây bằng gạch cũ. Tòa lâu đài đã qua ba thế kỷ, chứng kiến biết bao sự ra đời, bao lần đi xa trở về tổ ấm, bao nhiêu cuộc khiêu vũ, bao nhiêu cuộc hẹn hò. Nay những bức tường cổ kính này lại phải chứng kiến một tấn thảm kịch thương tâm.

Maso chỉ cho chúng tôi:

- Đó, cửa sổ đó. Cái cửa ở ngay bên phải sát cây cầu rút. Nó được mở toang ra đúng như trong đêm hôm qua.

- Nó hẹp quá, làm sao một người chui qua được.

- Tèn hung thủ chắc không mập lắm. Ông và tôi, chúng ta đều chui qua được một cách dễ dàng.

Holmes đi tới con hào, xem xét bãi cỏ cùng bờ đá. Maso nhắc lại:

- Tôi đã xem kỹ lắm rồi, không có bất cứ một dấu vết gì chứng tỏ có một người từ dưới nước đi lên.

- Ở đây cứ luôn luôn đục bùn thế này?

- Thường thì nước có màu này. Dòng nước sông đưa phù sa vào.

- Nó sâu bao nhiêu.

- Ở gần bờ thì khoảng 60 phân, còn giữa thì một thước.

- Như vậy chúng ta có thể loại bỏ giả thiết là hắn đã bị chết đuối khi lội qua hào.

- Trẻ con cũng không chết đuối.

Chúng tôi bước qua chiếc cầu rút và một nhân vật xương xẩu, ra mở cửa cho chúng tôi: Đó là Am. Anh chàng vẫn còn run rẩy. Thượng sĩ ngồi cạnh trong văn phòng xảy ra án mạng. Ông bác sĩ Wu đã về.

Ông Maso hỏi:

- Có gì mới không, thượng sĩ Wil?

- Thưa ông, không có gì.

- Thế thì anh có thể về nhà. Khi nào cần anh, sẽ báo sau.

Anh bảo anh đầu bếp hãy đi báo cho ông Bar, bà Du-gia và bà hầu phòng rằng chúng tôi cần gặp họ. Bây giờ, tôi xin trình bày quan điểm riêng của tôi, sau đó các ông sẽ nói lên quan điểm của các ông...

Cái ông cảnh sát ở tỉnh nhỏ này coi bộ mới đang hoang làm sao. Ông ta nắm rất vững mọi sự kiện và có một bộ óc sáng suốt, lạnh lùng, nhất định ông ta sẽ tiến rất xa về nghề nghiệp. Holmes nghe ông ta nói một cách chăm chú.

- ... Đây là một vụ tự sát? Hay một vụ ám sát? Nếu đây là một vụ tự sát thì chúng ta phải tin rằng người này bắt đầu tháo chiếc nhẫn cưới của mình ra, đem giấu đi. Rồi người đó đi xuống đây, đặt đôi giày có đinh đây bùn vào đằng sau bức rèm cửa để làm cho người ta tưởng là có ai đứng đợi ở đó, sau đó mở toang cửa sổ, bôi máu lên thành...

Ông Dona cắt ngang:

- Chúng ta có thể gạt bỏ giả thiết này.

- Vậy thì đã xảy ra một án mạng. Chúng ta phải tìm xem hung thủ là người trong nhà hay từ ngoài vào.

- Chúng tôi xin nghe lập luận của ông.

- Trong cả hai trường hợp đó, chúng ta đều vấp phải những khó khăn lớn. Nhưng không thể có một giả thiết thứ

ba. Chỉ một trong hai giả thiết đó thôi. Trước hết chúng ta hãy giả thiết: *hung thủ là người ở ngay trong lâu đài này.* Chúng đã hạ ông Du-gia trong một thời điểm mà tất cả mọi sự đều yên tĩnh, nhưng chưa ai ngủ cả.

Mặt khác, chúng đã gây án mạng bằng một vũ khí kỳ lạ nhất và ãm ĩ nhất, để sau đó mọi người đều biết. Một vũ khí mà trước đó, chưa ai nhìn thấy ở trong nhà. Như vậy thật cũng khó tin quá.

- Vàng, khó tin thật.

- Tất cả mọi lời khai đều khớp với sự kiện này. *Sau khi báo động, chỉ chưa đầy một phút,* thì mọi người đã có mặt ở hiện trường. Như vậy thì liệu các ông có tin được rằng trong một khoảng thời gian rất ngắn mà hung thủ đã làm rất nhiều việc: *in các dấu chân trong góc nhà, mở cửa sổ, làm vấy máu lên thành cửa, rút chiếc nhẫn cưới ra rồi lại gắn vào...*

Holmes tán thành:

- Ông đặt vấn đề một cách rất rõ ràng. Tôi ngả theo quan điểm của ông.

- Như vậy, chúng ta bắt buộc phải trở lại *giả thiết vụ án mạng do một người ở ngoài gây ra.* Tên sát nhân đã lọt vào nhà trong khoảng thời gian từ 4 giờ rưỡi đến 6 giờ chiều. Hòm đó có tiếp khách, cửa mở rộng, nên không có gì ngăn được nó. Cũng có thể nó chỉ là một tên ăn trộm tầm thường thôi. Cũng có thể nó là một người có hận thù riêng gì với ông Du-gia. Nó đã chui vào căn phòng này và đã trốn ở đằng sau rèm cửa. Nó đứng ở đó đến quá 11 giờ đêm. Vào giờ này ông Du-gia bước vào phòng. Cuộc đối thoại với tên sát nhân rất ngắn ngủi, vì bà Du-gia khai rằng chồng bà mới đi xuống chừng vài phút thôi là bà đã nghe tiếng súng rồi.

- Cây nến cũng phù hợp với điều đó. - Holmes nói.

- Đồng ý. Cây nến cọn mới, chỉ cháy khoảng 1 phân rưỡi, chắc ông ta đã đặt nó lên bàn trước khi bị tấn công; nếu

không, nó đã rơi xuống đất khi ông ta ngã. Điều này cũng chứng tỏ là ông ta không bị tấn công ngay khi vừa bước vào phòng.

- Tất cả đều rõ ràng.

- Bây giờ chúng ta có thể hình dung lại diễn biến của vụ án: Ông Du-gia bước vào phòng, đặt cây nến lên bàn. Một người từ sau bức rèm hiện ra. Hắn có mang cây súng. Hắn đòi chiếc nhẫn cưới. Ông Du-gia đưa nhẫn cho hắn. Thế là hắn bắn ông Du-gia vì ông này đã vớ được cái búa để trên thảm. Hắn bỏ rơi khẩu súng xuống, và cả mẫu bìa cứng có mang chữ "TLV 341". Rồi hắn chạy trốn qua cửa sổ và lộn qua hào giữa lúc ông Bar phát hiện ra vụ án mạng. Ông nghĩ thế nào ông Holmes?

- Rất hay, nhưng chưa thuyết phục được người nghe.

Ông Dona kêu lên:

- Ông bạn thân mến, tôi sẽ chứng minh cho ông thấy là nó sẽ hành động theo một cách khác. Tại sao nó không sợ bị người bắt gặp khi rút lui? Tại sao nó dám dùng một khẩu súng sau khi nó biết rằng muốn thoát thì phải dùng một vũ khí thầm lặng. Nào, ông Holmes bây giờ xin ông cho ý kiến.

Holmes hết liếc mắt từ phải sang trái rồi từ trái sang phải. Anh đứng dậy, đến quỳ bên xác chết.

- Tôi muốn có thêm một vài sự kiện bổ sung, trước khi đi vào một giả thiết, thưa ông Dona. Những vết thương này thật là khủng khiếp. Chúng ta có thể cho anh đầu bếp vào đây một lát được không, các ông ... Anh Am, tôi chắc rằng anh đã được nhìn thấy nhiều lần cái hình rất kỳ lạ này, một tam giác trong một đường tròn, áp sát bằng nung đỏ lên cẳng tay của ông Du-gia phải không?

- Vâng, thưa ông, nhiều lần ạ.

- Anh có bao giờ nghe thấy một lời nói nào có thể giải thích được ý nghĩa của cái dấu ấy không?

- Thưa ông, không.

- Chắc lúc mới áp vào phải đau đớn lắm đấy. Rõ ràng là một vết bỏng. Nay anh Am, bây giờ tôi trông thấy một miếng băng dính ở dưới cằm ông Du-gia. Anh có nhận thấy không?

- Thưa ông có ạ. Sáng hôm qua, ông ấy đã bị đứt khi cạo mặt.

- Ông ấy có hay bị đứt như vậy khi cạo mặt không?

- Thưa ông, hầu như không?

- Rất hay. Tất nhiên đây chỉ là một sự ngẫu nhiên thôi. Nếu không, nó chứng tỏ ông ta đang lo lắng về một mối nguy hiểm nào đó. Anh Am, ngày hôm qua anh có nhận thấy có một cái gì khác thường trong sinh hoạt của ông chủ không?

- Ông chủ tôi có hơi bồn chồn và cáu gắt.

- À, thế thì. Hình như chúng ta đã tiến thêm được vài bước. Ông Dona, ông có muốn đích thân hỏi thêm gì nữa không?

- Không, xin nhường cho những người cao minh hơn.

- Nếu vậy thì chúng ta quay sang mẫu bia "TLV 341". Đây là một loại bia hạng tồi, ở trong nhà có thứ bia nào giống thế này không?

- Thưa ông, không ạ.

Holmes đi lại trên bàn giấy, lấy mỗi lọ mực, đổ một vài giọt trên giấy thấm.

- Những chữ này không phải viết ở đây rồi. Viết bằng mực đen, còn mực ở đây màu đỏ gạch, và lại viết bằng một ngòi bút to nét, còn những ngòi bút ở đây đều nhỏ nét cả.

- Không, những chữ này đã được viết ở nơi khác rồi. Anh Am, anh có cho rằng những chữ này có ý nghĩa gì không?

- Thưa ông, tôi không biết.

- Ông nghĩ thế nào, ông Dona?

- Nó làm tôi nghĩ đến một hội kín. Cái dấu ở trên cánh tay kia cũng thế.

- Tôi cũng nghĩ như vậy. - Ông Maso lên tiếng.

- Chúng ta chọn giả thiết đó. Một thành viên của một hội kín lọt vào trong lâu đài, chờ ông Du-gia và bắn vợ sọ ông ta, rồi trốn ra bằng đường hào, sau khi đã vứt lại bên cạnh nạn nhân một mẫu bia cứng có ghi những chữ mà khi báo chí đăng lên sẽ báo tin cho các thành viên khác của hội biết rằng việc trả thù đã hoàn thành. Tất cả mọi cái đều khớp.

- Nhưng tại sao lại dùng súng, mà không dùng bất cứ một thứ vũ khí nào khác?

- Đúng thế.

- Và tại sao chiếc nhẫn cưới lại biến mất?

- Đồng ý.

- Tại sao người ta lại chưa bắt được người nào? Bây giờ là 14 giờ rồi, tôi chắc rằng từ rạng đông đến giờ tất cả cảnh sát đang truy lùng một người lạ mặt quần áo ướt và lấm bùn.

- Vâng, ông không nhầm, ông Holmes ạ.

- Nếu hắn không có một nơi ẩn nấp ở gần đây, và nếu hắn không thay được quần áo, thì cảnh sát không để lọt lưới. Ấy vậy mà cho đến giờ này, hắn đã lọt lưới thật...

Holmes đi lại phía cửa sổ, và rút chiếc kính lúp ra, xem xét vết máu trên thành cửa.

- Đúng là vết in của một bàn chân. To hơn bình thường. Phải nói là giống như *một bàn chân phẳng*. Một điều kỳ lạ khác nữa: Cái vết chân dính bùn ở góc nhà kia lại có vẻ bình thường hơn vết này. Nói cho ngay ra, thì tất cả đều mờ nhạt không rõ ràng. Còn cái gì ở dưới gầm chiếc bàn con thế kia?

- Những quả tạ của ông Du-gia. - Am đáp.

- Chỉ thấy có một quả thôi. Còn quả kia đâu?

- Thưa ông, tôi không biết. Có thể là chỉ có một quả thôi.

Đã hàng tháng nay tôi không nhìn xuống đó. Holmes nói một cách trầm ngâm:

- Một quả tạ...

Một tiếng gõ cửa đã ngắt lời anh. Một người đàn ông cao lớn, mặt sạm nhụi, da rám nắng, trông thông minh, lanh lẹ bước vào. Đó là Bar. Đôi mắt quen ra lệnh của ông ta đảo nhìn chúng tôi một lượt.

- Tôi xin lỗi đã làm gián đoạn cuộc họp của các ông, nhưng tôi muốn báo cho các ông một tin cuối cùng.

- Đã bắt được rồi ư?

- Chưa. Nhưng người ta đã tìm thấy chiếc xe đạp, hung thủ đã bỏ nó lại.

Xin mời các ông ra xem. Chỉ cách cửa ngoài không đầy một trăm thước thôi.

- Máy gia nhân cùng những người hiếu kỳ đang ngắm nghía một chiếc xe đạp mà người ta vừa lôi ở trong một bụi cây ra. Cái túi sau yên xe đựng một chiếc cờ lê và một lọ dầu nhớt, nhưng không có một chỉ dẫn nào về người chủ của nó. Ông thanh tra thở dài, nói:

- Công việc sẽ đơn giản biết bao nếu xe này có mang biển số. Nhưng chúng ta sẽ biết được chủ nó đi từ đâu đến. Nhưng mà, tại sao hấn lại vứt bỏ chiếc xe đạp? Làm thế, hấn không đi xa được. Ông Holmes này, hình như chúng ta chưa có được một tia sáng nào.

- Chính tôi cũng đang tự hỏi như vậy. - Holmes đáp.

5. NHỮNG NHÂN VẬT CỦA TẤN THẨM KỊCH

Khi chúng tôi bước ra khỏi phòng, ông Maso còn hỏi lại:

- Các ông đã xem xét kỹ căn phòng này chưa?

- Hiện nay thì đủ rồi. - Ông thanh tra đáp.

Holmes cũng gật đầu đồng ý.

- Bây giờ thì chắc các ông muốn nghe lời khai của một vài người ở trong lâu đài này. Anh Am, chúng tôi sẽ làm việc ở trong phòng ăn. Trước hết, anh hãy nói cho chúng tôi nghe tất cả những gì mà anh biết.

Câu chuyện của anh đầu bếp kể lại đã thuyết phục được người nghe. Anh ta đã được nhận vào làm năm năm trước đây, khi ông Du-gia vừa đến ở Birlstone. Ông Du-gia là một người có của và đang hoàng, đã từng làm giàu trước đây ở bên Mỹ, ông tỏ ra là một ông chủ tốt và hào phóng, ông Du-gia ra lệnh mỗi buổi chiều phải kéo cây cầu lên để nối tiếp lại một phong tục cũ của tòa lâu đài cổ này. Ông rất ít khi đi Luân Đôn, và cũng ít khi rời khỏi làng. Nhưng một ngày, trước hôm xảy ra án mạng, ông đi lên Tunbridge Wells để mua sắm một ít đồ vật. Ngày hôm sau, chính Am nhận xét thấy ông Du-gia có vẻ hơi nóng nảy, cáu gắt và điều này thật là khác thường. Lúc xảy ra án mạng, Am đang ở trong bếp, đang cất dọn các đồ chén bát bằng bạc. Chính lúc đó anh nghe tiếng kéo chuông thật mạnh, nhưng không nghe thấy tiếng súng nổ vì từ bếp lên đến căn phòng ấy còn phải qua một dãy hành lang dài và mấy lớp cửa đóng. Tiếng chuông quá mạnh cũng làm cho bà hầu phòng phải chạy ra, và hai người cùng chạy lên nhà trên. Khi đến chân cầu thang, thì bà Du-gia ở trên lầu đang đi xuống. Không, bà không có dáng vội vàng. Và Am có cảm giác là bà ta không bối rối. Khi bà Du-gia xuống đến bậc thang cuối cùng, thì ông Bar từ trong căn phòng chạy ra, ngăn bà lại và xin bà đi trở lại. Ông ấy kêu lên:

- Chị hãy trở lên phòng ngay đi. Anh đã chết rồi. Chị lên đi!

Ông Bar phải nói mãi bà Du-gia mới chịu lên phòng. Bà không khóc. Bà không làm ồn ào. Bà hầu phòng A-len đã dìu bà lên và ở trong phòng với bà. Am và ông Bar lúc đó mới đi vào trong căn phòng. Bấy giờ ngọn nến không cháy, mà cây

đèn lại cháy. Cả hai người nhìn qua cửa sổ, nhưng đêm tối đen như mực, và không nghe thấy gì cả. Họ đổ xô ra buồng ngoài và Am đã hạ cây cầu rút xuống để ông Bar chạy đi báo cảnh sát.

Lời khai của bà hầu phòng A-len cũng khớp với lời khai của Am. Buồng riêng của bà hầu phòng ở gần phía nhà trên hơn là chỗ nhà bếp của Am. Bà đang đi ngủ, thì nghe tiếng chuông kéo thật mạnh. Bà có hơi nặng tai. Không biết có phải vì thế mà bà không nghe thấy tiếng súng chẳng? Khi ông Am chạy lên nhà trên, thì bà cũng chạy theo ông ta. Bà có trông thấy ông Bar mất bối rồi từ trong phòng đi ra. Ông ta chạy đến trước mặt bà Du-gia lúc đó ở trên cầu thang đi xuống. Ông ta năn nỉ mời bà Du-gia đi lên, và bà ta có trả lời lại điều gì đó mà bà A-len nghe không rõ. Ông Bar ra lệnh cho bà:

- Bà đưa bà chủ lên lầu đi. Và ở luôn đó với bà chủ.

Bà đưa bà chủ lên lầu về phòng và cố khuyên bà chủ bình tĩnh lại. Bà Du-gia, chân tay run bắn, nhưng cũng không muốn đi xuống nữa. Bà mặc chiếc áo khoác, ngồi vào bèn lò sưởi, hai tay ôm lấy đầu. Bà A-len đã ở lại đó cả đêm với bà.

Còn các gia nhân khác, thì họ đều đi ngủ cả, và chỉ được báo động dậy trước lúc cảnh sát đến một chút thôi.

Đến lượt ông Bar. Về những sự việc xảy ra đêm hôm qua, ông cũng khai y như đã khai với thượng sĩ Wil. Riêng ông, ông tin chắc tên sát nhân đã trốn qua cửa sổ. Theo ông thì vết máu trên thành cửa sổ không cho phép người ta nghi ngờ điều đó. Nhưng ông ta không hiểu vì sao hung thủ lại có thể biến đi được, hoặc tại sao nó lại không chịu trốn bằng xe đạp, nếu chiếc xe ấy là của nó.

Về vụ án mạng này, ông có một quan điểm rất rõ ràng. Ông Du-gia là người Ái Nhĩ Lan di cư sang Mỹ từ thời còn thanh niên, đã làm ăn phát đạt và Bar đã quen biết ông ta ở Cali. Hai người chung vốn khai thác một cái mỏ, kết quả hết

sức tốt đẹp. Đột nhiên Du-gia bán lại phần của ông ta và trở về Anh. Lúc đó Bar vừa góa vợ. Ít lâu sau, Bar chuyển hết tài sản ra thành tiền mặt rồi về Luân Đôn, vì thế hai người lại nối lại tình bạn cũ. Du-gia làm cho Bar có cảm giác rằng có một mối nguy hiểm nào đó đang treo trên đầu mình, và Bar tưởng tượng một hội kín nào đó, có mối thù không đội trời chung với Du-gia đã lần theo và định thủ tiêu Du-gia. Chính một vài câu nói của Du-gia đã làm nảy nở ý nghĩ này trong đầu Bar, chứ bản thân Bar thì chưa bao giờ hỏi về cái hội kín này. Bar đoán rằng những chữ viết trên mẫu bia cứng là có liên quan đến hội kín.

Ông thanh tra Dona hỏi:

- Ông đã sống với ông Du-gia trong bao lâu ở Cali?

- Khoảng 5 năm.

- Lúc đó Du-gia sống độc thân?

- Góa vợ.

- Bà vợ thứ nhất của Du-gia là người nước nào?

- Thụy Điển. Tôi có thấy ảnh của bà ta. Đó là một phụ nữ rất đẹp, chết trước khi chúng tôi quen nhau một năm.

- Liệu ông có thể xác định được quá khứ của bà ta ở một vùng nào cụ thể bên Mỹ không.

- Du-gia có nói với tôi là ở Chicago. Ông ta biết rất rõ thành phố này và đã làm việc ở đó. Ông ta cũng có nói với tôi về những vùng mỏ khai thác than và sắt.

- Ông Du-gia có làm chính trị không? Cái hội kín này có mục đích chính trị không?

- Không. Ông ấy không bao giờ để ý đến chính trị.

- Ông có nghĩ rằng đây là một cái hội phạm pháp không?

- Tuyệt đối không. Tôi chưa thấy một người nào lại thẳng thắn, dứt khoát như ông Du-gia.

- Ông có thể cho chúng tôi biết những chi tiết gì đặc biệt về cuộc đời của Du-gia ở Cali được không?

- Lúc đó ông ta sống ru rú trong khu mỏ và chỉ đi đến những nơi đông người khi nào bắt buộc lắm mà thôi. Khi ông ta đột ngột bỏ về châu Âu, thì một tuần lễ sau có sáu người đến tìm ông ta.

- Loại người như thế nào?

- Những người trông có vẻ bất trị lắm. Họ kéo đến khu mỏ và muốn biết Du-gia đang ở đâu. Tôi nói là ông ta đã trở về Âu châu, và tôi không biết địa chỉ.

- Họ là người Mỹ? Người Cali?

- Cali thì tôi không biết. Nhưng người Mỹ thì chắc chắn rồi, không phải là dân thợ mỏ.

- Cách đây có đến sáu năm không?

- Gần bảy năm.

- Thế mà hai ông đã sống với nhau 5 năm ở Cali. Vậy thì cái vụ hội kín này phải cách đây ít nhất đến 11 năm.

- Đúng thế.

- Một mối thù dai dẳng.

- Tôi nghĩ rằng mối thù này lúc nào cũng lớn vồn trong đầu ông ta.

- Khi một người cảm thấy mình bị đe dọa, thì người đó phải nhờ cảnh sát bảo vệ chứ?

- Có thể đây là một mối nguy hiểm mà các cơ quan cảnh sát không làm gì được cũng nên. Nhưng có một điều này các ông cần phải biết: ông Du-gia không khi nào đi ra ngoài mà lại không mang vũ khí. Nhưng hôm qua ông ấy mặc chiếc áo khoác ở nhà, và để khẩu súng ở trong buồng. Có lẽ vì thấy chiếc cầu rút đã kéo lên, nên ông cho thế là an toàn chăng?

Ông Dona hỏi thêm:

- Ông Du-gia rời Cali đã sáu năm rồi. Đến năm sau thì ông cũng bỏ đi nốt phải không?

- Vâng, đúng thế.

- Ông ta lấy vợ khác từ năm năm nay. Vậy thì ông trở về Anh vào lúc ông ta cưới vợ chứ?

- Một tháng trước ngày cưới. Tôi là người làm chứng của ông ta.

- Thế ông có quen biết bà Du-gia trước khi cưới không?

- Không. Tôi đã rời khỏi nước Anh từ mười năm rồi.

- Nhưng từ đó đến nay ông đã gặp bà ta nhiều lần rồi chứ?

Bar nhìn ông thanh tra một cách hết sức nghiêm trang:

- Tôi đã gặp ông ta nhiều lần, từ ngày cưới đến giờ. Còn nếu tôi có gặp bà ta đi nữa thì bởi vì không thể ở trong nhà một người mà lại không biết đến vợ người đó. Nếu ông tưởng tượng rằng có mối liên quan nào.

- Tôi chẳng tưởng tượng gì cả. Tôi có nhiệm vụ phải tìm tất cả những gì có thể liên quan đến vụ án. Nhưng tôi không muốn làm mất lòng ai.

Bar đáp lại một cách khô khốc:

- Có những cái tìm kiếm làm mất lòng người đây, ông thanh tra à.

- Chúng tôi chỉ muốn có các sự kiện. Nếu những sự việc này được trình bày ra đây một cách sáng tỏ, thì điều này chỉ có lợi cho ông, và cho mọi người. Ông Du-gia có hoàn toàn tán thành tình bạn của ông đối với vợ ông ta không? ^o

Bar tái mặt, hai bàn tay nắm chặt vào nhau, nói to tiếng:

- Ông không có quyền hỏi tôi những câu như vậy. Việc này có liên quan gì đến vụ án mà ông đang điều tra?

- Tôi có phải nhắc lại câu hỏi này không, thưa ông?

- Ông cứ nhắc lại, còn tôi, tôi không trả lời.

- Ông có thể không trả lời, nhưng ông phải biết chính cái việc từ chối đã là một câu trả lời rồi. Bởi vì ông sẽ chịu trả lời nếu ông không có điều gì phải giấu diếm.

Bar ngồi im lặng một lát, nét mặt căng thẳng. Rồi ông ta trở lại thư thái hơn, nhìn chúng tôi, mỉm cười:

- Thôi được, tôi thấy thật ra các ông cũng chỉ làm nhiệm vụ của mình thôi. Tôi muốn nói với các ông rằng Du-gia có một tính xấu là hay ghen. Ông ta rất quý mến tôi. Và ông ta cũng quý vợ ông ta lắm. Mỗi lần tôi đến đây, ông đều vui lòng. Lâu tôi không đến là ông liền cho người đi gọi. Tuy vậy, khi ông thấy vợ ông và tôi ngồi nói chuyện với nhau thì ông ta nổi nóng đến mức nói chẳng ra gì nữa. Đã nhiều lần tôi thề rằng sẽ không đặt chân đến đây nữa. Nhưng khi tôi hờn dỗi thì ông ấy lại viết thư cho tôi, những bức thư rất dễ thương làm tôi không thể giận lâu hơn được nữa. Và sau đây là lời nói cương quyết của tôi: *Không có một người phụ nữ nào lại yêu chồng và chung thủy như bà Du-gia.*

Ông thanh tra Dona hỏi:

- Ông có biết chiếc nhẫn cưới của nạn nhân đã bị rút ra khỏi ngón tay của người ấy không?

- Hình như thế.

- Tại sao ông lại nói là "hình như thế". Ông biết rõ đây là một việc có thật kia mà.

Bar có vẻ lúng túng:

- Khi tôi nói "hình như thế" là tôi muốn nói rằng cũng có thể chính nạn nhân đã tự mình rút chiếc nhẫn đó ra.

- Việc chiếc nhẫn cưới biến mất, đã gợi ý cho mọi người thấy rằng có một mối liên quan nào đó giữa đám cưới của ông Du-gia và vụ án này. Có phải không ông?

Bar nhún vai trả lời:

- Tôi sẽ không đi tìm xem nó gợi ý cái gì, nhưng nếu ông muốn ám chỉ rằng việc đó làm tổn thương đến danh dự của bà Du-gia thì...

Hai mắt ông ta long lanh sáng quắc, và ông ta phải dùng tất cả nghị lực để kìm hãm xúc cảm.

- ...Thì ông đã đi làm đường rồi đấy. Có thể thôi.

Ông thanh tra Dona lạnh nhạt nói:

- Tạm thời bây giờ tôi không có gì hỏi thêm ông nữa ...

Holmes vội bác ngay:

- Xin ông một chi tiết nhỏ, thưa ông Bar. Khi ông bước vào trong phòng, thì chỉ có *một ngọn nến thắp để trên bàn*, có phải không?

- Vâng.

- Chính nhờ ánh sáng của ngọn nến đó mà ông đã trông thấy có một việc khủng khiếp vừa xảy ra, phải không?

- Đúng thế.

- Ông đã tức khắc khéo chuông ngay để báo động.

- Vâng.

- Và mọi người đã đổ ngay đến đấy chỉ sau một khoảng thời gian rất ngắn. Có phải không?

- Chỉ sau không đầy một phút.

- Ấy thế mà khi mọi người vào đây lại thấy *ngọn nến thì được tắt đi, và ngọn đèn thì đã được thắp lên*, như vậy có lạ lùng không ông?

Một lần nữa, Bar lại tỏ ra hơi, lúng túng. Ông ta im lặng một lát rồi mới trả lời:

- Thưa ông tôi không thấy có gì lạ lùng. Ngọn nến chiếu sáng lu mờ quá. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là phải có một ánh sáng tốt hơn. Cái đèn lúc đó để trên bàn, tôi đã thắp nó lên.

- Và ông đã tắt ngọn nến đi.

- Vâng.

Holmes không hỏi thêm, và Bar sau một cái nhìn thách thức về phía mỗi người chúng tôi, đã rời căn phòng đi ra.

Dona viết một mảnh giấy nhỏ báo cho bà Du-gia biết là ông sẽ lên gặp bà, nhưng bà đã trả lời rằng: bà sẽ xuống.

Đó là một phụ nữ khoảng 30 tuổi, cao lớn, rất đẹp, dáng điệu chín chắn, và hết sức tự chủ, khác hẳn với hình ảnh một người bí hiểm và rã rời mà tôi hình dung ra trong đầu. Bà lần lượt nhìn chúng tôi, với một biểu hiện dò hỏi. Rồi đôi mắt dò hỏi đó, nhường chỗ cho một câu hỏi đột ngột:

- Các ông đã tìm ra gì chưa?

Trong giọng nói của bà chứa đựng sự sợ sệt nhiều hơn là niềm hy vọng.

- Thưa bà, chúng tôi đã làm những việc cần làm. Xin bà cứ yên tâm. -Dona trả lời.

- Xin các ông đừng ngại tốn kém tiền bạc. - Bà Du-gia nói, giọng thều thào.

- Không biết bà có đem lại cho chúng tôi một chút ít ánh sáng nào không?

- Thưa, tôi sẵn sàng làm tất cả những gì mà các ông cần.

- Ông Bar cho biết rằng bà không bước chân vào căn phòng xảy ra án mạng...

- Vâng. Ông ta đã bắt tôi phải đi lên và trở về phòng riêng.

- Bà nghe tiếng súng nổ, và bà đã tức khắc xuống ngay?

- Tôi mặc áo khoác ngoài và tôi chạy xuống.

- Từ lúc bà nghe tiếng nổ đến lúc ông Bar ngăn bà lại, mất khoảng bao nhiêu.

- Có lẽ *độ hai phút*. Trong những lúc như vậy thật khó tính được thời gian.

- Bà có thể dự tính được khoảng thời gian từ lúc chồng bà đi xuống nhà đến lúc bà nghe thấy tiếng súng nổ không?

- Thưa ông, chồng tôi đi từ buồng tắm ra nên tôi không nghe thấy tiếng anh ấy đi xuống.

- Bà đã quen biết ông ấy ở Anh có phải không?

- Thưa ông, đã năm năm rồi.

- Bà có bao giờ nghe thấy ông ấy nói về một chuyện gì đã xảy ra ở bên Mỹ và dự cảm về một mối nguy hiểm nào không?

Bà Du-gia suy nghĩ lung lăm trước khi trả lời. Mãi một lát sau bà mới nói:

- Thưa có. Tôi vẫn có linh tính là có một sự nguy hiểm đang đe dọa chồng tôi. Anh không chịu bàn luận gì với tôi về việc này cả, vì anh ấy chủ tâm tránh cho tôi mọi sự sợ hãi.

- Vậy làm sao bà lại biết được?

Nét mặt bà Du-gia hồng tươi hẳn lên trong một nụ cười:

- Tôi biết được sự bí mật này là nhờ vào nhiều dấu hiệu: vì anh ấy không chịu nói gì với tôi về một quãng đời của anh khi còn ở bên Mỹ. Vì thấy anh ấy có những biện pháp tự vệ riêng. Vì đôi lúc anh ấy không kiềm chế được và nói lỡ vài lời. Vì thấy cái cách anh ấy nhìn những người lạ mặt bất chợt đến đây. Tôi hoàn toàn chắc chắn là anh ấy có những kẻ thù ghê gớm, mà anh ấy cho là đang dò tìm tung tích của anh, và anh luôn luôn cảnh giác đề phòng.

- Ông ấy đã lỡ mồm nói ra điều gì làm bà phải chú ý. - Holmes hỏi.

- "*Thung lũng khủng khiếp*". Có một lần anh ấy dùng hình tượng này để nói với tôi. Khi tôi thấy anh nghiêm nghị hơn bình thường, tôi có hỏi: "Có bao giờ chúng ta ra khỏi được cái "*Thung lũng khủng khiếp*" ấy không?" Và anh ấy đã trả lời rằng: "Có lẽ chúng ta không bao giờ ~~ra~~ khỏi được".

- Tất nhiên là bà có hỏi ông nhà xem ông muốn nói gì bằng hình tượng "*Thung lũng khủng khiếp*".

- Vâng, tôi có hỏi. Nhưng anh ấy sa sầm mặt lại và lắc đầu nói: "Câu trời cho cái bóng ấy không bao giờ phụ cả lên em nữa". Đó là cái thung lũng thật sự chứ không phải một hình tượng. Anh ấy đã sống ở đó mà một sự khủng khiếp đã xảy ra có liên quan đến anh.

- Thế ông ấy có nêu lên một người nào không?

- Cách đây ba năm, anh ấy bị sốt cao. Trong cơn mê, anh ấy luôn luôn nhắc đến một tên người. Cái tên ấy là Ganh-ty trưởng toán. Lúc anh ấy bình phục, tôi có hỏi trưởng toán Ganh-ty là ai. Anh ấy cười trả lời: "Nhờ trời, nó chưa bao giờ làm trưởng cái toán của anh". Nhưng chắc có một mối liên hệ nào đó giữa người trưởng toán đó và thung lũng khủng khiếp.

Ông thanh tra Dona nói:

- Bà đã gặp ông Du-gia trong nhà trọ một gia đình ở Luân Đôn và hai ông bà đã hứa hôn với nhau cũng ở đó. Trong việc lập gia đình, có một yếu tố nào bí mật hay cần phải giữ kín không? Hay một yếu tố lãng mạn?

- Lãng mạn à? Vâng, thưa có. Bao giờ thì cũng có yếu tố lãng mạn. Không có cái gì là bí mật cả.

- Ông ấy có tình địch không?

- Thưa không. Lúc đó tôi hoàn toàn tự do.

- Việc mất chiếc nhẫn cưới, có gợi cho bà một ý nghĩ gì không? Nếu kẻ thù cũ đã đến đây và ám hại ông, thì có lý nào chúng tháo lấy chiếc nhẫn.

Trong một thoáng, tôi chợt thấy một cái gì như là một nụ cười rất kín đáo trên đôi môi bà Du-gia. Bà ta bình tĩnh trả lời:

- Tôi tuyệt đối không hiểu gì cả. Thật là kỳ lạ.

Ông thanh tra nói:

- Thưa bà, chúng tôi không giữ bà lâu hơn nữa và rất tiếc đã quấy rầy bà. Tất nhiên còn một số điều nữa phải xem xét thêm, nhưng chúng tôi sẽ xin kêu gọi sự giúp đỡ của bà khi nào cần thiết.

Bà ta đứng lên, và tôi lại bất chợt một lần nữa thấy đôi mắt sắc sảo nhìn chúng tôi một cách dò hỏi. Rồi bước ra khỏi phòng ăn.

Khi hai cánh cửa phòng đã khép lại, ông thanh tra Dona khe khẽ nói một cách trầm ngâm: "Một người đàn bà đẹp! Một người đàn bà rất đẹp! Cái tay Bar này là một người được phụ nữ yêu thích. Cậu ta công nhận rằng Du-gia có tính hay ghen. Biết đâu rằng cái ghen này không phải là vô căn cứ. Rồi lại còn chuyện cái nhẫn cưới nữa. Chúng ta không thể coi thường chi tiết ấy được. Một người mà đã rút cái nhẫn cưới ra khỏi bàn tay của một xác chết. Ông nghĩ thế nào, ông Holmes".

Holmes ngồi yên lặng, hai tay ôm đầu. Anh đứng dậy ra giặt chuông, và khi người đầu bếp vào, anh hỏi:

- Anh Am, ông Bar hiện giờ ở đâu?

- Thưa ông, để tôi đi xem.

Một lát sau, anh ta trở lại báo cáo ông Bar hiện đang ở ngoài vườn.

- Anh Am, anh cố nhớ lại xem, đêm hôm qua khi anh vào gặp ông Bar thì ông ta đi gì ở chân?

- Ông ta đi giày vải. Tôi đã mang giày da đến cho ông ta thay để đi báo cảnh sát.

- Thế đôi giày vải ấy bây giờ đâu rồi?

- Dưới gầm ghế ở phòng ngoài.

- Rất tốt, việc phân biệt giữa những vết chân của ông Bar và của một người ở ngoài lọt vào lâu đài là cực kỳ quan trọng chứ? Anh đồng ý không.

- Thưa ông, vâng, tôi nhận thấy các vết chân của ông Bar đều đầy dấu máu. Nhưng cả những vết chân của tôi cũng thế.

- Đó là điều bình thường, nếu căn cứ vào tình trạng căn buồng lúc đó. Chúng tôi lại sẽ gọi chuông khi nào cần đến anh.

Vài phút sau chúng tôi đã trở lại căn buồng có án mạng. Holmes đã nhặt mang theo đôi giày vải để ở buồng ngoài, đôi giày đỏ lòm máu.

- Holmes cầm đôi giày ra đứng trước cửa sổ chăm chú xem xét, vừa xem vừa nói khe một mình:

- Kỳ cục! Thực là kỳ cục!

Anh ta nhẹ nhàng cúi xuống và đặt chiếc giày vải lên vết máu trên khung thành cửa sổ: *Khớp đúng như in*. Anh mỉm cười, nhìn mọi người.

Ông thanh tra bối rối đến cực độ, hét lên như người điên:

- *Chính tay Bar này đã in cái dấu giày trên thành cửa sổ*. Nó rộng hơn một dấu chân bình thường. Tôi nhớ rằng ông đã có nói đây là một bàn chân phẳng. Bây giờ mới hiểu tại sao. Nhưng này ông Holmes, thế hẳn định chơi cái trò gì đây?

Holmes cũng nhắc lại một cách trầm ngâm:

- Vâng, vâng. Trò gì nào?

- Maso túm tùm cười: xoa mái hai bàn tay vào nhau với một niềm vui thích hoàn toàn có tính cách nghề nghiệp:

- Tôi đã báo trước cho các ngài biết mà. Gay go hắc búa lắm chứ có phải chơi đâu.

6. MỘT TIA SÁNG CHỢT LOÉ

Trong khi ba nhà thám tử đi thăm tra lại một số chi tiết, tôi đi dạo một vòng khu vườn ở bên hông lâu đài. Được bao quanh bởi những hàng thù dương uy nghi, khu vườn có một bãi cỏ rất đẹp, ở giữa là một chiếc đồng hồ mặt trời cổ kính. Sự yên tĩnh ở đây làm cho thần kinh tôi thư giãn hẳn.

Đi về phía xa nhất của tòa lâu đài, những chùm cây mọc sát vào nhau làm thành một thứ hàng rào rất kín. Đằng sau hàng rào, có một chiếc ghế đá kê khuất hẳn, người đi từ phía lâu đài lại không thể nhìn thấy được. Đi gần đến đó, tôi chợt nghe tiếng nói của đàn ông, và một tiếng nhỏ của phụ nữ. Một lát sau khi đã đi vòng qua hàng rào, tôi trông thấy bà Du-gia đang ngồi với ông Bar. Về mặt của bà ta làm tôi phải kinh

ngạc. Lúc này, bà to ra nghiêm nghị và dè dặt bao nhiêu thì bấy giờ bà ta yêu đời bấy nhiêu; khuôn mặt vẫn còn rung lên trong sự thích thú vì câu nói vừa rồi của ông Bar. Ông ngồi nghiêng người ra phía trước, hai tay đan vào nhau, một nụ cười tươi làm rạng rỡ hẳn bộ mặt rần rỏi. Khi trông thấy tôi, họ lấy lại nét mặt trang nghiêm, thì thầm với nhau câu gì đó, rồi Bar đứng dậy và tiến về phía tôi:

- Thưa ông, có phải tôi đang được hân hạnh nói chuyện với Bác sĩ Watson không?

Tôi chào lại một cách lạnh nhạt.

- Chúng tôi nghĩ rằng có lẽ đúng là ông, người mà ai ai cũng biết là bạn thân của ông Holmes. Bà Du-gia mong muốn được thưa với ông một đôi điều. Tôi cau mày và đi theo ông ta. Hình ảnh của người chết lại hiện ra trong trí tôi. Chỉ vài giờ sau tấn thảm kịch thì vợ và bạn của kẻ xấu số đã cười đùa vui vẻ với nhau. Tôi chào bà Du-gia một cách dè dặt.

- Tôi sợ rằng ông sẽ coi tôi là một người đàn bà không tốt.

- Đó không phải là việc của tôi. - Tôi nhún vai, nói.

- Có thể một ngày nào đấy, ông sẽ hiểu được rằng...

- Cũng không cần thiết là bác sĩ Watson phải hiểu. Đúng như ông ta nói, đây không phải là việc của ông. - Ông Bar nói.

- Đúng thế. Vì vậy tôi xin phép được tiếp tục đi dạo.

- "Xin hãy khoan, bác sĩ Watson!". Bà Du-gia kêu lên. "Ông hiểu biết ông Holmes và những mối quan hệ của ông ta với cơ quan cảnh sát hơn ai hết. Nếu có một sự việc nào đó đem nói riêng với ông ta, thì ông ta có luôn luôn đem báo cáo lại với các thám tử của chính quyền không?"

- Xin hỏi ông Holmes làm việc riêng cho ông ta, hay ông ta làm việc cho cảnh sát? - Bar cũng nhấn mạnh thêm.

- Tôi không biết mình có đủ thẩm quyền để bàn về vấn đề này không.

- Tôi van ông. Nếu ông mách bảo cho chúng tôi điều này, thì ông sẽ giúp đỡ cho tôi nhiều lắm.

Trong giọng nói của bà chứa đựng một cái gì nghe thành thật quá, đến nỗi lúc đó tôi quên hết chuyện vô tâm của bà, và chỉ nghĩ cách làm sao cho bà vui lòng:

- Ông Holmes là một nhà điều tra độc lập. Ông ấy tự làm chủ lấy mình và hoạt động theo sự suy nghĩ riêng của ông. Mặt khác, ông ấy cũng phải tỏ ra trung thực với những thám tử của nhà nước cùng làm việc trong một vụ án, và ông ấy sẽ không giấu diếm họ bất cứ một điều gì có thể giúp họ đưa các tội phạm ra trước công lý. Như vậy bà và ông nên hỏi thẳng ông Holmes. Nói thế rồi, tôi nhắc mũ lên chào và bỏ đi, để mặc họ ngồi đằng sau lùm cây.

Khi tôi đi khỏi hàng rào và quay lại thì thấy họ vẫn đang bàn cãi và trông theo tôi.

Khi tôi kể lại cho Holmes nghe câu chuyện vừa rồi. Holmes trả lời: "Tôi không mong ước được nghe những lời tâm sự của họ". Sau đó Holmes làm việc với hai đồng nghiệp suốt buổi chiều ở lâu đài và mãi 5 giờ mới trở về.

Anh còn nhắc lại lần nữa:

- Này Watson, không có tâm sự gì cả đấy nhé. Những tâm sự này sẽ trở nên rất cộm nếu sau này có sự bất bớ về tội đồng lõa.

- Sắp tiến đến bước đó rồi à?

- Khi nào tôi tiêu diệt xong cái quả trứng thứ tư này, tôi sẽ nói cho anh biết tình hình hiện nay. Tôi không nói rằng chúng ta đã giải được bài toán. Còn xa đấy. Nhưng khi nào chúng ta tìm thấy quả tạ còn thiếu kia thì...

- Quả tạ à?

- Tất cả vụ án này quay chung quanh cái quả tạ vắng mặt kia. Một quả tạ. Một quả tạ duy nhất. Anh hãy tưởng tượng có một nhà lực sĩ nào chỉ tập với một quả tạ thôi, trọ cột sống.

Anh ta nhai nhồm nhàoam một cái bánh ngọt, hai mắt long lanh tinh nghịch: trông anh ăn ngon như thế cũng đủ hiểu là công việc tiến hành tốt rồi; ăn xong, anh đến ngồi bên góc chiếc lò sưởi của quán trọ, bắt đầu nói: - Nói dối. Nói dối to bằng cái đình. Tất cả câu chuyện của Bar là nói dối. Nhưng câu chuyện của Bar lại được bà Du-gia công nhận. Vậy thì bà Du-gia cũng nói dối. Bởi vậy, giờ đây chúng ta đứng trước bài toán này: tại sao họ lại nói dối, và cái sự thật mà họ đã cố gắng che giấu là cái gì? Theo họ kể lại thì tên sát nhân chỉ có một khoảng thời gian chưa đầy một phút để tháo chiếc nhẫn thứ nhất ra, lấy chiếc nhẫn cưới, rồi đeo chiếc nhẫn thứ nhất vào ngón tay nạn nhân. Chắc chắn là không bao giờ nó làm như vậy đâu. Sau đó nó lại còn nhớ để một mẩu bìa cứng bên cạnh xác chết nữa, không thể làm kịp! Cậu có nói rằng: chiếc nhẫn cưới đã được rút ra khỏi tay Du-gia trước khi ông ta chết. Sự kiện cây nến cháy ít như vậy chứng tỏ cuộc đối thoại chắc phải là ngắn ngủi. Lại nữa một người can đảm, liêu lĩnh như Du-gia liệu có tháo ngay chiếc nhẫn cưới của mình đưa cho tên sát nhân khi tên này mới đòi lấy không? Không, tên sát nhân đã ở lại một mình với xác chết một thời gian nữa sau khi cây nến được thắp lên. Nhưng phát đạn là nguyên nhân đã gây ra cái chết. Vậy thì phát đạn này phải được bắn sớm hơn là người ta khai báo với chúng ta, vết máu ở trên thành cửa sổ, chính là do Bar cố tình tạo nên ở đó để đánh lừa cảnh sát. Hôm ấy, gia nhân trong lâu đài còn đi lại đến mười giờ rưỡi đêm vậy thì vụ án không thể xảy ra trước giờ đó được. Đến 11 giờ thiếu 15 thì họ đi ngủ, chỉ trừ có Am lúc đó đang ở trong bếp.

Chiều nay, sau khi anh đi về rồi, tôi có tiến hành một vài thử nghiệm: Khi tôi đóng kín các cửa lại, Dena gây ra nhiều tiếng động trong căn phòng có án mạng; ở dưới bếp không ai nghe cả. Nhưng đứng ở căn buồng riêng của bà hầu phòng thì lại khác: ở trong buồng của bà này tôi vẫn nghe thoang thoang tiếng người nói thật to ở nhà trên. Tiếng nổ của một phát súng

chắc không lớn lắm, nhưng trong cái im lặng của ban đêm, thì ở căn buồng của bà A-len cũng có thể nghe thấy được. Bà ấy có nói là hơi nặng tai nhưng mặc dầu vậy bà ấy lại khai là có nghe thấy tiếng một cánh cửa đập nửa giờ trước khi có báo động. Nửa giờ trước khi báo động, nghĩa là vào lúc 11 giờ thiếu 15, chắc chắn là cái tiếng mà bà ta cho là tiếng cánh cửa đập ấy, chính là tiếng súng và thời điểm 11 giờ thiếu 15 ấy chính là giờ xảy ra vụ án. Giả sử ông Bar làm gì trong khoảng thời gian từ 11 giờ thiếu 15 (là lúc họ nghe thấy tiếng súng và chạy từ trên lầu xuống) tới 11 giờ 15 (lúc họ giật chuông để báo động với gia nhân). Tại sao họ lại không báo động ngay? Khi trả lời được câu này, thì đã tiến được một bước lớn.

- Tôi lại tin chắc là có sự đồng lõa giữa hai con người này. Một người đàn bà phải tàn nhẫn đến thế nào thì mới có thể cười cợt như vậy khi chồng mới chết có vài tiếng đồng hồ.

- Đúng thế. Ta ít thấy có người phụ nữ yêu chồng mà lại chỉ mới nghe một lời khuyên đơn giản như thế đã không vào nhìn xác của chồng. Đó, chỗ này đạo diễn có phần "yếu" quá, vì bất luận một nhà điều tra nào dù ngu muội đến đâu cũng phải chú ý đến việc ở đây thiếu hẳn những lời than khóc của phụ nữ.

- Vậy thì Bar và bà Du-gia là những thủ phạm của vụ án này phải không?

Holmes rút cái tẩu thuốc ở mồm ra, dứ dứ vào tôi và thờ dãi:

- Nếu anh muốn nói rằng bà Du-gia và Bar biết sự thật về vụ án mạng nhưng họ cố che giấu thì tôi đồng ý. Nhưng còn câu kết luận của anh, thì tôi thấy chưa đủ chứng minh. Phải chăng họ đã yêu nhau và đã quyết định phải ra tay? Không! Những người trong làng đã nói là tuyệt đối không có thể. Tất cả mọi cái đều chứng minh rằng gia đình Du-gia rất thuận hòa êm ấm.

Tôi nhanh chóng nhớ lại nét mặt tươi cười mà tôi đã bắt gặp trong khu vườn, nên cãi lại:

- Về vấn đề này thì anh đã sai rồi.

- Ừ, thì ít nhất họ cũng cho ta cái cảm giác là họ thuận hòa với nhau. Như thế phải giả thiết rằng cái đôi thủ phạm kia gian xảo, đến mức vừa giết chồng, vừa đánh lừa được mọi người. Và trên đầu người bị giết đang treo lơ lửng một mối nguy hiểm nào đó...

- Ồ ... giả thiết về mối nguy hiểm này chỉ do một mình họ gợi ra mà thôi.

Holmes có vẻ suy nghĩ:

- Theo anh thì chẳng có mối nguy hiểm nào đe dọa Du-gia, chẳng có thung lũng khủng khiếp. Họ bịa ra những chuyện đó để giải thích vụ án mạng. Rồi họ lại nghĩ ra việc bố trí một cái xe đạp giấu trong bụi cây để chứng tỏ có sự hiện diện của một kẻ lạ mặt. Cả vết máu trên thành cửa sổ cũng nằm trong ý nghĩ đó. Rồi lại cả mẫu bìa cứng, đáng lẽ ra có thể chuẩn bị ngay ở trong lâu đài. Tất cả những cái ấy đều khớp với giả thiết của anh. Nhưng ác cái lại có những góc cạnh khác cứ lòi ra. Tại sao có súng cửa nòng? Tại sao lại là súng Mỹ? Tại sao họ tin chắc là không ai nghe tiếng súng? Anh có thể giải thích được cho tôi nghe không, Watson?

- Xin chịu.

- Nếu một người đàn bà cùng tình nhân âm mưu giết chồng, thì liệu họ có dại dột đến mức tháo chiếc nhẫn cưới ở tay người chết ra để "lạy ông tôi ở bụi này" không? Điều này liệu có thể xảy ra được không?

- Không?

- Lại còn thế này nữa: Nếu chính họ là những người giấu chiếc xe đạp trong bụi cây, thì tất họ cũng đủ tinh khôn để nghĩ rằng bất cứ một viên thám tử nào cũng hiểu đây là một động tác giả, vì chiếc xe đạp chính là cái mà một người chạy trốn cần đến trước nhất để thoát.

- Chịu thôi.

- Vậy chúng ta hãy giả thiết tay Du-gia này có một bí mật đáng xấu hổ trong đời. Bí mật này đưa đến chỗ hẳn bị ám sát bởi một người đi báo thù. Người này, vì một động cơ nào đó đã tháo chiếc nhẫn cưới của hẳn. Ta cũng có thể giả thiết rằng mối thù này có từ thời Du-gia lấy người vợ trước kia, thì mới giải thích được việc tháo chiếc nhẫn cưới. Trước khi hung thủ trốn thoát, thì Bar và bà Du-gia ập vào phòng. Tên sát nhân nói với họ rằng nếu họ bị bắt, thì bí mật ghê gớm của Du-gia sẽ bị đưa ra ánh sáng. Hai người buộc lòng phải để cho nó chạy trốn. Có lẽ họ đã hạ chiếc cầu xuống để cho nó chạy đi rồi lại kéo lên. Tên sát nhân biết rằng đi bộ tốt hơn là dùng chiếc xe đạp, nên đã để lại chiếc xe đạp ở chỗ mà người ta khó phát hiện ra trước khi nó đã đi xa. Đến đây thì chúng ta vẫn còn ở trong phạm vi những điều có thể được, đúng không?

Tôi trả lời một cách không tin tưởng lắm:

- Tất nhiên là có thể được.

- Tiếp tục nhé, sau khi đã để cho tên sát nhân trốn thoát, hai người kia biết mình bị lâm nguy, bởi vì làm sao chúng mình được rằng họ không giết Du-gia hay không phải là đồng lõa của tên sát nhân. Thế rồi họ chọn một quyết định: Bar lấy chiếc giày vải, thấm máu in vết lên thành cửa sổ để gợi ý là tên sát nhân đã trốn ra theo con đường đó. Chắc chắn là họ để chậm nửa giờ sau khi sự việc xảy ra, rồi mới báo động.

- Làm cách nào để chứng minh được những điều đó.

- Một mình tôi ở lại đây một đêm thì sẽ có kết quả.

- Ở một mình suốt đêm trong căn phòng xảy ra án mạng?

- Tôi đã thu xếp với bạn Am rồi. Tôi sẽ tới ngồi ở đó, và không khí trong phòng có lẽ sẽ gợi cho tôi nhiều ý nghĩ hay. Ờ, mà này, anh có mang theo cái ô to gộc của anh đi đấy chứ.

- Có, kia kia.

- Thế thì xin cho tôi mượn.

- Được thôi. Nhưng ... nó có phải là một vũ khí đầu.

- Không có gì nguy hiểm đâu. Bây giờ tôi chỉ còn chờ các vị đồng nghiệp chúng ta ở Tunbridge Wells về, họ lên đây để xác minh chủ nhân của chiếc xe đạp đó.

Trời tối mịt mới thấy ông thanh tra Dona và Maso trở về. Họ vui mừng ra mặt, vì họ đã tiến lên một bước khá dài.

- Chúng tôi đã xác minh được chiếc xe đạp và đã có được hình dạng của người chủ nó. - Dona nói.

- Tôi xin hết lòng ca ngợi nhị vị. - Holmes nói.

- Cậu Am khai là bữa trước hôm xảy ra án mạng, ông Du-gia từ Tunbridge Wells về, có tỏ ra cấu kính khác thường. Vậy chắc là khi ở đó, ông được biết có một nguy hiểm đang đe dọa mình. Như thế nếu có ai đến đây bằng xe đạp, thì người đó phát xuất từ Tunbridge Wells. Bọn tôi mang cái xe đạp đến đó cho các khách sạn xem. Chủ khách sạn "Con Ó thương mại" nhận ngay ra là chiếc xe của một người Mỹ tên là Har đến thuê buồng ở đó đã hai ngày rồi. Tất cả hành lý chỉ có chiếc xe đạp với một cái va ly nhỏ. Anh ta khai trong sổ đăng ký là từ Luân Đôn đến, nhưng không nói rõ địa chỉ.

Holmes kêu lên vui sướng:

- Hô, hô. Hai ông đã làm được một công việc hết sức tốt, trong khi tôi và ông bạn Watson cứ ngồi đây mà xây dựng hết thuyết nọ đến thuyết kia. Đấy, óc thực tiễn có lợi là như thế đó, ông Dona ạ.

Ông thanh tra nở mày nở mặt, vui vẻ nói:

- Vâng, ông nói đúng đó.

Tôi nói với Holmes:

- Nhưng sự phát hiện này cũng khớp với giả thiết của cậu kia mà.

- Khớp mà không khớp. Ông Dona, ông có tìm thấy cái gì để xác minh được người ấy không?

- Không có bất cứ một thứ giấy tờ, thư từ, dấu vết gì trên quần áo. Trên bàn của hắn, có một tấm bản đồ của vùng này. Sáng hôm qua, sau khi ăn điểm tâm xong, hắn ở khách sạn ra, lên xe đạp đi, thế là biến luôn. Không ai thấy hắn nữa.

Maso ngắt ngang:

- Đó! Chính chỗ này làm tôi thắc mắc đây ông Holmes ạ. Nếu tên này muốn làm cho người ta không chú ý đến hắn, thì hắn nên trở lại khách sạn và ở đấy như một người du lịch bình thường. Hắn thừa biết người chủ khách sạn phải báo cáo với cảnh sát về sự mất tích của hắn, và tất nhiên là người ta sẽ ráp sự mất tích của hắn với vụ án mạng.

- Tất nhiên rồi, nhưng cho đến bây giờ nó vẫn chưa bị bắt. Mà các ông có nắm được hình dạng của nó không?

Dona mở cuốn sổ tay ra:

- Tôi đã ghi được những gì người ta nói với chúng tôi đây. Hắn cao khoảng 1 thước 80, lối 50 tuổi, tóc hơi hoa râm, râu cũng hoa râm, mũi kết; về cái bộ mặt của hắn, mọi người đều mô tả là dữ dằn và đáng ngại.

- Trời đất! Trừ cái điểm cuối cùng ra, thì phải nói là giống hệt một bức chân dung của chính Du-gia. Tay này cũng khoảng hơn 50 tuổi một tý, tóc cũng muối tiêu, râu cũng hoa râm, và cũng cao cỡ đó. Các ông có chi tiết nào khác nữa không?

- Hắn mặc một bộ quần áo màu xám rộng thùng thình, một cái áo khoác màu vàng, ngắn, và đội một cái mũ mềm.

- Còn về khẩu súng?

- Một khẩu súng dài có 65 phân có thể xếp được hoàn toàn trong chiếc valy, và giấu dưới áo khoác.

- Thế bây giờ các ông định ráp những tin tức mới này vào khung cảnh của vụ án như thế nào?

Mac Dona trả lời:

- Hiện nay, chúng ta chỉ mới biết có một người Mỹ, tên là Har, ngày hôm kia đến Tunbridge Wells với một chiếc xe đạp và một cái valy. Trong valy có một khẩu súng săn của nòng. Sáng hôm qua, hắn đi xe đạp tới làng Birlstone và đã giấu khẩu súng dưới áo khoác. Theo chỗ chúng ta biết, thì không ai trông thấy hắn đến đây. Nhưng hắn cũng không cần đi qua làng vẫn có thể đến được trước cổng sắt của lâu đài. Con đường hắn đi cũng có nhiều người cỡi xe đạp như hắn. Tôi đoán rằng, hắn đã giấu ngay chiếc xe đạp trong những bụi cây trúc đào. Bản thân hắn cũng nấp ở đó để rình ông Du-gia ở lâu đài ra. Ở trong nhà thì khẩu súng săn đúng là bất lợi, nhưng ở ngoài trời thì có hai ưu điểm rõ ràng: trước hết nó giết người được một cách chắc chắn, sau nữa sẽ không có ai để ý đến tiếng nổ, trong một vùng nông thôn có nhiều người đi săn.

- Rất rõ ràng! - Holmes nói.

- Nhưng ông Du-gia lại không ra khỏi lâu đài. Vậy thì tên sát nhân có thể làm gì được bây giờ? Hắn bỏ chiếc xe đạp ở đó và chờ sẩm tối mới lần mò vào gần lâu đài. Hắn thấy cây cầu rút vẫn còn hạ xuống và chung quanh thì vắng vẻ cả. Hắn liêu đi vào, và chắc là có chuẩn bị trước một lý do gì đó để xin lỗi nếu có gặp người trong nhà. Hắn không gặp ai cả. Hắn lên vào cái phòng gần nhất và trốn sau bức rèm cửa. Ở đó, hắn trông thấy cây cầu được rút lên, và hắn hiểu rằng sẽ phải lợi qua hào để trốn. Hắn đợi đến 11 giờ 15. Đến giờ này ông Du-gia bước vào buồng. Hắn giết ông ta và chạy trốn. Hắn biết rằng chiếc xe đạp của hắn có thể bị những người trong khách sạn nhận ra được, vì thế hắn đã bỏ nó lại, và dùng một phương tiện giao thông khác để trở về Luân Đôn.

- Rất rõ ràng. Nhưng tôi lại tin là án mạng đã xảy ra nửa giờ sớm hơn là người ta đã nói với chúng ta. Rằng bà Du-gia và ông Bar đã cùng nhau che giấu một cái gì đó, đã giúp đỡ

cho tên sát nhân trốn thoát, đã tạo ra những dấu vết để làm cho người ta tưởng là nó đã trốn qua đường cửa sổ, và có nhiều khả năng là họ đã hạ cây cầu rút xuống cho nó trốn.

Hai nhà thám tử của nhà nước gạt gù. Ông thanh tra Dona nói:

- Nếu cách nhìn của ông mà đúng, thì chúng ta chỉ chuyển từ một bí mật này sang một bí mật khác thôi.

Maso bổ sung:

- Nhưng về một số mặt nào đó thì lại vấp phải một bí mật gay go hơn nữa. Bà Du-gia chưa hề sang Mỹ. Vậy thì bà có thể liên hệ như thế nào với một tên sát nhân người Mỹ?

- Tôi công nhận là có rất nhiều khó khăn. Tôi dự tính tối nay sẽ tiến hành một cuộc điều tra theo cách riêng của tôi.

- Chúng tôi có thể giúp ông được không, ông Holmes?

- Không. Chỉ cần bóng tối và chiếc ô của bác sĩ Watson thôi, ông Am sẽ giúp tôi một vài điều.

*

* * *

Khi Holmes trở về phòng trọ, thì đêm đã khuya lắm rồi. Lúc Holmes mở cửa vào phòng, tôi hỏi nhỏ:

- Thế nào Holmes, có thấy gì không?

Holmes cầm một ngọn nến, cúi xuống thì thăm vào tai tôi:

- Anh có sợ khi phải ngủ chung phòng với một thằng điên không?

- Không.

- Ồ, thế thì hạnh phúc cho anh đó.

Thế rồi không nói thêm một lời nào nữa, anh ta chui vào chăn.

7. GIẢI ĐÁP

Sáng hôm sau, chúng tôi đi gặp ông thanh tra Dona và thám tử Maso. Họ đang họp trong cơ quan cảnh sát địa phương. Đằng trước mặt họ, trên bàn có cả xấp những thư và điện tín đã được xếp thứ tự cẩn thận.

Holmes vui vẻ hỏi:

- Vẫn trên đường đi tìm nhà cua rơ xe đạp chứ? Tin tức cuối cùng như thế nào?

Dona buồn rầu chỉ tập thư tín, nói:

- Người ta đã bắt hai chục người mặc áo khoác màu vàng ở khắp nơi:

Holmes kêu lên với một giọng chân thành:

- Sáng nay, tôi đến đây để khuyên các bạn một lời. Lời khuyên này có thể tóm tắt trong ba chữ: "Bỏ vụ án".

Dona và Maso vô cùng kinh ngạc. Mãi rồi ông thanh tra mới kêu lên được:

- Ông thấy vụ án này tuyệt vọng đến thế kia à?

- Theo cách điều tra của các ông, thì sẽ không đi đến đích. Nhưng chúng ta không được phép tuyệt vọng trong khi đi tìm chân lý.

- Thế cái tên đi xe đạp ấy thì sao? Nó có phải là một vật tượng tượng ra đâu. Nhất định nó phải ở một nơi nào chứ?

- Vâng, nó phải ở một nơi nào đó, và chúng ta sẽ tìm thấy nó, trong một đường bán kính hẹp hơn nhiều.

Ông thanh tra phản đối một cách bực tức rõ ràng:

- Ông giấu chúng tôi một cái gì đó. Ông Holmes?

- Ông Dona. Tôi chỉ giấu ông - trong một thời gian ngắn thôi - những gì tôi chưa thể cho ông biết được. Tôi muốn thẩm tra lại một số chi tiết. Việc thẩm tra xong, lúc đó tôi sẽ trở

về Luân Đôn sau khi đã thông báo với các ông tất cả kết quả tôi đã thu lượm được.

- Chiều hôm qua ông đồng ý trên những nét lớn với những kết quả của chúng tôi. Nhưng hôm nay thì hình như có chuyện gì xảy ra đã làm ông thay đổi hoàn toàn.

- Vâng. Tối hôm qua tôi đã đến ở lâu đài trong mấy tiếng đồng hồ.

- Thế thì sao?

- Tôi có đọc một tài liệu ngắn về tòa lâu đài này. Tôi mua nó mấy xu ở quán bán thuốc lá trong làng.

Holmes rút ở túi áo ngoài ra một tờ giấy nhỏ, có vẽ một bức hình thô sơ của tòa lâu đài cũ.

- ... Những loại tài liệu như thế này mang đến nhiều hứng thú cho cuộc điều tra. Tôi xin phép đọc ông nghe một đoạn sau này: *Được dựng lên trong năm thứ năm của triều đại vua Jacques Đệ Nhị trên vị trí của một lâu đài cũ cổ xưa hơn, lâu đài Birlstone là một trong những hình ảnh rất đẹp còn nguyên vẹn của loại phủ thất có hầm vào thời các vua Jacques...*

- Ông định chế nhạo chúng tôi, ông Holmes?

- Đây là lần đầu tiên tôi thấy ông nổi cáu đấy. Thôi tôi không đọc nữa. Nhưng nếu tài liệu này nói đến việc một ông đại tá của Quốc Hội đã chiếm lấy tòa lâu đài này vào năm 1644; việc nhà vua Charles có trốn tránh ở đây vài ngày trong thời kỳ nội chiến; và nhà vua Georges Đệ Nhị cũng đã có ở đây... thì chắc ông sẽ đồng ý với tôi là những việc này có thể gợi cho chúng ta nhiều ý nghĩa liên hệ lắm.

Nhà thám tử sốt sắng trả lời ngay:

- Tôi đồng ý với ông về điều đó, ông sắp đến đích, nhưng ông quá kín đáo.

- Tối hôm qua, tôi có tới lâu đài. Tôi không gặp ông Bar, cũng không gặp bà Du-gia, nhưng tôi được biết rằng bà chủ lâu đài đã dùng bữa tối một cách rất ngon miệng. Tôi chỉ cần

gặp anh Am... thôi, và anh ta đồng ý cho tôi ở lại một mình trong căn buồng xảy ra án mạng, và Am cam đoan sẽ giữ kín về việc này.

- Thế nào? Ở lại bên cạnh cái...

- Không! Mọi vật đã được dọn dẹp cả rồi. Vì vậy tôi đã sống một vài giờ rất có ích ở đó.

- Có ích thế nào, thưa ông?

- Tôi đi tìm quả tạ còn thiếu. Và tôi sắp thấy nó.

- Ở đâu vậy?

- Xin để tôi tiếp tục tìm kiếm.

Ông thanh tra cầu nhàu:

- Ông muốn thế nào, chúng tôi cũng phải theo thế thôi. Nhưng bắt buộc bỏ vụ án này đi, thì ... mà, tại sao lại phải bỏ?

- Bởi mục đích cuộc điều tra về vụ ám sát ông Du-gia.

- Vâng. Nhưng các ông đừng mất công đi tìm cái tên đi xe đạp. Chuyện đó không đi đến đâu cả.

- Chúng tôi phải làm gì?

- Tôi xin nói cặn kẽ, nếu các ông muốn.

- Tôi sẽ làm theo lời khuyên của ông.

- Thế còn ông, ông Maso?

Nhà thám tử địa phương có phần hơi ngỡ ngác, phương pháp làm việc của Holmes hoàn toàn mới lạ đối với ông ta.

- Vâng, ông thanh tra đã đồng ý, thì tôi cũng đồng ý.

- Hoan hô. Vậy hai ông hãy tổ chức một cuộc dạo chơi cho thật thoải mái. Người ta có nói với tôi là đứng từ trên cao nhìn xuống sẽ thấy phong cảnh của cánh rừng Weald tuyệt đẹp.

Dona nổi cáu, đứng phất lên:

- Ông Holmes, ông đã đi quá giới hạn của sự bông đùa rồi đó.

Holmes vỗ nhè nhẹ vào vai ông ta:

- Thôi được! Thế thì xin tùy các ông, nhưng nhất định phải đến tìm tôi ở đây, trước buổi tối nay.

- Thật là quá lắm.

- Bây giờ, trước khi tôi đi, tôi nhờ ông viết mấy chữ cho ông Bar.

- Viết gì kia?

- Xin mời ông viết *"Thưa ông, chúng tôi nghĩ rằng, chúng tôi có nhiệm vụ phải tắt cạn con đường hào để hy vọng có thể tìm thấy ..."*

Ông thanh tra phản đối ngay:

- Tôi đã đích thân tìm xem có cách gì tắt cạn đường hào hay không, nhưng thấy không thể được.

- Xin ông cứ viết.

- Thôi được. Ông đọc tiếp đi.

- ... *một yếu tố mới có liên quan đến cuộc điều tra. Chúng tôi đã sắp sẵn cả. Sáng sớm mai, công nhân sẽ bắt tay vào việc đổi hướng dòng nước...*

- Tôi nhắc lại với ông rằng không thể được mà.

- ... *Chúng tôi thấy nên báo để ông biết trước*". Vào khoảng độ 4 giờ chiều, ông cho người đưa thư tận tay ông Bar. Đó cũng là giờ chúng ta sẽ gặp lại nhau ở đây. Trong khi chờ đợi, ai muốn giải trí thế nào thì xin tùy thích, vì cuộc điều tra đang dậm chân tại chỗ.

Buổi tối, chúng tôi gặp lại nhau như đã dự định. Về mặt Holmes rất nghiêm trang. Tôi thì tò mò, còn hai vị thám tử thì nghi ngờ ra mặt.

Holmes bắt đầu một cách trịnh trọng:

- Thưa các ông, bây giờ chúng ta phải tới được chỗ đứng quan sát trước khi trời tối hẳn. Chúng ta nên đi ngay bây giờ.

Chúng tôi đi dọc theo bờ ngoài khu vườn của lâu đài và đến trước một lỗ hổng trong hàng rào. Chúng tôi chui qua lỗ

đó. Holmes dẫn chúng tôi đến đằng sau một bụi cây nhìn chếch sang phía cổng chính và cây cầu, lúc đó còn chưa rút lên. Holmes ngồi xổm sau bụi cây. Chúng tôi cũng làm theo anh ta.

Dona hỏi bằng một giọng bực tức:

- Làm gì bây giờ đây?

- Hãy kiên nhẫn và đừng gây ra tiếng động.

- Ông nên thành thật với chúng tôi hơn.

Holmes bật cười:

- Ông Dona, tôi xin ông kiên nhẫn một chút, rồi tất cả sẽ sáng tỏ thôi. Đêm xuống dim cả tòa lâu đài vào bóng tối. Một màn sương lạnh từ đường hào bay lên làm chúng tôi rét thấu xương. Trên khung cửa chính chỉ có một ngọn nến được thấp, và trong căn buồng có án mạng cũng có một ngọn đèn khác đang cháy, còn tất cả chung quanh tối đen như mực.

Đột nhiên ông thanh tra lại cất tiếng hỏi:

- Phải chờ bao lâu nữa, và chờ cái gì?

- Tôi không biết phải chờ bao lâu. Nếu những tên tội phạm hoạt động đúng giờ giấc như những chuyến tàu chạy, thì đỡ cho chúng ta biết bao. Còn việc chúng ta chờ ... à mà kia, việc chúng ta chờ kia kia!

Trong khi Holmes nói, thì ánh sáng trong căn buồng đã bị che khuất đi bởi một người đi đi lại lại trước nó. Sau đó cửa sổ mở toang và bóng một người đàn ông nhô ra quan sát bóng tối. Hắn nhìn ngược nhìn xuôi trong mấy phút. Rồi cúi xuống và trong đêm khuya yên lặng, chúng tôi nghe thấy tiếng nước vỗ nhẹ. Tôi có cảm giác là người đó đang dim một vật gì cầm trong tay xuống đường hào. Sau cùng anh ta kéo vật gì lên: một vật gì đó to, tròn, khi được đem qua cửa sổ, nó che khuất cả ánh sáng ngọn đèn.

Holmes kêu lên:

- Nào, bây giờ. Ta vào đi!

Chúng tôi chồm lên, lú tít chạy theo Holmes. Holmes đã chạy tới chiếc cầu rút và giật chuông âm í. Ở phía bên kia cửa, các chốt được tháo ra. Am hiện ra trong khung cửa, vẻ mặt ngơ ngác, Holmes chẳng nói chẳng rằng, gạt anh ta sang bên, rồi cùng ba chúng tôi xông vào căn buồng.

Ngọn đèn dầu hỏa để trên bàn là nguồn ánh sáng mà chúng tôi trông thấy từ bên ngoài. Lúc này, nó đang ở trong tay của Bar, và ông ta đang hướng về phía chúng tôi. Nó chiếu lên khuôn mặt cả quyết, cương nghị và cặp mắt đe dọa thách thức.

- Thế này là thế nào? Các ông tìm gì?

Holmes nhìn chung quanh, rồi nhảy bổ tới một cái gói ướn sùng có buộc dây để trên bàn.

- Chúng tôi tìm cái này đây. Cái gói có một quả tạ mà ông vừa kéo dưới đáy hào lên.

Bar kinh ngạc:

- Vì sao ông lại biết có quả tạ trong ấy?

- Bởi vì chính tôi đã để quả tạ ấy vào đó.

- Ông đã để quả tạ vào đó?

Holmes chữa lại:

- Ông còn nhớ chứ, ông thanh tra, việc thiếu một quả tạ ngay từ đầu đã đập vào trí tôi. Khi nước thì gần kề ngay bên, mà lại thấy thiếu một vật nặng, thì có lẽ có một vật gì đó đã được nhận chìm xuống nước. Với sự giúp sức của Am, tôi đã vào được căn phòng này, và với cái ô của bác sĩ Watson tôi đã vớt vật này lên - và xem xét nó. Nhưng điều cơ bản là phải chứng minh được rằng ai đã dìm cái gói đó. Bức thư của ông Dona báo trước ngày mai sẽ tát hào. Tin này bắt buộc người đã giấu cái gói đó phải chờ đêm tối, lôi nó lên. Vậy ông Bar, đã đến lúc ông phải giải thích.

Holmes đặt cái gói còn ướn sùng lên bàn, và tháo dây ra. Đầu tiên anh lôi ra một quả tạ, kế đó là một đôi giày da mũi vuông.

- Giày kiểu Mỹ, như các ông thấy đấy. - Holmes nói.

Sau đó anh ta để lên bàn một con dao dài còn nằm trong bao. Rồi anh ta giở ra một mớ quần áo, gồm một bộ quần áo lót, một đôi tất, một bộ quần áo bằng vải tuyết xám, và một áo khoác màu vàng.

- Quần áo thì thường thôi. Chỉ có cái áo khoác là đáng chú ý. - Holmes nói.

Anh nhẹ nhàng trải nó ra trước ánh sáng, những ngón tay dài lần theo các đường khâu.

- Xem đây, túi trong của nó kéo dài mãi trong lân lót để có thể giấu được một khẩu súng cưa nòng. Tên hiệu của người thợ may dính trên cổ áo đây: "Neale, thợ may, Vermissa, USA". Tôi đã ở cả chiều hôm nay trong căn phòng đọc sách của ông hiệu trưởng trường, và đọc thêm được một điều mới nữa "Vermissa" là tên của một thành phố nhỏ, trong thung lũng nổi tiếng về các mỏ sắt và mỏ than tại Mỹ. Nếu tôi không quên, thì thưa ông Bar, chính ông đã có nói đến mối liên quan giữa những khu mỏ và người vợ trước của ông Du-gia. Cho nên tôi suy luận từ đó ra rằng mấy chữ TLV trên miếng bìa cứng tìm thấy bên cạnh người chết có nghĩa là *Thung lũng Vermissa* và chính cái thung lũng này đã cử một người mang cái chết đến tận đây. Tất cả những điều ấy đã đủ rõ ràng. Và bây giờ, đến lượt ông, thưa ông Bar.

Trong lúc nghe Holmes trình bày, gương mặt Bar lần lượt hiện lên nét căm giận, kinh ngạc, buồn rầu, lúng túng. Cuối cùng ông ta lẩn trốn trong một thái độ mỉa mai và cười gằn:

- Ông biết nhiều đến thế, thì xin ông cứ nói thêm cho chúng tôi nghe.

- Tôi có thể nói thêm được nữa, nhưng sẽ lịch sự hơn, nếu ông nói tiếp hộ cho tôi.

- Ồ, ông tưởng thế à? Nếu ở đây có một bí mật gì, thì cái đó không phải là bí mật của tôi, và tôi không thể nói ra cái bí mật của người khác.

Ông thanh tra bình tĩnh:

- Nếu ông nghĩ như vậy, thì bắt buộc chúng tôi phải canh giữ ông cho đến khi chúng tôi nhận được trát bắt ông.

Bar trả lời bằng một giọng đầy thách thức:

- Ông cứ làm.

Sự đối chất hình như đã kết thúc. Bộ mặt rắn như đá hoa cương của Bar cho thấy rằng không có một sự đe dọa nào có thể bắt được ông ta nói. Nhưng bà Du-gia đã bước vào phòng.

- Anh Bar, anh đã giúp chúng tôi quá nhiều rồi.

Sherlock Holmes tán thành với một giọng nói rất trang nghiêm:

- Tôi rất thông cảm với bà, và tôi xin khuyên bà nên tự giác báo cáo tất cả với cảnh sát, chính tôi cũng có lỗi vì đã không đáp ứng lời thỉnh cầu của bà, khi bà nói với bác sĩ Watson đây. Lúc đó tôi tin rằng bà là người có dính liu trực tiếp đến án mạng. Bây giờ tôi biết là không phải thế.

Bà Du-gia thốt ra một tiếng kêu kinh ngạc khi nghe những lời nói cuối cùng của Holmes.

Hai nhà thám tử và cả tôi nữa có lẽ cũng đã kêu lên như thế, khi chúng tôi trông thấy một người như là từ trong bức tường hiện ra, đang bước dần ra khỏi bóng tối, tiến về phía ánh đèn. Bà Du-gia nhào vào, ôm lấy cổ người đó. Bar cũng nắm chặt một cách triu mến bàn tay của người đó. Bà Du-gia nhắc đi nhắc lại:

- Anh yêu quý, có lẽ thế này tốt hơn anh ạ.

Holmes gạt đầu tán thành:

- Vâng, đúng đấy, thưa ông Du-gia.

Ông Du-gia chớp chớp đôi mắt màu xám, một bộ râu cứng đã hoa râm, một cái cằm vuông nhô ra, và một cái miệng nhạy cảm. Ông ta lần lượt nhìn chúng tôi, rồi bỗng tiến về phía tôi và đưa cho tôi một tập giấy, làm tôi hết sức ngạc nhiên.

Ông ta nói bằng một giọng hết sức dễ chịu:

- Tôi biết ông, bác sĩ Watson, chưa bao giờ ông có một câu chuyện giống như câu chuyện này. Tôi đã tự giam mình trong hai ngày, và đã lợi dụng những giờ có ánh sáng, trong cái lỗ chuột ấy, để viết lại toàn bộ sự việc. Đó là câu chuyện về "*Thung lũng khủng khiếp*".

Holmes xen vào:

- Ông Du-gia, đó là câu chuyện về quá khứ. Bây giờ chúng tôi muốn biết câu chuyện của hiện tại kia.

- Ông sẽ được nghe ngay bây giờ. Tôi có thể vừa hút thuốc, vừa nói được không? Xin cảm ơn ông Holmes.

Ông ta đứng dựa lưng vào lò sưởi, kéo những hơi thuốc dài.

- Tôi có được nghe nhiều về ông, ông Holmes. Tôi không nghĩ rằng có ngày tôi lại được làm quen với ông. Nhưng khi ông đã đọc xong tất cả những cái này...

Ông ta chỉ vào tập giấy vừa đưa cho tôi.

- ... thì chắc chắn ông sẽ nói rằng tôi có đem lại cho ông một điều gì mới lạ.

Ông thanh tra Dona vẫn không rời mắt nhìn Du-gia, mãi rồi mới nói lên được:

- Chuyện này thật vượt quá sức hiểu biết của tôi, hai ngày nay chúng tôi điều tra về cái chết của ông, thì bây giờ ông như một bóng ma từ dưới mồ chui lên vậy.

Holmes trách móc, chỉ về phía ông thanh tra:

- Trong cái tài liệu mà tôi đã đưa cho ông, có mô tả cái cách vua Charles đã ẩn náu trong lâu đài này. Một chỗ ẩn dùm trong thế kỷ thứ 17 rất có thể còn dùm được trong ngày nay.

Ông thanh tra nổi giận thật sự, hỏi lại:

- Thế ông đã đóng kịch với chúng tôi từ bao lâu rồi, ông Holmes?

- Chỉ mới từ tối hôm qua thôi. Vì phải đợi đến tối nay mới có thể chứng minh được điều này, nên tôi có mời quý ông nghỉ xả hơi một ngày. Khi đã thấy gói quần áo trong đường hào, tôi biết rằng xác chết kia không phải là xác của ông Du-gia mà là của người đi xe đạp. Vì vậy tôi phải đi tìm nơi ông Du-gia ẩn nấp, ông đã ẩn nấp được với sự yểm trợ của vợ và bạn ông ta.

- Ông lý luận rất đúng. Tôi hài lòng vì đã gạt bỏ được những con chó vẩn đi tìm dấu chân tôi. Ông thanh tra, tôi sẽ nói hết:

Có một vài người có nhiều lý do để căm thù tôi và sẵn sàng giết tôi. Chừng nào mà chúng còn sống, thì tôi không hề có an ninh. Chúng đã theo tôi từ Chicago đến California, rồi còn bắt buộc tôi, phải rời khỏi châu Mỹ. Khi tôi cưới vợ và về sống ở đây, tôi đã tưởng những năm cuối cùng của đời tôi là vô sự. Tôi chưa bao giờ nói rõ cho nhà tôi hiểu mọi chuyện, vì nếu biết, nhà tôi cũng sẽ luôn luôn sống trong lo sợ...

Du-gia nắm chặt lấy tay vợ.

- ... Thưa các ông, một ngày trước hôm xảy ra sự việc, tôi có đi Tunbridge Wells, và có gặp một người ở ngoài phố. Chỉ thoáng nhìn hẩn thôi, tôi cũng biết hẩn là kẻ thù tệ hại nhất của tôi. Tôi trở về đây và tiến hành những biện pháp tự vệ.

Tôi đã cảnh giác không bước chân ra đến ngoài vườn. Khi cây cầu đã được kéo lên, tôi mới yên tâm hơn, tôi không ngờ rằng nó đã lên vào trong lâu đài và chờ tôi ở đây. Khi đi kiểm tra, vừa đặt chân vào căn buồng này thì tôi đã cảm thấy ngay có sự nguy hiểm. Tôi thấy một đôi giày thò ra dưới bức rèm cửa sổ, và một giầy đồng hồ sau, tôi thấy cả con người đang nấp ở đó. Lúc đó tôi chỉ có một cây nến cầm ở tay, nhưng cây đèn ở buồng ngoài cũng chiếu sáng khá tốt. Tôi để cây nến xuống bàn, và nhảy đến chộp lấy cây búa trên lò sưởi. Cùng lúc đó hẩn cũng nhảy bổ vào tôi. Tôi trông thấy ánh lên một

lưỡi dao nhọn, và tôi đã đập nó bằng một nhát búa quay ngang. Con dao rơi xuống sàn. Nó đã lanh lẹ vòng qua chiếc bàn và lòi ra một khẩu súng giấu dưới chiếc áo khoác. Tôi nghe thấy nó lên đạn, nhưng tôi đã nắm được khẩu súng. Tôi nắm được nòng súng. Tôi với nó vạt lộn trong khoảng một hai phút gì đó. Nó không rời khẩu súng, nhưng nó đã để báng súng chúc xuống dưới. Không biết là tôi đã bóp cò, hay chính nó đưng phải cò. Chỉ biết rằng nó đã lanh cả hai viên đạn vào mặt.

Tôi đang đứng bám vào thành bàn thì anh Bar chạy vào. Tôi cũng nghe thấy tiếng chân nhà tôi chạy đến nữa. Tôi ngăn nhà tôi lại. Tôi hứa với nhà tôi là sẽ lên với bà ta ngay. Tôi nói đôi câu với anh Bar, và chỉ thoáng nhìn qua là anh đã hiểu hết tất cả mọi chuyện. Chúng tôi chờ gia nhân trong lâu đài chạy đến. Nhưng chẳng thấy ai đến cả. Lúc đó chúng tôi mới hiểu rằng không ai nghe thấy tiếng súng nổ, và chỉ có chúng tôi biết việc gì vừa mới xảy ra thôi.

Chính vào lúc này tôi chợt có một ý kiến. Tôi vén cánh tay áo của nó lên, và chúng tôi thấy ngay cái dấu hiệu của hội kín in trên đó. Đây các ông xem ...

Du-gia cũng vén tay áo ngoài và tay áo sơ mi lên, chỉ cho chúng tôi thấy một cái hình tam giác màu nâu nằm trong một đường tròn, giống như cái hình chúng tôi đã thấy trên tay xác chết.

- Khi tôi nhìn thấy cái dấu hiệu đó, tôi bắt đầu xếp đặt kế hoạch. Nó cũng cỡ người như tôi, cũng tóc hoa râm và dáng dấp cũng gần giống tôi. Còn về bộ mặt thì chẳng còn ai phân biệt ra được nữa. Tôi trở về phòng để lấy một bộ quần áo, và mười lăm phút sau thì Bar và tôi đã mặc vào cho nó một cái áo khoác ngoài của tôi, rồi đặt nó nằm như các ông đã thấy. Chúng tôi bọc hết quần áo của nó vào trong một cái gói, rồi buộc thêm vào đó quả tạ, là vật nặng duy nhất mà tôi tìm thấy lúc bấy giờ, sau đó đem ném cả gói qua cửa sổ. Máu bìa cứng mà nó định để cạnh xác tôi, thì nay tôi đem để cạnh xác nó.

Tôi đeo mấy cái nhẫn của tôi vào ngón tay nó, nhưng đến cái nhẫn cưới thì ...

Du-gia chia ra một bàn tay to lớn.

- ... Từ ngày cưới nhà tôi đến giờ, tôi chưa hề tháo nó ra, và bây giờ có lẽ phải có một cái giữa thì mới lấy nó ra được. Tôi phải bóc cả miếng băng dính dưới cằm của tôi và dán vào cùng một chỗ trên cái phần còn lại của cái đầu kẻ thù. Ông Holmes, mặc dù ông là người tinh khôn, nhưng ông cũng đã có lúc sơ ý: vì nếu ông dỡ miếng băng dính ấy lên, thì ông sẽ thấy ở dưới không có một dấu đứt nào cả.

Tôi định ẩn náu trong ít lâu, rồi đi đến một nơi nào đó, nhà tôi sẽ đến sau, thì may ra tôi còn có thể sống yên ổn được trong những ngày cuối cùng của đời mình.

Bây giờ tôi có một điều muốn hỏi các ông: "Đối với luật pháp nước Anh, thì tội của tôi sẽ như thế nào?"

Tất cả mọi người đều yên lặng. Mãi sau, Holmes mới lên tiếng:

- Luật pháp nước Anh, nói chung, là một luật pháp đúng đắn. Luật pháp này sẽ công bằng đối với ông. Nhưng tôi muốn biết tại sao người đó lại biết ông ở đây, và hẳn làm cách nào mà lọt được vào căn buồng này.

- Tôi hoàn toàn không biết.

Holmes tái nhợt, rất nghiêm trọng, nói như thì thầm.

- Như thế thì câu chuyện này chưa kết thúc đâu. Ông sẽ còn phải đương đầu với những mối nguy hiểm còn ghê gớm hơn cả những kẻ thù của ông ở bên Mỹ nữa kia. Xin ông hãy theo lời khuyên của tôi: Hãy hết sức cảnh giác.

Và bây giờ, xin mời các bạn độc giả hãy theo tôi rời lâu đài Birlstone, lùi về quá khứ hai mươi năm, vượt qua một vài ngàn cây số về phía Tây, để nghe một câu chuyện lạ lùng và khủng khiếp. Và sau đó chúng ta sẽ trở lại gian buồng ở đường Baker, là nơi sẽ viết chương cuối cùng của câu chuyện này.

II. NHỮNG NGƯỜI TIÊN PHONG

1. CON NGƯỜI ẤY

Ngày 4 tháng 3 năm 1875 tuyết phủ đầy các đường đèo của ngọn núi Gilmerton. Chiếc xe quét tuyết đã dọn sạch được con đường hòa xa nối liền các trung tâm mỏ than và sắt. Một con tàu đang ịch leo lên con đường đèo chạy từ tỉnh Stagville lên thị trấn Vermissa ở ngay đầu thung lũng Vermissa. Từ đó, đường tàu lại đổ xuống đến giao điểm của Barton và vùng nông nghiệp Merton. Hàng dãy dài những toa xe goòng chất đầy than hoặc quặng sắt đã lồi kéo đến đây cả một số lớn những người nhiều ý chí.

Mà vùng này hiểm ác thật. Những ngọn núi trọc, trắng xóa tuyết, nhô lên từ những cánh rừng tối tăm, rậm rạp đã tạo ra một thung lũng dài ngoằn ngoèo và lộng gió. Chính trong thung lũng này, con tàu đang bò dần lên, vừa đi vừa thở phì phò.

Mấy ngọn đèn dầu hỏa mới vừa được thắp lên, trên toa hành khách thứ nhất có khoảng độ 20 hay 30 người. Phần đông họ là những thợ thuyền đi làm việc ở dưới thung lũng về. Ít nhất cũng có đến mười, mười hai người mặt mũi nhem nhuốc, có đeo những cây đèn an toàn. Họ hút thuốc và nói chuyện rì rào, thỉnh thoảng liếc nhìn về phía hai người cảnh sát mặc sắc phục đang đứng ở đầu toa. Có cả một số nữ công nhân và vài ba người buôn bán ở địa phương. Nhưng ở một góc toa tàu, có một người trẻ tuổi đang ngồi một mình.

Anh ta gần ba mươi tuổi, nước da tươi tắn, vóc người trung bình. Đôi mắt màu xám mở to vừa khôn ngoan, vừa tinh nghịch lóng lánh sau cặp kính. Rõ ràng đây là một con người cởi mở và giản dị, nụ cười sẵn sàng nở trên môi. Mới thoát

nhìn thì như vậy. Nhưng quan sát kỹ thêm nữa, sẽ thấy một cái quai hàm rắn chắc và chung quanh đôi môi, những vết nhăn nghiêm nghị, chứng tỏ cái anh chàng trẻ tuổi xứ Ái Nhĩ Lan này cũng không phải là một tay vừa.

Sau khi ba lần thử bắt chuyện với người thổ mỗ gần nhất, và chỉ nhận được vài tiếng trả lời cầu nhau, anh chàng đành ngồi yên, buồn bã nhìn qua cửa kính, ngắm một phong cảnh chẳng có gì thích thú. Đêm xuống dần, những tia lửa đỏ của các lò đúc lập lòe trên các sườn núi, soi sáng những đồng than và xỉ quặng cùng những giếng mỏ. Rải rác đó đây, dọc theo đường tàu, những xóm nhà gỗ nhỏ đã bắt đầu lên đèn. Tàu dừng lại ở nhiều nơi, ở mỗi nơi lại có những toán thợ thuyền bước xuống. Người hành khách trẻ tuổi ngắm nhìn xứ sở u buồn này một cách vừa chăm chú vừa ghê sợ. Thỉnh thoảng anh ta lại lôi từ trong túi ra một phong thư dày cộm, đọc một vài đoạn rồi lại nhí ngoáy vài chữ lên đó. Có một lần, anh ta lôi từ đằng sau chiếc thắt lưng ra một khẩu súng lục. Khi anh ta nghiêng nó về phía ánh sáng đèn, thì thấy rõ là súng đã lên đạn. Anh ta lại vội nhét nó vào trong túi áo. Một người thợ nói:

- Này anh bạn, anh có vẻ chuẩn bị dữ quá đấy!

Người trẻ tuổi mỉm cười, hơi lúng túng:

- Đúng. Ở chỗ tôi sống trước đây, đôi lúc cũng cần đến nó.

- Thế anh ở đâu đến?

- Ở Chicago.

- Anh chưa đến đây bao giờ?

- Chưa.

- Rồi sẽ thấy, ở đây anh cũng cần nó.

- Thật không?

- Anh chưa nghe gì ở đây à?

- Chưa.

- Thế mà tôi cứ tưởng là chuyện đã lan ra khắp xứ rồi chứ. Nhưng không lâu đâu, rồi anh sẽ biết hết. Thế tại sao anh lại đến cái thung lũng này.

- Tôi tìm việc làm.

- Anh có vào nghiệp đoàn không?

- Có chứ.

- Thế thì anh sẽ được toại nguyện. Anh có bạn bè không?

- Chưa, nhưng sẽ có.

- Nhờ đâu?

- Tôi là hội viên của "Hội những Người Tự Do" trong mỗi tỉnh đều có một chi hội.

Người thợ sưng sốt, liếc nhìn những người cùng ngồi trong toa với cặp mắt ngờ vực.

Nhưng những người thợ mỏ vẫn rỉ rào nói chuyện. Hai người cảnh sát thì ngủ gà, ngủ gật. Người thợ liền đứng dậy đi lại gần người trẻ tuổi, ngồi xuống bên cạnh anh ta, chia tay ra và nói:

- Vậy hãy bắt tay tôi đi.

Họ trao đổi nhau một cái bắt tay theo một kiểu riêng nào đó.

- Được rồi. Anh nói sự thật. Nhưng tôi muốn chắc chắn hơn kia...

Người thợ giơ tay phải lên ngang tầm mắt phải. Anh trẻ tuổi vội giơ ngay tay trái lên ngang tầm mắt trái. Người thợ nói:

- *Những đêm đen tối rất khó chịu.*

Anh kia trả lời:

- *Phải, nhất là cho những người lạ mà phải đi lại.*

- Thôi đủ rồi. Tôi là Can-lân, chi nhánh 341, thung lũng Vermissa sung sướng được gặp anh trong vùng này.

- Cám ơn. Tôi là Móc-đô, chi nhánh 29, Chicago. Toán trưởng: J.H.Scott.

Tôi may mắn gặp được một môn huynh như anh.

- Không ở đâu mà Hội lại phồn thịnh như trong thung lũng này. Có điều tôi không hiểu được là tại sao một hội viên năng nổ như anh mà lại không tìm được việc làm ở Chicago?

- Ở đó, tôi có thể tìm được bất cứ việc nào mà tôi muốn...

- Móc-đô trả lời.

- Thế thì tại sao anh lại bỏ đi?

Móc-đô mỉm cười trở, người cảnh sát:

- Hai ông cố nội này mà biết được lý do thì hẳn là vui lắm.

- Chuyện lời thôi à? - Can-lân thì thạo.

- Nặng.

- Tù được không?

- Chưa đủ.

- Không phải là án mạng chứ?

Móc-đô trả lời như một người vừa chợt nhận thấy rằng mình đã hơi nói quá:

- Minh có những lý do để ra đi. Anh nghe đến thế là đủ rồi nhé.

- Tôi không hỏi nữa. Tôi không muốn làm mất lòng anh mà. Các bạn ở đây sẽ không đánh giá xấu anh đâu. Thế bây giờ anh định đi đâu?

Móc-đô rút ra một chiếc bì thư, đưa đến gần ngọn đèn:

- Địa chỉ đây: Cụ Sáp. Đường Sheridan. Đây là một nhà nấu cơm ở trọ. Có người ở Chicago mách cho tôi.

- Tôi không biết cái nhà trọ này. Vermissa không nằm trong khu của tôi. Tôi ở Hobson's Patch, ga sau là đến. Nhưng mà này, nếu anh có chuyện gì lời thôi ở Vermissa, thì cứ đi thẳng đến nhà hội quán và vào tìm ông chủ Ganh-ty. Ông ta là toán trưởng của chi nhánh Vermissa. Thôi tạm biệt, sẽ gặp lại nhau ở chi hội.

Móc-đô ngồi lại một mình với những ý nghĩ quay cuồng trong đầu. Đêm đã xuống hẳn. Trong khung cảnh tranh tối tranh sáng đó, những dáng người đen sẫm cúi xuống co, kéo, quay đi quay lại với những động tác của người máy, theo nhịp điệu những tiếng gầm gừ của sắt thép.

Một tiếng nói bỗng cất lên:

- Địa ngục có lẽ cũng giống như thế này thôi.

Móc-đô quay lại: Một người cảnh sát đã đến ngồi bên cạnh anh và đang ngắm nhìn cái cảnh tượng khủng khiếp đó. Người cảnh sát kia gật đầu đáp lại.

- Đúng. Nếu ở địa ngục mà có những con quỷ sứ dữ tợn hơn một số kẻ ở đây thì tôi sẽ rất ngạc nhiên. Anh mới đến vùng này phải không?

- Phải. - Móc-đô trả lời.

- Tôi khuyên anh hãy cẩn thận trong việc chọn bạn. Không nên kết bạn với Can-lân hay cái băng của hắn.

- Đó là chuyện riêng của tôi, các anh dự vào làm gì?

Móc-đô nhe hai hàm răng ra cười.

Hai người cảnh sát ngạc nhiên khi thấy thiện chí của mình bị đáp lại một cách thô bạo. Một người nói:

- Đây là một lời báo động chỉ có lợi cho anh thôi.

Móc-đô vẫn cứ tái đi vì tức giận, hét lên: .

- Tôi không biết vùng này thật, nhưng tôi biết rằng mỗi lần mở miệng là các anh cứ khuyên với răn.

- Thôi được, chúng tôi sẽ được biết anh rõ hơn, anh có vẻ "chịu chơi" lắm.

Người cảnh sát kia bồi thêm:

- Đúng, rồi chúng ta sẽ gặp lại nhau, không lâu đâu.

- Tên là Móc-đô.

Hai người cảnh sát nhún vai và quay ra nói chuyện với nhau. Mấy phút sau, tàu cứ từ từ vào một cái ga tối tăm, và

nhều người bước xuống, vì Vermissa là thị trấn lớn nhất trên tất cả tuyến đường. Móc-đô cầm cái bọc lên. Khi anh sắp đi vào trong bóng tối của sân ga, thì một người thợ mỏ đến nắm tay anh:

- Đưa cái bọc đây tôi mang cho, và tôi sẽ chỉ đường cho anh.

Khi hai người đi đến sân ga, ngang qua đám thợ mỏ, hàng loạt tiếng chào nổi lên. Thế là trước khi đặt chân xuống Vermissa. Móc-đô đã trở thành một nhân vật nổi tiếng ở đó rồi.

Đứng dưới thung lũng nhìn mấy đống lửa ngất trời cùng những đám khói dày đặc còn thấy có một cái gì là hùng vĩ, ở đáy con người nhờ sức hai bàn tay và bộ óc đã đẽo gọt những ngọn núi bằng máy và dựng lên những công trình. Trái lại, về đến thị trấn, chỉ thấy toàn một sự nhớp nhúa và xấu xí. Đường phố chính đã bị xe cộ đi lại biến thành một thứ tuyết pha bùn nhão như hồ. Những cây đèn chỉ dùng để làm lộ ra những dãy nhà bằng gỗ, mặt tiền có một hàng lan can, tất cả đều nhếch nhác bẩn thỉu. Vào đến trung tâm thì một vài cửa hàng có thập đèn sáng hơn, nhưng cả một đám nhà chỉ là những hàng cà phê và sòng bạc, để cho thợ mỏ vung phí tiền lương.

Người đưa đường chỉ một cái quán rượu to nói:

- Đây là nhà hội quán đây, Ganh-ty là ông chủ.

- Ông ta như thế nào?

- Anh chưa bao giờ nghe nói đến ông ta?

- Tôi mới đến.

- Thế mà tôi cứ tưởng là khắp xứ này phải biết đến ông ta. Ông ta được đăng báo hoài mà.

- Tại sao lại đăng tên ông ta?

- Ở chỉ vì...

Người thợ mỏ hạ giọng xuống nói nhỏ:

- ...Vì áp phe mà.

- Áp phe gì?

- Áp phe của những “Người Tiên Phong”.

- Ủ, ở Chicago cũng có đọc một cái gì đấy về những “Người Tiên Phong”. Chúng nó là một bọn sát nhân, phải không?

Người thợ mỏ hoảng hốt, nói lạc cả tiếng:

- Anh muốn sống thì im ngay đi. Này anh, ở đây mà ăn nói kiểu đó, thì không được đâu, đi mò tìm đó.

- Không, tôi chỉ biết được đôi chút thôi.

Anh ta liếc chung quanh, nhìn những bóng đen và đêm tối như là sợ hãi một sự nguy hiểm nào đó.

- Nếu giết người có nghĩa là ám sát, thì ở đây những vụ ám sát đem bán “xôn” cũng không hết. Nhưng anh đừng cẩu thả đại dốt mà đem cái tên của Ganh-ty đi kèm với các vụ ám sát. Bởi vì ông ta không tha thứ cho bất cứ ai xì xào về ông ta. Đây căn nhà mà anh tìm ở lùi vào đằng sau đường phố một chút đó.

Móc-đô bắt tay người bạn mới:

- Xin cảm ơn anh.

Anh ta đi lên con đường dẫn vào nhà, và gõ cửa. Hai cánh cửa mở ngay ra: trước mặt anh là một phụ nữ còn trẻ, đẹp kỳ lạ. Cô ta có dáng người xứ Thụy Điển, bộ tóc vàng óng lộng lẫy tương phản với đôi mắt đen nhánh. Cô ngạc nhiên nhìn người thanh niên lạ mặt, và sự lúng túng làm sắc mặt đỏ hồng lên, một đoá hoa tươi thắm nở trên một đồng than xỉ. Anh mê mẩn ngắm cô gái, không nói được nên lời và cuối cùng cô ta phải lên tiếng:

- Tôi tưởng là ba tôi về. Ông đến tìm ba tôi? Ba tôi lên phố, cũng sắp về.

Móc-đô vẫn cứ ngắm say sưa:

- Thưa cô. Tôi không vội làm, tôi đến đây để xin ở trọ.

- Vậy xin mời ông vào. Tôi là Ettie, con gái ông Sáp. Má tôi đã mất, và chính tôi trông nom cái nhà trọ này. Ông có thể ngồi cạnh lò sưởi để chờ ba tôi về. À, mà kia, ba tôi về tới rồi.

Một người đàn ông nặng nề bước vào nhà. Móc-đô giải thích ngắn gọn lý do anh đến đây. Ông già Sáp nhanh chóng đồng ý: 12 đô la mỗi tuần, trả tiền trước cả tiền ăn, tiền phòng.

2. NGƯỜI TRƯỞNG TOÁN

Móc-đô là một người muốn ai cũng phải để ý đến mình. Chỉ sau một tuần lễ, anh ta đã trở thành nhân vật quan trọng nhất trong nhà trọ. Buổi tối, khi những người tá túc tại đây ngồi với nhau, thì anh chàng này luôn luôn có những chuyện khôi hài làm cho họ phải phá lên cười. Sức hấp dẫn riêng của anh làm tỏa sự vui vẻ ra chung quanh. Đối với những người đại diện cho pháp luật, anh tỏ thái độ khinh thường, làm cho những người trong nhà trọ hoặc là thích thú hoặc là lo ngại.

Ngay từ khi mới đến trọ, anh đã công khai bộc lộ sự chiếm ngưỡng đối với cô thiếu nữ trong nhà rằng từ phút đầu tiên, cô gái đã chiếm hoàn toàn trái tim anh. Trong ngày thứ hai, anh nói thẳng rằng anh yêu cô ta, và từ đó, anh không ngừng nhắc đi nhắc lại cái điệp khúc ấy.

- Cô có người khác rồi à? Cô hãy bảo cái người ấy lo công việc riêng của anh ta đi. Còn tôi, tôi sẽ không để lỡ dịp may duy nhất của đời tôi. Ettie, hiện giờ cô có thể nói tiếng: Không. Nhưng một ngày nào đó, rồi cô sẽ trả lời là: Có. Tôi còn trẻ, tôi đợi được.

Đó là một gã si tình nguy hiểm, với tác phong trắng trợn Ái Nhĩ Lan, và những cử chỉ dịu dàng âu yếm đến mê người. Thêm nữa, anh ta được bao bọc trong vòng hào quang của những chuyện phiêu lưu và bí mật, vòng hào quang để làm cho một người phụ nữ phải chú ý, và từ đó dẫn đến tình yêu có xa gì. Anh ta kể về những thung lũng thanh bình, về hòn đảo xa vời đẹp như trong những chuyện thần tiên, về những ngọn núi hiền lành, những cánh đồng xanh mượt. Người ta có cảm giác là nhiều chuyện kỳ lạ đã xảy đến với anh ta trong cái thành phố Chicago quá kỳ lạ, quá bí mật. Anh ta gọi lại với một vẻ trầm ngâm buồn rầu, một cuộc ra đi đột ngột, một cuộc chạy trốn vào nơi tận cùng của cái thung lũng âm u này. Ettie lắng nghe từng lời, đôi mắt nhung đen ánh lên một niềm thương xót và thông cảm.

Móc-đô làm kế toán. Anh bận suốt ngày, và cũng chưa có thì giờ đến trình diện ở chi nhánh của "Hội những người Tự Do". Can-lân đến nhà trọ cụ Sáp vào một buổi tối. Can-lân là một mẫu người nhỏ bé láu táu, mặt lưỡi cày. Anh ta có vẻ vui lòng khi gặp lại Móc-đô. Sau vài ngậm, anh ta đi vào lý do của cuộc đến thăm:

- Nay Móc-đô, sao anh chưa trình diện ông toán trưởng.

- Tôi bận.

- Làm gì thì làm, nhưng phải tới gặp Ganh-ty ngay đi. Lê ra ngay sau ngày anh đến, anh phải trình diện ở trụ sở Hội rồi, anh không được làm ăn bê bối với ông ta.

Móc-đô có vẻ ngạc nhiên.

- Tôi là một hội viên đã hơn hai năm rồi. Sao lại phải đi trình diện gấp đến thế?

- Ở Chicago thì không gấp như thế đâu.

- Ở đây cũng là một Hội ấy chứ?

- Cùng một Hội à? - Can-lân nhìn Móc-đô trừng trừng, mắt ánh lên một tia sáng đe dọa.

- Thế không phải là cùng một Hội sao? - Móc-đô hỏi lại.

- Một tháng nữa, chúng ta sẽ trở lại chuyện cùng hay không cùng này. Tôi nghe nói là bữa nọ trên tàu anh có đối đáp gì đó với mấy tay cảnh sát.

- Sao anh biết?

- Ồ tin tức bay đi mà. Ở đây tin tức bay đi nhiều lắm, tốt cũng có, xấu cũng có. Ồ! Anh sẽ là người lý tưởng của Ganh-ty đó.

- Sao vậy? Ông ta cũng ghét cảnh sát ư?

Can-lân bật cười, đứng dậy:

- Hãy đi gặp ông ta ngay đi. Nếu không, thì không phải ông ta ghét cảnh sát, mà là ghét anh đó.

Cúng đêm hôm đó, ông già Thụy Điển mời anh chàng trẻ tuổi vào phòng ông.

- Tôi có cảm giác là anh đang ve vãn con gái tôi.

- Tôi yêu cô ấy.

- Thế thì anh tổn công vô ích. Có người đã đến trước anh rồi.

- Cô ấy đã nói với cháu như thế.

- Con bé có nói với anh là ai không?

- Cháu có hỏi, nhưng cô ấy không nói.

- Có lẽ nó không muốn làm anh phải sợ hãi đấy.

- Làm cháu sợ hãi à?

Móc-đô đã bắt đầu nóng mặt.

- Đúng đó, anh bạn. Nó là thằng Ted đó.

- Cái thằng Ted ấy là một thứ ma quái dữ dằn hay sao?

- Nó là một trong những thằng chủ của bọn "Người Tiên Phong" đấy.

- "Người Tiên Phong" à? Tại sao mọi người ở đây lại phải sợ chúng đến thế?

Ông chủ trọ hạ thấp ngay giọng xuống.

- “Người Tiên Phong” là hội viên của “Hội Những Người Tự Do”.

Người trẻ tuổi giật mình.

- Cháu cũng là hội viên của Hội ấy đấy.

- Anh à? Nếu tôi biết thế, thì tôi không cho anh vào nhà. Dù anh có trả tôi đến 100 đô la một tuần đi nữa.

- Hội lập ra cốt để giúp đỡ lẫn nhau, và gây tình bạn tốt. Bác hãy đọc điều lệ của nó mà xem.

- Ở nơi khác thì như thế đó. Nhưng ở đây thì không.

- Ở đây nó thế nào?

- Một bọn sát nhân. Thế thôi.

Móc-đô đáp lại bằng một nụ cười không tin:

- Bác chứng minh được điều đó không?

- Cả năm mươi vụ án mạng ở đây chưa đủ để chứng minh hay sao? Trong vùng thung lũng này không ai không biết những việc ấy.

Móc-đô nói rất nghiêm trang:

- Thưa bác, cháu muốn bác rút lại những lời vừa nói, nếu không thì bác phải giải thích.

- Tôi chỉ nhắc lại cho anh cái gì mà tất cả mọi người đều nói ở đây. Những người chủ của Hội, thì cũng là những người chủ của bọn “Tiên Phong”. Nếu ai làm gì phật ý của Hội, thì bọn “Tiên Phong” sẽ ra tay ngay.

- Cháu muốn có những chứng cứ thực sự kia.

- Nếu anh còn ở lại Vermissa này, thì rồi anh sẽ có những chứng cứ. Nhưng tôi quên mất rằng anh cũng ở trong cái băng ấy, thì rồi anh cũng chẳng hơn gì bọn chúng đâu. Trong khi chờ đợi, thưa ông, xin ông đi tìm một nơi trọ khác.

Thế là Móc-đô bị kết án phải đi đày đến hai lần: đi đày khỏi căn buồng ám cúng và đi đày xa người thiếu nữ. Anh đi tìm Ettie.

- Ba em mới vừa đuổi anh. Nếu chỉ là chuyện căn buồng thôi thì anh có cần gì. Nhưng mà, anh không thể sống không có em được.

- Ồ, ông Móc-đô. Xin ông đừng nói thế. Ông đã đến quá trễ. Em chưa hứa với hấn nhưng em cũng không thể hứa với người khác được.

- Thế nếu anh là người đến trước, thì liệu anh có một tia hy vọng nào không?

Cô gái úp mặt vào hai bàn tay, khóc nức nở:

- Em thề trước Thượng Đế là em muốn anh là người đầu tiên đến với em.

Móc-đô quỳ ngay xuống bên cô gái, thốt lên:

- Anh van em, em hãy làm theo tiếng gọi của trái tim mình.

Móc-đô nắm lấy bàn tay cô gái.

- Em hãy nói rằng em là của anh, và chúng ta sẽ cùng nhau xây dựng cuộc đời.

- Nhưng không phải ở đây chứ?

- Ở đây, ngay ở đây em ạ.

- Không, không, anh...

Móc-đô ôm chặt cô gái vào trong tay. Cô gái không chống cự.

- Ở đây thì không được đâu anh. Nhưng ... anh có thể đi với em được không?

Một trận bão nội tâm làm rung động nét mặt người thanh niên. Một lát sau, khuôn mặt trở lại rắn đanh.

- Không. Anh ở đây để bảo vệ em và chống với cả hoàn cầu.

- Thế tại sao chúng ta không đi nơi khác.

- Không, anh không thể đi được.

- Tại sao?

- Nếu chúng ta yêu nhau thì ai dám ngăn cản?

- Anh mới đến đây nên anh không biết cái thằng Ted đâu. Anh cũng không biết Ganh-ty và bọn "Tiên Phong".

- Anh đã sống giữa những con người dữ tợn, và bao giờ rồi cuối cùng chính chúng phải kiêng anh. Nếu bọn chúng đã phạm tội thì tại sao không ai đưa chúng ra trước pháp luật.

- Không có ai dám ra làm chứng chống lại chúng: người nào làm như vậy, thì ngay trong tháng đó sẽ chết.

- Có thể người ta tìm cách làm hại chúng và chúng không có cách gì khác để tự vệ chăng?

- Ôi, em không muốn nghe anh nói như vậy. Hắn cũng nói đúng như vậy đó... cái thằng ấy

- Thằng Ted ấy à? À, nó nói như vậy có phải không?

- Và vì vậy, mà em ghét nó. Em ghét nó nhưng em sợ nó. Cho nên em phải cứ tìm cách tránh né bằng những lời hứa nửa vờ. Nhưng nếu anh chịu đi với em, thì chúng ta sẽ đưa ba em đi, và sống mãi mãi với nhau.

Một lần nữa nét mặt người thanh niên lại hiện lên cuộc đấu tranh nội tâm dữ dội, và một lần nữa, một quyết định không gì lay chuyển.

- Sẽ không có gì nguy hại xảy đến cho em và ba em đâu. Còn về cái bọn độc ác kia, anh tự hỏi không biết rồi em có ngạc nhiên khi thấy rằng anh còn độc ác hơn cả đứa độc ác nhất trong bọn chúng không, trước khi chúng ta lấy nhau.

- Không, em tin anh ... tin suốt đời.

Trên môi Móc-đô nở một nụ cười cay đắng.

- Em biết anh còn ít quá, em không thể đoán biết được những gì diễn ra trong tâm hồn anh đâu. Này, ai đến kia?

Hai cánh cửa bỗng bật toang ra, và một người trẻ tuổi bước vào, dáng điệu dương dương tự đắc, hấn đẹp trai, ăn mặc đẹp đẽ. Vóc dáng và tuổi tác cũng vào cỡ của Móc-đô. Dưới

chiếc mũ phớt đen vành rộng, cặp mắt dữ tợn nhìn chăm chăm vào đôi trai gái đang ngồi cạnh lò sưởi.

Ettie vội vàng đứng bật dậy, hoảng hốt.

- Tôi rất sung sướng được ông đến chơi, ông Ted. Xin mời ông ngồi.

Ted hai tay chống nạnh, nhìn thẳng vào mặt Móc-đô, hỏi:

- Người này là ai?

- Một người khách trọ mới. Ông Móc-đô, ông cho phép tôi giới thiệu với ông, ông Ted.

Hai người thanh niên trao đổi một cái gật đầu lạnh nhạt:

- Cô gái đã cho anh biết sự quan hệ của cô ta với tôi rồi chứ?

- Tôi chẳng biết mối quan hệ nào giữa cô ta với anh cả.

- Cô gái này là của tôi, và bây giờ thì anh đi chơi đi, ngoài kia trời để chịu lắm đấy.

- Cám ơn. Lúc này tôi không thích đi chơi.

- “Lại thế nữa kia”. Đôi mắt của Ted rùng rục tức giận. “Thế chắc ông thích đánh nhau có phải không, thưa ông khách trọ?”.

Móc-đô nhẩy dựng lên:

- Anh đã đoán đúng đấy. Chưa bao giờ anh lại nói một lời đúng hơn như thế nữa.

Cô thiếu nữ kêu lên, sợ hãi:

- Ôi, anh Móc-đô. Ôi, anh Móc-đô.

- Ồ, người ta gọi nhau bằng anh rồi, nhanh quá nhỉ?

- Anh Ted. Xin anh hãy độ lượng mà tha lỗi cho anh ấy.

Móc-đô bình tĩnh nói:

- Ettie, anh sẽ giải quyết chuyện này ổn thỏa thôi. Thưa ông Ted, ông có thấy hứng thú mà đi dạo một vòng ngoài đường kia không? Trời ban đêm đẹp lắm, đúng như ông đã

nói, ở đằng sau nhà bên cạnh này có một cái bãi trống, tiện lợi lắm, ông ạ.

- Tôi sẽ trả món nợ này, mà không cần phải bán tay. Anh sẽ hối hận là đã đặt chân vào nhà này.

- Sẽ à? Có ngay vẫn hơn chứ.

- Tôi sẽ chọn giờ. Anh có thể để tôi thu xếp việc ấy cho. Nay, nhìn đây.

Ted kéo ống tay áo lên và chỉ vào một dấu hiệu đặc biệt: một hình tam giác nằm trong một đường tròn.

- Anh có biết cái này là cái gì không?

- Tôi không biết và cũng chẳng cần biết.

- Thế thì rồi anh sẽ biết. Ettie sẽ chỉ dẫn cho anh. Con kia, mày sẽ quỳ xuống và van xin trở về với tao. Sau đó, mày sẽ biết tao trừng phạt mày như thế nào. Mày đã gieo ..., thì tao sẽ cho mày gặt...

Hắn giận dữ, nhìn hai người một lần cuối, rồi quay gót đi ra và đập cửa lại.

Trong giây lát, Móc-đô và người thiếu nữ đứng lặng đi. Nhưng rồi người thiếu nữ nhào tới ôm chặt lấy anh:

- Ôi, anh Móc-đô, anh can đảm biết bao nhiêu. Nhưng anh phải trốn ngay tối nay, nó sẽ giết anh. Em đã nhìn thấy trong mắt nó. Làm sao mà anh chống cự được với cả băng của chúng.

Móc-đô dịu dàng hôn thiếu nữ và dìu cô ngồi xuống ghế.

- Em đừng có lo. Anh cũng là một hội viên trong Hội những Người Tự Do, anh đã nói với ba em rồi, và bây giờ anh cũng nói cho em biết nữa, đừng ghét bỏ anh.

- Em không thể nào ghét bỏ anh được. Nhưng nếu anh cũng là một hội viên, tại sao anh không đến lấy lòng ông Ganh-ty. Ồ, anh đi ngay đi.

- Anh cũng có ý đó. Em có thể nói với ba em là đêm nay anh còn về ngủ ở đây, nhưng ngày mai anh sẽ đi tìm một căn phòng khác.

Quầy rượu của quán Ganh-ty đông nghẹt khách gồm toàn những bọn hạ lưu của thị trấn.

Ganh-ty là một nhân vật nổi tiếng, bên ngoài được che đậy bằng tác phong của một người vui tính, xởi lởi. Nhưng bên trong, sự sợ hãi mà hắn gieo rắc không những ở Vermissa, mà cả trên 50 cây số của cái thung lũng này, đủ lôi kéo khách đến quán rượu của hắn rồi.

Ganh-ty đã được bọn cướp, bọn lưu manh, bầu hắn giữ chức vụ uỷ viên Hội đồng Thành phố, và Quận trưởng Cảnh sát Giao thông. Thuế má và các khoản tiền đóng góp rất lớn, những công trình công cộng thì bị bỏ bê, báo cáo trước nhân dân thì bị bóp méo sự thật. Người dân thường bị bắt buộc phải câm miệng vì sợ bị tai họa. Thế là, năm này qua năm khác, quán rượu của ông ta đã phình ra đến mức đe dọa nuốt hết cả một góc của phố chợ.

Móc-đô đẩy cửa bước vào, chen giữa đám đông ồn ào, trong một bầu không khí ô nhiễm khói thuốc và sặc mùi rượu. Căn phòng được thắp đèn sáng choang. Những tấm gương lớn, khung mạ vàng, treo trên bốn bức tường phản chiếu và nhân lên gấp bội không biết bao nhiêu là đèn. Những người bồi rượu, tay áo sơ mi xắn lên đến khuỷu tới tấp pha rượu cho những khách hàng. Ở một đầu, đứng dựa mình vào quầy, là một người đàn ông cao lớn. Đó là Ganh-ty. Ông ta có bộ tóc đen nhánh, dài như một cái bờm rủ xuống đến tận cổ, bộ râu nham nhỡ hai bên má, nước da mai mái của một người Ý Đại Lợi, đôi mắt đen nhìn không chớp, trông rất dữ tợn. Tất cả phần còn lại, một thân hình cân đối, nét mặt thanh tú, tác phong cởi mở, phù hợp với cái dáng điệu vui tính và chịu chơi mà ông ta cố làm cho mọi người thấy rõ. Một người khách lạ sẽ nghĩ rằng đây là một tay làm ăn lương thiện. Nhưng khi đôi mắt hung bạo kia nhìn trừng trừng vào người khác, thì người này bắt đầu run sợ, và cảm thấy mình đang đứng trước một thiên tai thực sự.

Sau khi đã quan sát kỹ con người đó, Móc-dô thích cùi tay gạt một đám xu nịnh đang bao quanh. Đôi mắt táo bạo của người thanh niên như đóng đinh vào đôi mắt đen đang soi mói nhìn anh.

- Này anh, tôi chưa hề thấy cái bản mặt anh ở đây.

- Tôi mới đến, thưa ông Ganh-ty.

- Nhưng không vì thế mà không biết thưa gửi với một người có chức vụ.

Một người trong bọn xu nịnh vội giải thích:

- Này anh, đây là hội đồng Ganh-ty đó.

- Rất tiếc, thưa ông hội đồng. Tôi chưa biết hết các tập quán ở đây. Nhưng người ta có khuyên tôi đến gặp ông.

- Thế thì anh gặp tôi rồi đó. Anh thấy tôi thế nào?

- Ồ, nói ra bây giờ còn sớm quá. Nhưng nếu trái tim của ông cũng to như thân hình ông, và nếu tâm hồn ông cũng đẹp như ông, thì tôi tự thấy là bằng lòng rồi.

Nghe câu trả lời đó, tên chủ quán dậm ra ngõ ngang, không biết nên cười cợt hay giữ một vẻ nghiêm trang với tên thanh niên này. Một lát sau, hắn mới quyết định.

- Tổ mẹ, đúng là một kiểu ăn nói Ái Nhĩ Lan rồi. Thế là tôn ông đã hài lòng về phần người ngợm của tôi rồi, phải không?

- Chắc chắn thế.

- Và người ta bảo anh đến gặp tôi.

- Vâng.

- Ai nói?

- Môn huynh Can-lân, chi nhánh 341, của Vermissa. Tôi xin nâng ly mừng sức khoẻ của ông, ông hội đồng.

Móc-dô vừa uống vừa giơ ngón tay út lên. Ganh-ty chăm chú theo dõi anh ta và bỗng nhíu cặp mày đen rậm lại nói:

- Ồ, ra thế đấy. Vậy thì tôi phải xét trường hợp của ông một cách cẩn kê hơn nữa, thưa ông...

- ... Móc-đô.

- Một cách cặn kẽ hơn nữa, thưa ông Móc-đô, vì ở đây không ai tin lời nói của ai cả. Xin mời qua đằng sau quày này.

Ở đó có một căn phòng nhỏ với những thùng rượu xếp dọc theo tường. Ganh-ty đóng cửa rồi ngồi lên một thùng, vừa cấn vào điều xi gà vừa quan sát người thanh niên. Hai phút trôi qua như thế.

Móc-đô chịu đựng cuộc thẩm tra này một cách vui vẻ. Anh ta đút một tay trong túi áo vét, còn một tay thì vân vê râu mép. Đột nhiên Ganh-ty chồm người về phía trước và chia ra một khẩu súng lục.

- Này, thằng kia. Nếu mày định chơi tao thì cái này sẽ đưa mày sang thế giới bên kia ngay.

Móc-đô bình tĩnh trả lời:

- Đón tiếp một môn huynh như thế này thì quả thật là kỳ cục, nhất là khi người ta lại là một trưởng toán trong chi nhánh của Hội những Người Tự Do.

- Anh được nhập hội ở đâu?

- Chi nhánh 29, Chicago.

- Bao giờ?

- Ngày 24 tháng 6 năm 1871.

- Tên trưởng toán?

- J.H.Scott.

- Ai chịu trách nhiệm toàn khu?

- Bartholomew Wilson.

- Đến Vermissa làm gì?

- Tôi cũng đi làm như ông.

- Anh đối đáp trơn tru lắm nhỉ?

- Vâng, tôi không ngọng ngịu.

- Thế trong hành động, anh có được lanh lẹ không?

- Tôi nổi tiếng về việc ấy.

- Rất tốt, anh sẽ được thử thách. Anh đã nghe nói đến chi nhánh ở đây bao giờ chưa?

- Người ta nói với tôi rằng trước tiên phải là một con người dă, rồi sau mới thành một môn huynh ở đây được.

- Đúng đó. Tại sao anh lại bỏ Chicago ra đi?

- Ông đừng hòng bắt tôi khai.

Ganh-ty trở mặt ra nhìn. Hắn không quen nghe những câu trả lời như vậy. Câu này, hắn thấy nó thật ngộ nghĩnh.

- Tại sao vậy?

- Vì một môn huynh không được phép nói dối với một môn huynh khác.

- Nghĩa là sự thật không được tốt lắm chứ gì.

- Nếu ông muốn hiểu như vậy, thì xin tùy ông.

- Một người trưởng toán như tôi, chắc sẽ không đưa một ai vào trong chi nhánh Hội, khi chưa biết quá khứ của anh ta.

Móc-đô tỏ vẻ lúng túng. Sau cùng, anh ta lôi ở túi áo ra một mảnh báo cũ, và còn hỏi lại:

- Ông không phản thùng tôi chứ?

- Mà mà còn nói cái kiểu ấy thì tao đập vỡ mặt mày ra bây giờ.

Móc-đô tỏ vẻ hối tiếc:

- Tôi xin lỗi ông. Tôi nói mà không suy nghĩ. Tôi biết rằng ở trong tay ông thì tôi sẽ được an toàn. Ông hãy đọc mảnh báo này đi.

Ganh-ty đọc lướt qua bài báo đưa tin về vụ án mạng Jonas Pinto ở quán rượu Bờ Hồ, phố Chợ, tại Chicago, đêm mồng 1 tháng giêng năm 1874. Hắn đưa trả lại mảnh báo cũ, hỏi:

- Anh làm cái việc ấy à?...

Móc-đô trả lời bằng một cái gật đầu.

- Tại sao anh lại hạ nó.

- Tôi giúp đỡ Nhà nước đúc ra các đồng đô la. Có lẽ những đồng đô la của tôi làm ra, vàng không đủ tuổi như đồng đô la của nhà nước, nhưng trông nó vẫn có vẻ xài được. Cái tên Pinto này giúp tôi tiêu thụ những đồng ấy. Một hôm nó nói rằng sẽ đi tố cáo tôi. Tôi hạ nó ngay, rồi đến đây.

- Tại sao lại đến cái xứ than này.

- Thấy báo nói ở đây người ta không khó tính lắm.

Ganh-ty bật cười.

- Thế là trước hết anh là một thằng làm bạc giả, rồi sau là một tên giết người, và anh nghĩ rằng đến đây anh sẽ được người ta đón tiếp tốt có phải không?

- Vàng, đại khái là như vậy.

- Thế bây giờ anh còn làm được những đồng đô la ấy không. Móc-đô móc túi lấy ra mấy đồng tiền vàng đưa cho Ganh-ty.

- Đây ông xem.

- Thật không? ... Không nói đùa đấy chứ?

Ganh-ty soi các đồng tiền ra ánh sáng, để nó trên bàn tay to tướng.

- Không thấy có gì khác cả. Tổ mẹ, thế này thì anh sẽ là một môn huynh đặc lực đây. Ở đây chúng tôi cũng có thể nhận một vài tay đầu bò đầu bươu.

- Thưa ông, tôi sẽ giữ được vị trí của tôi, trong cuộc tự vệ đó.

- Thần kinh của anh có vẻ vững vàng lắm. Anh không xao động khi tôi chìa súng vào anh?

- Lúc đó không phải tôi đang bị nguy hiểm.

- Thế thì ai vậy?

- Ông.

Móc-đô rút trong túi áo vét ra một khẩu súng sáu đã lên đạn.

- Tôi vẫn nhắm vào ông suốt trong thời gian vừa qua, tay tôi cũng lạnh không kém gì ông đâu.

Ông hội đồng đỏ mặt tía tai nhưng rồi bỗng phá lên cười.

- Tôi có cảm giác một ngày nào đó, chi nhánh Hội ta sẽ được kiêu hãnh về anh đó... Cái gì thế này. Chúng mày không thể để yên cho tao được nói chuyện đến năm phút với một vị khách quý hay sao?

Người hầu bần cúi đầu:

- Xin lỗi ông hội đồng, có ông Ted. Ông ấy muốn gặp ông gấp.

Lời báo ấy là vô ích, Ted đã hiện ra trong khung cửa.

Hắn gạt người hầu ra rồi đóng cửa lại, và nhìn Móc-đô bằng một cặp mắt nảy lửa.

- Thế là mày đã đến đây trước tao rồi hả? Được, ông hội đồng, tôi có câu chuyện muốn nói với ông về cái tên này.

Móc-đô nói như hét:

- Thì mày nói ngay đi, nói trước mắt tao nè.

- Tao sẽ nói lúc nào tao cần nói, và nói theo cách của tao.

Ganh-ty từ trên thùng rượu nhảy xuống, can thiệp.

- Ted, đây là một môn huynh mới đến, chúng ta không được đón tiếp anh ta như vậy. Hãy chìa tay ra làm lành với nhau đi.

- Không đời nào. - Ted hét lên.

- Tôi đã mời anh ta đấu với tôi bằng tay không, hoặc bằng bất cứ thứ vũ khí nào. Thưa ông Hội đồng, bây giờ tôi xin để ông phân xử cho chúng tôi.

- Thế giữa hai anh có chuyện gì vậy.

- Một cô gái trẻ tuổi.

- "Tự do à?" Ông trưởng toán nói tiếp. "Vì đây là giữa hai môn huynh trong cùng một chi nhánh Hội, nên cô gái đó hoàn toàn tự do".

- Ô, luật lệ của ông là như thế đấy hả?

- Đúng, luật lệ của tao là như thế đấy, Ted!

Ganh-ty nhìn hấn một cách hiềm ác, tiếp luôn:

- Phải chăng mày định chống lại luật lệ ấy?

- Ông gạt ra ngoài một người vẫn đứng bên ông từ năm năm nay, để ôm vào lòng một tên mà ông chưa bao giờ gặp mặt. Mẹ kiếp, đến kỳ bầu phiếu sắp tới...

Ông hội đồng chồm lên như một con hổ, khép chặt hai bàn tay vào quanh cổ tên kia và vạt ngựa nó lên một thùng rượu. Móc-đô can thiệp. Anh kéo ông hội đồng lại, làm ông ta thả tay ra. Ted bị khuất phục. Hấn ngồi lên trên thùng rượu.

- Ted, đã từ lâu mày đáng được một trận như thế này. Ngày hôm nay thì mày ném mùi sơ sơ rồi đó. Mày tưởng rằng nếu tao không được bầu lại làm trưởng toán thì mày sẽ chiếm chỗ của tao phải không? Rồi đây chi nhánh Hội sẽ định đoạt về việc này. Nhưng chừng nào tao còn là trưởng toán, thì không một đứa nào được mở mồm ra chống lại những điều tao đã quyết định, nghe rõ chưa?

Ted vừa xoa bóp cổ vừa lấp bắp nói:

- Tôi có chống ông cái gì đâu.

Thế là Ganh-ty đột ngột trở lại ngay cái kiểu cách ra vẻ hồ hởi thường ngày của hấn.

- Ô, nếu thế thì thôi. Chúng ta đều là bạn tốt với nhau cả. Và việc này coi như đã xong.

Lão lấy từ trong hốc tủ ra một chai sâm banh bịt nút mở rượu, rót đầy vào ba cốc có chân:

- Nào, chúng ta hãy uống ly rượu hòa giải. Sau tuần rượu này, không có một cuộc cãi lộn nào nữa. Vậy thì bây giờ Ted, hãy để tay trái của anh lên cổ tôi đi.

Rồi lão nói tiếp:

- Thưa ông, nghĩ sao khi bị xúc phạm?

- "Những đám mây đều nặng nề".
- "Nhưng chúng sẽ tan đi, để không bao giờ trở lại nữa".
- "Và điều đó, tôi xin thề".

Hai người uống cạn ly rượu và nghi lễ đó lại diễn ra giữa Ted và Móc-đô.

Ganh-ty xoa tay vui vẻ nói:

- Được rồi. Thế là cuộc cãi lộn đã kết thúc. Nếu nó còn tái diễn thì các anh sẽ phải chịu sự trừng phạt của Hội.

Móc-đô chia tay ra cho Ted bắt:

- Tôi thật không dám thề. Tôi dễ gây lộn, nhưng cũng dễ tha thứ. Người ta bảo đó là dòng máu Ái Nhĩ Lan. Nhưng đối với tôi thế là đã xong, và tôi không có thù hằn gì cả.

Ted đành phải gơ tay ra bắt, vì đôi mắt của ông trưởng toán không rời hẳn.

Ganh-ty ôm lấy vai của hai người, thở dài:

- Thật không thể tưởng tượng được là mảnh gấu váy ấy lại có thể làm cho hai chàng trai của tôi đến phải trở thành đối thủ của nhau. Nhưng những chuyện này vượt ra ngoài thẩm quyền của người trưởng toán rồi. Môn huynh Móc-đô, anh được nhập vào chi nhánh 341. Chúng tôi thường hội họp vào tối thứ bảy. Nếu anh đến dự, anh sẽ mãi mãi là một người Tự Do ở cái thung thũng này.

3. CHI NHÁNH 341 Ở VERMISSA

Ngay hôm sau, Móc-đô dọn đến nhà một bà góa chồng tên là Namara ở ven thị trấn. Can-lân ít lâu sau cũng có việc về Vermissa nên hai người đến ở chung với nhau.

Bà chủ trọ đã già, tính kín đáo và biết điều. Móc-đô và Can-lân ở đó không có ai khác cùng trọ, nên có thể ăn nói, hoạt động rất tự do. Cụ Sáp cũng đồng ý để Móc-đô khi nào muốn, cứ đến nhà dùng cơm, thành ra quan hệ của anh với Ettie không bị đứt đoạn, mà trái lại cứ ngày càng chặt chẽ, thân thiết hơn.

Móc-đô bày những cái khuôn dập bạc giả ra. Một vài môn huynh của chi nhánh được phép bí mật đến nhà anh, và khi ra về thì túi nặng những đồng bạc mới. Những người cùng làm với anh thường thắc mắc tại sao anh có tài như vậy, mà lại chịu hạ mình đi làm công. Anh trả lời rằng nếu anh không có những nguồn thu nhập chính đáng, thì cảnh sát sẽ điều tra về đời sống của anh ngay.

Sau cuộc gặp mặt lần đầu tiên với Ganh-ty, anh thường lui tới quán rượu để biết “những chàng trai”. Đó là cái tên rất dễ thương mà bọn quý sứ trong khắp vùng này tự đặt cho mình. Móc-đô nổi tiếng trong bọn chúng vì sự nóng nảy và về cách ăn nói táo tợn của anh.

Một buổi tối, khi quán rượu đang đông khách, thì có một người bước vào. Người đó mặc binh phục màu xanh và đội mũ lưỡi trai của cảnh sát vùng mỏ. Đây là một đơn vị đặc nhiệm đã được ban điều hành của các công ty hòa xa, mỏ than và mỏ sắt cùng dựng lên để yểm trợ cho cảnh sát dân sự. Khi người đó vừa mở cửa bước vào, thì cả căn phòng bỗng im bật, cả mấy trăm con mắt đều đổ dồn nhìn như xiên vào mặt anh ta. Ganh-ty đứng sau quầy rượu, không tỏ ra một chút ngạc nhiên nào khi thấy viên thanh tra ngồi vào giữa đám khách quen của ông ta.

- Một ly uyt-ki nguyên chất. À, ông hội đồng, hình như chúng ta chưa gặp nhau lần nào thì phải.

- Anh là đại úy mới đến đây phải không?

- Chính tụi. Chúng tôi kêu gọi ông và tất cả mọi công dân, hãy giúp đỡ chúng tôi giữ vững luật pháp và trật tự trong thị trấn này. Tôi là đại úy Ma-vin của Công ty than và sắt.

- Không có ông, chúng tôi thu xếp còn tốt hơn đây. Bởi vì chúng tôi có đội cảnh sát riêng. Ông chỉ là một công cụ tu bản, đến đây để quát roi gân bò và bắn giết những người công dân nghèo mà thôi.

Viên sĩ quan cảnh sát cười:

- Không nên cãi vã với nhau.

Anh ta uống cạn ly rượu và sắp đi ra thì chợt trông thấy Móc-đô đang đứng cười gằn gằn đó. Anh ta vừa nhìn Móc-đô từ trên xuống dưới vừa vui vẻ gọi:

- À, một người quen cũ đây.

Móc-đô lắng ra.

- Tôi chưa bao giờ là bạn của ông.

Đại úy Ma-vin phá lên cười.

- Một người quen không nhất thiết phải là một người bạn.

Anh là Móc-đô, ở Chicago.

Móc-đô nhún vai, đáp lời ngay:

- Tôi không chối tên tôi. Anh tưởng tôi xấu hổ vì cái tên tôi à?

- Nếu anh có cảm thấy xấu hổ về cái tên của anh, thì cũng có lý thôi.

Móc-đô đã nắm chặt tay lại thành hai nắm đấm và gầm lên: - Tôi yêu cầu ông giải thích những điều ông vừa mới nói?

- Đừng có lên mặt anh chị với tôi. Trước khi tôi đến đây, tôi là một quan chức ở Chicago, và khi tôi trông thấy một thằng lưu manh của Chicago, tôi phải nhận ra được nó chứ.

Móc-đô tái nhợt người, thốt lớn lên:

- Chắc ông không phải là Ma-vin của Sở cảnh sát trung ương ở Chicago chứ?

- Tôi luôn luôn vẫn là Ma-vin ấy đấy. Chúng tôi cũng vẫn chưa quên được cái thằng Pinto đã bị giết.

- Tôi không giết nó.

- Thật à? Thế thì cũng hơi lạ đó. Bởi vì cái chết của nó đỡ cho anh biết mấy. Nó mà khai ra được trước tòa, thì anh đã vào chảo rang lâu rồi. Nhưng thôi, không nói chuyện quá khứ nữa. Nay, tôi nói riêng với anh một chuyện đáng lẽ tôi không được phép nói ra: cái vụ ấy mà, về phần anh không có gì là rõ ràng đâu. Ngày mai anh có thể trở về Chicago, nếu anh muốn. Anh sẽ không bị phiền đâu.

- Tôi ở đây rất tốt, chẳng phải đi đâu cả.

- Ở thì tùy, tôi đã mách nước cho anh, đáng lẽ anh nên có một lời cảm ơn mới phải.

Móc-đô trả lời một cách lạnh nhạt:

- Thì cứ cho là ông muốn làm cho tôi vui lòng đi, cảm ơn.

- Chẳng nào mà tôi còn thấy anh trên con đường tốt thì tôi sẽ không nói gì. Nhưng nếu anh lại muốn dở trò, thì lúc đó sẽ là câu chuyện khác đấy.

Thôi, chào anh. Chào ông, ông hội đồng!

Ma-vin bước ra khỏi quán rượu. Tin tức nhanh chóng loan ngay đi rằng Móc-đô đã tác yêu tác quái ở Chicago. Trước đây, khi có người hỏi anh về việc này anh ta chỉ tránh nó với nụ cười của một người không muốn ai làm rùm beng một câu chuyện chẳng đáng gì. Bây giờ câu chuyện đó đã được chính thức xác nhận. Những khách quen đến bao quanh anh và âu yếm bắt tay anh ta.

Từ nay trở đi, anh đã có một địa vị xứng đáng trong tập thể.

Một tối thứ bảy, Móc-đô được đưa ra trình diện trước hội viên trong chi nhánh.

Cuộc họp được triệu tập trong một căn buồng rộng ở nhà hội quán. Khoảng sáu mươi hội viên có mặt. Họ chỉ là một phần rất nhỏ của tổ chức thôi vì có nhiều chi nhánh khác hoạt động ở trong thung lũng cũng như ở phía sườn núi bên kia.

Trong tất cả khu mỏ này, tổng số hội viên như vậy không dưới năm trăm tên.

Những người tới họp, tập trung quanh một chiếc bàn dài trong căn buồng hoàn toàn trống trải, không có bất cứ một thứ trang trí nào. Ở một phía, có một cái bàn khác trên xếp đầy rượu và ly. Một số môn huynh đã để mắt liếc nhìn về phía đó.

Ganh-tý ngồi ở một đầu bàn, đầu đội một cái mũ hình bình thiên bằng nhung đen, vai khoác một tấm áo choàng bằng nhung đỏ. Những vị chức sắc cao cấp nhất của chi nhánh, trong số đó có Ted, bao quanh ông ta.

Người nào cũng có đeo một cái dây hay một huy chương chỉ rõ ngôi thứ và chức vụ. Phần đông trong số họ là những người đã có tuổi, số còn lại gồm những thanh niên từ 18 đến 25 làm những tay chân thừa hành. Trông mặt của các hội viên già, người ta cũng đoán thấy bên trong những tâm hồn tàn bạo và bất trị, nhưng khi nhìn đến những người trẻ tuổi, thì không ai có thể ngờ được rằng những thanh niên này lại họp thành những băng tội phạm. Đòi truy đến gốc rễ, chúng cho rằng có xin xung phong đi thủ tiêu những người chưa bao giờ đụng chạm gì đến chúng, thì mới gọi là có can đảm và có tinh thần hiệp sĩ. Hồi đầu, chúng còn giữ bí mật về những hành động của chúng, nhưng vào thời xảy ra câu chuyện này thì chúng công khai khoe khoang thành tích. Trong mười năm chưa một đứa nào trong bọn chúng phải chịu một án phạt nào.

Móc-dô đã được báo trước là sẽ có những lễ nghi chờ đợi anh ta. Anh được hai môn huynh đưa vào một căn buồng biệt lập. Qua tấm vách ngăn bằng ván, lọt vào tiếng ồn ào của nhiều người nói trong căn buồng hẹp. Một hay hai lần gì đó, anh nghe thấy nói đến tên anh. Hình như người ta đang kháo nhau sự chấp nhận anh vào chi nhánh hội. Rồi một người bảo vệ, bước vào căn phòng anh đang đứng đợi và truyền cho hai người môn huynh biết.

- Ngài trưởng toán ra lệnh hãy trói người này lại, bịt mắt và đưa vào trình diện.

Cả ba người lột áo anh ra, vén tay áo sơ mi bên phải lên và trói giết cánh khuỷu anh ra đằng sau. Rồi họ đội lên đầu anh một chiếc mũ lưới trai bằng thứ vải đen dày, và ấn sâu xuống cho đến che hết phần trên của mặt, anh được dẫn vào phòng họp.

Anh có cảm giác là đêm tối đen như mực. Anh nghe tiếng thì thào của những người dự họp, rồi tiếng nói của Ganh-ty.

- Móc-đô, anh đã là hội viên của Hội Những Người Tự Do chưa?

Móc-đô gật đầu.

- Chi nhánh của anh có phải là số 29 của Chicago không?

Móc-đô lại gật đầu.

- Những đêm đen tối rất khó chịu...

- ... cho những người lạ mặt phải đi lại.

- Những đám mây đều nặng nề.

- Một cơn bão sắp lại gần.

- Các môn huynh đã thỏa mãn chưa?

Có một tiếng rì rầm chứng tỏ sự đồng ý.

- Môn huynh, anh đã đáp đúng được mặt hiệu, chúng tôi biết anh thật sự là người trong hội. Nhưng chúng tôi cũng muốn anh biết rằng trong khu vực này, chúng tôi có những nghi lễ và những điều bắt buộc đòi hỏi phải có lòng dũng cảm. Vậy anh có sẵn sàng để chịu đựng không?

- Có.

- Anh có can đảm không?

- Có.

- Hãy tiến lên một bước.

Vừa nghe đến đây thì anh cảm thấy có hai mũi nhọn, cứng ở đằng trước mắt. Hai mũi nhọn này ấn vào hai mắt anh

khiến anh có cảm giác là nếu tiến lên thì hai mắt sẽ bị đâm thủng. Mặc dầu vậy, anh vẫn tiến lên một bước, và hai mũi nhọn biến mất. Anh nghe thấy những lời khen ngợi kín đáo.

- Anh can đảm đấy. Nhưng liệu có chịu được sự đau đớn không?

- Không kém bất kỳ ai.

- Hãy thử thách.

Móc-đô đã phải sử dụng tất cả nghị lực mới không kêu thét lên: một sự đau đớn khủng khiếp vừa xuyên ngang qua cánh tay anh, suýt làm anh ngất xỉu.

- Tôi có thể chịu được hơn thế nữa.

Lần này thì tiếng vỗ tay nổ vang lên. Chưa bao giờ chỉ nhánh ở đây thấy một người mới nhập hội cương quyết hơn thế. Người ta nhắc cái mũ ở trên đầu anh xuống, và vỗ vào lưng anh đôm đốp. Anh vẫn đứng im, chớp chớp mắt cười trong khi các môn huynh tới chúc mừng anh.

Ganh-ty nói:

- Môn huynh Móc-đô. Anh đã tuyên thệ giữ bí mật và trung thành, nhưng chắc anh biết rằng ai phản bội lời thề đó sẽ bị án tử hình tức khắc chứ?

- Tôi biết.

- Và anh có tuân theo lệnh của người toán trưởng trong bất kỳ hoàn cảnh nào không?

- Có.

- Vậy thì, nhân danh chỉ nhánh 341 của Vermissa, tôi mời anh được tham dự vào những nghi lễ và những đặc quyền của Hội. Môn huynh Can-lân, hãy cho chúng ta uống rượu đi.

Có một người đem trả lại cho Móc-đô chiếc áo vét. Trước khi mặc vào, anh xem xét lại chỗ cánh tay phải vẫn còn đau như xé: Một cái ấn bằng sắt nung đỏ đã in lên đấy hình một tam giác nằm trong một đường tròn. Những người đứng

chung quanh anh cũng vén tay lên và chỉ cho anh xem dấu ấn của họ.

- Chúng tôi cũng đã được nhận dấu ấn này, nhưng không ai dũng cảm được bằng anh đâu.

- Ô, cũng không có gì ghê gớm lắm. - Móc-dô trả lời.

Mấy tuần rượu mừng lễ nhập hội đã xong, chi hội bắt đầu bàn đến một số vấn đề thường vụ.

Ganh-ty tuyên bố:

- Việc thứ nhất của buổi họp hôm nay là bức thư của vị trưởng hạt Win ở Merton, chi nhánh 249. Bức thư như sau: *"Quý vị thân mến, có một công việc nhỏ cần làm đối với Andrew Rae, ở công ty Rae Sturmash, chủ những mỏ bên cạnh. Chắc các vị chưa quên là chi nhánh các vị còn nợ chúng tôi về việc chúng tôi cử hai môn huynh đến để giúp các vị trong vụ tên cảnh sát, mùa thu vừa qua. Nếu các vị cử đến cho chúng tôi hai người tình nguyện, thì họ sẽ được người thủ quỹ Hi-gi của chi nhánh chúng tôi trông nom chu tất, và sẽ hướng dẫn họ cách hành động, ở đâu và lúc nào. Chào huynh đệ. Ký tên J.Win.*

Ông Win chưa bao giờ từ chối cho chúng ta vay một hoặc hai người khi chúng ta cần, thì bây giờ chúng ta cũng không thể từ chối ông ta.

Ganh-ty ngừng lại, đưa mắt nhìn khắp căn phòng.

- Ai xung phong đi làm công việc vặt này?

Mấy thanh niên cùng giơ tay một lượt. Ông trưởng toán mỉm cười đồng ý.

- Hồ Cóc-mắc, anh sẽ đi. Nếu anh cũng làm ăn tốt như lần trước thì mọi việc sẽ bình thường cả thôi. Cả anh nữa, Uyn-xơn.

Người xung phong đó thắc mắc:

- Nhưng tôi không có súng lục.

- Đây là trận đấu tiên của anh, có phải không? Thế thì phải bắt đầu bằng lễ chịu lửa đã. Còn súng-lục, đến nơi sẽ có. Khi nào trở về, sẽ có ăn mừng trọng thể.

- Thế còn tiền thưởng, lần này thì sao? - Cóc-mắc hỏi.

- Tiền thưởng không phải là quan trọng. Anh ra tay vì danh dự mà. Khi nào công việc xong xuôi, người ta cũng sẽ vét được ở đây két bạc một đôi đồng đô la cũ rích nào đó để trao cho anh.

Wil hỏi:

- Cái người đó đã làm gì?

- Chuyện đó không dính gì đến chúng ta, công việc của chúng ta, là thay họ thanh toán nó, cũng như họ đã thay ta ở đây vậy. À cũng nhân đây nói luôn: tuần lễ sau sẽ có hai môn huynh của chi nhánh Merton đến đây để làm thay cho chúng ta một công việc nhỏ.

Có người hỏi: - Ai đến thế?

- Đừng nên đặt những loại câu hỏi như vậy. Anh chỉ cần biết đây là những người rất chịu chơi.

Ted kêu lên:

- Ở đây đang cần có những loại người ấy đấy. Dân chúng ở đây đã bắt đầu có hơi coi thường rồi đó. Trong tuần trước ba người của chúng ta đã bị tên đốc công La-cơ đuổi không cho làm nữa. Chúng ta mắc nợ với cái thằng này từ lâu rồi, bây giờ phải hoàn lại đủ cả vốn lẫn lãi cho nó thôi.

Móc-đô thì thào vào tai người ngồi bên hỏi:

- Hoàn vốn như thế nào? Người này phá lên cười:

- Bằng một viên đạn súng săn chứ còn bằng cái gì nữa. Anh thấy những phương pháp của chúng tôi thế nào, môn huynh?

Móc-đô có vẻ tán thành những phương pháp của cái hội giết người này.

- Phương pháp hay quá. Một chàng trai không phải thỏ để thì ở đây tốt quá đi chứ.

Những người ngồi bên vỗ tay tán thưởng. Ở đầu bàn đằng kia, ông toán trưởng hỏi với lại:

- Cái gì thế?

- "Thưa ông", vị môn huynh nói, "Móc-dô thấy phương pháp làm việc của chúng ta hợp với khẩu vị của anh ấy lắm".

Móc-dô đứng phắt ngay lên, trịnh trọng nói:

- Thưa thầy kính mến, tôi muốn nói rằng, nếu thầy cần đến một người để làm một việc gì đó thì tôi sẽ tự coi như có danh dự lớn nếu được thầy cho làm.

Viên thư ký Ha-ra, một lão già râu xám ngồi bên cạnh toán trưởng, can thiệp ngay:

- Tôi đề nghị là để môn huynh Móc-dô chờ đợi khi nào chi nhánh cần đến.

- Tất nhiên. Đó chính là điều mà tôi muốn nói. Tôi hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của chi nhánh. - Móc-dô đáp lại.

Toán trưởng nói một cách an ủi:

- Rồi sẽ đến lượt anh thôi, môn huynh. Chúng tôi nhận thấy anh là một con người cương nghị, và tin chắc rằng anh sẽ làm được những việc xuất sắc.

Tối nay, nếu anh muốn, anh có thể tham dự vào một công việc nho nhỏ thôi.

- Tôi xin chờ.

- Bây giờ, trước hết tôi yêu cầu thủ quỹ cho chúng ta biết bản hạch toán tiền nong. Phải trả một số tiền tuất kha khá cho người vợ góa của Jim.

Một người ngồi bên Móc-dô giải thích cho anh ta hiểu:

- Jim đã bị giết thán trước trong khi đang định hạ sát Wil-cô.

Thủ quỹ mở sổ sách ra trước mặt, nói:

- Quý hiện nay rất phong phú, Max và công ty ông ta đã trả 500 đô-la. Hai anh em Wan-cơ gửi đến 100 đô-la, nhưng tôi đã tự ý gửi trả lại họ, để đòi 500 kia. Nếu từ nay đến thứ tư sau, mà tôi không có tin tức gì thì bộ cần trục của họ có thể sẽ bị tai nạn. Năm ngoái chúng ta đã bắt buộc phải đốt cháy cái máy nghiền quặng của họ. Hiện nay chúng ta có vốn đủ để có thể đương đầu với bất cứ một yêu cầu nào.

- Thế còn cái vụ Win-đô thì sao?

- Nó đã bán hết gia sản và đi khỏi khu vực rồi. Cái thằng quỷ già đó có để lại cho chúng ta một bức thư nói rằng thà nó đi làm nghề quét đường ở Nữu-ước còn thú vị hơn là làm một chủ mỏ lờn để bị một băng cướp tống tiền khổng lồ. Quân chó đẻ, cũng may là nó đã đi khỏi đây trước khi bức thư đến tay chúng ta.

Một người đã đứng tuổi, mặt mũi nhẵn nhụi có dáng hiền lành hỏi:

- Thưa ông thủ quỹ, tôi có được phép xin ông cho chúng tôi biết ai đã mua cái lô đất của người mà ta vừa đuổi chạy khỏi khu này không?

- Được, môn huynh Mô-rit. Lô đất ấy đã do công ty Hòa xa ở Merton mua.

- Và ai đã mua lại những mỏ của Tod và của Lee đem bán đấu giá, năm ngoái cũng vì những lý do như trên.

- Cũng lại công ty Hòa xa.

- Và ai đã mua lại những lò rèn của Man-sơn và Su-man, của Ất, khi họ bỏ lại để chạy trốn.

- Tất cả đều được công ty mỏ tổng hợp Gilmerton mua lại hết.

Toán trưởng can thiệp, hỏi lại:

- Môn huynh Mô-rit, tên tuổi của những người đã đứng tên mua không làm cho chúng ta phải quan tâm, vì không thể bê những cái bể lò đó ra khỏi vùng này được kia mà.

- Thưa thầy kính mến, với tất cả lòng tôn kính của tôi đối với thầy, tôi vẫn nghĩ rằng vấn đề này phải được chúng ta quan tâm nhiều hơn nữa. Như thế là trong mười năm nay, chúng ta vẫn tiếp tục dùng có một phương pháp thôi. Đó là chúng ta dần dần đuổi hết những nhà thầu nhỏ ra khỏi nơi đây. Kết quả là thế nào? Họ được thay thế bởi những công ty lớn, mà những giám đốc của các công ty đó thì ngự ở Nữu-uớc hay Philadelphia và hoàn toàn coi thường những lời đe dọa của chúng ta được. Nhưng, khi những công ty lớn thấy chúng ta là những vật chướng ngại giữa họ và số tiền lãi, thì họ sẽ không từ bất cứ một cố gắng nào, để đưa chúng ta ra trước pháp luật.

Mọi người im bật, nét mặt sa sầm xuống. Từ trước đến giờ họ vẫn cảm thấy họ có uy lực đến mức không ai dám khiêu khích họ, và họ cho rằng họ vững như thành đồng. Ý kiến của môn huynh đã làm dựng chân lông những con người bất trị nhất.

Diễn giả nói tiếp:

- Vì vậy, ý kiến của tôi là, chúng ta nên nói bất tay đối với các chủ nhỏ. Ngày nào mà họ bắt buộc phải trốn chạy đi hết, thì ngày ấy quyền lực của Hội sẽ bị tan vỡ.

Không phải sự thật nào cũng nên nói ra. Khi môn huynh Mô-rit ngồi xuống, những tiếng kêu giận dữ đã nổi lên. Ganh-ty đứng dậy, vâng trán bưng bưng:

- Nay môn huynh Mô-rit, anh từ trước đến nay vẫn là người chuyên nói những điều gở đại. Chẳng nào mà tất cả những hội viên trong chi nhánh vẫn sát cánh với nhau, thì không có một thế lực nào làm hại đến chúng ta, những công ty lớn cũng sẽ thấy được là trả tiền cho chúng ta sẽ đơn giản hơn là chọi với chúng ta. Và rồi họ cũng sẽ làm theo như các công ty nhỏ thôi. Còn bây giờ, thưa các môn huynh...

Ganh-ty bỏ cái mũ nhung đen và tấm đai xuống.

- ... Chi hội chúng ta đã bàn xong mọi công việc tối nay, chúng ta chỉ còn một việc nhỏ nữa cần phải nói trước lúc chia tay. Nhưng bây giờ đã đến lúc chúng ta nghỉ xả hơi giải khát một chút và vui hát với nhau, như anh em trong một nhà.

Móc-dô có một giọng nam cao rất đẹp, anh hát bài "*Em Mari, anh ngồi dưới giàn nho*" và bài "*Trên bờ con sông lớn*" và hốt hết các tình cảm của khán giả? Ai cũng đoán rằng rồi đây anh ta sẽ tiến bước lên những chức vụ cao nhất trong hội. Nhưng muốn làm một Người Tự Do trong cái hội này, cũng đòi hỏi phải có một vài đức tính khác nữa, Móc-dô đã hiểu ra được điều đó trước khi buổi họp tối hôm ấy kết thúc. Chai rượu uýt-ki đã được truyền tay đi mấy lần. Các chàng trai mặt đỏ như gấc, đã chín muồi để có thể làm bất cứ một việc gì. Ông trưởng toán tiếp tục:

- Các cậu ơi, trong thành phố có một người đang cần một bài học. Đó là lão già James của tờ báo Herald, gần đây hẳn lại bắt đầu há cái mồm to tướng ra để chống lại chúng ta.

Một tiếng rì rào đồng tình đáp lại, pha lẫn đây đó là một vài câu chửi thề thô tục. Ganh-ty rút ở trong túi áo ra một mẫu nhật trình, đọc bài **PHÁP LUẬT VÀ TRẬT TỰ**.

"*Sự khủng bố đang ngự trị trong vùng than và sắt. Mười hai năm đã trôi qua từ khi xảy ra những vụ ám sát đầu tiên chứng tỏ có sự hiện diện của một tổ chức tội ác trong vùng chúng ta. Từ ngày đó đến nay, những vụ án mạng không một lúc nào ngừng và bây giờ đã lên đến một quy mô làm cho chúng ta trở thành một mối ô nhục của thế giới văn minh. Một tình trạng khủng bố và vô chính phủ sẽ được thiết lập dưới bóng thiêng liêng của lá cờ tự do hay sao? Người ta biết rõ những tên cầm đầu. Chúng ta đã hoạt động công khai trước mắt mọi người. Chúng ta sẽ còn phải chịu đựng tình trạng này bao nhiêu lâu nữa. Chúng ta sẽ sống...*" Ông trưởng toán vút mảnh báo xuống bàn.

- Thôi, đọc cái thứ văn chương này như thế là đủ rồi. Đó, nó nói về chúng ta như vậy đó. Câu hỏi tôi muốn đặt ra cho các bạn là: Chúng ta sẽ nói gì với nó.

Hàng tá tiếng hét hung dữ nổi lên:

- Giết mẹ nó đi!

Môn huynh Mô-rit, cái người có bộ mặt hiền lành đó lại đứng lên, cãi lại:

- Tôi đã nói với các môn huynh rằng: bàn tay chúng ta đập quá nặng xuống thung lũng này, và cũng chẳng còn bao lâu nữa, sẽ đến cái ngày mà tất cả công dân trong vùng họp nhau lại để đè bẹp chúng ta. Giêm là một ông già. Ông ta được người trong thành phố và trong vùng kính trọng. Nếu các anh giết người này, thì cả nước sẽ báo động, cho đến khi chúng ta bị tiêu diệt hết mới thôi.

Ganh-ty rống lên:

- Chúng tiêu diệt chúng ta bằng cách nào, thưa ngài Thỏ Đé. Bằng cảnh sát chăng? Coi nào, một nửa số cảnh sát ăn lương của chúng ta, nửa kia thì sợ chúng ta như sợ cọp. Bằng tòa án chăng? Chúng ta đã thử nhiều lần rồi đó, hỏi có đi đến đâu không?

Môn huynh Mô-rit đáp lại:

- Có một quan tòa tên là Lynch ⁽¹⁾ có thể tuyên án.

- Tôi chỉ cần giơ một ngón tay lên, là có thể đưa về đây hai trăm người để dọn sạch thành phố này từ đầu đến cuối - Ganh-ty nói.

Rồi bỗng ông ta chồm người về phía trước, vàng trán nhìn lại một cách dữ tợn, nói dần từng tiếng:

- Nghe đây, môn huynh Mô-rit, tôi theo dõi anh từ lâu rồi. Bản thân anh không có một chút can đảm nào, nhưng anh

1. Lynch: luật công chúng tự ý gia hình cho tội nhân...

lại cứ cố gắng phá hoại lòng can đảm ở người khác. Môn huynh Mô-rit, khi nào mà tên anh được ghi trên chương trình nghị sự, thì ngày ấy sẽ là một ngày không tốt cho anh.

Mô-rit mặt nhợt nhạt, ngã ngồi xuống ghế, hai đầu gối nhũn ra như bông. Ông chia một bàn tay run rẩy ra cầm lấy ly rượu uống cạn một hơi trước khi trả lời.

- Thưa thầy tôn kính, tôi xin thầy thứ lỗi cho. Tôi xin tất cả các môn huynh thứ lỗi cho, nếu như tôi đã quá lời. Tôi là một hội viên trung thành và trung thực, tất cả các môn huynh đều biết chính vì sợ một biến cố có thể xảy ra, nên tôi mới phải phát biểu ý kiến như vậy. Nhưng tôi tin tưởng ở sự phán xét sáng suốt của thầy tôn kính hơn là tin tưởng ở sự nhận thức của tôi... Tôi xin hứa là từ giờ trở đi, tôi sẽ không bao giờ dám làm phật ý thầy nữa.

Những nếp nhăn trên trán của ngài trưởng toán dần ra.

- Được rồi, môn huynh Mô-rit, tôi sẽ buồn nếu phải giảng cho anh một bài học, nhưng chừng nào mà tôi còn giữ chức vụ, thì chúng ta sẽ giữ vững sự thống nhất trong chi nhánh về lời nói và việc làm. Và bây giờ, hồi các chàng trai...

Ông trưởng toán nhìn một vòng khắp mặt những người đứng chung quanh.

- Nếu Giêm lãnh đủ những gì mà hắn đáng phải nhận, thì chúng ta sẽ bị phiền nhiễu. Những thành nhà báo kết với nhau lắm đấy. Nếu Giêm bị hạ, tất cả các báo chí ở Hoa Kỳ sẽ đòi hỏi cảnh sát và quân đội can thiệp. Vậy các anh chỉ nên cho hắn một lời cảnh cáo nghiêm khắc mà thôi. Môn huynh Ted, anh có thể gánh vác việc này được không?

- Dĩ nhiên là được ạ. - Ted phấn khởi trả lời.

- Anh cần bao nhiêu người?

- Độ sáu người. Thêm hai nữa để giữ cửa.

- Tôi đã hứa để cho vị môn huynh mới của chúng ta được tham dự vào trận ra quân này. - Ganh-ty nói.

Ted nhìn Móc-dô với một cặp mắt chứng tỏ hẳn chưa tha thứ một tí gì. Hắn trả lời bằng một giọng chua như giấm:

- Thì để anh ta đi. Công việc làm xong sớm chừng nào, hay chừng ấy.

Hội nghị chia tay nhau giữa những tiếng la, hét và những bài hát say rượu. Quầy rượu bên ngoài vẫn còn đông khách, nhiều môn huynh cũng sà vào đó. Toán đi làm nhiệm vụ thì chia nhỏ ra. Bên ngoài rét lắm. Một mảnh trăng lưỡi liềm le lói trên bầu trời giá buốt và đầy sao. Các chàng trai tụ tập trong một mảnh sân đối diện với một tòa nhà lớn, giữa hai cửa sổ sáng choang có khắc hàng chữ vàng "Tuần báo Vermissa". Bên trong các máy in đang chạy đều đều.

Ted xẵng giọng hỏi Móc-dô:

- Anh kia, đứng đấy. Anh sẽ ở dưới này canh cửa và giữ đường thông suốt lúc chúng tôi ra. Còn những người khác theo tôi. Đừng sợ gì cả.

Móc-dô cùng một người khác đứng dưới nhà. Họ nghe thấy ở tầng lầu một những tiếng thét, tiếng kêu cứu, tiếng chân người chạy và tiếng đập phá đồ đạc. Một lát sau, một người tóc hoa râm chạy ra cầu thang. Nhưng chưa chạy xa được, thì đã bị túm lại, và cặp kính rơi xuống chân Móc-dô. Một tiếng người té ngã, tiếp theo là những tiếng rên rĩ. Người đó nằm sấp, mặt úp xuống. Sáu cây gậy cùng một lúc đánh tới tấp xuống đất. Đánh chán một lúc sau, chúng mới ngừng tay, Ted vẫn ra sức đánh vào đầu nạn nhân. Máu đã chảy ra loang lổ cả vùng tóc bạc. Ted cúi xuống định đánh một đòn cuối cùng. Móc-dô nhảy bổ lên gác, gạt nó ra.

- Mày định giết ông ta à. Thôi!

- Cút mẹ mày đi, mày làm gì thế này, lùi ra.

Nó giơ cao cây gậy lên. Nhưng Móc-dô đã rút súng, hét lên:

- Nếu mày động đến tao, tao bắn bể đầu mày ngay. Lúc này ông trưởng toán đã ra lệnh là không được giết ông Giem.

Một đứa trong bọn chúng tán thành:

- Anh ấy nói đúng đó.

Người đứng gác dưới nhà gọi vọng lên:

- Thôi nhanh lên. Các anh muốn cả thành phố xông ra hay sao.

Đúng là lúc ấy ở ngoài đường đã nghe thấy nhiều tiếng người kêu gọi nhốn nháo. Bọn lưu manh chạy vội xuống và tẩu thoát ra lối cửa. Khi chúng về đến hội quán thì một vài đứa lẫn ngay vào đám khách và thì thào vào tai Ganh-ty. Những đứa khác, trong số đó có Móc-dô thì tản ra trong các ngõ hẻm để về nhà.

4. THUNG LŨNG KHỦNG KHIẾP

Sáng hôm sau, khi tỉnh dậy, Móc-dô thấy đầu nhức như búa bổ. Cánh tay phải nơi dấu ấn sắt nung đỏ in vào bị cháy bỏng và sưng phồng lên, anh ăn điếm tâm rất trễ và không ra khỏi nhà. Rồi anh đọc lướt qua tờ Herald. Trong mục tin giờ chót "Tòa soạn báo Herald, bị tấn công. Chủ bút bị thương nặng". Theo sau là một bài tường thuật ngắn về những sự việc mà anh biết rõ hơn ai hết. Bài báo kết thúc như sau:

"Sự việc hiện nay đang được cảnh sát tra xét. Nhưng người ta cũng không thể hy vọng có kết quả gì hơn những vụ trước đây. Một số những tên côn đồ không phải là những người xa lạ. Chúng phải được kết tội. Những bạn hữu rất đông đảo của Giem sẽ hết sức vui mừng khi nghe tin, tính mạng của ông không bị đe dọa"

Dưới bài báo, một mục tin nhỏ thông báo một đội canh gác của cảnh sát vùng mỏ, được vũ trang bằng súng, từ nay sẽ bảo vệ tòa soạn.

Móc-dô ném tờ báo xuống và đang đưa một bàn tay lên đốt thuốc, thì có tiếng gõ cửa.

Bà chủ trọ vào đưa cho anh một bức thư mà một đứa nhỏ vừa cầm đến. Thư không ký tên, viết như sau:

"Tôi muốn nói chuyện với ông, nhưng nói ở bên ngoài nhà ông. Ông có thể gặp tôi ở cạnh cột cờ trên đồi Miller. Nếu ông đến ngay bây giờ, tôi sẽ nói cho ông hay một điều quan trọng đối với ông và đối với tôi".

Móc-dô đọc đi đọc lại bức thư và không thể đoán được ai là tác giả. Anh chần chừ suy nghĩ rồi quyết định phải làm cho sáng tỏ vấn đề.

Đồi Miller là một công viên ở ngay trung tâm thành phố. Mùa hè có đông người dạo chơi, nhưng mùa đông thì vắng ngắt. Đứng trên đồi, người ta nhìn thấy không những cả thành phố mà cả vùng thung lũng nữa. Móc-dô đi theo con đường dẫn lên một quán ăn, bên cạnh quán có một cột cờ, và dưới chân cột cờ là một người đàn ông mũ đội sụp xuống tận mắt, cổ áo khoác bẻ cao lên. Khi người này quay lại, Móc-dô nhận ra môn huynh Mô-rit. Hai người trao đổi với nhau nghi thức của Hội.

Ông già ngập ngừng nói như người đang dò dẫm đi lần từng bước.

- Tôi xin cảm ơn ông đã đến.

- Tại sao ông không ký tên dưới bức thư.

- Thưa ông. Trong cái thời buổi này, không ai biết trước được hậu quả của bất cứ một việc gì. Mà cũng không biết có thể tin cậy được vào ai.

- Dù sao cũng có thể tin cậy được ở các môn huynh trong cùng một chi nhánh chứ.

- Không. Không thể tin được. Dù chúng ta có nói gì, thì tất cả đều đến tai của Ganh-ty cả.

Móc-dô nói một cách trang nghiêm:

- Tối hôm qua, tôi thề trung thành với ngài toán trưởng. Mà hôm nay ông lại đòi hỏi tôi phản bội lời thề đó hay sao?

Mô-rit buồn rầu nói thều thào:

- Nếu ông nhìn sự việc như vậy, thì thôi, tôi rất tiếc đã quấy rầy ông. Tình hình đã đi đến chỗ tôi tệ đến nỗi hai Người Tự Do không giám trao đổi những ý nghĩ của mình với nhau nữa. Móc-đô cảm thấy bất căng thẳng hơn.

- Tôi là người mới tới đây, tôi không hay biết gì hết, nếu ông tin rằng việc ông định nói với tôi là có ích lợi thì tôi đến đây chính là để nghe ông.

Mô-rit cay đắng tiếp theo:

- Để rồi mách lại tất cả với Ganh-ty.

Nhưng Móc-đô vội nói ngay:

- Ông đánh giá tôi không đúng. Tôi trung thành với chi nhánh Hội. Tôi đã nói dứt khoát với ông như vậy, nhưng tôi sẽ là một thành phần nạn nếu tôi đi kể lại với một người nào khác những điều ông tâm sự với tôi, nhưng ông chớ có chờ mong ở tôi một sự giúp đỡ hay cảm tình.

- Tối hôm qua tôi có cảm tưởng là ông đang cố rập theo khuôn mẫu của những tên tệ hại nhất trong cái băng này. Dù ông có xấu đến đâu đi nữa, thì ông cũng vẫn là một hội viên mới, lương tâm của ông chưa bị đánh cứng lại. Vì vậy mà tôi muốn nói chuyện với ông.

- Ông định nói gì với tôi?

- Khi ông gia nhập Hội ở Chicago, và khi ông tuyên thệ giữ lòng nhân ái, trung thành thì có bao giờ ông nghĩ rằng điều đó sẽ dẫn ông đến tội ác không.

- Hãy giả thiết đó là một tội ác.

Mô-rit la lên, giọng nói xúc động.

- Hãy giả thiết à? ... Mới tối hôm qua đây thôi, đánh một người già bằng tuổi bố tôi, như thế có phải là tội ác không? Nếu ông cho rằng đó không phải là tội ác, thì là cái gì vậy?

- Có người nói đó là chiến tranh. Chiến tranh giữa hai giai cấp. Một cuộc chiến tranh tốc lực, không khoan nhượng.

- Thế khi ông xin gia nhập Hội những Người Tự Do ở Chicago, lúc đó ông có nghĩ đến cuộc chiến tranh ấy không.

- Không, lúc đó tôi không nghĩ như thế.

- Tôi cũng vậy, khi tôi gia nhập Hội ở Philadelphia, Hội chỉ đơn giản là một hội ái hữu tương tế, một nơi đến để gặp gỡ bạn bè. Rồi tôi nghe nói đến vùng này. Tôi dọn đến đây với dự tính cải thiện hoàn cảnh của tôi. Vợ tôi và ba con tôi cũng theo tôi. Tôi mở một cửa hàng bán vải ở phố chợ và phát đạt lên. Rồi người ta biết tôi là một hội viên Hội những Người Tự Do, thế là tôi bắt buộc phải gia nhập vào chi nhánh ở địa phương. Tôi cũng có cái dấu hiệu ô nhục này trên cánh tay, và một cái gì còn tệ hại hơn nữa in bằng sắt nung đỏ vào tim. Tôi có thể làm gì được? Tất cả những gì tôi nói ra để hòng sửa chữa tình trạng này, đều bị coi như một sự phản bội. Tôi không thể chạy trốn đi khỏi nơi này: Tất cả của cải của tôi là nằm trong cửa hàng. Nếu tôi xin ra khỏi Hội, thì đó là tự ký vào bản án tử hình, rồi còn vợ và các con tôi.

Mô-rít úp mặt vào hai bàn tay và cả người đều run lên trong những tiếng khóc nức nở.

- Ông quá mềm yếu đối với trò chơi này. Hoàn toàn không phải loại người thích hợp...

- Trước đây tôi có một lương tâm và một tôn giáo. Chúng đã biến tôi thành một tên tội phạm, tôi đã bị chỉ định vào một vụ án mạng. Nếu tôi từ chối, tôi biết cái gì sẽ chờ đợi tôi. Tôi đã tham gia vào vụ án đó. Đó là một căn nhà hẻo lánh, ở cách đây ba mươi cây số, ở bên kia núi. Chúng cũng đặt tôi ngoài cửa như ông đêm hôm qua. Và khi chúng trở ra, thì tay chúng đầy máu. Chúng tôi bỏ đi, nhưng đằng sau tôi có một đứa trẻ la hét: đó là một đứa bé trai, khoảng lên năm, vừa chứng kiến bố nó bị giết ngay trước mắt nó. Tôi muốn ngắt đi vì khủng khiếp, nhưng tôi vẫn giữ nụ cười trên môi, vì nếu không thì

lần sau, chúng từ nhà tôi trở ra với các bàn tay đầy máu. Khi biết tôi là một hội viên, vị thầy tu không muốn nghe tôi nói nữa. Tôi bị rút phép thông công. Đó là tình trạng của tôi bây giờ. Thế mà tôi thấy cũng đang trượt xuống cái dốc đó. Ông có sẵn sàng trở thành một tên giết người như chúng không, hay chúng ta có thể làm được một cái gì để ngăn chặn chúng nó lại.

- Thế ông định tố cáo chàng?

- Ai mà giám làm một việc như vậy. Chỉ nghĩ trong đầu thôi cũng đã đủ mất mạng rồi.

- Được. Tôi thấy ông nghĩ ngợi quá nhiều.

- Ông hãy nhìn cái thung lũng này. Ông có thấy những đám mây toả ra từ hàng trăm ống khói đang bao phủ lên nó không? Những đám mây tội ác còn nặng nề gấp hàng trăm lần: đang bao phủ trên những người dân. Đây là thung lũng của sự khủng khiếp.

Móc-đô trả lời một cách rất thân nhiên:

- Thôi được, để khi nào tôi thấy nhiều hơn, tôi sẽ nói cho ông biết tôi nghĩ gì? Nhưng có một điều chắc chắn là ông nên dẹp cái cửa hàng của ông đi, càng sớm càng tốt. Những điều ông nói với tôi, chỉ hai người, tôi với ông biết mà thôi. Nhưng, nếu tôi nghĩ rằng ông là một người chỉ điểm...

- Không!

- Thế thì thôi, ta ngừng lại ở đây. Tôi tin rằng ông đã nói với tôi vì có ý tốt. Bây giờ, tôi đi về đây.

- Xin ông cho tôi nói với ông một điều nữa trước khi ông về. Rất có thể là có người trông thấy chúng ta đứng đây, và người ta muốn biết chúng ta đã nói gì với nhau.

- Ồ! Đúng.

- Ông sẽ nói rằng tôi muốn mời ông vào làm công trong cửa hàng của tôi.

- Và tôi đã từ chối. Thôi môn huynh Mô-rít, thế nhé, một ngày khác ta lại gặp nhau.

Buổi chiều hôm đó, trong lúc Móc-đô đang ngồi hút thuốc và tư lự bên cạnh lò sưởi thì cửa mở, và trong khung cửa hiện lên cái bóng to tướng của Ganh-ty. Hắn làm dấu hiệu chào của Hội rồi đến ngồi trước mặt Móc-đô và nhìn anh trân trân không chớp mắt. Cái nhìn đó đã được đáp lại bởi một cái nhìn cũng không kém cường độ.

Một lát sau, Ganh-ty mới nói:

- Tôi đến đây, không phải là để thăm anh, mà để xác định với anh một việc.

Móc-đô tỏ vẻ rất hân hoan về việc tới thăm bất ngờ này. Anh đứng dậy, ra mở tủ lấy một chai rượu.

- Thưa ông Hội đồng, tôi vui mừng được đón tiếp ông. Tôi không ngờ lại có vinh dự này.

- Cái tay thế nào?

Móc-đô nhìn mặt:

- Tôi sẽ không thể nào quên được. Những việc đó đáng ghi nhớ lắm.

- Đúng. Thật đáng ghi nhớ đối với những người trung thành, những người hết lòng với Hội. Sáng nay anh nói gì với Mô-rit.

Câu hỏi đã được đặt ra một cách hết sức đột ngột cho nên phải trả lời ngay. Móc-đô phá lên cười ngặt nghẽo:

- Mô-rit không biết rằng tôi có thể làm ăn ở đây, ngay trong nhà này thôi. Mà cũng không nên để cho hắn biết, vì tôi thấy hắn thắc mắc nhiều quá. Nhưng hắn là một lão già tốt bụng. Hắn tưởng tôi không có công ăn việc làm, nên muốn mời tôi về làm công trong cửa hàng bán vải.

- Ồ. Ra thế đấy.

- Vâng.

- Thế ra anh đã từ chối chứ.

- Dĩ nhiên. Tôi có thể kiếm được 10 lần hơn thế với 4 giờ làm việc.

- Đúng thế. Nhưng tôi là anh, tôi sẽ không đi lại với Mô-rit.

- Sao thế?

- Bởi vì tôi bảo anh là không nên đến, giải thích thế là đủ rồi.

- Có lẽ đối với phần đông những người khác thì đủ đấy, nhưng đối với tôi thì chưa đủ đâu. Nếu ông là một người biết người biết của, thì ông phải hiểu điều đó.

Ganh-ty như nhìn đống đinh vào mặt Móc-đô, bàn tay hấn bóp chặt ly rượu. Nhưng rồi hấn lại bật cười.

- Đúng, anh không phải là một loại người bình thường. Anh muốn biết lý do tại sao không nên đi lại với Mô-rit phải không? Được. Thế Mô-rit có nói gì chống lại chi Hội không?

- Không.

- Có nói gì chống lại tôi không?

- Không.

- À. Vậy là hấn không tin anh, hấn không phải là một người trung thành. Chúng tôi biết rõ hấn, và vẫn theo dõi hấn để chờ lúc nào đó sẽ cho hấn một bài học xứng đáng. Trong đàn cừ, không thể để một con cừ ghẻ lở như vậy được. Nếu anh đi lại với một tên phản bội, thì chúng tôi có thể nghĩ rằng anh cũng là một tên phản bội. Anh thấy không?

- Tôi không thể nào gắn bó với hấn được, vì tôi không thích loại người như hấn. Còn cái chữ phản bội ông vừa gắn cho tôi nếu một người khác nói như vậy thì anh ta sẽ không đến một lần thứ hai nữa đâu.

Ganh-ty uống cạn ly rượu:

- Đủ rồi đó. Tôi đến để cho anh một lời khuyên. Anh đã nghe lời khuyên đó rồi. Thế là xong.

- Tôi muốn biết, ông làm cách nào mà biết được rằng tôi đã nói chuyện với Mô-rit.

Ganh-ty mỉm cười:

- Đừng bao giờ quên rằng, cuối cùng rồi tôi cũng sẽ biết tất cả mọi việc. Thôi, đến giờ rồi, và ...

Vừa lúc Ganh-ty đứng lên định đi, thì hai cánh cửa bị đẩy mạnh, bật tung ra, và ba cái đầu đội mũ lưỡi trai của cảnh sát, chăm chăm nhìn hai người. Móc-đô vùng đứng dậy, định rút súng ra, nhưng hai khẩu súng đã chia thẳng vào anh. Anh thả tay xuống. Một người mặc bình phục bước vào.

Đại úy Ma-vin ngúc ngắc cái đầu và mỉm cười nhìn Móc-đô.

- Tôi vẫn nghĩ rằng thế nào rồi ngài cũng giở trò mà! Ngài lưu manh Móc-đô. Thôi lấy mũ đội vào, rồi đi theo tôi.

Ganh-ty can thiệp:

- Đại úy sẽ phải trả giá đắt về cái trò bông đùa này. Sao ông dám tự tiện xông vào nhà người ta để dọa nạt những người lương thiện.

- Ông Hội đồng, ông không dính gì đến chuyện này. Chúng tôi chỉ có chuyện đối với tên Móc-đô này thôi.

- Đây là một người bạn của tôi, và tôi bảo lãnh cho anh ta về những hành vi của anh.

- Theo tất cả những điều người ta nói về ông, thì rồi một ngày nào đó, chính ông, ông cũng sẽ phải trả lời trước pháp luật ... Tên này là một tên lưu manh trước khi đến đây. Hiện nay nó cũng vẫn là một thằng lưu manh. Thượng sĩ, hãy nhắm súng vào nó, trong khi tôi tước vũ khí của nó.

Móc-đô lạnh lùng nói:

- Đây, súng của tôi đây.

- Trát bắt người của ông đâu? Tôi xin thề là ông sẽ biết tay tôi. Ganh-ty đe dọa.

- Ông cứ hành động.

- Tôi bị buộc tội gì? - Móc-đô hỏi.

- Dính liú vào vụ hành hung ở tòa soạn báo Herald.

Ganh-ty vừa cười vừa nói:

- Người này tối hôm qua ở trong quán rượu của tôi. Anh ta đánh bài mãi đến nửa đêm mới ra về. Tôi có cả tá những người làm chứng có thể xác nhận việc này.

- Đó là việc của ông. Ngày mai ông sẽ trình bày trước tòa Móc-đô, di thời.

Ganh-ty cố thu xếp để nói riêng với Móc-đô mấy câu trước khi anh bị dẫn đi.

- Thế còn cái?...

Ganh-ty giơ một ngón tay lên để ám chỉ cái máy đập đô-la. Móc-đô đã giấu kỹ nó dưới sàn nhà nên trả lời:

- Yên trí.

- Chúng ta sẽ sớm gặp lại nhau thôi. Tôi đi tìm thầy còi. Chúng sẽ không giữ được anh lâu đâu.

Đại úy Ma-vin xen vào:

- Thượng sĩ, ông hãy canh gác kỹ tên tù này, và cho phép ông bắn bỏ nếu nó định giở trò gì ra, tôi đi khám buồng của nó.

Người sĩ quan không tìm thấy cái máy làm bạc giả. Khi ở trên lầu xuống, anh ra lệnh dẫn Móc-đô về đồn. Trời đã tối, gió thổi lạnh lẽo, đường sá vắng tanh. Chỉ có một vài người hiếu sự đi theo, và được bóng tối làm cho bạo胆 hơn, đã vắng tục chửi thề tên tù đang bị dẫn đi.

- Hãy đánh chết cái thằng "Tiên Phong" này đi! Đánh chết đi!

Họ cười đùa và nói khôi hài khi thấy cả đám bước vào trong đồn cảnh sát. Sau khi bị hỏi cung chiểu lệ, Móc-đô bị dẫn tới một phòng giam. Anh gặp lại ở đây tên Ted và ba tên tội phạm khác.

Nhưng ngay ở trong bức thành trì của luật pháp này, bàn tay dài ngoằng của những Người Tự Do cũng vẫn vươn tới

được, một người cai ngục mang rơm vào để chúng rải xuống sàn ngủ cho ấm. Chúng moi từ bó rơm ra hai chai rượu, mấy cái ly và một cỗ bài. Chúng đã qua một đêm vui vẻ, không cảm thấy có một chút nào lo sợ đối với vụ xử án ngày hôm sau.

Tại tòa, trước những chứng cứ đưa ra, vị quan tòa đành chịu không thể tuyên án. Những người thợ nhà in công nhận rằng ánh sáng lúc đó nhấp nhem. Bản thân họ cũng không được tỉnh trí, nên họ ở trong tình trạng rất khó nói dứt khoát về nhận dạng của những tên côn đồ... Đến khi họ bị ông luật sư hỏi vặn lại, thì họ lại càng ấp úng hơn nữa. Nạn nhân cũng đã khai rằng ông ta bị tấn công quá đột ngột nên không thể xác định được một điều gì ngoài việc thấy tên đánh đầu tiên vào ông có một bộ râu mép. Ông nói thêm rằng bọn chúng chỉ là "Những Người Tiên Phong" thôi, vì ông ta không có ai khác là kẻ thù trong thành phố.

Mặt khác, những lời làm chứng quá quyết của sáu công dân, trong số đó có Ganh-ty đã chứng minh rằng những người bị buộc tội ở đây đã đánh bài tại Hội quán đến tận một thời điểm sau vụ hành hung rất nhiều.

Chúng đã được tha bổng. Đại úy Ma-vin và ngành cảnh sát bị khiển trách.

5. GIỜ ĐEN TỐI NHẤT

Sau phiên tòa, Móc-dô càng nổi tiếng hơn. Những huynh trưởng trong chi nhánh bảo nhau: "Không ai có thể thay thế anh ta được khi có những vụ gay go". Ganh-ty cũng công nhận rằng Móc-dô là cánh tay đắc lực nhất. Hắn có cảm giác là đang nắm ở đầu dây một con chó săn cực kỳ hung ác. Tất nhiên để làm những việc lật vật thì hắn không thiếu những con

chó-con, nhưng nhìn xa trông rộng, hắn đã thấy được cái ngày mà hắn phải xua con chó dữ tợn này vào một con môi xứng đáng với nó kia. Một vài môn huynh trong chi Hội, trong đó có Ted đã đem lòng căm hờn, nhưng thâm lặng trong bụng thôi.

Nếu Móc-đô đã chiếm được cảm tình của các bạn hữu, thì ở một hơi khác, anh lại mất hết. Bố của cô Ettie không muốn trông mặt anh nữa, và cũng không cho anh bước chân vào nhà nữa. Ettie thì không từ bỏ anh được. Nhưng cô cũng tỉnh táo suy nghĩ về những hậu quả của một cuộc hôn nhân với một kẻ bị mọi người coi như một tên tội phạm. Một buổi sáng, cô quyết định đi tìm gặp anh ta, cố gắng kéo anh ta ra khỏi những ảnh hưởng độc hại đang hút anh ta xuống vực thẳm.

Móc-đô đang ngồi trước bàn, quay lưng ra ngoài, trước mặt có một bức thư. Một ý nghĩ tinh nghịch thoáng qua đầu óc cô bé 19 tuổi này. Anh không nghe thấy cô mở cửa, nên cô nhón gót yên lặng đi đến sau lưng, nhẹ nhàng đặt hai tay lên vai anh.

Anh ta nháy chồm lên như một con hổ, tay phải thì nắm lấy cổ cô, tay kia thì vò nát bức thư để trước mặt. Lúc đó anh mới kịp nhìn ra cô. Thế là sự ngạc nhiên và niềm vui tràn ngập đến thay sự hung bạo. Nhưng, sự hung bạo đã làm cô khiếp đảm phải lùi mãi đến bức tường phía sau lưng.

Móc-đô vừa lau mồ hôi trán vừa nói:

- Em đây à, lại đây, em yêu...

Móc-đô giang rộng hai tay ra phía trước.

- Anh phải đên em.

Ettie vẫn còn bàng hoàng vì nét mặt của Móc-đô mà cô vừa phát hiện: Tất cả linh tính của phụ nữ đã mách bảo cho cô biết rằng đó không phải là sự sợ hãi bình thường của một người bị bắt chột bất ngờ. Không, rõ ràng là sự sợ hãi của một người có tội. Cô la lên:

- Anh làm sao thế. Tại sao anh lại sợ em đến như vậy.
- Anh đang mãi suy nghĩ về hàng trăm việc, thì em đến nhẹ nhàng quá, như những bước chân của một nàng tiên.,
- Không. Có cái gì hơn thế nữa kia.

Một thoáng nghi ngờ xuyên qua tâm trí cô.

- Hãy đưa cho em đọc cái thư anh đang viết đó.
- Anh không thể đưa em đọc được.
- Anh viết thư cho một người đàn bà khác rồi. Nếu không, tại sao anh lại không đưa cho em coi.
- Anh chưa có vợ, anh thề trên thánh giá.
- Thế tại sao anh không cho em coi thư.
- Anh đã có lời thề với những người khác là sẽ không cho ai đọc bức thư đó, anh cũng không muốn phản bội những người đã tin anh, như anh không muốn phản bội em. Đây là một công việc của chi nhánh Hội, một công việc bí mật, ngay cả đối với em nữa. Và anh hoảng sợ tưởng đó là bàn tay của cảnh sát...

Ettie tin lời Móc-đô. Những chiếc hôn nồng cháy của anh đã xóa sạch hết sợ hãi và nghi ngờ.

- Em hãy đến ngồi bên cạnh anh. Đây là một cái ngại vàng thật không xứng đáng với một nữ hoàng như em.

- Làm sao có thể yên tâm được khi biết rằng anh đã nhập bọn với một lũ tội phạm.

- Hãy tin rằng anh không đến nỗi xấu xa như em tưởng đâu. Bọn anh chỉ là những người đáng thương đang cố sức, theo cách riêng của mình, bắt người khác phải tôn trọng những quyền lợi của mình.

Ettie quàng hai tay vào cổ người yêu:

- Hãy bỏ hết đi anh! Vì tình yêu, hãy bỏ hết đi!

Móc-đô ôm chặt cô vào lòng.

- Làm sao anh có thể bỏ được, vì như thế là anh sẽ phản bội, và bỏ rơi bạn hữu. Mà dù bây giờ anh có muốn bỏ nữa

cũng không thể được. Không bao giờ chi nhánh Hội lại để cho một hội viên rời bỏ mang theo tất cả những bí mật của Hội.

- Em đã lo trước tất cả rồi. Ba có một ít tiền để dành. Ba cũng ngán nơi này lắm rồi. Em sẵn sàng đi nơi khác. Ở đó, chúng ta sẽ được an toàn.

Móc-dô bật cười:

- Chi nhánh Hội có cánh tay dài lắm. Em tưởng bọn chúng không thể với tay từ đây tới Philadelphia hay Nữ-ước sao?

- Thì chúng ta đi về miền Tây, đi sang Anh Cát Lợi, sang Thụy Điển; đi bất kỳ đâu cũng được, miễn là ra khỏi cái *Thung lũng khủng khiếp* này.

Móc-dô chợt nghĩ đến môn huynh Mô-rit.

- Đây là lần thứ hai anh nghe nói đến cái tên *Thung lũng khủng khiếp* đó.

- Anh tưởng rằng Ted đã tha chúng ta à? Nếu nó không sợ anh, thì nó đã tiêu diệt chúng ta rồi. Mỗi lần gặp nó, chỉ cần nhìn đôi mắt hổ đói của nó, em phát run lên.

- Nếu mà anh bắt được những lúc đó, anh sẽ dạy cho nó biết lễ phép. Nhưng em gái bé bỏng. Anh không thể đi khỏi nơi đây được. Nhưng anh sẽ tìm cách thoát khỏi những sự việc này một cách có danh dự.

- Không có danh dự trong một việc như thế này đâu.

- Trong vòng sáu tháng, anh sẽ tìm cách đi khỏi nơi đây mà không phải xấu hổ khi nhìn mặt người khác.

- Sáu tháng à, chắc chắn nhé.

- Có thể là bảy, tám tháng, nhưng tối đa, là trước một năm.

Ettie không thể đòi hỏi thêm được. Cô ra về. Kể từ khi Móc-dô xâm nhập vào đời cô, chưa bao giờ cô thấy trong lòng vui vẻ, nhẹ nhàng như hôm nay.

Móc-dô tưởng rằng khi mình đã là một hội viên thực thụ, thì anh có thể biết được tất cả những hoạt động của Hội, nhưng chẳng bao lâu sau, anh khám phá ra rằng tổ chức này, rộng lớn và phức tạp hơn một chi nhánh rất nhiều. Chính Ganh-ty cũng có nhiều chuyện không biết, vì có một vị chức sắc cao cấp hơn gọi là uỷ nhiệm vùng đóng ở phía dưới đường xe lửa, có toàn quyền đối với nhiều chi nhánh.

Móc-dô có gặp hấn một lần. Trông hấn như một con chuột chù, dáng đi thì thậm thà thậm thụt, đôi mắt gian xảo chuyên nhìn ngang. Tên hấn là Ê-van.

Một hôm Can-lân, người bạn cùng trọ với Móc-dô, nhận được mấy chữ của Ganh-ty kèm theo một lá thư của Ê-van. Ông "đại vương" báo cho Ganh-ty biết rằng ông ta phải đến Vermissa hai người tên là Lâu-la và An-đe, với đầy đủ chỉ thị để hoạt động trong vùng. Và ông toán trưởng phải chịu trách nhiệm bố trí cho hai người đó được ăn, ở chu đáo cho đến giờ hành sự. Ganh-ty viết thêm cho Can-lân là ông sẽ biết ơn Can-lân và Móc-dô nếu hai vị này thu xếp để cho họ tới nhà trọ của bà quả phụ Namara.

Họ đến ngay chiều hôm đó, mỗi người mang theo một cái bọc. Lâu-la là một người đứng tuổi, nét mặt khắc khổ, ít nói và dè dặt, có dáng của một tay đi giảng đạo rong. An-đe thì giống như một đứa trẻ mới lớn lên, mặt mũi cười mở, vui vẻ, không khác gì một cậu học sinh đi nghỉ hè. Cả hai chỉ uống nước lã, nhưng đều là những tên giết người có hạng. Lâu-la đã thực hiện mười bảy vụ, An-đe ba vụ.

Chúng kể lại những thành tích cũ của chúng với một thứ kiêu hãnh giống như những người đã làm được nhiều việc tốt đẹp cho tập thể. Nhưng khi hỏi đến công việc chúng sắp làm, thì chúng lại tỏ ra kín đáo.

- Chúng tôi đã được chọn đi, vì cả tôi lẫn thằng bé không ai biết uống rượu, vì thế chúng tôi sẽ không lỡ mồm lỡ miệng. Vậy các anh đừng giận chúng tôi, đó là vì phải tuân theo lệnh của ngài uỷ nhiệm vùng. - Lâu-la giải thích.

- Dĩ nhiên rồi.

Móc-đô vừa chửi thề vừa nói:

- Ở trong vùng này có gần nửa tá những đứa mà tôi sẵn sàng muốn cho đi mò giun. Không biết có phải thằng Jack là mục tiêu của các anh không? Tôi muốn trả giá rất đắt để được thấy nó lãnh đủ những gì mà nó đáng được nhận.

- Không. Không phải nó đâu.

- Hay là thằng Hốc-man.

- Cũng không phải nó.

- Ồ thôi, chúng tôi không thể bắt buộc các anh nói được.

Nhưng mà đối với tôi nó ngứa ngáy chân tay thế nào ấy.

Một buổi sáng, còn sớm lắm, Móc-đô nghe thấy hai thằng nhón gót bước nhẹ xuống cầu thang, anh vội đánh thức Can-lân dậy và hai người nhanh chóng mặc áo. Khi họ xuống đến dưới nhà thì thấy cửa mở và hai thằng đi trước họ không xa. Họ liền thận trọng bước theo.

Nhà trọ ở vùng gần ven thành phố, đi một lát thì đến một ngã tư ở giữa nông thôn. Có ba người đã chờ sẵn ở đó. Lâu-lạ và An-đê đứng nói chuyện với chúng một lát, rồi cả bọn lại kéo nhau đi. Từ ở chỗ đó có nhiều con đường dẫn đến những mỏ khác nhau. Bọn chúng đi vào con đường dẫn đến đồi Crow là một cái mỏ lớn của Jô-si, người xứ Tân Anh Cát Lợi.

Bây giờ trời đã sáng rõ. Thợ thuyền đang vội vã đi làm, hoặc đi lẻ tẻ hoặc nhập lại thành từng nhóm. Móc-đô và Can-lân đi lẫn vào với họ. Sương mù dày đặc bao phủ tất cả. Một hồi còi xé tan bầu không khí: Đó là hiệu lệnh mười phút trước khi những thang máy đưa thợ xuống hầm mỏ.

Khi họ đến khoảng trống trước miệng giếng xuống mỏ thì ở đó có khoảng một trăm thợ mỏ đang đứng đợi, vừa đập chân vừa thổi các ngón tay cho đỡ rét. Bọn hung thủ đứng tùm lại trong bóng tối của nhà máy. Can-lân và Móc-đô trèo lên một đống xỉ than để có thể nhìn rõ quang cảnh. Họ nhận ra kỹ

sư mỏ tên là Men-dai, từ trong nhà máy đi ra thối một tiếng còi để ra lệnh cho thang máy xuống hầm. Vừa lúc đó, một người trẻ tuổi, cao lêu nghêu, tiến lại gần miệng giếng. Anh ta trông thấy đám người im lặng cạnh nhà máy, mũ đội sụp xuống thấp, cổ áo thì kéo lên che kín cả mặt. Anh ta hướng về những người lạ mặt khả nghi và lớn tiếng hỏi: - Các anh là ai? Tại sao lại vào đây làm gì?

Không có tiếng trả lời. Chỉ có thằng An-đe tiến lên một bước và bắn một phát vào bụng người đó. Cả trăm người thợ như vừa bị tê liệt hẳn. Người giám đốc mỏ ấn hai tay vào vết thương ở bụng và gập đôi người lại, chuệch choạng định chạy đi, nhưng một phát đạn nữa đã làm anh ta ngã nghiêng xuống, tay chân quờ quạng trên mặt đất. Kỹ sư Men-dai hét lên một tiếng, tay cầm mỏ lết xông vào, nhưng anh cũng lãnh hai viên đạn và chết ngay dưới chân chúng. Lúc đó đám đông thợ mỏ mới rùng rùng lên như một cơn sóng. Một vài người xông về phía bọn sát nhân. Nhưng hai khẩu súng bắn chỉ thiên như trút đạn phía trên đầu họ. Thế là mọi người đứng sững lại, rồi lùi dần và bắt đầu tản ra. Một số chạy thẳng hẳn về nhà. Khi những người đứng cầm nhất tập hợp lại được và chạy tới nhà máy, thì bọn sát nhân đã biến mất trong đám sương mù.

Can-lân và Móc-đô trở về nhà trọ. Can-lân có vẻ buồn rầu, Móc-đô im lặng suy nghĩ.

Tối hôm đó có một buổi ăn mừng lớn ở chi nhánh Hội. Không những ăn mừng vụ ám sát người giám đốc và người kỹ sư mỏ ở đồi Crow, mà còn để ăn mừng một thắng lợi khác mà chi nhánh đã thực hiện được ở một nơi xa đây. Bây giờ mới rõ là khi Ê-van cử hai người xuống Vermissa, thì đồng thời hẳn cũng đòi hỏi Vermissa phải bí mật cử ba người lên trên hẳn để thủ tiêu Hên-lơ, một trong những người chủ mẩu mực. Anh ta chỉ có cái tội là cứ thích có năng suất trong công việc nên đã đuổi một số tên sâu rọu và lười biếng, mà những tên này lại là hội viên của Hội.

Bản án được thi hành xong. Ted hãnh diện ngồi chễm chệ trên ghế danh dự bên phải ông toán trưởng. Bộ mặt đỏ dừ, hai con mắt đỏ sọc máu, chứng tỏ hắn vừa qua một đêm trắng và uống nhiều rượu. Chúng đã rình nạn nhân trong khi người này đi về nhà vào buổi tối. Chúng phục trên đỉnh một quả đồi, đường đi khập khểnh nên bắt buộc ngựa phải đi bước một. Nạn nhân mặc nhiều áo quá để chống rét nên không rút súng ra kịp. Cái xác dẫm máu được vớt lại trong đồng tuyết để làm một lời cảnh cáo cho tất cả các ông chủ có trái tim sắt đá.

Đó là một ngày trọng đại cho tất cả những Người Tiên Phong. Bóng tối đè nặng hơn nữa lên thung lũng khủng khiếp. Ganh-ty đã nghĩ đến một trận tấn công mới chống những kẻ thù của ông ta. Đêm hôm đó, khi mọi người đã say sưa chia tay nhau ra về, ông ta ngoắc Móc-đô lại và đưa anh ta vào căn phòng gặp nhau lần đầu tiên.

- Hãy nghe đây. Bây giờ tôi mới có một công việc xứng đáng với anh.

- Tôi hãnh diện vì đã được ông chọn lựa.

- Chúng tôi không thể nào yên tâm chừng nào vụ Wil-co chưa được giải quyết xong.

- Nó là ai vậy? Nó ở đâu?

Ganh-ty bỏ điếu xì gà xuống, xé ở sổ tay ra một tờ giấy trên có vẽ một bản đồ sơ lược.

- Nó là thằng đốc công chính của công ty Đại-kơ, thượng sĩ cũ, đã có đi đánh trận về. Chúng ta đã hai lần định hạ nó, nhưng không được may mắn và Jim đã bị nó hạ lại. Đây nhà nó đây, ở trợ trợ một mình tại ngã tư của công ty. Không nên đi đến đó ban ngày, nó có vũ khí, bắn nhanh và bắn giỏi. Nhưng ban đêm ... Tóm lại, nó ở đó với vợ nó, ba đứa con và một người đầy tớ gái. Nếu đặt một gói chất nổ ở cửa nhà nó với một cái ngòi, thì xong hết mọi chuyện.

- Người này đã làm gì?

- Nó đã giết Jim.
- Tại sao nó lại giết Jim?
- Một buổi tối Jim đi vào vùng nhà nó, thế là nó giết thôi.
- Ở đó có hai người đàn bà và ba đứa trẻ con. Có cần phải cho tất cả bọn này bay lên trời không?
- Tất nhiên rồi.
- Nhưng vợ con nó có tội gì đâu?
- Anh xì hơi rồi hay sao?
- Hãy bình tĩnh, ông hội đồng. Tôi đã từ chối đâu.
- Thế anh có thi hành lệnh không?
- Tất nhiên.
- Bao giờ?

- Xin ông cho tôi một hay hai đêm, để tôi dò địa điểm cái nhà nó và lập một kế hoạch.

Ganh-ty chia tay ra bắt tay Móc-đô.

- Tôi trông cậy ở anh. Cái đòn cuối cùng này sẽ bắt chúng nó phải quy gối hết.

Ngay đêm hôm đó, một mình Móc-đô đến đây để nghiên cứu địa hình. Mãi sáng bạch hôm sau mới trở về. Ngày hôm sau, anh hội ý với hai tên trợ thủ. Ngày hôm sau nữa, cả ba người tụ họp ở ngoài thành phố, mang theo đầy đủ vũ khí. Một đứa mang theo một cái bọc đựng dây thuốc nổ. Khoảng hai giờ sáng thì cả bọn đến trước cửa nhà Wil-co. Hôm ấy gió to lắm. Mây bay như chạy dưới một mảnh trăng hạ huyền. Chúng đã được báo trước là phải đề phòng những con chó giữ nhà nên chúng rất thận trọng tiến lại gần. Nhưng không thấy có tiếng động nào khác ngoài tiếng gió rít và tiếng cây lá xào xạc. Móc-đô ghé sát tai vào cửa nghe, không thấy có động tĩnh gì bên trong. Anh đặt gói thuốc nổ vào sát cửa, lấy dao thọc một lỗ và buộc ngòi vào. Sau khi anh đã chằm ngòi, cả bọn vắt chân lên cổ mà chạy, được một quãng, vừa nằm rạp xuống một

cái rãnh, thì nghe thấy tiếng nổ long trời lở đất, và căn nhà nọ sụp xuống. Công việc đã hoàn thành. Chưa bao giờ một sự thành công trọn vẹn như vậy được ghi nhận trong lịch sử biên niên Hội. Nhưng than ôi! Bọc thuốc nổ chỉ làm sụp đổ một căn nhà rỗng không, và người thương sĩ già vẫn tiếp tục giữ vững trật tự trong các mỏ của công ty Đại-kơ.

Móc-dô tỏ vẻ bực tức lắm. Anh nói:

- Tôi thề là tôi sẽ hạ được nó.

Toàn thể chi nhánh bỏ phiếu biểu quyết tín nhiệm anh. Rồi vụ Wil-co cũng người ngoài đi. Nhưng vài tuần lễ sau, khi báo chí đăng tin Wil-co đã phải đấu súng trong một vụ phục kích, thì ai cũng hiểu rằng đó là Móc-dô quyết tâm hoàn thành một công việc còn dang dở.

Đó! Hội những Người Tự Do đã lũng đoạn cả một vùng bằng sự khủng bố.

Bóng tối trùm kín thung lũng khủng khiếp.

Rồi mùa xuân đến với những bông hoa tươi thắm và tiếng hát của các con suối. Thiên nhiên bị bàn tay nặng nề của mùa đông giam giữ nay đã trở dậy. Nhưng không ở đâu có một tia hy vọng nào, cho những người đàn ông và đàn bà bị khống chế trong sự khủng bố. Trên đầu họ chưa bao giờ có những đám mây dày đặc sự đen tối và hãi hùng như vào đầu mùa hạ năm 1875 này.

6. NGUY HIỂM

Móc-dô đã được tôn lên địa vị của một phụ tá trong Hội. Anh đã trở thành tối cần thiết trong các buổi họp của Hội. Nhưng nếu anh càng nổi tiếng giữa đám Người Tự Do bao nhiêu thì khi ra ngoài đường phố ở Vermissa, anh càng phải

chịu đựng những cái nhìn có ngụ nhiều ý nghĩa bấy nhiêu. Mặc dù vẫn khiếp sợ nhưng những người dân ở Vermissa bây giờ đã bắt đầu hợp đoàn với nhau. Chi nhánh đã biết tin là ... có những cuộc họp bí mật được triệu tập tại tòa soạn báo Herald, và những người bảo vệ pháp luật đã được phát đầy đủ những tin tức này. Chúng cậy đông người, gan lỳ và võ trang tốt. Địch thủ của chúng thì tàn mạn, lại không có thế lực. Đó là ý kiến đánh giá của Ganh-ty, của Móc-đô và của những tay cứng khác trong chi nhánh.

Một buổi tối thứ bảy tháng năm, theo thường lệ, chi nhánh họp ở nhà hội quán, Móc-đô đang sửa soạn sắp đi, thì môn huynh Mô-rit, chợt đến tìm anh với vẻ trán lo âu, đôi mắt hoảng hốt.

- Tôi có thể nói chuyện tự do với ông được không, ông Móc-đô?

- Dĩ nhiên.

- Tôi không quên rằng đã có lần tôi trút cả bầu tâm sự với ông, và ông đã giữ kín cho tôi.

- Nhưng sự yên lặng của tôi không có nghĩa là một sự tán thành những ý nghĩ của ông.

- Tôi biết. Nhưng tôi có một điều bí mật ở đây...

Anh ta để một tay lên ngực.

- Một bí mật ngày đêm gặm nhấm tim tôi. Nếu tôi nói nó ra, thì chắc chắn nó sẽ gây thêm một vụ án mạng nữa. Nhưng nếu không nói, thì nó sẽ là hồi chuông báo tử của tất cả chúng ta.

Mô-rit đang run bần bật. Móc-đô rót một ly rượu ụyt-ki và đưa cho ông ta.

- Đây là một liều thuốc cho ông. Bây giờ, ông hãy nói vì sao ông lo sợ đến thế.

Mô-rit uống cạn ly rượu, sắc mặt có hồng lên đôi chút.

- Tôi nói một câu thôi: có một thám tử đang dò theo dấu vết của chúng ta.

Móc-đô nhìn ông ta, kinh ngạc:

- Thì ở đây lúc nào mà chẳng nhưng nhúc những cảnh sát và thám tử.

- Không. Đây không phải là một người ở trong vùng này. Ông có nghe nói đến những người của Pin-ke không?

- Cái tên này có gọi cho tôi một cái gì đây.

- Đó! Đây không phải là một tổ chức của chính phủ. Đây là một tổ chức muốn làm được việc, muốn có kết quả kia. Nếu một người của Pin-ke đang theo dõi công việc của chúng ta, thì chúng ta chắc bị tiêu diệt mất.

- Thế thì phải thủ tiêu cái thằng ấy đi.

- Ồ, mọi người cũng sẽ nghĩ thế thôi. Cho nên chuyện này sẽ kết thúc bằng một án mạng.

- Tất nhiên.

- Nhưng tôi không phải là kẻ chỉ điểm người cần bị giết. Ôi! Tôi biết làm gì bây giờ?

Mô-rit đứng lên, đi đi lại lại trong phòng, dáng điệu cực kỳ bối rối. Nhưng những lời nói của anh ta đã làm Móc-đô xúc động. Anh nắm lấy hai vai Mô-rit và lắc thật mạnh.

- Không làm được gì cả, nếu cứ than khóc như một cụ già. Trước hết phải biết thằng đó là ai? Nó hiện ở đâu? Bằng cách nào ông lại biết nó có ở đây? Tại sao ông lại đến tìm tôi?

- Tôi đã nói với ông rằng trước khi đến đây, tôi đã có một cửa hàng ở miền đông, tại đó tôi có nhiều bạn tốt. Một người trong bọn họ hiện làm việc ở sở Bưu điện. Ngày hôm qua tôi nhận được thư của anh ta. Đây cái đoạn ở trên đầu trang này. Ông có thể đọc được.

Móc-đô cầm lấy bức thư:

"... Ở vùng anh, bọn Tiên Phong hoạt động như thế nào? Chúng tôi đọc báo thấy nói nhiều về chúng nó lắm. Giữa chúng ta với nhau, tôi trông đợi tin tức anh. Năm tập thể lớn và hai công ty hỏa xa đã đứng ra gánh vác việc này, và họ làm đến

nơi đến chốn lấm. Họ muốn có những kết quả thực sự. Theo lệnh của họ, đích thân Pin-ke chỉ huy chiến dịch này và đã phái đến đó thám tử giỏi nhất của ông ta là Bốc-đy. Người ta chờ đợi là ngày một ngày hai, cái bọc mủ ung nhọt ấy sẽ được chọc thủng ra”.

- Bây giờ mời ông đọc thêm phần tái bút.

“Tất nhiên, tôi biết được những điều nói trên là vì công việc của tôi, cho nên anh đừng cho ai biết nhé. Họ dùng một thứ mã riêng, mà anh có thể đoán cả ngày cũng không hiểu gì hết”

Móc-đô ngồi lặng đi một lát, tay vẫn không rời bức thư. Màn sương mù thế là vừa tan hết, để lộ ra một vực thẳm trước mặt anh.

- Có ai biết việc này nữa không?

- Tôi không nói với ai cả.

- Người bạn của ông có viết thư cho ai nữa không?

- Anh ta có biết một hai người ở đây.

- Hội viên của Hội à?

- Hình như thế.

- Người bạn của ông có thể cho họ biết nhân dạng của tên Bốc-đy này, và nhờ đó chúng ta sẽ có thể tìm ra nó.

- Có thể lắm. Nhưng tôi tin rằng người bạn của tôi không biết mặt tên Bốc-đy đó. Anh ta chỉ cho tôi biết những tin tức đã thu lượm được trong công việc của anh ta thôi.

Móc-đô bỗng nhảy dựng lên:

- Tôi nắm được nó rồi. Chúng ta may mắn quá. Chúng ta sẽ thanh toán nó trước khi nó có thể làm hại được chúng ta. Nay, ông Bô-rit, ông có để tôi đảm nhiệm việc này không.

- Tất nhiên rồi.

- Ông yên tâm, cứ để một mình tôi xử trí. Tôi coi như cái thư này là gửi đến cho chính tôi. Như thế đối với ông đã được chưa?

- Tôi không dám đòi hỏi gì thêm nữa.

- Thế thôi, chúng ta ngừng ở đây nhé. Bây giờ tôi xuống hội quán để dự họp đây, và rồi chúng ta sẽ cho tên Pin-ke này có dịp than khóc.

- Ông không giết người thám tử ấy chứ?

- Ông biết càng ít càng tốt. Xin ông đừng hỏi tôi nữa.

Mô-rit lắc đầu buồn bã:

- Tôi có cảm giác là tay tôi đã vấy máu.

Móc-dô đáp lại một nụ cười ghê rợn:

- Tự vệ không phải là ám sát. Hoặc nó, hoặc chúng ta.

Móc-dô tuy mồm nói có vẻ cứng cỏi, nhưng những hành động của anh lại tỏ ra là anh thấy sự đe dọa rất nghiêm trọng. Trước khi ra khỏi nhà, anh đã hủy hết những giấy tờ gì có thể buộc tội anh. Nhưng hình như anh vẫn còn lo sợ một cái gì đó, nên trên đường đến hội quán, anh đã dừng lại trước cửa nhà trọ của cụ Sáp, khi anh gõ khê vào cửa sổ thì Ettie chạy ra. Nhìn dáng điệu trang nghiêm của anh, cô biết rằng một mối nguy hiểm đang gần kề.

- Có gì thế, anh đang bị nguy hiểm à?

- Chưa nguy hiểm lắm. Nhưng chúng ta nên đi khỏi nơi đây trước khi nó trở thành tệ hại hơn.

- Đi hả anh?

- Chiều hôm nay anh nhận được một số tin tức, và thấy nhiều nguy hiểm đang chờ anh.

- Cảnh sát à?

- Không, anh đã dính líu quá sâu vào rồi, và bây giờ anh muốn rút ra khỏi đây không chậm trễ nữa.

- Đó là con đường cứu nguy cho anh đó.

Không một lời nói, Ettie đặt bàn tay mình vào tay người yêu.

- Tốt lắm. Nhiều sự việc sắp xảy ra đôn dập trong thung lũng này. Nhiều người trong bọn anh phải tự lo lấy thân mình. Nếu anh ra đi, em phải đi ngay với anh.

- Em sẽ theo anh sau.

- Không, em đi ngay cùng với anh. Anh có quen biết một bà rất tốt, anh sẽ đưa em đến đó để chờ ngày làm lễ cưới.

- Vâng, em sẽ đi.

Móc-đô đi tới nơi hội họp. Đến nơi, anh được chào đón một cách vui vẻ. Phòng họp đầy nghẹt người. Qua màn khói thuốc lá, anh trông thấy cái bờm tóc đen của ông trưởng toán, bộ mặt độc ác của thằng Ted, cái tướng điều hâu của thư ký Ha-ra, cùng khoảng một tá những chức sắc cao cấp của chi nhánh. Anh mỉm cười khi nghĩ rằng tất cả bọn này rồi sẽ phải cuống cuống lên vì cái tin anh đem đến.

Ông chủ tọa cuộc họp tuyên bố:

- Chúng tôi vui mừng thấy anh đến họp, môn huynh Móc-đô. Chúng tôi đang bàn về một vụ rất khó phân giải.

Một người ngồi kế bên nói cho anh hay:

- Chuyện Lâu-la và An-đe đấy mà. Cả hai đều đòi tiền thưởng. Ai biết được đứa nào đã bắn viên đạn chủ yếu.

Móc-đô đứng dậy và giang tay ra. Nét mặt bất thường của anh chiếm hết sự chú ý của mọi người. Cả phòng họp im phăng phắc. Móc-đô trình trọng nói:

- Thưa sư huynh tôn kính, yêu cầu được thông báo khẩn cấp.

Ganh-ty nhắc lại:

- Môn huynh Móc-đô yêu cầu được thông báo khẩn cấp. Theo nội quy của chúng ta, thì đây là một quyền ưu tiên phải tôn trọng. Bây giờ môn huynh, chúng tôi nghe anh nói.

Móc-đô rút cái thơ ở trong túi ra.

- Thưa sư huynh tôn kính và thưa các môn huynh, hôm nay tôi mang đến đây những tin tức không tốt. Tin đó là những công ty có quyền lực nhất, và giàu có nhất của xứ này đã họp nhau lại để tiêu diệt chúng ta. Ngay lúc này đây, một

thám tử của Pin-ke, một người mang tên là Bốc-đỵ đang hoạt động trong thung lũng, thu thập những chứng cứ có thể tiêu diệt hết chúng ta. Đó là tình trạng mà tôi yêu cầu bàn bạc khẩn cấp.

Cả hội nghị ngồi chết lặng đi, không ai nói câu nào. Một lát sau, chủ tọa mới lên tiếng:

- Anh có chứng cứ gì không.
- Chứng cứ ở trong bức thư này...

Anh đọc đoạn thư cần thiết, rồi nói tiếp:

- Đây là một vấn đề danh dự của tôi. Tôi không thể cho biết chi tiết hơn về bức thư này, cũng không thể để mọi người chuyền tay nhau đọc được.

Một môn huynh đã có tuổi đứng dậy, nói:

- Thưa ông chủ tọa, xin cho phép tôi được phát biểu. Tôi đã có nghe nói đến cái tên Bốc-đỵ. Nó là phụ tá đắc lực của Pin-ke.

- Ở đây ai biết mặt nó? Ganh-ty hỏi.

- Có. Tôi biết. Móc-dô trả lời.

Một tiếng rì rầm ngạc nhiên truyền đi trong phòng họp. Móc-dô tiếp tục nói với một nụ cười đắc thắng trên môi.

- Nếu chúng ta hành động khôn ngoan và nhanh chóng thì chúng ta có thể thoát ra được bước nguy hiểm này. Nếu tôi có được sự tin tưởng và sự hỗ trợ của chi nhánh thì các vị không có gì phải lo sợ nhiều nữa.

- Chúng ta có gì phải lo sợ. Nó biết gì về công việc của chúng ta.

- Thưa ông hội đồng, ông có thể nói được như vậy nếu như ai cũng thanh liêm như ông. Nhưng người này có khả năng sử dụng hàng triệu bạc của bọn tư bản. Vậy ông thử nghĩ xem, ở trong tất cả các chi nhánh, há lại không có một môn huynh nào sa ngã trước bạc tiền? Tên thám tử này rồi ra cũng

sẽ biết hết những bí mật của chúng ta. Chỉ có một môn thuốc để trị bệnh này mà thôi.

Ted nói dần từng tiếng:

- Không để cho nó ra khỏi thung lũng.

Móc-đô tán thành nhiệt liệt:

- Hoan hô, môn huynh Ted, anh đã nói rất đúng.

- Bây giờ làm sao nhận ra nó?

Móc-đô nói một cách trang nghiêm:

- Thưa ông trưởng toán. Đây là một vấn đề sinh tử, quá quan trọng để có thể đem ra bàn bạc rộng rãi. Tôi không nghi ngờ bất cứ một người nào trong chúng ta ở đây, nhưng nếu một câu nói chợt lọt đến tai người ấy, thì chúng ta không có một hy vọng nào khống chế được nó. Tôi xin đề cử chính ông, ông chủ tọa, môn huynh Ted và năm môn huynh khác nữa. Lúc đó trước uỷ ban, tôi sẽ nói rõ về những gì tôi biết và các biện pháp nên theo.

Đề nghị của Móc-đô được chấp nhận ngay, và một uỷ ban được chỉ định. Ngoài Ganh-ty và Ted còn có Ha-ra, Các-tơ, Hồ Cóc-mác và hai anh em Uyn-la. Buổi họp hàng tuần chấm dứt sớm hơn mọi lần trong sự buồn rầu, lo sợ. Lần đầu tiên thấy hiện lên bầu trời trong sáng của họ những đám mây đen của pháp luật.

Khi mọi người đã ra về hết, trước mặt uỷ ban tín nhiệm, Ganh-ty ra lệnh:

- Móc-đô, nói đi!

Bảy người trong uỷ ban ngồi như những tượng đá lạnh lùng trong các ghế bành.

- Bốc-đy đang ở đây nhưng với cái tên khác. Nó lấy tên là Ti-vơ và hiện ở Hobson's Patch.

- Sao anh biết?

- Tôi ngẫu nhiên có nói chuyện với nó một lần mà không biết. Hồi đó tôi không nghĩ gì nhiều về Pin-ke, và có lẽ tôi

cũng đã quên hẳn cái tên ấy đi nếu không nhận được bức thư này. Nhưng bây giờ thì tôi chắc chắn là nó rồi. Tôi đã gặp nó hôm thứ tư vừa rồi, trên chuyến tàu. Nó nói nó là ký giả của tờ Nữ-ước thời báo. Tôi tin là thật. Nó muốn biết về những Người Tiên Phong, nói là để viết gửi về tòa soạn. Tất nhiên là tôi không hở ra một chuyện gì. Nó nói với tôi rằng: *"Tôi sẽ trả tiền, mà trả giá rất đắt để có những chi tiết có thể làm vui lòng ông chủ báo của tôi"*. Tôi đã bịa ra cho nó nghe những điều mà tôi cho là nó sẽ thích thú. Sau đó nó đưa cho tôi một tờ giấy bạc hai mươi đô-la và nói rằng: *"Anh sẽ có mười lần hơn thế này, nếu anh tìm được cho tôi những thứ gì mà tôi cần"*.

- Thế anh đã kể những gì với hắn.
- Tất cả những gì đến trong đầu tôi lúc ấy.
- Tại sao anh biết nó không phải là nhà báo.

- Khi xe chạy đến Hobson's Patch thì nó xuống tàu. Tôi cũng xuống. Cùng ngẫu nhiên khi tôi bước vào phòng bưu điện thì thấy nó ở trong đó đi ra. Người đánh điện tín nói với tôi rằng: *"Coi này, tôi nghĩ có lẽ phải bắt hắn trả gấp đôi mới đúng"*. - Tôi trả lời *"Tôi cũng nghĩ như ông"*. Thì ra nó đã viết đặc cả một tờ điện tín những câu đọc lên không ai hiểu gì cả. Người đánh điện nói ngày nào hắn cũng đánh đi những bức điện tối mò như thế.

- Anh nói có lý. Thế bây giờ chúng ta phải làm gì? - Ganh-ty nói.

- Tại sao không xuống ngay dưới đó mà thanh toán mẹ nó đi? - Một người hỏi.

- Mà sớm chừng nào càng tốt chừng ấy.

- Tôi sẽ đi ngay tức khắc nếu tôi biết nó ở đâu. Nó ở Hobson's Patch, nhưng không biết ở nhà nào. Nhưng tôi đã có sẵn một cái bẫy này, nếu các ông chịu nghe tôi...

- Bẫy thế nào?

- Ngày mai tôi sẽ đi Hobson's Patch, Tôi sẽ nhờ người đánh điện tín chỉ dẫn cho, và tôi sẽ tìm ra nó. Tôi sẽ nói với nó rằng tôi cũng là một hội viên của Hội Những Người Tự Do, và muốn bán những bí mật của chi nhánh, nó sẽ vờ ngay. Tôi sẽ nói rằng các tài liệu hiện để ở nhà tôi, nhưng nếu ban ngày mà đến đây lấy, thì thật là điên. Tôi sẽ hẹn đến 10 giờ đêm. Chắc nó đến thôi.

- Rồi sao nữa?

- Sau đó thì phần các ông muốn xử trí thế nào thì tùy. Nhà trọ của bà quả phụ Namara là một căn nhà hẻo lánh. Bà chủ trọ của tôi là người tin cẩn được. Nếu nó hứa chắc với tôi là nó sẽ đến, thì tôi sẽ báo cho các ông biết và tôi muốn vào khoảng 9 giờ tối mai cả bảy ông phải có mặt ở nhà tôi. Nó sẽ sập bẫy.

Ganh-ty kết luận:

- Đồng ý về tất cả kế hoạch. Chín giờ tối mai, chúng tôi sẽ đến nhà. Anh chỉ việc đóng cửa sau lưng nó, còn để mặc chúng tôi.

7. BỐC-ĐY SẬP BẪY

Căn nhà nơi Móc-dô ở trọ nằm ở ven thành phố và xa đường cái đi lại. Trong những trường hợp khác, bọn chủ mưu chỉ việc đưa con mồi đến đây, rồi trút đạn lên nạn nhân. Nhưng đây chính là một trường hợp ngoại lệ: còn cần phải rõ người kia biết những gì, làm cách nào mà biết, và đã truyền đi những tin tức gì. Nếu người thám tử đã làm xong công việc thu thập tài liệu, thì cần phải biết ai đã phản bội để xử trí tên ấy.

Móc-dô đi xuống Hobson's Patch như đã dự định trước. Buổi sáng hôm đó, hình như cảnh sát lại đặc biệt chú ý đến anh ta thì phải. Đại úy Ma-vin định tối nói chuyện với anh, khi anh đứng đợi tàu ở sân ga. Anh quay mặt đi không thèm trả lời. Đến chiều thì Móc-dô trở về và đến tìm ngay Ganh-ty ở nhà hội quán để báo tin:

- Nó sẽ đến.

- Hoan hô!

Ông trưởng toán vỗ tay reo mừng:

- Cậu có tin là nó biết gì nhiều lắm không?

Móc-dô buồn bã gật đầu:

- Nó đã ở đây ít nhất là sáu tuần rồi. Nếu nó cứ vung tiền ra trong suốt thời gian vừa qua, thì nó cũng đã thu được không ít tin tức và đã gửi những tin ấy đi rồi đó.

Ganh-ty la lên:

- Nhưng trong chi nhánh, mọi người đều vững vàng như thành đồng lúy thép cả. Chỉ có cái thằng Mô-rit ấy thôi. Nếu có một người nào đi tố giác chúng ta thì chính là nó. Tôi muốn cho hai đứa đến nhà nó ngay trước tối hôm nay để cho nó một trận và đồng thời cũng tra hỏi nó xem có biết thêm gì không.

- Tôi không giấu ông là tôi cũng có thương hại lão ấy, mà nếu lão ấy bị làm sao thì tôi cũng có phần áy náy. Mặc dù lão có những cách nhìn không giống ông và tôi, nhưng tôi có cảm giác lão không phải là một tên phản bội. Nhưng thôi, tôi đâu có dám can thiệp vào chuyện giữa ông với lão.

- Tôi sẽ thanh toán nó.

- Nhưng xin ông hãy đợi cho đến mai, không nên để cho người ta chú ý quá nhiều đến chúng ta trước khi giải quyết xong vụ Pin-ke.

- Anh nói có lý. Và chúng ta sẽ bắt thằng Bốc-đỳ phải khai rõ là nó đã nhận được những tin tức từ người nào. Dù chúng ta có phải moi tìm nó ra để bắt nó nói, cũng phải làm cho kỳ được. Nó có cảm thấy là bị cài bẫy không?

- Tôi đã tóm được điểm yếu của nó, Nó sẵn sàng đi từ đây đến Nữ ược, nếu nó được những tài liệu tốt. Tôi đã cầm tiền của nó...

Móc-đô rút ở trong túi ra một xấp giấy đô-la.

- Nó sẽ đưa cho tôi bấy nhiêu nữa khi nào nó thấy những tài liệu của tôi.

- Tài liệu nào?

- Tất nhiên tôi làm gì có tài liệu. Nhưng tôi đã cho nó nhỏ nước giải ra khi nói đến những nội quy, những sổ thanh toán, những đơn xin nhập hội. Hẳn tin chắc rằng, trước khi đi khỏi nơi đây hẳn sẽ mò được đến tận đáy của vấn đề.

Ganh-ty thì thầm với một giọng dễ sợ:

- Ủ, nó cũng không nghĩ sai đâu. Thế nó có hỏi anh tại sao không mang những tài liệu đó đi theo luôn không?

- Ai đại gì mang theo trong mình từng ấy tài liệu? Ngay mới buổi sáng hôm nay, đại úy Ma-vin còn muốn nói chuyện với tôi ở ngoài sân ga nữa kia.

- Ủ, người ta cũng đã có thuật lại với tôi như vậy. Tôi sợ rằng không khéo rồi cuối cùng chỉ có một mình anh sẽ phải gánh chịu tất cả sức nặng của vụ này. Sau khi thủ tiêu nó trong một cái giếng cũ, chúng ta không thể gạt bỏ được hai sự kiện là nó thì ở Hobson's Patch, mà hôm nay chính anh cũng đi Hobson's Patch.

- Ban đêm thì sẽ không có một ai trông thấy nó vào nhà tôi, và tôi cuộc rằng sẽ không ai trông thấy nó ở trong nhà tôi đi ra. Bấy giờ xin ông Hội đồng nghe kỹ tôi nói đây. Các ông sẽ đến đây đúng giờ đã quy định. Mười giờ thì nó đến. Nó sẽ gõ cửa ba lần. Chính tôi sẽ ra mở cửa cho nó vào. Tôi đi đằng sau nó và sẽ khóa cửa lại. Thế là xong.

- Ủ, dễ như trở bàn tay thôi.

- Nhưng chuyện tiếp theo mới là cần suy nghĩ. Nó có vũ khí, ai cấm nó không biết cảnh giác và đề phòng. Ông hãy cứ

tướng tượng rằng tôi đưa nó vào ngay một căn buồng khi nó tưởng chỉ có một mình tôi thôi. Thế là sẽ nổ ra một cuộc đọ súng, và có thể có những cái không may xảy đến cho một vài anh em chúng ta.

- Đúng.

- Và tiếng súng có thể làm cho tất cả bọn cớm trong thành phố này đổ xô đến đây.

- Anh nói có lý lắm.

- Cho nên tôi định xếp đặt mọi việc như thế này. Các ông sẽ ngồi tất cả ở căn phòng lớn. Tôi mở cửa ngoài đường, đưa nó vào buồng khách nhỏ bên cạnh cửa. Tôi sẽ để nó ngồi đó trong khi tôi đi vào lấy tài liệu. Tôi sẽ trở lại với một vài tài liệu giả. Trong khi nó đọc, tôi sẽ nhảy vào ôm chặt tay nó. Các ông sẽ nghe thấy tiếng tôi gọi và chạy ủa sang, xin các ông chạy nhanh nhanh cho một chút.

- Kế hoạch thế tốt đấy. Chi nhánh Hội ta sẽ mang nợ anh nhiều lắm đây.

- Thưa ông Hội đồng, dĩ nhiên tôi không còn là một tên lính mới tò te nữa.

Khi về đến nhà, anh bắt tay vào việc chuẩn bị cho cái buổi tối ghê gớm này. Trước hết anh đem khẩu súng ra lau chùi, bôi mỡ và lắp đạn. Rồi anh kiểm tra lại căn buồng nơi sẽ giương bẫy. Cuối cùng anh kể hết mọi chuyện cho Can-lân nghe và nói thêm:

- Nay Can-lân, đêm nay anh nên đi ngủ ở nơi khác. Trước sáng ngày mai, nơi đây sẽ có nhiều máu đấy.

- Tôi sợ chi nhánh đánh giá tôi không tốt, chứ tôi rất muốn theo lời khuyên của anh.

Bọn sát nhân đến đúng giờ đã định. Nhìn bề ngoài chúng có vẻ là những công dân ăn mặc đẹp đẽ, sạch sẽ. Nhưng nếu người nào biết xem tướng mặt, thì sẽ hiểu rằng Bốc-đý ít có khả năng sống sót được.

Chủ nhà có để chai uyết-ki trên bàn, nên chúng vội vã nốc rượu ngay cho ấm bụng. Ted và Cóc-mác đã chuech choáng say rồi. Rượu hun đốt thêm sự độc ác tự nhiên của chúng. Cóc-mác để tay gần cái bếp lò sưởi đã được đốt lên. Nó nói:

- Nóng thế này, được đấy.

Thằng Ted hiểu ngay ý nghĩa của câu nói đó, gật đầu tán thành:

- Ủ, được, đem trời nó vào đây thì sự thật nào cũng phải khạc ra hết.

Móc-dô nói:

- Đừng lo. Chúng ta sẽ bắt nó phải khai.

Móc-dô, con người này có lẽ có những dây thần kinh bằng thép hay sao ấy. Tất cả công việc khó khăn nguy hiểm này là đặt trên hai vai anh ta, mà anh ta vẫn bình tĩnh, như không có gì xảy ra cả.

Tên toán trưởng nói với Móc-dô:

- Một mình anh sẽ thu xếp riêng với nó. Chừng nào mà tay anh còn chưa nắm được vào cổ nó, thì nó sẽ chưa biết sự có mặt của chúng tôi.

- Có thể nó sẽ không đến. Có thể nó cảm thấy có nguy hiểm. - Tên thư ký nói.

- Thế nào nó cũng đến. Nó ao ước được đến đây cũng không kém gì các ông ao ước được thấy nó. Này nghe xem.

- Móc-dô đáp.

Chúng sống người lại, đứng im lặng như tượng đá. Ba tiếng gõ vang lên ở cánh cửa ngoài đường.

Móc-dô giơ một tay lên để cản dặn phải thận trọng. Cả bảy cặp mắt cùng lóng lánh chung một ánh đặc thẳng, cả bảy bàn tay đều đặt lên vũ khí.

- Không được gây tiếng động nữa. - Móc-dô thì thầm.

Rồi anh bước ra khỏi phòng và đóng cửa kỹ lưỡng. Bọn sát nhân căng tai nghe ngóng. Chúng nhận thấy bước chân

của Móc-đô đi trên hành lang, rồi thấy anh mở cửa ngoài. Có vài lời chào đón trao đổi qua lại, sau đó chúng nghe thấy bước chân của một người đi rụt rè trong nhà, và một giọng nói mà chúng không quen biết. Một lát sau, một cánh cửa đập mạnh và có tiếng chia khóa xoay. Thế là xong, con mồi đã sập bẫy. Hồ Cóc-mác phá lên cười ghê rợn. Ganh-ty vừa bắt nó im, vừa thì thào:

- Đồ ngu. Mà làm hỏng việc bây giờ.

Ở buồng bên, nghe có tiếng người nói chuyện, nói rất lâu. Rồi cửa mở. Móc-đô hiện ra, một ngón tay để lên môi ra hiệu.

Anh ta đi đến một đầu bàn và nhìn kỹ từng bộ mặt. Một sự thay đổi rất tế nhị xuất hiện ở anh ta, gương mặt lạnh lùng, rấn đanh lại, đôi mắt sâu đậm, long lanh sau cặp kính. Rõ ràng anh ta đã lột xác thành một người có uy quyền đối với người khác.

Bọn sát nhân ngắm anh không chớp mắt, nhưng anh vẫn không nói gì. Chỉ nhìn chúng bằng cặp mắt kỳ lạ.

Cuối cùng Ganh-ty phải lên tiếng:

- Thế nào. Thành Bốc-đý có ở đây không?

Móc-đô chậm rãi trả lời, dần từng tiếng:

- Có. Tao là Bốc-đý đây.

Mười giây đồng hồ trôi qua, sự im lặng sâu đậm đến nỗi người ta tưởng căn phòng này không có người. Bảy bộ mặt xám ngoét, quay nhìn về hướng con người đang chế ngự chúng. Trong tiếng kính bị bể vỡ, rèm cửa bị rút tung ra và qua mỗi khung cửa sổ, những họng súng đen ngòm chĩa vào. Ganh-ty rống lên như một con gấu bị thương, nhẩy bổ ra phía cửa. Hắn chạm ngay vào mũi súng và đôi mắt xanh của đại úy Ma-vin. Tên trưởng toán lùi lại, ngã ngồi xuống ghế.

Móc-đô gạt đầu tán thành:

- Ông Hội đồng, ông ngồi chỗ ấy tốt đấy. Còn mà, Ted, nếu mà không cắt tay ra khỏi khẩu súng thì mà sẽ không

được gặp mặt người đao phủ đầu. Bỏ tay ra. Đó. Thế được đấy. Có bốn mươi tay súng chung quanh ngôi nhà này. Ma-vin, hãy tước hết súng của chúng nó đi!

Bọn giết người bị tước hết vũ khí. Kinh ngạc, sợ hãi, buồn rầu, chúng vẫn ngồi cả chung quanh bàn.

Người gương bầy đồng dục nói lớn:

- Tao muốn nói với chúng mày một vài lời trước khi chia tay. Tao chính là Bốc-đỳ của tổ chức Pin-ke đây, tao đến đây là để tiêu diệt chúng mày. Tao đã phải chơi một ván bài khó khăn và nguy hiểm.

Bầy bộ mặt tái nhợt, sững sờ. Bầy cặp mắt trong đó cháy bỏng một mối căm hờn không bao giờ có thể dập tắt được.

- Chúng mày tưởng là ván bài chưa kết thúc phải không? Nó kết thúc rồi: ở đây bây giờ và ngay đêm nay, sáu mươi tay chân của chúng mày sẽ ngủ trong nhà tù. Khi đảm nhiệm vụ án này, tao không tin rằng trên đời này lại có một cái hội như hội của chúng mày. Tao tưởng đó chỉ là những chuyện phóng đại của một số nhà báo. Người ta nói với tao rằng tao sẽ phải chạm trán với những "Người Tự Do", vì thế tao đã đi đến Chicago để trở thành một Người Tự Do. Ở đó, tao thực sự tin rằng đúng là những chuyện phóng đại của báo chí, vì tao thấy Hội không có gì xấu xa, mà trái lại đàng khác. Vì phải làm cho trọn vẹn cuộc điều tra, nên tao đã đến thung lũng này. Khi đến đây tao mới hiểu rằng tao đã lầm. Cho nên tao đã ở lại đây để nghiên cứu vấn đề cho cặn kẽ. Tao chưa hề giết người nào ở Chicago.

Tao chưa bao giờ làm bạc giả. Những đồng đô-la tao đưa cho chúng mày tiêu, nói là bạc giả nhưng chính bạc thật. Thế là tao được chấp nhận vào cái chi nhánh địa ngục của chúng mày và cùng chúng mày bàn bạc những chuyện giết người. Cái đêm hôm tao được nhập vào chi nhánh, chúng mày đi hành hung cụ James. Tao không báo kịp cho cụ biết. Nhưng tao đã

giữ tay máy lại, Ted, khi máy định giết ông cụ. Tao không cứu được anh bạn Men-dai, vì tao không biết rõ sự việc, nhưng tao sẽ treo cổ những tên giết hai người đó. Tao đã báo tin cho Wil-cô, để có thể cùng vợ và các con ông ta thoát đi khỏi trước khi tao đặt thuốc nổ. Cũng có nhiều vụ tao không thể báo trước cho nạn nhân biết.

Nhưng rõ ràng đã có biết bao nhiêu lần những người mà chúng mày định ám hại đã trốn thoát.

Ganh-ty rít lên giữa hai hàm răng:

- Thành phần bội.

- Ganh-ty! Mày gọi tao là “phản bội”, nhưng sẽ có hàng nghìn người khác gọi tao là “người tốt”, đã xuống tận địa ngục để cứu họ lên. Trong cái địa ngục này tao cố sống cho đến khi nắm được tất cả từng đứa một, từng bí mật trong lòng bàn tay này. Nhưng một bức thư đã khiến tao sắp bị lộ. Vì vậy tao phải hành động ngay tức khắc. Tao không còn gì nói thêm với chúng mày nữa. Thôi, bây giờ ông Ma-vin. Ông hãy đem giam bọn này lại. Chuyện còn lại ta sẽ làm sau.

Can-lân được giao một chiếc phong bì dán kín mà anh ta có nhiệm vụ phải đưa đến địa chỉ của Ettie. Sáng hôm sau, một cô gái trẻ đẹp và một người đàn ông khân áo trùm kín người bước lên một chuyến tàu đặc biệt của công ty hỏa xa dành riêng cho họ, mở hết tốc lực rời khỏi một vùng đất đầy nguy hiểm. Mười ngày sau, họ làm lễ cưới ở Chicago. Cụ Sáp là người làm chứng trong cuộc hôn nhân đó.

Vụ xử án những “Người Tiên Phong” được tổ chức cực kỳ cẩn mật. Chúng cố chối cãi. Nhưng vô ích. Ganh-ty và tám tên phụ tá, chết trên đoạn đầu đài, năm mươi đứa khác ngồi tù. Thắng lợi của Bốc-đy trọn vẹn hoàn toàn. Nhưng thằng Ted không phải lên đoạn đầu đài. Anh em thằng Uyn-la cũng thế. Và một vài thằng hung thần khác cũng thoát. Chúng bị giam giữ trong mười năm, rồi chúng tìm lại được tự do. Ngày

chúng ra khỏi nhà tù. Bốc-đy biết rằng ông bắt đầu bị khó khăn. Chúng ám sát hai lần, nhưng ông đều thoát. Ông phải rời Chicago, đổi tên để sinh sống ở Cali. Tại đây, Ettie tử trần. Một lần khác ông lại suýt bị giết. Mang một cái tên mới là Du-gia, ông làm việc trong một hầm mỏ với một người hùng vốn tên là Bar, và trở nên giàu có. Có người báo rằng: bọn khát máu đã lại đánh hơi thấy dấu vết của ông rồi. Thế là ông vội vã xuống tàu trở về Anh Cát Lợi. Đổi tên là Jôn Du-gia, lấy vợ và sống như một nhà quý phái nông thôn tại vùng Sussex rồi sau đó tại lâu đài cổ này xảy ra câu chuyện như ta đã thấy.

TÁC PHẨM BẠC THẦY

Trước tòa đại hình Du-gia được trắng án vì đã hành động trong hoàn cảnh tự vệ.

Holmes viết thư cho bà vợ ông ta: *"Bằng mọi giá, bà hãy đưa ông đi khỏi nước Anh. Ở đây có những tổ chức còn mạnh hơn gấp bội những tổ chức mà ông đã thoát được. Không thể nào có an toàn cho ông ở Anh Cát Lợi này"*.

Hai tháng đã trôi qua. Vụ án chìm dần vào dĩ vãng. Một buổi sáng, có một bức thư khó hiểu được nhét vào hòm thư của chúng tôi.

Ông Holmes đáng thương của tôi ơi! Ôi ... ôi ..."

Bức thư nặc danh chỉ có mấy chữ đó thôi. Tôi bật cười. Holmes thì trở nên nghiêm trang:

- Quý quái thật.

Và anh ngồi lặng đi, vờn trán cau lại.

Tối khuya hôm đó, bà chủ nhà trọ bước vào nói rằng có một vị khách muốn được gặp ông Holmes về một vấn đề quan

trọng. Người khách được mời vào ngay: Đó là ông Bar. Với gương mặt căng thẳng, đôi mắt hoảng hốt, ông nói:

- Tôi mang đến những tin tức xấu.
- Đó là điều tôi đang sợ đây. - Holmes nói.
- Ông nhận được một bức điện?
- Thư của người nhận được bức điện đó.

- Chuyện của ông Du-gia. Người ta nói với tôi rằng tên thật của ông ta là Bốc-đý. Hai ông bà đã xuống tàu Panama đi Nam Phi từ ba tuần lễ nay rồi. Tối hôm qua, tàu đổ lại ở bến Cáp. Sáng nay, tôi nhận được bức điện này của bà Du-gia: *"Du-gia mất tích dưới biển trong một trận bão ngoài khơi Sainte-Hélène. Không ai biết tai nạn xảy ra như thế nào"*.

- Thi ra như vậy đó. Việc bố trí và dàn cảnh thật là tuyệt vời. Holmes nói.

- Ông không tin đây là một tai nạn?
- Phải.
- Thế thì Du-gia đã bị mưu sát?
- Phải.
- Tôi cũng nghĩ thế. Bọn Người Tiên Phong.

Holmes ngắt lời:

- Không phải đâu. Đây là một bàn tay bạc thầy kia. Đây không còn là chuyện một khẩu súng săn của nòng, một khẩu súng lục. Mà là tác phẩm vĩ đại của một bạc thầy. Trông những nét bút tuyệt vời này, tôi có thể nhận ra ngay đây là một tác phẩm của Mori. Vụ án mạng này không phải là sản phẩm của Mỹ quốc mà chính là của Luân Đôn đó.

- Vì sao vậy?

- Vì nó đã được thực hiện bởi một người "bất bại". Một bộ óc lớn và một tổ chức khổng lồ dùng để thủ tiêu một người mà thôi. Khác nào dùng búa tạ để đập một hạt dẻ: Một sự vung phí năng lực quá cỡ, nhưng hạt dẻ đã bị đập nát bét.

- Nhưng bậc thầy ấy sao lại dính liú vào vụ này được.

- Thăng Por chính là một trong những tay chân của bậc thầy đó. Người Mỹ rất khôn ngoan. Khi họ dự định đánh một trận ở Anh, thì họ nghĩ ngay đến việc hợp tác với một chuyên gia lớn về tội ác ở tại Anh.

Mới đầu Mori chỉ huy động bộ máy của hắn để tìm ra Du-gia. Rồi hắn chỉ dẫn cho hung thủ cách tiến hành công việc như thế nào cho tốt. Nhưng Ted đi từ Mỹ sang đây đã thất bại. Bấy giờ Mori tự đứng ra đảm nhận việc này, và đã giải quyết nó bằng một tác phẩm bậc thầy.

Bar dùng dùng nổi giận, nắm chặt bàn tay, tự dấm vào trán.

- Chúng ta bắt buộc phải chấp nhận điều đó ư? Sẽ không có ai lên đến ngang tầm của tên ma vương này sao?

Holmes chậm rãi trả lời:

- *Không. Tôi không nói rằng tên ma vương ấy sẽ không thể bị đánh bại. Nhưng ông phải để cho tôi có thời gian... Vâng, phải có thời gian.*

Chúng tôi ngồi lặng đi. Đôi mắt tiên tri của Holmes vẫn như đang muốn chọc thủng bức màn tương lai.

Ngọn lửa bạc

Holmes đi quanh quán trong phòng, cầm gục xuống ngực, cặp lông mày nhíu lại, hút thuốc liên miên. Người bán báo đưa đến đủ mọi tờ báo khác nhau : Holmes chỉ liếc qua, rồi ném chúng vào một xô : anh đang suy tư về *sự mất tích kỳ lạ của một con ngựa* và cái chết của người huấn luyện nó.

- Anh Watson, chúng ta có vừa đủ thì giờ để kịp lên tàu ở Paddington, anh nhớ mang theo cặp ống nhòm.

Một giờ sau đó, tôi ngồi trong góc một toa tàu hạng nhất, còn Holmes thì miệt mài trong đồng báo...

- "Chúng ta đi mau đây", anh nói khi nhìn ra ngoài khung cửa sổ và xem đồng hồ. "Hiện tàu đang chạy với vận tốc 82 cây số một giờ".

- Tôi đâu có thấy cột cây số nào...

- Tôi cũng thế. Nhưng ở tuyến đường này, các cột dây thép trông cách nhau 60 mét. Tính ra thật đơn giản. Hình như anh cũng rất quan tâm tới vụ ám sát Tra-cơ và vụ mất tích của con "Ngọn lửa bạc"?

- Tôi có đọc báo.

- Thảm kịch này quá hoàn hảo, khiến chúng ta có nhiều ước đoán và giả thiết. Khó khăn là ở chỗ phải tách riêng những sự việc không chối cãi được ra khỏi những điều vờ vờ của các ký giả. Tối thứ ba, tôi nhận được hai điện tín : một của đại tá Ross, và một của thanh tra Grê-gô. Cả hai đều mời tôi cộng tác.

- Tối thứ ba à ! Thế mà nay đã là sáng thứ năm. Tại sao anh lại không đi từ ngày hôm qua?

- Bởi vì, tôi không thể tưởng tượng nổi là con ngựa đua hay nhất nước Anh lại có thể được che giấu lâu, nhất là trong một vùng thưa thớt dân cư như miền Bắc Dartmoor. Ngày hôm qua tôi định ninh rằng sớm hay muộn gì người ta cũng tìm ra nó, và kẻ cướp ngựa là người đã giết ông Tra-cơ. Nhưng một đêm đã trôi qua và người ta chẳng làm được việc gì khác hơn là bắt giữ anh chàng Sim-sơn. Giờ đây tôi mới chịu ra tay. Và chẳng ngày hôm qua cũng không phải là một ngày bị lãng phí.

- Anh đã xác lập được một giả thiết.

- Tôi nghĩ ra được một số sự việc chủ yếu. Tôi xin kể cho anh nghe :

"Con Ngựa lửa bạc xuất thân từ dòng Isonomy và nó giữ một kỷ lục trừ danh của tổ tiên nó. Chính nó đã nhật nhanh cho đại tá Ross tất cả mọi giải thưởng của trường đua. Cho tới lúc xảy ra thảm họa, nó là con ngựa được coi là sẽ thắng giải Wessex Cup ; thiên hạ đánh cá nó ba ăn một. Do đó, có nhiều người không muốn cho nó có mặt trong cuộc đua vào thứ ba tới.

"Tất nhiên, người ta đã nghĩ tới "lò ngựa" King's Pylan nơi đặt những chuồng ngựa của ông đại tá. Tất cả mọi biện pháp đề phòng đã được tổ chức chu đáo để bảo vệ nó. Huấn luyện viên Tra-cơ là một tay dõ-kẻ của đại tá trong 5 năm, rồi sau đó trở thành nhà huấn luyện. Dưới quyền anh ta có ba người trẻ tuổi : một cậu ngủ luôn trong chuồng để canh gác ; hai cậu kia ngủ trong cái vựa. Cả ba đều được tiếng tốt. Tra-cơ đã lập gia đình, sống sung túc trong một biệt thự nhỏ, cách chuồng ngựa chừng hai trăm mét. Cách nhà ông ta tám trăm mét về hướng bắc, có một xóm gồm những biệt thự dành riêng cho những người bệnh hoặc những người vừa khỏi bệnh đến nghỉ ngơi. Còn thị trấn Tavistock thì ở cách đó ba cây số về phía tây. Từ phía bên kia khu đồng hoang, cũng cách ba cây số, là trung tâm huấn luyện ngựa Capleton, do ông Si-la cai

quản. Ở mọi hướng khác đều hoàn toàn trống trải, chỉ có vài người du mục trú ngụ. Đó là toàn cảnh bao quát vào buổi tối thứ hai, khi tai họa xảy ra.

"Tối hôm đó, các con ngựa đã tập luyện xong, được dẫn đi uống nước như thường lệ. Cũng theo thông lệ, các chuồng ngựa đều được đóng cửa, khóa lại vào lúc chín giờ. Hai trong số các cậu coi chuồng lên nhà ông huấn luyện viên để ăn bữa tối. Lúc 9 giờ vài phút, cô Bát-tơ đem một đĩa ca-ri thịt cừ xuống tận chuồng ngựa cho cậu trực gác : cô không mang thức uống, vì trong chuồng ngựa có một vòi nước. Theo quy tắc, cậu coi chuồng ngựa trực gác chỉ được uống nước lã mà thôi. Cô gái xách theo một ngọn đèn lồng, bởi vì con đường mòn lại băng qua một đoạn của cánh đồng hoang.

"Cô gái tới cách chuồng ngựa chừng năm trăm mét thì từ trong vùng bóng tối, một người đàn ông bước ra, kêu cô đứng lại. Đó là một người vào khoảng 30 tuổi, mặc bộ đồ may bằng vải tuyết màu xám và đội nón nỏ. Chân đi ghệt và tay cầm một cái roi ngựa, đầu có nuốm tròn, vẻ mặt nhợt nhạt.

- Cô vui lòng cho tôi biết đây là đâu? Tôi sắp quyết định ngủ lại trên bãi hoang thì chợt trông thấy ánh đèn của cô.

- Ông đang ở sát bên khu chuồng tập ngựa King's Pyland.

- "Thực vậy sao" A, thật may mắn biết bao !" Người lạ reo lên. "Tôi tin là đêm nào cũng có một cậu coi ngựa ngủ lại trong chuồng, cô đem bữa ăn tối cho cậu ta đấy? Nghe này cô : cô sẽ không từ chối việc kiếm một số tiền kha khá để mua một cái áo mới, phải thế không?"

Ông ta rút từ túi áo gi-lê một tờ giấy trắng gấp gọn và nói với cô gái : - Cô hãy trao tờ giấy này cho cậu coi ngựa rồi cô sẽ sắm được một cái áo đẹp?

Cô gái hoảng hồn, chạy ủa tới trước khung cửa sổ mà qua đó cô sẽ chuyển bữa ăn vào. Cửa sổ mở sẵn, Hàn-tơ ngồi ở phía bên trong, trước bàn. Cô đang thuật lại cuộc gặp gỡ bất ngờ thì người lạ lại chợt đến :

- "Xin chào !" Ông ta nói, khi nhìn qua khuôn cửa sổ.
"Tôi muốn nói với cậu đôi lời".

Trong lúc ông ta nói, cô gái để ý thấy mép của tờ giấy gấp lộ ra ngoài những ngón tay.

- Ông tới đây làm gì? - Cậu giữ chuông hỏi.

- "Làm cho các túi của cậu đây áp tiên", người lạ trả lời.
"Nơi đây cậu có hai con ngựa tranh giải cúp Sussex : con Ngọn lửa bạc và con Bayard. Cậu hãy mách riêng cho tôi tuy-dô nào tốt, cậu sẽ không thiệt thòi đâu".

- "À, té ra anh là một trong mấy tên do thám khốn kiếp",
cậu giữ ngựa kêu lên. "Tôi sẽ cho anh biết King's Pyland này,
chúng tôi đối xử ra sao với hạng người như anh".

"Cậu ta đứng lên và hối hả tới phía bên kia chuông ngựa để thả chó ra. Cô tớ gái chạy ủa về nhà, nhưng trong lúc chạy, cô ta còn ngoái cổ lại, trông thấy người lạ nghiêng mình trên khung cửa sổ. Tuy nhiên, một phút sau đó, khi Hân-tơ dẫn chó tới thì người lạ không còn ở đó nữa. Cậu giữ ngựa đi một vòng quanh khu chuông : chẳng thấy bóng dáng người lạ đâu hết.

- Chờ một tí. Khi cậu giữ ngựa bỏ ra ngoài để thả chó, cậu ta có để cửa ngõ hay không? - Tồi hỏi.

- "Tuyệt đấy, Watson !" Holmes thì thầm. "Chi tiết này rất quan trọng, vì vậy tôi đã gửi một bức điện khẩn tới Dartmoor và đã được xác minh rằng thằng nhỏ đã khóa cửa lại trước khi chạy tới bên con chó. Ngoài ra khuôn cửa sổ quá hẹp, một người không thể chui qua.

"Đợi các bạn mình quay về, Hân-tơ đi báo cho nhà huấn luyện và thuật chuyện cho ông ta rõ. Báo cáo của Hân-tơ làm cho Tra-cơ khó chịu. Bà Tra-cơ, thức giấc vào lúc một giờ sáng, bắt gặp chông đang mặc quần áo. Ông bảo là mình không sao ngủ được và ông sắp xuống chuông ngựa để kiểm tra xem tất cả đều có được bình yên không. Bà van xin ông đừng đi vì bà nghe tiếng những giọt mưa đập dữ dội vào cửa sổ. Nhưng ông ta vẫn khoác cái áo và rời khỏi nhà.

“Bà Tra-cơ mở choàng mắt vào lúc bảy giờ sáng, chông bà vẫn chưa về. Bà vội vã gọi cô tớ gái rồi chạy về phía chuồng ngựa. Cánh cửa mở rộng. Bên trong, cơ rúm trên một chiếc ghế dựa, Hân-tơ chìm đắm trong trạng thái mê mệt hoàn toàn. *Ngăn chuồng ngựa trống rỗng. Người huấn luyện đã biến mất.*

“Hai cậu giữ ngựa ngủ trong cái vựa được nhanh chóng lay dậy. Trong đêm, họ không nghe thấy gì : cả hai đều ngủ say. Hân-tơ bị ảnh hưởng của một độc dược mạnh ; người ta đành để cho cậu ta ngủ, hai cậu giữ ngựa cùng hai người đàn bà hối hả đi tìm người vắng mặt. Nhưng khi họ leo lên cái mô đất gần nhà, họ không thấy con ngựa mà thấy một đồ vật khiến họ kinh hoàng. ”Cách khu chuồng ngựa khoảng bốn trăm thước, cái áo choàng đi mưa của Tra-cơ đang đu đưa trên một bụi cây kim tước. Ngay sát bên đầm lầy có một chỗ trũng : xác nhà huấn luyện xấu số nằm dưới đấy . Một hung khí đã đập vỡ đầu ông ta, ngoài ra ông còn bị thương nơi đùi : vết thương dài và rõ nét, chứng tỏ nó đã do một dụng cụ thật bén gây ra. Tuy nhiên Tra-cơ đã chống trả kịch liệt, bởi vì tay phải của ông có nắm một con dao nhỏ, vết máu đông tơi tận cán dao, bàn tay trái siết chặt một cái cà vạt bằng lụa màu đỏ và đen, mà cô tớ gái nhận ra đó là cà vạt của người lạ, buổi tối hôm trước.

“Khi tỉnh lại, Hân-tơ cũng chứng thực về người chủ của cái cà-vạt. Cậu tin là người bí mật đó đã bỏ thuốc mê vào thức ăn trong lúc y nhào người trên thành khung cửa sổ và như vậy là hẳn đã loại bỏ người canh giữ con ngựa ra khỏi cuộc chiến.

“Thế còn con ngựa? Trong đất bùn ở chỗ trũng có nhiều dấu vết chứng tỏ con ngựa đã dự vào cuộc vật lộn của người huấn luyện nó với kẻ sát nhân. Tuy số tiền thưởng lớn đã được nêu ra, nhưng tất cả dân cư sống trong vùng Dartmoor đều không tìm thấy nó. Sau cùng, một cuộc phân tích đã cho thấy là chỗ thức ăn thừa của chú ngựa có chứa một lượng bột á

phiện trong lúc những người ở ngôi biệt thự cũng ăn món đó thì không bị gì cả. Đó là những dữ kiện chính của vụ án. Giờ đây là các việc mà cảnh sát đã làm.

“Viên thanh tra Grê-gô được giao phó cho mở cuộc điều tra. Ngay khi vừa tới nơi, ông mau chóng tìm thấy và bắt giữ một người mang cà vạt đỏ và đen : Sim-son. Xuất thân là con nhà gia thế, có học thức, nhưng gã đã làm tiêu tan gia sản nơi các trường đua ngựa, và sống nhờ nghề cầm cái cá ngựa trong các câu lạc bộ thể thao tại Luân Đôn. Khi quan sát cuốn sổ ghi cá độ của anh ta, người ta phát hiện anh ta đã ghi những món tiền đánh cá mà tổng số lên tới năm ngàn bảng đối với con ngựa "Ngọn lửa bạc".

“Khi bị bắt, anh ta khai là anh xuống Dartmoor với hy vọng thâu lượm được vài tuy-dô về những con ngựa ở King's Pyland cũng như về con Desborough, con ngựa được ưa chuộng thứ hai do Si-la chăm sóc trong chuồng tập dượt ở Caletton. Anh ta chẳng chối cãi là anh ta đã hành động như tôi vừa kể với anh, nhưng lại khẳng định là anh ta không có một ý đồ xấu xa nào. Quần áo bị ướt cho thấy là anh ta bị mắc mưa suốt đêm hôm trước. Về phần cái roi ngựa, có gần một cục chì thì đó đúng là thứ khí giới, có thể gây ra những vết thương khủng khiếp khiến cho nhà huấn luyện gục chết.

Ở một mặt khác, anh ta lại hoàn toàn không hề hấn gì. Thế nhưng số máu dính trên con dao của Tra-cơ lại chứng tỏ rằng chính kẻ tấn công đã lãnh một vài nhát đâm”.

- Có thể nào vết thương trên người Tra-cơ là do con dao của chính ông ta gây ra vào một trong những cơn co giật xảy ra sau khi sọ não bị thương tổn chẳng?

- “Có thể là như vậy” Holmes trả lời. “Trong trường hợp đó thì một trong những điểm chính để gỡ tội cho bị cáo sẽ không còn có giá trị. - Cho đến lúc này, tôi vẫn chưa thấy được lập luận của cảnh sát.

- Bất cứ lý luận nào rồi cũng có những lý lẽ khác bác bỏ lại. Rất có thể, cảnh sát hình dung rằng sau khi đã đánh thuốc mê chú giữ ngựa, và dùng chìa khóa giả mở cửa, Sim-sơn đã bắt cóc con ngựa. Trong lúc đang đi ngang qua cánh đồng thì bị người huấn luyện đuổi kịp. Một cuộc ẩu đả xảy ra. Sim-sơn dùng roi ngựa đập bẻ đầu người huấn luyện mà hắn thì không bị thương tích gì. Sau đó hắn giấu con ngựa vào một chỗ bí mật.

Bóng chiều buông xuống khi chúng tôi tới thị trấn Tavistock. Ở nhà ga có hai người ra đón chúng tôi : đại tá Ross và thanh tra Grê-gô.

- "Tôi vui mừng vì ông đã tới đây, thưa ông Holmes !" viên đại tá lên tiếng. "Ông thanh tra đã không sao lãng một việc gì nhưng tôi sẵn lòng trả thù cho Tra-cơ và tìm cho ra con ngựa"

- Có điều gì mới lạ không? - Holmes hỏi.

- "Chúng tôi không đạt được nhiều tiến bộ", viên thanh tra đáp, "có một cỗ xe đợi bên ngoài. Chúng ta sẽ nói chuyện trên đường đi".

Một phút sau, chúng tôi đều ngồi cả trong một cỗ xe đủ tiện nghi. Thanh tra nói thao thao bất tuyệt. Đại tá Ross thì ngả người về phía sau với cái mũ bẻ sụp xuống che lấy mắt. Còn tôi, tôi chú ý lắng nghe cuộc đối thoại giữa hai thám tử. Grê-gô trình bày lý luận của ông ; nó gần giống như lý luận mà Holmes đã nói với tôi trên xe lửa.

- "Màng lưới được bủa vây rất chặt chung quanh Sim-sơn", ông giải thích với chúng tôi. "Và tôi tin anh ta là thủ phạm"

- Thế còn con dao của Tra-cơ?

- Ông ta đã tự mình gây ra thương tích khi bị té xuống.

- Bác sĩ Watson cũng ngã theo giả thiết đó. Và nếu giả thiết đó là đúng thì anh chàng Sim-sơn này ... lâm vào vòng nguy hiểm.

- Hiển nhiên rồi. Hẳn không có dao mà cũng không có vết thương nào. Có quá nhiều điều chống lại anh ta. Anh ta sẽ có nhiều tiền nếu con ngựa kia biến mất, anh ta bị nghi là đã đầu độc người gác chuồng ngựa, không có chứng cứ gì về việc anh ta bị mắc mưa, anh ta trang bị một roi ngựa thật nặng, cái cà-vạt của anh ta lại nằm trong tay nạn nhân.

Holmes lắc đầu :

- Một luật sư giỏi sẽ bẻ gãy lập luận của ông : tại sao bị can lại đưa con ngựa ra ngoài? Nếu như muốn làm hại con ngựa, y có thể làm ngay trong chuồng? Có ai thấy cái chìa khoá giả trong người y không? Dược sĩ nào bán bột thuốc phiện cho y? Và nhất là y, người xứ lạ làm sao giấu được một con ngựa nổi tiếng như con Ngọn lửa bạc, mảnh giấy mà y nhờ cô gái chuyển lại cho cậu giữ ngựa có ý nghĩa gì?

- Chắc đó chỉ là một tấm giấy mười bảng. Chúng tôi đã tìm thấy một tờ trong bóp của y. Những lý lẽ bác bẻ khác của ông cũng không phải là không bị vượt qua : Trong mùa hè này, anh ta đã tới Tavistock hai lần. Thuốc phiện được mua ở Luân Đôn. Về cái chìa khoá giả, y vứt bỏ sau khi đã dùng xong. Còn con ngựa, ta sẽ tìm thấy nó dưới đáy một trong những giếng mỏ cổ xưa nằm rải rác trên cánh đồng hoang.

- Thế còn cái cà-vạt?

- Y nhìn nhận là của y, nhưng cả quyết là y đã đánh mất. Tuy nhiên giờ này chúng ta có thể xác nhận rằng chính Sim-sơn đã dẫn con ngựa ra khỏi chuồng. .

Holmes giơng tai nghe. Viên thanh tra nói tiếp :

- Chúng tôi đã tìm thấy những dấu vết của một toán du mục. Trong đêm thứ hai, họ đã hạ trại cách chỗ xảy ra tội ác gần một cây số. Ngày thứ ba, toán du mục biến mất. Khi thấy bị theo đuổi quá gấp, Sim-sơn chẳng đã dẫn con ngựa đến cho những người du mục hay sao? Vậy là con ngựa đang ở trong tay những người dân du mục.

- Đó cũng chỉ là một giả thiết.

- Hiện nay, chúng tôi lục soát kỹ vùng đồng hoang để tìm họ. Tôi cũng xem xét mọi chuồng ngựa và tất cả các nhà phụ ở Tavistock, cũng như mọi phần đất nằm trong một bán kính mười lăm cây số.

- Tôi nghĩ là có một chuồng tập ngựa khác ở ngay kế cận, có phải thế chăng?

- Quả vậy, ngựa của chuồng đó xếp hạng thứ hai, họ cũng quan tâm tới con Ngọn lửa bạc. Si-la đã đánh cá lớn về cuộc đua, và ông ta cũng chẳng thân thiện gì với ông Tra-cơ. Chúng tôi đã khám xét kỹ mọi chuồng ngựa ở đó nhưng không tìm thấy.

- Và cũng không tìm thấy được mối liên hệ giữa Sim-sơn với chuồng ngựa ở Capleton sao?

- Hoàn toàn không.

Holmes ngồi thu mình vào trong xe và cuộc nói chuyện ngưng lại. Một lát sau, người xà ích ghim cương trước một biệt thự xinh xắn xây bằng gạch đỏ có những mái nghiêng chia ra. Cách đó một khoảng, có một khu đất rào kín để nhốt ngựa, trải dài một dãy nhà phụ, mái lợp ngói xám. Chúng tôi nhảy ra khỏi xe, riêng Holmes vẫn ngồi dựa vào thành ghế xe, chăm chú nhìn lên bầu trời, đắm chìm trong những suy tưởng. Tôi phải đung nhẹ vào cánh tay, anh mới giật mình và xuống xe.

- "Xin ngài thứ lỗi cho" anh nói với đại tá Ross. "Tôi đang mơ trong lúc thức".

Trong tia nhìn của anh có một ánh sáng và trong thái độ của anh có một sự kích động được kìm nén ; tôi hiểu rằng anh đã nắm được một cái gì đó. Thanh tra hỏi :

- Thưa ông Holmes, ông thích đến hiện trường ngay tức khắc?

- Tôi muốn được ở lại đây trong ít lâu. Dường như Tra-cơ đã được đưa về đây.

- Vâng, anh ta nằm trên kia. Ngày mai sẽ mở cuộc điều tra tư pháp.

- Anh ta đã giúp việc ông trong nhiều năm phải không, thưa đại tá.

- Anh ta không chèn vào đâu được.

- Thưa ông thanh tra, ông đã lập bản liệt kê những món đồ có trong túi nạn nhân?

- Tất cả đều có trong phòng khách. Ông muốn xem?

- Tôi sẽ rất hài lòng.

Chúng tôi nối gót nhau đi vào đó và ngồi chung quanh một cái bàn ở giữa phòng. Viên thanh tra mở một cái hộp vuông bằng sắt tây và trút hết ra trước mắt chúng tôi : *những cây diêm quẹt, đèn cầy, một ống vô hiệu A.D. P. làm bằng rễ cây thạch thảo, một túi đựng thuốc làm bằng da hải cẩu trong đựng 30 gram thuốc. Cavendish, một đồng hồ quả quýt với sợi dây bằng vàng, năm đồng, một cây bút chì, vài tờ giấy, và một con dao cán gỗ có cái lưỡi rất cứng và rất mảnh, trên có khắc dòng chữ "Weiss and co. London".*

- "Đây là một con dao đặc biệt?" Holmes nhận xét khi giơ nó lên và quan sát nó một cách tỉ mỉ. "Bởi vì trên dao có những vết máu, và là con dao được tìm thấy trong bàn tay người chết. Anh Watson, con dao này thuộc phạm vi nghề nghiệp của anh đây".

- Đúng. Dao dùng để mổ mắt.

- Tôi cũng nghĩ như vậy. Một lưỡi dao rất mảnh. Có thể đây là một món đồ kỳ lạ được mang theo trong một cuộc thám hiểm cam go. Càng kỳ lạ hơn nữa khi thấy con dao này không gấp lại được, để nhét vào túi.

- "Mũi dao được bọc trong một khoanh nút nhỏ mà chúng tôi tìm thấy bên cạnh xác chết". Viên thanh tra nói. "Bà vợ anh ta nói rằng con dao này đã được để vài ngày trên bàn trang điểm và chồng bà đã mang theo khi rời khỏi phòng ngủ.

Đúng là một món vũ khí tồi, nhưng lại là món khá nhất mà anh ta nhìn thấy vào lúc đó”.

- Rất có thể. Thế còn những giấy tờ này?

- Ba hoá đơn thanh toán cho nhà bán cỏ khô. Một lá thư của đại tá Ross gửi những chỉ thị cho anh ta. Tờ này là hóa đơn của một tiệm may, trị giá ba mươi bảy bảng, được lập bởi bà Lê-xuân ở đường Bond, nhân danh ông Đạt-bi, Bà Tra-cơ cho biết ông Đạt-bi là bạn của chồng bà.

- “Bà Đạt-bi có những sở thích khá tốn kém đây” Holmes nhận xét. “Hai mươi hai đồng ghi-nê, quả có khá đắt đối với một bộ quần áo nữ. Tuy nhiên, dường như cũng chẳng còn gì để mà thu lượm nữa. Vậy chúng ta tới hiện trường thôi”.

Khi chúng tôi đi ra khỏi phòng khách, một thiếu phụ đứng chờ sẵn ngoài hành lang tiến lên, giật cổ tay áo viên thanh tra. Bà ta có vẻ mặt nhớn nhác, mảnh, đam mê, hẳn rõ dấu ấn của một ấn tượng kinh hoàng.

- Ông đã tìm ra chúng chưa? - Bà ta hỏn hển nói.

- Chưa, thưa bà. Nhưng ông Holmes đã đến để giúp chúng tôi.

- Thưa bà, cách đây không lâu tôi có gặp bà tại Plymouth, trong một bữa tiệc ở ngoài vườn.

- Thưa ông, ông làm rồi.

- Thế mà tôi lại dám thề độc kia đấy ! Bữa đó bà mặc một bộ đồ may bằng lụa có màu óng ánh với những đồ trang sức bằng lông đà điểu.

- Tôi chưa bao giờ có bộ đồ như vậy.

- Thế thì, chúng ta không nói chuyện đó nữa.

Sau vài lời xin lỗi, Holmes đi theo viên thanh tra ra ngoài. Một đoạn đi ngắn bằng qua đồng hoang dẫn chúng tôi tới cái trũng lôm. Trên bờ có một bụi cây kim ngân là nơi cái áo đi mưa đã được vắt lên.

- Dèm hôm đó trời không có gió? - Holmes hỏi.

- Phải, không có gió nhưng mưa lớn.
- Như vậy, cái áo này không phải bị gió thổi tấp vào bụi cây, mà là được đặt lên đây.
- Đúng, áo được vắt ngang.
- Đây này, nền đất đã bị bàn chân giẫm lên. Dường như có rất nhiều bàn chân đi qua đi lại ở nơi đây kể từ đêm thứ hai?

Tại đó có một manh chiếu rơm đã được đặt kế bên và mọi người trong chúng tôi đều đứng trên chiếu đó.

- Trong bao này, có một đôi ủng mà Tra-cơ đã đi, một chiếc giày của Sim-son và một móng ngựa cũ, bằng sắt.
- Ông thanh tra, ông đã rất xuất sắc.

Holmes đón lấy cái bao, tụt xuống chỗ lõm dưới cái trũng và đẩy manh chiếu rơm vào chính giữa, đoạn nằm dài ra trên chiếu, nằm sấp bụng úp xuống, cầm chống trên hai bàn tay, anh quan sát kỹ đám bùn bị dẫm nát trước mặt.

- "Ồ này !" Bất chợt anh kêu lên. "Cái gì thế này nhỉ?"

Đó là một cây diêm quẹt đã cháy hết phân nửa và đã bị vấy bùn.

- Tôi chẳng hiểu tại sao tôi lại không nhìn thấy nó, - viên thanh tra nói, giọng giận hờn.
- Nó lẩn trong bùn. Tôi nhìn thấy nó vì tôi đi tìm nó.
- Sao? Ông đi tìm nó à?
- Phải.

Holmes lấy những chiếc giày trong bao ra và đem gót giày so với những dấu vết in trên nền đất. Đoạn anh leo lên bờ, rồi bò qua những cây dương xỉ và những bụi cây.

- "Không còn dấu vết nào đâu", viên thanh tra nói. "Tôi đã quan sát rất kỹ khoảnh đất này, một trăm mét vuông trong tất cả mọi hướng".

- "Thật thế ư?". Holmes kêu lên khi đứng dậy. "Như vậy tôi đâu dám hỗn xược làm lại việc đó. Nhưng tôi mong muốn

được đi dạo chơi trên cánh đồng trước khi trời tối hẳn,ngõ hầu ngày mai còn nhận biết được thực địa. Nếu ông thấy không có chi trở ngại, tôi mạn phép bỏ cái móng ngựa cũ này vào túi để cầu may.

Hơi mất kiên nhẫn trước cái phương pháp ung dung của Holmes, đại tá Ross coi đồng hồ một cách không cần che giấu, rồi nói với ông thanh tra.

- Tôi mong là ông sẽ trở về cùng với tôi. Có một số việc tôi muốn hỏi ý kiến ông, chúng ta có nên công khai rút tên con Ngựa lửa bạc ra khỏi cuộc tranh giải hay không?

- “Chắc chắn là không nên”, Holmes kêu lên. “Nó sẽ có mặt”.

Viên đại tá nghiêng mình nói :

- Tôi rất sung sướng được có ý kiến của ông, ông sẽ gặp lại chúng tôi tại nhà anh Tra-cơ, ông đi dạo xong. Sau đó, chúng ta cùng trở về Tavistock.

Đại tá cùng viên thanh tra quay lưng trở lại trong lúc Holmes và tôi đi sâu vào trong cánh rừng hoang.

- Anh Watson, lúc này chúng ta hãy gác vấn đề ai đã giết Tra-cơ qua một bên mà chỉ để ý tới con ngựa thôi. Cứ cho là con ngựa đã bỏ trốn trong hoặc sau lúc xảy ra thảm trạng : vậy thì nó sẽ đi đâu? Ngựa là loài sống thành đàn. Khi bị bỏ rơi một mình, bản năng của nó sẽ đưa nó hoặc trở về King's Pyland hoặc tới Capleton ở phía bên kia. Nó không thể chơi trò “ngựa hoang trên cánh đồng hoang”? Và chẳng, thế nào mà lại chẳng có người trông thấy nó. Mà tại sao dân du mục lại bắt cóc nó? Những người đó luôn luôn lánh xa những nơi có chuyện chẳng lành. Họ chẳng thể nào hy vọng bán được một con ngựa như thế. Vậy thì bắt con ngựa là chuốc lấy mối nguy hiểm, chứ chẳng được lợi lộc gì !

- Vậy con ngựa ở đâu?

- Nó phải ở hoặc tại King's Pyland hoặc tại Capleton. Hiện giờ nó không ở tại King's Pyland, vậy nó phải ở tại

Capleton. Chúng ta cứ theo giả thiết đó mà tiến hành và chờ xem nó dẫn chúng ta đến đâu. Phần này của cánh đồng, đất rất rắn và khô. Nhưng nó đổ dốc xuống về phía Capleton. Từ đây, chúng ta có thể phân biệt một sự lồi xuống của nền đất : trong đêm thứ hai sang ngày thứ ba, chỗ lồi xuống đó ắt hẳn phải khá nhão, và con ngựa hẳn đã phải băng qua phần cánh đồng này.

Trong lúc nói chuyện, chúng tôi đã bước đi mau, chỉ vài phút sau đã tới chỗ đất lồi xuống. Tôi đi xuống mé bên phải và Holmes xuống mé bên trái. Nhưng tôi chưa đi được năm chục bước thì đã nghe tiếng anh reo lên và vẫy tay gọi tôi tới. Trên nền đất mềm trước mặt anh, có những dấu chân ngựa y như cái móng sắt mà anh đang cầm trong tay.

- “Anh đã thấy giá trị của óc tưởng tượng chưa?” Holmes bảo tôi. “Đó là cái mà Grê-gô thiếu. Chúng ta đã tưởng tượng ra điều có thể xảy tới, rồi hành động theo giả thiết đó. Thế là chúng ta được chứng thực là đúng. Nào, tiến lên !

Chúng tôi vượt qua cái đáy sinh lầy của chỗ trũng và đi trong khoảng bốn trăm thước trên mặt đất khô và rắn. Làn nữa, đất lại dốc và chúng tôi lại bắt gặp những dấu chân ngựa. Rồi chúng tôi lại mất hút những dấu vết đó trong khoảng gần tám trăm thước. Lúc sắp tới Capleton, bên cạnh dấu chân ngựa có cả dấu chân người.

- Cho tới đây, con ngựa chỉ đi có một mình. - tôi kêu lên.

- Đúng lắm, trước đó thì nó chỉ có một mình. Này ! Cái này là cái gì đây nhỉ?

Dấu chân người và ngựa bất thình lình *quay trở ngược lại và đi trở về hướng King's Pyland*. Cả hai chúng tôi cùng đi theo hướng đó. Holmes dõi mắt theo các vết nhưng hơi nhìn lệch sang bên, tôi cũng sờ thấy những dấu vết đó lại hiện ra *nhưng ở trong hướng nghịch lại, nghĩa là lại trở về Capleton thêm một lần nữa*.

- "Một điểm tốt cho anh đó, Watson !" Holmes nói :
"Chúng ta hãy theo dấu chân quay trở lại đi".

Chúng tôi không phải đi xa. Các dấu vết chấm dứt trên con đường rải nhựa dẫn tới hàng rào các chuồng ngựa Capleton. Khi chúng tôi tới gần, một người chạy ra.

- Ở đây chúng tôi không muốn thấy những kẻ lạ lảng vãng. - Anh ta bảo chúng tôi.

- "Chỉ xin hỏi một câu thôi", Holmes nói. "Liệu có thể gặp ông Si-la vào lúc năm giờ ngày mai không?"

- Xin lỗi, thưa ông ! Ông chủ tôi luôn luôn thức dậy sớm nhất. Nhưng, ủa, ông đây này : ông sẽ đích thân trả lời ông. Không, thưa ông không ! Tôi sẽ bị mất việc nếu ông thấy tôi nhận tiền. Sau này, nếu như ông muốn cho ...

Sherlock Holmes nhét lại tiền vào túi mình. Một người trung niên xuất hiện, bộ mặt kém thân thiện, cây roi mềm cầm lăm lăm trong tay.

- "Có chuyện gì vậy? Ông ta kêu lên. "Không được bép xép đấy nhé. Hãy đi làm việc đi ! Còn hai ông ... Các ông tới đây làm cái quái gì?".

- Chúng tôi xin hầu chuyện với ông mười phút, thưa ông chủ ! - Holmes trả lời với giọng nói ngọt ngào.

- Tôi làm gì có thì giờ để nói chuyện với bất cứ gã lêu lổng nào ! Hãy rút đi ! Nếu không, tôi thả chó ra đây...

Holmes cúi nghiêng mình về phía trước và thì thầm vài lời bên tai nhà huấn luyện ngựa. Hắn đỏ mặt tía tai.

- "Nói dối". Hắn kêu lên. "Một lời nói dối quý quyết".

- Được lắm ! Chúng ta sẽ bàn luận công khai ngay đây hay ở trong phòng khách?

- Ồ ! Xin mời vào.

Holmes cười :

- Anh Watson, sẽ không quá mấy phút đâu. Bây giờ, thưa ông Si-la tôi xin đặt mình dưới quyền sai khiến của ông.

Mấy phút đồng hồ của Holmes lại kéo dài thành hai chục phút. Bầu trời màu tím đã chuyển thành xám khi Holmes và Si-la hiện ra. Bây giờ gương mặt của Si-la biến thành màu tro, trán ướt đầm mồ hôi và hai bàn tay run rẩy, cây gậy đi săn đứng dựa như một cành cây lắc lay trước gió. Thái độ anh hùng rơm đã tan biến, ông ta khúm núm theo sau Holmes như một con chó đi theo chủ.

- Những mệnh lệnh của ông sẽ được thi hành. - Ông ta nói.

- Không được sai lầm? - Holmes nhấn mạnh, khi quay lại nhìn ông ta.

Người nọ rùng mình trước sự đe dọa ẩn chứa trong tia nhìn đó.

- Vâng. Sẽ không có sự sai lầm nào cả ! Nó sẽ có mặt đúng giờ. Tôi có phải thay hình đổi dạng cho nó hay không?

Holmes suy nghĩ trong giây lát, rồi phá lên cười :

- Không, cứ để yên như thế ! Tôi sẽ viết cho ông về việc này. Giờ đây nhất định không có những trò chơi khăm nữa, nếu không ...

- Ông có thể tin cậy nơi tôi !

- Ông sẵn sóc nó cho tới ngày giao ước, như thế nó là của ông vậy.

- Ông có thể hoàn toàn tin cậy nơi tôi mà !

- Phải, tôi tin nơi ông. Ngày mai ông sẽ nhận được tin tôi.

Anh quay gót, không thèm đếm xỉa gì đến bàn tay run rẩy mà người nọ chìa ra. Chúng tôi quay trở về King's Pyland.

- Lão Si-la này vừa độc ác, vừa đê tiện lại vừa hèn nhát.- Holmes vừa bước đi vừa nhận xét.

- Hẳn đang giữ con ngựa?

- Hẳn tìm cách trả lời bằng những câu huyền hoang, nhưng tôi đã miêu tả với một sự chính xác những gì hắn đã

làm trong buổi sáng hôm đó. Hẳn tin chắc là tôi đã theo dõi hẳn. Watson, anh có lưu ý đến những cái đầu vuông vức một cách kỳ lạ trong các dấu chân không? Giày ủng của hẳn phù hợp với đường nét đó, tôi kể cho hẳn nghe : Ông là người thức dậy sớm nhất, khi nhìn thấy một con ngựa lạ đang lang thang trên cánh đồng hoang, ông liền tới gần để xem sao. Con ngựa có "cái trán trắng" nên mới được gọi là "Ngon lửa bạc". Ông thấy cơ may đã tới cho mình, nên đã bắt giữ nó. Nếu làm được vậy thì con ngựa của ông sẽ về nhất. Tôi gợi cho hẳn nhớ lại vì sao hành động đầu tiên của hẳn là dẫn con ngựa đi trở về King's Pyland, rồi tại sao hẳn lại định đem giấu con ngựa cho tới khi cuộc đua kết thúc ; tôi cũng cho hẳn biết hẳn đưa con ngựa về đi giấu ở Capleton như thế nào.

Tới lúc đó, hẳn chỉ còn có một ý tưởng : làm sao được an thân.

- Nhưng các chuông ở đây đều đã được khám kỹ rồi kia mà !

- Ô, hẳn là một tay hóa trang ngựa tài ba !

- Anh không lo ngại gì khi để con ngựa ở lại đây.

- Hẳn sẽ chăm sóc con ngựa như chăm sóc thân thể hẳn !

Hẳn biết là muốn được tha tội thì phải đưa con ngựa ra trong thể trạng tốt.

- Chưa chắc đại tá Ross chịu tha cho hẳn.

- Đại tá Ross không phải là người giải quyết vấn đề. Tôi theo những phương pháp của riêng tôi, ông đại tá kém hào hiệp đối với tôi. Nên giờ đây tôi muốn chọc quê ông ta chơi. Anh chớ có nói gì về con ngựa đấy nhé :

- Nói để làm gì ! - Và chẳng, điều này có tầm quan trọng đối với việc tìm ra người đã giết Tra-cơ.

- Không đâu. Chúng ta cùng trở về Luân Đôn bằng chuyến tàu đêm.

Tôi cũng sờ trước câu trả lời đó. Chúng tôi chỉ mới tới Devonshire có mấy tiếng đồng hồ, vậy mà anh ta lại bỏ ngang

cuộc điều tra. Thật không tài nào hiểu nổi ! Tôi không tài nào bắt thêm được từ nơi anh một lời nào cho tới khi về đến nhà người huấn luyện ngựa. Ông đại tá và viên thanh tra chờ chúng tôi trong phòng khách.

- Chúng tôi sẽ trở về thủ đô bằng chuyến tàu tốc hành nửa đêm. Chúng tôi đã được hít thở bầu không khí quỳn rũ của Dartmoor. - Holmes nói.

Viên thanh tra gương rộng đôi mắt. Ông đại tá nở một nụ cười hiểm độc :

- Như vậy là ông đã bỏ cuộc? .

Holmes nhún vai :

- Hiển nhiên là có những chướng ngại nghiêm trọng ! Tuy nhiên, con ngựa của Ngài sẽ có mặt vào lúc xuất phát cuộc đua, Ngài nên chuẩn bị người dò-kê cưỡi con ngựa đó. Tôi có thể xin một bức ảnh của ông Tra-cơ được không?

Viên thanh tra móc túi lấy ra một tấm hình dựng trong một bao thư và đưa cho Holmes.

- Ông thanh tra, ông đoán trước được mọi ý muốn của tôi. Liệu ông có chờ tôi tại đây trong chốc lát chăng? Tôi muốn gặp cô tớ gái.

Bất thình lình đại tá Ross lên tiếng ngay sau khi Holmes bước ra khỏi phòng khách :

- Tôi thất vọng về ông Holmes. Từ khi ông ta đến đây, ta chẳng có một tiến bộ nào.

- Con ngựa của ông sẽ dự cuộc đua ! - Tôi nói.

- "Phải, tôi đã được lời cam đoan của ông ta", đại tá nhún vai. "Có điều, tôi mong muốn nắm được con ngựa trong tay hơn là lời hứa".

Tôi trực bệnh vực cho Holmes thì anh ấy lại trở vào.

- Giờ đây, thưa quý ông, sau khi về tới Luân Đôn, tôi sẵn sàng trở lại Tavistock lần nữa.

Trong lúc chúng tôi leo lên xe, một trong những người hầu chuồng ngựa giữ cho cửa xe mở rộng. Một tư tưởng như bất chợt đến với Holmes, bởi vì anh cúi nghiêng người về phía trước và đụng vào ống tay áo người hầu. Anh nói :

- Ai sờ sọc những con cừu trong vòng rào.

- Tôi, thưa ông.

- Anh có thấy điều gì khác lạ vừa xảy ra cho chúng trong thời gian gần đây không?

- Quả vậy, ba con trong đàn bị đi khắp khiêng.

Holmes khế cười và xoa hai bàn tay vào nhau.

- "Một cú chơi đẹp thật !" Anh nói khi bấm vào cánh tay tôi, rồi nói với ông thanh tra "ông bạn nên lưu ý tới cái hiện tượng đặc biệt đó trong đàn cừu. Nào, chúng ta đi thôi, chú xà ích !"

Đại tá Ross tiếp tục phô ra một dáng điệu bày tỏ "sự không tin tưởng" nhưng về mặt viên thanh tra biểu hiện một sự chú tâm. Ông ta hỏi Holmes :

- Ông cho đó là điều quan trọng sao?

- Cực kỳ quan trọng đấy !

- Còn điểm nào khác mà ông muốn lưu ý tôi nữa không?

- Con chó trong đêm đó.

- Con chó ư? Đâu có chuyện gì xảy ra với nó trong đêm đó.

- Như vậy mới là kỳ lạ. Sự kỳ lạ ẩn chứa ở ngay trong chỗ đó. - Sherlock Holmes nhận xét.

Bốn ngày sau đó, Holmes và tôi lại đáp chuyến tàu đi Winchester để dự khán cuộc đua ngựa tranh giải Wessex Cup. Ông đại tá gặp chúng tôi bên ngoài nhà ga và đưa chúng tôi đến trường đua bằng xe tứ mã của ông. Mặt ông nghiêm trang và thái độ cực kỳ lạnh nhạt. Ông nói :

- Tôi không thấy con ngựa của tôi đâu cả.

- Ông sẽ nhận ra nó khi ông trông thấy nó chứ? Holmes hỏi.

Ông đại tá tỏ vẻ rất bất mãn. Ông nói :

- Tôi lui tới trường đua từ hai mươi năm nay, và chưa có ai hỏi tôi một câu như thế. Ngay một đứa bé cũng nhận ra con Ngọn lửa bạc với cái trán trắng và cái chân trước có lông đốm của nó !

- Việc đánh cá hiện nay ra sao?

- Ngày hôm qua, ông có thể đánh mười lăm ăn một, nhưng khoảng cách cứ giảm dần, giờ đây thì chỉ còn ba ăn một.

- Hừm ! Có ai đó đã tóm được tuy-dô, chắc chắn như thế.

- Holmes nói.

Khi xe tứ mã ngưng lại gần khán đài chính, tôi nhìn lên tấm bảng để xem tên những con ngựa tranh giải.

WESSEX CUP

Cho ngựa bốn và năm tuổi

1000 đồng souverain giải nhất.

300 đồng giải nhì.

200 bảng giải ba.

Đường đua : 2614 mét.

1. *Da đen* (của ông Heath Newton)
mũ không vành, màu đỏ, áo đỏ-kề màu quế.
2. *Võ sĩ* (của đại tá Wardlaw)
mũ màu hồng, áo màu xanh và đen.
3. *Desborough* (của huân tước Backwater)
mũ màu vàng, tay áo màu vàng.
4. *Ngọn lửa bạc* (của đại tá Ross)
mũ màu đen, áo màu đỏ.
5. *Đuôi điều* (của công tước hạt Balmoral)
mũ, áo có sọc màu vàng và đen.
6. *Hàng rào cao* (của huân tước Singleford)
mũ tía, tay áo đen.

- “Chúng tôi đã rút con kia ra và đã đặt tất cả hy vọng vào lời nói của ông”, viên đại tá nói. “Lạ chưa ! Thế nghĩa là gì ? Ngọn lửa bạc được coi là chắc sẽ thắng sao?”

- “Ngọn lửa bạc được cá năm ăn bốn” các nhà cái cá ngựa gầm lên. “Năm ăn bốn cho Ngọn lửa bạc đây”. Desborough cá mười lăm ăn năm đây.

- “Tất cả đều được giải quyết”, tôi kêu lên. “Chúng ta có mặt đủ cả sáu con”.

- “Đủ sáu con à ? ” Viên đại tá kêu lên, rất giận dữ. “Nhưng nó đâu. Cờ của tôi chưa được diễn hành mà”.

- Chỉ mới có năm con đi diễn hành. Đây này : đây hẳn là nó rồi !

Vào lúc tôi nói, một con ngựa hồng lực lưỡng phóng ra khỏi khu căn dờ-kê, chạy nước kiệu ngay bên cạnh chúng tôi : nó mang trên yên màu cờ xanh và đỏ rất quen thuộc của ông đại tá.

- Đâu phải ngựa của tôi. Con vật này không có lấy một sợi lông trắng trên mình. Ông làm cái trò gì vậy, ông Holmes?

- Bình tĩnh ! Bình tĩnh xem nó chạy ra sao cái đã ! - Holmes thì thầm, điềm tĩnh.

Anh theo dõi qua ống dòm, bất chợt reo lên :

- Ngay hàng đầu ! Tuyệt diệu ! Chúng đang ghé vào chỗ ngoặt.

Sáu con ngựa chạy khít bên nhau. Tới quãng giữa dải đường đua vòng, con ngựa chuồng Capleton vượt lên dẫn đầu. Nhưng trước khi chúng ngang chỗ chúng tôi thì con Desborough đã dòn hết sức mình và con ngựa của ông đại tá vượt qua cây cọc tới sáu thân trước đối thủ của nó.

- “Đầu sao, thì tôi cũng đã thắng !”, đại tá hớn hển đưa một bàn tay lên vuốt trán. “Xin thú nhận là tôi chẳng hiểu gì ráo. Ông còn giữ bí mật đến bao lâu nữa, thưa ông Holmes”.

- “Rồi ông sẽ biết tất cả. Lại đây, chúng ta cùng quan sát con ngựa này... Nó đây này”. Anh nói khi chúng tôi vào trong

khu dành riêng cho chủ ngựa cùng bằng hữu của họ. "Ông lấy alcohol mà rửa đầu ngựa và chân nó thì ông sẽ nhận thấy nó chính là Ngọn lửa bạc.

- Ông làm tôi suýt đứng tim.

- Tôi thấy nó trong tay một kẻ gian xảo và tôi tự tiện cho nó đua dưới lớp giả trang này.

- Ông đã làm được một điều kỳ diệu ! Con ngựa tỏ ra hoàn toàn ở thể trạng tốt. Nó chưa bao giờ chạy hay đến thế. Tôi cần phải xin lỗi ông một ngàn lần vì đã nghi ngờ khả năng của ông. Mong ông tìm ra tên sát nhân.

- Tôi tìm ra rồi, - Holmes trả lời một cách điềm tĩnh
Viên đại tá và tôi nhìn anh :

- Không hiểu hắn ở đâu?

- Ở đây.

- Ở đây ! Hắn đâu?

- Ngay bên cạnh tôi vào lúc này.

Viên đại tá đỏ mặt tía tai vì giận dữ.

- Tôi mang ơn ông nhiều lắm, nhưng tôi buộc lòng phải coi điều mà ông vừa nói là một trò đùa quá trớn, hoặc là một điều lãng nhục.

Holmes phá ra cười :

- Tôi không hề đùa hay làm nhục ông, thưa đại tá. Nhưng quả thật kẻ sát nhân đang đứng ngay đằng sau ông đây.

Anh tiến lên một bước và đặt bàn tay lên cái cổ bóng loáng của con ngựa thuần chủng.

- Con ngựa ư? - Đại tá kêu lên.

- Ngọn lửa bạc ư? - Tôi đáp ứng.

- Đúng, chính nó. Và chúng ta hãy tha tội cho nó vì nó hành động để tự vệ. Tra-cơ không xứng đáng với lòng tin cậy của ông. Nhưng chuông reo rồi đó. Bởi vì tôi muốn kiếm một ít tiền trong độ đua sau, tôi xin khất lại để lát nữa sẽ giải thích tận tường.

Trong toa xe lửa hạng đặc biệt chỉ có ba người chúng tôi. Trên đường trở về Luân Đôn, tôi tưởng chừng như hiếm có chuyến đi nào lại ngắn hơn đối với đại tá Ross, bởi vì chúng tôi đều say sưa nghe Holmes nói.

- "Tôi đi tới Devonshire với sự căm giận rằng Sim-sơn là thủ phạm, tuy vẫn nhận thức rằng chưa đủ bằng chứng để buộc tội anh ta.

"Chỉ tới khi ngồi ở trong xe, ngay trước cửa nhà người huấn luyện ngựa, tôi mới nhận ra cái ý nghĩa kinh khủng trong món thịt cừu nấu ca-ri. Các bạn còn nhớ là tôi đã tỏ ra đáng trí, vẫn ngồi yên trên xe trong lúc quý bạn đã xuống xe cả rồi. Lúc đó, tôi đang tự hỏi vì sao tôi lại bỏ qua một chỉ dấu lớn như vậy.

- "Về phần tôi", viên đại tá nói, "tôi xin thú nhận là ngay đến bây giờ tôi vẫn không thấy chỉ dấu ấy giúp chúng ta được gì".

- Trong cái chuỗi lập luận của tôi, nó là khâu đầu tiên. Bột thuốc phiện đầu hẳn là không có vị gì. Cái vị của nó chẳng có gì là khó chịu cả, nhưng nó có thể nhận ra được. Cho nên nếu nó được đem trộn vào một món ăn bình thường, người ăn sẽ phát hiện ra và có thể họ sẽ không ăn. *Ca-ri là món thích hợp để che giấu cái mùi vị ấy.*

Làm sao có sự trùng hợp quái gở này? Người lạ Sim-sơn đem bỏ á phiện vào thức ăn của cậu bé vào đúng lúc thức ăn đó lại là ca-ri (chỉ có ca-ri mới lẫn át mùi bột á phiện). Thật là không thể tưởng tượng nổi ! Vậy là Sim-sơn bị loại ra ngoài nghi vấn. Tôi chú tâm vào Tra-cơ và bà vợ y : quả thật chỉ có họ mới có thể chọn lựa món thịt cừu nấu ca-ri cho bữa tối đó. Thuốc phiện đã được bỏ thêm vào sau khi cái đĩa đựng món ăn dành cho cậu giữ ngựa được để riêng ra. Chính vì thế mà những người khác cũng đã ăn món đó nhưng vẫn bình yên. Vậy thì ai trong hai người đó đã tới gần đĩa thức ăn mà cố tỏ gài lại không trông thấy?

Vụ rắc rối về Sim-sơn đã cho thấy có một con chó canh giữ chuồng ngựa. *Thử hỏi ai là người đã đi vào rồi lại đi ra với một con ngựa mà con chó lại không sủa (để đánh thức hai anh chàng giữ ngựa ngủ trong cái vựa). Đó chắc chắn phải là người mà con chó rất quen thuộc !*

“Tôi đã tin rằng giữa đêm khuya Tra-cơ xuống chuồng ngựa và bắt con Ngọn lửa bạc. Nhằm mục đích gì? Chắc chắn là trong một mục đích bất lương, nếu không thì y đã không đánh thuốc mê anh chàng gác chuồng. Tôi suy nghĩ nát óc để đoán xem y đã nghĩ gì, trong đầu óc y. *Đã từng có nhiều vụ các huấn luyện viên kiếm được nhiều tiền bằng cách đánh cá ngựa của họ bị thua, qua những người trung gian, và sau đó ngăn cản không cho ngựa của họ thắng bằng một mảnh khoe nào đó. Đôi khi, do một gã dô-kê kim hãm ngựa, hoặc do một phương pháp tinh tế hơn. Với Tra-cơ, anh ta hành động ra sao? Tôi hy vọng là những đồ vật ở trong các túi quần áo anh ta sẽ giúp tôi.*

“Quả đúng như vậy. Hai bạn chưa quên con dao kỳ lạ nằm trong bàn tay người chết : con dao mà không một đầu óc tinh táo nào lại chọn làm vũ khí. Con dao đó được dùng trong những ca mổ tinh tế nhất. Thưa đại tá, ông thừa biết rằng ta có thể tạo ra một vết đứt nhỏ trên những gân khoeo con ngựa, mà nếu làm bên dưới da thì vết đó không để lại một dấu vết nào. Một con ngựa bị “*khía gân*” như vậy sẽ đi hơi khập khiễng, điều đó sẽ chỉ được gán cho chứng phong thấp hoặc cho sự tập luyện quá sức.

- Quân vô lại ! - Ông đại tá kêu lên.

Đó là lý do mà Tra-cơ muốn đưa con ngựa ra ngoài cánh đồng, bởi vì nếu bị mũi ngọn con dao rạch vào gân chân, chắc chắn con Ngọn lửa bạc sẽ hung hăng đánh thức cả đến người ngủ say nhất thế gian. Vậy là phải ra tay ngoài trời.

- “Tôi đã mù quáng”. Viên đại tá rên rỉ. “Chính vì thế mà nó cần đến đèn cây và đã quẹt que diêm lên đấy”.

- Dĩ nhiên. Nhưng khi quan sát các đồ vật của anh ta, tôi còn hiểu được những động cơ gây ra tội ác nữa. Thưa đại tá, một người từng trải không bao giờ mang theo trong túi mình những hóa đơn của một người khác. Chúng ta thanh toán những hoá đơn của chính mình là đủ rồi. Ngay đó tôi kết luận là Tra-cơ có một gia đình thứ nhì. Tính chất của tờ hoá đơn chứng tỏ là nó dính dáng đến một người đàn bà, và người đàn bà đó đã tiêu xài hoang phí. Cho dù đại tá có đối xử rộng rãi đến đâu, Tra-cơ cũng không thể mua sắm cho vợ những bộ quần áo giá hai mươi lăm ghi-nê ! Tôi hỏi vặn bà Tra-cơ về bộ quần áo nữ và khi được bà đoán chắc là bà chẳng bao giờ có bộ quần áo như vậy, tôi bèn ghi địa chỉ của tiệm may. Và xin một tấm hình của Tra-cơ.

“Kể từ lúc đó, tất cả đều đơn giản. Tra-cơ dắt con ngựa đến một chỗ đất trống là nơi mà ánh sáng ngọn đèn cây sẽ không bị ai trông thấy. Về phần Sim-son, khi bỏ trốn, y đã đánh mất cái cà-vạt. Tra-cơ lượm lấy, có thể với ý định dùng nó để giữ cho con ngựa đứng yên. Khi đã vào trong cái trống rồi, hấn ra đằng sau con Ngựa lửa bạc và quẹt cây diêm lên. Nhưng con vật hoảng sợ vì cái ánh sáng đột ngột đó, hoặc bị thúc đẩy bởi cái bản năng kỳ lạ, linh cảm rằng người ta sắp làm hại nó, nên nó đã bứt lên thật mạnh và đập văng vào trán của Tra-cơ. Mặc dù trời mưa và để cho khỏi vướng víu, anh ta đã cởi áo đi mưa ra mặc lên bụi cây. Và khi y té xuống, con dao đã vạch dài trên đùi.

- “Tuyệt vời !”. Viên đại tá reo lên. “Tuyệt vời ! Cứ y như là ông có mặt ở ngay nơi đó !”

- Sau đây là cú đánh chót của tôi. Tôi nghĩ rằng một người quý quyết như Tra-cơ hẳn sẽ không làm cái việc cắt gân nếu chưa được tập dượt từ trước. Vậy anh ta thực tập với cái gì đây? *Mất tôi lọt xuống đàn cừu và có ngay câu trả lời.*

- Tất cả đều đã được làm sáng tỏ, thưa ông Holmes.

- Khi quay trở về Luân Đôn, tôi đến gặp người may quần áo phụ nữ và bà ta nhận ra ngay John là một khách hàng ưu hạng, có tên là Đạt-bi, và bà vợ thì mê mọt những tấm áo đắt tiền. Người đàn bà đó đã dòn anh ta vào một tình hình tài chính thảm hại, khiến anh ta phải phạm tội.

- Ông đã giải thích tất cả, ngoại trừ một điều : trong thời gian đó, con ngựa ở đâu?

- Nó đã chạy trốn và được Si-la nuôi giùm. Và về điều này, chúng ta phải tỏ ra rộng lượng đối với Si-la, thừa đại tá.

Bộ mặt vàng lợt

Một lần vào đầu xuân, Holmes và tôi cùng đi dạo trong công viên. Những chiếc lá đầu tiên nhú lên trên các cành cây du, những cái chồi dính dính của hàng cây dẻ đang cựa quậy thành mấy chiếc lá non đẹp. Chúng tôi đi suốt hai tiếng liền. Khi quay trở về thì đã gần năm giờ.

- "Thưa ông", chú bé giúp việc vừa mở cửa vừa nói. "Có một vị khách đến... Ông ta hỏi ông".

- Khách đi rồi à? - Holmes hỏi.

- Vâng, thưa ông !

- Sao cháu không mời ông ta vào nhà ngồi chơi một lát?

- Dạ có, ông ấy có vào nhà.

- Ông ta đợi lâu không?

- Nửa tiếng. Khách rất sốt ruột. Suốt thời gian ở đây ông ta cứ đi đi lại lại khắp phòng. Cuối cùng, ông ấy chạy ra ngoài hành lang và than thở "*Không biết đến khi nào ông Holmes mới về?*" Cháu đáp ngay : "*Một lát nữa thôi !*" Ông ta nói : "*Được, tôi sẽ chờ, nhưng tôi sẽ không chờ ở đây, mà ở nơi không khí thoáng đãng kia ! Chốc nữa tôi sẽ quay trở lại*". Thế là ông ấy đi thẳng.

- "Giỏi ! Cháu đã làm được việc". Holmes nói và chúng tôi bước vào căn phòng của mình. "Tuy nhiên, thật là bực mình ! Tôi đang buồn chán vì thiếu việc làm. Suy từ sự nôn nóng của người ấy thì chắc công việc này quan trọng đây.Ồ ! Chiếc tẩu thuốc của ông ta? Chiếc tẩu tuyệt vời với cái tay cầm dài cứng như vậy", Holmes xoay xoay chiếc tẩu trong tay và xem xét nó với vẻ thận trọng.

Anh dùng ngón tay trỏ gõ gõ vào nó tựa như giáo sư giải phẫu học đang giảng về một thứ xương nào đó. Rồi nói tiếp :

- Chủ nhân của nó hẳn là một người vạm vỡ, thuận tay trái, có bộ răng tốt, và là người phong lưu.

- Chỉ vì thấy ông ta có chiếc tẩu đất giá mà anh cho rằng đó là một người giàu có hay sao?

Holmes khê khàng gỡ chiếc tẩu thuốc trong lòng bàn tay của mình :

- Bởi vì ông ta có thể mua thứ thuốc lá hảo hạng đắt gấp hai lần thuốc bình thường.

- Anh còn kết luận nào không?

- Anh ta có thói quen hút thuốc lá dưới ngọn đèn bàn hoặc đèn bằng khí ga : chiếc tẩu cháy xém. Nó bị cháy chỉ ở phía phải : Vậy chủ nhân của nó là người thuận tay trái. Hãy thử châm tẩu thuốc bằng đèn bàn đi. Bởi anh không thuận tay trái, cho nên tự nhiên anh đưa phần trái của tẩu thuốc đến gần ngọn lửa. Sau đó anh ta cắn xuyên qua bốt. Chỉ một người khỏe mạnh và có bộ răng tuyệt vời mới có thể làm được chuyện đó... Song nếu tôi không lầm thì kia là tiếng từng bước chân của ông ta ngoài cầu thang?

Chưa đầy một phút sau, cánh cửa rộng mở. Một người đàn ông khoảng 30 tuổi, cao lớn bước vào phòng. Ông ta mặc bộ com-lê màu thẫm bằng thứ vải tốt được cắt khéo léo. Tay cầm một chiếc mũ phớt màu đà rộng vành.

- "Xin thứ lỗi" Ông ta nói có phần hơi lưỡng cốong."Hẳn là tôi cần gõ cửa. Nhưng quả thực tôi hơi bối rối" Ông ta đưa tay lên xoa xoa trán như một người đầu óc bị choáng váng.

- "Ông đã mất ngủ đến hai đêm rồi". Holmes từ tốn nói. "Điều đó làm hao kiệt thần kinh nhiều hơn so với làm việc. Xin được phép đề nghị, tôi có thể giúp ông được gì không?"

- Tôi muốn được ông khuyên giải, thưa ông...

- Ông muốn tôi giúp ông với tư cách một người tư vấn, một thám tử hay sao.

- Vàng. Ông là người từng trải việc đời. Và tôi muốn ông chỉ bảo cho tôi những việc tôi cần làm. - Ông ta nói những câu ngắn, mạnh và dứt quãng.

- Ông Môn-rô thân mến ... - Holmes bắt đầu nói.

Vị khách của chúng tôi nhòm phát dậy.

- Sao ! Ông biết tên tôi à? - Ông ta kêu lớn.

- "Nếu ông muốn ẩn danh". Holmes mỉm cười nói, "thì đừng viết tên mình trên mảnh vải lót của chiếc mũ, hoặc là đừng xoay chiếc mũ lại để người nói chuyện với mình không thấy hàng chữ đó. Tôi muốn nói rằng tại căn phòng này, anh bạn của tôi và tôi đã từng nghe nhiều điều bí mật đáng kinh ngạc. Và chúng tôi đã đem lại niềm thư thái cho bao tâm hồn đầy lo âu. Chúng tôi rất vội, bởi vậy xin ông nhanh chóng kể cho tôi nghe tất cả những gì đã xảy ra.

Vị khách lại lấy tay xoa trán. Ông ta có vẻ khó khăn khi bắt đầu câu chuyện. Mỗi cử chỉ, mỗi nét mặt đều chứng tỏ ông ta là một người kín đáo, giữ ý và kiêu hãnh. Ông ta có thiên hướng che đậy những vết thương lòng của mình hơn là phơi bày ra. Nhưng đột nhiên ông ta giận dữ vùng tay lên, tựa như quảng tính dè dặt vào một hướng nào đó.

- Tôi cưới vợ đã ba năm, chúng tôi hoàn toàn hạnh phúc. Không hề giấu giếm nhau điều gì, cả ý nghĩ lẫn hành động. Thế nhưng, từ thứ hai vừa rồi. Chúng tôi trở thành xa lạ với nhau, và tôi muốn biết vì sao như vậy... Tôi biết rõ chưa bao giờ nàng yêu tôi bằng lúc này. Nhưng, nếu điều bí ẩn chắn giữa chúng tôi chưa được tháo gỡ thì mối quan hệ tốt đẹp giữa chúng tôi sẽ không tồn tại.

- Cám ơn ông đã cho tôi biết sự thực. Ông Môn-rô.

- E-phi đến Hoa Kỳ sống ở thành phố Arlanta lúc còn rất trẻ. Tại đó nàng kết hôn với một luật sư có tiếng trong vùng. Họ sống hạnh phúc và có một mụn con. Nhưng sau một trận dịch sốt vàng da đã giết chết chồng và con, nàng trở về Anh

quốc sống với người di ở Middlesex. Tôi thấy cần phải nhắc lại rằng sau cái chết của chồng, nàng thừa hưởng một gia tài chừng bốn ngàn rưỡi bảng Anh nằm trong ngân hàng. Hàng năm nàng nhận được bảy phần trăm tiền lãi. Nàng chỉ sống với người di chừng nửa năm thì tôi gặp nàng. Chúng tôi yêu nhau và sau vài tuần thì làm phép cưới. Lúc đó nàng hai mươi lăm tuổi.

Tôi là người buôn hoa bia. Lãi suất của tôi độ chừng tám trăm bảng Anh một năm, bởi thế chúng tôi sống khá phong lưu : một biệt thự tốt ở Norbury. Thị trấn này không khác thôn quê cho lắm. Tại đó có hai ngôi nhà và một khách sạn cao hơn biệt thự của chúng tôi một chút. Còn ngay phía trước mặt chúng tôi có một vi-la đứng tách riêng ra. Ngoài những ngôi nhà ấy không còn một công trình xây dựng nào ở gần ga hơn nữa. Khi tôi lập gia đình, vợ tôi đã chuyển giao cho tôi toàn bộ tài sản của nàng. Tôi không đồng ý, vì ngại rằng nếu tôi bị thất bại trong công việc làm ăn, thì vốn liếng của nàng mất hết. Nhưng nàng vẫn nằng nặc đòi làm theo ý mình. Đột nhiên, cách đây hơn một tháng, nàng nói với tôi như thế này :

- Jack này, lúc anh nhận tiền của em, anh nói rằng vào bất kỳ lúc nào em cũng có thể lấy lại số tiền đó.

- Tất nhiên, vì đây là số tiền của em.

- Em đang cần một trăm bảng Anh.

- Để làm gì?

- “Anh yêu !” Nàng lưỡng cống trả lời. “Anh nói anh là chủ ngân hàng của em... Thế mà, có bao giờ các chủ ngân hàng hỏi khách rút tiền để làm gì?”

- Nếu em cần thì có ngay đây thôi.

- Vâng.Em cần.

- Em sẽ không nói ư?

- Sau này sẽ nói. Còn bây giờ thì không.

“Tôi buộc phải vui lòng với câu trả lời như thế. Từ đấy trở đi, nàng không giấu tôi một điều gì nữa. Tôi đưa séc cho

nàng và không nghĩ gì thêm về câu chuyện đó. Như tôi vừa nói với ông, có một biệt thự nằm cách không xa ngôi nhà của chúng tôi. Hai căn nhà chỉ cách nhau có một bãi cỏ. Để đến ngôi biệt thự, người ta phải đi theo một con đường và sau đó rẽ vào lối mòn. Ngay phía sau biệt thự, là một cánh rừng thông nhỏ. Tôi rất thích đi dạo trong cánh rừng. Suốt tám tháng ròng, trong biệt thự không có người ở. Tôi lấy làm tiếc là ngôi nhà lại bỏ không như vậy. Đó là một tòa lâu đài hai lầu xinh xắn, với những cột hành lang cổ kính. Nhiều lần khi dừng lại trước ngôi nhà, tôi tự nghĩ : "Thật là một dinh cơ nhỏ nhắn, đậm ấm biết bao !".

Thế rồi, vào buổi chiều thứ hai tuần trước. Trong khi đi dạo, tôi nhìn thấy một chiếc xe chở hàng có mui chạy trên đường. Sau đó trên bãi cỏ phía trước thềm chất đống những tấm thảm và các đồ đạc khác. Rõ ràng ngôi biệt thự đã được cho thuê. Tôi đi quanh ngôi nhà, trong một khuôn cửa sổ có một khuôn mặt đang theo dõi tôi. Từ xa, tôi không thể xem xét kỹ bộ mặt ấy, nhưng tôi cảm thấy ở đó có một cái gì trái tự nhiên, phi-nhân-tính. Do ấn tượng này, tôi muốn đến gần hơn để biết ai đang theo dõi mình. Nhưng đúng vào lúc đó, khuôn mặt màu vàng xám xịt đó tự nhiên biến mất. Hình như có ai đứng phía sau kéo người ấy vào. Tôi đứng chùng năm phút nữa, rồi quyết định trèo lên bậc tam cấp, gõ cửa. Ngay lập tức, một người đàn bà cao nghệu với dáng vẻ không hài lòng ra mở cửa.

- Ông cần gì? - Bà ta hỏi với giọng người Scotlan the thé.

- Tôi là láng giềng của bà, ở ngay cạnh đây. Tôi thấy bà mới đến. Liệu tôi có thể giúp bà được điều gì chăng?

- Khi nào cần, chúng tôi sẽ gọi ! - Bà ta nói và đóng sầm cửa lại.

Suốt buổi tối, mặc dù tôi cố gắng nghĩ về một điều gì khác, nhưng ý nghĩ của tôi vẫn cứ trở về với bộ mặt thập thò trong cửa sổ và người đàn bà xác xược đó. Tôi không nói gì

cho vợ tôi biết. Nàng là người đàn bà dễ buồn phiền. Chỉ tới lúc đi ngủ, tôi cố nhận xét qua quýt với nàng là ngôi nhà bên cạnh đã có người ở. Nàng làm thính.

Đêm hôm ấy, giữa giấc ngủ, tôi mang máng cảm thấy chung quanh mình đang có một cái gì đó diễn ra. Điều sau đây từ từ đến trong ý thức của tôi : *Vợ tôi thức dậy, bắt đầu choàng áo ngoài và đội mũ.* Trong giấc ngủ, tôi sẵn sàng biểu lộ một cái gì tựa như phản đối hoặc ngạc nhiên. Nhưng, sau khi hé mắt ra, dưới ánh sáng của ngọn nến, tôi thấy *mặt nàng xanh ngắt, nàng thở hổn hển lúc cài áo khoác vào người và lên lút nhìn vào giường; yên chí là tôi đang ngủ, nàng thận trọng lên ra khỏi phòng.* Một thoáng sau, tôi nghe có tiếng cọt két của chiếc cửa ra vào. Tôi ngồi dậy đập đập tay vào thành giường để biết chắc là mình đang thức. Tôi rút chiếc đồng hồ ở dưới gối : *ba giờ sáng.* Vợ tôi làm gì giữa đêm hôm thanh vắng này?

Tôi ngồi thừ ra đến hai mươi phút, cố gắng tìm ra một lời giải thích nào đó. Nhưng càng suy nghĩ lại càng khó hiểu. Tôi càng lúng túng hơn khi cánh cửa ra vào lại khẽ mở và có tiếng bước chân của vợ tôi trên cầu thang.

- Em ở đâu đấy, E-phi? - Tôi hỏi, khi nàng bước vào.

Toàn thân nàng run lên. Nàng khẽ kêu lên một tiếng, sự xúc động và tiếng kêu này khiến tôi lo sợ hơn tất cả. Trong tiếng kêu ẩn chứa một điều tội lỗi. Vợ tôi luôn luôn là người đàn bà trung thực. Bởi thế, tôi lạnh cả người khi nàng len lén đi vào phòng mình.

- "Anh không ngủ hay sao, Jack?" Nàng thốt lên trong nụ cười gượng gạo.

"Em tưởng rằng không gì có thể khiến anh thức".

- Em đã ở đâu? - Tôi lạnh lùng hỏi.

- "Em hiểu anh đã ngạc nhiên như thế nào", nàng nói khi nàng cởi cúc áo khoác. Ngoài ra, tôi còn nhận thấy những

ngón tay của nàng run lẩy bẩy. “Trước đây chưa bao giờ em nghĩ rằng có một chuyện gì xảy ra với em. Chuyện chỉ có thể này : Đột nhiên em bắt đầu cảm thấy ngột thở. Em cần không khí trong lành. Em đã ra đứng cạnh cửa chừng vài phút, và bây giờ em lại cảm thấy bình thường”.

Khi nói những lời này, nàng không quay về phía tôi và giọng của nàng không như mọi khi. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa : nàng đã nói dối. Tôi không trả lời, quay mặt vào tường với nỗi đau đớn trong tim. Vợ tôi đã giấu giếm tôi điều gì? Nàng đã đi đâu? Từ đó cho đến sáng, tôi luôn cựa mình, trần trọc, gắng tìm một lời giải thích đáng tin cậy hơn.

Ngày hôm ấy, tôi phải ra thành phố. Thế nhưng tôi lo lắng đến mức không làm được việc gì. Vợ tôi hình như cũng lo lắng. Trong lúc ăn sáng, chúng tôi trao đổi với nhau một lời. Và ngay sau đó tôi đi đến cung điện Crystal, ở đó một giờ đồng hồ và trở về Norbury lúc một giờ trưa. Khi qua tòa biệt thự, tôi dừng lại giây lát, nhìn vào khung cửa sổ? Đột nhiên, cánh cửa mở rộng và vợ tôi trong đó bước ra.

Tôi ngày người khi nhận ra nàng. Trong khoảnh khắc tôi cảm thấy vợ tôi muốn ẩn mình vào trong nhà. Tuy nhiên, khi biết mọi sự trốn chạy đều vô hiệu, nàng bắt đầu bước về phía trước và mỉm cười :

- “Ôi, Jack !” Nàng nói. - “Em rẽ vào vì muốn biết có thể giúp những người láng giềng của chúng ta được điều gì không? Tại sao anh lại nhìn em như vậy”.

- Ban đêm em ở đây phải không?

- Anh muốn nói gì vậy? - Nàng kêu lên.

- Em đã đến đây, anh tin chắc như vậy ! Sao em tới thăm họ vào lúc nửa đêm.

- Chưa khi nào em ở đây cả.

- “Sao em lại nói dối?”. Tôi bắt đầu kêu lên. “Thậm chí giọng nói của em cũng bị thay đổi khi nghe anh hỏi. Phải

chàng em đã có những điều bí ẩn đối với anh... Anh sẽ vào biệt thự này và sẽ tự mình khám phá ra tất cả”.

- Dừng ! Dừng ! Anh !

Nàng thở hắt hên khi không đủ sức che giấu nỗi khiếp đảm của mình. Lúc tới gần cánh cửa, nàng đã túm lấy tay tôi, kéo tôi ra với một sức mạnh không ngờ.

- “Em van anh, đừng vào !”. Nàng la lên. “Em thề rằng sớm hay muộn rồi em cũng kể cho anh nghe tất cả. Nhưng sau, sau này đã... Nếu anh vào ngôi nhà này, một tai họa sẽ xảy ra”.

Tôi gắng vùng thoát khỏi tay nàng thì nàng lại càng túm lấy tôi với những lời cầu xin điên cuồng.

- “Hãy tin em” Nàng kêu lên. “Hãy tin em chỉ lần này thôi ! Anh sẽ không bao giờ hối tiếc đâu. Còn nếu như em có giấu anh chuyện gì thì cũng chỉ vì anh mà thôi. Chúng ta sẽ cùng trở về nhà đi, rồi mọi chuyện sẽ đâu vào đấy. Còn nếu anh đi vào ngôi nhà này ngoài ý muốn của em thì mối quan hệ của chúng ta sẽ chấm dứt”.

Giọng nói của nàng chứa một sự tuyệt vọng chân thật đến nỗi tôi phải dừng lại trước cửa ngôi nhà.

- “Anh chỉ tin em với một điều kiện”. Cuối cùng tôi nói. “Anh muốn tất cả sẽ được mau chóng kết thúc. Em có thể giữ kín bí mật của mình, nhưng hãy hứa với anh là phải ngừng ngay mọi cuộc thăm viếng ban đêm và sẽ không làm một điều gì lén lút nữa”.

- “Em xin hứa”. Nàng thốt lên với tiếng thở phào nhẹ nhõm. “Mọi chuyện sẽ diễn ra như ý. Nào, hãy đi về nhà đi !”.

Nàng vừa nắm lấy tay áo tôi vừa kéo tôi ra khỏi biệt thự. Nhân thể tôi ngoảnh trông lên khung cửa sổ phía trên và tôi lại thấy khuôn mặt màu vàng tái ngắt đang theo dõi chúng tôi. Có thể có mối liên hệ nào giữa vợ tôi với con người này vậy? Hoặc nàng đã có mối quan hệ gì với người đàn bà thô lỗ hôm trước?

Sau chuyện đó, tôi ở nhà luôn hai ngày liền. Hình như vợ tôi nghiêm chỉnh tuân theo các giao ước giữa chúng tôi. Nàng không ra khỏi nhà. Thế nhưng, sang ngày thứ ba thì không thể có lời nguyện nào giữ nổi nàng.

Vào ngày hôm đó tôi đi ra thành phố và trở về trên chuyến tàu hỏa hai giờ bốn mươi phút, nghĩa là về sớm hơn thường lệ. Khi tôi bước vào nhà thì người phụ nữ hầu phòng chạy ra gặp tôi với bộ mặt đay và sợ hãi.

- Bà chủ đâu? - Tôi hỏi.

- Hình như bà đi dạo chơi.

Tôi sinh nghi, chạy bổ lên lầu để biết chắc là nàng có ở nhà hay không. Tôi vô tình nhìn qua cửa sổ và thấy người hầu phòng băng qua bãi cỏ để tới ngôi biệt thự. Tôi hiểu ngay.

Run lên vì phẫn nộ, tôi lao nhanh xuống phía dưới, bước qua bãi cỏ, quyết chấm dứt vĩnh viễn chuyện này. Tôi trông thấy vợ tôi cùng người hầu gái đang chạy theo lối mòn về nhà. Thế nhưng tôi không đứng lại nói chuyện với họ. Tôi thể phải khám phá ra bí mật này. Không hề gõ cửa, tôi xoay tay nắm cánh cửa, chạy vào hành lang.

Lầu một thật im ắng. Ở nhà bếp, ấm trà đang sôi trên lửa, còn con mèo đen thì đang nằm cuộn tròn. Không thấy bóng dáng người đàn bà tôi gặp trước đây. Tôi chạy bổ sang phòng khác : cũng trống không. Tôi băng mình lên phía trên. Không có ai trong hai phòng. Toàn bộ ngôi nhà không một bóng người. Từ đồ đạc đến cách bài trí đều tuềnh toàng và phàm tục nhất, trừ mỗi một căn phòng mà qua cửa sổ của nó, tôi đã nhìn thấy bộ mặt khủng khiếp trước đây. Đó là căn phòng được xếp đặt thuận tiện và trang nhã. Tất cả mỗi hoài nghi của tôi đã chuyển thành lòng căm giận mãnh liệt và cháy bỏng khi tôi nhìn thấy bức ảnh toàn thân của vợ tôi trên lò sưởi. Bức ảnh này được chụp theo yêu cầu của tôi cách đây ba tháng.

Tôi ở đó đủ thời gian cần thiết để xác định đây quả thực là một ngôi nhà hoàn toàn trống rỗng. Khi ấy, tôi rời ngôi nhà với một nỗi đau đớn trong tim. Lúc quay về nhà, vợ tôi bước tới gần tôi. Nhưng tôi đau lòng và căm giận tới mức không buồn nói chuyện với nàng. Tôi đi qua chỗ nàng, cố lảng tránh để vào phòng mình. Tuy vậy nàng vẫn theo kịp trước khi tôi đóng cửa lại.

- "Rất tiếc là em đã vi phạm lời cam kết. Nhưng giá như anh rõ mọi chuyện thì chắc anh sẽ tha thứ cho em".

- Hãy kể đi !

- Không kể được, Jack ạ.

- Chứng nào em chưa nói ai sống trong căn biệt thự ấy và em đã trao bức ảnh cho ai thì anh sẽ không bao giờ tin em.
- Tôi nói lớn và sau khi vùng thoát khỏi nàng, tôi đi ra khỏi nhà.

Chuyện đó xảy ra vào ngày hôm qua, ông Holmes ạ ! Ngày hôm nay tôi không về nhà. Sự giả dối của nàng đã khiến tôi lo ngại. Sáng nay tôi nghĩ đến ông.

Nãy giờ Holmes ngồi im lặng, chống tay lên cằm hồi lâu. Cuối cùng anh hỏi.

- Ông có cam đoan rằng ông đã nhìn thấy bộ mặt của người đàn ông trong cửa sổ không?

- Lần nào tôi cũng đứng khá xa, nên tôi không cả quyết điều đó.

- Có điều nó gây cho ông một ấn tượng khó chịu chứ?

- Nó có vẻ chột chóc và bất động đến ghê sợ. Khi tôi đến gần thì nó lập tức biến mất.

- Bà nhà xin ông 100 bảng Anh hồi nào?

- Cách đây hai tháng.

- Có khi nào ông thấy bức ảnh người chồng trước của vợ ông không?

- Không. Chẳng bao lâu sau khi ông ta chết, ở Atlanta đã xảy ra một vụ cháy lớn, mọi giấy tờ đều bị thiêu huỷ.

- Tuy nhiên bà nhà hẳn có giấy khai tử của ông ta chứ?

- Vâng, nàng có nhận được bản sao sau vụ cháy.

- Có bao giờ ông gặp bất kỳ một ai đã biết vợ ông ở Mỹ không?

- Không.

- Có khi nào vợ ông nói là đang thu xếp đi thăm lại nơi đó không?

- Không.

- Chắc bà có nhận được thư ở bên đó?

- Theo tôi biết thì không.

- Cảm ơn ông ! Tôi muốn được suy ngẫm một chút. Có lẽ những người sống trong biệt thự đã dự đoán trước về việc đột nhập của ông, nên họ đi khỏi trước khi ông tới. Nếu thế thì rất có thể họ sẽ quay trở về và chúng ta sẽ dễ dàng lý giải mọi chuyện. Vậy ông hãy trở lại Norbury tiếp tục theo dõi các cửa sổ của tòa biệt thự. Nếu ông thấy họ sống trong đó thì đừng có xộc vào, mà hãy đánh điện cho chúng tôi. Một giờ sau khi nhận được điện, chúng tôi sẽ có mặt.

- Còn nếu vẫn chưa có người ở thì sao?

- Nếu thế, ngày mai tôi sẽ đến. Chúng tôi sẽ cùng ông bàn bạc. Xin tạm biệt !

- “Anh Watson, có thể đây là một câu chuyện thật tồi tệ” Holmes nói sau khi tiễn chân ông Môn-rô ra khỏi cửa. “Anh nghĩ sao”?

- Đây là một chuyện hoàn toàn như nhuốc.

- Quả vậy, đây là sự dọa nạt để cầu lợi. Nếu không đúng thế thì tôi rất mực sai lầm.

- Thế ai là kẻ dọa nạt?

- Người sống trong căn phòng đầy đủ tiện nghi ấy, người đã giữ bức ảnh của người đàn bà trên lò sưởi. Bộ mặt màu

vàng cạnh cửa sổ không hiểu vì lẽ gì đó, cứ bám chặt lấy tôi. Và tôi quyết không bỏ qua vụ này.

- Anh có giả thiết nào chưa?

- Mới chỉ là giả thiết bước đầu thôi ! Trong tòa biệt thự có đức ông chồng đầu tiên của người đàn bà này.

- Vì sao anh nghĩ như thế?

- Khi người chồng hiện tại định vào nhà, bà đã sợ hết hồn. Tại sao vậy? Theo tôi, sự thật là thế này : Người đàn bà đã lấy chồng ở Mỹ. Sau đó anh ta trở thành người đáng ghét đối với bà. Chúng tôi giả thiết ông ta có thể bị bệnh phong hoặc có thể thành kẻ ngu đần. Rồi cuộc bà bỏ ông ta, và trở về Anh quốc, thay tên và bắt đầu sống lại từ đầu. Bà đi bước nữa hồi ba năm về trước và đã coi địa vị của mình là hoàn toàn vững chắc. Thế nhưng nơi ở của bà bị phát hiện hoặc bởi người chồng đầu tiên, hoặc bởi người đàn bà trâng tráo gắn bó với người bệnh. Họ viết thư cho bà ta, đe dọa là sẽ đến tố giác bà. Bà ta dùng 100 đồng để cho họ im. Do vậy mà họ đã đi đến đó. Khi người chồng vô tình nói cho bà hay về sự xuất hiện của những người mới tới ở tòa biệt thự. Bà ta đã đoán được đó chính là những kẻ đang săn lùng bà. Sau khi chờ chồng mình ngủ say, bà chạy tới đó thuyết phục họ để bà được sống yên lành. Lần đầu không đạt, bà lại tới chỗ họ vào sáng hôm sau. Nhưng vừa ra khỏi nhà thì bắt gặp chồng. Bà hứa với chồng là sẽ không vào đó nữa. Tuy vậy, hai ngày sau, hy vọng được thoát khỏi những người lảng giềng lại bùng lên trong lòng bà. Không kìm hãm nổi, bà toan trở lại mặc cả với họ. Bà đã trao bức ảnh của mình là theo đòi hỏi của họ. Giữa lúc chuyện trò, người hầu gái chạy tới báo cho họ biết là ông chủ đã về nhà. Khi ấy, người vợ đã dẫn họ theo lối cửa sau, có lẽ ra ngoài rừng thông bên cạnh. Như vậy người khách của chúng ta chỉ thấy một ngôi nhà trống không mà thôi.

- Theo tôi đây mới chỉ là phỏng đoán.

- Đúng vậy. Nhưng nó soi sáng hết thảy. Nếu các sự kiện mới nổi lên mà không thể giải thích được, chúng ta sẽ có đủ

hời gian để chuyển qua xem xét giả thiết của tôi. Chúng ta chưa thể bắt tay vào cuộc nếu chưa nhận được tin tức của ông ta từ Norbury.

Chúng tôi không phải chờ đợi lâu. Bức điện đã đến ngay sau bữa điểm tâm.

“Biệt thự có người. Lại nhìn thấy bộ mặt trong cửa sổ. Gặp lúc 7 giờ. Không tiến hành chừng nào các ông chưa đến”.

Ông ta đợi chúng tôi tại sân ga, mặt xanh xao, cả người run rẩy.

- “Họ còn ở đấy, ông Holmes ạ !”, ông nói sau khi cầm tay bạn tôi. “Tôi trông thấy ánh sáng trong tòa nhà khi đi qua đó”.

- Kế hoạch của ông thế nào?

- Tôi muốn đột nhập vào đó : nếu chính mắt mình trông thấy một kẻ nào đó trong nhà, tôi yêu cầu các ông trở thành những nhân chứng.

- Ông kiên quyết như vậy?

- Cương quyết.

- Thôi được, ông có lý. Bất kỳ sự thật nào cũng tốt hơn tình trạng không rõ ràng như hiện giờ. Cố nhiên chúng ta vi phạm pháp luật, nhưng việc này nên làm như thế.

Đêm hôm ấy trời tối đen như mực. Khi chúng tôi từ đường lớn rẽ vào lối mòn thì trời bắt đầu mưa lâm râm, ông Môn-rô lao mình về phía trước, chúng tôi theo sau.

- “Lửa sáng của ngôi nhà tôi ở đằng kia kia !”. Ông vừa chỉ vào ngọn lửa lấp ló giữa lùm cây vừa lầu bầu nói. “Còn đây là tòa biệt thự, tôi sẽ vào đó”.

Chúng tôi rẽ vào lối mòn và tiến sát đến tòa nhà. Cánh cửa ra vào hé mở. Một vệt sáng vàng nổi rõ trên nền đất đen. Có một cửa sổ trên gác thượng sáng rõ. Chúng tôi thấy vệt thẩm chuyển động theo rèm cửa.

- “Tên súc sinh ở đó đấy !”, Môn-rô thốt lên. “Chính các ông trông thấy nó là ai rồi ! Bây giờ hãy theo tôi”.

Chúng tôi tiến đến gần cửa chính. Đột nhiên từ trong bóng tối, một người đàn bà bước ra, dang hai tay ra phía trước, van nài :

- “Trời ơi ! Không nên, anh !”. Bà kêu lên. “Em biết thế nào anh cũng sẽ đến. Hãy bình tĩnh lại. Anh yêu quý ! Hãy một lần nữa tin vào em và rồi anh sẽ không bao giờ hối hận cả đâu !”.

- “Từ lâu tôi đã tin bà !”. Ông lãnh đạm trả lời. “Hãy buông tôi ra, tôi cần vào trong đó ! Còn đây là những người bạn của tôi. Họ đến để giúp tôi chấm dứt vĩnh viễn cái việc tôi tệ này”.

Ông gạt bà ta sang một bên, và chúng tôi cùng bước theo. Lúc ông ta đẩy cửa thì có một bà già chạy ra, toan cản đường. Môn-rô đẩy bà ta ra. Một loáng sau chúng tôi đã leo lên cầu thang. Môn-rô vượt lên phía trước, nhìn thẳng căn phòng sáng choang chạy tới. Chúng tôi cũng theo sát ông. Đây là căn phòng đầy đủ tiện nghi được xếp đặt ngay ngắn. Hai ngọn nến đang cháy trên lò sưởi. Trong góc phòng, một người nào đó đang xoay lưng lại phía chúng tôi. Rõ ràng đó là một cháu gái bé nhỏ. Cháu vận váy đỏ và đeo găng tay trắng. Đột nhiên cháu quay về phía chúng tôi và kêu lên vì kinh ngạc và hãi hùng. Bộ mặt cháu thật là kỳ quái : *nhợt nhạt và bất động như mặt người chết*.

Holmes bật cười lấy tay xoa tóc cháu bé. Cái mặt nạ rơi xuống. Trước mặt chúng tôi là một con bé da đen. Cháu mỉm cười vui vẻ. Hàm răng trắng toát. Vẻ mặt kinh ngạc của chúng tôi đã khiến cháu phì cười. Tôi cười hả hê đồng với nỗi vui sướng của cháu. Nhưng Môn-rô xấu hổ, ép chặt tay vào ngực, không rời mắt khỏi cháu.

- Thế này là thế nào? - Ông ta kêu lên.

Người đàn bà với khuôn mặt quả quyết và kiêu hãnh bước vào phòng, lên tiếng.

- Ông ép tôi phải nói ra tất cả những gì ngoài mong muốn của mình. Tôi buộc lòng vậy. *Chồng tôi chết ở Atlanta nhưng đứa bé thì còn sống.*

- Đứa con của bà?

Bà ta gỡ từ cổ ra một sợi dây chuyền có treo một kỷ vật.

- Ông chưa bao giờ trông thấy ông ta à?

- Chưa.

Bà ta tay bấm nút, nắp bật ra. Trong có bức chân dung của một người thông minh, sáng đẹp đến lạ lùng. Khuôn mặt mang những dấu hiệu của gốc người Phi.

- "Ông ta đây". Bà ta nói. "Trên trái đất này chưa bao giờ có một người cao thượng hơn thế. Tôi đã rời bỏ quê hương của tôi để lấy ông. Khi ông còn sống, tôi không một lần nào luyến tiếc về việc đó. Như các Ngài đã thấy đấy, đứa trẻ duy nhất của chúng tôi giống bên nội hơn. Nó đen hơn cha nó. *Song đen hay trắng thì đó cũng là máu thịt của tôi, là đứa con yêu quý của tôi !* Tôi để nó lại Mỹ bởi vì nó yếu quá. Tôi gửi cho một người đàn bà Scoland trung thành với chồng tôi. Nhưng khi tôi gặp ông, tôi đã yêu ông. Tôi buộc lòng phải chọn lựa hoặc là ông, hoặc là con mình. Ba năm sau, tôi đã giấu ông về sự tồn tại của nó. Người bảo mẫu báo cho tôi tất cả và tôi biết là đứa con gái của tôi thực sự khỏe mạnh. Cuối cùng tôi mong mỏi được gặp lại nó. Tôi biết điều đó nguy hiểm, nhưng tôi quyết định chuyển đứa trẻ tới đây trong một vài tuần lễ. Tôi chuyển cho người bảo mẫu 100 bảng Anh và hướng dẫn cho bà ta biết tòa biệt thự này để có thể ở đó như một người hàng xóm. Để phòng ngừa trước, tôi yêu cầu người bảo mẫu ban ngày cần đeo cho đứa trẻ chiếc mặt nạ và găng tay để nếu có ai trông thấy nó trong cửa sổ thì sẽ không bàn tán về sự hiện diện của đứa bé da đen ở đây.

Đầu tiên ông nói với tôi là tòa biệt thự đã có người thuê. Lúc đó tôi không sao ngủ được vì xúc động. Rồi cuộc tôi đã

lên ra ngoài khi biết là ông đang ngủ say. Thế nhưng ông đã phát hiện ra, và đó chính là điểm khởi đầu cho những nỗi bất hạnh của tôi. Ba ngày sau đó, người bảo mẫu và đứa trẻ chỉ vừa kịp chạy qua cửa sau thì ông đã ập vào nhà... Bây giờ ông đã biết hết rồi, ông quyết định như thế nào tùy ông”.

Bà ta nắm chặt lấy tay mình, buồn bã chờ đợi câu trả lời. Môn-rô không nói lời nào, đến bế đứa bé lên, hôn nó và sau khi chia tay ra cho vợ mình cầm, ông bước ra khỏi cửa, ngọt ngào nói :

- Tốt hơn chúng ta về nhà. Anh là một người không được tốt lắm. E-phi ạ ! Song anh cho rằng anh tốt hơn là em nghĩ về anh.

Holmes và tôi bước theo sau họ đến con đường mòn. Sau đó Holmes kéo tay áo tôi lại :

- Thôi ! Chúng ta ở Luân Đôn sẽ có ích lợi hơn ở Norbury.

Anh không nói thêm một lời nào về chuyện đó. Tuy nhiên vào tối hôm đó, lúc đã khuya anh cầm ngọn nến đi vào phòng ngủ và nói :

- Anh Watson, nếu một lúc nào đó, anh thấy tôi trở nên quá tự tin, hoặc làm việc ít hơn so với sự đòi hỏi của công việc thì hãy nói nhỏ vào tai tôi : “Norbury” ! Tôi sẽ vô cùng cảm tạ anh.

Người làm thuê cho nhà môi giới chứng khoán

Suốt ba tháng sau ngày mở phòng mạch, tôi ít khi ra khỏi nhà để thăm người bệnh. Bởi vậy vào một buổi sáng tháng sáu, tôi rất ngạc nhiên khi nghe tiếng chuông gọi cửa, tiếp theo đó là cái giọng lạnh lạnh của Sherlock Holmes.

- "Anh Watson". Holmes reo lên khi bước vào phòng khách. "Tôi vui mừng được gặp lại anh. Bà Watson đã hoàn toàn qua khỏi những xúc động nhỏ trong vụ "Dấu hiệu của bộ tứ" chưa?".

- Cám ơn anh, vợ chồng tôi đều mạnh giỏi ! - Tôi trả lời, nồng nhiệt bắt tay anh.

Khi ngồi vào cái ghế xích đu, Holmes nói tiếp :

- Ông bác sĩ còn quan tâm đến những vấn đề về lý luận của chúng ta chứ?

- Đúng vậy. Tối hôm qua tôi còn chúí mũi vào những ghi chú cũ để sắp xếp lại một vài kết quả mà chúng ta đã đạt được.

- Bộ sưu tập đã đầy đủ chưa?

- Chưa đâu ! Tôi mong nó được phong phú thêm, với nhiều kinh nghiệm mới hơn nữa.

- Như ngày hôm nay chẳng hạn?

- Phải. Nếu như anh muốn như thế.

- Và đáp tàu tới tận Birmingham?

- Chắc chắn rồi.

- Thế còn các thân chủ?

- Nhiều lần, tôi chăm sóc cho thân chủ của đồng nghiệp láng giềng. Nay bắt ông ấy “trả nợ”.

- Thế là ổn rồi ! - Holmes reo lên, buông mình lọt sâu xuống ghế.

- Mà về vụ gì vậy?

- Tôi sẽ kể trên tàu. Đi ngay nhé?

- Xin chờ một phút.

Tôi nguyệt ngọc vài hàng gửi ông bạn láng giềng, leo lên cầu thang để báo cho nhà tôi biết, rồi trở xuống.

Holmes giới thiệu :

- Anh Watson, đây là ông Py-crốp, thân chủ của chúng ta. Cho ngựa chạy đi bác xà ích !

Người ngồi trước mặt tôi còn trẻ, có thân hình cân đối, nước da sáng. Khuôn mặt cười mở, lương thiện và hàng ria mép vàng hoe xoắn lại.

- “Chúng ta có bảy mươi phút trước khi tới nơi”, Holmes loan báo. “Tôi yêu cầu ông thân chủ vui lòng thuật cho bạn tôi biết nỗi gian truân rất lý thú của ông”.

Người trẻ tuổi nhìn tôi với một ánh mắt tinh nghịch, rồi nói :

- “Trước đây tôi làm việc ở hăng Coxon and Woodhouse, nhưng vào đầu mùa xuân vừa qua, hăng đó bị phá sản. Hai mươi bảy người như chúng tôi đều bị thất nghiệp. Tôi gõ cửa xin việc nhiều nơi, nhưng đều thất bại. Trước kia, tại hăng cũ, tôi lãnh ba bảng mỗi tuần và dành dùm được 70 bảng. Chẳng bao lâu, tôi chỉ còn đủ tiền mua tem để viết thư gửi tới những nơi “cần người”. Nhưng vẫn chẳng có tin vui nào.

“Sau cùng, tôi được biết công ty Mawson and William's (công ty môi giới chứng khoán lớn tại đường Lombard) có một chỗ đang khuyết người. Theo lời rao đăng trên báo thì phải trả lời bằng thư. Tôi vội gửi đến đó đủ các giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cùng bản lý lịch, nhưng lòng không hy vọng

lắm. Thư phúc đáp, nói rằng tôi có thể tới nhận việc ngay nếu ngoại hình của tôi coi được. Khởi đầu lương tôi cao hơn ở hãng cũ mà công việc thì như nhau. Ngay buổi tối của ngày nhận thư hồi âm, tôi đang hút một điếu xì gà, trong lòng thư thái, thì người chủ phố chợt leo lên phòng tôi, đem theo một tấm danh thiếp trên đó có hàng chữ : "*Arthur Pinner, đại lý tài chánh*". Tôi chưa bao giờ nghe nói đến cái ông Pinner đó, nhưng tôi vẫn mời ông lên. Đó là một người tầm thước, tóc nâu, mắt đen, râu đen, cái mũi có dáng vẻ là dân Do Thái. Ông nói ngắn gọn, tựa như một người biết rõ giá trị của thời giờ.

- Ông là Py-crốp?

- Vâng, chính tôi.

Tôi đẩy ghế tới mời ông ngồi.

- Mới đây ông làm việc cho hãng Coxon and Woodhouse phải không? - Ông ta hỏi tiếp.

- Vâng.

- Và giờ đây được hãng Mawson thuê dụng?

- Thưa vâng.

- Ông còn nhớ ông Parker, giám đốc hãng Coxon chứ? Ông ấy nói rất tốt về ông.

Tất nhiên, tôi rất vui khi nghe chuyện đó. Ở văn phòng, tôi luôn luôn làm việc cần mẫn, nhưng tôi chẳng bao giờ ngờ được là thiên hạ nói nhiều về tôi đến thế.

- Ông có trí nhớ tốt đấy chứ? - Ông ta hỏi tôi.

- Dạ tạm được ! - Tôi nói một cách khiêm nhường.

- Ông vẫn tiếp xúc với thị trường chứng khoán trong những ngày ông không có việc làm?

- Sáng nào tôi cũng đọc giá ngạch của các chứng khoán.

- Đó là cách người ta làm giàu đấy nhé ! Ông sẽ không giận, nếu như tôi thử thách ông, các cổ phần Ayrshires hôm nay trị giá bao nhiêu?

- 105 đổi lấy 150,25.

- Thế còn công trái hợp nhất của Tân Tây Lan?

- 104.

- Và những công trái Broken Hills của nước Anh?

- 7 đổi lấy 7 và 6.

- “Tuyệt vời”. Ông ta giang hai cánh tay ra mà reo lên. “Chính tôi cũng sẽ trả lời đến thế thôi. Chú em này, chú thật quá giỏi để vô làm cho hãng Wawson”.

- “Quả vậy”, tôi nói với ông Pinner, “nhưng người khác không đánh giá tôi như ông. Tôi sẽ làm hết sức mình để khỏi phụ lòng ông”.

- Hừ, anh bạn thân mến ! Anh phải bay lên cao hơn mới được chứ. Hãy cho tôi biết bao giờ anh đến trình diện tại hãng Mawson?

- Thứ hai.

- Tôi sẵn lòng chi một số tiền nhỏ để anh không đi làm cho hãng Mawson.

- Không đến Mawson sao?

- Đừng đến ! Ngày thứ hai ông sẽ làm giám đốc thương mại của công ty buôn bán đồ ngũ kim Franco-Midland, S.A.R.L., công ty nặc danh trách nhiệm hữu hạn có 134 chi nhánh trong các thành phố và làng mạc tại Pháp, chưa kể tới các chi nhánh ở Bỉ và Ý.

Tôi như bị hụt hơi. Tôi thì thào.

- Nhưng tôi chưa bao giờ nghe nhắc đến công ty đó !

- Chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Tất cả điều đó đã được giữ rất bí mật. Vốn hoàn toàn do các tư nhân đóng góp : Ông anh tôi, Harry Pinner là quản trị viên được uỷ nhiệm. Anh tôi đã yêu cầu tôi tìm một người trung hậu... có nghĩa là một người trẻ tuổi, hoạt động, đầy nghị lực. Parker đã nói với tôi về anh. Vì thế tối nay tôi mới tới đây. Chúng tôi chỉ có thể hiến cho anh một số lương khốn khổ : năm trăm.

- Năm trăm bảng một năm à? - Tôi hét lên.

- Chỉ là để bắt đầu. Anh còn được một khoản hoa hồng là 1% trên tất cả mọi thương vụ. Với khoản hoa hồng đó, lương của anh coi như được tăng gấp đôi.

- Nhưng tôi không biết buôn bán ngũ kim.

- Suyt, chàng trai ơi, anh biết rành nghề đó qua những con số.

Tiếng vo vo trong đầu làm tôi ù cả tai. Tôi rất muốn giữ cho mình bình tĩnh, nhưng quả thật là khó.

- Hăng Mawson chỉ trả cho tôi có hai trăm bảng, nhưng Mawson là một doanh nghiệp đứng đắn. Thật ra, tôi biết quá ít về công ty của ông nên ...

- "A, được lắm ! Hoan hô !". Ông ta kêu lên trong một trạng thái như xuất thần. "Anh đúng là người mà chúng tôi cần có. Người ta chẳng thể lừa dối nổi anh và anh đã rất có lý ! Cảm lấy này, đây là tờ giấy bạc một trăm bảng. Nếu anh nghĩ là chúng ta có thể thỏa thuận với nhau, anh chỉ việc nhét khoản tạm ứng đó vào túi".

- Ông rộng rãi quá. Khi nào tôi bắt đầu nhận việc?

- Ngày mai, lúc một giờ, anh hãy có mặt ở Birmingham. Trong túi tôi có sẵn một lá thư mà anh sẽ trao lại cho anh tôi. Anh sẽ tìm gặp anh ấy ở 126B đường Corporation, là nơi đặt văn phòng tạm của công ty.

- Thật vậy ư, tôi không biết lấy gì đền ơn ông.

- Có gì đâu.

- À, mà tôi muốn thu xếp với anh. Anh có sẵn giấy không? Tốt. Anh hãy viết : "*Tôi ký tên dưới đây ... đồng ý nhận chức vụ giám đốc thương mại tại công ty buôn hàng ngũ kim Franco-Midland, với số lương là 500 bảng mỗi năm*".

Tôi làm theo điều ông yêu cầu và ông ta nhét tờ giấy vào túi.

- "Còn một chi tiết nữa". Ông ta lại nói. "Anh có ý định như thế nào đối với nhà Mawson?"

- Tôi sẽ viết thư từ chối.

- Đó là điều mà tôi không muốn. Anh hãy mừng tượng là tôi và nhà Mawson đã tranh nhau mời cho được anh. Ông ấy đã kết tội tôi là muốn phỉnh phờ anh để làm cho anh rời bỏ hãng ông ta. Tôi phút cuối, tôi mất bình tĩnh, đã nói với ông ta : *"Nếu như ông muốn muốn được những người giúp việc giỏi thì ông phải trả lương cao"*. Ông ta đáp : *"Người đó thà lãnh lương thấp ở chỗ chúng tôi hơn là lãnh lương cao của ông !"*. Tôi tức tối, trả miếng liền : *"Tôi dám đánh cá với ông năm bảng rằng anh ấy sẽ nghe những lời đề nghị của tôi và ông sẽ mất anh ấy"*. Ông ta bảo tôi : *"Bắt đấy ! Chúng tôi đã moi anh ta lên từ cảnh đề hèn, anh ta sẽ không buông rơi chúng tôi đâu"*.

- Đồ xác xược ! Tôi đã thấy hần bao giờ đâu ! Và chẳng tại sao tôi lại bận tâm đến hần ? Nếu ông muốn tôi không viết cho hần, thì tôi sẽ không viết !

- "Tốt ! Như vậy là đã hứa với nhau rồi nhé !". Ông ta nói với tôi khi xô ghế đứng lên. "Đây là khoản ứng trước một trăm bảng và đây là lá thư. Ngày mai, lúc một giờ. Xin chúc anh một đêm an lành".

"Thưa bác sĩ Watson, tôi hài lòng biết bao với cơ may này ! Sáng hôm sau, tôi vội vã đến Birmingham và tìm tới địa chỉ đã được dặn. Tôi đến trước giờ hẹn mười lăm phút. Địa chỉ 126B là một dãy hành lang giữa hai cửa tiệm lớn, dẫn tới một cầu thang xoáy tròn ốc, trên đó có mở ra nhiều căn hộ cho thuê, dùng làm văn phòng các công ty. Tên những người muốn nhà được viết bằng vôi trên một tấm bảng, nhưng tôi không thấy có tên cái công ty Franco-Midland. Tôi bị sửng sờ, tự hỏi vụ này phải chăng là một sự lừa phỉnh... Thế rồi có một người hiện ra và ngỏ lời với tôi. Người đó rất giống với người mà tôi đã gặp trong buổi tối hôm trước, nhưng không có râu mà mái tóc lại có màu sáng hơn.

- Có phải ông là Py-crốp không?

- Phải.

- A, tôi chờ ông đây, ông đến hơi sớm một chút. Sáng nay tôi có nhận được thư của em tôi. Chú ấy ca ngợi ông hết lời.

- Tôi đang tìm văn phòng ông.

- Chúng tôi chưa kịp cho ghi tên lên bảng. Thôi, ông hãy theo tôi, chúng ta bàn công việc.

Tôi theo ông ta lên tới tít trên cầu thang, sát dưới mái nhà lợp đá đen. Tối hai căn phòng nhỏ trống tuênh, đầy bụi bặm, không trải thảm và không có màn che cửa, ông ta đẩy tôi vào. Tôi là người đã nghĩ tới một văn phòng lớn với những cái bàn bóng loáng, những nhân viên xếp hàng đằng sau, như tôi vẫn quen từ thuở nào ! Thế là tôi bàng hoàng ngắm nhìn hai cái ghế dựa lưng lay và một cái bàn nhỏ mà, cùng với một cuốn sổ và một cái giỏ đựng giấy vụn. Đó là tất cả đồ đạc trong nhà.

- “Đừng có nản lòng, Py-crốp !”. Ông ta nói lớn khi trông thấy cái vẻ thất vọng của tôi. “Thủ đô La Mã đâu có được dựng lên trong một ngày? Chúng ta có rất nhiều vốn liếng, dẫu rằng chúng ta không có một văn phòng lờ lợt. Hãy ngồi xuống và cho tôi coi lá thư”.

Tôi đưa lá thư ra. Ông ta đọc hết sức cẩn thận.

- “Dường như anh đã tạo ra một ấn tượng rất mạnh nơi chú em tôi”, ông nói khi đặt lá thư xuống. “Chú ấy có tài phán đoán. Mong anh coi như đã được thâu dụng thực sự”.

- Tôi phải làm việc gì?

- Anh sẽ sắp xếp kho hàng lớn của chúng ta bên Paris, là nơi sắp tung ra thị trường một loạt đồ sành và đồ gốm Anh trong những cửa tiệm lớn thuộc 134 đại lý của hãng ta ở bên Pháp. Việc mua hàng sẽ được thực hiện xong trong tuần này. Từ nay tới đó anh sẽ ở lại Birmingham và anh sẽ trở thành hữu ích.

- Bằng việc gì?

Thay cho câu trả lời, ông ta rút trong ngăn kéo ra một cuốn sách lớn màu đỏ.

- "Đây là cuốn Bottin". Ông nói với tôi. "Bottin là danh sách những cư dân ở Paris, và nghề nghiệp của họ. Anh có thể mang cuốn sách này về nhà, ghi tên tất cả những nhà buôn ngũ kim và địa chỉ của họ. Bản danh sách sẽ giúp ích cho tôi rất nhiều.

- Chắc chắn là nó đã có trong những cuốn sách niên giám chứ?

- Minh chẳng thể nào tin vào những cuốn niên giám đó. Hệ thống của họ khác với phương thức của chúng ta. Anh hãy làm và đem cho tôi bản danh sách do anh lập ra vào sáng thứ hai tuần tới, lúc giữa trưa. Hẹn gặp lại.

Tôi quay về nhà trọ, trong lòng xốn xang những tình cảm mâu thuẫn nhau. Một bên tôi có chỗ làm, trong túi đang có một trăm đồng bạc; còn bên kia là cái văn phòng nghèo nàn. Nhưng đâu sao đi nữa, tôi đã có tiền, rồi muốn ra sao thì ra! Thế là tôi bắt tay vào việc. Suốt ngày chủ nhật tôi cúi gầm trên cuốn Bottin, thế mà qua ngày thứ hai tôi chỉ mới tới được văn H. Tôi quay lại gặp ông chủ tôi. Vẫn gặp nhau trong căn phòng trống trải. Ông bảo tôi cứ tiếp tục và hãy quay trở lại vào ngày thứ tư. Thứ tư tôi vẫn chưa làm xong. Tôi ráo riết làm việc, cho tới thứ sáu, có nghĩa là ngày hôm qua. Thế là tôi đem danh sách tới cho ông Ha-ry.

- "Cám ơn anh nhiều lắm!", ông ta nói. "Danh sách này rất hữu ích cho tôi".

- Tôi đã mất khá nhiều thì giờ!

- "Giờ đây!" Ông ta nói tiếp, "tôi yêu cầu anh lập cho tôi bản danh sách những nhà bán các hàng trang trí nội thất, bởi vì những tiệm đó thường bán cả đồ ngũ kim nữa".

- Được lắm.

- Tối mai, anh đến đây lúc bảy giờ để cho tôi biết là anh đã làm được đến đâu. Đừng có làm việc quá sức đấy. Hai giờ đi nghe nhạc trong buổi tối sẽ không làm hại anh.

Thế là ông ta bắt đầu vừa cười vừa nói với tôi và tôi chợt nhìn thấy cái răng thứ hai bên mé trái được bịt vàng, rất xấu xí.

Sherlock Holmes xoa xoa hai bàn tay vào nhau, dáng vẻ rất thích thú, trong lúc tôi ngỡ ngàng nhìn người thanh niên.

- "Phải, ông quả có lý khi tỏ ra sững sờ, bác sĩ Watson" anh ta nói với tôi. "Tuy nhiên chuyện là như thế đó. Khi tôi nói chuyện với cái ông kia ở Luân Đôn thì ông ta cười trước cái ý kiến là tôi sẽ không đi tới hãng Mawson. Lần đó tôi đã để ý thấy cái răng bịt vàng của ông ta rất chính xác, nó y hệt như cái răng mà tôi đã thấy ngày hôm qua. Khi tôi nghĩ rằng giọng nói và dáng dấp cũng như nhau, và chỉ có những nét đặc trưng là khác nhau (có thể đã do tác dụng của một lưỡi dao cạo hoặc một mái tóc giả), thì tôi tự nhủ rằng chắc chắn đây hai người chỉ là một mà thôi. Tất nhiên là có thể có hai anh em giống nhau, nhưng không giống tới mức có cùng một cái răng được bịt vàng theo cùng một cách..."

Trên đường về, tôi không biết mình đang đi bằng chân hay bằng đầu nữa. Tôi quay trở lại khách sạn, nhúng đầu vào trong nước lạnh và cố suy nghĩ. Tại sao hắn ta lại bắt tôi rời Luân Đôn xuống Birmingham? Tại sao hắn lại đến Birmingham trước tôi? Tại sao hắn viết thư gửi cho chính hắn? Tôi chẳng hiểu nổi điều gì. Và bất thành linh tôi biết rằng những điều tối đen đối với tôi có thể lại sáng như ban ngày đối với ông Holmes. Thế rồi tôi đã đến đây".

Khi câu chuyện chấm dứt, có một khoảng thời gian im lặng khá lâu. Sherlock Holmes nháy mắt ra hiệu với tôi, ngả người vào gối đệm.

- Không dở, phải không Watson? Trong vụ này có một chi tiết làm tôi ưng ý. Vậy thì một cuộc nói chuyện với ông Ha-ry sẽ hấp dẫn đấy nhỉ?

Nhưng phải làm thế nào? - Tôi hỏi.

- "Ồ, rất dễ" ! Py-crốp reo lên một cách vui vẻ. "Hai ông là hai người bạn của tôi, cùng đi tới đó tìm việc làm. Có gì là không bình thường khi tôi giới thiệu hai ông với viên quản trị được uỷ nhiệm kia chứ?"

- "Rất tuyệt" ! Holmes nói. "Tôi muốn nhìn tận mặt nhân vật đó và thử tìm hiểu trò chơi của y".

Tối hôm đó, lúc bảy giờ, chúng tôi đi bộ đến văn phòng của hội buôn.

- "Chẳng cần đến sớm làm chi", thân chủ của chúng tôi giải thích. "Chắc là hần chỉ tới đó để gặp một mình tôi thôi. Ua kia ! Hần đang đi trước chúng ta kia".

Anh ta chỉ cho chúng tôi thấy một người tóc hoe, ăn mặc bảnh bao, đang rảo bước trên vỉa hè bên kia. Hần nhìn một thằng bé bán báo đang rao toáng lên những cái tit giạt gân, rồi thỉnh linh hần xông vào giữa những cỗ xe và xe buýt để mua một tờ báo và biến khuất sau một khung cửa.

- "Chỗ đó đấy !" Py-crốp kêu lên. "Hần đang leo lên văn phòng. Hai ông hãy lại đó với tôi".

Chúng tôi leo năm tầng lầu, Py-crốp gõ lên một cánh cửa hé mở.

- Cứ vào !

Lúc đó chúng tôi thấy mình đang ở trong một căn phòng trống tuếch. Ngồi trước cái bàn duy nhất, là người đàn ông mà chúng tôi đã thấy ngoài đường phố, tờ báo rải rộng dưới mắt. Khi người đó ngừng lên, tưởng chừng như tôi chưa bao giờ trông thấy một khuôn mặt nào mang theo những dấu vết rã rời hơn. Vàng trán bóng dẫm mồ hôi, đôi mắt long lanh một tia nhìn hoang dại, ông ta như không còn nhận ra người giúp việc của mình nữa.

- Ông có vẻ bị đau, thưa ông chủ ! - Người thanh niên nói lớn.

- "Phải, tôi không được khỏe", người kia trả lời, cố gắng trấn tĩnh lại. Ông ta thè lưỡi liếm môi trước khi hỏi : "Các ông này là ai vậy?"

- “Ông này là Ha-ric ở Bermondey, ông này là Pri-xơ ở tại đây”. Py-crốp trả lời trơn tru. “Đây là hai anh bạn tôi, những người giàu kinh nghiệm nhưng nay lại bị thất nghiệp. Tôi hy vọng ông sẽ sử dụng khả năng của họ trong hội buôn.

- “Có thể lắm chứ”. Người đọc báo nói với nụ cười dễ sợ. “Phải, chúng tôi có thể làm được cái gì đó cho hai ông. Thế ông làm nghề gì, thưa ông Ha-ric?”.

- Tôi làm kế toán.- Holmes trả lời.

- Thế à? Vừa đúng lúc chúng tôi đang cần một người giữ sổ sách. Thế còn ông, thưa ông Pri-xơ?

- Thư ký hành chính.- Tôi trả lời.

- Hội buôn sẽ thuê dụng ông. Tôi sẽ báo tin, khi nào chúng tôi quyết định. Và giờ đây, tôi mong các ông hãy để cho tôi được yên. Được ở đây một mình.

Những lời sau chót vọt ra khỏi miệng người đó tựa hồ như sự gò bó lâu ngày, mà ngày nay bất thình lình sự câu thúc bỗng bị vỡ tan tành. Holmes và tôi trao đổi một tia nhìn và Py-crốp tiến một bước lên phía cái bàn, anh nói :

- Thưa ông, ông quên mất rằng ông đã hẹn tôi đến đây để cho tôi những chỉ thị hay sao.

- “Chắc chắn rồi”. Người nọ trả lời bằng một giọng bình tĩnh hơn. “Các ông có thể chờ tôi một lát”.

Hắn đứng lên trong một dáng điệu rất lịch sự, nghiêng mình khi đi ngang qua chúng tôi, mở một cánh cửa ở phía đầu bên kia văn phòng rồi khép lại sau lưng hắn.

- “Như vậy có nghĩa là gì?”. Holmes thì thào. “Liệu hắn có vượt thoát khỏi tay chúng ta chăng?”.

- Không thể được !- Py-crốp trả lời.

- Tại sao?

- Cánh cửa này mở vào một căn phòng trong.

- Không có lối ra sao?

- Không có lối ra nào khác.

- Phòng có bầy đồ đạc không?

- Cho đến ngày hôm qua thì nó còn trống trơn.

- Thế thì hắn có thể làm gì trong đó nhỉ? Một cái gì đó vượt khỏi tôi trong vụ án này? Điều gì đã làm cho hắn run sợ đến thế?

- Hắn nghi chúng ta là cảnh sát !- Tôi nói.

- Đúng vậy !- Py-crốp nói.

Holmes lắc đầu.

- Hắn đã nhợt nhạt trước khi chúng ta vô đây. Rất có thể là...

Câu nói của anh bị ngắt ngang bởi một tiếng "tốc tốc" khá mạnh từ trong cánh cửa phòng bên vọng ra.

- Ma xúi quỷ giục gì mà hắn lại gõ vào cánh cửa của hắn như vậy?- Py- crốp kêu lên.

Thêm lần nữa và thêm nhiều tiếng "tốc tốc" mạnh hơn nữa. Chúng tôi bực dọc. Tôi quay lại phía Holmes và thấy anh im lìm, nghiêng mình xuống phía trước với một sự kích động mãnh liệt. Bất chợt chúng tôi nghe một thứ tiếng "òng ọc" và một tiếng gõ trên gỗ dử dội. Holmes nhảy vọt qua căn phòng như một kẻ điên loạn và đẩy mạnh cánh cửa. Nó được đóng chặt từ bên trong. Chung sức, chúng tôi dốc toàn lực xô mạnh vào cánh cửa. Một cái bản lề long lanh, rồi tiếp theo là một cái khác nữa ; sau chót cánh cửa bật tung. Chúng tôi xông bừa lên những mảnh vụn.

Căn buồng trống tuếch.

Chúng tôi bối rối một giây. Trong một góc, cái góc gần nhất với văn phòng là nơi mà chúng tôi đứng chờ đợi, còn có một cánh cửa thứ hai. Holmes nhảy vọt tới, mở cánh cửa đó ra. Dưới đất có vương vãi tám áo vét và cái áo gi- lê. Máng vào một cái móc gần sau cánh cửa, dùng những dải đeo quần của chính mình quấn vào quanh cổ, nhà quản trị đã tự treo

cổ mình lên. Đầu gối hắn co quắp, tiếng những gót chân động vào cánh cửa là tiếng động làm ngắt ngang câu chuyện của chúng tôi. Trong một thoáng, tôi đã đỡ lấy thân mình hắn, nâng lên, Holmes và py-crốp tháo gỡ những dải dây thung ra. Chúng tôi khiêng hắn sang phòng bên. Hắn nằm dài ở đó, mặt hắn có màu sạm của da đen ; Theo từng nhịp thở, đôi môi đỏ của hắn lại phồng lên rồi xẹp xuống.

- Anh nghĩ sao, Watson?- Holmes hỏi.

Tôi cúi nghiêng mình xuống để tiến hành một cuộc khám nghiệm ngắn. Mạch đập yếu và không đều. Nhưng sự hô hấp của y lại bớt đứt khúc và đôi mi mắt hắn run run đủ để trông thấy một chút trông trắng.

- Chậm một chút nữa là rời đời ! Nhưng giờ đây thì hắn sẽ sống. Làm ơn mở cửa sổ ra và đem nước lại đây.

Tôi mở cổ áo hắn ra, rẩy nước lên mặt hắn và làm hô hấp nhân tạo. Lát sau hắn phát ra một hơi thở dài và bình thường.

- Chỉ còn là vấn đề thời gian thôi.- Tôi nói, khi bỏ mặc hắn nằm đó.

- Holmes đứng gần bên cái bàn, hai bàn tay thọc sâu trong túi quần và cái cằm gục xuống ngực :

- Giờ đây chúng ta phải mời cảnh sát tới. Tuy nhiên, tôi ưa thích giao lại cho cảnh sát một vụ đã được làm sáng tỏ.

- "Tất cả vụ này là khó hiểu". Py-crốp vừa gãi đầu kêu lên. "Tại sao bọn chúng lại muốn cho tôi lên đây và giữ tôi lại đây? Thế rồi sao nữa?...".

- "Hừ" ! Holmes buông ra với giọng mất kiên nhẫn. "Tất cả đã rõ ràng rồi. Ngoại trừ cái hành động đột ngột sau chót này".

- Vậy ông đã hiểu những gì còn lại?

- Phần còn lại, là một sự hiển nhiên. Anh nghĩ sao. Watson?

- Tôi chẳng hiểu gì hết.

- Ồ, coi nào, những nguyên tố đầu tiên đều dẫn tới có một kết luận thôi mà !

- Thế thì, lập luận của anh là gì?

- Tất cả nội vụ dựa trên hai điểm. Điểm thứ nhất là bản xác nhận mà người ta buộc Py-crốp phải viết và sau đó anh vào làm trong cái công ty quý quái này. Anh không thấy tầm quan trọng của điều đó hay sao?

- Không.

- Coi nào ! Tại sao bọn chúng lại cần đến những giấy đó. Đầu phải vì cần làm cho đúng phép, bởi vì những thu xếp thuộc loại này thông thường là lời nói : Vậy thì tại sao nó được là một ngoại lệ? Anh há chẳng thấy sao, anh bạn trẻ của tôi, rằng họ mong muốn thâu được một mẫu tuồng chữ viết của anh để từ đó họ sẽ có được cái họ cần có.

- Tôi chẳng hiểu gì cả.

- Một người nào đó muốn tập viết giống tuồng chữ của anh và hẳn ta cố kiếm cho ra một bản mẫu. Và giờ đây, nếu chúng ta chuyển qua điểm thứ hai, ta sẽ thấy rằng điều thứ hai làm sáng tỏ cho điều thứ nhất. Điểm thứ hai là như thế này : Pinner yêu cầu anh đừng có viết thư xin thôi việc, vì ông ta muốn để cho ông giám đốc hãng Mawson tin rằng có một ông Py-crốp (mà ông ta chưa từng gặp mặt lần nào) sẽ tới nhận việc vào buổi sáng thứ hai.

- “Lạy Chúa !” Thân chủ của chúng tôi kêu lớn. “Tôi khờ khạo nhất trên đời”.

- Giờ đây thì anh đã ước lượng được tầm quan trọng về bản xác nhận chữ viết tay của anh chưa? Giả sử có ai đó tới nhận chỗ làm dành cho anh và rằng ai đó lại có một tuồng chữ viết rất khác biệt với tuồng chữ mà anh viết trong đơn dự tuyển thì sự gian trá ắt hẳn là sẽ bị khám phá ra. Nhưng nếu tên vô lại đã có tuồng chữ giống anh thì địa vị của hẳn đã được an toàn, bởi vì tôi phỏng đoán là chẳng một ai trong hãng đó biết mặt anh.

- Không một ai ! - Py-crốp rên rỉ.

- Muốn cho anh không suy nghĩ nhiều về điều đó, muốn kéo anh ra khỏi mọi sự tiếp xúc dăm có dịp cho phép anh tìm hiểu được là có một người trùng tên trùng họ với anh đang làm việc tại hãng Mawson, chúng đưa cho anh một số tiền lớn và gửi anh tới Midland (là nơi chúng bắt anh phải làm việc bù đầu, khiến anh chẳng thể trở về Luân Đôn mà khám phá ra cái mưu mô nhỏ bé của chúng). Tất cả mọi việc đều đơn giản.

- Nhưng tại sao người này lại làm ra vẻ là anh ruột của y?

- Trong âm mưu này, chúng phải có hai người. Kẻ kia đang giả danh anh làm việc ở văn phòng, còn gã này thì chơi trò thâm dụng anh. Vả lại, hấn không thể nào tìm cho anh một chủ nhân mà lại không có ông chủ, tức là một nhân vật thứ ba. Đó là điều hấn chẳng muốn chút nào. Vậy là hấn đóng luôn vai anh ruột của hấn (ông chủ) bằng cách hoá trang. Anh không thể nào nhận ra, nếu không có "cái răng vàng".

Py-crốp giơ hai bàn tay lên cao mà kêu lên :

- Thế là trong lúc tên Py-crốp thật ở đây thì cái gã Py-crốp giả- mạo - kia làm trò gì ở hãng Mawson? Chúng ta phải làm sao, ông Holmes?

- Cần phải đánh điện cho hãng Mawson.

- Ngày thứ bảy họ đóng cửa nghỉ vào buổi trưa.

- Không hề chi. Ở đó thế nào cũng có người gác cổng hoặc bảo vệ.

- Phải đó ! Họ có muốn một người bảo vệ thường trực để giữ gìn các tủ sắt chứa những cổ phần. Tôi nhớ đã nghe nói tới việc đó trong khu City.

- Tốt lắm. Chúng ta sẽ đánh điện cho người bảo vệ để hỏi xem tất cả có an toàn không và xem có một người nào mang tên anh làm việc trong hãng đó không. Việc này thì khá rõ ràng, còn việc kém rõ ràng là tại sao một tên vô lại chỉ vì trông thấy chúng ta mà lại đi treo cổ.

- Tờ báo. - Một giọng nói kèn kẹt phát ra phía sau chúng tôi.

Tên vô lại đã ngồi dậy, tay y xoa bóp một cách nôn nóng các vết lằn đỏ lõm sâu quanh cổ.

- "Tờ báo ! Đúng thế !". Holmes kêu lớn lên trong tâm trạng kích thích cực độ. "Tôi đã ngu ngốc làm sao !".

Anh trải rộng tờ báo trên mặt bàn và một tiếng kêu chiến thắng được vang lên.

- Đây là tờ báo xuất bản tại Luân Đôn. Hãy coi chừng những títt này : "Một tội ác trong khu City. Án mạng trong hãng Mawson and William's. Một vụ xếp đặt để hại người. Bất được tên tội phạm". Watson, anh hãy đọc bài báo thật lớn cho chúng tôi nghe đi.

- Từ ít lâu nay, Mawson and William's, những nhà môi giới chứng khoán rất nổi tiếng, đảm trách việc cất giữ những phiếu cổ phần mà tổng số vượt quá một triệu đồng bảng Anh. Vị giám đốc rất có ý thức về trách nhiệm của mình, đã cho đặt những két sắt kiểu mới nhất và một giám thị có vũ trang giữ nhiệm vụ canh gác ngày cũng như đêm trong ngôi nhà. Tuần lễ vừa qua, một nhân viên mới, có tên là Py-crốp được công ty thuê dụng. Anh chàng này không ai khác hơn là Pét-đinh, kẻ làm giả nổi tiếng và là kẻ trộm. Bằng những phương cách còn chưa được xác minh, y đã mượn tên giả, xin được một chỗ làm trong hãng, y lạm dụng địa vị của mình để lấy dấu nhiều ổ khoá khác nhau và tìm biết nơi đặt những két sắt.

"Ở hãng Mawson, nhân viên rời sở làm vào trưa thứ bảy. Trung sĩ Tư-sơn, thuộc sở cảnh sát khu City, đã lấy làm ngạc nhiên khi thấy một người có xách theo cái túi du lịch đi xuống những bậc thềm vào hồi một giờ hai mươi. Ông dăm ra nghi ngờ và theo dõi người đó. Với sự phụ giúp của cảnh sát viên Pô-lóc, ông đã bắt giữ người nọ. Ngay tức khắc, ông phát hiện

ra một vụ trộm rất táo bạo. Gần 100.000 bảng những trái phiếu ngành đường sắt Mỹ, và một lượng lớn những chứng khoán khác, được kiểm kê trong cái túi. Cuộc xét nghiệm hiện trường đưa tới việc phát hiện tử thi của người bảo vệ bất hạnh, bị gấp làm hai rồi bị nhét vào trong cái két sắt lớn nhất. Sọ nạn nhân bị đập vỡ bởi một cây que cời lò giáng mạnh từ phía sau. Em y, thường sát cánh với y, lại không thấy xuất hiện trong vụ này. Hiện nay cảnh sát đã mở cuộc điều tra xem y đang ở đâu”.

- Vậy thì, chúng ta có thể giúp cảnh sát một tay. - Holmes nói, liếc nhìn cái thân hình đang co rúm gần bên cửa sổ.

Con tàu Gloria Scott

Một buổi tối mùa đông, khi chúng tôi ngồi hai bên lò sưởi, Sherlock Holmes nói :

- Đây là những tài liệu có liên quan đến vụ đắm tàu "Gloria Scott", anh nên quan tâm tới nó. Trong số các tài liệu này có một lá thư đã làm cho ông chánh'án Trevor dờ người ra vì kinh hãi :

Từ một ngăn kéo, anh moi ra một cái hộp nhỏ đã phai màu, sau khi tháo sợi dây cột ngoài, anh đưa cho tôi một lá thư ngắn, viết nguệch ngoạc :

"Không còn khó khăn nữa : không còn con mồi nào ở Luân Đôn, làm gì có việc để phải cạnh tranh nữa. Hudson, người đại diện của anh, đã nói hết giá cả những con gà lôi, con gà lôi mái và sợi dây buộc đầu roi. Chỉ có con gà gò đó có cơ may duy nhất được rời khỏi trong tuần này ngành chăn nuôi của nước anh"

Khi đọc thư xong, tôi ngược mắt lên, bắt gặp Holmes cười rúc rích :

- Dường như anh hơi lúng túng đấy !

- Tôi chẳng hiểu vì sao một tin nhắn như vậy lại có thể làm cho người nhận dờ người ra vì kinh hoàng : trái lại, tôi thấy nó...

- Đúng thế : ấy thế mà người nhận thư đã ngã vật xuống như vừa bị trúng một phát súng.

- Anh khơi dậy óc tò mò của tôi rồi đấy : Nhưng tại sao anh bảo rằng tôi nên quan tâm đến vụ này.

- "Bởi vì nó là vụ đầu tiên của tôi, anh chưa hề nghe tôi nhắc tới Victor phải không? Anh ấy là người duy nhất mà tôi kết tình bằng hữu trong hai năm theo học cùng trường. Anh Watson, tôi là người ưa nấu mình trong phòng riêng để hiệu chỉnh những phương pháp lý luận của riêng tôi, vì thế tôi ít có bạn bè. Tôi kết thân với Victor, trong lúc đi dự một buổi lễ đạo, và con chó săn của anh ta bất chợt dõp vào mắt cá chân tôi.

Tôi phải nằm yên trong mười ngày và Victor thường đến thăm tôi. Thoạt đầu anh chỉ ở lại tán gẫu trong một lát. Nhưng rồi những chuyến tới thăm kéo dài và chúng tôi mau chóng thân nhau. Đó là một chàng trai khỏe mạnh, nóng nảy, thông minh và có nghị lực. Sau cùng vào kỳ nghỉ hè, anh mời tôi về nhà thân phụ anh, ở Donnithorpe, thuộc vùng Norfolk, trong một tháng.

Cụ Trevor hiển nhiên là quan tòa hòa giải và là điền chủ. Donnithorpe là một xóm nhỏ ở ngay phía bắc Langmere, trong vùng có nhiều hồ và đầm lầy. Ngôi nhà kiểu xưa, với những cây rầm bằng gỗ sồi và tường xây bằng gạch ; một lối đi vào nhà hai bên có trồng cây. Trong những bụi dương xỉ, người ta săn được nhiều con vịt trời ; cá cũng đáng chú ý ; tủ sách thì nhỏ nhưng chứa toàn sách hay.

Bố già Trevor góa vợ, và bạn tôi là con trai duy nhất của cụ. Người cha không học nhiều nhưng trí nhớ rất dai. Ông còn được phú cho một sức khỏe đáng kể. Ông đọc ít nhưng đã đi nhiều nơi và đi xa. Đó là một cụ già hoạt bát, có mái tóc muối tiêu, một bộ mặt rám nắng và cặp mắt màu xanh thật sắc sảo, đôi lúc tạo cho ông một dáng vẻ hung hãn. Tuy nhiên ông nổi tiếng là người tốt bụng và từ thiện. Tại tòa, ông nổi tiếng vì lòng khoan dung, độ lượng.

Một buổi tối, sau bữa ăn, chúng tôi đang ngồi trước ly rượu và anh Victor bắt đầu nói về những thói quen quan sát

suy diễn mà tôi đã lập thành một phương thức. Ông cụ cho rằng Victor đã phóng đại khi thuật lại hai hoặc ba kỳ tích của tôi đã hoàn thành.

- "Coi nào, ông Holmes", cụ vừa nói với tôi vừa cười thật vui vẻ. "Cậu hãy thử suy diễn ra điều gì đó về tôi coi : tôi là một đê tài tuyệt hảo đây".

- Cháu không thể nói nhiều về bác được. Tuy nhiên trong thời gian gần đây bác có lo sợ về một cuộc tấn công nhằm vào cá nhân.

Nụ cười tắt ngấm trên môi, ông lão nhìn tôi, vẻ ngạc nhiên :

- "Thực thế. Nay Victor, sau khi tòa xử phạt cái băng "Những kẻ săn bắn trái phép", bọn chúng đã thề sẽ thanh toán chúng ta. Và mới đây ngài Hoby vừa bị tấn công. Từ đó, ba không ngừng cảnh giác ; nhưng ba tự hỏi không biết làm sao mà bạn con lại biết được điều đó.

- Bác có một cây gậy đẹp. Căn cứ theo dấu ghi trên gậy, cháu nhận thấy là bác chỉ mới sử dụng nó từ một năm qua. Nhưng bác đã tổn công khoét cái núm tròn đầu gậy rồi đem đổ chỉ vào đó : nó là một vũ khí. Từ đó cháu suy ra rằng nếu như bác không lo ngại về một mối nguy hiểm nào đó, thì bác đề phòng như vậy làm chi !

- Thế còn cái gì nữa? - Bác vừa hỏi vừa cười.

- Hồi còn trẻ, bác đã đánh quyền Anh.

- Giải thật. Làm sao mà cháu đoán ra? Có phải vì mũi tôi không còn thẳng thớm chẳng?

- Không phải, vì đôi tai của bác. Tai bác sẽ xướng và có bè dày, vốn chỉ thấy nơi tai những võ sĩ quyền Anh.

- Có gì khác nữa chẳng?

- Những chỗ chai trên đôi bàn tay bác cho biết là bác đã đào xới đất rất nhiều.

- Gia tài của tôi đều đến từ cánh đồng có vàng.

- Bác đã tới Tân Tây Lan.

- Chính xác.

- Bác đã từng sống một thời bên Nhật Bản.

- Tuyệt !

- Và bác đã kết hợp rất thân mật với một người có tên viết tắt là J. A... rồi sau đó bác tìm cách quên hẳn đi.

Bác Trevor đứng lên thật khó khăn, chăm chú nhìn tôi bằng cặp mắt mà sự biểu lộ trở thành thô bạo, hung tợn rồi cúi mũi xuống bàn : bác đã ngắt đi, cứng đờ.

Anh Watson, anh có hình dung ra con trai bác và tôi bị xáo trộn đến ngàn nào. Tuy nhiên, ngay sau khi chúng tôi vội cởi cúc áo và rưới nước lạnh lên mặt bác, thì bác nấc lên hai hoặc ba lần rồi lại ngồi dậy.

- "A ! Các con của ta". Bác nói với chúng tôi và cố gượng cười. "Ta đã không làm cho các con phải hoảng sợ đấy chứ? Ta không biết con đã phăng ra bằng cách nào, Holmes ạ, nhưng ta có cảm tưởng rằng tất cả các thám tử chính thức so với con đều chỉ là trẻ nít. Chính đó là nghề nghiệp của con, con nhớ nhé !".

Đó là lời khuyên, kèm theo một sự đánh giá được phóng đại về những khả năng của tôi, nó đã khiến tôi tin rằng mình có thể kiếm sống được vào "trò tiêu khiển đơn giản" ấy.

- Cháu mong là đã không lỡ lời khiến làm phiền bác? - Tôi thì thâm.

- Do đâu mà cháu lại biết chuyện đó và cháu còn biết thêm về điều gì?

Lúc đó bác nói với tôi bằng giọng bông lơn nhưng sâu thẳm, trong ánh mắt bác vẫn còn ẩn náu một nỗi kinh hoàng.

- Hồi nãy, khi bác xắn tay áo để bắt cá, cháu thấy những chữ viết tắt "J.A." được xăm nơi khuỷu tay. Những chữ đó hãy còn thấy rõ, nhưng đã bị xoá mờ đi đến phân nửa ; rõ ràng bác đã tìm cách làm cho chúng biến đi. Hiển nhiên thuở xưa, đó là những chữ rất thân yêu mà về sau bác muốn quên chúng.

- “Cặp mắt mới tinh làm sao”. Bác kêu lên và thốt ra một tiếng thở dài nhẹ nhõm. Nhưng thôi, chúng ta đừng nhắc tới chuyện đó nữa. Trong tất cả những hồn ma bóng quế thì bóng ma của những mối tình là tồi tệ hơn cả. Chúng ta hãy sang bên phòng chơi bi da và hút một điếu thuốc.

Kể từ ngày hôm đó, cụ Trevor thường có một thoáng nghi ngờ tôi. Con cụ cũng nhận ra điều đó. Anh nói :

- Anh đã làm cho ông già bỏ vía, ông chẳng còn hiểu là anh biết những gì và không biết những gì.

Ông cụ không cố ý cho tôi thấy sự nghi ngờ, tôi tin chắc như thế, nhưng cái cảm tưởng đó lại thấm vào tôi mạnh mẽ khiến nó cứ luôn hiện ra trong tất cả mọi tình huống. Sau cùng, tôi thấy nên rút ngắn chuyến nghỉ hè. Tuy nhiên, vào buổi sáng trước ngày tôi ra về, lại xảy ra một việc quan trọng.

Chúng tôi đang ngồi trên những chiếc ghế đặt ngoài vườn, hứng nắng và ngắm mặt hồ. Bỗng cô tớ gái tới báo là ngoài cửa có người muốn gặp cụ Trevor.

- Ai vậy? - Chủ nhà hỏi.

- Ông ta không chịu nói tên.

- Thế thì hẳn muốn gì?

- Ông ấy chỉ nói là người quen biết và muốn gặp bác trong chốc lát.

- Chị đưa người đó vào đây.

- Chúng tôi thấy xuất hiện một người nhỏ bé, dáng điệu xun xoe, bước chân lết dài. Gã mặc áo vét không cài khuy, cổ tay áo có dính hắc ín, áo sơ mi kẻ sọc vuông màu đen và đỏ, quần lao động, chân đi giày lớn đã mòn gót. Hẳn có bộ mặt gầy, rám nắng, quý quýet, miệng luôn luôn cười, phô ra một hàng răng khấp khểnh. Những bàn tay quắt lại, cứ nắm nửa chừng, như những thủy thủ thường có thói quen như vậy. Trong lúc gã nặng nề băng ngang bồn cỏ, tôi nghe thấy bác Trevor cố nén một tiếng kêu nhỏ, vội vàng đứng lên và chạy

vào trong nhà. Bác trở ra ngoài ngay sau đó, khi bác đi ngang qua bên, tôi ngửi thấy mùi rượu cô-nhắc nồng nặc.

- Thế nào, ông bạn? Tôi có thể làm gì để giúp ông đây?

- Cụ nói.

Gã thủy thủ đứng nhìn bác với đôi mắt nheo lại. Cặp môi mềm nhão của y cong lên.

- Bác không nhận ra tôi sao?

- Ui cha, chính là Hudson đây mà. - Cụ Trevor kêu lên với một giọng ngạc nhiên.

- Hudson đây, thưa bác, đã hơn ba mươi năm qua, tôi không gặp bác. Giờ đây bác đang sống trong nhà cao cửa rộng, trong lúc tôi vẫn còn phải đi mòt những đồ hộp đồ ăn trong các thùng rác.

- "Suýt ! Ông bạn. Rồi anh sẽ thấy là tôi không quên những người cũ đâu". Bác Trevor nói, và tiến tới bên gã thủy thủ, hạ thấp giọng, nói với y vài lời rồi lại cất cao giọng : "Hãy xuống dưới nhà bếp ăn uống. Chắc chắn là tôi sẽ tìm cho anh được một việc làm".

- Xin cảm ơn. Tôi vừa trải qua hai năm trên một con tàu chở hàng và tôi mong được nghỉ ngơi ít lâu. Tôi nghĩ rằng tôi có thể thu xếp hoặc với ông Beddoes hoặc với bác đây.

- Anh biết địa chỉ của ông Beddoes hả? - Cụ Trevor kêu lên.

- Xin cụ thứ lỗi, tôi biết chỗ ở của mọi bạn cũ. - Gã thủy thủ trả lời. Thế rồi y theo cô tớ gái xuống nhà bếp. Cụ Trevor nói với chúng tôi rằng cụ từng là bạn cùng tàu với hắn trong chuyến đi tới những vùng đất có vàng. Đoạn cụ bỏ vào trong. Một tiếng đồng hồ sau, khi chúng tôi vô nhà, chúng tôi thấy cụ say như chết, nằm dài trên trường kỷ trong phòng ăn. Việc đó để lại cho tôi một cảm tưởng xấu và tôi nhận thấy sự hiện diện của tôi sẽ làm cho bạn tôi ngượng nghịu.

Ngày hôm sau, tôi trở về Luân Đôn, lại ru rú trong căn phòng của mình và tiến hành những cuộc thí nghiệm hóa học.

Tuy nhiên, vào lúc kỳ nghỉ hè sắp dứt, tôi nhận được một bức điện của Victor yêu cầu tôi trở lại Donnithorpe. Tôi lại lên đường, ngược lên miền Bắc.

Victor chờ tôi ở nhà ga. Mới thoạt nhìn, tôi hiểu ngay là anh vừa trải qua hai tháng thật nhiều bực bội. Anh đã gầy đi, đánh mất tính vui vẻ có duyên.

- Ông già sắp chết, - anh nói với tôi ngay từ đầu.

- Đâu có thể ! Mà chết vì bệnh gì ?

- Một cú sốc thần kinh. Suốt ngày hôm nay, ba tôi cặm kè cái chết.

- Nguyên nhân ?

- Anh hãy lên xe đi ! Dọc đường chúng ta sẽ nói chuyện. Anh còn nhớ cái gã tìm tới nhà ngay trước bữa anh ra về chứ ?

- Nhớ rất rõ.

- Anh có biết gã đó là ai không ?

- Tôi không biết.

- Quý dũ đó, Holmes ạ !

Tôi nhìn chòng chọc vào mặt anh với vẻ kinh ngạc.

- Đúng đấy, kể từ khi hắn tới nhà, chúng tôi không còn yên tĩnh lấy một giờ. Kể từ ngày đó, ông già cũng chẳng bao giờ còn ngừng đầu lên nữa. Và giờ đây mạng sống của ông như chỉ mảnh treo chuông.

- Hắn ta nắm giữ quyền lực gì vậy ?

- A, tôi cần biết điều đó ! Cha tôi trung hậu đến thế, độ lượng đến thế, tử tế đến thế : Làm sao ông lại rơi vào móng vuốt của tên đạo tặc đó ? Tôi đặt nhiều hy vọng vào anh. Vào lời khuyên của anh, anh Holmes.

Chúng tôi bay trên con đường bằng phẳng và trắng phau, trước mặt chúng tôi trải dài ra tất cả các vùng các hồ và đầm lầy đang long lanh dưới ánh sáng đỏ của buổi hoàng hôn. Giữa một lùm cây bên tay trái nhô lên những ống khói cao và cây cột cờ : nhà cụ Trevor.

- Ba tôi đã cho gã Hudson làm vườn, y có vẻ không bằng lòng, ông lại cho hắn làm quản gia. Ngôi nhà tựa như là của chính hắn, hắn muốn làm gì tùy thích. Các cô tớ gái than phiền về sự rượu chè vô độ và về những cử chỉ thô tục của hắn. Ông già tăng lương để làm cho họ nín tiếng. Hudson lấy con thuyền và khẩu súng tốt nhất của cha tôi để đi săn thỏ. Cái tên đều cáng đó, ngạo mạn đó, xảo trá đó đã bị tôi đâm lên hai chục lần nếu như y đồng trang lứa với tôi. Nhưng tôi đã tự kiềm chế, để khỏi làm cho ông già buồn. Than ôi ! Cái con thú đó càng lúc càng quấy rầy, luôn luôn hắn xía nhiều hơn vào những chuyện chẳng dính dáng gì tới hắn. Một hôm, hắn dám đối đáp hỗn xược với ba tôi ở ngay trước mặt tôi. Tôi tóm lấy vai y và tống cổ y ra khỏi phòng. Hắn lĩnh đi, mặt tái xanh, với những ánh mắt ngăm đe dọa. Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra sau đó giữa ba tôi và hắn, nhưng ngày hôm sau, ba tôi tìm gặp tôi và yêu cầu tôi xin lỗi Hudson, tôi từ chối thẳng thừng và tôi hỏi vì sao ba tôi lại chịu đựng một tên vô lại như thế.

- Con không biết là ba đang lâm vào cảnh khó xử đến nhường nào. Nhưng rồi con sẽ biết, Victor. Ba sẽ nói cho con biết, rồi muốn ra sao thì ra : Con sẽ không bao giờ nghĩ xấu về cha chứ, con của ba?

Ông giam mình trong văn phòng ông suốt cả ngày hôm đó. Qua khuôn cửa sổ, tôi nhìn thấy ông : ông đang cầm cúi viết. Buổi tối hôm đó sau bữa ăn, con quỷ nói với chúng tôi là y sắp đi. Y có giọng nói riu rười của người sắp say :

- Tôi chán Norfolk rồi. Tôi sẽ đi xuống Hampshire gặp ông Beddoes. Tôi mong rằng chuyến đi này sẽ làm hài lòng ông.

"Cái câu nói móc họng đó khiến cho tôi giận sôi lên, ba tôi hỏi :

- Anh không vì giận dữ mà bỏ đi chứ, Hudson? Tôi hy vọng là như thế?"

Gã nọ ném về phía tôi một tia nhìn hắc ám :

- Tôi đã không được xin lỗi.

Lúc đó ba tôi quay sang phía tôi.

- Victor, con hãy nhìn nhận rằng con đã đối xử thô bạo với người này, phải thế không nào?

Tôi tự hạn chế mà trả lời :

- Trái lại, con tin rằng cả hai cha con ta đã hết sức kiên nhẫn đối với ông ta.

Y gầm lên :

- À ra thế, anh nghĩ như vậy đó? Được lắm, anh bạn nhỏ của tôi, rồi anh cứ giương mắt lên mà xem !

Y lẩn ra khỏi phòng và nửa tiếng đồng hồ sau, y đã rời khỏi nhà. Ba tôi ở trong một tình trạng tồi tệ. Nhưng đúng vào lúc mà ba tôi tìm lại được một chút lòng tin thì xảy ra cú đánh sau cùng.

- Bằng cách nào vậy?

- Cú đánh khác thường nhất trần đời. Hôm qua, một lá thư được gửi tới. Thư mang con dấu của bưu cục Fordingbridge. Ba tôi đọc thư, giơ hai bàn tay ôm lấy đầu, rồi ông bắt đầu chạy vòng vòng trong phòng khách. Khi tôi đặt được ba tôi nằm xuống tràng kỷ, miệng ông và mí mắt ông co rúm sang một bên. Bác sĩ chạy tới ngay tức khắc. Nhưng cha tôi đã hôn mê.

- "Anh làm tôi lo sợ, Trevor" tôi thốt lên. "Nhưng, trong thư nói cái gì mà lại gây ra một thảm họa tới nhường đó?"

- Chẳng có gì cả. Tin nhắn thật là phi lý, tâm thương. Nhưng đó chính là điều tôi lo sợ...

Xe độc mã đã chạy quanh khúc đường vòng trên lối đi vào nhà. Trong ánh sáng yếu ớt của buổi chiều tà, chúng tôi thấy các bức màn sáo trong nhà đều đã được buông xuống. Chúng tôi vội vã đi về phía cửa ra vào. Một người vận đồ đen vượt qua ngưỡng cửa, ông ta dừng lại khi thấy chúng tôi.

- Chuyện xảy đến vào lúc nào vậy, thua bác sĩ? - Victor hỏi

- Ngay sau lúc ông vừa lên đường.

- Ba tôi có tỉnh lại không?

- Chỉ tỉnh trong chốc lát trước khi trút hơi.

- Cụ có trời trăng điều gì không?

- Ông cụ chỉ nói một câu "các giấy tờ để trong ngăn kéo dưới cái bàn Nhật Bản".

Victor leo lên, đi cùng với ông bác sĩ về phía buồng người chết. Tồi ở lại trong căn phòng, cảm thấy bị sàu não như chưa bao giờ từng bị sàu não đến thế. Quá khứ của cụ Trevor là thế nào? Cụ từng là võ sĩ quyền anh, cụ đã đi đây đi đó, cụ đã trở thành người đi tìm vàng. Và do đâu mà cụ lại rớt vào quyền lực của cái tay thủy thủ gồm ghiech kia? Tại sao cụ lại ngất xỉu khi nhớ đến những chữ viết tắt trên cánh tay, tại sao cụ lại chết vì khiếp sợ khi nhận được một lá thư gửi từ Fordingbridge? Rồi tôi nhớ ra là Fordingbridge ở trong vùng Hampshire, và rằng cái nhà ông Beddoes cũng nằm trong vùng Hampshire. Như vậy lá thư có thể đến từ tên thủy thủ Hudson, báo tin là hắn đã tiết lộ điều gì bí mật, tội lỗi dường như có từ thuở trước, hoặc giả lá thư đó do Beddoes báo cho biết một kẻ hợp tác ngày xưa rằng sự phản bội này sắp xảy ra đến nơi. Cho tới đó, sự việc thật là sáng tỏ. Nhưng trong trường hợp này, làm sao mà tin nhắn lại có thể tầm thường, vô lý theo lời của Victor? Có lẽ anh ấy đã đọc không kỹ, hiểu không thấu. Hoặc giả tin nhắn đó đã được soạn thảo theo một trong những hệ mật mã khéo léo đã được hiểu theo nghĩa khác. Tồi cần phải có lá thư đó. Suốt một tiếng đồng hồ, tôi ngồi suy nghĩ trong bóng tối, cho tới lúc một cô tớ gái mặt đầm đìa nước mắt mang tới một ngọn đèn và theo sau là Victor. Anh ngồi xuống trước mặt tôi, đẩy ngọn đèn tới sát mép bàn và đưa cho tôi một lá thư viết nguệch ngoạc, trên một tờ giấy màu xám và tôi đọc : "*Không còn khó khăn nữa :*

không còn con mồi nào ở Luân Đôn, làm gì có việc để phải cạnh tranh nữa. Hudson, người đại diện của anh, đã nói hết giá cả những con gà lôi, con gà lôi mái và sợi dây buộc đầu roi. Chỉ có con gà gô đỏ có cơ may duy nhất được rời khỏi trong tuần này ngành chăn nuôi của nước Anh”.

Tôi đọc lại lần nữa, rất chăm chú, một nghĩa thứ hai chắc hẳn phải được che giấu trong sự phối hợp kỳ lạ của những từ này. Phải chăng đã có một ý nghĩa được thỏa thuận từ trước trong những từ như “dây buộc đầu roi” hoặc “con gà gô đỏ”. Chính đó là điểm mấu chốt của vụ này. Sự có mặt của tên Hudson tại nhà ông cụ đã cho tôi biết rằng người viết bức thư, chính là ông Beddoes chứ không phải gã thủy thủ. Tôi thử đọc ngược, nhưng những chữ chót “của nước Anh ngành chăn nuôi...” đã làm tôi thối chí. Rồi tôi thử tìm những chữ xen kẽ, kể cả những từ “không có khó khăn ở để...” cũng như “không có gì con mồi Luân Đôn làm” cũng chẳng soi sáng cho tôi được một tí nào. Sau chót, bất thành linh, chia khóa hiện ra với tôi. Tôi thấy là chữ đầu tiên của mỗi nhóm chữ là cần giữ lại, điều đó cho ta một chuỗi câu đã xô đẩy ông lão Trevor đến chỗ tuyệt vọng.

Lời cảnh cáo thật ngắn. Tôi chuyển dịch cho bạn tôi hiểu :

“Không còn làm gì nữa. Hudson đã nói hết. Chỉ có cơ may duy nhất rời khỏi nước Anh”.

Victor vùi đầu trong hai bàn tay run rẩy. Anh nói với tôi :

- Tôi nghĩ rằng đó là điều chính xác. Nhưng như thế nó còn tồi tệ hơn là cái chết, bởi điều đó còn có nghĩa là sự ô danh. Nhưng những từ “người đại diện của anh” và “con gà gô đỏ” có nghĩa là gì?

- Chẳng có nghĩa gì, nhưng chúng ta sẽ biết nhiều hơn nếu chúng ta khám phá ra người gởi. Anh thấy chứ : người đó đã bắt đầu viết : “Không còn ... làm gì nữa... Hudson... đã nói... vân vân. Sau đó để thuận theo nguyên tắc của mật mã,

người đó đã lấp đầy những chỗ trống bằng một vài từ tiếp theo sau. Đương nhiên người đó đã dùng những từ đầu tiên chột tới trong ý nghĩ. Và nếu như có nhiều từ liên quan tới các con vật, anh có thể tin chắc rằng người đó là một người ham săn bắn hoặc là một người đam mê với việc chăn nuôi. Anh biết gì về ông Beddoes này?

- Giờ đây tôi chợt nhớ lại là mỗi mùa thu, ông già tôi lại được mời đến săn bắn trên vùng đất của ông Beddoes.

- Vậy thì ông ấy là người đã gửi thư đến đây : Điều còn lại là tìm hiểu sự bí mật mà gã thùy thủ Hudson treo lơ lửng trên đầu ông cụ.

- "Than ôi, Holmes", anh ta kêu lên. "Tôi quả lo sợ đó là một sự bí mật về tội lỗi và ô nhục : Đây là tờ khai mà ba tôi vừa viết. Tôi tìm thấy trong ngăn kéo cái bàn Nhật Bản. Anh hãy đọc cho tôi nghe. Tôi không đủ can đảm để đọc".

Bên ngoài ông cụ viết *"Chi tiết về chuyến đi trên tàu "Gloria Scott" kể từ lúc tàu rời cảng Falmouth ngày 8 tháng Mười 1855 cho đến lúc tàu bị phá hủy ở 15o20' vĩ độ bắc và 25o14' kinh độ tây ngày 6 tháng Mười Một"*.

Bản khai này được viết dưới hình thức viết thư. Đây là nội dung :

"Con yêu quý của ba,

Giờ đây sự ô danh đang tới, làm đen tối những năm cuối đời ba. Với tất cả lòng chân thành, ba nói với con rằng ba không sợ hãi pháp luật, không sợ mất địa vị trong xã hội, chính cái ý tưởng rằng con sẽ xấu hổ vì đã có một người cha như ba, đã làm tan nát cõi lòng ba. Nhưng nếu các nỗi nhục nhã đã giáng xuống đời ba, thì lúc đó ba muốn con được đọc lá thư này, ngõ hầu con hiểu rõ là ba đáng chê trách đến dường nào ; còn nếu như tất cả đều yên lành và nếu tình cờ lá thư này không bị hủy đi và rơi vào trong tay con, thì ba xin con hãy ngưng đọc ở nơi đây, đưa nó vào ngọn lửa và không còn dành cho nó một ý nghĩ nhỏ nhoi nào nữa.

"Còn nếu như con tiếp tục đọc, thì đó là ba đã bị lột mặt nạ và bị đem ra khỏi nhà. Trong trường hợp này hoặc trường hợp kia, ba chẳng cần giấu giếm con điều chi cả. Do đó con hãy coi mỗi từ trong những lời ba nói trong thư là những sự thật chân thành. Ba xin thề như thế :

"Con yêu quý, tên ba không phải là Trevor. Khi còn trẻ hơn, ba tên là James Armitage. Giờ đây thì con hiểu cú sốc mà ba đã chịu cách đây vài tuần khi người bạn đồng song của con nói với ba về mấy chữ J.A. Dưới cái tên Armitage, ba đã vào làm việc trong một ngân hàng tại Luân Đôn. Dưới cái tên Armitage, ba đã bị tuyên cáo có tội không tuân thủ luật lệ của đất nước, và bị kết án lưu đày chung thân. Đừng có nghĩ quá xấu về ba nghe. Ba cần trả một món nợ danh dự nên đã biến thủ tiền bạc của ngân hàng. Lúc đó, ba tin chắc là ba có thể bồi hoàn trước khi người ta phát hiện ra số tiền bị thiếu. Nhưng người ta xét sổ quá sớm, nên đã làm lộ ra số tiền thiếu hụt. Vụ đó xảy ra vào ngày sinh nhật thứ ba mươi ba của ba, ba bị xiềng như kẻ tội phạm cùng với ba mươi bảy tù khổ sai khác trên con tàu "Gloria Scott", sắp sửa lên đường sang châu Úc.

"Đó là vào năm 1855. Cuộc chiến ở Crimée đang hồi sôi động. Những con tàu cũ kỹ chở tù khổ sai đã được dùng làm tàu chở quân ngoài Hắc Hải. Vì vậy, chính phủ buộc phải sử dụng những con tàu nhỏ bé hơn để đưa những người tù đi đày nơi viễn xứ. Tàu "Gloria Scott" trước là thương thuyền buôn trà với Trung Quốc, nó đã quá già nua. Tàu trọng tải 500 tấn. Thêm vào 38 người đáng bị treo cổ, một đoàn thủy thủ 36 người, 18 người lính, một đại úy, 3 trung úy, một y sĩ, một cha tuyên úy và 4 bảo vệ. Tóm lại nó chở một chuyến hàng trên 100 con người.

"Những vách ngăn giữa các xà-lim nhốt tù không làm bằng gỗ sồi rắn chắc như trong các tàu dành riêng để chở tù : chúng mỏng và dễ gãy. Người ngồi ở bên cạnh mé đằng sau,

ba, là một anh chàng còn trẻ, bộ mặt sáng láng, không để râu hàm, không cạo râu má, anh ta có một cái mũi dài thon, cái đầu có dáng vô tư lự và khi bước đi, thân hình đu đưa. Chắc chắn là anh ta cao không dưới hai mét : thật kỳ lạ khi ở giữa mấy chục bộ mặt buồn bã và chán nản lại có một cái đầu biểu lộ sự quả quyết và nghị lực. Ba hài lòng có anh ta ở kế bên và càng sung sướng hơn nữa khi, trong sự im lặng chán ngắt của đêm đen, ba nghe một tiếng thì thầm sát bên tai : "đã khoét được một cái lỗ trong tấm ván ngăn cách hai xà-lim."

- "Xin chào anh bạn". Anh ta nói. "Tên anh là gì nhỉ? Tại sao lại ở đây?"

- James Armitage. Còn anh là ai?

- "Tôi là Jack Prendergast", anh ta bảo ba. "Rồi ra anh sẽ kính trọng tên tôi".

Ba sức nhớ đã nghe nói đến vụ án của anh ta, bởi vì vụ đó đã làm xôn xao khắp nước. Đó là một người con nhà gia thế và có nhiều tài, nhưng anh ta mắc phải những thói quen tệ hại, và bằng một phương pháp lừa đảo tài tình, anh đã lột hết của cải của một số nhà buôn giàu có ở Luân Đôn.

- A, a ! Thế ra anh còn nhớ đến tôi đấy? - Anh ta hỏi ba một cách kiêu hãnh.

- Nhớ rất rõ !

- Thế thì anh còn nhớ một chi tiết kỳ lạ trong vụ án của tôi?

- Chi tiết nào?

- Tôi có gần một phần tư triệu, đúng thế không nào?

- Đó là điều thiên hạ nói.

- Nhưng người ta không lấy lại được một teng nào hết, phải không?

- Phải.

- Vậy thì anh thử nghĩ xem, số tiền đó hiện đang ở đâu?

- Tôi không biết.

- “Ồ ngay giữa ngón tay trỏ và ngón tay cái của tôi đây này”, anh ta kêu lên. “Tôi có nhiều đồng bằng, hơn là số tóc trên đầu anh. Và nếu như anh có tiền, và biết cách tiêu tiền thì anh có thể làm được bất cứ điều gì ! Thế thì có thể nào một gã “làm được mọi chuyện” lại chịu kéo lê đôi ghệt của y trong cái hầm hơi thối của con tàu này chẳng? Không đâu. Một gã như thế, rất chăm lo cho chính hấn và cho những bạn bè của hấn. Anh hãy bám riết lấy hấn đi và thề trên kinh Thánh, anh sẽ không phải than phiền về hấn đâu”.

Đó là cách nói của anh ta. Thoạt đầu ba tin là những lời nói như thế chẳng có nghĩa gì. Nhưng một lát sau, khi anh ta đã thử thách ba và bắt ba hứa giữ im lặng với tất cả sự trang trọng có thể có, anh ta nói cho ba biết là đang có một âm mưu để chiếm lấy con tàu. Một tá những phạm nhân đã chuẩn bị ngầm âm mưu đó từ trước khi lên tàu. Prendergast là thủ lĩnh của nhóm đó.

- “Tôi có một người hợp tác” anh ta bảo ba. “Một gã dững cảm hiêm có, trung thành như cái vòng đai đối với một thùng tôn-nô vậy. Và rất nhiều tiền. Một tay nhà giàu ! Anh có biết nó đang ở đâu không? Chính là ông cha tuyên úy trên tàu này. Anh ấy đã lên tàu với áo lễ đen và các giấy tờ hợp pháp. Anh ấy có đủ tiền để mua đứt từ sống tàu cho tới cái đỉnh cột buồm. Đoàn thủy thủ tận tụy với anh ấy cả xác lẫn hồn. Anh ấy đã trả tiền mặt cho họ trước khi họ ký giấy cam kết. Có hai tay bảo vệ, thêm Mercer, phó thuyền trưởng. Anh ấy hứa là sẽ mua luôn thuyền trưởng”.

- Thế thì chúng ta phải làm gì? - Ba hỏi.

- Chúng ta sẽ cho một vài tên trong số bọn lính một vài tấm áo đỏ hơn thứ áo mà thợ may quân phục đã cấp phát cho họ.

- Nhưng họ có vũ khí mà?

- Thì mỗi đứa chúng ta cũng có một cặp súng lục. Nếu chúng ta không cướp được tàu này, thì chúng ta phải trở lại trường làng thôi. Đêm nay anh sẽ nói với người bạn của anh ở phía bên kia và tìm hiểu xem nó đáng được tin cậy hay không.

"Người bị nhốt bên cạnh ba là một chàng trai bị kết tội giã gạo. Anh ta tên là Evans, cũng sẵn sàng tham dự vào cuộc đồng mưu. Khi chưa ra khỏi biển Manche, trong tàu chỉ còn có hai người tù không hay biết cái âm mưu cướp tàu. Một gã nhu nhược nên bọn ba không dám kêu gọi, gã kia bị mắc bệnh.

Trong đoàn thủy thủ có năm tên gia nhập vào chuyến phiêu lưu này. Ông cha tuyên-uy-giả qua lại các xà lim để khích lệ bọn ba, ông ta đeo một cái bao da được gọi là "bao chứa những quyển sách đạo", ông ta thường lui tới luôn, nên sang ngày thứ 3, bọn ba đã có một cái giũa, một cặp súng lục, một cân thuốc súng và hai chục đồng tiền vàng. Tất cả được bó chặt, giấu dưới giường. Hai trong số những tay bảo vệ nhận lệnh của Prendergast, viên trung úy, phó thuyền trưởng là cánh tay mặt của anh ta. Những người chống lại: viên đại úy, hai viên phó thuyền trưởng khác, hai người bảo vệ, trung úy Martin cùng với mười tám người lính dưới quyền của ông ta, thêm vào ông y sĩ. Tuy nhiên, bọn ba đã quyết định không sao lãng bất cứ một sự phòng ngừa nào và tiến hành cuộc tấn công bất ngờ, vào ban đêm; nhưng rồi nó lại xảy ra sớm hơn dự liệu.

"Một buổi tối, gần ba tuần sau ngày lên đường, viên y sĩ đi thăm một trong những tù nhân bị bệnh. Lừa bàn tay xuống dưới ghế nằm của người bệnh, ông nhận ra hình dáng khẩu súng lục. Nếu ông ta lặng thinh và lên báo cáo thì vụ âm mưu sẽ bị khám phá ra, nhưng ông ta thốt lên một tiếng kêu ngạc nhiên và mặt mày tái mét. Thân chủ của ông đoán ra ngay cái mà ông ta đã phát hiện. Y túm lấy ông, nhét giẻ vào miệng ông và trói gô ông bên dưới ghế nằm. Trước đó, viên y sĩ đã mở cánh cửa dẫn lên boong tàu, vì vậy tất cả tù nhân hăm hờ

vượt qua cửa đó. Hai lính canh bị hạ, viên hạ sĩ đang chạy tới xem có chuyện gì đã xảy ra cũng bị hạ. Ở lối vào các ca-bin, có hai người lính bị giết trong lúc đang gắn lưới lên đầu súng. Bọn ba chạy vội vào ca-bin của thuyền trưởng, nhưng lúc bọn ba đẩy cánh cửa ra, thì đã thấy ông ta gục đầu trên tấm bản đồ Đại Tây Dương trên mặt bàn, còn ông cha tuyên úy thì đứng ngay bên cạnh, khẩu súng lục trong tay hãy còn bốc khói. Hai viên trung úy bị đoàn thủy thủ bắt giữ. Tất cả đã giải quyết xong.

"Ca-bin hạng sang ở sát hai bên ca-bin của đại úy : bọn ba ùa vào đó ngồi xếp xuống trên những ghế dài bọc nệm, đưa nhau nói cùng một lượt. Wilson, ông cha tuyên úy giả, đập vỡ một cái rương, để moi ra một chai rượu vang, đập bể cổ chai và rót đầy các cốc không chân. Vào lúc bọn ba nâng cốc lên để cúng ly, một loạt súng nổ vang : cả ca-bin tràn ngập khói đến mức ba không còn trông thấy được phía bên kia của cái bàn. Khi khói đã tan, Wilson và tám người tù khổ sai lẫn lộn trên mặt bàn : Bọn ba bị quang cảnh làm cho tê liệt, và sẽ đầu hàng nếu như Prendergast không có ở đó. Hắn rống lên như một con bò mộng, rồi nhảy số ra khỏi cửa cùng với tất cả những người sống sót ùa theo sau. Trực diện với bọn ba, mé đuôi tàu có viên trung úy và mười tên lính. Những khung gắn kính phía trên cái bàn trong ca-bin đã dẹo mở hé ra và họ đã bắn qua khe hở. Trước khi họ kịp nạp đạn thì bọn ba đã nhào lên. Họ kháng cự kịch liệt nhưng quân số ít hơn. Trong năm phút, tất cả đều hoàn tất, Prendergast vùng vẫy như một con quỷ : y gom những người lính lại rồi quăng họ xuống biển, chẳng cần biết họ đã chết hay còn sống. Một trung sĩ bị thương vẫn cố bơi trong một hồi lâu, cho tới khi một người trong bọn ba mũi lòng thương hại, nhắm bắn một phát vào sọ. Khi cuộc chiến kết thúc, kẻ thù của bọn ba chỉ còn lại có năm người, hai người bảo vệ, hai viên trung úy và ông y sĩ.

"Thế là nổ ra cuộc tranh cãi lớn. Rất nhiều người hài lòng vì đã giành lại được tự do ; với họ, thế là đủ ; họ không

muốn giết thêm người ; Tám người trong bọn ba là : ba thủy thủ và năm tù khổ sai, tỏ ý không muốn dự vào cuộc tàn sát sắp diễn ra. Nhưng không thể làm lung lay quyết tâm của Predegast và của những người cùng chia sẻ ý kiến với anh ta. Phe anh ta quả quyết rằng cơ may duy nhất để bảo đảm an toàn là phải nhổ cò tận gốc rễ và rằng anh sẽ không để cho một cái lưỡi còn sống có khả năng làm chứng chống lại bọn ba. Chỉ thiếu chút nữa là "nhóm tám người" cũng chịu chung số phận với những kẻ bị bắt giữ, nhưng sau chót anh ta bảo nhóm tám người hãy lấy một cái xường mà bỏ đi. Nhóm của ba đồng ý vì đã quá chán ngán cái cảnh tượng quá tàn bạo đó. Họ phát cho mỗi người trong bọn ba những bộ quần áo của thủy thủ, một thùng nước, một két thịt bò muối, một két bánh Biscuit và một cái la bàn. Predegast dẫn nhóm tám người đến trước một tấm bản đồ, dặn dò rằng hãy nhận mình là những thủy thủ bị trôi giạt vì con tàu đã bị đắm ở vị trí 15° vĩ độ bắc và 25° kinh độ tây. Xong anh ta cắt dây buộc chiếc xường và để cho nó trôi theo dòng nước...

Con thân yêu của ba, giờ đây ba sắp kể tới cái phần gây ngạc nhiên hơn cả trong câu chuyện. Trong cuộc nổi loạn, các thủy thủ đã kéo thấp cái trục căng buồm mũi. Khi bọn ba đã rời xa con tàu thì họ lại dựng nó lên để đón một cơn gió đông-bắc nhẹ. Chiếc xường của tám người nhi nhằng vượt qua những đợt sóng dài nhẹ. Evans và ba - vốn là những người có học thức hơn cả trong bọn - ngồi ở đằng sau tàu để quyết định hướng đi. Sau chót, vì gió bắc thổi nhiều hơn, Evans quyết định đi về hướng Sierra Leone. Bất thình lình, trong lúc ngó về con tàu đó, ba thấy một cụm khói đen bốc lên cuồn cuộn, khói giăng ra tựa như một cái cây khổng lồ. Vài giây sau đó, một tiếng nổ long trời. Khi khói đã bị gió lùa đi, ba không còn thấy dấu vết của con tàu "Gloria Scott" đâu nữa. Ngay tức khắc, nhóm 8 người chuyển hướng và chèo cật lực tới nơi mà một làn khói đen lợt hazy còn bảng lảng trên mặt nước.

Phải mất một tiếng đồng hồ, bọn ba mới tới được chỗ đó. Những mảnh vụn của một cái ca-nô, những mảnh thùng và những thanh gỗ dài nhấp nhô trên sóng. Không tìm ra được một dấu hiệu nào của sự sống, bọn ba vừa quay xuồng lại thì chợt nghe thấy tiếng kêu cứu : cách xa một quãng, trên một miếng ván, có một người nằm thẳng cẳng. Bọn ba kéo người đó lên thuyền. Đó là một thủy thủ trẻ, tên là Hudson : hắn bị bỏng, và kiệt sức đến mức phải đợi đến sáng hôm sau, hắn mới đủ sức thuật lại các sự việc đã xảy ra.

- "Sau khi các ông bỏ đi rồi, Prendergast ra lệnh hành hình năm tù nhân còn sống sót : Hai người bảo vệ bị hạ sát và liệng xuống biển. Rồi đến lượt viên trung úy thứ ba. Sau đó, Prendergast đi xuống dưới tàu và tự tay mình cắt đứt cổ họng ông y sĩ. Chỉ còn lại có viên trung úy thứ nhất, vẫn là người gan dạ và cương quyết. Khi ông ta thấy Prendergast tiến lại gần, trong tay có con dao đâm máu thì ông ta tự gỡ dây trói ra (ông ta nói lòng được từ trước) và nhảy từ trên boong xuống khoang hầm sau.

Một tá những tù khổ sai có trang bị súng lục tụt xuống tìm bắt ông ta. Chúng thấy ông đang ngồi bên một thùng thuốc súng mở sẵn, trong tay cầm một hộp diêm quẹt. Thùng đó là một trong số một trăm thùng thuốc súng mà con tàu chở theo. Ông thề là sẽ cho nổ tung tất cả, nếu ông bị hành hạ. Thế rồi, vài phút sau, con tàu bị nổ. Tôi nghĩ là thùng thuốc súng bị nổ là do một phát súng bắn trật, hơn là do que diêm của ông trung úy. Nhưng dù cho nguyên cớ là gì đi nữa, tàu "Gloria Scott" đã bị triệt hạ, cũng như cái tên vô lại đã nắm quyền chỉ huy con tàu".

Con thân yêu, đó là câu chuyện về cái vụ khủng khiếp, trong đó ba có tham gia. Ngày hôm sau, nhóm 9 người được một con thuyền hai cột buồm nhận ra. Lúc đó thuyền đang trên đường sang châu Úc và viên đại úy thuyền trưởng đã tin rằng nhóm của ba là những người còn sống sót khi một con tàu chở

khách đã bị đắm. Sau một chuyến đi an lành, con tàu hào hiệp đó đổ bộ ba lên cảng Sydney là nơi Evans và ba thay tên đổi họ và cùng nhau đi tới những vùng đất có vàng, chen lấn trong dân dân tứ chiếng từ thập phương kéo tới nơi đó. Bọn ba vĩnh viễn từ bỏ căn cước đầu tiên của đời mình.

Ba không cần thuật lại phần tiếp theo. Ba đã làm giàu, đã đi đây đi đó, rồi lại trở về nước Anh như những nhà thực dân giàu có về tụ đất đai ở quê nhà. Trong hơn hai mươi năm, ba đã sống một cuộc đời an bình và hữu ích với hy vọng là quá khứ đã hoàn toàn bị chôn vùi. Con hãy hình dung ra điều mà ba cảm nhận khi người thủy thủ vừa chợt hiện ra là ba nhận được ngay tức khắc đó là Hudson. Ba không biết nhờ đâu mà hắn tìm ra ba, hắn quyết tâm lợi dụng sự sợ hãi của ba. Giờ thì con đã hiểu trong một chừng mực nào đó, con sẽ thông cảm với nỗi khiếp sợ cứ ở mãi trong ba, kể từ khi hắn rời khỏi nhà ta với những lời đe dọa để tìm tới bên nạn nhân khác của hắn”.

Ở phía dưới lá thư có mấy hàng chữ run rẩy :

“Beddoes đã cho ba biết bằng một mã rừng H. đã tiết lộ tất cả. Chúa nhân từ ơi, xin Người hãy thương xót linh hồn chúng con !”

- Anh Watson, “Đó là thiên truyện kể mà tôi đã đọc cho anh bạn Victor nghe trong đêm hôm ấy. Anh Victor tan nát cõi lòng, bỏ sông miền Viễn Đông để trồng trà, ở đó anh rất thành công. Còn về gã thủy thủ và về Beddoes, từ đó tôi chẳng được tin tức gì về họ.

Tục lệ ở gia đình Musgrave

Các phòng của chúng tôi luôn chứa đầy những vật kỳ quặc liên quan đến hóa học hoặc đến tội hình sự nào đấy. Những dị vật này thường ở những nơi không ngờ tới nhất, như trong chiếc bình đựng bơ chẳng hạn. Tuy nhiên, giấy tờ của Holmes là những thứ hành hạ tôi hơn cả. Hiện giờ anh ta chưa thể đốt chúng. Thế mà sắp xếp lại giấy tờ, đưa chúng vào trật tự ngăn nắp, Holmes chỉ có dũng cảm làm việc đó một, hoặc quá lắm là hai lần trong một năm. Thế là từ tháng này qua tháng khác, hàng đống giấy tờ chép tay chất ngất trong tất cả các góc nhà.

Vào một chiều mùa đông, chúng tôi cùng ngồi cạnh lò sưởi. Tôi nói bóng gió với Holmes rằng chừng nào anh thôi không ghi chép trên cuốn sổ tay của mình và giá như anh bỏ ra khoảng một tiếng đồng hồ để làm cho căn phòng có vẻ sinh động hơn thì tốt biết mấy ! Anh thừa nhận sự đúng đắn trong yêu cầu của tôi. Và với vẻ mặt buồn bã, anh lê bước vào phòng ngủ. lát sau kéo ra một chiếc hòm sắt tây to tướng. Anh đặt nó giữa phòng, mở nắp ra : chừng một phần ba chiếc hòm chứa đầy những bó giấy được thắt bằng dải băng màu đỏ.

- Trong này không ít những điều thú vị ! - Anh vừa nói vừa thân ái nhìn tôi.

- Đó là các bản phúc trình về những vụ việc trước đây của anh phải không? Nhiều lần tôi mong muốn anh đừng giữ lại những bản ghi chép đã quá lâu ngày.

- Đây thuộc về những trường hợp đã xảy ra trước khi tôi có riêng một người chép sử.

Rồi bằng những cử chỉ nhẹ nhàng đến âu yếm, anh rút từng bó giấy ra.

- Không phải mọi vụ việc đều kết thúc tốt đẹp đâu. Có một vài vụ khó đến lạ lùng. Chẳng hạn như bản phúc trình về vụ giết Tarleton ; công việc liên can tới một người buôn rượu vang, câu chuyện về chiếc đỉnh nhôm và bản tường trình chi li về cô gái chân cong. Còn đây... một trường hợp tuyệt vời !

Anh lôi tận đáy hòm ra một chiếc hộp gỗ nhỏ có nắp xoay, và lấy ra một mảnh giấy nhàu nát, chiếc chìa khoá bằng đồng tiền cũ, thanh gậy gỗ được quấn bằng một cuộn dây nhỏ và ba chiếc vòng sắt gỉ.

- Thế nào ! Những báu vật này làm anh thích thú chứ?

- Holmes hỏi và mỉm cười.

- Đây là bộ sưu tập thú vị?

- Rất thú vị ! Và lịch sử gắn liền với nó còn khiến anh thú vị hơn nữa !

- Chẳng lẽ các di vật này lại có lịch sử sao?

- Hơn thế nữa, chính chúng là lịch sử.

- Anh muốn nói gì thế?

Sherlock Holmes gom tất cả những đồ vật đó sang một bên, buông mình xuống ghế bành rồi bắt đầu nhìn chúng bằng cặp mắt sáng lên vì hài lòng :

- Đó là tất cả những gì tôi lưu lại trong ký ức về một việc xảy ra có liên quan tới tục lệ của gia đình Musgrave.

- Tôi rất muốn biết chuyện này.

Holmes nhạo báng :

- Lưu lại cái thứ đồ bỏ này làm chi? Anh ngần nắp lắm kia mà? Tuy vậy, chính tôi cũng muốn đưa nó vào cuốn sử

biên niên của mình. Bởi vì trong đó chứa những tình tiết làm câu chuyện trở thành độc nhất vô nhị đối với các tập ghi chép tội hình sự không chỉ ở Anh mà còn ở nhiều nước khác nữa. Giờ đây tên tuổi của tôi đã được nhiều người biết đến. Không chỉ công chúng mà cả những nhà chức trách cũng coi tôi là cấp cuối cùng để giải quyết các vấn đề còn đang tranh luận. Ngay từ khi mới quen anh, tôi đã có một phạm vi hoạt động đáng kể, mặc dầu không thật sinh lợi nhiều lắm. Cho nên chắc anh không thể tưởng tượng được là vào thời kỳ đầu, tôi phải sống thiếu thốn như thế nào, và tôi phải chờ đợi ngày thành đạt lâu ra sao !

Lần đầu tiên đến Luân Đôn, tôi ở đường Montague cạnh bảo tàng Anh. Tại đây, tôi dùng thời gian rảnh rỗi nghiên cứu hết tất cả các lãnh vực tri thức có thể giúp ích trong nghề nghiệp. Thường nhiều người cũng nhờ tôi khuyên bảo, họ tới do sự giới thiệu của những bạn hữu, vốn cũng là sinh viên trước đây. Chả là vào những năm sống ở trường Đại học, người ta đã nói nhiều đến các phương pháp làm việc của tôi. Công việc của gia đình Musgrave là việc người ta nhờ tôi.

Musgrave cùng học cao đẳng với tôi. Anh không có gì nổi bật cả. Nhìn vẻ bên ngoài, anh quả là một nhà quý tộc điển hình : nét mặt thanh tú với cái mũi cao và đôi mắt mở to. Thật ra anh là người của một chi nhánh trong những dòng họ quốc vương. Lâu đài Hurlstone của anh là một trong những tòa nhà cổ kính nhất của vùng.

Đã bốn năm chúng tôi không gặp nhau. Thế là một lần vào buổi sáng, anh đến chỗ tôi ở.

- Anh có được khỏe không, Musgrave? - Tôi hỏi, sau khi chúng tôi bắt tay nhau.

- Có lẽ anh đã biết về cái chết của cha tôi cách đây hai năm. Cố nhiên khi ấy tôi buộc phải cai quản thái ấp Hurlstone. Ngoài ra tôi còn là dân biểu của địa hạt mình. Tôi không được

rảnh rỗi là vì vậy. Thế còn anh, nghe nói anh đã ứng dụng vào thực tiễn những khả năng tuyệt vời từng làm chúng tôi kinh ngạc phải không?

- Vâng. Tôi có ý định kiếm sống bằng tri tuệ.

- Tôi rất mừng khi biết điều này. Hơn lúc nào hết, bây giờ những lời khuyên của anh sẽ rất quý giá đối với tôi. Ở chỗ tôi vừa xảy ra những chuyện kỳ quặc. Cảnh sát không soi tỏ được điều gì hết.

- Kể cho tôi nghe đi !

Tôi mời Musgrave một điếu thuốc lá đầu lọc. Anh ngồi đối diện với tôi và bắt đầu hút.

- "Mặc dầu chưa cưới vợ, tôi vẫn buộc lòng nắm giữ trọn một bang đây tớ. Ổ khoá lớn được thiết kế rất vững về nên cần thường xuyên để mắt tới. Thêm vào đó, tôi có một khu rừng cấm. Vào mùa săn chim trĩ, trong nhà rất đông người, số người phục vụ khá đông. Tôi có cả thầy tám nữ hầu, một người nấu bếp, một quản gia, hai đầy tớ và một chú bé để sai vặt. Ngoài ra, trong vườn và ở các tàu ngựa còn có thợ làm việc.

Phục vụ lâu hơn cả ở gia đình chúng tôi là viên quản lý Băng-tân. Lúc mới vào làm, anh ta chỉ là một giáo viên trẻ. Chẳng bao lâu, do tính khí và nghị lực mạnh mẽ của mình, anh trở thành một người không thể thiếu được trong gia đình chúng tôi.

Đó là một người đàn ông có vầng trán rộng, cao to và điển trai. Mặc dầu đã sống ở chỗ chúng tôi tới gần hai mươi năm, hiện giờ anh vẫn chưa đầy bốn mươi tuổi. - "Có thể coi là lạ lùng vì với vẻ ngoài hấp dẫn và khả năng phi thường như thế", Holmes nói những lời này du dương tựa như đang chơi nhạc cụ. "Anh ta lại hài lòng với cương vị khiêm tốn của mình lâu đến như thế ư?"

Musgrave nói tiếp :

- Băng-tân sống khâm kha và không mong mỗi một sự thay đổi nào. Anh ta luôn luôn chú ý tới tất cả các vị khách của chúng tôi.

- Băng-tân đã đính hôn với Ra-sen, cô hầu phòng của chúng tôi. Ra-sen tánh tình rất sôi nổi. Nhưng sau đấy anh ta lại yêu con gái một người thợ săn lành nghề và ruộng rẫy vợ. Sau chuyện này, Ra-sen vị viêm màng não. Chẳng bao lâu cô bình phục và giờ thì đã đi lại được, nhưng chỉ còn có một mắt... Tấn kịch đầu tiên là như vậy đó. Thế nhưng tấn kịch thứ hai mới là một sự kiện lớn lao.

Như trên đã nói, ngôi nhà của chúng tôi có quá nhiều đường ngang lối tắt. Một ngày của tuần trước, tôi ngu ngốc uống cạn một ly cà-phê đặc sau bữa ăn trưa : tôi thao thức đến hai giờ sáng. Cuối cùng, tôi dấy thắp nến để tiếp tục đọc cuốn tiểu thuyết. Té ra tôi để quên cuốn sách ở phòng chơi bi-da.

Muốn tới phòng bi-da, tôi phải xuống một cầu thang, băng qua hành lang của thư viện và kho chứa vũ khí. Tôi bước vào hành lang, tôi thấy có những tia sáng yếu ớt hắt ra từ cánh cửa để ngỏ của thư viện. Tôi nhớ rõ là trước khi đi ngủ, chính tay tôi tắt cây đèn ở đó và đóng cửa lại rồi ! Cố nhiên ý nghĩ đầu tiên đến với tôi là kẻ trộm đã đột nhập vào đây. Vớ lấy chiếc riu trên một bức tường, đặt cây nến xuống, tôi rón rén đi theo hành lang và liếc mắt nhìn qua cánh cửa của thư viện.

Băng-tân đang ngồi trên ghế bành. Một tờ giấy tựa như tấm bản đồ địa lý được trải rộng trên đầu gối anh ta. Hết sức kinh ngạc, tôi đứng yên, quan sát anh ta từ trong bóng tối. Đột nhiên, Băng-tân đứng dậy, tới gần bàn giấy đặt cạnh tường, dùng chìa khóa mở một ngăn bàn ra. Sau khi lấy một mảnh giấy gì đó, anh ta lại ngồi vào chỗ cũ, vuốt phẳng phiu và bắt đầu chăm chú đọc.

Tôi giận đến mức không kim mình được nữa. Tôi bước về phía Băng-tân, anh ta nhồm phất dậy, vội vàng nhét tấm bản đồ vào túi.

- Thật tuyệt ! Anh đã biện minh cho lòng tin của chúng tôi như thế đấy ! Anh bị nghỉ việc ngay từ sáng mai.

Anh ta cúi gầm mặt xuống, len lén đi ngang qua tôi, không nói một lời. Trong ánh sáng yếu ớt của ngọn nến, tôi liếc nhìn mảnh giấy mà Băng-tân đã rút ra từ bàn làm việc. Hóa ra đó chỉ là một thứ giấy tờ không quan trọng gì cả : nó chỉ là bản sao những câu hỏi và câu trả lời được nói trong khi tiến hành một tục lệ độc đáo cổ xưa mà chúng tôi gọi là "*Tục lệ ở gia đình Musgrave*". Số là từ vài thế kỷ nay, mỗi khi đến tuổi trưởng thành, một người đàn ông trong dòng họ chúng tôi đều phải tiến hành một nghi thức không ai không biết. Nghi thức này chỉ gọi sự quan tâm của các thành viên trong gia đình chúng tôi, hoặc quá lắm nó có thể gọi sự chú ý của các nhà khảo cổ muốn lượm lặt các hiểu biết về những dòng họ xa xưa. Tuyệt nhiên nó không thể có một ý nghĩa thực tế nào cả.

- Chúng ta sẽ quay lại mảnh giấy này ! - Tôi nói với Musgrave.

- Nếu anh cho rằng việc đó thực sự cần thiết. Tôi xin được tiếp tục trình bày tiếp. - Musgrave trả lời với nỗi do dự thoáng qua.

- Sau khi khóa ngăn bàn giấy (chìa khoá Băng-tân để lại tại đó) tôi sắp sửa bước ra thì lạ thay, Băng-tân đã quay trở lại, đứng ngay trước mặt tôi.

- "Ông Musgrave" ! Anh ta kêu lên, giọng khò khè vì xúc động. "Tôi không chịu đựng được sự ô nhục này ! Tuy ở địa vị thấp hèn, tôi cũng có lòng tự hào. Tôi van ông, hãy gia hạn cho tôi một tháng để tôi có thể nói là tôi rời khỏi đây một cách tự nguyện. Còn bị đuổi đi trước cái nhìn của tất cả mọi gia nhân là điều quá sức chịu đựng của tôi".

- Vì anh đã phục vụ nhiều năm nên tôi sẽ không bắt anh chịu nỗi ô nhục này một cách công khai. Vậy sau một tuần, anh phải rời khỏi đây với lý do nào đấy tùy anh !

- “Chỉ một tuần thôi sao, thưa ông?”. Anh ta kêu lên, tuyệt vọng. “Hãy cho tôi 2 tuần vậy !”

- Chỉ một tuần thôi.

Anh ta cúi đầu xuống, chậm chạp lê chân đi. Tôi tắt nển và đi về phòng mình.

Trong hai ngày sau đó, Băng-tân làm bốn phận của mình một cách chu đáo. Thế nhưng sang ngày thứ ba, trái với nếp bình thường, anh ta không tới chỗ tôi nữa. Sau buổi sáng, lúc đi từ phòng ăn ra, tôi vô tình nhận ra cô hầu Ra-sen, vợ cũ của anh ta. Bây giờ cô có vẻ suy kiệt đến nỗi tôi phải quở trách cô vì cô đi làm quá sớm.

- Cô đừng làm việc khi vừa mới bình phục !

Cô ta nhìn tôi với vẻ là lạ, khiến tôi chợt nghĩ có lẽ cơn bệnh đang ảnh hưởng tới lý trí của cô ta chăng !

- Tôi đã khỏe rồi, thưa ông !

- Rồi xem bác sĩ sẽ nói như thế nào ! Còn bây giờ thì hãy bỏ công việc, đi xuống nhà dưới, nhân thể bảo Băng-tân rẽ vào chỗ tôi !

- Anh ta biến mất rồi !

- Biến mất ! Thế nghĩa là thế nào?

- Thật mà ! Không ai còn nhìn thấy anh ta nữa. Anh ta cũng không ở trong phòng. Anh ta đã biến mất. Đúng ! Đúng ! Đã biến mất !

Cô ta tựa vào tường và bắt đầu cười khanh khách. Tôi phát hoảng, chạy tới chiếc chuông nhỏ, gọi người giúp việc. Người ta đưa cô gái vào phòng. Cô vẫn cười rộ và tức tưởi khóc. Tôi bắt đầu hỏi về Băng-tân. Không còn nghi ngờ gì nữa, anh ta đã biến mất thật. “Tuy vậy, thật khó mà hình dung nổi anh ta ra khỏi nhà bằng cách nào? Bởi vì vào buổi sáng, mọi cửa sổ và cửa ra vào vẫn còn được khóa từ phía bên trong. Áo quần, đồng hồ, ngay cả tiền bạc của Băng-tân vẫn còn nguyên ở trong phòng, chỉ thiếu đôi giày vải đi trong nhà, nhưng đôi

ùng thì lại có. Xin nhắc lại, đôi khi tôi có cảm giác như nhà mình là một "mê cung" thật sự. Chúng tôi tìm kiếm tầng phòng một, thậm chí các tầng thượng. Không có kết quả. Tôi mời cảnh sát khu vực lại. Họ cũng không phát hiện được gì hơn. Đêm hôm trước có mưa, không thể tiến hành xem xét các bãi cỏ và con đường quanh nhà. Tình hình vẫn như thế cho tới khi một sự kiện mới, lại xảy ra.

Trong vòng hai ngày đêm, Ra-sen chuyển từ tình trạng mê sảng sang những cơn co giật thần kinh. Sức khỏe của cô xấu đi đến mức ngay ban đêm chúng tôi cũng phải mời hộ lý đến chăm nom cô. Sang đêm thứ ba kể từ lúc Băng-tân biệt tăm hơi, người hộ lý đã thiu thiu trên ghế bành khi thấy bệnh nhân chìm trong giấc ngủ ngon lành. Sáng sớm, bà ta nhận ra giường trống không, cửa sổ mở toang còn bệnh nhân thì biến mất. Lập tức người ta đánh thức tôi dậy. Dẫn theo hai gia nhân, tôi bắt đầu tìm kiếm. Chúng tôi dễ dàng xác định hướng cô ta chạy ra : Bắt đầu từ cửa sổ đến chỗ đứng ngay chiếc ao, các vết chân của cô gái đột ngột chấm dứt ở ngay cạnh mặt nước. Ao chỉ sâu chừng 2,5 mét. Chúng tôi dùng câu liêm bắt tay vào việc tìm kiếm xác chết nhưng chỉ khều được một chiếc bao nhét đầy những mẫu sắt vụn cũ kỹ rỉ sét cùng những mảnh đá lửa và thủy tinh. Cảnh sát hoàn toàn lúng túng và bây giờ niềm hy vọng cuối cùng của tôi là đặt ở anh , anh Holmes".

- Anh Watson ! Sau khi nghe xong câu chuyện, tôi muốn liên kết một khối thống nhất và rất muốn phát hiện ra sợi chỉ dẫn đường đưa đến lời giải đáp : *Viên quản lý biến mất, nữ gia nhân cũng biến mất. Có một lúc nào đấy, cô ả yêu anh chàng, nhưng sau đấy lại oán ghét anh ta. Ngay sau khi Băng-tân đột nhiên mất hút, cô ta đã bị kích động mạnh. Cô ném bao tải chứa những đồ vật lạ lùng xuống ao. Mỗi sự kiện đều đáng được lưu ý, song ở đây có một sự kiện không giải thích được thực chất của công việc. Tôi cần tìm hiểu cái khởi*

đầu của chuỗi sự việc này nằm ở đâu? Bởi vì trước mắt tôi chỉ có một xích cuối cùng của nó...

- Anh Musgrave ! Tôi cần tài liệu mà Băng-tân nghiên cứu nó. - Tôi nói với Musgrave.

- Thật ra "tục lệ" này là một chuyện hoàn toàn nhằm nhĩ. Điều duy nhất có thể biện minh cho nó là ở chỗ "Tính cổ xưa" của nó. Tôi có mang theo để phòng trường hợp anh lưu tâm đến nó.

Anh ta chia cho tôi coi một mảnh giấy nhỏ. (Có thể nhìn trong tay tôi đây, Watson !). Cái tục lệ đó "tựa như một bài thi". Bây giờ tôi sẽ đọc cho anh nghe những câu hỏi và những câu trả lời theo trình tự được ghi lại ở đây :

- Cái này thuộc về ai ?

- Thuộc về người đã đi khỏi đây.

- Cái này sẽ thuộc về ai ?

- Thuộc về người sẽ đến đây.

- Điều này xảy ra trong tháng mấy ?

- Trong tháng sáu, bắt đầu từ ngày mùng một.

- Mặt trời đã ở đâu ?

- Trên cây sồi .

- Bóng râm đã ở đâu ?

- Dưới cây du.

- Cần đi bao nhiêu bước ?

- Đi về phía bắc 10 và 10, về phía đông 5 và 5, về phía nam 2 và 2, về phía tây 1 và 1 và phía dưới.

- Chúng ta hiển nhiên cho điều gì ?

- Cho tất cả những gì chúng ta có.

- Chúng ta hiển thân cho điều đó để làm gì ?

- Vì chức phận".

- "Trong nguyên bản không có ngày tháng" Musgrave lưu ý. "Song nếu phán đoán theo quy tắc chính tả thì chúng ở vào

giữa thế kỷ 17. Và chẳng, chúng sẽ giúp ta quá ít trong việc khám phá ra bí mật này”.

- “Tuy vậy, chúng đặt trước mặt chúng ta các điều bí ẩn thứ hai. Điều bí ẩn này rất thú vị”. Tôi trả lời. “Hy vọng anh sẽ không phật ý vì tôi, anh Musgrave, nếu tôi nói rằng Băng-tân có một trí tuệ và một linh cảm lớn hơn mười thế hệ những người chủ của anh ta”.

- “Thú thật là tôi chưa hiểu anh định nói gì”. Musgrave trả lời. “Tôi cảm thấy mẩu giấy này không hề mang một ý nghĩa thực tế nào cả”.

- Trái lại nó cực kỳ quan trọng. Chính Băng-tân cũng cho là như vậy. Có lẽ anh ta đã nhìn thấy nó trước cái đêm anh bắt gặp anh ta đang phạm lỗi.

- Rất có thể như vậy ! Chúng tôi chưa khi nào cất giấu nó.

- Hơn nữa vào lần đó, Băng-tân chỉ muốn nhớ lại nội dung của nó thôi. Bởi hắn đã cầm trong tay tấm bản đồ hoặc sơ đồ gì đó để đối chiếu với bản chép tay và nhanh chóng bỏ vào túi lúc nhìn thấy anh, phải không?

- Hoàn toàn đúng. Nhưng anh ta cần “cái tục lệ” làm gì?

- Chúng ta sẽ giải thích được.

Ngày hôm sau chúng tôi có mặt ở Hurlstone. Tòa lâu đài cổ kính này có hình dáng của chữ cái “L” với cái mái dài biểu lộ một cái gì hiện đại hơn. Còn mái ngắn thì cổ lỗ, nhưng tất cả những gì còn lại đều mọc lên từ đấy. Trên cánh cửa nặng nề, con số chỉ năm 1607 được chạm khắc biểu hiện tập trung tính cổ xưa của tòa nhà. Thế nhưng những người am hiểu lại quả quyết rằng các xà ngang bằng gỗ và những khối đá xây còn cổ xưa hơn nhiều. Bao quanh khu nhà là một công viên lớn với những hàng cây cổ thụ. Còn cái hồ mà Musgrave gọi là cái ao thì nằm cuối con đường có cây trồng cách tòa nhà không xa.

“Anh Watson, vào thời gian này, trong tôi hình thành một niềm tin chắc chắn rằng ở đó không hề có tới ba điều bí ẩn riêng rẽ mà chỉ có một và chỉ có một mà thôi : *nếu khám phá được ý nghĩa của tục lệ nhà Musgrave thì cũng sẽ tìm ra viên quản lý và cô hầu*. Tại sao Bằng-tân cố gắng thâm nhập vào thực chất của công thức cổ xưa này như thế? Rõ ràng anh ta nhận ra trong đó có một cái gì đẩy lốt ra ngoài sự chú ý của tất cả các thế hệ chủ nhân. Từ cái đó, anh ta hy vọng sẽ kiếm chác món lợi riêng. Nó là cái gì vậy?”

Khi đọc xong mảnh giấy, tôi được sáng tỏ hoàn toàn. Thì ra tất cả các con số đều liên quan tới một nơi cất giấu những thứ được nói đến trong phần đầu của tài liệu. Và giá như tôi tìm thấy nơi này, thì tôi sẽ có cơ sở phát hiện ra bí mật mà tổ tiên Musgrave đã che đậy dưới hình thức vô cùng độc đáo. Hai vật chuẩn, cây sồi và cây du, đã cho tôi đầu mối của sự truy tìm. Ngay trước ngôi nhà về phía trái con đường có một cây sồi tộc trưởng.

- Khi “tục lệ” của các anh được ghi lại, cây sồi đã có chưa? - Tôi hỏi.

- Chắc nó đã có ở đây vào thời của Guillaume le Conquérrant, chu vi của thân nó là 7m. Musgrave trả lời.

- Ở chỗ anh có cây du nào không? - Tôi hỏi tiếp.

- Có một cây du rất lâu đời, nhưng mười năm trước, nó bị sét đánh. Chúng tôi buộc phải dẫn tận gốc.

- Chắc anh biết chỗ nó đã mọc lên chứ?

- Tất nhiên.

- Có những cây du khác mọc cạnh nó không?

- Những cây du lâu năm thì không, còn những cây du mới lớn thì nhiều lắm.

Chúng tôi đi đến đó bằng xe hai bánh. Người khách hàng không rẽ vào nhà mà dẫn tôi theo bãi cỏ đến chỗ cây du đã bị đốn. Chỗ này nằm ở *trong khoảng* từ cây sồi đến tòa nhà. Vậy là bước đầu tôi đã thành công.

- Có lẽ giờ đây không còn cách nào để xác định chiều cao của cây du này? - Tôi hỏi.

- Nó cao 19 m.

- Sao anh biết? - Tôi kinh ngạc kêu lên.

- Khi ra những bài tập lượng giác, vị gia sư thường thiết lập trên sự đo lường các độ cao khác nhau. Cho nên lúc còn bé tôi đã đo chiều cao của từng cái cây, từng công trình xây dựng tại đây.

Một thành công bất ngờ ! Các dữ kiện cần thiết được thu lượm nhanh hơn so với dự tính của tôi.

- Có bao giờ viên quản lý hỏi anh về chuyện đó không?

- Tôi hỏi.

Musgrave nhìn tôi kinh ngạc :

- Cách đây vài tháng, Băng-tân quả có hỏi về chiều cao của cây du này. Hình như nhân đây nổ ra cuộc tranh luận giữa anh ta và một gia nhân.

Anh Watson, như thế có nghĩa là tôi đã đi đúng hướng. Tôi liếc nhìn mặt trời. Nó đã khuất. Và tôi ước tính một giờ trước đây. Mặt trời đã ở trên những nhánh cao của cây sồi già. Như vậy là một điều kiện được nhắc đến trong tài liệu đã được thực hiện.

Còn cái gì liên quan tới bóng râm từ cây du. Rõ ràng người ta ngụ ý nói về điểm xa nhất của nó. Thật ra bây giờ tôi chỉ cần trả lời câu hỏi này : *"Vào lúc mặt trời nằm trên cây sồi thì điểm cuối cùng của bóng cây du nằm ở đâu?"*. Tôi cùng với Musgrave đến phòng làm việc của anh ta. Tôi vót một cây gậy dài 2 mét có thắt nút, đánh dấu từng tấc một rồi cùng người khách hàng trở lại chỗ cây du. Đứng vào lúc mặt trời đang "nằm trên đỉnh" cây sồi, tôi cắm cây sào xuống đất : bóng của cây gậy dài 2,70 mét.

Nếu cây gậy có chiều cao là 2 mét có bóng dài 2,70 mét và cây du có chiều cao 19 mét thì bóng nó sẽ dài 25,65 mét.

Tôi đo khoảng cách này, nó đưa tôi đến chính ngay bức tường nhà. Tôi cắm cọc vào chỗ đó và nhận ra trên mặt đất có một hố sâu hình nón, cách chiếc cọc chừng 2 tấc ! Tôi hiểu rằng đây là chỗ Băng-tân đánh dấu trong lúc đo; tôi tiếp tục đi theo dấu vết của anh ta. Từ điểm này, tôi tính các bước chân : 10 bước rồi 10 bước nữa theo hướng bắc, tôi được dẫn đi song song với bức tường ngôi nhà. Đo xong, tôi lại đánh dấu bằng gậy của mình. Thế rồi tôi lại tỉ mỉ đo 5 rồi 5 bước nữa về phía đông, 2 và 2 bước nữa về phía nam. Chúng dẫn tôi đến ngay ngưỡng cửa ra vào trước đây. Chỉ còn tiến hành 1 rồi 1 bước nữa về phía tây. Thế nhưng lúc đó tôi buộc phải bỏ qua những bước này vì phải theo hành lang bằng đá phiến.

Tôi nhìn thấy những phiến đá xám cũ kỹ được dính chặt với nhau bằng xi-măng, và trong nhiều năm nay, nó không bị suy suyển. Vậy là Băng-tân không hề đụng vào chúng. Tôi gõ gõ một đôi chỗ trên nền hành lang. Song âm thanh nhận được chỗ nào cũng như chỗ nào. Không có dấu hiệu của sự rạn nứt hoặc kẽ hở, hoặc chỗ bọng nào cả.

May thay, Musgrave đã hiểu ý nghĩa những hành động của tôi. Bấy giờ anh xúc động không kém tôi. Anh rút tài liệu ra để kiểm tra bài toán của tôi.

- "Và phía dưới !" Anh ta kêu lên, "anh quên những từ này rồi : *Và phía dưới*".

Tôi ngỡ ba chữ đó có nghĩa là phải đào xuống đất. Nhưng bây giờ ngay tức khắc tôi biết mình đã lầm.

- Nghĩa là nhà anh có tầng hầm phải không? - Tôi kêu lên.

- Vâng. Nó ở ngay phía dưới cánh cửa kia kia !

Chúng tôi lần theo cầu thang đá xoáy tròn ốc đi xuống dưới. Nhà quý tộc bật diêm, thắp đèn rồi đặt trên thùng trong góc. Tầng hầm này dùng để chứa củi, nhưng các thanh củi trước đây vốn phủ kín nền, giờ được xê dịch hai bên tường,

chừa ra một lối đi ở giữa. Tại đây có một phiến đá rộng và nặng. Ngay chính giữa phiến đá có một vòng sắt gỉ : một chiếc khăn quàng của Băng-Tân ! Musgrave la lên. "Đã có nhiều lần tôi trông thấy chiếc khăn này ở cổ hắn. Tên vô lại này làm gì ở đây"?

Hai cảnh sát khu vực được mời tới. Trước sự chứng kiến của họ, tôi túm lấy chiếc khăn và toan ra sức lật phiến đá lên. Thế nhưng phiến đá quá nặng. Với sự giúp sức của một cảnh sát, chúng tôi cố gắng dịch nó về một phía. Một hố đen hiện ra. Tất cả mọi người đều nhìn vào đó. Musgrave quỳ xuống, đưa ngọn đèn soi xuống phía dưới.

Chúng tôi trông thấy căn phòng hẹp, hình vuông sâu dài hơn 2 mét và rộng chừng 1,2 mét. Cạnh tường có một chiếc hòm gỗ bọc đồng thấp lè tè. Nấp hòm mở. Chiếc chìa khoá cũ trồi ra ngoài lỗ khoá. Một lớp bụi dày phủ phía ngoài hòm? Độ ẩm làm mặt gỗ bị mốc meo cả. Một vài vành kim khí chúng tôi nhìn thấy ở đây (có lẽ là những đồng chính cổ xưa) nằm bẹp dưới đáy. Trong hòm không còn gì nữa.

Tuy nhiên, ngay từ phút đầu tiên chúng tôi không để ý tới chiếc hòm cũ kỹ mà cứ dán mắt vào vật nằm cạnh nó : một người đàn ông trong bộ áo quần màu đen, ngồi xổm, gục đầu vào rìa hòm, hai tay ôm chặt lấy nó ; khi chúng tôi khẽ nâng anh ta lên thì Musgrave nhận ra ngay viên quản lý Băng-tân chết vài ngày trước. Trên thi thể không thấy thương tích hoặc vết bầm tím nào, và lúc kéo xác chết ra khỏi tầng hầm thì một vấn đề nan giải khác lại đến với chúng tôi...

Quả là tôi đã tìm thấy Băng-tân, song bây giờ tôi sẽ phải giải thích tại sao anh ta lại làm như vậy, và người đàn bà bị mất tích giữ một vai trò như thế nào. Tôi ngồi xuống chiếc thùng nhỏ đặt ở góc nhà và bắt đầu soát xét lại trong trí óc tất cả những gì đã xảy ra...

Tôi đặt mình vào vị trí của nhân vật hành động, tôi tưởng tượng ra như chính mình nhập vào tình cảnh tương tự. Trong

trường hợp như vậy sự việc hoá ra đơn giản thế này : Băng-tân biết ở một nơi nào đó có cất giấu những vật quý giá. Anh ta xác định địa điểm này, biết tảng đá che cửa ra vào của tầng hầm quá nặng so với sức vóc của một người. Vậy anh ta đã làm gì? Không thể trông cậy vào sự giúp đỡ của người lạ được. Tiện lợi hơn cả là tìm người trợ giúp ở bên trong ngôi nhà. Băng-tân có thể nhờ cậy ai đây ! Có một thời gian cô gái kia trung thành với anh ta. Sau khi bị đuổi, anh ta bèn làm lành với cô gái và rủ rê cô thành kẻ tông phạm của mình. Họ cùng xuống tầng ngầm vào ban đêm. Hai người đã nhích được tảng đá che cửa ra.

Nhưng lẽ nào đấy lại là một công việc của hai bàn tay cô gái với hai bàn tay thanh niên. Thậm chí chúng tôi - tôi và viên cảnh sát khỏe mạnh - phải khá chật vật mới lay nổi phiến đá này.

Tôi đứng lên, chăm chú quan sát đồng củi xếp trên nèn. Một thanh củi dài chừng 1 mét đã bị gãy sơ ở phía cuối và một vài thanh củi khác thì bị bẹp dí : Rõ ràng chúng đã chịu một sức mạnh thật đáng kể. Có lẽ lúc nâng phiến đá lên, Băng-tân và cô gái đã nhét những thanh củi này vào kẽ hở khi nó không đủ rộng để cho anh ta chui vào. Khi chống phiến đá bằng thanh củi dựng đứng, thanh củi sẽ bị phiến đá ép vào với một lực rất mạnh. Thế là thanh củi này có thể bị gãy.

Tôi cần tiếp tục hình dung một cách đầy đủ cảnh diễn ra ban đêm sau đó như thế nào? Chắc chắn chỉ có một mình Băng-tân chui xuống. Cô gái chờ phía trên, Băng-tân cạy hòm ra, chuyển lên cho cô những thứ chứa trong đó. Điều này quá rõ rệt vì chiếc hòm đã trống không. Và sau đấy ... Cái gì đã xảy ra?

Có thể nổi khát vọng trả thù vốn âm ỉ trong tâm hồn cô gái đã bùng cháy dữ dội khi cô ta nhìn thấy kẻ đã xúc phạm tới cô đang nằm trong tay mình, nên đã đẩy cột chống ra, làm

cho phiến đá úp xuống, ma cũng có thể thanh củi bị gãy và phiến đá đã xây bít Bàng-tàn trong chiếc quan tài bằng đá này. Nếu đúng như vậy, thì Ra-sen có lỗi do cô không nói về sự cố đã xảy ra. Hoặc như thế này, hoặc như thế kia, và tôi cứ như là trông thấy người đàn bà nọ ở trước mặt mình : ôm chặt vật báu vào ngực, bay lên phía trên theo cầu thang hình xoáy tròn ốc, thoát chạy khỏi những tiếng rên rỉ và tiếng đập tuyệt vọng vào phiến đá của người tình không chung thủy đang lịm dần đi.

Có thể giải thích về mặt tái nhợt của cô ta cũng như sự kích động và những trận cười của cô ta vào sáng hôm sau là như thế. Tuy nhiên, vật gì ở trong hòm? Đó chính là các mẫu sắt cũ và những mảnh vụn mà cô ta đã ném xuống ao để che dấu dấu tích tội lỗi của mình.

Tôi ngồi bất động tới 20 phút trong những suy tưởng sâu sắc. Musgrave với vẻ nhợt nhạt vẫn còn đứng lắc lư cây đèn nhìn xuống phía dưới hố sâu. - "Đây là những đồng xu của Charles I ⁽¹⁾" anh nói và chia cho tôi coi một vài mẫu nhét từ chiếc hòm. "Anh hãy nhìn, chúng ta sẽ xác định thời gian xuất hiện tục lệ của gia đình chúng tôi".

- "Phải rồi ! Chúng ta sẽ xác định được một cái gì đó còn lại từ thời Charles I". Tôi kêu lên khi đột nhiên nhớ lại hai câu hỏi đầu tiên của tài liệu. "Hãy cho tôi xem những thứ trong bao mà chúng ta đã lấy được từ dưới ao đi" !

Chúng tôi lên phòng làm việc của Musgrave, anh rải những mảnh vụn ra trước mặt tôi. Những mẫu sắt thì hầu như đen sì, còn những mảnh đá thì mất màu và đục. Nhưng tôi chà một mẫu vào tay áo. Đột nhiên nó lóe lên như những tia lửa trong lòng bàn tay tôi. Các màu sắc có hình dạng của đai thùng gấp đôi, song chúng cong và xoắn lại. Tôi nói với Musgrave :

1. Charles đệ nhất, vua Anh bị truất ngôi và bị hành quyết vào năm 1619.

- Chắc anh còn nhớ vị vua kế tiếp Charles I chứ ! Rất có thể trước khi tháo chạy, các cận thần của nhà vua đã cất giấu những vật dụng có giá trị nhất vào chỗ này đây, định bụng sẽ trở lại lấy chúng, vào lúc yên ổn hơn

- Ông Ralph Musgrave, tổ của tôi, từng giữ vai trò quan trọng trong triều và là cánh tay phải của vua Charles II trong thời gian ông bị truy lùng.

-Ồ ! Thật là tuyệt ! Xin chúc mừng anh, Musgrave ạ ! Anh đã trở thành chủ nhân của một di vật có giá trị to lớn và có ý nghĩa quan trọng hơn, tựa như một vật hiếm hoi, có tính lịch sử.

- Vậy nghĩa là thế nào? - Anh xúc động hỏi.

- Đó như là cái vương miện cổ xưa của các nhà vua.

- Vương miện?

- Đúng, vương miện. Hãy nhớ lại điều được nói trong tài liệu : "*Cái này thuộc về ai?*". "*Thuộc về người đã đi khỏi đây*" : điều này được biết sau khi Charles I bị hành quyết. "*Cái này sẽ thuộc về ai?*". "*Thuộc về người sẽ đến đây*" : lời này ngụ ý nói về Charles II mà sự kế vị của ông ấy đã được nhìn thấy trước. Đó, chiếc vương miện nhàu nát này dự định dùng để đăng quang cho một trong số những nhà vua thuộc triều đại Stuart.

- Nhưng nó rơi xuống ao bằng cách nào? - Tôi không trả lời ngay bây giờ được.

Và tôi đã trình bày cho Musgrave nghe toàn bộ quá trình phán đoán và xác minh của tôi. Trời sập tối. Tôi kết thúc câu chuyện vào lúc mặt trăng tỏa sáng trên bầu trời.

- Nhưng lạ thay ! Vì lẽ gì Charles đệ nhị không nhận lại vương miện của mình khi trở về? - Musgrave hỏi, trong lúc nhét di vật của mình vào bao tải.

- Rất có thể trước lúc chết, một Musgrave nào đó đã thổ lộ điều bí mật cho người kế vị bằng tư liệu dưới dạng chép tay

này và bởi một lý do nào đấy, vì đó đã không giải thích cho người kể vì hiểu được ý nghĩa của bản văn. Từ ngày ấy cho đến nay tài liệu được lưu chuyển từ đời cha sang đời con để cuối cùng nó nằm đây.

Anh Watson,

Câu chuyện "tục lệ ở gia đình Musgrave" là như thế ! Hiện giờ vương miện đang nằm ở Hurlstone. Nếu anh muốn nhìn thấy nó, thì họ sẽ vui lòng chỉ cho anh biết, chỉ cần anh nhắc đến tên tôi.

Còn điều gì liên quan tới người phụ nữ đã không cánh mà bay? Chắc có lẽ là cô ta đã từ biệt nước Anh, cố quên đi ký ức về tội lỗi của mình nơi hải ngoại.

MỤC LỤC

| | |
|---|-----|
| Lời giới thiệu | 5 |
| Chiếc nhẫn tình cờ | 7 |
| Truy tìm dấu bộ tứ | 103 |
| Vụ xi-cân-dan tại xứ Bohême | 198 |
| Hội tóc đỏ | 220 |
| Một vụ mất tích kỳ lạ | 241 |
| Vụ án tại thung lũng Boscombe | 257 |
| Năm hạt cam khô | 280 |
| Người đàn ông môi trẻ | 297 |
| Cuộc phiêu lưu của viên kim cương | 318 |
| Cái băng lốm đốm | 338 |
| Ngón tay cái của người kỹ sư | 363 |
| Chàng quý tộc độc thân | 385 |
| Chiếc vương miện bằng ngọc berin | 407 |
| Những cây dê đô | 433 |
| Thung lũng khủng khiếp | 455 |
| Ngọn lửa bạc | 600 |
| Bộ mặt vàng lợt | 626 |
| Người làm thuê cho nhà môi giới chứng khoán | 642 |
| Con tàu "Gloria scott" | 659 |
| Tục lệ ở gia đình Musgrave | 679 |

Thám tử SHERLOCK HOLMES

của **CONAN DOYLE**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ TP HỒ CHÍ MINH

Chịu trách nhiệm xuất bản

ĐINH QUANG NHÃ

**Biên tập : NGUYỄN HÒA BẮC, BÍCH TIÊN,
MẠC NGUYỄN, LÊ DUYÊN,
CHẾ BỔNG SƠN, ÁI LINH**

Trình bày bìa: TRẦN ĐẠI THẮNG

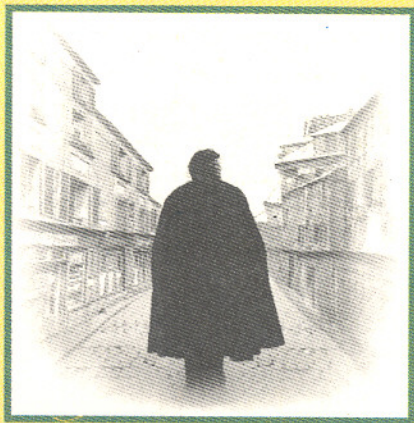
Sửa bản in : PHẠM VĂN BẢNG

In 1.000 cuốn khổ 13x19 cm tại Xưởng in NXBNN. Giấy phép xuất bản số 142/1496/ CXB. Trích ngang KHXB 163/QĐ/2000. In xong và nộp lưu chiểu Quý 3 năm 2000.

CONAN DOYLE

T H Á M T Ủ

Sherlock Holmes



Giá: 98.000 đồng / bộ 2 cuốn